việt văn mới

. văn học . nghệ thuật .

VIỆT VĂN MỚI

SỐ 14

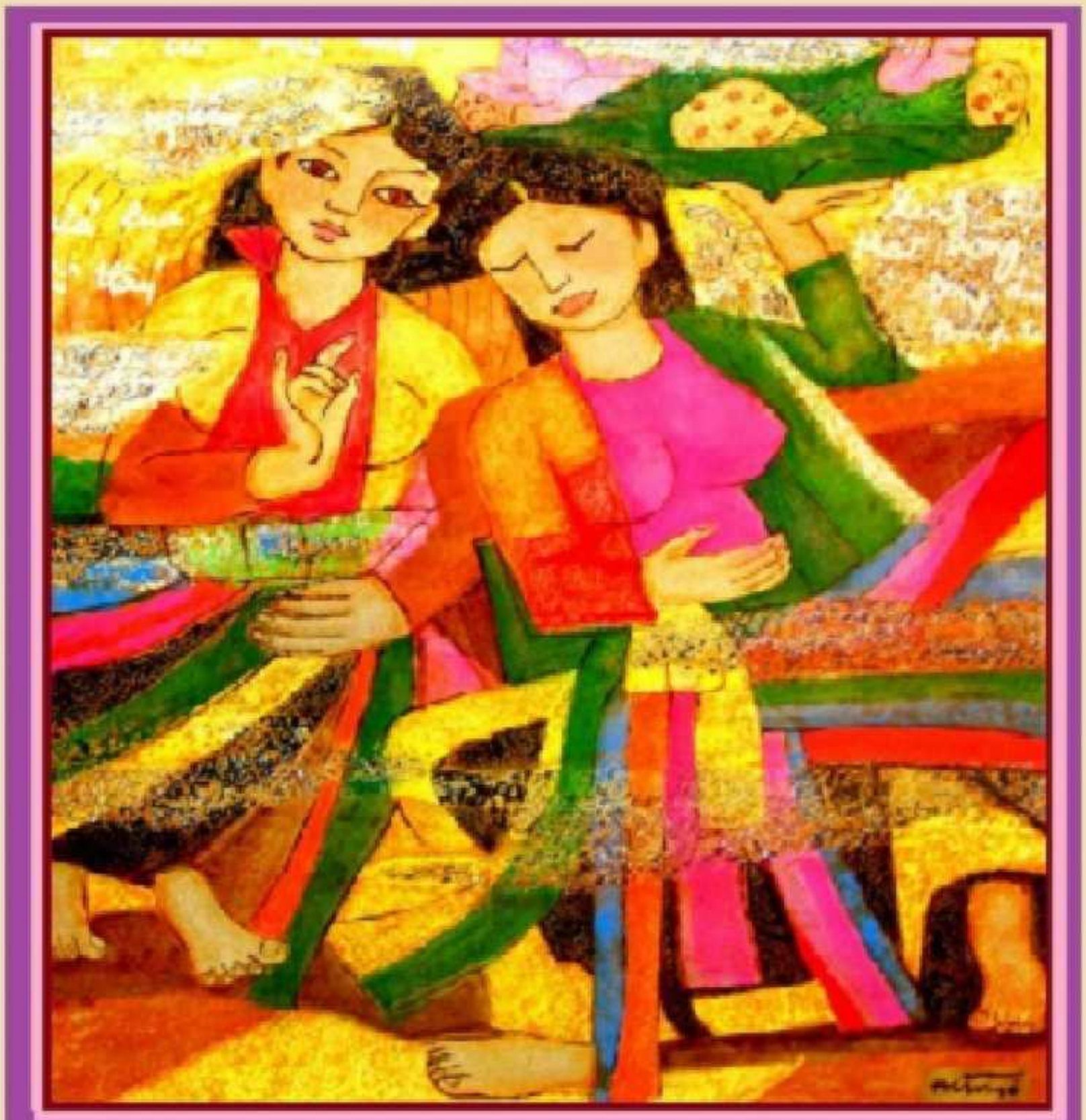

15 tháng 8 năm 2014

tủ sách việt văn mới

2014

VIÊT VĂN MỚI

nguyệt san văn học nghệ thuật

số 14

15 tháng 8 năm 2014

hộp thư toà soạn

newvietart@gmail.com

---

tổng thư ký : cố văn sĩ Nguyễn Mai

chủ nhiệm : Từ Vũ

tủ sách việt văn mới 2014

nguyệt san việt văn mới

số 14

15 tháng 8 năm 2014

với sự góp mặt của các tác giả :

. mang viên long . hồ thủy . nguyễn thị mây . qúy thể . vũ kiêm ninh . dương phương toại . bùi đức long . nguyễn ngọc anh . hồ chí bửu . phan . hoàng gia cương . trần hữu hội . vương hoài uyên . trương thị kim chi . dung thị vân . phan vịnh . dương leh . ngô xuân tiếu . giang trung học . lâm trọng . nguyễn văn sâm . lâm bích thủy . phan thành minh . trần minh nguyệt . trịnh tuyên . vương liêm . vũ thế long . phan văn thạnh . hoàng bích nga . nam ninh . nguyễn tam phù sa . nguyễn thăng . phùng thành chủng . từ kế tường . trần vấn lệ . vũ anh tuấn . như hoài . mai thục . tiến thảo . võ công liêm . lê hoài nguyên . phạm vũ . bùi đẹp . huyền viêm . kiều văn . kiêm thêm . lương văn hồng . nguyễn khôi . thái kế toại . từ vũ .

tủ sách việt văn mới 2014

MỐI TÌNH MẦU HOA ĐÀO

MANG VIÊN LONG

Tặng bạn - nhỏ - năm – xưa

Qua dịch vụ *Cali Tourist*, cha con tôi được trở về thăm quê nhà sớm hơn dự kiến một tuần. Tôi nao nức được trở về, vì sau gần hai mươi năm tôi mới có dịp đặt chân lên mảnh đất quê hương mà chúng tôi đã phải rời xa. Sự chia cắt giống như một cơn bão, cuốn phăng chúng tôi cùng nhiều người bay đi như những chiếc lá... Cơn bão làm tản mát, phân tán nhiều gia đình; nhận chìm, chôn lấp nhiều người chỉ sau hai mươi bốn giờ hỗn loạn đao binh...

Khi mẹ tôi nói muốn tôi cùng cha về nghỉ hè hai tháng ở Việt Nam khi đã kết thúc năm cuối ở đại học - tôi reo lên: "*Oh! Excellent!*" Và từ đó, tôi luôn mơ nghĩ về quê cha rợp bóng dừa xanh, quê mẹ chập chùng đồi núi, có dòng sông Côn xanh mát mỗi chiều cùng lũ bạn rủ nhau ra bãi cát thả diều, đi dọc bờ đập câu cá bóng cá luối, rồi nhảy ùm xuống dòng sông êm ả... Tôi đã từng được đi thăm viếng nhiều nước, chiêm ngưỡng nhiều thắng tích vĩ đại, huy hoàng của châu Âu; nhưng trong tôi, hình bóng quê nhà vẫn là một cái gì vô cùng mời gọi qua lời nhắc kể của cha mẹ tôi, qua những kỷ niệm thời nhỏ dại còn ở đâu đó sâu thẳm trong tôi.

Rồi điều gì đến cũng sẽ đến: Cha con tôi đã rời bang California vào một sớm tinh sương. Tôi hân hoan vô hạn khi nghĩ rằng, chỉ một khỏang thời gian ngắn nữa thôi - là tôi sẽ được nhìn thấy quê hương, nơi đã chôn nhau cắt rốn, đã ôm ấp, lưu giữ rất nhiều kỷ niệm khó quên của tuổi thơ tôi, của gia đình, của những người thân yêu... Tôi muốn "nhìn mặt" lại quê nhà, muốn lang thang trên con đường đất dẫn vào xóm nhỏ, muốn nâng niu những cánh hoa dại dọc ven sông Côn - tôi muốn "hít thở" cái không khí mà tôi đã hít thở lúc được sinh ra và lớn lên, cho đến năm lên tám tuổi...

Về đến khách sạn X, cha tôi nói: "*Ngày mai, cha con mình sẽ về Phú Yên thăm quê nội vài hôm trên chuyến tàu lửa tốc hành SE1. Sau đó, có lẽ sẽ lên Đà Lạt nghỉ vài hôm - rồi mới về quê ngoại*"

7 - nguyệt san việt văn mới số 14 – ngày 15 tháng 8 năm 2014 .

Tôi hoàn toàn đồng ý, bởi vì về lại Việt Nam, cha tôi sẽ là "hướng dẫn viên" duy nhất. Tôi như một thân cây bị bứng lìa khỏi đất từ gần hai mươi năm; lửng lơ, xa lạ ngay trên quê hương của mình. Tôi trở về với tâm trạng của một kẻ lạc lõng, thèm được ấp ủ, tần mẩn thu nhặt tình thương quê kiếng, xóm giềng cho hành trang vào đời còn dài xa phía trước.

Về lại Sông Cầu đã hơn tuần lễ, mà cha tôi vẫn còn muốn ở lại thêm. Suốt ngày, ông hết tiếp khách, lại đi thăm bà con, bạn bè - tôi bắt đầu cảm thấy nóng ruột! Mấy ngày đầu, hết chú đến các cô chở tôi trên chiếc Future đi thăm nơi nầy chốn nọ. Vào Gành Đỏ ăn cháu hàu, đến đầm Ô Loan mua sò huyết, ghẹ tươi; ngắm biển Sông Cầu vắng, êm ả - gợi cho tôi nhớ một lần theo cha đi bủa lưới... Sau nầy, mỗi ngày, tôi đều tự mình đạp xe vòng qua vài dãy phố, ghé chỗ nầy uống ly nước dừa - thăm nơi khác gọi ly café đen, nhưng chỉ trong nửa giờ là tôi đã "quen mặt" hết phố chợ Sông Cầu... Tôi đã tìm đến thăm vài ngôi nhà cũ thuở xưa để tìm vài người bạn thời tóc để chỏm, nhưng - buồn thay, không gặp được đứa nào! Cuộc biển dâu chỉ chưa đầy hai mươi năm sao mà hung hãn, khắc nghiệt đến vậy?

Tôi mơ nghĩ đến phố hoa Đà lạt mùa hè tươi mát, yên lành, như có lần đã được nghe mẹ tôi kể thuở bà còn là nữ sinh trường nữ Bùi Thị Xuân dập dìu hoa bướm mỗi sáng chiều...

Một buổi sáng - tôi nói:

- Cha cho con đi Đà Lạt trước, đến nơi ở khách sạn nào, con sẽ gọi về cho cha.

- Con không được khỏe à? - Ông hỏi.

Tôi cười:

- Có lẽ - tôi gắng giữ vẻ uể oải. Con muốn có khí hậu mát hơn một chút ...

Trên chuyến xe du lịch 12 chỗ ngồi, tôi đến Đà Lạt vào một buổi trưa. Xe đưa tôi đến khách sạn Hoàng Lan, đầu đường Bùi Thị Xuân. Tôi chọn nơi này vì khách sạn nhỏ thôi, nhưng có một không khí đầm ấm, yên tĩnh.

Sau khi tắm vội rồi ngủ một giấc dài, khoảng 4 giờ chiều, tôi gọi taxi đến đồi Cù, sau khi bảo tài xế chạy một vòng quanh phố chợ. Thành phố được mệnh danh là "*Thành phố ngàn hoa*" tươi mát vào buổi hoàng hôn đã đem lại cho tôi cảm giác dễ chịu, thoải mái.

Đồi Cù chiều hôm ấy vắng khách, nhưng kìa - trên triền đồi, có bóng một thiếu nữ đang đi thơ thẩn như tìm kiếm điều gì! Tôi nhìn theo bóng nàng, dõi theo từng bước đi chậm, nhẹ tênh, nhưng dường như nàng chỉ bước đi, mà không định hướng.

Không suy nghĩ nhiều, tôi thả bước tiến về phía cô gái. Đến gần, tôi thấy nàng đang cầm trên tay một cành hoa đào tươi thắm. Màu hoa Đào và màu đôi má nàng đều ửng hồng như có sự phản chiếu mầu nhiệm dưới nắng chiều. Cảm nhận này, đã khiến tôi nhớ lại mối tình trong giây phút của chàng thư sinh nghèo Thôi Hộ bên đất Trung Hoa, nhưng ngàn năm sau vẫn còn được nhắc nhở, thương tiếc. Thôi Hộ đã lưu lại bài thơ tuyệt tác mà tôi đã có lần tình cờ đọc trên một tờ tạp chí văn học tiếng Việt trong phòng đọc sách gia đình. Lúc ấy mười bảy tuổi tôi không hiểu gì nhiều, chỉ để ý đến mối tình rất thơ mộng nhưng cũng rất khác với cuộc sống chúng tôi ở Mỹ. Và cha tôi - một người rất sành văn chương - đã giải thích cho tôi nghe bài thơ ấy.

"Khứ niên kim nhật thử môn trung,
Nhân diện đào hoa tương ánh hồng ...
Nhân diện bất tri hà xứ khứ,
Đào hoa y cựu tiếu đông phong !"

(Cửa này, năm ngoái - hôm nay / Hoa đào phản chiếu mặt người thắm tươi/ mà người giờ ở nơi nao / Hoa đào còn đó cười chào gió đông...)

Tôi đến bên nàng - giọng chân thành:

- Cô đi dạo một mình sao?

Nàng cười - hiền, rạng rỡ như những cánh hoa đào trên tay: "Chứ anh nghĩ là phải bao nhiêu mình nữa!?"

- Tôi cũng vừa đến đây một mình - tôi cười. Hay cô cho phép tôi cùng đi dạo cho vui được không?

Nàng im lặng.

Nhìn vẻ yên lặng dịu dàng của nàng, tôi đoán biết là nàng đã không nỡ từ chối. Ánh mắt long lanh chảy dài xuống tận chiếc miệng thon thon đang nở nụ cười như đóa hoa Đào trên tay, cho tôi

yên tâm bước từng bước bên nàng...

Chúng tôi cùng đi lên triền đồi, đón những ngọn gió mát rượi đang bắt đầu rì rào gọi, nhìn ngắm trời mây xanh cao lồng lộng phía trên; lòng cảm thấy có một niềm vui thật lạ, thật tinh khôi, đang dâng lên trong hồn mình. Đã bao năm qua, sống giữa phố người hoa lệ, nhìn bao bóng dáng diễm kiều, nhận bao nụ cười điệu đàng; nhưng, cho mãi tới hôm nay - tôi mới thật sự thấy được ý nghĩa dịu kỳ trong sự im lặng của ánh mắt và nụ cười của một người con gái...

Tôi quay lại, bất chợt cầm lấy tay nàng: "*Chúng ta đến ngồi bên gốc thông kia nghỉ một lát* nhé!"

Nàng yên lặng đi theo tôi. Ngoan hiền như một đứa em gái. Sự im lặng, điềm nhiên nơi nàng có lúc làm tôi bối rối. Tôi thường bất chợt nhìn lên khuôn mặt không phấn son dịu mềm nhân hậu của nàng, với rung cảm đằm thắm, trân quý. Chúng tôi ngồi tựa lưng vào một gốc thông già, nghe tiếng gió vi vu reo trên ngọn cao, nhìn lơ đãng buổi chiều Đà lạt êm đềm đang rơi dần - tôi thầm cảm ơn buổi chiều Đà Lạt, cảm ơn duyên lành tình cờ được sống phút giây êm đẹp đầu đời bên nàng...

- Em cho anh xin một cánh hoa đào, được không? Tôi nhìn cành Đào trên tay nàng, mở lời.

Nàng ngắt một bông hoa tươi nhất, lớn nhất, đặt vào lòng bàn tay tôi. Khẽ khàng. Trân trọng. Tôi kịp giữ bàn tay nàng lại. Hai bàn tay đang ép một cánh hoa...

Nàng hỏi: "*Anh xin để làm gì?*" - và rút bàn tay lại đặt lên chân mình.

- Anh sẽ ép nó vào quyển sách tiếng Việt của anh cùng với hình ảnh, nụ cười, hơi ấm của bàn tay em...

- Anh nói giống nhà thơ quá - nàng đưa tay che miệng, cười hồn nhiên.

- Đúng vậy, sinh ra, hình như mỗi người đều là một nhà thơ kia mà! Tôi nhìn nàng - cười. Có điều, chỉ có ít người còn lại với thơ lâu dài...

Tôi bất chợt cầm lấy bàn tay nàng - đưa lên môi hôn, trong khi nàng vừa mới nói dứt câu "Đã đến giờ rồi, em về..."

Chúng tôi chia tay khi bóng chiều đã dần khuất sau dãy núi thẳm đen phía xa. Cảnh rừng đồi chìm dần vào bóng đêm mờ nhạt. Từng chùm ánh đèn phía dưới chân đồi đã lấp lánh. Tôi bước theo nàng từng bước chậm, xuống đến con đường nhỏ, rẽ vào một ngã phố; lòng dâng tràn bao nỗi xuyến xao tiếc nuối!

Nàng đưa tay chào từ giã tôi, im lặng chìm khuất trong con đường bồng bềnh bóng người...

*

Mấy hôm sau, ngay cả lúc cha tôi đã lên sống với tôi ở khách sạn Hoàng Lan, tôi vẫn luôn đến thăm Đồi Cù; nhưng tuyệt nhiên không thấy bóng nàng! Có hôm, tôi đã thử lần đi theo con đường rẽ vào phố với hy vọng sẽ bắt gặp dáng nàng thấp thoáng đâu đó trong khu vườn hoa của dãy biệt thự kín cổng rợp bóng cây và hoa, nhưng chẳng tìm thấy gì!

Nhiều hôm, tôi đi thơ thẩn quanh đồi, rồi đến ngồi bên gốc cây thông già hôm trước, mà lòng cứ xốn xang buồn. Cha tôi ngạc nhiên: "Con làm sao vậy?", nhưng tôi chỉ mỉm cười, để ông yên tâm: "*Nothing - thanks*!".

Một buổi sáng sớm, trước ngày cha con tôi quyết định rời Đà lạt - tôi đã tìm đến đồi Cù lần cuối - như để vĩnh biệt nàng. Từ xa, tôi đã nhìn thấy cành hoa Đào còn tươi mới nằm ngay dưới gốc thông già mà chúng tôi đã ngồi. Tôi vội vàng chạy đến: Cành hoa Đào được đặt trên một phong thư - có bài thơ viết tay trên trang vở học trò, nét chữ tròn đầy – cẩn trọng:

"KHÚC HÁT TINH KHÔI (1)

tình yêu nở bung như cánh đào buổi sáng
không cần sương đêm nuôi dưỡng
không sợ mây chiều dòm ngó
ta yêu nhau, một điều rất đỗi bình thường
cỏ cây mở lời chúc tụng
sỏi đá biết thầm thì
xòe tay anh ra để thấy hình em
xòe tay em ra để thấy bóng anh
xin nhau một chút ngọt ngào
nụ hôn đầu trên bàn tay nhau
tình yêu anh và tình yêu em

9 - nguyệt san việt văn mới số 14 – ngày 15 tháng 8 năm 2014 .

hát say sưa khúc hát cũ càng
mà ngàn sau vẫn mới tinh khôi
ngàn sau, ngàn sau tim đập một nhịp thôi
hãy xin em bé nhỏ
hãy xin em hiền lành
hãy xin đời mộc mạc
uống trọn hạnh phúc trong

*

này người yêu dấu bên kia một nương đồi gió bão
bên kia một trùng dương thăm thẳm
vì sao bóng mắt ngó nhau cười
khi đã đầy lệ ứa
những ngọn roi đời tàn bạo quất đôi chân
khóc giùm nhau nỗi sầu chín rũ
tan vào nhau trăm đau đớn phân ly

*

ném tung hết gương đời hệ lụy
xin soi chung một mặt trời"

Bạn nhỏ vừa quen

Chúng tôi quay về Nha Trang sớm hơn hai ngày để ba tôi có thời gian ghé thăm vài người bạn thân cũ mà trước 1975 đã cùng làm việc chung với ông.

Ngôi nhà đầu tiên chúng tôi đến thăm nằm ở gần cuối đường Sinh Trung. Đó là một ngôi nhà cấp bốn, mái ngói đã bám đầy rêu xanh, ẩn mình trong cây lá yên vắng. Nhìn ngôi nhà, tôi đã cảm thấy rất yêu mến, vì vẻ giản dị, hiền hòa, được phủ mát bóng cây. Điều làm tôi vô cùng ngạc nhiên là trước hiên nhà lại có một gốc hoa Đào đang độ cuối mùa.

Tại gian phòng khách ấm cúng với vài bức thư pháp, vài bức tranh lụa thủy mặc đã cũ, tôi thật sự bàng hoàng đến ngây ngất, khi người bạn của cha tôi giới thiệu cô con gái út của ông: Bảo Trang - nàng chính là cô gái đã cho tôi cánh hoa Đào ở đồi Cù hôm nào và bài thơ từ biệt dào dạt xúc cảm yêu thương, nhưng cũng quá đỗi ngậm ngùi …

Hình như cha tôi (và cả người bạn) đã nhận ra sự xúc động khác lạ của tôi, nhận ra là chúng tôi đã quen nhau.

Người bạn hỏi: "Cháu đã quen em Bảo Trang trước rồi sao?"

Cha tôi đã giúp tôi - ông trả lời:

- Có lẽ chưa! Ông cười, chúng tôi vừa về nước chưa được hai tuần. Cháu là lần đầu tiên mới trở về …

Sau mấy ngày liền suy nghĩ, về đến Quy Nhơn rồi, tôi mới thú thật với ba tôi về Bảo Trang. Về buổi chiều đầu tiên tuyệt đẹp ở Đồi Cù, về bài thơ và cánh hoa Đào từ biệt, và nhất là tình cảm đặc biệt của tôi đã dành cho nàng.

Theo kinh nghiệm, ông đã biết tôi yêu Bảo Trang không thể xa. Ông cười, hỏi: "*Vậy ý con muốn thế nào*?"

- Con muốn cô ấy sống mãi mãi bên con!

Vậy là chiều hôm ấy ông điện thoại ngay cho mẹ tôi ở Cali, các anh chị tôi - tất cả đều vui mừng khi biết tôi đã chọn được một người bạn đời ở Việt Nam, là chỗ thâm giao của gia đình từ thuở xưa…

Sau đó, ông điện thoại thăm người bạn - cha của Bảo Trang, ngỏ ý kết nghĩa "sui gia" với người bạn - cho tình cảm bạn bè càng thêm gắn bó, gần gũi.

Chỉ một ngày sau, người bạn gọi cho cha tôi cho biết Bảo Trang tỏ ý không bằng lòng. Nàng chỉ khóc mà không nói được gì thêm…

Saigon, Tháng 5 năm 2000

(1) Thơ NB

MANG VIÊN LONG

KHI HẠNH PHÚC MĨM CƯỜI

HỒ THỦY

Thu ngồi đây lâu lắm rồi, từ sau khi cô dọn rửa xong chén dĩa của bữa ăn trưa, thằng Long với cu Lân ngủ trên bộ ván ngựa ở phòng khách, còn chồng cô- anh Tư Sang- theo thói quen, nằm đong đưa trong chiếc võng treo ở ngoài hiên trước nhà, anh thích nghe tuồng vọng cổ phát ra từ một cái máy nhỏ qua usb, má chồng của cô ít ngủ trưa, bà ưa lần chuỗi đọc kinh trong phòng riêng của mình, bà cho rằng đó là nơi yên tỉnh nhất để bà cầu nguyện và tâm tình với Chúa.

Tuồng cải lương chồng cô đang nghe là một tuồng mới, câu chuyện tình trong tuồng sao mà nó nảo nề ai oán bi thương quá, có đôi điều giống cuộc đời và cuộc tình của cô, nó gợi cho cô nhớ đến chuyện ngày xưa mà cô đã cố quên, khi nghe tuồng cải lương này, khúc phim dĩ vãng quay lại trong đầu cô rõ nét như chuyện mới xảy ra hôm qua; hôm kia mà thôi. Trưa nay, nằm trên chiếc võng máng giữa hai thân cây khế già trổ đầy hoa màu tím nhạt chen lẫn với màu trắng và những chùm trái còn xanh non, bỗng dưng cô nhớ lại ngày đó, như không sót một chút gì...

***

... Cô có cái tên buồn nhưng thật dễ thương: Nguyễn Hoàng Thu, có nghĩa là thu vàng. Thu không biết cha mẹ mình là ai? chỉ biết là từ lúc còn bé tí xíu cô đã sống trong viện mồ côi của các soeurs Phao lồ, tên của Thu là do các soeur đặt vì Thu có đôi mắt tròn xoe đen láy, đẹp và mơ buồn. Tuổi thơ không có gì đáng kể, Thu sống lặng lẽ, ngoan hiền, siêng năng. Năm 18 tuổi nhờ khéo tay nên Thu được soeur giám đốc cho đi học may ở một tiệm may lớn trong thành phố quen thân với gia đình của soeur giám đốc. Chuyện sóng gió của cuộc đời Thu cũng bắt đầu từ đó.

Những ngày tháng đi học may, Thu như con chim non được sổ lồng, rồi thì con chim non ấy lọt vào tầm ngắm của một anh "thợ săn" con nhà giàu có. Với đôi mắt tròn xoe, hàng lông mi dài cong vút, ngây thơ như mắt bồ câu, đôi môi hồng như thoa son, khuôn mặt trái soan và lô mũi dọc dừa thanh tú, Thu đẹp lắm, đẹp làm say đắm lòng người. Và rồi đến một ngày kia Thu bị gục ngã vì những lời ngọt ngào như đường phèn của anh chàng thợ săn khá đẹp trai có cái tên rất ấn tượng: Trần gia Vương, nhưng cô không bao giờ ngờ đến một điều là Vương có một người mẹ rất kiêu kỳ, khó tính và khinh người , nhất là những người thuộc thành phần nghèo nàn. Người ta không gọi tên riêng của bà - là Ngọ - mà gọi theo tên chồng: bà Chiến. Ông bà có ba người con: hai gái một trai, Vương là con trai út, cha anh là một người đàn ông hiền lành đến độ nhu nhược nên mẹ anh nắm hết mọi quyền hành trong gia đình như "*một tên độc tài*". Hai chị của Vương lấy chồng Việt kiều và đang định cư ở nước ngoài, "số phận" của Vương cũng đã được bà sắp đặt sẵn theo

hướng của hai người chị, nghĩa là Vương phải cưới một cô Việt Kiều giàu có, phải sống ở nước ngoài... Những chuyện yêu đương của Vương; bà Chiến nghĩ con trai mình cũng như bao lần khác mà bà đã từng tuyên bố với ông:

- Nó chỉ chơi qua đường, con nhà giàu lại đẹp trai như nó thì có đứa con gái nào mà không mê? không lăn xã vào?

Nhưng lần này thì khác, không phải chỉ có Thu lăn xã vào Vương, mà cô như thỏi nam châm cực mạnh hút lấy anh. Khi anh thông báo với cha mẹ là Thu đã mang giọt máu của anh trong bụng và anh nhất định đòi cưới Thu làm vợ thì mẹ anh lồng lộn lên, phản đối kịch liệt, bà chận đường cô, mắng nhiết cô hết sức thậm tệ, bà dùng những lời lẽ xấu xa để miệt thị Thu, bà còn cho rằng đứa con trong bụng của Thu không phải là của Vương, tàn nhẫn hơn nữa là bà biểu cô đi phá thai, rồi phải dứt khoát rời xa Vương, bà sẽ cho cô một số tiền... Thu khóc hết nước mắt vì nhục nhã, lòng cô đau khổ, bẽ bàng, lẫn ê chề cay đắng.

***

Suốt một tuần bà Chiến thấy Vương nằm nhà, không đưa đón Thu nên bà vui mừng vì cho rằng mình đã ngăn cản được cuộc tình của hai đứa, bà nhanh chóng xúc tiến việc kết hôn của Vương với một cô việt kiều mà con gái bà giới thiệu, đầy đủ các tiêu chuẩn mà bà muốn: trẻ, đẹp và giàu có.

Chỉ còn hai ngày nữa là con gái bà và cô bạn việt kiều về nước, sau đó sẽ là đám cưới của Vương với cô ta. Bà Chiến mướn người dọn dẹp, trang hoàng nhà cửa lộng lẫy còn hơn cả ngày Tết, bà lăng xăng miệng hô tay chỉ ra lệnh cho người nhà phải làm thế này thế kia, riêng ông Chiến thì rất hững hờ với những gì vợ ông đang làm, trong thâm tâm ông cảm thấy thật là mệt mỏi, chán chường, đã từ lâu lắm rồi, không biết bao nhiêu năm rồi lòng ông không còn những cảm xúc rung động đối với bà như ngày xưa, ông sống một cách thờ ơ hờ hững bên cạnh người vợ không còn chút tính cách gì của một người phụ nữ.

Hôm nay là ngày rất quan trọng đối với bà Chiến, ấy là vì sáng nay con gái và "con dâu" tương lai của bà sẽ về đến phi trường Tân sơn Nhất lúc 9 giờ sáng, bà hối thúc Vương ra sân bay đón chị và cô ấy... Vương nhìn cha, anh nói với cha:

- Chào cha con đi... cha nhớ giữ gìn sức khỏe.

Cha anh thoáng chút ngạc nhiên nhưng rồi ông cười nhẹ, hình như ông hiểu chút ít ý định của con, ông gật đầu trả lời:

- Con cũng vậy.

Anh leo lên xe Honda, phóng nhanh ra cổng.

Bà Chiến đứng chết lặng, đôi chân run rẩy như muốn quị xuống, bà hỏi đi hỏi lại con gái đến mấy lần:

- Có thật là con không thấy nó?

Con gái bà nhăn mặt:

- Con đã tìm nó khắp phi trường mà có thấy bóng dáng nó đâu, gọi điện thoại cho nó thì chỉ nghe trả lời "ò... í... e...".

Đám cưới giữa Vương và cô việt kiều coi như không thành. Bà Chiến đau khổ vì thằng con trai bỏ nhà đi thì ít, mà bà tức tối giận dữ thì nhiều, bởi cái "tôi" của bà lớn lắm, suốt ngày bà đi vô đi ra chưởi rủa Thu; kết tội cô chính là nguyên nhân làm cho mọi kế hoạch của bà bị thất bại, làm cho con trai bà mê muội "ôm gói" đi theo. Ông Chiến bực bội vì cái thói nói nhiều, ồn ào của bà, ông lên tiếng:

- Bà nói ít thôi, thằng Vương nó lớn rồi, bà nên để cho nó được sống theo ý nó, chớ bà cứ coi nó như cục bột, uốn nắn nó theo ý muốn của bà hoài sao? Tôi đây...

Ông chưa nói dứt câu thì bà nhảy chồm chồm lên:

- À ha... ông nói "tôi đây"... ý là sao chớ? ông muốn nói ông cũng là cục bột bị tôi vo tròn bóp méo theo ý tôi chớ gì? úi chao ơi... cái nhà này mà không có tôi thì chỉ biết đi ăn mày.

Ông Chiến giận quá xô ghế đứng lên cái rột, bao nhiêu năm cố gắng nhịn sự hung dữ của vợ để cho êm thắm cửa nhà, nhưng bữa nay ông quyết không chịu nhịn nữa, ông vung tay chỉ vô mặt bà

rồi quát lớn:

- Phải rồi, nếu không vì mưu ma chước quỉ của bà, thì má tôi đã không giao toàn bộ gia tài điền sản của cha má tôi cho bà, để bà mặc sức tự tung tự tác thì... chưa biết ai phải đi ăn mày đây? Của nã bà làm ra thì ít mà phá thì nhiều, cũng may có hai đứa con gái ở nước ngoài chi viện, chớ không thì...

Bà quắc mắt:

- Thì sao?

Ông Chiến cười khẩy:

- Thì... đi ăn mày như bà nói chớ còn sao nữa.

Ông Chiến đá mạnh cái ghế nhựa làm nó ngã chổng bốn cái chân lên trời, ông hầm hầm bước ra đường, ngoài đường đã nóng mà trong lòng ông còn nóng hơn. Ông giận mình đã quá nhu nhược để cho bà được nước *lấn sân*, ông tự hỏi không biết tại sao ngày đó ông cưới bà? ông bị bà cho vào tròng một cách *ngon ơ ngọt xớt*. Hơn nữa phần đời còn lại của ông không một chút yên ổn, thanh thản vì *cái máy nói* bên cạnh, bà rất thích đi mỷ viện làm đẹp: xâm môi, xâm chân mày, căng da mặt, cắt mí mắt... tiền con gái gởi về bà dùng để sửa sắc đẹp nhiều hơn là lo cho ông, nhưng càng sửa bao nhiêu ông thấy bà càng xấu đi bấy nhiêu, thế mà ông vẫn cố gắng chịu đựng; ông than thầm: "*sao mình lại nhu nhược quá chừng như vậy*".

Vương mướn được một căn phòng nhỏ ở Định Quán, cách Sài gòn hơn trăm cây số rồi đón Thu về ở, anh bắt đầu đi xin việc làm, kể ra một công tử như anh mà phải lao động bằng chân tay thì cũng vất vả nhọc nhằn lắm, anh làm phụ hồ mới có một tuần thôi mà chừng như muốn ngã bịnh, may mà tình cờ gặp lại thằng bạn cùng học đại học ngày trước, đang làm cho một công ty Đài Loan, anh ta xin cho Vương vô làm trong công ty, công việc là kiểm soát chất lượng sản phẩm, lương tháng nhiều hơn, nhàn hạ hơn là đi phụ hồ. Còn Thu thì nhận hàng ở tiệm may về nhà làm, cuộc sống của họ coi như tạm ổn định và rất hạnh phúc khi đứa con trong bụng Thu ngày càng lớn, đi siêu âm thì lại là con trai nên không còn gì sung sướng hạnh phúc hơn đối với hai người.

Bà Chiến đã bỏ ra không biết bao nhiêu công sức tiền bạc để đi tìm Vương, gặp ai quen biết bà cũng lớn tiếng tuyên bố:

- Tôi mà gặp con nhỏ đó ở đâu là tôi *cạo đầu bôi vôi* ngay tại đó, cái thứ gái mồ côi không ai dạy...

Bà cũng nói câu đó với người trong gia đình, ông Chiến đưa mắt lườm vợ, miệng hừ một tiếng kèm theo lời lầu bầu:

- Bộ dễ ăn hiếp người ta lắm sao? người gì mà hung tợn.

Ông lại nghĩ thầm trong bụng:

- Ấy vậy mà mình lại chịu đựng nổi cái con mụ vợ hung dữ này suốt mấy chục năm trời, giờ có muốn thay đổi cũng đã quá muộn.

Rồi ông thở dài đưa mắt nhìn ra ngoài sân, nắng chiều nay héo úa như nỗi lòng sầu muộn của ông, tuổi già xế bóng bỗng dưng thèm một ngọn gió dịu dàng thổi vào tâm hồn vẫn còn những dạt dào rung cảm của ông, thèm một dòng nước mát ngọt như suối nguồn êm ái chảy vào tim. Ở vào cái tuổi hơn sáu mươi nhưng kém bảy mươi của mình, chiều nay sao mà buồn quá , ông thèm một thay đổi cho cuộc đời lưng lửng của ông. Tự dưng ông Chiến tủi thân ứa nước mắt, ông bước ra ngoài cổng, nhìn mông lung hai bên đường, sau lưng là tiếng vợ ông the thé, đanh đá đến nổi làm ông rợn người:

- Đàn ông nhà này chẳng làm nên trò trống gì... cha thì chỉ biết ăn rồi coi ti vi; đọc báo; ngủ , còn con trai thì xách đít chạy theo gái, chỉ có tôi đây là khổ mà thôi.

Hôm nay là sinh nhật của bé Long, thằng bé giống Vương không thể tả, nó vừa lọt lòng mẹ là đã thấy giống cha như khuôn đúc rồi, càng lớn nó càng bụ bẫm nhờ bú sữa mẹ. Đôi khi Vương cũng nhớ cha mẹ, nhưng khi nghĩ đến lúc gặp mẹ, nghe những lời chì chiếc, mắng nhiếc của mẹ làm anh đâm ra sợ hãi, nhất là những lời cay độc mà bà Chiến dành để "tặng" Thu, anh đành nén lòng, dằn nỗi nhớ lại, anh cảm thấy thương cha nhiều hơn khi nghĩ đến sự chịu đựng của ông suốt mấy chục năm qua. Thỉnh thoãng anh gọi điện cho cha, hỏi thăm chuyện này chuyện nọ và khoe về thằng con trai của mình. Ông Chiến vui sướng lắm, hai người dấu kín bà Chiến về những cuộc điện thoại này, cả hai cha con ông đều sợ bà Chiến.

Vương hẹn đón cha tại bến xe Định Quán, đến ngày hẹn ông Chiến đi thật sớm, ông không nói gì với vợ, khi bà hỏi thì ông chỉ trả lời thật ngắn gọn kèm thêm câu hỏi ngược lại với giọng lạnh lùng:

- Tôi đi loanh quanh... có bao giờ tôi thắc mắc mỗi lần bà đi; hả? Đừng kềm kẹp tôi nữa.

Được thấy đứa cháu trai giống ông và con trai ông quá chừng quá đỗi, ông Chiến mừng đến chảy nước mắt khi ôm cu Long vào lòng, ông mua cho nó thật nhiều đồ chơi với áo quần, giày dép, làm như ông muốn đền bù cho thằng bé những thiếu thốn mà nó phải chịu. Ông Chiến nhìn quanh căn phòng của con trai, chạnh lòng khi thấy căn phòng bé xíu, chỉ đủ kê một tấm nệm, một cái tủ đựng áo quần, một cái bàn nhỏ, cuối phòng là cái bếp nấu ăn.

Sinh nhật của cu Long vui lắm, khách mời là mấy người thuê phòng trọ như Vương. Lúc đầu cu Lonh còn rụt rè giữ khoảng cách với ông nội, nhưng từ từ nó bám cứng ông không chịu buông ra, những bước chân lẫm chẫm của cu Long luẩn quẩn theo ông như những nốt nhạc vui tươi nhảy nhót trong tâm hồn ông Chiến, ông nhìn nét mặt dịu dàng phúc hậu, đằm thắm, giọng nói nhẹ nhàng, cử chỉ từ tốn, khoan thai của Thu, và ông hiểu tại sao mà con trai ông quyết định chung sống với cô gái này.

Ông Chiến không muốn rời xa gia đình nhỏ bé của con trai, tuy nghèo nàn đơn sơ nhưng thật ấm áp hạnh phúc, ông nói như một lời khen:

- Đàn ông xây nhà, đàn bà xây tổ ấm, các con chưa xây được nhà nhưng đã xây được tổ ấm, cha mừng cho hai đứa. Tối nay cha ở lại ngủ với cháu nội một đêm, mai cha về.

Đây là điều bí mật và là niềm vui của ba người.

Bà Chiến thấy thời gian sau này ông Chiến thường xuyên sáng đi tối về, có những ngày ông đi qua đêm đến chiều hôm sau mới về nhà, mỗi lần về mặt mũi ông tươi rói, trông rất là sung sướng, điều này làm cho bà Chiến sinh nghi là ông có *con ngựa cái* nào đó, bà ghen bóng ghen gió, chưởi bới om sòm, đôi khi bà dùng những lời lẽ điêu ngoa để thóa mạ thói trăng hoa của ông. Để trả lời vợ, ông chỉ im lặng và cười khẩy. Mỗi lần bị bà hoạch họe, trong lòng ông càng cảm thấy vui vì ông đang có một bí mật rất tuyệt vời, ông lấy làm hả dạ với bí mật này lắm, những lúc đó hình ảnh đứa cháu nội với ánh mắt sáng và nụ cười thơ ngây của nó chóan ngợp hết cả tâm trí ông, ông nhớ nó hết sức và lại chuẩn bị để sáng hôm sau đi thăm nó.

Thời gian trôi qua nhanh quá, mới đó mà cu Long gần được hai tuổi, ông Chiến dự định sinh nhật hai tuổi của cu Long ông sẽ tổ chức thật lớn, ông bàn với Vương là đãi tiệc ở nhà hàng sang nhất Định Quán, mời những ai quen biết, các đồng nghiệp ở công ty Vương làm... v...v... Thu không có ý kiến gì, thời gian sau này cô luôn cảm thấy trong lòng mình dấy lên một nỗi lo âu mơ hồ về hạnh phúc mà cô đang có, nó làm cho lòng cô xao xuyến, tâm tư cô hoang mang chao đảo. Riêng về phần ông Chiến, ông đang có dự tính là sẽ tìm mua cho hai đứa một căn nhà nhỏ, ông không hề suy nghĩ về những khó khăn sẽ gặp phải, với ông thì "việc tới đâu tính tới đó".

***

Cuối cùng thì bà Chiến cũng tìm ra được nơi ở của Vương khi bà lén theo dõi chồng, bà cứ nghi rằng ông đang lập *phòng nhì* với một con *gà móng đỏ* nào đó, không ngờ bà gặp may. Trước ngày sinh nhật của cu Long một tuần, bà Chiến *hiên ngang đột nhập sào huyệt* của Vương, lúc đó ông Chiến đang khum người cõi cu Long trên lưng, bò quanh căn phòng nhỏ, Vương và Thu đang cùng nhau nấu cơm chiều. Bà chống nạnh hai tay, mắt trợn ngược, miệng bà banh rộng để phun ra những lời cay độc:

- Sung sướng hạnh phúc quá ha? cha con ông ngu muội nên chi cùng đâm đầu vô mê một đứa con gái mồ côi tứ cố vô thân... dấu dấu diếm diếm tôi để chui rúc vô cái ổ chuột này...

Giận mất khôn, bà Chiến không kềm chế được nỗi tức giận cùng với lòng ghen tỵ của mình nên đã buông ra những lời lẽ độc địa, ông Chiến từ từ nằm bẹp xuống nền nhà, vói tay ra sau cẩn thận đở cu Long xuống khỏi lưng của ông, sau đó ông đứng dậy rất nhanh và mạnh, ông lớn tiếng:

- Bà... đồ khốn nạn... đừng có mà ăn nói hàm hồ mất dạy.

Thế là không ai nhịn ai, cu Long xanh mặt sợ hãi co người lại nép sát vô lòng mẹ, Thu cũng sợ không kém, cô run rẩy ôm cứng lấy con như muốn tìm ở nơi nó sự che chở mặc dù nó cũng đang

cần sự che chở của cô. Vương nín thở, căng mắt nhìn cha mẹ khẩu chiến, rồi anh quay qua Thu và con, anh nghẹn ngào lắc đầu chạy đến bên hai người, anh bồng con, nắm tay Thu đi ra ngoài nhưng bị bà Chiến chận lại, bà trợn mắt hét:

- Định tránh mặt tui hả? bước vô trong ngồi xuống cho tui nói chuyện... với cả ba người.

Vậy là bà bắt đầu nói, bà nói lung tung xà beng, ông Chiến nhìn Vương lắc đầu ngao ngán, cu Long chạy nhanh đến ngồi vô lòng ông. Bây giờ thì bà Chiến mới nhìn rõ mặt thằng bé, ôi chao ơi! sao mà nó giống Vương đến như vậy, nó đẹp trai xinh tươi quá làm cho tâm hồn bà nao núng lẫn rung động, một sự thèm khát cháy bỏng dấy lên trong lòng bà, bà muốn ôm thằng bé vào lòng, bà muốn dụi mặt mình vào trong mái tóc đen xoăn gờn gợn như làn sóng nhỏ của nó... bà muốn nhiều lắm, như muốn hôn lên đôi má bầu bỉnh, hồng hồng của nó. Thấy bà dợm bước đến bên cu Long, Thu nhào người qua ông Chiến, đón nó từ tay ông rồi ôm nó thật chặt, Vương cũng đến ngồi bên cạnh hai mẹ con cô như muốn che chở cho họ. Bà Chiến khựng lại, ngẫn ngơ nhìn cảnh tượng trước mắt, nhưng sau đó bà định thần lại, lúc này cái miệng của bà tiếp tục làm việc, lần này bà có một quyết định mới và khá tàn độc:

- Đây là cháu nội của tôi, con của thằng Vương, giòng giống nhà họ Trần, tôi sẽ dưa nó về với tôi để cho nó có quyền lợi, cho nó phần thừa kế, được hưởng gia tài...

Ông Chiến cười lớn:

- Bà nói nghe dễ quá ha, sao hồi đó bà biểu con Thu phá thai? bà không chấp nhận vì cho rằng cái thai của nó không phải là của thằng Vương? Bây giờ bà lại nhận cu Long là cháu nội của bà? sao mà bà ngang ngược quá vậy?

Cuộc khẩu chiến giữa hai ông bà lại tiếp diễn. Từ đầu chí cuối Vương không hề hé răng nói lấy một lời, anh nhìn nét mặt hung hăng của mẹ mà ngao ngán. Thấy trời đã chiều lắm rồi, bà Chiến ngoe ngoảy bỏ ra xe về Sài gòn, vừa đóng cửa xe bà vừa nói với anh tài xế:

- Thằng bé giống cha nó như hệt, tôi nhất định bằng mọi cách sẽ đưa nó về sống với tôi.

Anh tài xế không dám thở mạnh để cho những bực dọc tuôn ra hết khi nghe câu nói vừa phi lý vừa ích kỷ và có phần ác độc của bà chủ.

Bà Chiến nhớ thằng cu Long quá, bà không ngờ chỉ gặp mặt nó có một lần thôi mà bà đã cảm thấy quyến luyến và thương nó đến dạt dào. Mấy hôm nay bà suy tính việc phải làm cách nào đó để dành nó từ tay Thu.

Sáng nay Chúa Nhật bà đi thật sớm để gặp Thu, Vương ngạc nhiên còn Thu thì hoãng hốt ôm chặt cu Long. Những lời đề nghị của bà Chiến thật quá đáng, nói chung là bà đem chuyện sẽ cho cu Long được thừa kế phần lớn gia tài của bà, tương lai của thằng bé sẽ được sung sướng đầy đủ ấm no. nó sẽ được đi học ở một trường Quốc tế danh tiếng, rồi sau này sẽ đi du học ở nước ngoài... nói chung là bà vẽ ra một bức tranh ở chốn thiên đường cho cu Long, còn riêng với Thu, bà sẽ cho cô một số tiến lớn tùy theo đòi hỏi của Thu... nhưng... trong khả năng của bà, với số tiền bà trao đổi, Thu sẽ làm lại cuộc đời, tạo dựng cho mình một tương lai tốt đẹp để lấy chồng, coi như Thu chưa từng có Vương và cu Long. Tuyệt nhiên bà không hề đá động gì đến Vương.

Bà Chiến ra về, bà cho rằng bà sẽ "chiến thắng", bà hể hã nói với anh tài xế:

- Thứ đàn bà con gái nghèo kiết xác như nó... nghe tiền là sáng mắt.

Một tiếng thở dài được nén lại phân nữa âm lượng của anh tài xế, anh nghĩ thầm là mình sung sướng hơn Vương nhiều vì anh có một người mẹ hiền từ nhân hậu, chớ không hung dữ, khinh người như mẹ của Vương, chỉ biết lấy đồng tiền ra để làm áp lực với người khác.

Bà Chiến vẫn không từ bỏ ý định dành lấy cu Long vì bà tin vào mãnh lực của đồng tiền mà bà có, bà rất thường xuyên lên thăm Vương và cu Long, bà dỗ ngon dỗ ngọt con trai. Thu thật sự cảm thấy lo lắng, nhất là khi cô thấy Vương đã nối lại quan hệ mật thiết với bà Chiến, cu Long không còn sợ hãi bà như lần đầu tuy rằng nó chưa mấy thân thiện với bà, nó vẫn thích sà vào lòng ông nội hơn, không hiểu bà Chiến đã nói những gì với chồng, mà mấy lúc sau này ông thường đi chung với bà để lên thăm cu Long. Nỗi lo lắng của Thu lớn dần cho đến một đêm kia khi nằm bên nhau , Vương nói với cô:

- Hay là... em cứ cho cu Long về ở với bà nội để nó có được quyền lợi, mà ông bà cũng có cháu bên cạnh để hủ hỉ tuổi già, chúng mình sẽ sanh thêm đứa khác, anh đâu thể sống xa em. Ngày mai ông bà nội lên thăm cu Long, em đi chợ sớm mua món gì đặc biệt nấu đãi ông bà nội... thấy mẹ thương cu Long nên anh cũng mừng lắm, tội nghiệp mẹ già rồi, bà thèm được chăm sóc cháu

nội...

Thu lạnh cứng người mặc dù vòng tay ôm của Vương ấm nóng đang siết quanh người cô. Suốt đêm cô không ngủ vì những suy tính trong đầu, cô không thể nào sống xa con mình được, cô không bao giờ để cu Long rời khỏi vòng tay của cô, cho dù cô có phải đi ăn xin hay làm bất cứ công việc nặng nhọc nào để nuôi con, cô cũng không từ nan. Bà Chiến vì lòng ích kỷ muốn giật con của cô ra khỏi tay cô, còn Thu vì tình thương con, cô quyết không để cho bất cứ ai đoạt lấy cu Long, nó là cuộc sống, là hơi thở, là máu thịt của cô, bà Chiến đem tiền bạc ra để mặc cả với cô, con của cô không phải là món hàng để cho bà trao đổi mua bán, nó là một con người, một nhân vị. Khi gà gáy sáng thì Thu đã có quyết định. Vương vẫn bình thãn vô tư với giấc ngủ say nồng, anh xoay người nằm nghiêng, theo thói quen trong giấc ngủ, anh choàng tay qua ôm lấy Thu, dụi mặt váo tóc cô, nước mắt cô trào ra ước đẫm gối, Thu đưa tay vén tóc anh, hôn lên trán anh một cái hôn dài, nồng nàn say đắm. Tâm hồn cô tê tái xót xa vì thương cu Long, thương Vương, với quyết định của cô thì ngày mai hai cha con Vương sẽ không còn được gần nhau, sống bên nhau, hẫn là hai cha con Vương sẽ nhớ nhau lắm, đau buồn lắm, chính Thu cũng vậy... nhưng không sao vì thời gian sẽ làm cho người ta quên và chửa lành các vết thương lòng.

Vương dậy sớm để đi làm như thường lệ, trước khi đi anh còn dặn dò Thu:

- Em nhớ nấu món gì ngon ngon để ông bà nội cu Long ăn, trưa nay anh sẽ xin về sớm.

Thu gật đầu, cô quay mặt ra sau để Vương không nhìn thấy những giọt nước mắt của cô đang lăn dài xuống má, cô chạnh buồn vì anh quá vô tư vô tình không nhận thấy những cảm xúc của cô sáng nay khác với mọi ngày.

***

Vương vừa ra khỏi phòng trọ, Thu vội vàng gom một ít áo quần của hai mẹ con, một số vật dụng cần thiết, giấy tờ tiền bạc các thứ... cô cho tất cả vào trong một cái giỏ xách, Thu nhìn lại căn phòng trọ một lần cuối, lau hai hàng nước mắt đang chảy dài trên má, cô nghẹn ngào ôm chặt con vào lòng, túi xách quàng trên đôi vai gầy, Thu run rẩy khóa cửa phòng, để chìa khóa nơi quen thuộc kín đáo của hai người rồi lầm lũi bước nhanh ra khỏi khu nhà trọ. Lòng cô ngỗn ngang trăm mối tơ vò, tâm hồn cô đau đớn, trái tim cô như bị những con dao bén nhọn thay nhau cứa nát bấy thành hàng trăm ngàn mảnh.

Thu bồng con trở lại *mái nhà xưa* là viện mồ côi, các soeurs vui mừng đón cu Long trên tay Thu. Khi soeur giám đốc hỏi thăm về cuộc sống của Thu, cô mỉm cười mà nước mắt rưng rưng, Thu không dám kể về những nỗi bi đát đắng cay mà cô đang phải chịu, cô chỉ nói là nhớ *nhà* quá nên bồng con về thăm vài ngày.

Ở lại viện ba ngày, Thu xin phép trở lại nơi ở của mình. Hành trang của cô nặng hơn vì quà bánh của các soeurs cho cu Long, lòng cô có được đôi chút ấm áp vì tình thương của những người trong viện, nhưng tâm hồn cô chìm đắm trong nỗi nhớ nhung và lòng thì rất ưu tư lo lắng, vì cô vẫn chưa định hướng cho mình về con đường rất mịt mù trước mặt.

Thu bồng con ra bến xe, bất chợt cô leo lên chiếc xe đò xuôi về Vĩnh Long. Khi xe lăn bánh cô mới giật mình vì cô đang đi về quê của Vương, những lần anh kể cho cô nghe về miền quê của mình, hai tiếng Vĩnh Long trở nên quen thuộc với Thu, không biết từ lúc nào nó nằm trong tiềm thức của Thu, để rồi hôm nay trên bước đường chạy trốn, vô tình cô lại đi về miền quê hương của anh. Thu thở dài nhủ thầm:" thôi thì... tới đâu hay tới đó". Cu Long ngủ say trong lòng mẹ, hai tay nó ôm chiếc xe hơi là quà của ông nội mừng ngày sinh nhật hai tuổi của mình.

Bến xe Vĩnh Long nhộn nhịp tấp nập người với người, vài ông xe ôm mời chào một cách vồ vập làm cho Thu sợ hãi. Cô kéo nón che gần hết khuôn mặt của mình, cu Long đã thức, nó nắm chặt tay mẹ, lẻo đẽo bước những bước ngắn, Thu thương con quá nên dù đang rã rơi tay chân, cô cũng cúi xuống bồng con lên, bước nhanh ra khỏi bến xe.

Đi về đâu bây giờ khi trời chiều đang bảng lãng bóng hoàng hôn? Thôi thì hỏi thăm người bên đường để kiếm một ngôi Thánh đường nào đó, nằm ngoài hiên mà ngủ qua đêm. Thu mua một hộp cơm, một chai nước suối cho cả hai mẹ con.

Đêm nay hai mẹ con cô nằm trên nền xi măng lạnh ngoài hàng hiên của ngôi thánh đường trong một xứ đạo. Giấc ngủ không đến với cô dù cô đang rất mệt mỏi, nguồn an ủi lớn nhất và duy nhất của Thu bây giờ là cu Long, cô ôm con sát vào lòng, hôn khắp mặt con, tội nghiệp đứa bé mới hai tuổi mà đã phải cùng mẹ *đi bụi*.

Tiếng chuông giáo đường thánh thót ngân vang khi trời vẫn còn mờ mờ hơi sương. Thu giật mình tỉnh giấc, thì ra cô cũng chợp mắt được một chút, cô cứ ngở như mình đang ở phòng trọ, bên cạnh cô là Vương, nhưng khi chạm phải hơi lạnh của nền xi măng, bị mấy con muỗi vo ve bên lỗ tai, Thu giật mình, phải một lúc sau cô mới định thần được mình đang ở đâu, cô hoãng hốt sợ cu Long bị muỗi chích, vội vàng bế xốc con vào lòng, Thu chạy ra chỗ sáng, lòng cô xót xa đau đớn khi thấy trên cánh tay cu Long có mấy vết chích của muỗi. Một nỗi ân hận len vào lòng Thu, cô tự chất vấn lương tâm là mình có ích kỷ không? nếu con cô về sống với ông bà nội của nó, hẳn nó sẽ có một tương lai rực rỡ tươi sáng, vật chất dư thừa, thế nhưng nó sẽ không có mẹ bên cạnh, nó sẽ nhớ những giọt sữa từ bầu vú của mẹ tuôn trào mỗi lần nó ngoạm lấy, tuy là hai tuổi nhưng cô vẫn cho con bú sữa của mình, nó sẽ khóc đòi mẹ, ôi chao! làm sao cô có thể chịu đựng được tiếng khóc của con?... riêng cô, làm sao cô có thể sống nổi khi phải xa con mình?. Không! nhất định cô sẽ không để cho con mình sống trong sự thiếu thốn cực khổ. Cô cầu nguyện và phó thác mọi việc cho Thiên Chúa, cô tin là Chúa Mẹ không bao giờ bỏ rơi cô khi cô đã biết ăn năn hối lỗi.

Hồi chuông thứ hai gióng lên rộn ràng thúc hối. Thu bồng con vào nhà thờ, chọn hàng ghế cuối cùng rồi cô nhẹ nhàng đặt cu Long nằm trên băng ghế, cô quì gối chắp hai tay cầu nguyện như những ngày xưa kia khi cô còn trinh nguyên, khi chưa gặp Vương, rồi cuối cùng bị cuốn hút vào một tình yêu mê đắm, không đắn đo suy nghĩ, không nghe những lời khuyên bảo của những người nuôi nấng thương yêu mình. Cô lao vào cuộc tình với Vương, nhắm mắt dâng hiến cho anh như một con thiêu thân lao vào ánh lữa, cô bỏ nhà thờ, bỏ kinh nguyện... và bây giờ cô lại chạy trốn những gì mà cô đã chọn lựa ngày đó.

Với tâm tình sám hối ăn năn, Thu đã khóc như mưa, đôi vai cô co rút run lên từng hồi theo những tiếng nấc nghẹn ngào. Tiếng đọc kinh của mấy ông già bà cả vang lên trong nhà thờ gợi cho Thu nhớ những lời kinh cô từng đọc, Thu đọc theo với tất cả lòng thiết tha, cô xin Chúa Giêsu, Mẹ Maria và Thánh cả Giuse tha thứ tội lỗi cô đã phạm, cô phó thác phú dâng cuộc đời mình và cậy trông vào ba Đấng.

Bao nhiêu năm rời xa nhà thờ, hôm nay Thu dự một thánh lễ với rất nhiều tâm trạng, nhưng điều đáng mừng hơn hết là cô vừa tìm được cho mình một sự bình an trong tâm hồn. Cô nhìn lên cây Thánh giá, cô thấy Chúa gục đầu xuống, Ngài đang rất đau khổ vì tội lỗi của nhân loại, trong đó có Thu.

Trời sáng dần, nắng ban mai chiếu qua những khung cửa kính đầy sắc màu của ngôi giáo đường, lễ đã xong, người ta bái quì ra về, nhưng trong nhà thờ vẫn còn lại một vài người đang cầu kinh, đang tâm sự với Chúa. Cu Long thức dậy, nó đưa tay dụi mắt nói với mẹ:

- Mẹ ơi, con đói bụng, kêu ba mua phở cho con ăn đi.

Tuy mới hái tuổi nhưng cu Long nói khá rõ ràng, không ngọng nghịu như bao đứa bé cùng tuổi khác. Thu xoa xoa vào lưng con, làm dấu thánh giá rồi ra khỏi nhà thờ, cô hỏi thăm nơi nào có quán phở, người ta chỉ cho cô; cũng không xa gì lắm chỉ cách nhà thờ chừng trăm mét, vừa rẻ vừa ngon nữa.

Đó là một quán phở bình dân nhưng sạch sẻ, nằm trên một khuôn đất khá rộng, một bên là nhà ở, một bên dựng bằng những cây cột lợp mái tôn làm quán, đất phía sau nhà còn nhiều, gió từ khoảng trống phía sân sau lùa lên mát rượi. Chủ quán là một người đàn ông chừng hơn ba mươi tuổi, tướng người vừa tầm, khuôn mặt phúc hậu, hiền lành, tiếc là dáng đi hơi cà thọt một chút. Thu bồng con bước vào, rụt rè kêu một tô phở không thịt, chỉ lấy bánh phở với nước lèo mà thôi, cô đang cần phải dè xẻn từng đồng vì không biết ngày mai sẽ ra sao? cho con ăn no rồi mới tính đến chuyện đi kiếm việc làm. Có nhiều ánh mắt trong quán tò mò nhìn Thu; một người đàn bà lạ trẻ đẹp đang âu yếm đút từng muỗng phở cho đứa con trai.

Một bà già khoảng trên bảy mươi tuổi, mặc áo dài tay cầm xâu tràng hạt bước vào quán, bà này Thu đã thấy trong nhà thờ sáng nay, trông bà giống hệt ông chủ quán phở, có lẽ họ là hai mẹ con, thấy Thu bà hơi mĩm cười, đi vào nhà, lát sau trở ra, đến ngồi vào chiếc ghế bên cạnh cô, bà đưa tay dịu dàng vuốt tóc cu Long, khen:

- Thằng bé khôi ngô tuấn tú quá, cháu mấy tuổi rồi?

Cu Long đưa hai ngón tay lên làm hiệu:

- Dạ, con hai tuổi.

Hai người đàn bà: một già một trẻ thoáng chốc dễ dàng thân thiện với nhau, nhất là khi người già có tấm lòng khoan nhân độ lượng, biết cảm thông và chia sẻ, còn người trẻ thì đang mang trong tim mình một nỗi niềm cay đắng sâu đến tận cùng, với một nỗi đau vời vợi dày xéo nát cả cõi lòng. Người trẻ vừa khóc nức nở vừa trút hết tâm cang, người già vừa sụt sùi thương cảm vừa dùng lời vỗ về an ủi.

Cuối cùng thì Thu được *mời ở* lại làm người phụ bán phở kiêm thêm những việc làm linh tinh khác trong nhà, còn cu Long sẽ là người *bầu bạn* với bà mẹ của ông chủ quán phở, tạm thời hai mẹ con Thu sẽ ngủ trên chiếc giường tre kê đằng sau mái hiên nhà, rồi sẽ từ từ tính tiếp. Thu thích hai cây khế ở cuối mảnh đất có máng một cái võng, nhờ hai cây khế chụm đầu vào nhau nên cái võng và khoảng sân đầy bóng cây im mát, hai cây khế này đã già lắm rồi thì phải.

Bà mẹ của ông chủ quán phở kể cho Thu nghe về gia cảnh của mình: tên bà Hiền, có bốn người con, Tư Sang là con út, một anh và hai chị của Tư Sang đã có gia đình, đi làm ăn xa. Chồng mất, không đứa con nào chịu ở quê làm ruộng nên bà bán hết ruộng nương chia cho các con, phần Tư Sang chưa có gia đình, số tiền bà cho, anh mua được lô đất này, nó nằm khá gần nhà thờ nên bà đi lễ thật là thuận tiện. Một nữa phần đất anh cất nhà cho mẹ và anh ở, rồi anh học cách nấu phở từ một người quen, sau đó mở quán phở trên phần đất còn lại bên cạnh nhà. Địa thế gần nhà thờ nên khách cũng khá đông, nhất là mỗi sáng Chúa nhật.

Bà Hiền kết luận một câu:

- Con ơi! phàm đã làm việc gì mà muốn thành công thì phải cầu xin Chúa cho được ba điều, đó là: *Thiên thời, Địa lợi, Nhân hòa*. Bác luôn nhắc nhở cho các con của bác phải nhớ điều này. Ở đây phụ việc với mẹ con bác, bác sẽ dạy cho con nhiều điều về nhân nghĩa mà con người cần phải có.

Thu cảm động đến ứa nước mắt. Cô thầm cảm tạ ơn Chúa đã đưa mẹ con cô đến quán phở này, ăn một tô phở không thịt nhưng sao mà ngon quá, ngọt ngào quá vì đầy tình người.

***

Thu làm việc rất siêng năng chăm chỉ, tối tối cô dành một ít thời giờ để xoa bóp tay chân cho bà Hiền, trong khi cu Long chơi với anh Sang, trời chuyển mùa nên chi bà hay bị nhức mỏi, có Thu xoa bóp cho nên bà sung sướng lắm và đâm ra ghiền. Thương Thu chân thật, bà kêu con trai mình mua cây lá về dựng cho mẹ con Thu một cái phòng đằng sau nhà để được kín mưa, kín nắng, kín sương đêm, thế là Thu có một chỗ ở khá tươm tất. Nhà bà Hiền cũng ngăn nắp, gọn gàng hơn, mỗi tối trong nhà vang lên tiếng đọc kinh của bốn người với bốn độ tuổi và bốn thanh âm khác nhau nhưng thật vui tai, đầm ấm.

Một năm qua đi, hầu như nỗi u sầu của Thu tạm lắng xuống đáy lòng, cô vui với công việc trong quán phở, chiều chiều rảnh rang cô cuốc phần đất trống sau nhà anh Sang để trồng rau trồng hành, theo gợi ý của cô, anh Sang làm một cái giàn để cô trồng cây bầu, cây bí. Anh Tư Sang cảm thấy tâm hồn mình xao xuyến mỗi khi nhìn những giọt mồ hôi đọng trên trán Thu, lòng anh mênh mang, chơi vơi khó nói thành lời.

Thời gian êm đềm trôi qua trong nếp nhà nhỏ. Thấm thoát mà cu Long được bốn tuổi, sinh nhật mừng cu Long bốn tuổi vui lắm khi anh Tư Sang mua cho nó mấy món đồ chơi và một chiếc bánh sinh nhật thật to, thật đẹp, bà Hiền tặng cu Long hai bộ quần áo mới. Còn Thu, cô chạnh lòng khi nhớ tới Vương và ông Chiến, trái tim cô nhói đau. Thu nấu một nồi cà ri mừng sinh nhật con trai mình... Đang lúc mọi người ăn uống nói cười vui vẻ, bỗng nhiên cu Long leo lên ngồi vào lòng anh Tư Sang, nó ôm lấy cổ anh và kêu lên thật tha thiết:

- Cha ơi!

Cả nhà đang nói cười, bỗng dưng lặng người, nó nói tiếp:

- Con thương cha nhiều lắm.

Không một tiếng động, không một lời nói hay tiếng cười. Khá lâu sau đó, như để che dấu cảm xúc của mình, anh Sang bồng thằng bé trên tay, đứng dậy nói:

- Mình đi ra đường cho mát nghe con.

Nhìn anh bồng nó trên tay đầy yêu thương như bồng đứa con ruột của mình, Thu xúc động ứa nước mắt. Lâu nay, bà Hiền cũng hiểu được đôi chút tình ý của con trai mình đối với Thu, bà nói

một cách thân thiết:

- Thôi con, ăn đi kẻo nguội, mặc kệ cha con nó.

Thu không ngờ cuộc đời mình rẽ sang một lối mới. Đám cưới của cô và Tư Sang được tổ chức trong vòng thân mật với sự có mặt của những người thân trong gia đình bên phía anh Tư Sang, còn phần Thu, khi cô đưa anh Tư Sang về *mái nhà xưa* để giới thiệu với các soeurs và trân trọng mời các soeurs về dự lễ cưới của mình, mọi người *trong nhà* đều mừng cho Thu.

Ngày cưới, sung sướng hạnh phúc nhất là khi vào nhà thờ, cô và anh Tư Sang nắm tay nhau bước lên bàn thờ trước sự chứng kiến của cộng đoàn, có cả soeur giám đốc *mái nhà xưa* của Thu. Thu và anh Tư Sang đã đọc lời thề hứa yêu thương nhau trọn đời trước mặt Chúa. Hôm đó Thu mới thật sự là một người vợ danh chính ngôn thuận về mặt đạo và đời.

Cu Long đã có giấy khai sinh với đầy đủ tên của mình và của cha mẹ: Phan hoàng Long. Cha: Phan tư Sang. Mẹ: Nguyên hoàng Thu. Với tờ khai sanh này cu Long được vào học trường mẫu giáo gần nhà.

Bây giờ thì cu Long đã học lớp một, Thu sanh cho chồng một đứa con trai, anh Tư Sang vui lắm, anh đặt tên cho con mình là Phan hoàng Lân, nhưng vui sướng nhất vẫn là mẹ anh, bà luôn cảm tạ Chúa vì Ngài đã ban cho bà có một cô con dâu đãm đang hiền hậu, hiếu thảo với bà, một người vợ tận tụy với con trai bà, bây giờ lại còn sanh cho bà đứa cháu nội trai để nối dỏi tông đường vì anh của Tư Sang không có con trai. Mặc dù có cu Lân nhưng bà Hiền và anh Tư Sang vẫn rất thương yêu cu Long, anh Tư Sang không bao giờ quên được tiếng kêu "cha ơi" của cu Long ngày đó, mỗi lần nhớ lại tâm hồn anh vẫn còn rung động.

Thu lại mang bầu, lần này siêu âm kết quả là con gái, sung sướng quá đi thôi! Long sắp vào lớp hai, càng lớn nó càng đẹp trai, càng ngoan ngoãn, học giỏi nên được bà nội và cha cưng hết biết... nhưng mà nó rất giống Vương!

Có một điều mà Thu và ông bà Chiến không bao giờ ngờ được là: ông bà và Vương vẫn thường xuyên đi qua lại trên tuyến đường này để về thăm quê, thăm họ hàng, đôi khi bà nhìn vào quán phở một cách thờ ơ như nhìn những hàng quán bên đường, về phần Thu; cũng có đôi lần Thu nhìn ra đường, có thể cô nhìn thấy chiếc xe hơi của bà Chiến qua như bao chiếc xe chạy qua con đường này, cũng có thể cô nhìn thấy thấp thoáng bóng dáng của những người ngồi trên xe như bao người ngồi trên những chiếc xe khác chạy vụt qua.

Thu đã có một bến đỗ hạnh phúc và bình an, còn Vương, anh trở thành một cái bóng lặng lẽ sau lưng mẹ anh, một người đàn bà ích kỷ và độc tài, độc đoán. Bà vẫn luôn tìm kiếm hạnh phúc cho anh theo ý bà, nhưng bao năm qua rồi mà nào anh có nhận được gì đâu. Anh quá mệt mỏi trong việc tìm kiếm *một nữa của mi*nh trong khi mẹ anh vẫn còn hăng chí lắm. Anh vẫn còn thương nhớ Thu và lòng anh luôn dõi theo bóng hình cô với con trai của mình, nhưng bao nhiêu năm tìm kiếm thì bấy nhiêu năm anh vò võ một mình trong nỗi cô đơn buồn tẻ.

Vương mãi nghĩ đến một điều làm anh ân hận mãi:

- Trời ơi! nếu như ngày đó mình đừng... thì mình đâu có mất Thu và cu Long.

Nắng chiều đang lịm dần, gió chiều mát dịu, hai đứa nhỏ đã thức, anh Sang bước ra sau nhà, thấy chị nằm im trên võng, mắt đăm chiêu nhìn lên vòm lá của hai cây khế già, anh bước đến, nhẹ nhàng nâng cô dậy rồi ngồi xuống bên cạnh cô, cô giật mình nhìn anh khi anh hỏi:

- Mẹ sấp nhỏ nghĩ gì mà ngồi thừ người ra như tượng đá vậy?

Cô cười, lấp lững trả lời chồng:

- Lung tung lăm. không cái gì ra cái gì.

Anh Tư Sang xoa xoa bụng vợ, dặn dò:

- Sắp sanh rồi, bụng em bự như vầy đừng nằm võng, mẹ nói em mà nằm võng nhiều khi sanh dễ bị sát nhau, nguy hiểm lắm à nghen.

Thu nghiêng đầu dựa vào vai chồng, cô đang có một hạnh phúc rất thật, rất bình an bên cạnh người đàn ông này, anh vừa là chồng mà cũng vừa là ân nhân của cô. Cô biết rất rõ là cô phải làm gì để gìn giữ mái ấm này cho cô và cho những người thân yêu của mình.

HỒ THỦY

BÂNG KHUÂNG HOA TRẮNG

NGUYỄN THỊ MÂY

Chiều nay, không như mọi chiều. Nắng hửng vàng. Cây lá lao xao. Bà con trong xóm rộn ràng kéo nhau ra ngõ. Họ tụm năm, tụm ba bàn tán về Đạm và chiếc xe sắp được đem ra chạy thử.

Đạm mồ côi mẹ từ năm lên mười. Để có người chăm sóc con, ba Đạm đã đi thêm bước nữa. Nhưng, bà mẹ kế của anh lại thể hiện đúng với câu: "*Mấy đời bánh đúc có xương, mấy đời mẹ ghẻ mà thương con chồng*". Không ngày nào láng giềng không nghe những câu mắng nhiếc của bà dành cho Đạm hoặc tiếng khóc tức tưởi của anh. Bà mẹ ghẻ có trăm nghìn lý do để đánh đập con chồng. Ba Đạm chắc biết nhưng ông làm ngơ. Để mặc con héo hắt, Đạm trở nên lầm lì, ít nói. Anh thường lén ra sau vườn bưởi nhà tôi ngồi khóc. Lúc đó, tôi còn bé nhưng đã biết cảm thương người bạn xấu số. Tôi nép sau một gốc cây trộm nhìn anh gục đầu vào đôi tay nức nở. Hoa bưởi rắc lưa thưa trên mái tóc và rải đầy hương hoa quanh chỗ anh ngồi. Chờ cơn uất nghẹn qua đi, tôi mang đến cho anh vài mẫu bánh. Đạm vừa nhai ngấu nghiến vừa hỏi: *Có phải mẹ Bằng Lăng làm bánh nầy không?*". Tôi gật đầu xác nhận. Đạm lại khóc. Anh than thở:" *Mồ côi cha, ăn cơm với cá, mồ côi mẹ, lót lá mà nằm!*".

Tôi muốn cãi: "*Còn cha gót đỏ như son. Đến khi cha chết, gót con đen sì! Cha hay mẹ mất đều khổ*". Nhưng tôi kịp nén. Tôi không muốn làm buồn lòng anh vì cái khổ của tôi. Cha tôi qua đời từ khi tôi mới được sáu tuổi. Mẹ tôi phải chịu biết bao đắng cay khi sống chung với bên chồng. May là ông ngoại tôi năn nỉ, ỉ ôi, xin rước mẹ con tôi về. Từ đó, mẹ đỡ khổ hơn nhưng cũng không tránh được vất vả. Hết công việc đồng áng, đến chăm lo vườn tược rồi lo cho ông ngoại và tôi. Bao nhiêu là việc! Có lần Đạm hỏi: "*Sao mẹ Bằng Lăng không lấy chồng khác?*". Tôi cũng không biết vì sao. Về hỏi mẹ. Bà ôm tôi vào lòng, mắt ngân ngấn nước: "Con ơi, con không nghe người ta bảo sao? *Trời mưa bong bóng phập phồng, mẹ đi lấy chồng, con ở với ai?*". Tôi đã ngốc nghếch cãi lại:" *Con ở với ngoại*". Cốc nhẹ vào đầu tôi, mẹ nói:" *Cái con nầy, sao cứ xúi mẹ lấy chồng hoài vậy hả? Con không cần mẹ nữa hả?*". Tôi ôm chầm lấy mẹ:"*Không, con yêu mẹ lắm nhưng nếu mẹ muốn có chồng thì cứ có, mẹ nhé!*". Mẹ phì cười:" *Ừ, con không sợ dượng ghẻ sao? Chưa chắc người ta yêu quí con. Con còn bé, làm sao hiểu được*".

Tôi lờ mờ nhận ra cái khổ trong tiếng "ghẻ" đi kèm theo chữ "dượng". Biết đâu, lúc đó tôi cũng chạy đi tìm một gốc bưởi và ngồi khóc dưới hoa. Tôi hết dám nhắc mẹ lấy chồng và cảm thấy an vui, hạnh phúc bên mẹ.

Trong khi Đạm ngày một khổ hơn. Người mẹ kế có thai rồi sanh khó. Đứa bé vừa lọt lòng mẹ đã tắt thở. Tưởng bà sẽ yêu quí Đạm. Nào ngờ, bà ngày càng thích hành hạ anh hơn. Tan học về, Đạm phải đi chăn trâu. Anh dắt trâu vượt qua mấy đám ruộng, đến tận một đồng cỏ bao la ở bìa làng. Trời nhá nhem tối mới quay về. Thức ăn mang theo chỉ có nắm cơm nho nhỏ với ít muối mè. Nghe tôi kể, mẹ tội nghiệp, bảo tôi dúi cho anh vài củ khoai lang hay chuối nấu lúc anh cưỡi trâu ngang nhà. Có khi ức quá, tôi xúi anh:" *Cứ dắt trâu ra sau đình làng. Ở đó, cỏ mọc dày đặc. Miễn trâu ăn no thì thôi, đi làm chi xa dữ vậy? Đừng thèm nghe lời bà ta!*". Đạm cười buồn:" *Đạm cũng thích đi xa như vậy, ở đó , dễ thở hơn !*".

Khó khăn thế mà Đạm vẫn học giỏi như thường. Bài nào anh cũng thuộc nên được thầy và bè bạn yêu quí. Có ai bảo:" Tội nghiệp!". Đạm lại chối:" *Thật ra, tôi cũng chẳng khổ tí nào. Phải chăn trâu thì mang theo vở, lúc nó ăn cỏ thì mình học*".

Không biết ai mách lẽo mà mụ dì ghẻ ra tay độc ác. Bà ta tậu thêm con trâu nữa rồi bảo anh

chăn luôn một thể. Thấy Đạm dắt trâu ngang nhà, lúng ta lúng túng với hai con trâu lớn gấp mấy lần Đạm, ông tôi rủa thành lời:" *Tội nghiệp thằng nhỏ. Đúng là gái độc không con mà!".* Hôm đó, chẳng biết vì mãi lo học bài hay vì con trâu lạ chưa quen chủ nên nó dùng sừng chém một nhát vào bụng Đạm. Máu ra lênh láng, anh bất tỉnh tại chỗ. May sao nhờ mấy đứa mục đồng khác nhìn thấy. Chúng hô hoán, những người ở gần đó chạy tới đưa anh đi cấp cứu.

Sau lần bị nạn, suýt chết, dường như trời rủ lòng thương anh. Bố Đạm đã hồi tâm, tỉnh trí. Ông nhận ra thiếu sót của mình về cái bổn phận làm cha. Ông đã vô tình đẩy Đạm vào đường cùng và hoàn cảnh gia đình thêm bế tắc. Ông dắt Đạm lên tỉnh học nghề thợ đồng. Anh rời xa sách vở, cầm lấy cây búa và cái mỏ hàn từ dạo ấy.

Thời gian thầm lặng trôi qua. Xuân đến rồi đi bao lượt. Hoa bưởi vườn nhà tôi bao lần rắc trắng mảnh sân con, hương đưa ngọt lựng. Chỗ anh ngồi học bài ngày xưa, bây giờ vắng ngắt. Thi thoảng, tôi ra đó ngồi học bài. Chữ nghĩa chẳng làm sao lọt vào trí nhớ mà mớ kỉ niệm buồn bã ấy tự bao giờ đã len vào kí ức, bắt tôi mãi nghĩ về anh.

Tôi đã lớn dần cùng với những đổi thay của quê hương. Cánh đồng cỏ bạt ngàn ngày nào anh dong trâu tìm đến bây giờ là trung tâm của thị trấn. Một bệnh viện, vài cơ quan, năm bảy cửa hàng và một mái trường mà tôi đang công tác ở đó. Nó cũng đứng cùng một dãy. Ngày ngày, tôi đi về giữa hai hàng me rợp mát, trong cái nhộn nhạo, tất bật của một khu phố đông người như kẻ mộng du, chẳng có chút quan hệ đến sự tiến bộ của loài người. Tôi âm thầm sống với những ước mơ nhỏ bé. Nhưng, nó cũng bay vụt khỏi tầm tay với của tôi. Khi anh lành nghề trở lại làng quê, ba anh mất. Trước khi chết, ông cầm lấy tay anh khẩn khiết, yêu cầu, gửi gấm người vợ kế và đứa con nhỏ. Đứa em gái xinh đẹp nhưng ngớ ngẩn, ngờ nghệch. Cô bé đi, đứng và lớn bình thường nhưng chẳng biết suy nghĩ như bao kẻ khác. Tỉ như trong mái tóc dài, mượt mà kia là một cái hộp rỗng. Hoặc giả là một bộ óc trắng bệt. Nó chỉ có thể làm cho em gái anh biết nâng bát cơm, há miệng nhai và nuốt để rồi lớn dần. Hay nói cách khác, cô bé sống đời thực vật qua dáng dấp một con người. Đạm yêu quí em gái anh vô cùng. Giọt máu của cha và người mẹ kế của anh đã tụ hình khi anh rời làng mạc để học nghề. Đứa em như một mầm xanh muộn màng và bất hạnh. Cô em gái vô hồn đã xóa dần ranh giới lạnh lùng, xa cách của người mẹ ghẻ với đứa con chồng. Sự tàn độc của bà như đã phai tàn trong anh. Bây giờ, từng phút từng giây, anh tội nghiệp bà mẹ già nua, héo hắt, khổ đau vì con, vì những khiếm khuyết mà con gái bà phải gánh chịu. Hẳn bà đang chết dần mòn trong nỗi ân hận không bờ bến. "Gieo gió thì gặt bão". Đêm nào bà cũng gõ mõ, tụng kinh. Rằm nào bà cũng đi lễ phật ở mấy ngôi chùa trong thị trấn. Bà sám hối. Có lẽ đã muộn nên con gái bà cứ mãi sống hồn nhiên như cây cỏ. Mặc cho nước mắt người mẹ tuôn rơi, mặc cho bao nhiêu tiền bạc, công sức lao động của anh đổ ra để chạy chữa cho bé. Nó vẫn mê mê muội muội. Cũng như tôi, anh sống như người nằm mơ chổi dậy hoạt động. Ngày ngày, anh gò, uốn, sửa chữa những mảnh thiếc, nhôm vô tri thành vật dụng. Anh làm cho những chiếc xe bị hỏng trở nên hữu ích. Và, gần đây, anh góp nhặt từ những vật dụng, phụ tùng xe hơi phế thải của người ta bỏ lại, anh lắp ráp, biến chúng thành một chiếc xe bốn bánh, có đầu máy ô tô. Dáng dấp cũng không khác những chiếc xe cùng loại. Tuy toàn là đồ cũ nhưng điều đáng nói là nó được hình thành từ bàn tay lao động và bộ óc sáng tạo của anh.

Hôm nay anh đem ra chạy thử. Người làng xem đó là một kỳ công. Họ chờ đợi tiếng máy nổ và những vòng bánh lăn đều. Mẹ tôi cũng ra ngõ. Bà cứ kéo chiếc khăn lên lau mắt. Mẹ tôi thương anh mồ côi và mẹ hiểu tôi hơn ai hết. Mẹ thường bảo:" *Mẹ giữ vườn bưởi này cho con. Mai này lấy chồng, có nơi trồng trọt".* Rồi khi anh quay về, mở xưởng sửa xe, tiếng đập thùng thiếc loảng xoảng, ánh lửa hàn lập lòe ngày đêm không nghỉ. Có người đến hỏi mua đất, mẹ không bán và bảo tôi:"*Vườn bưởi này chứa biết bao kỷ niệm vui buồn của con mà. Quá khứ dù ra sao, vẫn đẹp*!". Chẳng biết mẹ giữ đến bao giờ. Tôi vẫn một mình đi về lặng lẽ. Còn anh, mãi mê oằn vai bổn phận.

Tiếng máy nổ xình xịch vang lên. Tiếng cười của lũ trẻ làng giòn tan trong chiều quê yên ả. Chiếc xe lao đi, quầng khói đen ngòm bay ngược ra sau. Người mẹ kế nhìn theo, hớn hở. Đứa em gái ngờ nghệch bỗng vỗ tay cười. Còn tôi, lẻn ra sau vườn bưởi nhà mình. Tôi tìm gốc bưởi ngày xưa, ngồi xuống, úp mặt vào đôi tay. Cây đã già cỗi, không trổ nhiều hoa để rải hương theo gió. Quanh tôi, rêu xanh bốc mùi ngai ngái. Và, mơ ước của tôi xám một màu ảm đạm.

NGUYỄN THỊ MÂY

VŨ ĐIỆU HIẾN TẾ

QÚY THỂ

Ngày rằm, bầu Thê chủ gánh hát Đồng Ấu ra chợ ăn cơm chay, thấy một chị nhà quê gánh hai đứa bé đi bán. Năm đó hạn hán xong tiếp đến lụt lội. Dân tình đói khổ, người nhiều con nuôi không nổi phải đem đi bán bớt. Ông bầu Thê, không con, thấy thương, bỏ tiền ra mua. Số tiền cũng vừa đủ để chị kia mua hai thúng gạo lưng lưng gánh về.

Đây là hai đứa bé sinh đôi, một trai một gái. Mẹ nó nói ba tuổi, nhưng ông bầu chắc chị ta nói dối để bán cho được tiền. Ông thấy bọn nhỏ chỉ mới ngoài một tuổi, vừa thôi nôi xong. Có lẽ vì đói khổ quá nên bọn trẻ con không lớn nổi.

Bầu Thê đem hai đứa về gánh hát giao cho vợ nuôi. Mụ vợ thấy thương. Từ ngày về đoàn hát chúng nói được ăn no mặc lành, tắm rửa sạch sẽ và lanh lợi.

Dạo đó gánh hát đóng đô tại đình làng Cận Sơn. Cả đoàn ăn ngủ nơi cái chái đình lợp ngói âm dương, lâu năm ngói đã mục, vỡ rất nhiều. Ngày mưa đoàn không hát, không bán vé được. Cả đoàn húp cháo trừ cơm. Vua chúa, hoàng hậu, tì nữ ướt át như chuột lột. Cả bọn ngồi co ro dưới tàu lá chuối. Ngày hè trời nóng nực, mặt trời lên hai ba con sào, bọn chăn trâu trên cánh đồng Cọ lùa trâu đi ngang qua sân đình, nhìn vào thấy mỹ nữ, tể tướng, đại thần, hoạn quan cởi trần , nằm sắp lớp như cá mòi trong hộp.

Hai đứa bé sinh đôi lớn lên trong khung cảnh ấy. Đào kép trong đoàn ai cũng thương bọn chúng. Họ đua nhau dạy nghề hát xướng cho chúng. Ông bầu không cho, ông nói, nhiều thầy quá làm hư bọn trẻ, sau này sửa đổi rất khó. Ý ông muốn đào tạo hai đứa thành đào kép trứ danh, để chúng thực hiện cái điều mơ ước khi ông còn trẻ. Cả hai cũng đã tập tành lên sân khấu cho nó dạn. Ông bầu ngồi bên dưới tấm tắc khen thầm:" Sáng sân khấu lắm!"

Hai đứa bé đã quen với cuộc sống gánh hát, ánh đèn sân khấu, lấy đêm làm ngày, rày đây mai đó, lang thang trên những con đường làng, ăn đình ngủ chợ, cái kiếp phong trần của bọn hát rong.

Mười lăm năm sau hai đứa lớn phỗng lên thành trang thanh niên thiếu nữ, nam thanh nữ tú, hát hay múa giỏi, diễn trò rất khéo.Chúng trở thành đào chính kép chính của đoàn.

Thằng con trai lúc nhỏ cha mẹ dặt cái tên xấu cho dễ nuôi, tên thằng Đực, bầu Thê đổi thành tên Hoàng Nhật Giang. Đứa con gái tên Chấu (Chấu là châu chấu mất mùa) nay ông bầu đổi thành tên Lâm Ái Châu. Kép Nhật Giang, đào Ái Châu đã nổi danh trong giới hát đình.

Người trong nghề nói, thằng kép này trời sinh ra để sắm vai Quan Vân Trường. Mặt nó to, đầy thịt, bôi son đỏ vào, mang râu năm chòm giống hệt đức Quan Ngài. Nó có giọng nói , giọng hát sang sảng. Ở trên sân khấu, không cần gân cổ hát, mấy lão già ngồi bên dưới điếc lác cũng nghe. Nhật Giang mặc giáp trụ, đội mão mang hia vào thì rõ là vị chiến tướng thời Tam Quốc mà các nhà văn xưa thường viết:" Mình cao một trượng, lưng lớn mười vây!"

Đào Lâm Aùi Châu tuy gốc gác nhà quê nhưng có khuôn mặt đẹp mà sang, mày ngài mắt phụng da trắng như trứng gà bóc, môi đỏ như son, làm cho mấy anh nhà quê đêm về cứ tơ tưởng.

Trong gánh hát còn có thằng hề Lé, trước đây cũng con rơiđược ông bầu đem về nuôi. Hề Lé, ốm nhom đen thui, có tài chọc cười. Mỗi lần ra sàn diễn, mấy chị nhà quê ôn bụng cười, đến chảy nước mắt.

Buổi chiều bầu Thê bắt ba đứa học trò ra miếng đất trước sân đình dựng cảnh "Quan Công Khán Thư"(Quan Công xem sách) Hoàng Nhật Giang sắm vai Quan Công. Lâm Ái Châu vai Quan Bình. Hề lé vai Châu Xương. Quan Bình và Châu Xương là con nuôi và đệ tử của Quan Vân Trường. Cảnh này diễn lại tích Quan Vân Trường xem binh thư đồ trận. Quan Bình dâng bút. Châu Xương mài mực. Bầu Thê bỏ nhiều công sức tập cho thằng kép Hoàng Nhật Giang múa cây thanh long đao, đẽo bằng cây sao, cán sơn đỏ lưỡi sơn đen, có cột tua vải trên đầu. Bầu Thê tập cho Aùi Châu với hề Lé dâng bút, mài mực. Tập tành công phu bài bản lắm.

Lần đầu tiên diễn cảnh Quan Công khán Thư ông bầu bắt ba đứa học trò ăn chay nằm đất, giữ cho cái xác tinh khiết, cái tâm thanh tịnh, xin keo âm dương, ngài cho rồi mới được diễn.

Đêm đó , trước khi mở màn sân khấu, đình làng ồn ào như cái chợ. Đến khi Quan Ngài xuất hiện bỗng mọi người im bặt. Quan Ngài mặt đỏ như trùng táo. Râu năm chòm đen mướt dài đến bụng. Tay cắp thanh long đao, tay dẫn con ngựa xích thố, oai phong lẫm liệt, cương nghị vô song. Toát lên cái thần thái quang minh chính đại đến quỉ thần kinh.

Mấy mụ nhà quê , thấy ngài khiếp vía, xếp bằng tròn,nằm mọp xuống, vừa lahy vừa xít xoa:" Muôn lạy ngài! Tấu lạy ngài! Hiển Linh độ trì, mớ lay mớ bái...!"

Lâm Ái Châu, bạch bào bạch giáp dâng bút. Hề Lé áo đen quần đen râu tóc xơ xác, dựng ngược, mài mực. Cả ba dựng cảnh": Xem binh thư" tuyệt đẹp, hào hùng làm cho mấy người nhà quê nổi da gà, lông tay llông chân dựng đứng!

Bầu Thê xuống rạp ngồi chung với khán giả, lắng nghe tiếng xít xoa khen ngợi, không cầm được nước mắt. Thực không uổng công ông nuôi nấng ba đứa con rơi. Ông biết rằng sự nghiệp của chúng còn bay xa hơn, cao hơn tới tận chân trời nào chớ không phải chỉ quanh quẩn nơi cái gánh hát đình nghèo nàn này. Cũng trong giây phút đó ông quyết định...

**

Từ khi Hoàng Nhật Giang, Lâm Ai Châu thành danh, tiếng tăm lan tới thàng phố. Mấy gánh hát lớn đến điều đình xin chuộc. Bầu Thê thương tiếc lắm , nhưng vì tương lại bọn học trò nên đành hi sinh. Cả ba đứa học trò và cũng là con nuôi không chịu bỏ thầy bỏ gánh. Bầu Thê nói cách gì bọn chúng cũng không chịu xa ông. Cuối cùng ông làm mặt giận:

- Tao không giao vai cho diễn đâu!

- Không được lên sân khấu cũng được. Chúng con quyết ở lại với đoàn

Bầu Thê:

- Ai nuôi bọn bây? Ở lại mà không diễn là bắt cả đoàn nuôi. Ai nuôi báo cô bọn bây mãi cho được?

Bầu thê xúi mọi người cùng nhau xua đuổi. Ba đứa mới chịu rời đoàn. Ngày ba đứa lên đường Bầu Thê không đưa tiển. Oâng chạy ra bờ sông ngồi một mình nhìn dòng nước mà khóc.

Về sau bầu Thê có dạy cho mấy đứa bé nhà quê ở cái xóm nghèo này thành danh , song chúng cũng bỏ ông đi cả. Gánh hát bầu Thê giờ đây chỉ còn đào già kép già, diễn cho mấy người nhà quê coi, kiếm sống qua ngày.

Một hôm bầu Thê tập họp cả đoàn lại, sai bọn chạy hiệu mang mấy cái rương đựng râu ria áo mão, mở ra chia cho mọi người. Bảo mọi người đi tìm đất sống. Còn ông với thằng hề Lé, lấy cây

thanh long đao làm đòn gánh, quẩy đôi bầu đi bán thuốc dạo. Tới đâu hai thầy trò tìm mảnh đất trống. Bầu Thê múa cây thanh long đao theo bài" quá ngũ quan". Hề Lé khua trống bán thuốc ghẻ, trừ giun, điều kinh, bổ thận...Gánh hát bầu Thê diễn vỡ cuối cùng thê lương đến thế.

Hoàng Nhật Giang, Lâm Ai Châu trước tha thiết với đoàn với ông bầu là thế, khi về thành phố lại quên ngay. Nơi đây cả hai được dịp phô trương thanh sắc. Chẳng mấy chốc tiếng tăm nổi như cồn. Giờ đây cặp này là hai ngôi sao sáng trên bầu trời nghệ thuật. Họ vào nam ra bắc, lên xe xuống ngựa, ở khách sạn, ăn nhà hàng, không còn cái cảnh chui rúc dưới mái đình như thời hát dạo nữa. Họ bận rộn đủ thứ nên cứ hẹn rày hẹn mai không về thăm thầy được.

Lúc này bầu Thê đã hơn bảy mươi, múa cây thanh long đao bằng gỗ không nổi nữa. Ông rất nhớ học trò. Một hôm thằng hề Lé đọc báo kêu vang:

- Ông bầu ơi ông bầu ! Người ta "chạy nhật trình" thằng Đực với con Chấu qua bên Tây diễn tuồng đây nè!

Ông bầu nghe tin rất hả hê:

- Ước chi lúc này được thấy chúng diễn cảnh " Quan Công khán thư" có chết cũng sướng !

Mấy ngày gần đây không hiểu sao Nhật Giang nóng ruột muốn về thăm thầy. Cả hai đã nghe tin gánh hát rã đám, ông bầu phải đi bán thuốc dạo. Hai người đánh ôtô về thăm, tính chuyến này đem thầy về phụng dưỡng suốt đời. Không dè mới tới đầu làng đã nghe tin dữ: Ông bầu bị tụi Sơn Đông mãi võ giành chỗ diễn đánh chết rồi.

**

Hoàng Nhật Giang xuống xe, cầm cây thanh long đao của thầy đi tìm mấy thằng Sơn Đông mãi võ đánh cho một trận tơi bời, rồi bắt cả bọn dẫn giải lên quan trị tội giết người.

Chiều hôm đó Nhật Giang, Aùi Châu đầu quấn khăn trắng, mình mặc áo tang sổ gấu, đi với hề Lé ra mộ cúng thầy. Cả ba quì trước nấm mồ đất còn mới khóc sướt mướt. Hề Lé nhắc lại chuyện thầy thương yêu nhớ nhung hai anh em ra làm sao.

Hề lé nói:

- Nghe tin tụi bây qua bên Tây diễn tuồng. Ông bầu ao ước được xem bọn mình diễn lại cảnh Quan công khán thư, có chết cũng sướng !

Kép Hoàng Nhật Giang lạy bốn lạy ba vái, xắn tay áo, quấn vạt áo sô quanh bụng, cột chặt lại, trụ bộ, xuống tấn, bắt đầu đi một đường quyền chầm chậm mà đầy uy lực.

Không hẹn mà cả hai ngươi Lâm Ái Châu, hề Lé liền đứng lên. Hề Lé nhập vai Châu Xương quì mọp xuống dâng binh thư. Ái Châu nhập vai Quan Bình mài mực nâng bút. Quan Vân Trường vuốt râu đưa mắt liếc xéo lên trời, vung tay bắt lấy cây thanh long đao tưởng tượng múa. Tiếng đao xé gió rít vùn vụt. Cả ba nghệ sĩ thượng thặng phút chốc nhập thần trong một vũ điệu ma quái tuyệt vời !

***

Trên đỉnh đồi trọc lóc, đất phấn trắng như sọ người, trong một buổi chiều lặng gió, đến cỏ cũng đứng yên phăng phắt như bị đóng đinh. Bỗng nhiên nổi lên cơn gió quái ào ào, vặn mình thành con trốt(gió xoáy) chạy vòng vo, xoắn mấy bụi cỏ tranh rồi chuyển hướng chạy băng băng lên đỉnh đồi tung lên cao bao nhiêu bụi hồng cùng với lá khô chấp chới như những oan hồn uỗng tử mang theo vũ điệu hiến tế về trời ./.

QÚY THỂ

MƯA NƯỚC LÊN

VŨ KIÊM NINH

Gió mưa là bệnh của trời..." đã đành là thế nhưng từ khi khai thiên lập địa đến nay, từ khi con người hiểu được sức mạnh của mưa, cảm nhận được nguồn sống do mưa mang lại, nhân loại đã thêu dệt nhiều câu chuyện huyền thoại về mưa. Mỗi mùa trong năm, cho chúng ta một cảm nhận: Mùa xuân hạt mưa như rắc bụi, thường phủ một màn sa mỏng trên cánh đồng, thấm vào từng kẽ lá, đọng trên từng ngọn cỏ làm xanh lại màu lá sau ba tháng khô úa hanh heo. Mùa hạ, ngày có cơn mưa đầu mùa thường là mưa rào, nổi sấm một cách khó khăn, người nông dân lắng nghe tiếng sấm đầu mùa để dự đoán trong năm sẽ no hay đói. Rồi khi mùa lũ, mưa đã có đủ loại: mưa nước lên, mưa bóng mây, mưa dong bão. Mùa thu giao mùa nóng lạnh, mây trời bảng lảng bay, dồn vón lại thành màu chì xám, mưa thu dai dẳng, nhỏ như sợi tơ kéo từ trên cao xuống thành giọt nhỏ thánh thót rơi làm cho cho người nghệ sĩ nào cũng cảm nhận mà viết nên thơ, nên nhạc. Mùa đông, cây cối trút lá, mỗi khi gió lạnh về thường đem theo mưa phùn hàng tuần liền, mưa phùn không có lượng lớn, nhưng mang theo cái lạnh trên cao hòa với cái lạnh của gió làm cho người ta e ngại. Bốn mùa, bốn tính cách khác nhau, nhưng đọng lại trong lòng người thường là những " trận mưa nước lên ".

Vào quãng tháng hè hàng năm, khi buổi chiều trông về phương tây thấy ráng mây đỏ sậm, người già lại nhắc " ráng vàng thì gió, ráng đỏ thì mưa" bảo nhau đề phòng.

" Ráng Đỏ thì mưa" là khi ráng chiều có màu đỏ, ở nơi ấy sẽ sinh ra mưa lớn, "cơn đằng Tây, không mưa dây cũng bão giật". Nước từ thượng lưu sẽ thành lũ, cuồn cuộn chảy về xuôi. Nước lũ ở vùng cao thường là lũ quét, lũ ống, khi về vùng đồng bằng thành những con lũ hung dữ. Cũng thành thường lệ, thiên nhiên đã báo trước trận lũ bằng những cơn mưa bất chợt, mưa ầm ào, xối sả từng lúc rồi đột nhiên giảm nhẹ thành nhiều lần trong ngày. Người dân gọi là "mưa nước lên", vì đi kèm với những đợt mưa đó là nước các triền sông lên cao. Mưa nước lên lạ lắm, trời đang mưa nhỏ đột nhiên "lên cơn – lên trận" đổi thành mưa to cứ như trút giận, trút hờn vào ai đó. Ta có cảm tưởng như người yêu đang giận hờn tức tối, khóc như mưa để bắt đền, rồi khi được vỗ về an ủi lại

ngưng, nàng nhoẻn nụ cười. Không có hiện tượng báo trước, chợt khóc, chợt nín, nàng Mưa tính tình bất thường, lúc ào ào rắc hạt, lúc nhè nhẹ rơi rơi, người đi đường thấy mưa to vội vã trú dưới tán cây, người quen với tính của mưa thì nhủ thầm "lại mưa nước lên!" bình tĩnh chờ dứt cơn.

Nhưng đã khóc vì điều gì đó thì mấy ai nín ngay, nỗi ấm ức cứ nghèn nghẹn, nấc nấc chờ lúc bùng phát. Bởi vậy, trong một ngày có khi đang mưa nhỏ dầm dề lại ào ào vội vã làm cho trần thế lắm phen vất vả. Biết mưa nước lên tính nết như thế mà đã mấy ai chê trách, bởi vì mưa lên thường đến sau những ngày nắng hạn. Cái nóng ngày hè, nỗi oi bức khô khát như vắt kiệt từng giọt mồ hôi trong cơ thể người, làm rũ héo những cành lá, nứt toác cánh đồng màu mỡ, cái nóng tham làm làm hút hết nước mọi nơi, khiến cho mọi sinh vật đều khao khát chờ mưa.

Nắng hạn gặp mưa rào, người ta khao khát nên người ta cũng đón đợi những giọt mưa rơi đang nổi giông, nổi gió, "lên cơn, lên trận" xóa đi những nứt nẻ trên bề mặt quả đất, làm tươi xanh, ướt mát lại những ngọn lá khô héo, làm nở nụ cười trên khuôn mặt của mỗi người. Mưa nước lên thường có người đồng hành đôi khi làm ta lầm lẫn. Đó là "mưa bóng mây": đang nắng chang chang, có đám mây bay tới che sẫm một khoảng trời và mưa rơi rào rào. Tuy không xối xả nhưng cũng nhiều khi làm người ta bối rối, mưa bóng mây có đặc điểm: Hạt mưa rơi theo đường bay của mây. Chợt mưa đấy, rồi chợt nắng ngay. Bên này đường mưa rơi, bên kia đường vẫn chang chang nắng rọi. Cho nên có người đã ví "mưa bóng mây" như một cuộc tình ngắn ngủi, chợt có rồi lại không, để lại cho người trong cuộc bao niềm nhớ thương oán trách.

Anh đến cùng em như mưa bóng mây
Chưa ướt áo, nắng đã bừng trên tóc
Để cho em chợt vui rồi... chợt khóc
Bởi tình anh như thể đám mây qua.

Cũng có một kiểu mưa khác, lúc đầu nhè nhẹ sau rộ lên theo từng cơn gió thổi đó là mưa "dong bão". Mưa dong bão chỉ xuất hiện khi có bão về, những đợt mưa như vậy thường báo trước vùng tâm bão sẽ đi qua. Cho nên, trong những ngày có bão nơi nào thấy có mưa là kèm theo nhiều nỗi lo chống bão cứu dân.

"Mưa nước lên" đối với chúng ta như một đặc điểm, bởi lẽ chỉ có khi mùa nước lũ. Gió bão ngày càng nhiều, vùng thượng nguồn dồn mây thành một vệt đen thẫm, ánh chớp nhoang nhoáng cắt. Đó là lúc "chớp bể mưa nguồn" báo hiệu những bất thường của thiên nhiên: Bão sẽ từ biển đổ bộ vào bờ, mưa lũ nhiều, nước sông dâng cao đe dọa mọi sự bình yên của xóm làng! Hoàn cảnh ấy có người phụ nữ nào trong nỗi cô đơn lại không xót xa thân phận:

Đêm qua chớp bể mưa nguồn
Hỏi người quân tử có buồn hay chăng?

Có buồn hay chăng hỡi người trai đang mải miết nơi đâu khi quê hương (nếp nhà nhỏ cô đơn) có người vợ, người yêu chờ mong! "Mưa nước lên" đã báo hiệu mùa lũ về, ai có nhớ chăng ai

VŨ KIÊM NINH

SÔNG QUÊ NƯỚC CHẢY ĐÔI DÒNG

DƯƠNG PHƯƠNG TOẠI

Đám tang bà Sớm có lẽ đông nhất làng từ trước tới nay. Đi sau linh cữu bà là những người con trai gái, dâu rể đã đứng tuổi nước mắt dàn dụa và đàn cháu, chắt khóc vật vã. Có hai lão ông râu tóc bạc phơ cùng mang vành tang trắng đi bên nhau cũng sụt sịt lau nước mắt. Thỉnh thoảng không cầm được lòng, họ bật lên thành tiếng: -Bà Sớm ơi! Bà bỏ chúng tôi đi thật rồi ư? -Sao không để tôi đi trước?...

Thuở trẻ, cô Sớm đã xinh đẹp lại nết na. Mồ côi cha mẹ, Sớm ở với dì ruột chèo đò ngang trên sông Chanh. Mới chín, mười tuổi cô bé đã bát cạy mái chèo nhẹ nhàng, khéo léo, nhưng cứng cáp, đưa con đò đầy dằm tới bến. Chiếc tay guốc chèo mòn nhẵn bóng như một mẩu sừng trâu. Khi Sớm mười sáu tuổi, đã bao chàng trai để ý. Nhưng cô chỉ nhớ có Lâm, chàng trai thường lội dọc bãi sông với nghề cất vó. Lâm người xóm Thầu Dầu khoẻ mạnh, chất phác và cùng cảnh nghèo khó. Bến đò, dòng sông đã chứng kiến ánh mắt, lời nói của họ trao nhau. Người dì cũng đồng cảm dành cho đôi trẻ những buổi tối con đò bồng bềnh trên sông nước đầy trăng. Năm Sớm mười tám, Lâm mang trầu cau, con gà trống và mấy ống gạo nếp đựng trong chiếc tay nải đến trình dì:

- Nhà cháu chẳng còn ai. Cháu xin có lòng thành nhờ dì làm lễ cúng gia tiên, cúng ông tơ bà nguyệt và ông sông bà nước cho chúng cháu được về với nhau...

Căn nhà gianh và ổ rơm rối rít tiếng nói cười của cặp vợ chồng trẻ. Chả mấy chốc rặng mồng tơi đã leo xanh rờn bờ dậu thưa. Đông vụ, họ cấy hái, đập lúa, cày thuê cuốc mướn cho các nhà giàu. Vãn mùa, Lâm đem lưới vó ra sông cất con cá con tôm, Sớm tranh thủ ra bến cầm chèo cho dì. Thế rồi Lâm tòng quân vào bộ đội lên mặt trận Tây Bắc. Được mấy năm, sau chiến thắng Điện Biên Phủ, anh về làng, mang theo bộ quân phục bạc màu và đưa cho vợ hộp huân chương cất vào chiếc hòm gỗ: -Khổ quá, trên cử đi học, nhưng chữ nghĩa nó không chịu vào. Tớ về "cơm làm ruộng, cá kiếm ăn", nhàn cái đầu hơn! Thấy con đò ọp ẹp, chốc chốc dì vợ lại phải khom lưng tát nước, Lâm liền vào rừng vác gỗ về xẻ ván đóng chiếc mới. Căn nhà gianh xiêu vẹo được cất lại.... Bà dì mong mỏi có cháu bế. Nhưng nhiều năm sau, vợ chồng Sớm vẫn không đẻ được đứa con nào. Đi hết đền nọ phủ kia cầu cạnh, vẫn thế. Lâm hao gầy hẳn đi. Còn Sớm lại chắc lẳn và ngày một đẹp thêm ra.

Chiến tranh chống Mỹ. Bà dì bị trúng bom của giặc thả xuống bến sông. Hai vợ chồng như nghé mất mẹ. Từ đó, Lâm cáng đáng việc cày bừa đồng áng theo công HTX cho Sớm thay dì tiếp tục chèo đò. Những gã đàn ông đa tình biết cảnh ngộ của vợ chồng Sớm, được dịp buông lời bướm ong cợt nhả, cố ý đào sâu nỗi đau của Sớm: -Cô lái ơi! Nhà anh sẵn khoai sọ lắm! Em có lấy giống thì đến, chị nhớn sẽ nhường lại cho. Còn được thêm tiền gạo đem về! -Sớm ơi! Nằm với anh một đêm. Chỉ nháy mắt là có thằng cu! Ba mươi xuân ngoại rồi, không có đứa chống gậy sau này thì buồn chết!... Tiếc làm gì! Trời đất mênh mông, biết đâu mà lần... Cốt được tẹo mậm là quí!...

Nghe nhiều thành chai. Sớm tỉnh bơ trước những lời tán tỉnh như hạt mưa rớt trên áo tơi. Những lời đó đến tai Lâm. Anh cũng buồn lắm và tối về chỉ biết an ủi vợ: -Nhà chấp chuyện vặt đó làm gì cho mệt. Thiên hạ đã đầy, chẳng riêng chi mình. Cốt sao cửa nhà đầm ấm, vợ chồng no đói có nhau. Tôi cứ thương mình là được !

Năm ấy, công trường lấn biển khai hoang diễn ra sôi động ngoài cửa sông. Từng khúc đê đã hiện hình đợi một vùng đất mới ra đời. Công trường thiếu cọc gỗ, cọc tre để cắm chẫy, thiếu đá hộc đổ xuống những đoạn sâu để chốt cái. Các trung đội dân quân và lực lượng thanh niên, phụ nữ các xã được huy động ra các rừng bãi, núi đá khai thác vật liệu về phục vụ làm cốt hợp long

đê. Cứ hai, ba người một con thuyền nan hoặc thuyền ván chở củi gỗ và đá hộc. Sớm và Nhâm, bạn gái trong xóm cũng tham gia chiến dịch, thay nhau cầm lái con đò của mình ra Đầu Đá vịnh Hạ Long chặt củi. Trong một chuyến, củi đã chất đầy khoang mũi, họ xuống núi chèo thuyền về. Chiều buông nhanh. Đến Hang Luồn, mệt quá, chị em bèn rủ nhau cột thuyền vào mỏm đá nghỉ nấu cơm ăn. Con thuyền nép mình ngay dưới hốc đá. Bên trên là một vòm hang nhỏ, nước ngọt sau những cơn mưa rỏ long tong. Hứng một ít nước vo gạo, Sớm há miệng đón những giọt mát lạnh cho đỡ khát và lấy chứa thêm vào chiếc thảm sành để dùng dần. Ăn cơm xong, thì trời tối. Gió biển lùa suôn suốt hang núi. Cơn buồn ngủ từ trong ruột ngủ ra. Hai chị em rải manh chiếu nằm trên sạp lái, chìm một giấc ngon lành. Đến khi thấy lưng ướt lạnh, Sớm mới giật mình vùng dậy. Đầu chị đụng luôn vào vòm đá đau điếng. Sớm ôm đầu la thất thanh:

- Chết rồi! Nhâm ơi! Dậy, dậy! Nước lên, thuyền mắc một nửa vào hang! Nhâm hoảng hốt, huơ tay quáng quàng:

- Làm sao bây giờ hả chị? Thuyền đắm mất rồi! Hu hu... Mẹ ơi...là mẹ ơi!

- Bình tĩnh! Lấy sức chống lên như tao đây này! Không thì chết cả nút. Giời ơi là giời! Hai...ba! Mạnh! Dích mạnh ra cửa hang. Có ai không, cứu chúng tôi với!

Trời mờ sáng. Nước mỗi lúc một to. Nửa trong vòm đá, con thuyền chúc hẳn xuống, nước xoáy ào ào vào khoang.

- Chết đến nơi rồi chị Sớm ơi!

- Chết cũng phải cố! Ai cứu bây giờ? Ngửa mặt gào to lên! May sẽ có người cứu! Có ai... Cứu... chúng tôi với... trong hóc đá... đây này...

Một chiếc thuyền chã ván đang kéo lưới gần đó. Tiếng kêu từ trong núi vọng ra. Họ ngừng tay, lắng nghe. Đúng rồi! Có tiếng người kêu cứu. Chú Màu ơi! Tới đó xem sao! Chiếc thuyền vội vã rê cả đám lưới đang kéo dở, chèo thốc thác tới Hang Luồn. Anh Nghiên ơi! Có tiếng đàn bà con gái. Chiếc thuyền đò mắc một nửa trong vòm đá. Do nước lên không biết đây mà! Trông như đò chị Sớm! Anh để em thả neo... Màu chưa kịp nói hết, Nghiên đã nhảy xuống, doà đến cửa hang mấp mé nước. Lấy hơi lặn, bơi luồn vào trong, Nghiên chồi lên bám lấy mạn thuyền. Trong hang tối lờ mờ, hai người đàn bà đang chới với la hét. Anh cự đầu lên vòm đá, nghiến răng chống cật lực. Không nhúc nhích tẹo nào. Đống củi gỗ và chiếc vành mui mắc kẹt cửa ngoài. Chắc chắn chiếc bánh lái còn cắm sâu bên dưới, không thể đẩy thuyền ra được.

- Con rựa đâu?

- Trong khoang! Trong khoang...

Nghiên nhoai vào khoang, mò được con rựa. Nhanh thoắt, anh lại tụt xuống lặn về phía bánh lái, giơ rựa chặt trong nước. Phải hai, ba hơi ngoi lên, ngụp xuống, mới chặt đứt được chiếc bánh lái bằng gỗ táu rắn như thép.

- Nằm rạp dưới khoang, không nát thịt bây giờ! Nghiên vuốt mặt hét to. Anh vít lái, dìm thấp xuống, rồi lấy sức đẩy mạnh. Con thuyền trồi ra khỏi vòm đá, vọt đánh bông một cái. Nước ào lại đằng mũi. Thuyền chòng chành suýt đắm.

- Ôi! Anh Nghiên! Sống rồi! Anh ở đâu mà kịp cứu chúng em?

- ở biển lên! Có bữa làm mồi cho cá ngáo, cho cua bể nó rúc! Sao các cô lại đậu ở đây? Phải tính con nước chứ!

- Chúng em chở củi cho công trường! Mệt quá, ăn cơm xong ngủ quên. Không nhớ ra thuỷ triều lại lên nhanh đến thế! Tưởng chết. May quá lại có anh! Biết đền ơn bằng gì bây giờ? Thuyền anh đánh chã ngoài này à?...

Hai chị em líu ríu. Chú Màu nhảy sang vừa tát nước thuyền hộ, vừa trêu:

- Đền chị Sớm cho anh ấy!

- Ai lại thế! Anh Nghiên ôi người đang đợi, thiết gì tôi gái đã có chồng mà chú Màu nói vậy!

Nhà Nghiên ở đầu làng Lưu, chỉ cách làng Yên một bờ rào gai. Thực tình ngày trước Nghiên từng đứng xa trông lại, từng nhờ người đánh tiếng đến Sớm, nhưng thất vọng. Lúc bấy giờ sau cải cách ruộng đất, các trai làng như Nghiên thuộc hạng con nhà phú nông, địa chủ thường ít lọt vào mắt các thôn nữ. Cha mẹ Nghiên sắm thuyền lưới cho con xuống biển. Từ đó Nghiên quanh năm bồng bênh đánh chã cá trên cửa sông Chanh ra vịnh Hạ Long. Anh vẫn chưa lấy vợ. Thỉnh thoảng Nghiên có gặp Sớm trong những đêm chiếu chèo làng Trung Bản hát ở sân đình. Hai người chỉ thoáng thấy nhau. Những phút ấy, Nghiên không khỏi xao lòng xen lẫn hờn tủi. Trong sâu thẳm, anh vẫn thầm nhớ Sớm. Thương hoàn cảnh Sớm không con, có dịp gặp, anh không nỡ buông lời cợt nhả như kẻ khác.

Sớm đột nhiên có chửa. Biếng cơm. Đi chợ, cốt mua củ rong riềng, miếng bánh đúc về ăn dở. Thấy con chó chạy qua cũng thèm rỏ rãi. Lâm vui mừng ra mặt, vào chợ mua bằng được ít thịt chó gói lá chuối đem về cho vợ. Nhìn Sớm bốc ăn ngon lành, anh luồn tay sờ vào chỗ bụng vợ đang nhôm nhổm, nóng rẫy: Dễ tới mười lăm năm! Bây giờ chắc mới đến lúc phấn hoa gặp noãn?... Anh hy vọng, nhất định Sớm sẽ đẻ cho anh một thằng cu!

Nhưng đầu đường cuối chợ... Chuyện chị Sớm được anh Nghiên cứu thoát khỏi mắc kẹt ở Hang Luồn và sau đó bỗng dưng có chửa loang nhanh khắp làng. Người ta xôn xao dị nghị, mỗi kẻ một phách. Bao nhiêu năm nay, cô lái đò vỏ ngoài phây phây mà ruột lại là quả cau điếc. Bây giờ, cái bụng chang ang thế kia. Không biết của chồng hay của ông khách nào tài hoa đến thế? Hoá ra đời người đâu dễ chính chuyên! Nhưng chứng tỏ chị ấy đẻ được! Đợi đứa trẻ ra đời là biết ngay cái giỏ nhà ai!... Người thơm thảo đến hỏi thăm, nói lời thật lòng mừng cho chị. Kẻ ghen ghét thì nghi nghi hoặc hoặc, bĩu môi đằng sau. Thậm chí có bà, có chị thường sang nhờ vả cái cối xay, tranh thủ buổi trâu cũng lặng lẽ xa lánh, nhỡ gặp giữa đường cũng giả đò bán lối. Chị biết, đành bấm bụng vậy. Thiên hạ phập phù đồn thổi, hơi đâu mà bịt miệng người ta. Miễn là chị đã có mang! Chị sẽ giấu Lâm. Của chồng, của vợ chứ của ai? Đầu non con nước, con chị phải được vuông tròn cái đã!

Những lúc một mình, Sớm bàng hoàng nhớ lại...

Để thuận tiện giao thông thời chiến, huyện cho xây mở rộng bến đò thành bến phà. Khách qua sông không còn thấy chị lái đò đỏ mặt trước những lời trêu chọc nữa. Đò của Sớm được trưng dụng chuyên chở củi cho công trường. Thuyền chã của Nghiên cũng điều động đi chở đá. Tất cả tập trung cho con đê khai hoang chắn ngang cửa biển. Từ bấy, mỗi lần rời bến, thể nào Nghiên cũng tìm cách rong thuyền mình gần thuyền chị em Sớm. Bóng Sớm như một ngọn lửa trên con thuyền, dù xa leo lét, đứng nơi nào anh cũng nhận ra.

Đêm ấy đoàn thuyền chở đá và củi đậu sát vách núi cho anh chị em nghỉ qua đêm, đợi nước lên mai tiếp tục về. Sau một ngày lao động mệt mỏi, mọi người ai nấy thiếp vào giấc ngủ. Trong khoang, Nhâm đã say nồng. Còn Sớm tự dưng trằn trọc, khó chợp mắt. Chị khẽ khàng trút ra ngoài mui, ngồi một lúc lâu trên mũi thuyền hóng gió. Trời nhiều sao quá. Màn đêm và mặt vịnh dày đặc ánh sao nhấp nháy, chẳng khác gì những hạt thóc nẩy mầm vãi trên ruộng bùn vừa mõ. Bóng những hòn núi nằm trên bãi như những con cá khổng lồ bị mắc cạn. Tiếng cáy còng đùn bọt tí tách như tiếng mưa râm ran khắp triền đêm xa thẳm. Đây đó, tiếng những con cá bống đớp "tom tõm" y tiếng trống cầm chầu chiếu hát ả đào mà thuở bé có lần Sớm theo đám bạn đứng nghe lỏm ở nhà ông Lý Trắc... Chợt có bóng người đang lội đến. Bước chân rút nhẹ trên bùn non cố giấu tiếng động vào tiếng sóng ì oạp dưới cuối bãi. Sớm nín thở. Bóng người tới càng gần, ngay sát mạn thuyền.

- Anh Nghiên! Sao anh lại...?

- Suỵt! Nhớ em quá, không ngủ được! Cơ này trăng sắp mọc. Lên núi ngắm đi em! Anh cõng!

- Chết! Sao lại thế? Người ta biết...

- Có đánh thuốc nổ vào tai cũng chẳng thức được họ! Nào...

- Em đã có chồng!

- Nhưng tôi thương em! Không nói xiết được lòng tôi lúc này đâu! Tôi biết em đang khổ một nỗi... Mà tôi cũng đang khổ chẳng kém gì em. Xuống với tôi đi!

Sớm còn bối rối chưa kịp định thần, Nghiên đã vươn cả hai tay ra kéo, vác lên vai, rồi xoay nhanh người Sớm áp vào lưng mình. Anh vòng tay đằng sau ghì thật chắc. Sớm đấm thùm thụp mấy cái liền vào bả vai Nghiên. Nhưng cuối cùng cũng buộc phải bám chặt cổ Nghiên khỏi ngã. Cứ thế, Nghiên cõng Sớm lội nhanh qua bãi bùn lún ngập tận gối. Hơi thở Sớm phà vào mang tai, khiến anh như ngợp đi trong bao la gió và bản nhạc côn trùng vùng rừng mặn. Hai người đã ngồi bên nhau dưới chân núi.

- Anh liều thế? Không sợ à? Dám ăn cắp vợ người ta!...

- Nhưng mà tôi yêu Sớm! Sao ngày ấy em chẳng thèm nhìn tôi? Tôi buồn chán từ bấy. Hình như trời sắp đặt lại cho tôi được gặp em?...

- Anh định kể công với em đấy à? Đây cứ trả luôn bằng dăm buổi cấy nhá!...

- Không! Sớm đừng hiểu lầm tôi. Người khác mắc nạn tôi cũng cứu. Đằng này lại là Sớm và Nhâm. Như vậy là trời có ý... Tôi muốn em cấy cho tôi cả đời! Trăng bắt đầu mọc kia kìa Sớm ơi! Sớm thật thà ngẩng lên nhìn vầng trăng hạ tuần ló khỏi mỏm núi phía trước. Anh trăng màu trắng bạc toả nuột nà trên khuôn mặt Sớm. Nghiên thốt lên:

- Trời ơi! Đẹp quá! Không ngăn nổi, Nghiên ôm chặt Sớm vào lòng, nồng nàn và đay nghiến...

Vụ gặt tháng mười vừa vãn. Sớm sinh con. Một thằng cu đỏ hỏn. Không giống Lâm. Nó hao hao một người nào đó mà Lâm từng gặp. Lâm hình dung mãi chưa ra. Con phải giống bố chứ? Đằng này... Nó là con ai? Con ai? Niềm vui vụt nhanh như ruộng lúa vừa chắc hạt đã vùi trong mưa bão. Nhìn Sớm ôm con, âu yếm tấng hậng như ôm một cục vàng, lòng Lâm rối bời bời. Anh hậm hực và buồn chán quay đi, nghĩ tủi phận cho mình. Chả lẽ lúc này lại gạn hỏi, ruồng rẫy Sớm? Máu gái đẻ xông lên lại rõ khổ...

Miệng làng lúc phảng phất lúc rộ lên. Nhà Lâm có con tu hú đẻ nhờ! Được cái mậm là tốt rồi! Ai biết đấy là đâu!... Lâm ngao ngán bỏ hàng buổi đồng áng, mặc con trâu suốt đêm thèm rơm đứng vẳng muỗi, cọ sừng vào dóng cột. Mọi nét mặt, cử chỉ của chồng đều không qua mắt Sớm. Lòng chị cũng nhói đau thương chồng da diết, chứ đâu phải gỗ đá. Chị cũng không ngờ, tự hỏi sao cái phút giây ấy lại ập đến nhanh thế? Ăn vụng chóng no! Biết làm sao được? Giờ đây chị chỉ nghĩ đơn giản: Mình đã có con, có thể sinh con. Chắc trời dun dủi nên mới xảy ra sự thể này? Chị dám chịu. Đứa con là của chị, của cả Lâm, tuy nó là giọt máu của Nghiên mà chị hứng được trong cái đêm trăng sao ngoài núi đá. Chị sẵn sàng chịu Lâm xỉ vả, chịu tiếng đời đưa đẩy. Nhưng quyết không thể mất con, cũng không thể mất Lâm. Nguôi ngoai, chị sẽ thuyết phục Lâm. Cốt được con người làm vốn quí. Chị tin Lâm sẽ vị tha. Chị sẽ làm cán cân giữa hai người.

Thằng Mầm lớn lên, mũm mĩm như con cun cút. Tiếng bi bô của nó mới vô tư và đáng yêu làm sao! Lâm nhận ra nó giống tay Nghiên con ông Xã Trấn làng Lưu có con thuyền chã ván! Tuổi mục đồng, hai người thường dàn quân trong những cuộc chơi giắt cờ lau tập trận, rồi tồng ngồng lao bàn trượt trát bùn trên vạ đê. Học cùng trường Kim Bị, họ không chơi thân, nhưng cùng đường về vì hai làng giáp nhau. Lâm sớm bỏ học bởi nhà nghèo và mồ côi cha mẹ sau nạn đói năm Ất Dậu. Trường Kim Bị đóng cửa do thực dân Pháp chiếm làm bốt. Nghiên phải sang trường huyện học tiếp. Cả hai không có gì bợn gợn trong nhau. Chỉ là tình làng xã... Nhưng bây giờ Nghiên lại là ân nhân của Sớm, của Lâm. Thì ra nguyên do từ cái lần ngoài núi! Vả lại, nếu đận ấy không có Nghiên kịp đến cứu thuyền củi, cứu hai chị em? Chắc rằng Lâm sẽ mất Sớm. Nhưng, tâm địa người ta sao lại khó lường đến vậy?...

- Nỡ lòng nào cô sấp mặt với tôi! Cô giấu được mãi sao? Hãy nói sự thể tôi nghe!

Lâm vò đầu bứt tai, nghiến răng cô ghìm lồng ngực muốn vỡ tung.

-Thôi! Em xin nhà. Đừng bắt em thuật lại sự tình làm gì cho khổ! Trời ơi! Sớm ôm mặt, lặng đi. Thằng bé bỗng hu hơ khóc, giơ chân nắm tay đạp đạp vào không gian. Chị vội quệt mắt, với chiếc tã trên đầu giường bọc bế nó lên, rồi nhìn thẳng vào chồng:

- Tại tôi! Tại tôi! Sự đã rồi, tôi đâu muốn thế. Anh chửi tôi, đánh tôi thì cứ việc. Cả nửa đời tôi đã... Mọi sự tôi đều... vì anh. Tôi chỉ tiếc... sao ông giời không cho thằng bé giống mẹ nó nhiều hơn? Để nông nỗi này một mình tôi sống để bụng chết mang đi cũng cam! -Nhưng...-Sao đàn ông các anh...? Thằng bé này... nó vô tội. Nó không can cớ gì. Nó cần có tình thương...! Nuôi lớn nó, tôi sẽ đem trả lại người ta! Sớm bật khóc. -Nào tôi đã nói quá gì đâu mà nhà lại gay gắt thế? Tôi muốn sự rõ ràng, rành mạch. Tôi biết phận tôi mà! Lâm cố nuốt cái nghèn nghẹn nơi cổ họng. Nó là đứa trẻ. Tôi thương lắm chứ. Nhưng nhà cũng phải thấu lòng thằng đàn ông như tôi... -Tôi hiểu, tôi muốn anh yên lòng... nên mới định giấu anh!... Mà anh cũng nên thấu cho, bao năm trời ăn ở với nhau...

Cánh đồng qua bao mùa cấy gặt. Thằng Mầm đã cắp sách đến trường. Không ngờ Mầm học rất thông minh, giỏi nhất lớp. Trường làng vẫn học nhờ trong ngôi đình giữa đất hai làng. Nhà Nghiên ở gần đó. Một lần, ngoài sông về, Nghiên đánh bạo ra đứng ngấp nghé mé cửa lớp nhìn cu Mầm học. Thằng bé hồn nhiên, hí húi trên trang vở. Khuôn mặt non tơ sáng rỡ. Chao ôi! Nghiên nhận ra mình ngay trên gương mặt nó. Cả khuôn người đậm đậm cùng nước da ngăm dãi nắng, nước da của những người đi biển!... Tiếng trống tan trường vang lên. Nghiên bước vội qua sân, đứng nép sau cánh cổng. Hoà trong đám học trò như đàn vịt đồng túa ra nhộn nhịp, thằng bé đang đi tới. Ngực anh thậm thịch như hồi trống vừa dứt lại thúc lên. Anh lấy bình tĩnh đón ngang, vội dúi vào tay nó mấy đồng xu.

Anh hổn hển: Con... cháu cầm lấy. Bác thưởng cho... học giỏi! Thằng bé ngơ ngác, chưa hiểu, Nghiên đã bước gấp, khuất về phía cây đa. Nơi sống mũi anh cay xè. Cảm giác vừa ân hận, vừa sung sướng, lâng lâng trộn lẫn... Nhiều lần như vậy, Nghiên để dành những đồng xu mới, những con cá ngựa khô, những chiếc mo mực trắng phau cho thằng bé và dặn nó giữ làm đồ chơi. Thằng Mầm về khoe:

- Có một bác nào ấy cứ đón ở cổng trường cho con những đồng xu với những thứ này, bố mẹ ạ! Hôm nay bác lại cho con một nắm tiền to!

Cu Mầm móc trong cặp một nắm tiền cuộn tròn, chìa giữa hai người. Lâm nghẹn sững không nói gì. Sớm ôm chầm lấy con, bỗng hai dòng nước mắt ứa ra, rơi lên khuôn mặt thơ dại:

- Lần sau con không được cầm nghe chưa?

- Nhưng bác ấy cứ giắt vào cặp con rồi bác ấy chạy đi! Con bỏ đấy ngộ mất thì sao? Hứ ừ... Mầm chẳng thèm nữa đâu!

Thằng bé buông những đồng tiền xuống đất. Sớm đành bùi ngùi nhặt lên, đem giắt một chỗ... Nhân một ngày phiên chợ Đông, trên đường về, Sớm đánh bạo ghé qua nhà Nghiên:

- Cảm ơn anh! Xin trả anh. Lần sau mong anh đừng làm thế, hư trẻ. Chúng tôi vẫn nuôi được nó ăn học. Đừng làm khổ tôi! Mà anh cũng lấy vợ đi. Tôi tìm cho...

- Nhưng... Sớm ơi! Tôi thương nó, thương Sớm... Nó là giọt máu của tôi! Tôi không thể vô tình. Đừng cạn tàu ráo máng với tôi...

- Không! Nó là của vợ chồng tôi! Sớm quả quyết bước nhanh.

Một hôm khác, học về muộn, Mầm hớn hở: Mẹ ơi, bác ấy tên là Nghiên. Trưa nay bác đón con vào nhà chơi! Nhà bác bao la những lưới là lưới bắt cá ngoài biển. Bác có cái tủ đầy những quyển truyện tranh... Nom bác hiền như bố mình. Thằng Khoa cũng đi với con, lúc về nó cứ bảo con giống bác ấy y đúc. Có phải vậy không mẹ? Mẹ ngắm con đi!

Năm đó, cũng là năm Sớm tiếp tục mang thai và cu Mầm có em bé. Một thằng cu nữa. Thằng em chẳng giống thằng anh tẹo nào. Da nó trắng trẻo hơn Mầm, tiếng khóc lại to. Vừa khóc nó đã rờ ngay vú mẹ, bú chùn chụt. Mầm thích quá, vỗ tay reo:

- Con có em để có bạn chơi rồi! Sao mẹ lại khóc?

Chợt Mầm hỏi mẹ, nhưng nó không biết đấy là những giọt nước mắt hạnh phúc của mẹ nó. Ai cũng bảo cu em giống hệt bố Lâm! Từ nay, mẹ Mầm đã quen đẻ em bé! Những giọt nước mắt hạnh phúc đó, lại chỉ Sớm biết. Thằng bé thứ hai chính là giọt máu của Lâm. Đêm ấy, Lâm ghì chặt vợ như chưa bao giờ được ôm, như sợ Sớm sẽ tan mất vào sương khói. Ngực Sớm nở tròn căng, ngái thơm mùi sữa. Da thịt Sớm ấm mềm cùng mái tóc thoảng mùi lá sả sau khi tắm như mới lạ trong vòng tay, khiến Lâm càng thêm nghị lực. Sớm âu yếm:

- Mới hôm kia... Mà hôm nay mình... bỗng dưng khoẻ thế?

- Vì nhà đấy!

Chợt Sớm rùng mình rất mạnh. Khoé mắt giàn giụa. Cảm giác trong cơ thể Sớm rất rõ ràng, minh bạch. Cơ thể Sớm đón nhận sự sống ấy như một hạt mưa sau cơn mưa cuối hạ đọng trên mái nhà, rơi trúng vào chiếc bát hứng đợi dưới giọt gianh.

- Hình như hôm nay trời lập thu? Buổi sáng, em thấy nắng ngả vàng trên giàn hoa lý, hoa mướp. Đem bắc lại đám giàn cho vững đi, để chúng leo chung, kẻo sang thu mướp đậu quả lắm, dễ đổ! Sớm thì thầm vào tai Lâm.

Anh xiết chặt Sớm đến nghẹt thở:

- Ư! Có lẽ vậy! Nhưng em có biết tôi thương em đến thế nào không?

- Có chứ!

Năm Đinh Tỵ 1977, hạn hán ròng rã tận tháng bẩy mới có mưa. Đồng ruộng nẻ toác, khô rang. Mất mùa lớn. Một công chỉ được chia ba lạng thóc. Giáp hạt, cả làng bung hạt mộc mạch, nhiều nhà phải ninh củ chuối với con quéo ăn thay cơm. Do khéo lo xa, Sớm còn giữ được ít thóc cùng vài thúng khoai thái khô ăn độn. Bữa nào chị cũng nhặt hết những mẩu khoai sang bát mình, dồn lại những hột cơm cho bố con cu Mầm. Sáng nay, Sớm theo trâu đi bừa từ tinh mơ cho mát. Mới bảnh mắt, nắng đã như đổ lửa ngập trời. Thả trâu, rửa bừa xong, chị lại tranh thủ xuống cấy nhặt thêm công điểm. Nắng ngả sang chiều, rát bỏng lưng áo. Ruột Sớm bỗng đau quặn, mặt mũi tối sầm. Chị ngã sụp ngay trên luống cấy. Mọi người chạy xô đến vực dậy, cấp tốc đưa Sớm đi cấp cứu. Lâm vào rừng lấy tre đan thuyền nan để chở phân đã mấy ngày, vẫn chưa về.

Giữa kỳ nước kém, thuyền chã về đậu từng bầy dưới bãi Cống Vông. Đang phơi lưới, thấy có người khiêng võng chạy nháo nhào, Nghiên gọi với lên hỏi thăm. Biết Sớm bị trúng cảm. Anh quăng cả lưới, lội tắt bãi, chỉ kịp ngoái lại dặn bầy chã trông giùm thuyền, rồi chạy theo tới bệnh viện. Sớm trúng cảm nặng quá, sốt li bì. Nghiên ở lại chăm sóc. Nằm thiếp hai ngày trời Sớm mới tỉnh. Sớm lạ lẫm thều thào:

- Anh Nghiên đấy ư ? Nhà tôi chưa về à? Khổ quá, lại mất việc anh!

- Đừng lo! Sớm cứ yên tâm điều trị. Tôi đủ sức trông Sớm giúp anh ấy...

Cu Mầm lúc này đã lên mười. Nó cõng bộ em sang viện với mẹ. Tay xách nách mang, Mầm hạ em, hạ chiếc bị cói đựng mấy quả trứng gà và nắm cơm xuống chiếc bàn, rồi quệt mồ hôi nhễ nhại:

- Ôi bác Nghiên! Mẹ ơi! Mẹ đừng chết! Mẹ làm con sợ quá! Con nấu riêng niêu cơm trắng cho mẹ ăn chóng khỏi. Em Nam đây này!...

Nghiên ngẩn người nhìn Mầm, nghĩ bụng: Thằng con tôi! Thương quá! Ta là cha đẻ con đây! Anh ôm chầm lấy cả hai đứa: Con... Cháu giai ngoan của bác! Bố Lâm về chưa? Căn phòng đang sáng bỗng sẫm lại. Sớm và Nghiên quay ra. Lâm đã đứng sững ngoài cửa, trố mắt nhìn:

- Mình đỡ chưa? Ông cũng ở đây cơ à?

- Nhà chưa về kịp, không có xóm láng, không có anh ấy thì có lẽ... đã xanh cỏ!

Sớm cố chống tay ngồi dậy. Lâm vội đỡ Sớm nằm xuống:

- Thôi mình cứ nghỉ ngơi cho khoẻ. Mọi việc tôi đã thu xếp!

Một lát, Lâm nhìn Nghiên:

- Ông thông cảm! Tôi xin cảm ơn!

Nghiên mỉm cười, nụ cười thật hiền, khiêm nhường và đượm vẻ có lỗi:

- Có gì đâu! Tất cả vì Sớm mau lành!

Lâm bất ngờ bóp chặt tay Nghiên kéo ra cửa. Khuất khỏi bức tường, anh nói rít qua kẽ răng, nhưng chỉ đủ cho Nghiên:

- Ông còn vác cái mặt đến đây? Để chúng tôi yên! Anh em thằng Mầm là con tôi!

Nghiên sững sờ, cố trấn tĩnh quay vào. Anh bối rối chào Sớm và bọn trẻ. Sớm chột dạ, chợt hiểu điều gì vừa xảy ra. Chị hết nhìn cả hai người lại nhìn anh em cu Mầm, rơm rớm:

- Em xin hai người hãy thương em. Vì em, vì các con mà gần lại với nhau. Đời người mấy nỗi đâu các anh. Xế chiều rồi, xin hãy tha thứ cho nhau... Tất cả tại em!

Đôi mắt Sớm buổi ấy sao thăm thẳm, ánh lên đầy thánh thiện như một nàng tiên hiện hữu giữa hai người đàn ông và đám trẻ trong căn phòng nhỏ hẹp. Dẫu đa đoan, Sớm không thể đánh mất họ. Chị thương cả hai người bằng ngọn lửa đã trót cháy loang sang cả hai đống rấm ủ cạnh nhau. Cuộc đời là một bể dâu, chị sẵn lòng cam chịu để hai đống rấm cháy hết mình và những đứa con có mẹ, có bố, có chỗ dựa.

Sau dạo đó, chẳng hiểu Sớm dàn xếp thế nào mà hai người cùng chấp nhận những đứa con của họ một cách thân ái. Dần dà, trong họ cuộc sống nhen ấm áp như trong một ngôi nhà. Dư luận trong làng lại ồn ào khuấy lên:

- Kể cũng lạ! Hôm sang ông Lâm xin nắm hoa lý để chữa bệnh cho thằng cu cháu, rõ ràng tôi thấy hai ông bà ngồi nghe đám con cháu đứa gà đứa vịt hớn hở đọc thư anh Mầm dạy đại học trên Hà Nội gửi về. Cảnh nhà vui như Tết!

- Thỉnh thoảng tôi vẫn gặp thuyền ông Nghiên ngoài cửa Đầu Mối, thấy hai người ngồi trên mui phơi cá, phơi mực. Bà ấy vẫn lên chợ Hồng Gai bán cá. Mời chào lại có duyên, không ai nỡ quay đi...

- Xưa nay, đời chỉ có cảnh "một chum hai gáo" chứ bao giờ "một gáo hai chum". Vậy mà làng ta, gáo bà Sớm vẫn múc cho cả hai chum cùng chan hòa, mát mẻ, mới thật tài tình!

Khi tuổi già, bà Sớm và hai ông cùng chung một bầy con cháu. Tuy hai ông vẫn ở hai ngôi nhà, nhưng cả hai ngôi nhà cùng ấm hơi người đàn bà vai đảm, tay khéo. Họ càng nhận thấy cuộc đời này họ không thể xa, không thể thiếu được bà. Có lẽ Trời cũng cảm thông cảnh ngộ và phù hộ cho họ. Nên đứa con nào cũng vô bệnh vô tật, lớn khôn và học hành giỏi giang. Lại làm ăn ra trò. Vòng chục năm lại đây, người ta thấy những ngôi nhà khang trang, cả cao tầng hẳn hoi của đám con cháu mọc lên. Ba ông bà thay phiên đến chơi hoặc trông nhà trông cửa cho các con để chúng đi làm và các cháu đi học. Chẳng ai thấy chúng ghét dơ, tỵ nạnh, ganh ghé chi nhau. Trái gió trở trời, hai ông bố nhức đầu xổ mũi, đám trẻ cùng xúm đến hỏi han, chăm nom thuốc thang. Bà Sớm càng đẹp lão với mái tóc bạc trắng và vẻ mặt phúc hậu. Ông Nghiên đã đành, còn ông Lâm cũng sáng thêm da dẻ. Bà Sớm ốm, hai ông cùng có mặt ở nhà ông Lâm túc trực. Ngày giỗ tết, con cháu xa gần về tụ họp đông vui. Anh chị Mầm bao giờ cũng được đàn em mời lên cầm chịch:

- Đề nghị hai bác trưởng cho ý kiến!

Mở đầu, anh Mầm thường nói:

-Thầy mẹ chúng ta một thời vất vả. Các cụ sống vui ngày nào là trông vào anh em chúng ta ngày ấy. Sữa mẹ một bầu, anh em mình cùng bú...

Xúc động quá, anh đã khóc...

Tôi đi trong đám tang, ngổn ngang suy nghĩ. Nghe người làng nói về gia đình bà Sớm, mới càng ngộ ra rằng ở cái làng nhỏ bé của tôi quả thật mỗi hòn gạch lát trên các ngõ quê, khi lật lên đều có chuyện để nói, đều có chuyện có thể làm ai đó khó tin. Tin hay không thì tuỳ. Nhưng đây là chuyện vốn dĩ đã xảy ra ở làng. Mẹ tôi, dì tôi vẫn kể: làng ta có chuyện hai ông chồng cùng ăn ở thuận hoà với một người đàn bà và giữa những đứa con là một bà mẹ vất vả lo toan, gánh mọi truân chuyên, mọi đàm tiếu. Miệng lưỡi thế gian là những cơn dông. Vậy mà người đàn bà đã vượt qua được! Cái quan trọng ở đời là người ta thực sự cảm thông, tha thứ những gì trót xảy ra và biết quí yêu nhau...

Hôm nay, về làng, rõ ràng tôi được thấy lẫn trong khói hương là những lời quê kiểng:

-Bà Sớm là người có hậu! Cái hậu của mỗi đời người mỗi khác!

*

Đám tang đi qua chiếc cầu bê tông mới bắc. Mùa thu, dòng sông dưới chân cầu chảy êm ả, lai láng như dải lụa mượt mà ôm lấy vùng làng đảo. Tôi chợt thấy rất rõ hai làn nước xuôi ngược chảy sóng đôi, bên nam màu hồng sậm, bên bắc màu xanh biếc. Tôi thực sự ngỡ ngàng. Thật ra, tôi chỉ nghe nói sông quê nước chảy đôi dòng, chứ chưa có dịp nhìn tận mắt. Sáng nay tôi mới biết, dưới chân tôi, dòng sông quê đang chảy đôi dòng, thao thiết mang muối mặn và phù sa về phía biển!

DƯƠNG PHƯƠNG TOẠI

Tho

BUI ĐỨC LONG

ĐÀ LẠT 1956

Vẫn âm ỉ tới bây giờ
tro than của những bãi bờ đã xa.
Căn nhà gỗ nhỏ gần ga
nơi tôi tuổi mới mười ba, bắt đầu
hằng đêm dõi dấu tinh cầu
nôn nao nghe tiếng còi tầu thở than
ước như giá được một lần
băng đồi qua núi vượt ngàn về xuôi.
Chuyến tàu đêm ấy,một tôi
đâu hay từ đó mất thời hồn nhiên.

BÙI ĐỨC LONG

EM VÀ CHIM PHÓNG SINH

NGUYỄN NGỌC ANH

Tân với tay lấy chiếc áo mưa treo trên móc. Mưa có vẻ nặng hạt hơn, những màn nước cứ tuôn mãi không ngớt. Anh chép miệng, lắc đầu

- Trời này mà dầm mưa suốt ngày thì chắc là bệnh chết...

Đang nghĩ thầm trong bụng thì có chuông điện thoại. Lan gọi. Tân nhắc máy, tiếng trong trẻo, nũng nịu vang lên trong phone:

- Anh ơi! Hôm nay ngày cuối tuần rồi. Sáng nay mình đi "bỏ bụng" cái gì đó rồi đi uống cà phê anh nhé!

- À! Em hãy thông cảm cho anh. Hôm nay anh có hẹn với anh Năm đi bẫy chim rồi. Thôi để dịp khác nghe em. Tân ngập ngừng trả lời

- Vậy là anh đâu có nghĩ gì về em. Anh không thương em... Suốt một tuần chờ đợi, thế mà...

Tân cố giải thích cho Lan hiểu lý do anh đi bẫy chim. Nhưng cô ấy vẫn vùng vằng trách móc anh và cuối cùng, bằng giọng nghẹn ngào, cô đòi "nghỉ chơi" với anh rồi cúp phone.

Mân mê trên tay chiếc điện thoại, anh cảm thấy nặng trĩu một nỗi buồn. Hình như tất cả đã vụt bay.

Tân làm việc văn phòng cho một công ty tư nhân chuyên chế biến cà phê. Công ty ban đầu làm ăn có lãi nên đời sống của anh tương đối nhàn hạ, đầy đủ bù đắp công sức những ngày miệt mài ở trường Đại học.

Năm nay có nhiều doanh nghiệp nước ngoài nhảy vào lãnh vực làm ăn của công ty anh. Yếu vốn và thiếu nhanh nhạy trong việc nắm bắt thời cơ, nên công ty dần dần rơi vào tình trạng thua lỗ, dẫn tới phá sản, nên Tân bị mất việc.

Anh lang thang tìm kiếm chỗ làm mới, nhưng nơi nào cũng chối từ. Với đồng lương đền bù ít ỏi, cuộc sống của Tân trở nên khó khăn. Anh phải hạn chế những cuộc đi chơi với Lan. Tình yêu của họ từ từ trầm lắng.

Thời gian trôi trãi, Tân thường đến chơi vơi Năm, một người bạn cùng quê với anh trước đây học chung lớp trung học. Năm lên vùng đất cao nguyên, lập trang trại và có gia đình ở đây. Ngoài việc đồng áng, Năm có thêm một nghề tay trái là đi bẫy chim phóng sinh. Thấy Tân trong thời gian này rãnh rỗi, Năm rủ Tân tham gia, trước giải sầu, sau có thêm chút đỉnh tiền để chi tiêu. Thoạt đầu, Tân lưỡng lự vì nhiều lý do: anh sẽ bỏ lỡ những lần hẹn hò với Lan. Anh nhớ, có lần tặng cho cô ấy một chú chim chảo mào hót rất hay, nhưng Lan nói với anh, không thích cảnh cá chậu chim lồng, mọi sinh vật trên thế gian này đều cần có cuộc sống tự do nên cô đã thả chim bay đi.

Cuối cùng nghe Năm nói sự hấp dẫn của công việc bẫy chim và kiếm được nhiều tiền

nênTân đồng ý tham gia.

Năm chở Tân đi trên chiếc cà tàng "làm ăn" của anh ta đi vòng vo tam quốc tìm kiếm những cánh đồng có chim đỗ về.

Ra tới cánh đồng Phạm Hồng Thái (tên gọi thung lũng gần một trường Trung học), thấy những đàn chim đang chao lượn trên bầu trời, cả hai quyết định xuống bẫy. Đường từ đỉnh đồi xuống ruộng dốc đứng, nên dắt xe máy thật khó khăn.

Mùa này mưa dầm nên lúa ngập hơn nửa thân cây. Các trà lúa gieo trồng không cùng ngày nên có chỗ mới gieo, có chỗ lúa mới trổ hay chín vàng tạo cơ hội cho chim xuống ăn.

Năm và Tân lội bì bỏm tìm đến một đám lúa đã trỗ, - nhưng bị đen lép nhiều nên chủ ruộng bỏ vãi -, để rập chim. Sau hơn nửa tiếng đồng hồ dọn bãi, bẫy chim được hoàn thành với hai mảnh lưới đạt nằm sát đất và những chú chim mồi đươc Năm cột vào cọc, cắm khuất dưới cây lúa, chỉ thấy chúng vẫy cánh kêu chiêm chiếp dụ đàn chim ngờ nghệch đang bay lơ lửng trên trời...

Năm ngồi núp trong những cành lá ngụy trang gần bẫy để rập chim. Tân chạy theo đàn chim đang tản mác khắp cánh đồng để xua đuổi chúng bay tìm về bẫy. Đồng ngập nước nên việc đi lại trên ruộng khó khăn. Anh thật sự cảm nhận nghĩa đen của câu "lên bờ xuống ruộng". Có những lúc anh bước hụt chân dưới đám ruộng ngập ngang lưng hay dẫm phải gốc cây, đá nhọn... khiến anh đau buốt.

Chạy đuổi vòng quanh cánh đồng, bắt được một số chim kha khá, nhưng Tân cũng đã thấm mệt. Năm còn ham bắt tiếp nên Tân lại phải chạy khắp nơi, mặc cho đôi chân đau nhức và bụng đói cồn cào. Anh hoa mắt, hoa mũi nhưng đành chịu đựng đến chiều mới có miếng ăn.

Trời mưa càng lúc càng lớn, người anh ướt sủng, hai đôi chân ngâm trong nước bùn, thấy xót xa và tủi cho phận của mình. Một chiếc máy bay từ phía cuối cánh đồng (giáp với sân bay Cù Hanh -Pleiku) đang từ từ chạy ra phi đạo, rồi cất cánh bay là là trên đầu anh. Anh có cảm giác, đó là con chim lớn, đơn độc đang chở nhiều người bay xa. Anh rút điện thoại đựng trong bịch nylon tránh ướt ra, vội vàng nhắn tin cho Lan: "Em đang ở đâu? Anh đứng trên đồng. Vất vả và nhớ em nhiều". Một tin nhắn ngược lại: "Em đang chờ anh, rảnh nhớ gọi cho em". Chút ấm áp len lỏi trong lòng Tân...

Đàn chim thưa dần, hoặc vừa sẩy khỏi bẫy, hoặc không xuống ăn lúa được nên kéo nhau bay nơi khác. Lúc này Tân mới có dịp quan sát khắp cánh đồng. Mặc dầu là ruộng lúa nhưng nó lọt thỏm giữa thành phố. Lúc nào cũng có tiêng ầm ì của máy bay từ xa. Tân chạnh nhớ những ngày đi qua Suối Đá (giáp ranh phi trường). Con suối tuy nhỏ nhưng nước chảy xiết, tung bọt trắng xóa. Một dòng chảy vang đều tiếng nhạc, len lõi qua các phiến đá và xa xa là những cánh đồng lúa chín. Cảnh đẹp hòa vào tiếng nhạc của những bài hát trữ tình, vọng lại từ khu nhà hàng sinh thái nằm lưng chừng trên đồi, khiến Tân chạnh lòng...

Tân cố quên đi những cảm giác chua cay này. Anh dõi theo những nông dân người dân tộc, đang cấy dặm lúa, chuyện trò râm ran vui vẻ. Những chiếc sõng lướt trên mặt ruộng đang gõ ầm ầm vào mạn để xua cá vào lươi đang giăng. Những bà già và đám trẻ choi choi tranh nhau xúc tôm, xúc cua... dọc theo bờ ruộng. Tất cả tạo nên hình ảnh sinh động khiến Tân thầm nghĩ, chung quanh anh còn biết bao người bươn chải, luôn tự thân vận động để thích nghi với cuộc sống nên việc anh làm hôm nay cũng chẳng có gì đáng xấu hổ.

Xế chiều, Năm và Tân thu dọn đồ nghề rời khỏi bãi. Năm chở chiếc lồng chật cứng chim tới một cửa hàng thành phố để bán. Chim mua nhốt trong cửa hàng khá nhiều, lên đến hàng ngàn con. Chủ cửa hàng - Một phụ nữ trung niên bận bộ bà ba màu lam, cổ và tay đeo nhiều xâu chuỗi hạt, có lẽ bà thường xuyên đên Chùa - cò kè trả giá vì chưa tới ngày rằm, mồng một, nên ít người mua chim phóng sinh. Trong khi Năm năn nỉ bà chủ thêm giá, Tân quan sát thấy số chim chết vì chen chúc, đói ăn, nằm dưới đáy lồng khá nhiều. Mấy con mèo đang lảng vãng dưới nền nhà, Anh không biết mình đang tham gia vào một hoạt động "phóng sinh" hay "bức tử" những con chim vô tội!

Bất chợt, có giọng thiếu nữ hỏi mua chim vang lên. Tân quay đầu lại. Trời đất! đó là Lan. Cô đến

đây làm chi? Tân tự hỏi. Lan đi nhanh về phía anh và nói:

- Đây là cửa hàng của chú họ. Em đến chơi. Không ngờ gặp các anh ở đây.

Tân bối rối, cười gượng gạo và nhìn Lan.

Lan lại gần Tân nói khẽ:

- Tối nay mình gặp nhau nha anh. Em sẽ thả chim phóng sinh để cầu Phúc cho anh, cho em, mặc dầu chưa tới ngày rằm...

Pleiku - 08/2013

NGUYỄN NGỌC ANH

Thơ

HỒ CHÍ BỬU

MÙA THU

tan rồi giấc mộng vàng phai
thu phong thổi rụng ra ngoài giấc mơ
chiều sương cát phũ mịt mờ
có ta ngồi giữ trang thơ cuối mùa
chỉ còn chiếc áo thu xưa
choàng vai sao ấm chiều mưa lạnh lùng

HỒ CHÍ BỬU

MẸ ƠI ! MẸ Ở ĐÂU ?

PHAN

Thằng Dũng làm tôi nhớ anh Vọi trong truyện của Khái Hưng. Nó to xác, da ngăm và ăn to nói lớn. Người thanh niên cường tráng đến cục mịch với vai u thịt bắp, lại hơi thấp người ấy không mấy được lòng những cô gái trẻ nơi thành thị như những chàng trai mày râu nhẵn nhụi áo quần bảnh bao, họ có Sở Khanh hay không chưa biết, điều các cô sướng trước mắt là đi chơi với một thanh niên điển trai, cao ráo, trắng trẻo… và lái một cái xe thể thao đời mới, dường như là căn bản của thanh niên thị thành muốn cặp kè với một cô nàng…

Đó là suy nghĩ cá nhân với những gì trong mắt tôi về lớp người sau mình. Riêng với Dũng, tôi có một tình thân hơn những xã giao bình thường với những người đồng hương và làm chung hãng. Chúng tôi thường nhặt lại chút tình tự quê hương qua những món ăn đã lâu không đụng đũa; như Dũng xớt cho tôi chút ốc nấu chuối xanh với lá tía tô, là món có đến ba mươi năm tôi chưa đụng tới. Vì từ khi lập gia đình, tôi đã thôi ăn cơm mẹ nấu, nên làm gì có món ấy trên bàn cơm gia đình nhỏ với người vợ đời mới của tôi; Hôm thì tôi xớt cho Dũng nửa phần cá *catfish fillet* xào với bún tàu, cà ri, nấm mèo, của hành trắng. Nó thẫn thờ nhơi như không ngon miệng, kỳ thực là anh Vọi nhớ mẹ, vì từ khi không còn mẹ thì không ai làm món này cho anh ta ăn nữa…

Chuyện vãn với Dũng những lúc rảnh tay khi cúp điện, hay máy ngưng hoạt động vì hỏng hóc, chờ thợ máy sửa chữa thì không chuyện gì ngoài những món ăn là chuyện có thể trao đổi; đừng động đến văn học nghệ thuật, hay khoa học kỹ thuật. (Giải Nobel văn chương năm nay về tay ai; Popular Science số mới nhất nói tới kỹ thuật gì, là những chuyện người thanh niên này mù tịt). Nhưng tôi vẫn thấy ở Dũng sự đáng tin cậy mà nhiều người bạn trẻ khác không có; tôi như cảm nhận được lòng chân thành vẫn còn hiện hữu trong đời thường với người thanh niên này. Dũng sinh năm 1990 tại New Orlean. Anh bạn trẻ của tôi đã sống hạnh phúc suốt tuổi nhỏ với cha mẹ và

em gái trong một gia đình ngư dân vùng biển.

Mọi chuyện khởi đi từ cơn bão Katrina năm 2005. Cha của Dũng bị gãy ba xương sườn, dập một lá phổi và chấn thương cột sống. Gia đình bốn người chạy bão về Houston trắng tay. Người cha là trụ cột của gia đình đã đổ quỵ xuống theo cơn bão quái ác; và ông trở thành cái xác chết còn thở từ khi mẹ của Dũng biến mất khỏi nhà. (Theo tin đồn là bà đã đi theo một người đàn ông khác). Trong trí nhớ của Dũng, người đàn ông ấy cũng không xa lạ. Nhưng ông ta nổi trội hơn cha của Dũng ở làng chài. Ông cũng mất hết gia tài sản nghiệp, cả vợ con trong cơn bão kinh hoàng. Dũng hận mẹ khi mới 15 tuổi, nhưng bươn trải ra đời để giúp cha, nuôi em. Dũng hiểu được giá trị của đồng tiền, cơ cực của miếng cơm manh áo, nên chỉ mong cầu cho mẹ được hạnh phúc, vì sức người đàn bà không thể chống chọi nổi với gia cảnh lúc ấy!

Tâm sự của Dũng ngậm ngùi, nhưng lòng bao dung của người bạn trẻ le lói một tia hy vọng là Chúa chưa mất chỗ đứng trong đời. Anh ta có đức tin vững mạnh hơn cả đôi tay đầy cơ bắp của anh ta. Tôi thường an ủi Dũng trước hoàn cảnh, và tin tưởng ở đức tin trong anh sẽ giúp anh qua được hoạn nạn.

Dũng là nguyên nhân chính cho tôi trả lời câu hỏi của con trai tôi. Một hôm, con trai tôi từ trường trở về nhà nghỉ lễ Giáng sinh, nó hỏi bố: "Con muốn theo đạo Tin Lành. Bố nghĩ sao?" Tôi nghĩ là tôi không bao giờ dám mở miệng hỏi bố tôi câu này vì gia đình đã thờ Phật từ nhiều đời. Nhưng hình ảnh Dũng với đức tin đã vượt khó như thế nào, làm tôi không nổi giận với con trai, và như lần đầu tiên trong đời - tôi thật sự là một người cha. Tôi trả lời con tôi: "Người ta không hơn nhau cái nhà, cái xe, có bao nhiêu tiền trong nhà băng, có học vị gì trong tay, có địa vị gì trong xã hội... mà người ta chỉ hơn nhau đức tin trong lòng mình. Chúng ta đã và đang sống trong thời đại khủng hoảng niềm tin, nhưng mọi người chỉ lao đi kiếm tiền và hưởng thụ. Nay, con biết hướng tới đức tin, là phần phước của con. Hãy làm điều con tin tưởng trong lòng bằng hết thành tâm. Chúc con toại nguyện."

Trò chuyện với Dũng, tôi thật sự không hiểu đức tin trong anh hay Đức Chúa đã thật sự cứu thế qua tay người đàn bà mất chồng, mất con, mất hết... trắng tay cũng trong cơn bão Katrina. Bà ta sống dựa vào gia đình Dũng như chỉ để thấy mình vẫn còn gia đình. Người mà Dũng gọi là dì Mượn. Dì đi làm tiệm phở ở Houston, ngày ngày trở về nhà để săn sóc cho cha của Dũng, lo cơm nước, giặt giũ cho anh em Dũng. Điều không ai làm được thì dì làm là an ủi, xua đi hận thù trong lòng em gái của Dũng.

Nhưng Thiên sứ của Chúa trời bỗng một hôm hết việc khi Chúa gọi cha của Dũng về trời. Công đức của dì Mượn bỏ ra gần ba năm thiện nguyện chỉ được cha Dũng đền đáp phũ phàng. Dù là sự tàn nhẫn của đời sống cũng không nên nói ra, nhưng ông đã nói với dì trong một lúc ông tỉnh táo nhất, "Tôi mang ơn dì thương xót cha con tôi. Cầu Chúa ban phước lành cho dì. Nhưng dì hãy đi đi; hãy đi làm lại cuộc đời sau thử thách của Người. Đừng ở lại đây với cha con tôi, khi tôi đã không thể làm được gì để nuôi các con tôi, thì tôi giúp gì được cho dì..."

Dì Mượn chỉ khóc hết nước mắt tủi thân, rồi xách vài bộ đồ ra đi. Dì đi cho cha của Dũng an tâm chìm vào hôn mê từ đó để dì dễ chăm sóc hơn cho ông tới khi ông mất. Dì thành người mẹ kế trong nhà từ bao giờ thì Chúa biết! Dũng muốn kêu tiếng mẹ cho dì bớt tủi thân, một lời "cảm ơn mẹ" với cái áo mới, đôi giày, cái nón, sao khó nói. Nhưng em gái của Dũng thì ra thẳng tiệm phở làm dữ với ông bà chủ tiệm là không được ăn bớt tiền tip của mẹ tôi. Nó gọi dì là dì ở nhà, nhưng

công khai ngoài đời, dì là mẹ nó; trong khi dì chỉ là mẹ trong tâm Dũng thôi!

Mẹ trong tâm của Dũng đã một tay gầy dựng lại hai mái nhà đổ nát thành một gia đình-một mẹ hai con không cùng huyết thống. Nuôi dạy em gái Dũng thành người mạnh mẽ chứ không yếu lòng như Dũng-cơ bắp. Nó học hành giỏi giang và tự tin từ tình thương, hơi ấm dì Mượn trút hết cho nó nên nó sắp lấy được bằng luật sư. Trong khi Dũng chỉ biết đi làm thuê làm mướn khi chưa tới tuổi được đi làm hãng. Bây giờ thì tới hết đời đã chắc chắn định mệnh với hai chữ "công nhân".

Dũng tin Chúa đã an bày mọi chuyện. Hãy làm theo lời dạy của Người là yêu thương anh em bằng chính lòng thành tâm của mình. Dũng yêu thương, kính trọng dì Mượn như mẹ đẻ. Nụ cười héo hắt, hiếm hoi của dì sau cơn bão đã tan đi phần nào để thay bằng nụ cười mãn nguyện khi Dũng tự tay nấu tô cháo cho dì lúc dì bệnh, hay em gái mua sắm cho dì bộ quần áo, chút son phấn hôm lễ tết... Ước nguyện của dì chỉ là được trông thấy con của thằng Dũng, và dự lễ tốt nghiệp Luật sư của em gái Dũng, là mãn nguyện.

Nhưng Chúa lại thử thách dì với cơn sóng dữ mới. Dì hư hai trái thận. Điều chờ đợi sẽ đến sớm hơn trái thận của người hiến tặng là sự chết. Dì phi thường như người dọn bàn tiệm phở không biết mệt đã nhiều năm để Dũng còn có một gia đình, nguôi ngoa nỗi buồn mất mẹ và hơn hết là lòng hận thù người mẹ đẻ vô tâm nguội đi với tình thương của người mẹ mà dì đã dành cho Dũng. Dũng quyết định một mình, vì nói ra sợ em gái chống đối. Dũng đi làm xét nghiệm để hiến tặng cho dì một trái thận của mình. Vì dì không thể chết, khi sự đền đáp của Dũng còn ở trong lòng chứ chưa làm được gì cho dì. (Dũng cũng hiểu biết về người sống với một trái thận duy nhất; nhất là thanh niên thì đời còn dài và tương lai gia tộc của mình...) Nhưng tình yêu thương chỉ đền đáp được bằng lòng yêu thương vì nó vô điều kiện.

Để rồi hai anh em gặp nhau trong phòng xét nghiệm vì em gái của Dũng cũng không nói ra vì sợ anh trai không đồng ý!

Buổi chiều biết tin mẹ bỏ nhà đi, Dũng ôm em gái trong lòng để nó đừng nổi điên làm điều dại dột; nhưng ý nghĩ chết quách đi cho xong trong đầu Dũng hiện lên cám dỗ thì chính dì đã an ủi Dũng nên Dũng còn giữ mạng được tới hôm nay. Dì đã cứu hai đứa trẻ nên chúng cứu dì bên bờ sanh tử là chuyện tự nhiên của lòng thành. Dũng nhớ như in tấm thân gầy của em gái năm nó mười tuổi; thì nay cái ôm em gái trong hành lang bệnh viện như ôm chính mẹ mình, nó đã là một thiếu nữ mà nam giới gặp qua sẽ tìm cách ngó lại thêm lần nữa; nó giống mẹ mặm mà hơn là đẹp; thuộc loại người có sức hấp dẫn, thu hut người khác... nó lại có một tương lai sáng lạn đang chờ đợi. Dũng cầu nguyện Ơn trên cho kết quả xét nghiệm chọn mình chứ đừng chọn em gái khi anh em đã thoả thuận là không dấu nhau thêm lần nào nữa; và tin, và làm theo ý Chúa.

Nhưng kết quả xét nghiệm từ chối cả hai.

Dì Mượn khoẻ ra khi biết được lòng hai đứa trẻ mà dì đã cưu mang theo tiếng gọi bề trên. Dì đã gieo hạt nhân trên đổ nát để mùa nghĩa đãvề, dì bình thản ra đi như người thiên sứ đã làm xong nhiệm vụ.

Nhưng bên kia đời khổ đau không có tên dì. Nên dì nhận được trái thận hiến tặng thay lệnh triệu hồi thiên sứ. Dì Mượn còn chưa nhận lại gì từ anh em Dũng, nên dì sống với trái thận của người hữu duyên vô tánh. Chỉ em gái của Dũng có lỗi quá giỏi giang nên nó biết được đó là trái thận của mẹ đẻ đã tặng cho mẹ kế. Nó tha lỗi cho bà, nhưng không nhìn nhận. Nên chỉ còn mình Dũng lê la trên đường đời để tìm mẹ đẻ vì người đã rửa tội và cũng đã đến tuổi cần được con cái chăm sóc, nhất là người chỉ còn một trái thận và lòng ăn năn...

PHAN

GỐC CHAY VƯỜN CŨ

HOÀNG GIA CƯƠNG

Thẫn thờ trước mảnh vườn xưa
Vườn xưa ... tôi đứng thẫn thờ ...
Trống trơn ! (*)

Tôi về tìm lại mảnh vườn xưa sau nhiều năm phiêu bạt. Mảnh vườn ấy là nơi mà suốt bao năm tôi hầu như không một lúc nào nguôi quên về những kỷ niệm của một thời thơ ấu. Phải chăng dấu ấn của quê hương chính là dấu ấn của mảnh vườn nhỏ nhoi và thân thuộc với mỗi cuộc đời ?

Đâu rồi gốc mít, gốc cau
Đâu rồi đụn rạ, cầu ao...
Đâu rồi ?(*)

Mảnh vườn xưa thân thuộc của tôi giờ đã không còn. Thay vào đó là một ruộng lúa còi cọc màu vàng úa, đối lập với cánh đồng xanh mướt xa xa. Một thực tế phủ phàng như bất chợt ập xuống lòng tôi!

Quê tôi ở vùng gió Lào nắng nóng. Vùng đất ấy tuy khắc nghiệt đói nghèo nhưng cảnh sắc thật là thơ mộng. Con sông Gianh hiền dịu, nước xanh ngăn ngắt phập phồng hơi thở theo nhịp thuỷ triều lên xuống quanh năm; chỉ trừ những ngày ầm ầm nước lũ từ trên nguồn đổ xuống, dữ dằn như thiếu phụ nổi cơn ghen! Tuổi ấu thơ tôi được ngâm tẩm đến đen dòn bằng chất nước mặn mòi của con sông mà đại dương đều đều ban tặng. Con sông là nơi ngày ngày tôi câu cá vớt tôm, là bể bơi, là "câu lạc bộ" của một thuở chăn trâu đi học. Đói thì trèo cây hái trái *bần* ăn, nóng thì cũng từ trên ngọn bần nhảy tùm xuống nước .*"Tôi giang tay ôm nước vào lòng . Sông mở nước ôm tôi vào dạ!"*(**). Bên bờ sông là những ngọn đồi, có *sim*, có *mua*, có bao nhiêu loại hoa và quả dại mà bọn trẻ chúng tôi vẫn coi là nguồn thực phẩm để kiếm tìm những lúc đói meo! Những buổi chiều tà, trèo lên đỉnh đồi nhìn ra bốn phương tám hướng, ánh nắng dát lên cánh đồng, lên mặt nước, lên những cồn cát trắng xa xa và lên ánh xanh mờ của mặt biển tít tắp tận chân trời, tôi dường như quên đi tất cả những khó khăn đói khổ giữa những ngày chiến tranh tàn khốc. Phía sau lưng, bên kia bờ sông uốn lượn là rặng núi Giăng Màn (tức dãyTrường sơn) như một bức trường thành hùng vĩ đang tím dần, ngăn ráng chiều thành những mảng hình đầy gợi cảm và kỳ bí. Dưới chân đồi, dãy nhà ga đường sắt bị đạn bom nham nhở tạo nên những hốc sâu đen ngòm như từng hố mắt nhìn lên. Cách đó không xa là chiếc cầu sắt cong queo, đổ gục xuống dòng sông! Hồi ấy tôi còn là một đứa bé nhưng rất hay quan sát và suy diễn. Tôi cứ nhìn phương xa mà hy vọng tương lai, nhưng khi ngắm lại xung quanh thì như sực tỉnh về thời hiện tại!

Cái xóm nhỏ mà tôi sinh ra và lớn lên nằm kề bên ngọn đồi và nhà ga. Như bao làng quê Việt nam, cũng rặng tre bao bọc, cũng hàng cau xếp hàng thẳng tắp, cũng bụi chuối, gốc ổi, ngọn bòng, cũng chùm khế, cành na đung đưa mời mọc ... Hồi ấy làng tôi toàn nhà tranh, chỉ có một hai ngôi nhà ngói. Vì không xa rừng lắm nên tuy gọi nhà tranh nhưng cột kèo thường bằng gỗ lim chắc nịch, mái thường lợp tranh, lợp *vọt* (ngoài Bắc gọi là guột) kín dày, bền hơn mái ngói. Bây giờ ở nhà mái bằng bê tông cốt thép, tuy chắc chắn nhưng lại không thích bằng ngôi nhà tranh đơn sơ thuở ấy. Nói thế có thể có người không tin nhưng mà đúng vậy. Nhà tranh về nùa hè mái không bị nung, mở toang các cửa, gió ào qua mát rượi. Còn mùa đông lại giữ nhiệt rất ấm. Cũng có thể cái mát mẽ và ấm áp ấy chính là của mẹ tôi, của cha tôi truyền cho trong những ngày ấu thơ mà tôi còn cảm nhận tới bây giờ ? Ngôi nhà đã bị giặc đốt đi đốt lại, lâu rồi. Gần nửa thế kỷ xa mẹ và xa quê mà tôi vẫn chưa bao giờ nguôi quên những gì tôi đã có.

Mảnh vườn là thế giới thu nhỏ của riêng tôi. Nửa thế kỷ rồi nhưng tôi vẫn còn nhớ rất rõ những nét thân quen trong mỗi góc vườn, đặc biệt là hai cây *chay* cổ thụ. Hai cây chay nằm hai đầu ngôi nhà, bóng trùm kín mái tranh và một khoảng sân vườn rộng. Hai cây chay như hai cột mốc chỉ rõ vị trí ngôi nhà của tôi mà từ những khoảng cách rất xa đã có thể nhìn thấy. Tôi gắn bó với hai cây chay như hai người bạn thân thiết nhất của mình. Khi vui tôi trèo lên cây ngồi hát nghêu ngao. Khi buồn tôi cũng trèo lên cây nằm khóc thút thít và dường như được cây an ủi che chở để vơi đi tất cả nỗi buồn! Hai cây chay cũng có hai cá tính khác nhau mà có lẽ chỉ riêng mình tôi thấy được. Cây chay ở phía tây nam ngôi nhà xanh tốt quanh năm, khoẻ khoắn như một trung niên vào thời sung mãn. Gốc cây to người ôm không xuể. Cây chay này ra nhiều trái lắm. Mẹ tôi thường hái trái cây để nấu canh chua. Trái chín có vị ngọt hơi chua chua dìu dịu rất hợp với các chị các cô. Tán cây xoè rộng nhưng không hề hấn gì trước gió bão bởi nhánh cành rất khoẻ, rất chắc. Còn cây chay ở phía đông bắc ngôi nhà là một cây già, tuy to nhưng có vẻ yếu ớt, thân cây đã bị ruỗng nhiều phần, các loại chim thường về chọn những hốc sâu làm tổ. Cây chay này ít trái nhưng trái rất to, rất ngọt. Tôi chỉ thích trái cây này nên thường giữ riêng không cho ai trèo hái. Có thể có nhiều người chưa biết đến trái chay, mặc dù ngay ở Hà Nội cũng nhiều khi có bán. Đó là một loại trái cây to cỡ nắm tay, hơi tròn nhưng không định hình rõ rệt. Khi trái non thì vỏ xanh ruột đỏ hạt trắng, bổ đôi trông rất đẹp nhưng chua loét, chỉ có thể dùng nấu dấm. Khi chín thì có màu vàng ươm như màu mơ, vỏ mỏng, ruột có múi đỏ tươi, vị ngọt pha chua na ná vị mơ. Không biết đã có ai làm thử chưa, nhưng tôi nghĩ trái chay mà làm rượu vang thì chắc là ngon tuyệt. Hạt chay rang ăn vừa thơm vừa béo. Tôi biết nhiều nơi cũng có chay. Hồi đi sơ tán ở Bắc Giang tôi đã gặp nhiều nhưng tôi chưa gặp một cây nào có trái ngọt như cây chay ở vườn nhà tôi. Rất nhiều người quanh vùng đến xin giống, về trồng vẫn cho quả ngọt nhưng không bằng cây mẹ. Phải chăng tại họ trồng chưa đúng cách hay tại khoảnh đất vườn tôi có gì đặc biệt mà cho trái cây ngon vậy? Trong những năm kháng chiến, bom đạn nhiều lần cắt ngang bổ dọc vào cây, ngôi nhà bị giặc đốt nhiều lần, cháy xém cành cây, nhưng cả hai cây vẫn sống, vẫn xanh tốt, vẫn cho trái đều đều. Sức sống của cây có khác gì sức sống con người quê tôi? Những năm chiến tranh, bom B52 cũng không thể làm cây đổ, như làng tôi vẫn đứng vững vàng trên tuyến đầu đất lửa!

**

Bẵng đi mấy năm, nay tôi mới có dịp về thăm lại mảnh vườn xưa. Một phần làng trong đó có nhà tôi đã chuyển lên đồi từ thời hưởng ứng phong trào Quỳnh Lưu, chuyển nhà lên đồi để lấy đất bằng làm ruộng. Vườn cũ chỉ còn là mảnh ruộng được máy gạt san bằng. Một con mương thẳng tắp cắt ngang góc vườn như vết dao khía vào chiếc bánh. Có lẽ vì đất nền nên lúa không tươi tốt. Những dấu tích của rặng tre, của những gốc cây to vẫn còn nằm rải rác đó đây... Tôi còn nhớ như in vị trí từng cây ổi, cây mít, cây bưởi, cây na; từng khóm chuối, gốc cau mà suốt một đời cha tôi vun trồng chăm bón. Vốn là một nhà Nho, giao du nhiều nên cha tôi cũng theo bước ông tôi, thường hay sưu tầm các giống cây quý về trồng trong vườn nhà. Một cây mận lấy giống từ ngoài Bắc, một gốc cam từ Vinh, một cây na từ Huế, cây ổi tận trong Nam... Còn hai cây chay tôi không rõ từ đâu, có thể đã có từ đời ông tôi hoặc lâu hơn nữa. Phải tới trăm năm mới có được gốc cây to đến thế. Người trồng cây là người bao giờ cũng nhìn vào lợi ích của hàng chục năm sau, có khi đời mình không được hưởng. Bác Hồ đã từng dạy: *"Vì lợi ích mười năm thì trồng cây. Vì lợi ích*

trăm năm phải trồng người". Cùng với việc nuôi dạy con cháu nên người, khi trồng hai cây chay này có thể ông tôi hoặc cụ cố tôi cũng đã từng nghĩ vậy. Các con tôi, các cháu tôi sau này chắc khó mà hình dung được hai cây chay vừa to cao, rợp mát lại ngọt ngào như thế. Nhìn hai nấm đất như hai cái gò nổi, dấu tích của hai gốc chay bị đốn, tôi bỗng nhớ tới một cây nhãn tổ ở thị xã Hưng Yên mà giống quý đã được nhân ra hàng triệu cây đem trồng khắp nước. Nếu cây nhãn ấy cũng bị vô tình đốn gốc như cây chay? Nếu người ta biết quý trọng một cây chay cho trái ngon đặc biệt như vậy thì cây chay thân thiết của tôi đâu bị chặt oan để bây giờ tôi đứng tiếc ngẩn ngơ? Ruộng lúa đã phủ kín vườn xưa, nhưng hai mô đất nổi cao như hai nấm mộ! Có lẽ khi cưa hai gốc cây này mất khá nhiều công. Tôi lội ruộng đến bên mỗi gốc cây, đứng lặng hồi lâu. Tôi như thầm nói với cây những lời thương tiếc tận đáy lòng. Giá như có thể thắp một nén hương cắm lên nấm đất như thắp hương cho một linh hồn đã khuất! Tôi nghẹn ngào tưởng như đang nghĩ về những người thân. Những người bạn của tôi, nơi cất dấu bao kỷ niệm thơ ấu của tôi... giờ chỉ còn là hai nấm đất! Một vài chồi non mọc lên từ hai nấm đất cũng bị chặt cụt rồi. Hai cây chay đã qua bao đạn bom, giông bão vẫn tốt tươi, thế mà giờ chỉ còn là hai nấm đất, hai nấm mộ vô danh! Tôi xa quê từ lâu, đã định cư nơi khác và hẳn là khó có dịp thưởng thức hương vị trái cây vườn nhà, nhưng khi nhìn hai nấm đất tôi cứ tiếc ngẩn tiếc ngơ như chính mình bị cướp đi một nguồn trái quý!

Một tiếng gọi từ xa bỗng làm tôi sực tỉnh. Những người phụ nữ đang làm đồng nhận ra tôi, cầm nón vẫy vẫy. Họ là ai, tôi không nhận ra. Khi rời làng tôi còn là một đứa bé, chỉ có độc một cái quần cộc cũn cỡn trên thân hình nhỏ thó và đen như đáy chảo. Có lẽ họ nhận ra tôi do đồn đại chứ không vì những nét thân quen. Trong làng hầu hết đều có mối ràng buộc họ hàng, không nhận biết một ai nên tôi rất khó xưng hô. Những người phụ nữ lớn tuổi cầm tay tôi hỏi dồn hỏi dập về chuyện xưa chuyện cũ, về những gì đã xẩy ra hơn bốn chục năm về trước, rồi xuýt xoa tấm tắc, ngắm nhìn như ngắm một con người từ hành tinh khác đến! Họ xưng danh, xưng vị thứ trong dòng tộc và kể vanh vách từng chuyện nhỏ nhặt về tôi của cái thời vừa mót khoai vừa đi học, ngót nửa thế kỷ xa xưa ấy. Điều làm cho tôi bất ngờ và ngạc nhiên là họ biết và khẳng định là tôi đang nuối tiếc về 2 gốc chay bị đốn! Tại sao họ không nói đến gốc na, gốc ổi hay gốc cau, gốc mít mà lại đúng là gốc chay? Thì ra không chỉ riêng tôi mà hầu như mọi người đều tiếc cho 2 gốc chay quý hiếm ấy! Một sự đồng cảm gần như khi chia sẻ một nỗi đau thương mất mát người thân, làm tôi xúc động đến nghẹn ngào!

Tôi có trách ai đâu? Tôi có oán ai đâu? Tôi chỉ tiếc nuối về một sự mất mát mà không dễ gì bù đắp. Sự mất mát này không thể chỉ quy về mặt ích lợi kinh tế mà cái chính là về mặt tinh thần. Quý như cây đa do chính Ngô Vương trồng ở trước am Mỵ Châu (Cổ Loa – Hà Nội) có tới hơn một nghìn tuổi mà cũng không thể nào giữ được, huống gì một cây chay? Chỉ có khác nhau một điều là cây đa chết do tác động xấu của thiên nhiên môi trường mà khoa học bây giờ chưa khắc phục được; còn cây chay của tôi lại chính do tự con người huỷ diệt vì chỉ nhận thấy lợi ích nhỏ nhặt trước mắt mà không nhận thấy lợi ích lâu dài.

Thời gian rồi cũng sẽ xoá nhoà đi tất cả. Niềm tiếc thương của tôi rồi cũng sẽ nguôi quên. Cũng như ông bà tôi, cha mẹ tôi, cây chay đã từng một thời sinh sống và đem lại hương sắc cho đời, nay không còn nữa, nhưng trong tâm trí tôi nó vẫn là một dấu mốc để tôi luôn nhớ về mảnh vườn xưa, về những gì sâu lắng nhất của tuổi ấu thơ mình. Giá như nó cũng có một ngày giỗ để tôi mãi mãi giữ làm một ngày tưởng niệm!

Biết là mưa nắng lẽ thường
Mà sao lòng mãi vấn vương nơi này ?!(*)

Hè 1998

**"Vườn xưa" – thơ Hoàng Gia Cương*
*** "Nhớ con sông quê hương" - thơ Tế Hanh*

HOÀNG GIA CƯƠNG

DUYÊN – NGHIỆP

TRẦN HỮU HỘI

Thức chờ chủ nhà, trong lúc chuyện trò với bà chủ, anh cố hình dung người chồng. Là một nhà giáo, lại dạy Đại học, có lẽ là một người có vóc dáng bệ vệ, gương mặt mập mạp sung túc và tự mãn bởi những gì đạt được trong đời...Khi người đàn ông hiện ra nơi cánh cửa, mọi hình dung cuả anh tan biến, trước mặt anh là một người đàn ông vừa người, có vẻ hơi gầy, cao và gương mặt thì hiền hâu với nụ cười cởi mở.

-Chào anh, đợi có lâu lắm không?

-Không Thầy ạ. Tôi cũng vừa đến thôi.

Bỏ cái cặp da cũ lên chiếc ghế, chủ nhà quay qua người vợ:

-Em làm nước uống nhé, anh không gấp chứ?

-Vâng,

-Có lẽ chúng ta nên anh em cho tiện, tôi sáu mươi, vừa xong thủ tục hưu, còn anh?

Thức vui vì sự cởi mở thân tình của chủ nhà:

-Vậy là tôi thua anh ba tuổi.

-À, trong khi chờ bà ấy, chúng ta đi một vòng lên trên xem lại mấy căn phòng nhé.

Thức theo chủ nhà lên lầu, đều này không cần thiết vì cả anh lẫn vợ đã xem hai lần rồi. Ba phòng ngủ và một phòng khách nhỏ bố trí thật phù hợp cho gia đình ít người như gia đình anh. Trong căn phòng ngủ lớn, có Toilet riêng, một toilet khác ở phòng ngoài dùng chung. Đúng như bà chủ nhà nói, nhà xây cách nay hơn mươi lăm năm nên không câu kỳ và hiện đại cho lắm, Gạch men nên và tường cũng loại thường nhưng nhìn chung thì sạch sẽ và ấm cúng. Xuống dưới nhà, bà chủ nhà đang lấy đá trong tủ lạnh cho vào hai ly chanh dây. Kế phòng khách Thức đã thấy, phía sau là phòng ăn nhỏ gọn với chiếc bàn có mười ghế xếp hai đầu và hai dãy hai bên dọc theo chiều dài bàn, phòng khách cũng có toilet, bếp cũng ở đây, ngăn bằng một bức ngăn thấp.

Anh rất hài lòng, căn nhà có vẽ giản dị như tính cách của chủ nhà. Chiếc kệ sách áp tường gọn gàng với nhiều sách tham khảo, một số sách văn học và lịch sử, xếp cùng ngăn, được cách bởi một chậu hoa bằng men màu trắng...

Anh đã xem nhà, giá cả cũng đã thỏa thuận. Nhưng cả hai lần đều không gặp ông Trung, chủ nhà thực sự. Việc chủ nhà yêu cầu gặp và nói chuyện với anh trước khi bán làm anh cứ băn khoăn không biết có gì đó khuất tất về quyền sở hữu hay là một mắc mướu gì đó về thủ tục...

Ngồi vào bàn, Thức xoay nhẹ ly nước, im lặng nhìn ông Trung như chờ đợi. Ngồi nhích vào cho bà vợ cùng ngồi, ông Trung nói :

-Hôm xem nhà, anh có thấy căn phòng nhỏ nằm phía cuối hàng cau không?

Thức có nhớ mang máng căn phòng nhỏ nằm cuối khoảng đất chừng bốn mét bên hông nhà, nhờ khoảng đất này mà căn nhà thêm giá trị, anh cho căn phòng có lẽ là nhà kho hay bỏ trống nên không yêu cầu xem bên trong, giờ ông Trung nhắc đến làm anh hơi bở ngỡ.

-Có anh, nhưng thế nào ạ?

-Diện tích nó là 4mx3m, mấy năm nay tôi cho hai cha con một người bạn ở, bây giờ bán nhà, không biết họ sẽ thế nào?!

Thức hơi ngập ngừng:

-Ông ấy không củng ông lên Di Linh sao?

-Bạn tôi thì có thể nhưng cháu nhỏ đang đi học nên khó. Vì thế tôi không biết anh có sẵn lòng giúp cho đến hết năm học này không, từ đây đến đó còn khá lâu?!

Thức hơi ngập ngừng:

-Nhà tôi cũng chỉ ba người, hai vợ chồng và đứa con gái vừa mới đi làm, cháu đầu lập gia đình, vợ chồng cùng đi dạy ở Nha Trang...Nhưng tôi cũng bàn lại với nhà tôi rồi sẽ báo lại với anh. Anh

ấy làm gì hả anh?

-Anh ta bị mù, ăn xin quanh vùng với cô con gái.

Thức ồ lên một tiếng nhỏ, thoáng chút ngỡ ngàng. Một người mù, ăn xin, lại là "bạn" của một thầy dạy Đại học!

Ooo

Ông Trung làm thủ tục chuyển nhượng và giao nhà thật nhanh chóng, có lẽ do ông khỏi phải mua nhà ở Di Linh, cùng với sự nôn nóng của bà vợ, họ muốn lên trên ấy càng sớm càng tốt.... Song thân của bà ấy đang phải sống những ngày già cả với nỗi buồn quạnh vắng từ ngày cậu con trai đột ngột từ trần ở tuổi ba mươi chín. Không vợ con. Hai tháng nay phải nhờ người cô cũng đã luống tuổi chăm nom.

Vợ Thức không khó khăn gì với yêu cầu cho "người ăn xin" và cô con gái lưu lại một thời gian trong nhà. Nhưng hơi tò mò về "người bạn" của ông Trung và tình cảm của họ với nhau thế nào!

Chiếc xe mướn chất đồ đạc lên xong thì cũng đã chín giờ tối, phần nhiều những đồ đạc gia dụng để lại cho chủ mới, chỉ mang đi những gì cần thiết, thế mà cũng gần một chiếc xe tải trung. Phải dành một góc xe cho chù chó giống Phú Quốc, không biết sáng mai khi lên xe chú có chịu nằm yên không, hai ngày nay chú đã không chịu ăn, cứ nằm nơi cửa phòng ngủ của ông bà mà rên ư ử! Bà Trung tuy nôn nóng nhưng không muốn chạy đêm.Tài xế cho nép sát vào cổng nhà rồi đóng cửa cabin nằm ngủ, bà cũng lên phòng mình, nhìn ông Trung với đôi mắt đỏ hoe !

Còn lại hai người. Phòng khách giờ trống trải hẳn đi vì thiếu những cuốn sách trên giá, những bức tranh trên tường,...Chiếc bàn và bộ sa lon vẫn còn nguyên nhưng mất đi mấy tấm hình của các đứa con ông Trung chụp hồi nhỏ và tấm hình lớn ông Trung chụp cùng các thầy cô hồi dạy ở Đại Học Đà Lạt.

Thức cười vu vơ khi nghĩ: Một vài bức ảnh, vài cuốn sách, đôi khi lại là cái gì đó làm nên không gian và sự sống một căn nhà. Anh lại liên tưởng đến đôi mắt đỏ hoe của bà chủ nhà, lúc này chắc đang nhìn căn phòng thân quen với bao hoài niệm...

Ông Trung đứng lên, đến bên chiếc bàn nhỏ kê sát tường, cầm chai rượu đưa ngang tầm mắt, nhìn Thức cười:

-Chúng ta làm vài ly chứ? Hai mươi mốt năm ở nhà tập thể, hai chúng tôi dành dụm lắm mới tạo dựng được cái nhà này gọi là cơ ngơi...Giờ xa nó cũng buồn !

Thức ái ngại đứng lên:

-Nên lắm, nhưng anh để tôi đi kiếm chút gì đưa cay.

-Nhà tôi có mấy con mực...Nhờ bà ấy bật lò nướng chút là xong.

-Thôi, khỏi phiền cô. Sài gòn thì giờ này còn sớm mà anh.

Thức đứng dậy, dắt xe ra ngỏ. Khi tiếng máy xe nhỏ dần, ông Trung lên phòng ngủ, vợ ông ngồi dậy, ông đến bên bà ôm lấy đôi vai, nhìn lên trần nhà nói thật nhỏ:

-Anh nhớ hồi làm nó xong, don nhà mới là sinh nhật lần thứ bốn mươi hai của em. Hai tháng sau mình mừng sinh nhật bốn mươi lăm của anh. Tưởng sẽ sống những ngày an nhàn sau hưu trì, ai dè...

-Em có buồn nhưng không tiếc đâu anh, lên cùng bố mẹ cũng vui mà.

Họ ngồi cùng nhau trong im lặng, cả hai nhớ đến những tháng năm khó khăn lẫn êm đềm... cho đến khi tiếng xe máy vào ngỏ.

Ooo

Thức vào nhà, như đã là chủ nhà chính thức, anh trải ra bàn nào thịt gà, sò và thịt dê nướng... Ông Trung vụng về mở chai rượu, loại Rhemy Martin bình thường, rót đầy hai chiếc cốc trà:

-Nào, chúc mừng cho cả hai nhé.

Thức cụng thật kêu, có lẽ về khoản nhậu thì anh hơn hẳn chủ nhà, anh nhận thấy thế khi thấy ông Trung loay hoay với cái nút chai. Rồi cạn ly rượu trong khi ông Trung chỉ nhấp một ngụm quá nửa cốc!

-Cái khoản này thì anh cứ tùy nhé, coi bộ anh không "chuyên nghiệp" rồi.

-Ừ, mình ngồi nhấp với anh em thì khá bền nhưng uống thì chỉ vài ly! Nếu hôm nay uống không hết, vài hôm bạn tôi về, chú Thức nhâm nhi cùng anh ấy nhé. Anh ấy tên Khả.

-Tiện anh Trung nhắc đến người bạn, tôi hỏi một chút, vì sao mà anh quen và đưa anh ấy về ở cùng?

Ông Trung nâng ly rượu, nhấp môi, ông đã ngồi cùng Khả nhiều lần, thường thì từ tối đến nữa đêm...Những mẩu chuyện dời Khả dan xen những bản nhạc mà Khả cất lên tùy hứng, giọng Khả ấm, trầm, khi lên cao thì tha thiết nồng nàn...

-Khả cùng tuổi với tôi. Nhưng cuộc đời anh ta thì gian nan lắm! Trước đây anh đang đi học thì bị đôn quân, vào lính rồi lấy vợ sớm...Năm 75 cả nhà anh chết vì một trái pháo, vợ anh sống sót vì ở cùng bên ngoại, lúc này đang mang thai. Quê anh ấy ở tận ngoài Trung, anh trở về gia đình với bao mất mát đau thương.

Tang cha mẹ cùng hai đứa em, một gái một trai với nỗi lòng xót xa tuyệt vọng, nhưng anh tự an ủi mình là từ nay thoát được cảnh lính tráng xa nhà, luôn cận kề cái chết. Anh về với vợ ở nhà ngoại chưa bao ngày thì được gọi đi trình diện học tập. Chỉ cấp bậc Trung sĩ mà anh cải tạo gần hai năm tận trên núi. Thời gian này chị vợ sinh một cháu trai, nôi mừng chưa nguôi thì đứa con chết khi tròn tuổi vì bị sốt xuất huyết. Nghe tin, anh khóc lóc vật vã, ý tưởng quyên sinh chập chờn trong đầu anh nhưng rồi anh nghỉ đến người vợ, cũng đang đau khổ cô đơn nơi quê nhà...

Dường như định mệnh muốn anh phải sống để cợt đùa thêm cho trọn trò! Một buổi sáng anh được nghỉ đi lao động, đang nằm trên chiếc sạp nứa, anh được gọi lên Ban Quản Giáo và được biết đã mãn hạn học tập, trả về địa phương. Anh mừng rỡ, hét lên như một gã điên.

Anh khả về. Hạnh phúc bên người vợ chưa bao lâu thì chị ấy cũng bỏ anh ra đi vì chứng ung thư đường huyết! Anh như tê liệt hết cảm xúc, ngồi bên huyệt vợ như một tấm bia bất động mấy ngày...

Sau đám tang chị, anh đau liệt gần một tháng. Khi trở dậy thì đôi mắt mờ dần rồi mù hẳn! Bấy nhiêu khốn khổ đổ lên một con người, nếu là tôi, chắc tôi không sống nỗi! Không biết làm gì mưu sinh với đôi mắt mù lòa, Khả đi xin ăn nơi này qua nơi khác với cây Guitar, nó là kỷ vật còn lại của thời trai tráng vô tư...rồi trôi dạt tận Sài gòn.

Khổ đau đến với anh quá nhiều, nhưng thay vì oán hận hay thô lổ cộc cằn, Khả trở nên khoan nhu nhân ái và dịu dàng. Bốn năm trước, một người phu nữ, ngồi nghe anh hát suốt ngày với đứa bé gái. Tối đến, khi anh quờ quạng chiếc gậy đi về hàng hiên một ngôi nhà lớn mà lâu nay Khả nương nhờ, chị theo anh rồi dịu dàng trải cho anh tấm chiếu. Những lời đổi trao ít ỏi cho anh biết chị cũng thất cơ trở thành vô gia cư...

Chị nằm một chiếc chiếu khác bên cạnh anh với cháu bé. Không có gì để mất mát mà đề phòng...anh ngủ đến sáng. Tiếng khóc nức nở của cháu bé làm anh thức dậy, người phụ nữ không còn, chỉ có cháu bé và một túi xách! Mắt không thấy nên anh không biết làm gì hơn là vỗ về cháu, luôn miệng nói; "mẹ sắp về con ạ, mẹ đi mua dồ ăn sáng cho cháu thôi mà..."

Bà bán xôi đem xôi đến cho anh như mọi sáng, nghe chuyện, bà gói cho cháu một gói, nói với anh với giọng nghi ngại:

-Kiểu này là đem con bỏ chợ rồi, coi trong túi xách là biết liền,

Một vài người tò mò ghé lại. Chiếc túi khá đẹp. Hai bộ áo quần nguyên vẹn với một chiếc đầm màu trắng tinh, vài cái áo cũ...Bên một ngăn kéo, bà bán xôi lôi ra một cái ví nhỏ, hai tấm hình. một chụp toàn thân cháu, vào lúc chừng bốn tuổi với chiếc đầm, một tấm chụp người đàn bà với người đàn ông, tay bồng cháu bé đứng trước một căn nhà lá, sau lưng là một con kênh um tùm chuối và cây mỳ. Hai trăm năm chục ngàn kèm theo, ngoài ra không có gì nữa !

-Chắc là anh ấy phải nhận cháu bé ?

-Anh nhận nhưng không phải nhận với một thái độ "chẳng đặng đừng". Anh xem đó là một diễm phúc trời ban... Hai cha con trở thành hành khách quen thuộc trên các tuyến xe buýt: Bến thành, Gò Vấp, Bình Triệu, Tân Bình...Đôi mắt mờ đục của anh và đôi mắt tròn ngơ ngác của cháu làm xúc động nhiều tâm lòng...

Anh đến phường này làm khai sinh cho cháu. Hôm đó, vợ chồng tôi cũng có mặt để lo thủ tục nhận hưu tại địa phương cho nhà tôi. Nhân viên hộ tịch chỉ chấp nhận làm khai sinh khi có hộ khẩu hoặc ít ra là tạm trú, mà tạm trú thì phải có địa chỉ...Đôi mắt của bé gái và vẽ mặt thất vọng của Khả làm nhà tôi không thể làm ngơ. Cô ấy quyết định bảo lãnh hai cha con.

Chuyện đã mấy năm nay rồi, giờ anh ấy đang về ngoài Trung làm giỗ cho gia đình và vợ con... Chiếc đồng hồ cổ lỗ trên tường thong thả buông tiếng. đêm đã khuya...Trong căn phòng im ắng, ngập tràn niềm thương cảm hoang mang, trong lòng hai người đàn ông dấy lên niềm xao xuyến băn khoăn cho thân phận con người, giữa cõi đời mong manh...

oOo.

Cậu em là niềm vui của gia đình, là hạnh phúc của Bố mẹ vợ ông Trung. Trong gia đình bốn gái một trai. Ba người con khác đều yên ấm ở nước ngoài. Từ nhỏ, cậu hiền lành chăm chỉ, thích thẩn thơ trong vườn chè. đi câu cá…Nhưng từ ngày vào Sài gòn học Đại học, ban đầu còn ở nhà chị, sau dọn vào Ký Túc Xá, rồi nghe đâu mướn phòng riêng để ờ cùng ai đó…Những năm về sau, biệt tăm không ai biết cậu ở đâu!

Cả gia đình, nhất là hai ông bà già, sống trong lo âu và tuyệt vọng. Ông Trung tìm khắp các khu nhà trọ vẫn không có chút tin tức gi…

Mãi nhiều năm sau, một hôm, cậu đột ngột trở về làm ông bà mừng đến ngạt thở! Cũng ít nói, nhưng ngày xưa thì vui vẻ hồn nhiên, nay trong cái im lìm như chất chứa đều gì đắng cay ray rứt.

Bà mẹ có gợi ý với cậu lập gia đình, sau khi cậu về nhà độ một năm, nhưng cậu lắc đầu, thấy mẹ buồn rầu, cậu nói nho nhỏ:

- Con không làm chồng được mẹ ạ !

Mười năm nay, bà không hề nhắc lại lần nào nhưng trong lòng, bà mong muốn một đứa cháu nội biết là bao!

Hai ngày bận rộn với việc thu xếp đồ đạc, hôm nay, bà Trung đi thăm mấy người bạn cũ. Ông Trung vào phòng của cậu em xem qua, tiện thể sắp xếp lại để chỗ đưa số sách của ông vào. Kệ sách của cậu kê kín môt khoảng tường, phần nhiều là sách giáo khoa của những năm học trung học, xếp ngay ngắn ở những ngăn dưới. nơi ngăn gần bản, ông Trung ngạc nhiên nhìn những cuốn sách viết về Phật Giáo, phần nhiều còn mới, chứng tỏ mua từ sau khi cậu trở về.

Cuốn kinh Bát Nhã với khổ nhỏ màu vàng, giấy láng thật đep, xuất bản ở Ấn quán Trúc Lâm, Paris, Chữ Việt và chữ Phạn, nằm trên bàn. Ông Trung lật xem, trang trong có hàng chữ ghi bằng bút bi:

" Con ạ, Duyên- Ngiệp trùng trùng, chớ băn khoăn. Quá khứ thì đã qua…đừng vọng tưởng sinh phiền lụy. Con và vợ, con của con, chưa đủ duyên nên ly tán, khi đủ duyên ắt sẽ gặp. Nay con về phụng dưỡng cha mẹ là việc nên làm…"

Ở dưới có hai chữ : "Giác Viên."

Cuốn kinh sách, dòng chữ ghi như những lời khuyên dạy, làm dậy lên trong ông sự tò mò, ngạc nhiên.

Trong một ngăn khác, gồm nhiều xấp giấy rời, có cuốn sổ bằng giấy thường, đã vàng ố, ông Trung lật xem, đó là cuốn nhật ký. Xem ngày tháng, ông thấy được ghi vào thời gian Câu ấy còn học Đại Học…

oOo

Ông Trung miệt mài suốt buổi với cuốn nhật ký. Khi vợ ông vào thì đã quá trưa. Ông đứng dậy dụi mắt… trên tay cầm mấy tấm ảnh đã cũ. Ông nói với bà Trung, sắc mặt nghiêm nghị:

-Em ạ, thời gian chúng ta không biết gì về cậu ấy có thể nói gọn lại như thế này: Khoảng gần cuối năm thứ tư thì cậu có thai với một sinh viên. Hai người về sống ở Tây Ninh. Cả hai bên đều không nói với cha mẹ, gom hết những gì có thể bán được, họ làm một cái lều bằng lá, đứa con gái chào đời…Cậu ấy chạy xe ôm kiếm sống...

Chừng bốn năm sau, cậu ấy bị một cơn bệnh nặng, chuẩn đoán viêm ruột thừa, bệnh viện phẩu thuật vụng về, tái phát nhiều lần…Khi hồi phục, một thời gian sau Cậu đau khổ vì thấy mình không thể làm công việc của người chồng, cậu ấy không còn là một người đàn ông theo đúng nghĩa của nó!

Một hôm chạy xe ôm trở về, câu không thấy vợ và dứa con gái ba tuổi. mấy dòng ngắn ngủi cô ấy nói là về với cha mẹ ở Kom Tum.

Cậu buồn và thất vọng, vào một ngôi chùa đâu đó gần biên giới Campuchia…Ở đó cho đến ngày về lại nhà. Cậu luôn nhớ con và ước ao được hôn nó một lần, đêm trước khi bị tai biến, câu mơ thấy con, bàng hoàng ngồi dây khóc rồi viết suốt …nước mắt ướt cả cuốn nhật ký! Em xem mấy tấm hình này, có tấm anh thấy quen lắm mà không nhớ đã nhìn được ở đâu …

Bà cầm mấy tấm hình chăm chú…lát sau mới lắp bắp:

-Giống tấm hình.. chỗ con gái… anh Khả… anh ạ. Đúng lả bé ấy rồi ! Ô em ơi, ôi cháu tôi ! Chị

tìm được con cho em đây em ơi!

Ông Trung cũng vừa nhớ ra, đưa tay lên môi ra hiệu cho bà đừng khóc lớn. Trong hình Cậu em gầy và đen...nhưng cô bé thì rất dễ thương, người mẹ cũng đẹp dù ăn mặc đơn sơ.

- Anh gọi điện cho anh Khả đem cháu lên Di Linh đi, giờ này anh ấy chắc vào lại rồi, em hồi hộp quá. Ôi cháu gái tôi! Cha mẹ ơi, con ở bên cháu mấy năm nay mà nào biết đó là máu mủ của mình !

- Anh sẽ về đón. Phải xin chuyển trường luôn. Vấn đề bây giờ là làm sao báo với ông bà Ngoại mà không bị sốc. Rất nguy hiểm đó em ạ!

Bà Trung ôm lấy chồng khóc rấm rức: "Ôi cháu ơi, cô có biết đâu cơ sự này!"

Ông Trung cũng nghẹn ngào: "Giá mà hôm sau đám tang, chúng ta vào phòng cậu ấy...."

Sài Gòn, Tháng V.2014.

TRẦN HỮU HỘI

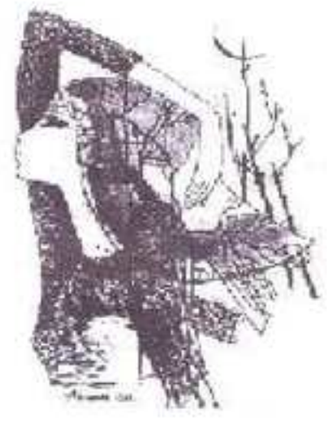

Thơ

VƯƠNG HOÀI UYÊN

CHUỒN CHUỒN THƠ ẤU

Chuồn chuồn cắn rốn bơi nhanh
Vén áo chuồn cắn… mà thành tuổi thơ
Vết thương còn đến bây giờ
Chiều qua sông cũ ơ hờ sóng ru

Bây giờ tháng bảy vào thu
Bây giờ anh cũng mịt mù tăm hơi
Cho dù em đã biết bơi
Lắm khi chìm giữa dòng đời bão giông

Em – từ dạo ấy sang sông
Anh – từ dạo ấy … là xong cuộc tình!

VƯƠNG HOÀI UYÊN

CHUYỆN CỦA ANDY

TRƯƠNG THỊ KIM CHỊ

(…

Ông Phillip chậm rãi, quả quyết:

- Chắc chắn con sẽ thắng chúng nếu con không còn sợ hãi, nếu con dám chống trả chúng với tất cả sức lực của con. Andy! Con biết kẻ thù của con là ai không?

- Là bọn Jose.

Ông Phillip cười ha hả:

- Không phải! Kẻ thù của con đang nằm ngay trong con. Đó là nỗi sợ hãi, là sự nhút nhát của con.

…)

**

Từ xa, Andy đã nhận ra ông Phillip trong bộ đồng phục lính cứu hỏa. Ông Phillip là người dẫn học trò qua đường. Ngã tư nầy không có đèn giao thông mà chỉ có những chữ STOP sơn màu đỏ to tướng trên mặt đường ở bốn hướng chỗ giao lộ. Vừa thấy Andy, ông Phillip liền đứng dậy, băng qua đón nó. Chân phải của ông hơi cà nhắc.

Andy nhỏ nhẻ, lễ phép:

- Chào ông. Ông khỏe không? Chân ông có đau lắm không?

Ông Phillip cười:

- Cám ơn con. Mọi sự Ok. Sao bữa nay con về trễ? Sao hổm rày con thay đổi đường về?

Andy bối rối, cà lăm:

- Dạ… không không không … có gì… chỉ tại vì vì vì con … thích thích thích con đường nầy.

Ông Phillip nhìn trước nhìn sau, nhìn bên phải bên trái rồi một tay giơ cao tấm bảng nhỏ có chữ STOP, một tay dắt Andy.

Vừa tới lề đường bên nầy, Andy vội vàng:

- Cám ơn ông! Chúc ông buổi chiều tốt lành.

- Hây! Đợi chút!

Ông Phillip ngồi xuống chiếc ghế nhỏ đặt dưới bóng cây, chăm chú nhìn Andy:

- Trông con có vẻ không ổn. Việc học của con thế nào?

- Dạ tốt... Um… Con phải về nhà ngay bây giờ. Chào ông.

Ông Phillip thở dài:

- OK! Nếu có gì lo lắng hãy nói với ta. Ta rất vui nếu giúp được con điều gì đó. Con là đứa trẻ ngoan hiền nhất trên đời nầy. Ta rất thương con.

- Con cám ơn ông. Chào ông.

- Chào con. Gặp lại con sáng mai.

- Dạ.

Andy vội bước đi. Nó vừa giấu được ông Phillip cái cục u bầm tím trên trán bằng cách giả vờ khum bàn tay che nắng. Hồi trưa, trong giờ chơi, nó đang đứng một mình chỗ bức tường sau lớp thì nhóm thằng Jose xộc tới. Jose phồng mang nạt nộ Andy:

- Ê! Mở to mắt ra coi!

- Mắt tao nhỏ mặc kệ tao. Còn mầy hãy về nhà ăn đậu đi!

Thằng Steven cười sằng sặc:

- Andy bữa nay ngon quá ta!

Jose nhìn quanh quất, không thấy ai để ý, liền đấm vào trán Andy:

- Tao ăn đậu thì mầy ăn chuối. OK?

Raymond gầm gừ:

- Mầy méc với bất kỳ ai, tụi tao sẽ giết em gái mầy!

Em gái của Andy là Betty. Betty đang học lớp ba tại trường tiểu học cạnh nhà. Betty vẫn được mẹ đưa đón đi học mỗi ngày nhưng dù sao Andy cũng lo sợ.

Chuyện là tối qua, hai anh em đang ngồi học bài, Betty khoe:

- Bữa nay con Brenda lầm bầm rằng em là đồ ngu đần. Em liền hỏi to:
- "Này, mầy vừa nói gì đấy?"

Nó chối: "Ơ… tao có nói gì mầy đâu!".

Con Mariana khen em:

- "Bạn giỏi lắm. Mình sẽ bắt chước bạn mỗi khi Brenda ăn hiếp mình."
- Ai dạy Betty cách làm như vậy với Brenda?
- Cô giáo Davis. Cô bảo nếu mình bị ăn hiếp, mình phải làm gì đó, chẳng hạn nhìn thẳng vô mắt đứa ăn hiếp mình, la lên, hoặc thưa với thầy cô, hoặc nói với cha mẹ. Cô bảo mình đừng sợ nó, hễ càng sợ, nó càng ăn hiếp mình. Cô dặn phải tránh xa những kẻ ăn hiếp bạn. Cô luôn nói ăn hiếp bạn là một hành động xấu, là độc ác, là quái vật. Cô dặn dò nhiều lắm nhưng em chỉ nhớ bấy nhiêu thôi hà.

Andy đăm chiêu:

- À há. Betty cừ lắm!
- Có lần cô Davis nhờ Brenda phát bài kiểm tra, nhưng em không nhận được, em biết ngay là nó ghét em nên giấu bài của em.
- Sau đó thì sao?
- Cô giáo không tìm được bài của em. Cô xin lỗi em. Cô nói đã ghi điểm em vào sổ rồi. Em cứ mím môi, chăm chăm nhìn nó. Nó liền quay mặt chỗ khác.

Betty đã thành công khi phản ứng lại Brenda, nhưng Andy thì không. Andy đưa tay xoa xoa cục u. Nắm đấm của Jose đã cảnh báo nó. Cảm giác đau đớn, tủi nhục, xấu hổ trào lên làm Andy ứa nước mắt.

Tuần rồi, sau vụ xả súng kinh hoàng tại trường tiểu học ở Newtown, tiểu bang Connecticut, nhà trường cho học trò thực hành việc chống trả kẻ tấn công với tất cả những gì học trò có thể xử dụng, chẳng hạn cặp sách, giày dép…

Cô giáo chủ nhiệm Beverly trấn an học trò:

> - Rất khó có chuyện tương tự xảy ra tại trường chúng ta, nhưng chúng ta thử tưởng tượng rằng nếu có, rằng trong tình thế bắt buộc, trong tình thế không có sự chọn lựa nào khác, chúng ta phải biết cách tự bảo vệ chúng ta.

Rồi cô hướng dẫn học trò ném đồ vào kẻ tấn công (một hình nộm đặt trước cửa lớp). Ngay lập tức Andy lại là một nạn nhân của đám thằng Jose. Lúc cô giáo hô: "Bắt đầu", chúng liền la ó và nhảy dựng lên như điên, rồi giả vờ vô ý ném giày vào chân Andy. Rồi chúng lại giả vờ xin lỗi Andy trước mặt cô giáo. Thằng Bob lúc đó đang đứng cạnh Andy, tỏ vẻ nghi ngờ đám Jose, Bob nhẹ nhàng cầm tay Andy như để an ủi. Andy đau điếng nhưng cố gượng, cố không trào nước mắt, cố né tránh cái nhìn hả hê giễu cợt của chúng. Andy không muốn đón nhận ánh mắt thương hại của các bạn trong lớp, đặc biệt là Anita, cô bé ngồi cạnh nó. Anita đã nhiều lần muốn làm thân với nó nhưng nó chỉ lịch sự ậm ừ cho qua chuyện. Thỉnh thoảng thằng Scott, thằng Antonio ở dãy bàn bên kia tới bắt chuyện với Andy nhưng Andy phải né tránh vì bọn thằng Jose đã dọa: " Mầy không được phép chơi với bất kỳ đứa nào trong lớp, hiểu không?"

Gia đình Andy mới chuyển về thành phố nầy. Do đó, anh em Andy cũng phải chuyển trường. Ngay ngày đầu tiên vào lớp, Andy đã là một mục tiêu cho trò đùa cợt của bọn thằng Jose:

- Ê, thằng mắt hí!
- Ê, thằng lùn!
- Tụi bây ơi, thằng Andy mặc áo của bố nó kìa.

Steven hét to:

- Không, đó là áo của ông homeless vẫn đứng ở góc đường Beach và đường số 9. Tối qua tao thấy ổng mặc cái áo đó.

Ba thằng reo lên:

- À há! Chính xác! Rồi ông ấy đã vứt đi, rồi thằng mắt hí nhặt về.

Ngày đầu tiên đó, Andy đã sợ hãi đứng im, hổ thẹn cúi gầm mặt. Bọn Jose cao lớn, vạm vỡ. Đặc biệt là Jose, có vẻ như đầu đảng, mới mười hai tuổi mà hình như nặng trên một trăm sáu chục pounds, cao hơn năm feet. Còn Andy thì nhỏ con, lại gầy gò ốm yếu.

Không bao lâu sau, Andy biết đám Jose sống trong chung cư cạnh nhà khi tụi nó làm rơi trái banh qua sân Andy. Chính Betty đã nhanh nhẹn tung quả banh qua cho tụi nó.

Những chiều tan học, trên đường về nhà thực là cực hình cho Andy, bọn Jose hầu như vây lấy nó, chọc ghẹo nó. Và chúng rất ranh ma, hễ tới chỗ ngã tư, chúng giả bộ vui vẻ thân mật với Andy để che mắt ông Phillip, do đó cả tuần nay Andy phải thay đổi đường về.

Andy đẩy cổng sau vào nhà. Ở một góc sân, mẹ nó đang ngồi trên chiếc ghế bành hút thuốc. Khói thuốc trắng xám bay lờn vờn trước mặt bà. Những tàn thuốc vứt bừa bãi, dày đặc như trải thảm quanh đó; vài vỏ rượu lăn lóc- hình ảnh nầy đã trở nên rất quen thuộc. Mẹ Andy chăm chăm nhìn cái chấm đen trên mái nhà kho, lảm nhảm những câu rời rạc:

- Tôi đã mất tất cả... mất tất cả... Con mèo đen kia! Cút ngay khỏi nhà tao!

Andy tới bên mẹ, nhỏ nhẻ:

- Mom ơi, đừng hút nữa!

Mẹ nó đứng bật dậy, nhìn nó với cặp mắt vô hồn.

- Môi của Mom cháy đen rồi kìa.

- Nhưng Mom cần thuốc lá để giảm căng thẳng.

Betty từ nhà chạy ra, chui vào giữa mẹ và Andy, mũi hít hít:

- Mom hôi quá hà.

Người mẹ ngồi phịch xuống ghế:

- Mom van các con... Không có thuốc lá, Mom chết mất.

Từ ngày ly dị, mẹ chúng bắt đầu hút thuốc, uống rượu, ngày càng nặng. Bà thường ngồi như bức tượng, với điếu thuốc đang cháy dở cùng gói thuốc và chai rượu trên đùi. Cứ điếu nầy sắp tàn, mẹ chúng lại mồi nối tiếp điếu khác. Rồi anh em Andy đã quen với việc mẹ không còn quan tâm tới chúng nữa. Bữa sáng, bữa trưa chúng được ăn trong trường. Tối, chúng thường ăn mì ly.

Thời gian bà ngoại còn ở đây, anh em Andy được chăm sóc rất chu đáo. Ngoại kêu Andy là thằng cu An, Betty là con bé Ty. Ngoại nấu thức ăn ngon ơi là ngon. Anh em Andy mê nhất món phở của ngoại. Ngoại còn nấu bò kho, làm bánh xèo, chiên chả giò... Từ lúc vắng ngoại, nhà cửa dơ bẩn, bếp núc lạnh tanh. Betty phải tự tắm nên tóc ít khi được suôn vì gội qua loa. Andy thì có khi mấy ngày không thay quần áo khiến cô giáo phải nhắc. Hồi đó, hễ rảnh ngoại dạy tiếng Việt cho hai đứa. Ngoại nhắc nhở phải luôn nói tiếng Việt khi ở nhà. Nhờ vậy, anh em Andy đã nói và viết được tiếng Việt khá rành. Mẹ Andy đã bảo lãnh bà ngoại sang đây, nhưng được một năm ngoại quay về Việt Nam. Nghe đâu ngoại giận mẹ vì mẹ không nghe lời ngoại, lại còn to tiếng với ngoại.

Mỗi cuối tuần, ba Andy tới chở anh em nó đi đâu đó. Tuần rồi, ba cho hai anh em đi Knott's Berry Farm chơi cả ngày. Ba phàn nàn Andy nhát gan quá. Trò chơi ngồi thuyền gỗ trượt nước chẳng có gì đáng sợ mà Andy nhắm tịt mắt lại, trong khi Betty mở to mắt, vỗ tay hò reo thích thú. Với các trò chơi cảm giác mạnh như những chiếc đu quay khổng lồ cuộn tròn lao vù vù tối tăm mặt mũi, những cầu vượt cao vút, hoặc tàu xoay nhiều vòng xoắn ốc uốn lượn lộn nhào... thì có lẽ Andy không bao giờ dám.

***

Sáng thứ bảy, như thường lệ, mẹ đưa Andy và Betty đến nhà bà Mai để học tiếng Việt. Bà Mai là bạn thân của bà ngoại tụi nó. Ngoại đã gửi gắm chúng cho bà Mai trước khi trở về Việt Nam. Mong ước của bà ngoại là anh em Andy giỏi tiếng Việt.

Nhà bà Mai gọn gàng, sạch bong. Anh em Andy sẽ được học chung với Vivian và Diane, hai đứa cháu của bà Mai. Vivian đang học lớp sáu. Diane học lớp ba.

Bà Mai đã chuẩn bị bữa ăn sáng ngon lành cho bốn đứa, nhưng Andy tỏ vẻ hững hờ. Trông nó ủ rủ, mỏi mệt, chán chường.

Bà Mai vui vẻ:

- Kìa Andy, ăn đi con? Con phải ăn nhiều vào cho khỏe. Xem mấy đứa con gái ăn ngon lành nè.

Betty ríu rít trò chuyện với chị em Vivian. Betty cảm tưởng như chị em Vivian sống ở một thế giới nào đó khác hẳn thế giới của nó. Nầy nhé, chị em Vivian luôn mặc quần áo đẹp, luôn sạch sẽ, thơm phức. Hai đứa đều có mái tóc suôn mượt, dài tới tận eo, thường được thắt bím, đánh con tít, kẹp nơ rất đẹp. Nầy nhé, chị em Vivian có cái ipad, mà quan trọng là trong đó có vô số hình ảnh gia đình đi du lịch nhiều nơi như Hawaii, Big Bear, Lake Tahoe, Grand Canyon... Nhiều lắm lắm. Chị em Vivian thường được dự tiệc tùng. Cả nhà họ lúc nào cũng cười tươi ơi là tươi. Betty thấy phát thèm.

Bà Mai kiểm tra bài tập ở nhà của bọn nhỏ. Bỗng bà lặng người khi đọc dòng chữ bằng tiếng Anh dưới góc vở của Andy, được viết một cách cẩu thả, chênh mảng: "I am gonna die." Bà bần thần một lát. Tại sao? Tại sao một đứa trẻ mới mười hai tuổi lại có ý nghĩ đó? Bà xót xa nhìn anh em Andy; nhói lòng thấy Andy buồn rầu, xanh xao, quá bé nhỏ so với độ tuổi của nó. Bà hiểu rõ hoàn cảnh gia đình tụi nó nên bà rất thương. Chiều, mẹ Andy tới rước con, bà Mai thầm thì gì đó với mẹ chúng.

***

Ông già Phillip, tay cầm cái bảng STOP, khập khiễng băng qua đường đón Andy. Ông Phillip làm việc ở chỗ nầy đã hơn năm năm. Nhà ông gần đây nên khá tiện.

- Andy, trông con không được khỏe. Vai con rũ xuống kìa. Đầu con như muốn ngả chúi về phía trước kìa. Ta có thể giúp gì cho con, Andy?

Andy cà lăm:

- Dạ... Con con con... vẫn khỏe khỏe khỏe mà.

Sang bên nầy đường, ông Phillip ngồi xuống ghế, trầm giọng, dịu dàng:

- Đừng giấu ta. Ta biết con đang có vấn đề. Việc học thế nào? Bạn bè đâu? Sao con không cùng đi với nhóm hàng xóm Jose, Steven, Raymond?

Andy lại cà lăm:

- Dạ dạ dạ... Con con con... không sao...

Ông Phillip nói chậm rãi, tha thiết, dỗ dành:

- Hãy nói ta biết. Ta hứa sẽ giữ bí mật nếu con muốn. Andy, ta rất yêu con. Ta rất muốn giúp con. Hãy cho ta cơ hội làm gì đó cho con.

Andy do dự:

- Nhưng...

- Nhìn kìa! Buổi chiều đẹp quá phải không con?

Hai ông cháu cùng ngước nhìn bầu trời mênh mang, xanh biêng biếc, không hề vướng một gợn mây. Trên sợi dây điện gần đó, bầy chim sẻ đang ríu ra ríu rít. Những bông hồng trong sân các ngôi nhà hai bên đường đang nở rộ, thoang thoảng hương thơm. Ông Phillip hít hà:

- Ồ, mùi thơm thật dễ chịu. Nào Andy, chuyện gì đó đang xảy ra với con, phải không?

Andy chần chừ:

- Nhưng... ông phải hứa là ông không nói với bất kỳ ai...

- OK, ta hứa.

Andy bỗng ngồi bệt xuống đất, khóc òa lên:

- Ông ơi, bọn thằng Jose dọa, nếu con nói với bất kỳ ai, tụi nó sẽ giết em con. Ông ơi, con không muốn đi học nữa. Con chán tất cả. Con chỉ muốn chết quách đi cho rồi. Con sợ tụi nó lắm ông ơi. Có phải tại con là người Việt Nam duy nhất trong lớp nên bị chúng ăn hiếp, bắt nạt? Chúng thường kêu con là mắt hí, thằng cà lăm, dân ăn chuối.

Ông Phillip xoa vai Andy, vỗ về:

- Vậy là ta đã đoán đúng. Chúng hà hiếp con dữ lắm phải không? Có điều... mắt hí đâu phải là mắt xấu. Thậm chí ta thấy đôi mắt con rất đẹp, rất hiền từ. Còn chuối thì rất tốt cho sức khỏe. Bác sĩ vẫn khuyên ta ăn chuối mỗi ngày. Hơn nữa trong lớp con còn nhiều bạn là người Đại Hàn, người Trung Quốc, người Nhật, Thái Lan... phải không? Thực ra bọn nhóc Jose không phân biệt rõ các dân tộc châu Á đâu. Cà lăm ư? Con chỉ cà lăm chút xíu khi con không tự tin, phải không? Cà lăm chút xíu chẳng sao cả! Ta nghĩ chúng

bắt nạt con vì lý do khác.

- Lý do gì? Thưa ông.

Ông Phillip chăm chú nhìn Andy, miệng vẫn nở nụ cười hiền từ:

- Vì con sợ hãi chúng! Vì con quá nhút nhát!

Andy lí nhí:

- Dạ… đúng vậy! Con rất sợ chúng nó. Mà… ông phải hứa là giữ bí mật cho con về chuyện tụi nó nhé!

- OK, ta hứa, nhưng ta muốn con phải xé toang nỗi sợ hãi trong con ngay lập tức. OK? Rồi con phải làm cái gì đó để chúng không dám bắt nạt con nữa.

Andy lại cà lăm:

- Con con con … rất rất rất… lo lo lo…. cho Betty, em em em của của… con.

- Andy, con thực sự là chàng trai tốt. Bọn thằng Jose thật đáng trách. Nhà Jose cùng dãy với nhà ta. Ba nó nghiện rượu, thường đánh đập mẹ nó. Mới tối qua cảnh sát chở ba nó đi rồi.

- Ba nó có đánh nó không hả ông?

- Làm sao khỏi? Chính nó gọi 911 đó.

- Ông ơi, nhóm Jose còn hút thuốc nữa! Bữa nọ tụi nó đưa điếu thuốc bắt con hút, con không chịu, chúng bèn đè con xuống, nhét điếu thuốc vào miệng con làm con ho sặc sụa.

Ông Phillip thở dài.

- Chà, mấy đứa đó hư quá rồi!

Suy nghĩ một lát, ông nói:

- Bây giờ… thế nầy nhé Andy! Trước hết con phải tập đi cho thẳng. Nào, hãy đứng dậy để ta tập cho con đi. Con phải thẳng lưng! Phải ngẩng đầu lên! Một hai ba! Chưa được, lưng con vẫn còn khom và đầu con vẫn còn chúi về phía trước… Cố lên Andy, đi tới đi lui cho ông coi nào. Một hai ba… OK, vậy đó con. Dễ ợt mà. Trước hết con chỉ cần làm như vậy. Hiểu chưa? Đi tới lui nhiều lần cho ta xem nào. Tốt! Vậy nhé, hãy bắt đầu ngay từ bây giờ- ngay từ bây giờ- con hiểu không- phải tập đi- phải sửa dáng. Tốt! Con đi như vậy trông con cao và khỏe mạnh hơn. Giỏi lắm, Andy. Con đã có dáng đi đẹp rồi đó.

Andy cười sung sướng:

- Cám ơn ông. Nhưng đi như vậy để làm gì?

Ông Phillip cười ha hả:

- Để con không bị bọn thằng Jose ăn hiếp nữa. Hiểu không? Dáng đi trước đây của con khiến đám Jose tưởng con yếu đuối nên bắt nạt con.

- Chỉ vậy thôi sao?

- Ừ, có thể nhóm thằng Jose bị ảnh hưởng bởi phim ảnh và những game bạo lực, hoặc bị ảnh hưởng từ gia đình… Ông tin, nếu được dạy dỗ đàng hoàng, chúng sẽ không làm những điều tồi tệ như vậy đối với con, hoặc có thể với nhiều đứa khác nữa.

- Ông ơi, nếu ngày mai chúng trêu ghẹo con, con phải làm sao?

- Con phớt lờ chúng. Làm ra vẻ không thèm quan tâm tới chúng. Quan trọng là con hãy đi như ta đã dạy.

- Nhưng… nếu chúng xông vào đánh con…

- Ừm… Con cố đừng để chúng có cơ hội. Ví dụ lúc nào con cũng ở chỗ đông người, hay ít nhất có vài người.

- Nhưng… đâu phải lúc nào con cũng có ai đó bên cạnh…

- Ừm… thế nầy nhé, nếu chỉ mỗi mình con với chúng, rồi chúng đánh con. Coi nào! Con hãy thả cặp xuống đất. Rồi con thẳng người, ưỡn ngực, nhìn trừng trừng vào mắt chúng như thể muốn ăn tươi nuốt sống chúng, như thể muốn nghiền nát chúng. OK? Rồi con hét to thiếu điều bể phổi, rồi con xông tới tấp vào chúng. Con vừa la hét vừa xông vào. Nếu chúng đè lên con, con vùng vẫy với hết sức lực của mình. Ông tin con sẽ thắng.

Andy băn khoăn:

- Nhưng… lỡ cảnh sát bắt con vì con đánh bạn…

- Không bao giờ cảnh sát lại ngây ngô đến nỗi cho rằng một mình con có thể bắt nạt được ba thằng to xác kia. À, điều quan trọng là con không được dùng bất kỳ vũ khí gì. Hiểu không? Nhớ nhé! Không được dùng bất kỳ vũ khí gì! Đôi mắt con sẽ thiêu cháy

chúng. Cái miệng con sẽ hét vỡ mặt chúng. Cái đầu của con sẽ húc bể bụng chúng. Chân tay con sẽ đấm đá túi bụi vào chúng, cho xương chúng nát vụn ra. OK?

Andy hồi hộp:

- Thực vậy hả ông? Nghĩa là con sẽ thắng chúng?

Ông Phillip chậm rãi, quả quyết:

- Chắc chắn con sẽ thắng chúng nếu con không còn sợ hãi, nếu con dám chống trả với tất cả sức lực của con. Andy! Con biết kẻ thù của con là ai không?

- Là bọn Jose.

Ông Phillip cười ha hả:

- Không phải! Kẻ thù của con đang nằm ngay trong con. Đó là nỗi sợ hãi, là sự nhút nhát của con.

Andy ngẩn ngơ hồi lâu. Trông nó có vẻ suy nghĩ lung lắm. Ông Phillip mỉm cười theo dõi diễn biến trên nét mặt Andy.

Bỗng Andy ôm chầm ông Phillip, xúc động:

- Ông ơi, con cám ơn ông nhiều lắm.

- Ta cũng cám ơn con, bởi con đã tin cậy ta và cho ta niềm vui được giúp con. Thôi, hãy về nhà. Hãy nhớ những gì ta đã dặn dò. Ta tin chắc con sẽ vượt qua được nỗi sợ hãi trong con, và đương nhiên con sẽ thắng được đám hư hỏng kia.

- Dạ, con cám ơn ông. Chào ông.

Ông Phillip nhìn theo Andy, gật gù hài lòng. Tuy còn lúng túng vụng về nhưng Andy đã bước được những bước chân khá dài, khá vững chãi, lưng thẳng, đầu ngẩng cao.

***

Ngày hôm sau, khi Andy bước vào trường với dáng đi mà ông Phillip đã dạy, bọn thằng Jose tinh quái ngay lập tức phát hiện ra. Lúc lên bảng làm toán, thằng Raymond cố tình đi ngang Andy, gầm gừ đủ cho Andy nghe:

- Bữa nay mầy làm bộ làm tịch dữ ha?

Andy phớt lờ, coi như không nghe không thấy. Lúc về chỗ, Raymond cố tình va vào bàn Andy, rồi đâm mạnh đùi Andy bằng cây bút chì gọt nhọn:

- Cái mặt mày kênh kênh trông ngứa mắt quá.

Tan học, Andy hòa vào dòng học trò đi ra cổng. Và như cả tuần nay, Andy nhìn quanh quất không thấy bọn Jose, liền lao nhanh ra con đường nhỏ ở hướng ngược lại để tránh bọn chúng. Không ngờ, khi Andy vừa tới chỗ khúc quanh vắng vẻ, bộ ba Jose, Raymond và Steven bỗng ùa ra, đập Andy tơi bời. Thằng Steven đè Andy xuống, bịt miệng Andy. Hai thằng kia đấm đá Andy tới tấp. Ngay lúc ấy có chiếc xe chạy tới, ba thằng bỏ chạy. Sự việc chỉ xảy ra trong thoáng chốc. Andy ngồi bật dậy, nhìn theo chúng, nghiến răng căm phẫn cùng cực.

Không muốn để ông Phillip thấy mình trong tình cảnh nầy, Andy tìm đường khác xa gấp ba lần để về nhà. Mẹ Andy vẫn đang ngồi như tượng ở góc vườn, hút thuốc, uống rượu. Hình như bà không thấy đứa con trai mở cổng bước vào.

***

Sáng, Andy lửng thửng mang ba lô tới trường. Từ xa, thấy ông Phillip đang dắt học trò qua đường, Andy sực nhớ, liền vươn vai, ưỡn ngực, ngẩng đầu lên mà đi. Nó tự trách rằng chỉ có việc đi cho đẹp mà cũng quên. Rồi không hiểu sao, Andy bỗng quay hướng khác, tìm con đường khác để tránh mặt ông Phillip.

Vừa bước vào trường, Andy đã thấy đám Jose đang đứng trước cửa lớp; chúng lom lom nhìn Andy, cười một cách giễu cợt, khoái trá; Andy tảng lờ như không thấy chúng, tỉnh queo đi vào chỗ ngồi.

Ra chơi, Andy với dáng đi mà ông Phillip đã dạy, tiến tới chỗ bọn thằng Jose. Ba thằng đang ăn chip. Andy vừa mỉm cười một cách khó hiểu, vừa nói rõ ràng và chậm rãi:

- Ê, tụi bay có dám đánh nhau với tao không?

Ba thằng trố mắt kinh ngạc:

- Cái gì? Mầy vừa nói gì hả thằng mắt hí?

Vẫn giữ nụ cười khó hiểu, Andy dằn từng tiếng, rất chậm và rất rõ:

- Tụi bay có dám đánh nhau với tao không? Hẹn nhau đánh đàng hoàng. Đừng đánh lén, hèn lắm!

Thằng Raymond xông tới sát Andy:

- Mầy gài bẫy tụi tao hả?

- Không! Tao không thèm làm những việc hèn. Nầy nhé, cũng chỗ hôm qua, khi ra về. OK?

Ba thằng kia nhìn nhau, lưỡng lự một thoáng rồi đồng thanh:

- OK!

Thằng Raymond vừa nhai nhồm nhồm, vừa nói:

- Ê thằng điên, hãy nhớ rằng nếu mầy méc với bất kỳ ai về tụi tao, mầy và con Betty sẽ bị giết. OK?

Andy lại dằn từng tiếng, giọng lạnh lùng đến nỗi chính nó cũng kinh ngạc:

- Dĩ nhiên tao nhớ. Tao luôn luôn nhớ tất cả- tất cả những gì chúng mầy đối xử với tao.

Rồi Andy bỏ đi. Đi một cách tự tin với dáng đi ông Phillip đã dạy. Thêm nữa, Andy còn nắm chặt hai bàn tay lại, nghiến răng: "Tao quyết sống chết với tụi bay! Tao thà chết chứ không sợ tụi bay nữa. Dù sao, nếu tao phải chết thì tụi bay sẽ không đòi giết Betty nữa!"

***

Andy làm đúng như lời ông Phillip dạy. Nó húc. Nó đấm. Nó đá. Nó hét. Nó gào. Nó la. Lồng ngực của nó như phình to lên, muốn vỡ tung ra.

Nó cào. Nó cấu. Nó gầm. Nó thét. Nó vung chân đá loạn xạ ngầu, như điên như dại. Mắt nó hừng hực đỏ lửa. Hai tay nó múa may quay cuồng như dại như điên. Lúc đầu ba thằng kia có vẻ hơi hoảng sợ, nhưng chỉ trong thoáng chốc, ba thằng quật ngã Andy, có điều chúng không khóa được miệng Andy.

Andy tha hồ thét gào. Tha hồ gầm rống. Có lẽ nó thét gầm không phải để thị uy, mà để trút bỏ hả hê tất cả nỗi đau đớn nhục nhằn, tất cả lòng căm giận dồn nén bấy lâu nay. Nó dồn tất cả sức lực để gầm thét một cách sung sướng, khoái trá, đã đời. Hình như nó đã hoàn toàn mất cảm giác với những cú đấm đá kinh người của bọn Jose.

Bỗng có tiếng còi xe cảnh sát rú lên. Nhóm Jose bỏ chạy nhưng không kịp. Thế là cả đám bị đưa vào xe. Riêng Andy được nằm trong xe cấp cứu. Nó vẫn tiếp tục gào lên như điên như dại với cái miệng đầy máu, với cái mặt đầy máu. Rồi nó không còn hay biết gì nữa.

***

Andy mở mắt ra. Quanh nó là ba mẹ nó, Betty, ông Phillip và bà Mai. Con Betty chùi nước mắt, thút thít:

- Anh Andy đừng chết nha!

Ba nó vỗ vỗ bàn tay nó, nhìn nó với ánh mắt ấp áp yêu thương.

Mẹ nó hôn nó:

- Mom xin lỗi con. Mom quả thực là người mẹ xấu nhất trên đời nầy. Mom xin lỗi...

Andy rất muốn nói với mẹ rằng, Mom không có lỗi gì hết, chính con mới có lỗi; nhưng nó không thể. Bữa nay mẹ không hôi mùi thuốc lá, mùi men rượu. Hương tóc mẹ thơm phức.

Andy nghe ê ẩm khắp cả người. Nó cố nở nụ cười yếu ớt. Ông Phillip cúi xuống thì thầm vào tai Andy:

- Con thực sự là một anh hùng! Không thấy con về nên ta đi tìm. Từ xa ta đã nghe tiếng thét của con. Tình thế buộc ta phải gọi cảnh sát.

Andy không thể lên tiếng, họng nó đau buốt.

- Đừng nói gì hết. Con gào thét thiếu điều muốn rách cả bầu trời huống gì cái cổ họng bé nhỏ mỏng manh của con.

Bà Mai cũng hôn nó, chúc nó mau khỏe để bà dạy tiếng Việt cho. Andy đâu biết rằng, sau khi đọc dòng chữ đáng sợ của Andy, bà Mai đã lặng lẽ theo dõi nó và bà đã có mặt kịp thời.

****

Hôm sau, cô Beverly vào thăm Andy. Cô xin lỗi nó. Cô lặp đi lặp lại rằng cô rất tiếc, rất tiếc đã không biết để ngăn chặn sự việc tồi tệ nầy xảy ra. Andy viết lên giấy: "Em cám ơn cô. Cô không có lỗi. Em mới là người có lỗi."

Cô giáo tròn mắt ngạc nhiên. Andy tiếp tục viết: "Lỗi của em là quá nhút nhát, quá sợ hãi."

- Ồ, Andy! Em thật tuyệt vời! Cô không thể hiểu nỗi tại sao em có được suy nghĩ như thế? Nhưng dù sao cô cũng đã có lỗi.

Andy nhoẻn cười, viết: "Ông Phillip dẫn đường đã dạy em như vậy."

Cô Beverly mang cho nó một con gấu bông trắng thiệt bự và tấm thiệp chi chít tên của các bạn trong lớp kèm theo những chúc tốt lành. Đầu tiên là các bạn ngồi gần nó như Anita, Michelle, Rachel, Kevin, Minjae, Aya… Rồi dưới cùng có cả tên Jose, Raymond và Steven.

TRƯƠNG THỊ KIM CHI

Tho

DUNG THỊ VÂN

CÁI ĐÊM

Cái đêm vịn gió thật thà
Cái đêm khuy áo lụa là ngu si
Cái đêm vũ trụ vô vì
Cái đêm còn lại nô tỳ tương tư

Cái đêm đen trắng thực hư
Cái đêm trời đất khật khừ giao thoa
Cái đêm khoảnh khắc phong ba
Cái đêm dòng máu vỡ nhòa trong tâm

Cái đêm hoa cỏ xanh thẫm
Cái đêm gió thốc nẩy mầm khuyết thâu
Cái đêm ngốc nghếch vai nhàu
Cái đêm trăng chếch bên cầu huyền linh

Cái đêm – quấn quýt ..
…giật mình!

DUNG THỊ VÂN

TRUYỆN KỂ CON RỒNG

PHAN VỊNH

I.-TÌM LONG ĐIỂM HUYỆT NGÀY XƯA

Truyền thuyết dân gian thời xa xưa :

Những ngày tôi còn thơ-ấu mùa hè nghỉ học ở nhà đi làm mục-đồng chăn trâu cùng với một cụ già lão Lai trong làng, ông cụ là người có học Hán Nôm, thuột vào hạng trí-thức văn-hoá thời ấy.

Ông cụ thấy tôi là học trò được thầy đồ dạy-dỗ lễ phép, nên ông rất thương mến, những ngày cho trâu ra đồng chăn thả hai ông cháu tôi vẫn quanh quẩn bên nhau, tôi rất thích ông cụ kể chuyện đời xưa, những chuyện văn-học lịch-sử địa-lý của Tàu của Ta, truyện Tàu thì có các nhân vật anh hùng như: Việt-Vương Câu-Tiễn, Kinh-Kha, Nhiếp-Chánh, Trương-Lương, Lưu-Bang, Hàn-Tín, rồi đến Lưu-Bị, Quan-Công v.v…

Nhưng hồi ấy tôi mê nhất là truyện Tây-Du-Ký. Còn truyện Ta thì Lạc-Long-Quân, qua sáu đời vua Hùng, rồi tới Thánh Gióng dẹp giặc Ân, tới Trưng-Trắc, Trưng-Nhị, tới các vị vua chúa đời xưa Đinh-Bộ-Lĩnh , Lê-Lợi, Quang-Trung .v.v…

Ngày nào tôi cũng năn-nỉ ông cụ kể chuyện cho tôi nghe, từ chuyện Tàu đến chuyện Ta, tôi càng nghe ông kể càng thích thú.

Những chuyện Việt-Nam tôi thích nhất là Đinh-Bộ-Lĩnh, nhỏ cũng đi chăn trâu như ông cháu tôi , bẻ bông lau làm cờ tập trận, sau lớn lên chiêu-mộ binh-sĩ đánh trận dẹp được mười hai sứ quân, thống-nhất đất nước, xưng Vua là Đinh-Tiên-Hoàng-Đế. Tôi nghe ông cụ kể dứt câu, tôi thích quá, ước gì ông cháu mình làm được như ông Đinh-Bộ-Lĩnh ngày xưa ông hỉ:

- Ông nói lại không được mô cháu ơi. Ông ấy là con của trời sai xuống trần-gian mới được như rứa. Ông cụ nói tiếp:

- Ông cũng có nghe mấy cụ già đời ông cố ông cha kể lại cho ông nghe như thế nầy…, để ông kể lại cho cháu nghe. Tôi thích quá xúi:

- Ông kể tiếp cho cháu nghe đi ông. Ông lại kể: ngày xưa các ông thầy Địa-lý thường hay đi tìm long điểm huyệt, nếu chôn hài cốt của cha mẹ nằm trúng hàm con rồng thì được phát làm vua hay làm quan to trong triều-đình, nếu không được làm vua quan cũng được giàu-sang suốt đời sung-sướng, ông nói tiếp:

- Ngày xưa có mấy ông thầy địa-lý ở bên Tàu hay sang nước mình tìm long điểm huyệt. Ở ngòai Bắc có mấy con sông lớn lắm, không biết là sông Hồng-Hà hay Thái-Bình gì đó? Ông Đinh-Bộ-Lĩnh thả trâu chăn trên bờ sông đến trưa trời nắng nóng, trâu của ông xuống sông để đầm cho mát, ông cũng lội xuống sông tắm rửa bơi lặn, gặp một con rồng khổng lồ dang nằm dưới giòng

sông, làm bạn với ông rất là dể thương, nên thường ngày trời nóng, trâu xuống sông đằm ông cũng xuống tắm lặn xuống cỡi con rồng chơi cã tiếng đồng hồ mới lên bờ cỡi trâu về nhà. Hàng ngày có một ông thầy địa-lý người Tàu biết dưới giòng sông nầy có một con rồng đang nằm dưới đáy sông, ông ấy ngày nào cũng đến ngồi trên bờ sông theo-dõi tình-hình thấy cậu mục-đồng bơi lặn xuống sông cã tiếng đồng hồ mới lên, ông ta nghi-kỵ chắc có chuyện bí-ẩn gì đây, nên ngày nào ông ấy cũng lân-la dò-xét.

Một ngày nọ ông tìm cách làm quen với cậu bé chăn trâu này, ông mang quà bánh đến tặng rồi chuyện-trò dò hỏi. Hôm nào ông ấy cũng đến thật sớm ngồi trên bờ sông rình chờ cậu bé tắm xong bước lên bờ thì ông ta mò đến tặng quà và hỏi thăm cậu bé. Câu bé cũng vui-vẻ nói chuyện , ông ấy hỏi cậu bé hôm nào cháu cũng lặn xuống sông làm gì mà lâu đến thế ?

- Nói thật cho bác nghe rồi bác cho cháu thêm tiền nữa đấy. Cậu bé kể:

- Cháu lặn xuống chơi với bạn cháu vui ơi là vui, bạn cháu là một con rắn khổng-lồ rất hiền-hòa vui-vẻ, nhanh-nhẹn bửa nào cháu cũng giỡn với nó, cháu cỡi lên lưng rồi sờ mó râu ria mồm miệng nó hiền khô bác ạ. Ông thày địa-lý bão:

- Vậy thì cháu tã hình-dáng con rắn ấy cho bác nghe xem nào ? Cậu bé cũng tã thật:

- Đầu nó to có nhiều sừng, lại có hai sợi râu dài, hai con mắt nó lồi, miệng rộng, mình dài có vẩy, đuôi có nhiều vi, bốn chân có móng vuốt đại khái là như vậy đó bác ạ. Ông ta chẳng còn nghi ngờ gì nữa đích thật là có con rồng nằm dưới giòng sông nầy rồi. Ông ta đi về nhà suy-nghĩ tìm cách làm sao đưa được hài-cốt của ông bố đến nằm trên hàm con rồng, để ông và con cháu sau này phát-đạt làm vua quan giàu có, ông ta cũng hiểu rằng: Để được hài cốt trên hàm thì được làm vua, trên lưng thì được làm quan, hay giàu-có, nếu ai đó không hiểu xui mà trúng nhằm cái đuôi thì tán gia bại sãn. Nếu con rồng này mà nó nằm dưới lòng đất thì quá dễ đối với ông, chỉ về mang hài-cốt đến đào đất lên để xuống ngay cái hàm là hay biết mấy. Ngặt vì một nổi nó nằm giữa giòng sông thì thật là khó nghĩ cách thực-hiện ý đồ, dưới nước thì làm sao mà để hài cốt lên hàm được, nếu có để lên được nó sẽ trôi đi mất. Đêm về ông không ngủ đựơc, cứ nằm suy nghĩ mãi, cuối cùng ông cũng tìm được một cách:

- Chỉ có cho vào mồm để nó ngoạm càng tốt, nếu nuốt vào bụng thì cũng hay.

Ông ta quay trở lại giòng sông tìm cậu bé mục-đồng để thương-lượng dụ-dỗ.

Khi ông đến gặp lại cậu bé trước hết ông ta tặng quà bánh, hai bác cháu tâm-sự với nhau một lát rồi ông ấy hỏi cậu bé cháu chơi với bạn vui như thế mà có khi nào nó há mồm cho cháu thò tay vào được không ?

Cậu bé trã lời với ông, tưởng gì chớ cái đó thì dễ ợt, cháu còn đút cho nó ăn quà bánh của bác cho và ăn cơm của cháu nữa cơ. Ông vừa nghe cậu bé nói dứt câu, trong bụng ông ta vô cùng phân-khởi, ông ấy nói với cậu bé, bác có một gói quà để tặng cho bạn cháu, không hiểu bạn cậu có chịu nhận của bác không ? Cậu bé nói lại:

- Nếu bạn ấy không nhận cháu sẽ tìm cách thuyết-phục chắc bạn ấy sẽ nhận ngay. Ông ấy nói:

- Nhưng khốn nỗi nhận của bác bạn ấy phãi tiêu-dùng, bằng cách ngoạm vào miệng càng tốt, nếu nuốt vào bụng cũng được, chứ nhận rồi bỏ đi thì không nên. Cậu bé nói:

- Đương nhiên nhận thì phãi dùng chứ. Nếu được như lời cháu nói thì bác trọng thưởng cháu rất hậu.

Cậu bé hỏi lại:

- Nếu cháu làm được như ý định của bác, bác tặng cháu món gì nào ? nói thật ra đi cho cháu biết mới được. Ông ấy trã lời:

- Bác sẽ tặng cháu một ngàn lạng vàng được chưa ?

Cậu bé nói: - Nếu đúng như lời hứa cháu sẽ giúp bác, bác thật là người giàu-có và tốt bụng.

Cậu bé suy-nghĩ bâng quơ một lát, rồi thưa lại với ông rằng:

- Bác cháu mình nói chuyện với nhau như vậy, nhưng bác thư-thã cho cháu một vài hôm để cháu còn thuyết-phục bạn cháu đã, bạn cháu có chịu hay không sẽ trã lời với bác một ngày gần đây. Ông ấy dặn dò với cậu bé một lần nữa:

- Cháu ráng cố-gắng giúp bác, bác thương cháu lắm. Rồi hai bác cháu chia tay, ông ấy ra về rất phấn-khởi, ông tự cho mình là thông-minh, nghĩ ra được một kế thật hay, trong lòng ông rất tràn đầy hy-vọng, ý nghĩ của ông tiền nhiều thì làm việc gì mà không được.

Hai hôm sau ông ấy trở lại tìm cậu bé hỏi ?

- Việc bác nhờ cháu giúp đã đi đến đâu rồi. Cậu bé trã lời:

- Cháu đã thuyết-phục bạn cháu rât vui-vẻ và chấp nhận . “Chuyện giữa con rồng và cậu bé

Đinh-Bộ-Lĩnh chỉ có trời mới biết".

Cậu bé mục đồng bão ông ấy bác cứ về mang gói quà của bác đến đây cháu sẽ giao cho bạn cháu tiêu dùng được chưa? Nhưng đầu óc ông ấy vẫn còn đa nghi chưa tin lắm, nếu nhận rồi bỏ đi thì mất tong. Cậu bé thông minh hiểu ý, nói với ông ấy rằng: bác mang gói quà đến bác cháu mình cùng lặn xuống sông chứng kiến cháu trao cho bạn cháu ngoạm rồi bác cháu mình mới bơi lên nhé.

Nghe cậu mục-đồng nói như vậy là chắc ăn rồi, trở về đào mã cha hốt hài cốt gói gắm kỹ-lưỡng mang đến, bác cháu lặn xuống đưa cho con rồng ngoạm vào miệng rồi trở lên bờ sông trao đủ một ngàn lạng vàng cho cậu bé còn cám ơn rối-rít, ông ấy ra về trong lòng phơi-phới tràn đầy hy-vong sự-nghiệp cũa ông và con cháu sau này sẽ phát-đạt rạng ngời. Sau này ai đươc con rồng ngoạm hài cốt làm vua mới biết, cứ xem tiếp sẽ rõ.

Sau khi Đinh-Bộ-Lĩnh nhận số vàng lặng-lẻ mang về chôn cất kín đáo, ngày sau cũng cho trâu ra bờ sông chăn thả như mọi bữa, đến trưa nắng, trâu xuống sông đầm, ông cũng lặn xuống chơi với bạn, con Rồng chỉ gói quà cho ông mở ra xem thấy toàn là sọ xương người, ông đâm ra suy-nghỉ việc nầy quan-trọng lắm nên ông Tàu này mới thưởng cho mình số vàng nhiều như vậy.

Con Rồng ra giấu cho Đinh-Bộ-Lĩnh hiểu ý về bốc hài-cốt của thân-nhân mang đến rồng sẽ ngoạm ngay. Rồi từ đó bắt đầu phát-đạt, khi còn đi chăn trâu bẻ bông lau làm cờ tập trận với các bạn mục-đồng, khi ông khôn-lớn đem số vàng của ông Tàu thưởng ra chiêu binh mãi mã đi đánh trận tiêu-diệt được mươi hai sứ quân, thống-nhất đất nước. Tự xưng danh hiệu lên ngôi Đinh-Tiên-Hoàng Đế.

Sau khi đất nước được thống nhát, Đinh-Tiên-Hoàng thường hay mở tiệc chiêu-đãi quan quân, vì nhậu quá say kể lại cặn kẻ đời tư của ông cho một vị quan cận thần nghe hết.

Người đời xưa dạy rằng:

"Thiên cơ bất khã lộ" Tam dịch: Việc trời không nên thổ-lộ cho ai biết. Bởi vậy ông không làm vua lâu dài được.

Chuyện xưa đến đây là chấm dứt.

***

II.TÌM LONG ĐIỂM HUYỆT NGÀY NAY

Dãy núi Trường-Sơn nằm dọc theo đất nước Việt-Nam từ Nam ra Bắc :

Có một đoạn nằm chính giữa dãy núi ở miền Trung trên những các địa danh sau đây là địa đầu ranh giới của Thừa-Thiên Huế, Quãng-Nam Đà-Nẵng.

Tính từ phía Nam đi ra Bắc: đèo Hãi-Vân, Lăng-Cô, Lập-An, Phú-Gia, Thổ-Sơn, Trung-kiền, Thuỷ-Tụ, Nước-Ngọt, Phước-Tượng, Cầu-hai, Đá-Bạc.

Đoạn núi nầy là một phong-cãnh hửu tình, thượng sơn, hạ thuỷ, chạy dài trên đỉnh đèo Hãi-Vân ra đến chóp núi Bạch-Mã chỗ thì nhô lên, nơi thì lõm xuống như hình một con rồng lượn thành chín khúc, là cửu đĩnh nằm trên vùng này do Tạo-hoá xây dựng lên một địa-thế kỳ-quan từ ngàn xưa cho đến bấy giờ, không thế hiểu được bao nhiêu thế-kỷ mà nói.

Đoạn núi này đi dọc theo đường quốc lộ 1A nhìn lên cho kỷ, thì bất cứ con mắt thường ai-ai cũng nhìn thấy và công nhận như vậy.

Vì đất nước chúng ta từ xưa cho đến nay ít khi có hoà-bình độc-lập lâu dài.

Một ngàn năm đô-hộ giặc Tàu, một trăm năm nô-lệ giặc Tây, ba mươi năm giặc Pháp, Mỹ và nội chiến, đến khi đất nước được hoàn toàn giãi-phóng độc-lập thông-nhất, nhưng còn một thời-gian mười năm bao cấp.

Một con rồng khổng-lồ vẫn nằm sâu dưới lòng đất của dãi Trường-Sơn im-lìm bất động. Đến năm 1996 ông Bí-Thư Nguyễn-văn-Linh của Xã-Hội Chủ-Nghĩa Việt-Nam ra chính-sách đổi mới mở cửa giao-lưu và buôn-bán với thế-giới, con rồng này mới bắt đầu chuyễn mình cựa-quậy.

Các ông thày địa-lý Tàu, Ta thời văn-minh hiện-đại dò tìm bằng vệ-tinh, ra-đa, máy rà điện-tử, vi-tinh, các ông đã thừa hiểu. Nhưng không nắm bắt được thời-cơ thuận-lợi các ông ấy chẵng làm ăn gì được. Năm 2000 nhà nước ta mới cho Nhật-Bãn nhận thầu, khoan thủng núi Hãi-Vân để xe-cộ lưu-thông khỏi leo đèo nguy-hiểm. Năm 2006 đường hầm xe-cộ đã lưu-thông qua lại an-toàn tốt đẹp . Tôi từ Đồng-Nai về thăm quê nhà làng Phú-Gia, đi vào Lăng-Cô thăm bà Dung là bác đâu

của tôi, năm nay bà đã gần một trăm tuổi vẫn còn khoẻ-mạnh và các anh chị con của bác tôi những người còn sinh-sống tại đây. Vì tình-nghĩa của người xưa, khi bác và ba tôi còn sống kết bạn rất thân với ông cụ tên Trần-văn-Thọ ở đây, nên ông xem tôi cũng như con cháu trong nhà ông vậy. Năm nào tôi có về thăm bác cũng phãi ghé nhà ông ấy để thăm. Ông cụ nầy năm nay đã chín mươi tuổi, có con cháu Việt-kiều Mỹ, Nhật, sức-khoẻ cụ vẫn còn tốt, da-dẻ hồng-hào, tinh-thần minh-mẫn, thấy tôi đến thăm ông rất vui-vẻ niềm-nở tiếp đón. Tôi lể-phép hỏi thăm sức-khoẻ ông và các con cháu ông, ông cũng vui-vẻ cho biết. Ong hỏi lại sức-khoẻ toàn gia-đình tôi, tôi cũng cám ơn ông và trã lời gia-đình con-cái của cháu vẫn mạnh-khoẻ bình-thường.

Ông quay qua nói chuyện đất nước phát-triển. Ông hỏi tôi mi đi lâu rồi, nay trở về thấy Lăng-Cô thế nao? Tôi trã lời thật hiện đại ông ạ, đường xá thì rộng rãi, nhà cửa thì thật đẹp. Ông cụ nói tiếp địa danh bây giờ cũng đổi mới là Thị Trấn Lăng-Cô chứ không phải xã Lôc-Hãi nữa đâu. Tôi cứ dạ-dạ ngồi im để nghe, ông nói tiếp nhờ chính-sách đổi mới của ông Nguyễn-Văn-Linh mới có ngày hôm nay mi hiểu chưa ? Tôi cũng dạ-dạ thưa ông cháu hiểu. Ông nói à bác quên, khách đến nhà không trà cũng rượu chứ, ông đứng dạy mỡ tủ lấy ra một chai rượu ngoại mỡ nắp rót vào hai ly thuỷ-tinh, ông bão cháu uống đi, rượu này ngoại chính hiệu, con tao nó gởi từ bên Mỹ về đó, tao nghe nó nói một chai tới mấy trăm dô-la lận. Tôi cũng dạ-dạ rồi nói ;

- Cháu cũng biết uống rượu nhưng chỉ có uống rượu đế mà thôi ông ạ. Ông bão mi cầm ly lên bác cháu mình uống một cái để cháu thưởng-thức mùi vị nghe chưa. Tôi cũng thủ lễ dạ-dạ chấp với ông một hớp, để ly xuống.

Ông nói tiếp:

- Mi ở trong nớ có nghe việc kỹ-sư nhà thầu khoán hầm Hãi-Vân có một chuyện bí-ẩn mi có biết không ?

Tôi trã lời:

- Dạ thưa ông cháu hàng ngày lo đi làm ăn ít có thời giờ xem đài báo nên chẳng rỏ chuyện chi, chỉ có biết việc khoan hầm mà thôi. Ông nói chuyện này bí-mật có ai dám đưa lên đài báo đâu mà biết.

Tôi nói:

- Ông có biết được chuyện gì hay ông kể cho cháu nghe với! Ông cụ có rượu ngà-ngà rồi ông cao hứng kể cho tôi nghe hết đầu duôi câu chuyện không còn dấu diếm điều gì.

Ông lại kể tiếp:

- Tao có thằng cháu tên nó là Thông con của bác Thái anh tao, nó đi ra nước ngoài trước ngày giãi-phóng miền Nam, hắn sang du học bên Nhật-Bãn khi giãi-phóng hắn ở bên nớ luôn, hắn học giỏi lắm, tao nghe nó nói nó có bằng kỹ-sư hay tiến-Sĩ gì đó ở bên Nhật-Bãn lận. Hắn về Lăng-Cô thuê khách-sạn ở để đi làm hầm Hãi-Vân với nhà thầu. Khi hầm gần hoàn-chỉnh, hắn đến nhà thăm tao lần chót để cáo từ về Nhật. Vì tao là chú ruột của nó, nó coi tao cũng như cha nó, nên nó mới kể cho tao nghe chuyện bí-mật này. Hắn dặn tao không được kể lại cho ai nghe cã, tao biết mi thật-thà tao coi mi như con cháu trong nhà mới kể cho mi nghe chơi, mi đừng kẻ lại cho ai biết nghe chưa. Tôi dạ-dạ cháu không dám đâu.

Ông kể tiếp:

- Có một ông thày địa-lý người Việt-Nam họ Nguyễn, nhưng cháu tao chẳng nói tên cho tao biết. Ông ta tìm đến chỗ khách-sạn cháu tao ở để thương-lượng nói thật với cháu tao, ở giữa đường khoan hầm có Long mạch, khi máy khoan đến đụng nhằm râu Rồng sẽ nổi giận phun nước, khi nào thấy nước Rồng phun ra thì cho ông ta để hài-cốt thân-nhân vào đó , Rồng sẽ ngậm miệng nước hết chãy. Nếu được như nguyện-vọng của ông ta, ông ấy sẽ tặng số tiền rât lớn, đôi bên đều có lợi.

Thằng cháu tao nó dè dặt không dám nhận lời. Sợ ông ta đưa chất nổ chậm đến để vào thì nguy-hiểm ở tù như chơi. Ông thầy địa-lý tìm cách năn-nỉ và thuyết-phục đủ điều, cháu tao mới nhận lời. Nhưng ra điều-kiện phãi cho mở ra khám xét, dem máy rà soát đúng sự thật chẳng có gì nguy-hiểm mới chấp-nhận . Ông thầy địa-lý bằng lòng. Sau khi thực hiện công việc của ông thầy địa-lý suông-sẽ, ông ấy phãi chi trã cho kỹ-sư một tài-khoãn rất lớn. Việc này bí-mật hợp-đồng với nhau không thổ-lộ cho một ai biết cã.

Ông ấy về hốt hài-cốt của thân-nhân đến làm thủ-tục khám-xét xong gói lại kỹ-lưỡng bỏ vào cái tráp bằng kim-khí sơn màu đen rất đẹp khóa lại rồi giao chìa khoá cho kỷ-sư giử làm tin, còn ông ấy giử cái tráp.

Đến ngày khoan đến Long mạch chổ con Rồng nằm đụng vào râu nó, y như lời thày địa-lý dự

đoán nó phun nước xối-xả rất khó thực-hiện việc khoan hầm. Kỷ-sư điện-thoại bão thầy địa-lý cãi trang thành ông công-nhân xách tráp đi theo kỷ-sư vào đến chỗ Rồng nằm.

Ông thầy địa-lý chỉ điểm cho máy móc đât lên để tráp xuống ngay hàm rồng tự nhiên nước tắt ngay, rồi lấp lại là xong việc. Hẹn tối về lại khách-sạn đôi bên thanh-toán sòng-phẳng với nhau rất tốt đẹp và bao nhậu một chầu vui-ve.

Nên hầm nầy rất dể làm, bàn giao, nhiệm thu đúng thời gian hợp đồng, với nhà nước. Chất lượng rất đạt yêu cầu ngang tâm cỡ Quốc-Tế.

Ông chủ thầu nầy lời to. Tao được biết chắc-chắn, ông ta gọi lại những công-nhân hợp-đông có thời hạn làm hầm với ông chi trã thêm mỗi người năm triệu "5.000.000.VNĐ ". Ông cụ cứ thao-thao kể cho tôi nghe mê-mệt hơn một giờ đồng hồ mới dứt lời. Tôi nói với ông:

- Cháu xin cám ơn bác kể cho cháu nghe được câu chuyện quá hấp dẫn , đến đây tôi xin cáo từ ông cụ ra về, trong lòng phơi-phới. Mừng thầm mình được ông cụ tặng món quà tinh-thần khá hay.

Sau khi về đến Đồng-Nai tôi vẫn e-dè suy nghĩ mãi không dám thổ-lộ với ai. Sau một thời-gian dài, tôi nghe tin ông cụ đã quy Phật"chết". Nhận thấy câu chuyện hấp-dẫn như thế này mà không viết thì quá uổng phí. Tôi suy nghỉ mãi, việc nầy không phãi ai-ai có tiền nhiều mà làm được đâu. Chắc là cũng có Trời, Phật giúp cho ông thày Địa-lý nầy mới làm được .

Nên tôi quyết-định viết truyện này. Thời xưa ông bà ta đã rút kinh-nghiệm làm việc gì đại sự phãi nắm bắt thời-cơ, có đầy đủ ba yếu-tố như:

Thiên-thời, địa-lợi và nhân-hòa, việc mới thành công tốt đẹp cho cã đôi bên như vậy.

***

III.- CON RỒNG VIỆT-NAM ĐANG HỒI-LỰC VÀ KHỞI-SỰ

Nói lại chuyện con rồng nó nằm dọc theo dãy núi Trường-Sơn, cái đầu tại đèo Hãi-Vân, đuôi ra tới núi Bạch-Mã, không biết bao nhiêu thế kỷ vẫn nằm im-lặng như tờ.

Dân-cư sống trong địa-bàn rồng nằm thật nghèo-nàn vât-vã, đến cuối thế-kỷ 20 lại chịu đựng hai cuộc chiến-tranh Pháp, Mỹ điêu-tàn tán gia bại sãn, dến hôm nay cũng chưa được hồi-phục phát-triển bằng các nơi khác.

Nhưng chúng ta nên tin rằng:

- Con rồng hôm nay đã ngoạm được thang thuốc bổ vào hàm, nó sẽ sung sức chổi dạy biến-hoá cất cánh bay lên. Trong tương-lai hãi cãng nước sâu Chân-Mây của địa-phận Huyện Phú-Lộc, tàu thuỷ hạng nặng của thế-giới cập bến tấp-nập, cơ-sở bến-bãi và các xí-nghiệp nước ngoài đầu-tư xây-dựng lên theo bãn đồ quy-hoạch của tỉnh Thừa-Thiên, thì dân-chúng sống trên địa-bàn nầy dược đổi đời.

Công-nghiệp hoá hiện-dại hoá. Có công ăn việc làm thu-nhập cao. Con em lớp tuổi trẻ hiện nay đang bỏ xứ đi nơi khác kiếm việc sinh sống sẽ quay trở về lại quê-hương sống đoàn-tụ với gia-đình làm ăn giàu có, phát-triển tốt đẹp xóm làng văn-minh, mới xứng đáng với cái địa-danh do tổ-tiên đặt cho từ bao thế-kỷ nay, là Làng Phú-Gia, Xã Lộc-Tiến, Huyện Phú-Lộc, Tỉnh Thừa-Thiên.

Đây là nói riêng cho tỉnh Thừa-Thiên quê-hương tôi.

Nói chung tương-lai nước Cộng-Hoà Xã-Hội Chủ-Nghĩa Việt-Nam nay đã được hội-nhập thương-mại thế-giới, sẽ văn-minh hơn, giàu-mạnh hơn, tốt-đẹp hơn. Sánh vai ngang hàng với các cường quốc năm châu, bốn bể.

Chúng ta cứ đặt niềm tin nền kinh-tế sẽ là chắc-chắn như vậy.

Còn các vị lèo-lái con Rồng của Xã-Hội Chủ-Nghĩa Việt-Nam tương-lai cũng sẽ là những người thông-minh sáng-suốt, học rộng tài cao, văn võ song-toàn, đạo-đức chân-chính, là ai chưa rõ được, mong rằng quý vị độc giã hãy đợi đây...

(Đây là chuyện kể, không phải lịch sử).

- Viết về quê hương.
"Viết xong bãn thão ngày 14-02-2007"

PHAN VỊNH

CHIM SÁO SỔ LỒNG

DƯƠNG LEH

Chỉ còn độ hơn một tháng nữa Nhan phải lên Saigon theo học chương trình liên thông đào tạo cử nhân đại học ngành tài chánh. Cầm tờ giấy báo trên tay, cô rất vui mừng. Thế là sau mấy năm trời chờ đợi, điều mong ước của cô đến nay đã thành sự thật. Thời gian từ nay đến ngày nhập học còn hơn một tháng nữa. Cô sẽ phải chuẩn bị mọi thứ, từ nơi ăn chốn ở trên Saigon đến việc xin tạm ngưng hợp đồng lao động với công ty cô đang làm việc ở tại thành phố Cần thơ này. Nhớ ngày cô chân ướt chân ráo đến Cần Thơ làm việc tại công ty Trà Sóc này, nếu không có Thuận giúp đỡ chắc là cô phải gặp không ít bối rối. Anh chàng này ra trường trước cô và làm việc ở công ty đã ba bốn năm rồi. Anh phụ trách về kế hoạch và được nổi tiếng là một nhân viên hiền lành mẫn cán. Quê nhà anh ở tại vùng đất Cần Thơ gạo trắng nước trong này, so ra thì cũng không xa xôi gì với gia đình của Nhan ở Vĩnh Long bên kia dòng sông Hậu. Lần đầu tiên gặp Nhan, anh thấy cô này có cái gì đó hấp dẫn qua cái mộc mạc giản dị của một cô gái của vùng đất hương đồng cỏ nội. Bởi vậy, gặp Nhan anh tỏ ra hết sức nghiêm túc, lịch sự. Anh ân cần giúp Nhan tìm nhà trọ để ở tạm đi làm. Ngoài ra, trong những lần đi ăn cơm trưa, anh chỉ cho Nhan cách làm hài lòng bà sếp cũng như các thành viên trong ban lãnh đạo. Bà sếp trực tiếp của Nhan không ai khác hơn là bà kế toán trưởng. Bà này gốc gác nghe đâu ở tuốt ngoài Bắc, tuổi tác mới hơn bốn mươi, có chồng là cán bộ cao cấp về phát triển nông nghiệp. Thực ra, bà cũng tử tế với nhân viên. Ai làm việc chậm chạp thì bà chê "như con zùa", người nào làm việc nhanh chóng, bà khen nức nở. Một cô gái trẻ tên là Oanh phụ trách khâu bán hàng, luôn luôn nộp báo cáo đúng kỳ hạn, bà khen:

-Tao thấy con Oanh làm việc tốt lắm. Phát huy nhé. Khi nào lấy chồng tao sẽ cho quà.

Sau đó Oanh có thêm cái biệt danh là "Oanh phát huy". Mấy cô bạn khác trong phòng tài chánh thường thúc giục Oanh:

- Lẹ lên, lấy chồng đi, sếp cho quà.
- Không dám. Hôm trước bả nói để bả giới thiệu cháu chắt gì ở ngoài quê bả cho tao.
- Rồi sao?
- Tao nói, tao sợ con trai ngoài kia lắm.
- Sao kỳ vậy?

- Mầy không biết sao, mình ở trong này, họ cưới mình để được vô hộ khẩu. Xong rồi, "biến".

- Có ai gặp cái "ca" này chưa?

- Rồi. Nhỏ bạn tao ở bên Bình Minh kìa. Cũng mai mối lấy chồng ở miệt ngoài kia, khi vô được hộ khẩu rồi đá nó một cái "bịch". Báo hại con nó chưa biết thằng tía là ai.

- Ghê quá vậy.

- Thôi, suỵt, đừng nói nữa, bả nghe được thì mắc dịch hết.

Chuyện trên trời dưới đất gì trong công ty Thuận cũng kể cho Nhan nghe, rồi giúp Nhan xử lý tình huống nếu như có gặp phải.

**

Lúc đầu Nhan coi Thuận như một người bạn cùng làm trong công ty thấy Nhan là người mới nên ân cần giúp đỡ, vậy thôi. Hơn nữa Nhan còn ấp ủ trong lòng ước mơ tiếp tục học lên để lấy được bằng cử nhân đại học. Dần dần, ngày tháng trôi qua cô thấy tình cảm bắt đầu "len lén tâm tư" rồi tăng dần theo tỉ lệ thuận với thời gian. Thuận cũng không còn phải dấu giếm con tim của anh đang thổn thức và cuối cùng anh đành phải thố lộ với Nhan rằng anh muốn xây dựng một gia đình bé nhỏ với cô. Thời điểm này cũng vừa đúng tám tháng sau ngày Nhan vào công ty làm việc. Tình hình nầy đã làm Nhan phải bấn lên vì hai luồng tư tưởng đang quấn quít vào nhau làm cô phải chóng mặt. Luồng tư tưởng thứ nhất làm Nhan vô cùng mừng rỡ khi Thuận ngỏ lời muốn cưới cô. Trong những bạn gái làm chung hình như cũng có tiếng xì xèo:

- Con Nhan có phước mới vô làm đã được anh Thuận rước rồi. Tụi mình làm mấy năm trời ở đây ông khùng đó đâu thèm ngó tới.

- Ủa, vậy chớ anh chàng bên Cty liên doanh tới đón mầy hoài đâu rồi.

- Ổng nhậu lì bì mầy ơi. Ông già tao nói phải coi chừng mấy ông nhậu.

- Ở dưới này đàn ông ai mà không nhậu...

Luồng tư tưởng thứ hai làm Nhan không kém phần bối rối. Đó là chuyện học hành của cô. Cô đã đặt quyết tâm cố gắng đi làm việc một thời gian rồi tiếp tục học liên thông để lấy cho được cái bằng cử nhân đại học. Nhan thấy giữa hai chuyện lấy chồng và tiếp tục đi học không thể chọn một trong hai món vì món nào Nhan cũng muốn hết. Cái chuyện Thuận tìm đến cô cũng là "duyên trời định" rồi, nếu không chớp lấy cơ hội rủi như sau này không có cái "duyên" nào nữa mò tới, cô phải chịu cảnh phòng không chiếc bóng tới già thì ai "chịu trách nhiệm" đây? Cô đã thấy có nhiều phụ nữ đi trước, khi qua đến tuổi "băm" đã phải chịu cảnh cô đơn quạnh quẽ. Nhìn kỹ chung quanh cô thấy những người ở trong hoàn cảnh này có rất nhiều.

Còn cái chuyện đi học thì cô đã nhất quyết rồi không suy đi nghĩ lại gì hết. Trước đây cô phải thi vô cao đẳng chẳng qua là vì cô thấy thực lực mình lúc bấy giờ không được mạnh lắm, mấy môn học chủ lực của cô còn yếu nên không dám bon chen thi thẳng vào đại học mà định sẽ đi vòng qua cao đẳng rồi sau này học liên thông cũng không muộn. Cô đã đem tâm tư này nói với Thuận:

- Anh, mình đám cưới rồi sau này em muốn đi học nữa được không?

Thuận đã nhanh nhẩu trả lời:

- Tưởng gì chứ cái đó dễ ợt. Anh còn khuyến khích em nữa, đừng lo.

- Rồi con cái đùm đùm đề đề thì sao.

- Thì mình cứ sắp xếp sao cho xong thì thôi.

Gẫm lại, cuộc đời cô từ khi ra trường đã trôi qua hết sức bình lặng nhưng lại gặp nhiều may mắn. Cái may mắn lớn nhất mà nhiều người con gái trưởng thành đều mong ước, đó là cô bỗng nhiên có được một người chồng rất tử tế. Và một điều may mắn nữa đến với cô, đó là giữa cô và Thuận, sau ngày đám cưới cả năm trời vẫn chưa có dấu hiệu về cái vụ "con cái đùm đùm đề đề" thì cô được giấy gọi đi học liên thông.

.....

Chuyện học hành của Nhan thông suốt đến không ngờ. Cô học thoải mái. Không bao giờ bị nợ nần một môn học nào cả. Có thể sau thời gian đi làm việc tiếp xúc với thực tế, đầu óc cô vỡ ra, nên việc tiếp thu bài học rất dễ dàng, khác hẳn thời cô học ở bậc cao đẳng cô thấy có phần khó khăn, bởi vậy lúc bấy giờ cô không dám thi vào đại học là đúng. Chả bù cho bây giờ cô học dễ dàng quá. Cô nghe nói có nhiều người học không được phải chạy đầu này đầu nọ mua bằng,

miễn sao họ được tốt nghiệp, có được tấm bằng cấp khoe với bà con hoặc đưa vào cơ quan để thăng lương thăng bậc. Họ không cần làm việc với cái chuyên môn thể hiện trong bằng cấp mà họ đã mua được. Thực ra học có biết gì đâu mà làm việc, họ nhờ người khác làm giúp.

Khi Nhan bắt đầu lên Saigon học đại học, Thuận đã giúp cô tìm nơi ở trọ để thuận tiện cho việc học hành. Đó là một gian nhà xinh xắn không phải chung đụng gì với chủ nhà. Nhờ vậy Nhan có thể đưa bạn gái đến để cùng nhau học tập hoặc ăn uống vui chơi vào dịp cuối tuần cho đỡ cô đơn vì đang sống xa nhà, xa người chồng thân yêu.

Nhan thầm biết ơn Thuận đã tận tình hỗ trợ Nhan tiếp tục việc học hành và không còn bao lâu nữa cô sẽ tốt nghiệp. Con đường tương lai của cô hé mở ra nhiều triển vọng. Cô thấy rõ ràng Thuận cưới cô không phải để bắt cô làm dâu cho nhà chồng. Gia đình ba má Thuận rất thoải mái luôn để cho con cái tự do tổ chức cuộc sống riêng tư tùy theo sở thích. Thuận cũng không hề sợ có vợ học cao sẽ coi thường chồng, bắt nạt chồng như nhiều người đàn ông khác từng suy nghĩ như vậy. Anh thường mơ mộng đến một tương lai sáng trưng trong đó hai vợ chồng đi làm việc với mức lương khấm khá có đủ tạo ra nhiều tích lũy dành riêng cho đàn con sau này.

Một buổi sáng, Thuận nhận được email của vợ. Đọc xong Thuận có phần tư lự, không như những lần khác anh luôn cười tươi rồi tiếp tục làm việc. Trong mail Nhan cho biết cô đã tốt nghiệp, mặc dù chưa được phát bằng nhưng cô đã được một công ty mời đến nhận việc, và cô đã đồng ý. Công việc mới này cô rất thích, phù hợp với khả năng của một người đã tốt nghiệp đại học, vả lại lương hướng rất tốt. Vì công việc rất bề bộn nên thường phải làm việc vào ngày thứ bảy hoặc chủ nhật, do đó cô chưa tính đến việc trở về Cần Thơ thăm nhà...

Thuận thử gọi điện thoại cho Nhan nhưng cô đã khóa máy. Một lát sau Nhan gọi cho Thuận:

- Anh đọc mail của em đi. Khi nào có thời gian em sẽ gọi sau. Bây giờ em đang họp...

Thuận chờ nửa tháng, rồi một tháng, và đến nay đã gần hai tháng kể từ khi Nhan gửi mail báo tin cô đã có việc làm. Cách đây vài tuần, Thuận có gọi điện cho Nhan, máy cho biết "số này không có tồn tại". Thuận vô cùng lo là không biết có chuyện gì xảy đến cho Nhan. Công việc bề bộn, đi sớm về trễ, đường vắng, trong thành phố tệ nạn đầy rẫy. Thuận nghĩ nếu có chuyện gì thì Nhan cũng biết cách báo về gia đình. Ở thời buổi khoa học tiến bộ này con người ta cũng trở thành "hai-téc" và đối với khoảng cách Saigon - Cần Thơ không còn là xa xôi nữa rồi.

Thuận lên đến Saigon trời còn lờ mờ sáng. Anh đã dự trù đi thật sớm, để lên đến nơi gặp Nhan trước giờ làm việc có thể nói chuyện được nhiều.

Xe đò vừa dừng ở đường Phạm Ngũ Lão, anh nhảy khỏi xe và ngoắc ngay một chiếc xe ôm chạy đến nơi Nhan đang ở trọ. Đây chính là nơi cách đây hơn hai năm anh đã dẫn Nhan đến thuê để ở và đi học cho gần.

Nhìn quanh quẩn một hồi anh thấy quả đúng căn nhà này. Cũng cánh cửa sắt vàng nhạt nhưng giờ này còn đang đóng im ỉm. Anh nghĩ có lẽ giờ này Nhan vừa thức dậy, còn đang làm vệ sinh buổi sáng và ăn điểm tâm. Anh bước qua con hẻm đi lui vài căn nhà tới một quán cà phê ở ngay đầu một lối đi nhỏ. Anh gọi một ly cà phê đá và đợi chừng mươi mười lăm phút nữa đến gõ cửa nhà Nhan cũng không muộn.

Đang ngồi ngó trời ngó đất và nhâm nhi gần nửa ly cà phê đá, tự nhiên Thuận nghe có tiếng lách cách từ cửa sắt nhà Nhan, rồi có người mở cửa. Thuận chưa kịp đứng lên để chạy tới gọi Nhan thì thấy một người đàn ông ăn mặc bảnh bao đẩy chiếc xe máy đời mới bóng láng ra khỏi nhà, phía sau là một người phụ nữ, mặc đầm theo kiểu nhân viên làm việc cho những công ty nước ngoài. Thuận nhận ra ngay người phụ nữ đó chính là Nhan, là vợ anh, đang leo lên yên sau và vòng tay ra phúa trước ôm chặt người đàn ông kia đang rô ga cho xe chạy ra hướng đường lớn.

Ở hướng ngược lại Thuận đang ngồi như chôn vào chiếc ghế nhựa. Trước mắt anh là ly cà phê đang mờ dần như bị che bởi một màn mưa xám đục.

DƯƠNG LEH

NGƯỜI MANG HỌ MẸ

NGÔ XUÂN TIẾU

Trung tá Dần, mặc lễ phục mùa đông, đứng trước gương ngắm chân dung mình trước khi lên xe có vẻ tự tin. Ở tuổi bẩy mươi lăm, nhưng ông vẫn còn phong độ lắm.

Người tầm thước, gương mặt chữ điền, sống mũi cao, miệng rộng, mắt có đuôi ẩn sau cặp kính trắng, dưới bộ lông mày lưỡi mác còn xanh. Vầng trán rộng, hói quá đỉnh đầu. Mái tóc quăn đã pha sương. Ông có vẻ đẹp như một trí thức. Lại biết làm thơ, chơi ghi ta, bóng bàn rất khá, lúc trai trẻ nhiều em chết mệt. Bạn bè bảo : "ông số đào hoa ! ? " ông chỉ cười... nói: " thời bấy giờ kỷ luật nghiêm lắm. Làm bạy là toi ngay..."

Từ hôm hai vợ chồng ông Dần lên Tây Bắc thăm bà Hương – người tình cũ, và đứa " con rơi" về, ông thao thức nhiều đêm... Bao ký ức vui, buồn đan xen, buộc ông ngẫm ngợi. Nhớ lại chặng đường đời với bao thăng trầm, ngọt ngào, hạnh phúc, đớn đau... không thể nào quên !

Vừa lau chùi quét dọn bàn thờ, ông ngắm chân dung người vợ xấu số, lòng nặng trĩu nỗi buồn !

Còn hai ngày nữa đến giỗ bà Dung. Thời gian trôi nhanh thật. Mới đó đã sáu năm. Thương nhớ, người vợ đảm đang, chung thủy chờ chồng. Chỗ dựa vững chắc ở hậu phương suốt mấy mươi năm ông ở chiến trường.

Một tay ba con nhỏ, mẹ già. Bom đạn, nắng mưa, thiếu thốn, bệnh tật.... bà vượt qua. Thờ mẹ, nuôi con khôn lớn thành người!

(Thằng con cả làm giám đốc sở xây dựng, hai đứa em là giảng viên ở trường đại học.) Sau chiến tranh, gia đình sum họp được vài năm, có bát ăn bát để. Cứ tưởng đã qua cơn bĩ cực, vợ chồng được chia sẻ ngọt bùi, bù đắp lại những năm đầy khó khăn thử thách. Ai ngờ bà ra đi quá sớm ! Cầm khung ảnh vợ trên tay, ông Dần rơi nước mắt. Thương tiếc, biết ơn, cảm phục người vợ thảo hiền. Thương thân phận mình đứt quang, gẫy gánh giữa đường. Con cái ở xa, côi cút tuổi già, trong ngôi nhà lạnh lẽo...Ông tìm đến với bà Cao ở đoạn cuối cuộc đời. Gương vỡ lại lành. Hai thân phận cô đơn chăm sóc nhau... Âu cũng do trời định đoạt.

Nhớ đến chuyến thăm mẹ con bà Hương vừa qua thật cảm động. Một niềm vui khó tả khi cha con gặp nhau, mừng mừng, tủi tủi, nước mắt lưng tròng. Hai người đàn ông ôm nhau, chẳng nói gì. Chỉ thấy máu trong huyết quản chảy dạt dào, và trái tim đỗ hồi thổn thức. Trong khoảnh khắc ấy, ông thấy mình có lỗi với vong linh bà Dung, về cuộc tình vụng trộm cách đây ba mươi sáu năm ! Nhờ sự bao dung của bà Hương, nuôi con một mình. Vượt mọi tục lệ trong làng, bản, mới có thằng Thuận chủ tịch huyện hôm nay ! Nếu ngày ấy bà nạo thai theo yêu cầu chạy trốn của mình thì...?

Nghĩ đến đây, ông thấy nóng bừng cả mặt về nghĩa vụ, trách nhiệm, của người cha suốt mấy chục năm bị lãng quên thật là xấu hổ!

- (Ông Dần nhớ lại kỷ niệm cuộc đời bốn mươi năm trước): Vào một đêm cuối tháng mười hai, năm một ngàn chín trăm bẩy mươi lăm, tuyết rơi trắng trời Tây Bắc. Cây cỏ long lanh từng chùm hoa tuyết. Đêm giao lưu văn nghệ giữa cơ quan tỉnh đội X, với thanh niên xã Y, đông vui lắm. Đây là cuộc giao lưu văn nghệ đầu tiên sau ngày miền Nam nước ta hoàn toàn giải phóng. Khăn áo các sắc tộc, như một vườn hoa đa mầu. Nam thanh, nữ tú, tình quân dân cá nước gặp nhau, gương mặt nào cũng đẹp như hoa. Đêm văn nghệ chẳng ai muốn cánh màn nhung khép lại. Dẫu

tiếng gà đang chuyển sang canh.

*

Đêm diễn kết thúc. Trong phòng tẩy trang còn lại ông, với cô văn công quân khu Tây Bắc - Đàm Hương. Ông lúng túng tẩy son ở khóe mắt, thì Hương lại giúp, và nàng ghé môi hôn. Ông Dần ngây như phỗng, không kịp xử cách nào cho phải. : "Em ơi, người ta thấy đấy. Son phấn rây đỏ môi, má anh rồi." Để em tẩy cho anh một tí là xong. Sao anh run bắn cả người lên thế? Không thích em ư? – Anh sợ ... Tiếc là ta gặp nhau hơi muộn. Thuyền anh có bến đậu rồi. "Em có cướp thuyên đâu? Hương vừa ôm, vừa vỗ nhẹ vào lưng ông, cười ranh mãnh..."
Tại nhà Hương. Chúng tôi ngồi quanh ché rượu tay vít cần, mắt tìm nhau nói những điều chưa thể nói... Cứ nhìn, cứ uống. Đêm ấy ông Dần say xỉn vì rượu, vì nụ hôn bất chợt, cuồng si như bão. Vâng, cơn bão tình, mà trái tim ông là tâm bão. Bão qua lâu rồi, hồn ông chẳng mấy lúc nguôi ngoai...
Khi bớt say, ông Dần biết mình đang nằm tại nhà Hương. Và hình như nàng đang vắt tay lên ngực ông. Ông đưa tay lên nắm bàn tay nàng bóp khẽ...
- Anh tỉnh rồi à? Uống nước chanh đường nhé.
- Ừ, anh khát lắm. Anh uống nhiều rượu lắm phải không em?
- Không sao đâu. Sẽ tỉnh ngay thôi.

*

Nàng mặc đồ ngủ bằng lụa trắng mỏng tang. Một cô gái Thái, một cô văn công giọng nữ cao, ngoại hình rất đẹp đang nằm bên ông. Trời ơi, hạnh phúc hay tội lỗi?
- Anh hôn em đi! Em yêu anh. Không chiếm đoạt anh đâu. Vì như vậy có lỗi với chị Dung. Tình yêu, và sự hiến dâng, em dành cho anh đêm nay không có lỗi !
Với ánh mắt đắm đuối, và nàng đã khỏa thân. Ông xiết chặt Hương trong vòng tay,
hôn tới tấp lên môi, má, và ngậm đầu vú nàng, như đứa trẻ bú mẹ. Quên mọi nỗi lo...
- Em dùng nước hoa gì mà thơm thế? Hình như không phải nước hoa. Nó thơm ngậy như mùi hoa ngô, hoa lúa. Cũng không phải, nó như mùi hoa dủ dẻ phải không em?
- Ồ, đấy là "mùi con gái!" Các cụ bảo con gái trinh mới có mùi thơm đặc biệt đó. Mùi thơm của bông hoa đời chưa có bướm ong qua. Nó chỉ tỏa hương khi có bạn tình đích thực!
Ôi, " mùi con gái" trinh nguyên, quyến rũ, si mê. Mùi hương bất diệt của con người! Nhất là gái đẹp như em... Ông đặt lên môi nàng nụ hôn cuồng si, ôm em đến ngộp thở, hít hà cái " mùi con gái." Nàng đắm yêu, thùm thụp vào vai ông. Và ...chúng tôi cuốn lấy nhau, tan chảy trong nhau...Dâng, hiến hết mình trong đêm định mệnh ấy.
Công danh , địa vị, lúc này chẳng ý nghĩa gì. Bởi công danh gắn liền với thời thế. Mà thời thế xưa nay thường thay đổi. Chỉ có tình yêu đích thực, trinh tiết, thơm ngậy " mùi con gái" ngự trị trong trái tim nhân loai muôn đời!
Có phải vậy không em? Vâng. Anh vừa hít hà " mùi con gái" đó thôi. Nàng nói trong nước mắt, nước mắt hiến dâng trinh tiết của đời người con gái.

Đêm thảo nguyên mênh mông, gió ở đây phóng khoáng. Không khí như loãng ra. Cái giá rét âm hai độ c, đêm nay thật khó ngủ. Mặc dù trên chăn , dưới đệm, và bếp lửa vẫn hừng hực than hồng.
Ngoài trời, tuyết bay lấp loá qua song cửa voóng, rơi lộp độp xuống tàu cau, tàu chuối trong vườn. Tiếng côn trùng rên rĩ đến não lòng.
Hai cha con đã vãn chuyện, nhưng vẫn chưa ngủ được. Ông Dần nắm bàn tay Thuận, hỏi : " con đã ngủ chưa ?" Bỗng thấy ngón út bàn tay phải cụt một đốt. "Tay con bị tật bẩm sinh ư?"
- Không phải thế đâu bố ạ! Con đánh nhau đấy.
- Làm sao mà nên nông nỗi thế con.
- Hồi học cấp một, các bạn cứ bảo con không có bố. Mẹ mày chửa hoang. Mày là đứa con rơi. Đừng chơi với nó chúng mày ơi...Thế là con đè nó xuống đường, bốc đất nhét vào miệng nó. Bị nó cắn đứt một đốt ngón tay.
- Sao con không hỏi mẹ về cha?
- Mẹ bảo mang họ mẹ cũng được. Vì người ta hỏi lý lịch ba đời nội, ngoại, bố con đang công tác. Khi ông về hưu hẵng hay. Ông là người tử tế !
Năm mẹ bị ốm nặng, bạn mẹ gửi thư đến đơn vị ông. Chuyện bị lộ, họ cử người về điều tra. Mẹ nói dối có quen biết ông Dần như mọi người bạn khác. Nghe con trai kể lại, ông mới biết ngày ấy

ông vẫn bị tổ chức nghi ngờ. thảo nào ông không được đề bạt tham mưu trưởng tỉnh đội X. Ông xin chuyển về bộ chỉ huy quân sự tỉnh T, rồi về làm huyện đội trưởng huyện V cho đến lúc về hưu.

- Con có hận bố không. Bố là người ích kỉ, thiếu trách nhiệm. hãy tha lỗi cho bố. Vì mẹ con cố giấu sự ra đời của con. Mãi hôm nhận được thư con cách đây vài tháng, bố mới biết mình còn có một đứa con. Bố rất mừng, và hổ thẹn về mình. Hai bố con ôm nhau khóc nức nở. Khóc vì mừng, vì tủi cho thân phận...

- Bây giờ con đã trả lời cho các cháu được rồi. Chúng đã có nội, ngoại đầy đủ. Con rất mừng vì đã tìm được tổ tông. Bố hãy giữ gìn sức khỏe, làm chỗ dựa tinh thần cho con cháu.

* * *

Ở giường bên, bà Cao đang tâm sự với bà Hương:

- Em dạy học ở vùng cao, chồng em là đại úy bộ đội biên phòng hi sinh khi truy bắt bọn buôn ma túy. Ba đứa con em đã có vợ con, chúng nó đều công tác ở Hà Nội. Thui thủi một mình với năm gian nhà lạnh lẽo, cô đơn buồn muốn chết.

Nhiều hôm gặp anh Dần đi chợ mua ăn, thấy người cùng cảnh ngộ. Rồi thương yêu nhau lúc nào không nhớ nữa. Em cũng tuổi dần, nhưng kém anh ấy một giáp. Chi xem anh ấy có già đâu. Em chăm sóc cẩn thận lắm. chỉ còn mỗi bệnh hút thuốc lào vặt cả ngày chưa bỏ được. Được cái thương vợ con, quý mến các cháu lắm. chẳng phân biệt con thiếp, con chàng đâu.

- Mai vợ chồng em về, vì sắp đến giỗ chị cả rồi. em tặng chị bộ quần áo dạ này. Cái tình cảnh phụ nữ với nhau. Chị nhận cho em vui lòng.

- Cảm ơn em. Chị có mấy chai mật ong rừng, và cái mật gấu, em đem về dùng. Nhớ chăm sóc anh Dần thật tốt nhé. Anh ấy sống lâu con cháu được nhờ!

Chuông đồng hồ điếm năm tiếng. Đàn gà bản , gà rừng đua nhau gọi mặt trời.

Trong bữa cơm chia tay, ông Dần trao quà cho hai cháu nội, mỗi đứa năm chỉ vàng, gọi là cho các cháu giấy bút học hành. Khi nào vào đại học ông thưởng thêm. Rôi ông ngẫu hứng đọc thơ: " Quyền cao chức trọng thoảng qua/ Chỉ còn đọng lại trong ta caí tình."

- Bà Hương mỉm cười: " Chúc anh chị thượng lộ bình an. Sống lâu, và hạnh phúc! Cuộc chia tay thật là bịn rịn...Tình xưa nghĩa cũ.

Hôm giỗ bà Dung, anh em , con cháu nội, ngoại đông đủ cả. Chú Ba em út ông Dần, bỗ bã nói:

- Ông anh đúng là số đào hoa. Hàng tá đàn bà qua đòi bác, sướng nhá. Mà đàn con bác, cháu tôi, cũng rất thành đạt. Kể như thằng Thuận – " con rơi" làm đến chức chủ tịch huyện, mới ba mươi sáu tuổi đầu đã có bằng thạc sĩ kinh tế, nó còn tiến xa hơn ấy chứ. Mà bác có phải nuôi ngày nào đâu. Được đứa con như vậy cũng vinh hạnh.

- Chú cứ nói thế, thằng Thuận nhà này là anh chủ tịch huyện, thì thấm tháp gì. Có những thằng "con rơi" nó làm vương, làm tướng, ấy chứ. Vợ đẹp, con khôn, của nả ăn tiêu đến mười đời không hết thì chú tính sao.

- Ồ, mấy thằng cơ hội ấy kể gì. Công, tội, dân họ biết hết. Bởi người chống thuyền là dân, mà người lật thuyền cũng là dân. Ca dao có câu :

"Thương dân, dân để dân thờ/ Hại dân, dân đái lủng mồ thối xương."

Nói chuyện thời thế một chút cho vui thôi. Các cụ bảo: "Thời thế , thế thời, thời phải thế." Chẳng có gì vĩnh cữu đâu! Tiền bạc, vương quyền, hết thời là hết. Chỉ có tình yêu bất tử thôi ! Chú Ba nói câu kết, rồi chào anh chi và thực khách ra về ./.

Đàm quang Thuận chủ tịch huyện Đ, năm nay ba mươi sáu tuổi. Anh chào đời vào đêm đông năm 1976. Bà Đàm thị Hương - mẹ anh kể : " Đêm ấy tuyết rơi trắng trời, sông, suối đầu nguồn đóng băng, cây rừng từng chùm hoa tuyết trắng ngần. Tuyết dưới trăng khuya như những giọt nước mắt từ trời rơi xuống. Ôm con khóc tủi thân khi vượt cạn một mình. Khóc vì được làm mẹ - cái thiên chức trời ban, chẳng dễ khi cô thanh niên xung phong đã lỡ thì."

NGÔ XUÂN TIẾU

CHUYỆN CHƯA CÓ HỒI KẾT

GIANG TRUNG HỌC

Ông Cang ngoài sáu mươi tuổi mới lấy cô Dần. Cô Dần kém chồng những ba chục tuổi. Bởi thế mới lắm lời bình: Vợ chồng khác gì bố con. Vì cô Dần hám lên Hà Nội ở. Còn ông Cang ham gái trẻ... Tuy nhiên, miệng lưỡi thiên hạ không làm suy suyển hạnh phúc của họ. Đến nay họ đã chung sống với nhau hơn mười bốn năm rồi.

Cô Dần là em ruột vợ bạn ông Cang. Thời đánh Pháp ông Cang từng cứu bạn - ông Cường - thoát chết. Nên hai người thân thiết với nhau từ ngày ấy. Khi rời quân ngũ, ông Cang nhận công tác ngay tại Hà Nội, còn ông Cường phục viên về quê. Tuy nhiên, tình bạn của họ vẫn đằm thắm qua những lá thư. Từ khi biết tin ông Cang với bà vợ trước bỏ nhau, ông Cường luôn mời bạn về nhà mình chơi cho đỡ buồn. Thấy ông Cang còn khoẻ mạnh, nhanh nhẹn, nhiều lần ông Cường khuyên bạn lấy vợ. Để mà nương tựa nhau. "Nhưng lấy ai - ông Cang nói. Không cẩn thận, êm ấm hạnh phúc chẳng thấy đâu, đâm thêm một lần khoác vạ vào thân". Ông Cường bảo: "Tôi làm mối cô Dần cho ông. Ông biết nó rồi. Không xinh đẹp bằng các cô các bà ở Hà Nội, nhưng so gái làng cũng khơ khớ phải không?". Ông Cường hùn thêm: "Nếu ông định lấy vợ Hà Nội thì tôi rút lui ý kiến. Còn không, lấy cô Dần là nhất". Ông Cang nghĩ, cô Dần xem ra quá trẻ so tuổi ông. Mà sao nàng chưa lấy ai. Nếu mình bằng lòng, liệu nàng có chịu không? Biết băn khoăn của bạn, ông Cường lên tiếng: "Tôi bảo đảm rằng: Nó chịu!". Còn nói rõ: Ở quê ông, tuổi ngoài ba mươi rất khó lấy chồng. Hầu hết bọn con gái xây dựng gia đình vào tuổi hai mươi. Con trai cưới vợ cũng ít đứa đến tuổi ba mươi. Cô Dần rơi vào cảnh ngộ khó khăn là do hai lần đợi chờ người yêu đều tuột. Lần đầu yêu anh chàng người cùng xã. Hắn đi học nước ngoài, được mấy năm viết thư về bỏ. Lần thứ hai đang rậm rịch chuyện cưới xin thì người yêu lên đường nhập ngũ. Năm năm sau, bỗng có tin anh hy sinh trong một trận tiễu phỉ. Sau đó cũng còn mấy đám nhòm ngó. Đám thì cô chê gánh nặng gia đình. Đám chê tuổi cao. Ông Cang cười cười: "Còn tôi tuổi thấp chắc?". Ông Cường: "Nhưng người thành thị nó khác. Nhìn ông, tôi bảo đảm không ai nói quá năm nhăm. Da đỏ au. Tóc mới lơ phơ mấy sợi bạc. Lại vẫn đủ sức cua xe máy hàng trăm cây số về quê ngon ơ!". "Thôi thì... bác cứ mối lái xem sao. Có điều, tôi cũng cần tham khảo ý kiến vợ chồng thằng Khang một tí. Không rồi chúng lại bảo bố coi thường con".

Nghe bố nói, vợ chồng anh Khang không mấy mặn mà. Bởi họ đã có lần mời bố đến ở nhà mình. Để bố khỏi cô đơn. Nhà cửa thì rộng rãi thoáng mát. Hơn nữa, những lúc bố yếu đau, con cái cũng thuận tiện trông nom săn sóc. Ông nói: "Thế còn căn hộ bố đang ở thì đóng cửa à? Hay các con định thế nào?". Anh con trai đáp: "Chúng con chẳng giấu gì. Gian nhà ấy bố bán đi, hùn vốn vào kinh doanh. Doanh nghiệp của vợ chồng con đang rất cần vốn". Nhưng việc lấy vợ ông đã quyết rồi. Ông nói cốt để thông báo cho con cái biết thôi. Đồng tình thì rất tốt. Không, chẳng có sao. Thấy bố nhất định không thay đổi ý định, vợ chồng anh Khang quay gằn hắt nhau. Khởi sự ở cô vợ, rằng: "Anh chúa chủ quan. Hễ mở miệng là: Bố nghe. Bố nghe!". Cô ta cay cú vì, trước mắt không xoay xở kịp năm trăm triệu đồng để lấy mảnh đất, sẽ mất đứt số tiền đặt cọc năm mươi triệu. Về lâu về dài thì tịt ngóm khoản thừa kế căn hộ của bố chồng. "Để xem con mụ nhà quê mặt mũi thế nào mà ông cụ chết mê chết mệt đến thế? ".

Hôm ông Cang đón cô Dần về Hà Nội, có ông Cường và một người nữa ở quê cùng đi. Đến tối, ông cũng chỉ mời mấy người hàng xóm sang nhà xơi nước. Để ông có lời giới thiệu cô Dần. Gọi là thủ tục ra mắt ấy mà. Ông già rồi, rùm beng việc cưới xin làm gì. Cốt sao vợ chồng chung sống

thuận hòa được với nhau. Đó mới là cái đích. Cái đích đơn sơ có thế thôi.

Hơn mười bốn năm trôi qua, mỗi ngày ông thêm yên tâm với cái đích mình cầu mong. Bởi cái đích không ở đâu xa. Không phải chờ phải đợi. Nó hiện diện ngay trong cuộc sống hằng ngày của vợ chồng ông. Cô Dần đúng là người đàn bà ông cần. Biết lo toan vun vén công việc gia đình, chăm lo săn sóc ông. Và trung thực, chất phác, hiền lành. Y như người yêu đầu đời của ông. Xưa nay ông chúa ghét hạng người lèo lá đơm đặt. Nói năng ngọt xớt nhưng không tin được điều gì ở họ. Cô con dâu ông thuộc hạng người gần như thế. Vậy mà không hiểu sao thằng Khang bập vào, và cam chịu để vợ sai khiến chứ lỵ. Bởi cái gì cũng nhất nhất nghe vợ, nên nó hoá ngu hoá đần. Hay vì ngu đần nên nghe vợ? Song, nghĩ cho cùng, thằng Khang hay dở đâu chỉ tại con vợ. Còn cả cái xấu đầy rẫy ở cuộc đời này tác động chi phối nó.

Sao ngày nay cái xấu nhan nhản ở khắp nơi khắp chốn? Không thể đổ lỗi vì trình độ nhận thức của con người thấp kém. Trình độ chung trình độ riêng bây giờ hơn hẳn ngày xưa. Có thể vì sự hơn hẳn mà con người nhận biết được chân tướng xã hội đương thời với cả tương lai. Dẫn tới mất niềm tin vào cái chung, mà mấy thế hệ từng đổ máu xây dựng và bảo vệ nó. Nên ai nấy đều ngầm ngầm lo cuộc sống riêng của mình bằng bất kể giá nào. Tệ tham nhũng tràn lan, phải chăng có nguyên nhân suy giảm niềm tin. Hết tin thì phá, đó là lẽ thường xưa nay. Tham nhũng chính là hành vi phá phách, đến mức người ta phải liệt vào hàng "quốc nạn" để tìm cách diệt trừ. Nhưng khó! Bởi quốc nạn này, thủ phạm không phải đám thường dân, mà đều là quan chức Nhà nước cả. Quan chức hư hỏng, khác nào nhà dột từ nóc. Thượng bất chính, ắt dưới làm loạn. Rồi cái loạn xã hội thâm nhập vào tất thảy mỗi gia đình, mỗi con người. Trách nhiệm đó thuộc về ai? Về ai?... Ông hình dung, nay mỗi con người đều đang trong vòng lốc xoáy dữ dội, chẳng ai dám chắc không bị xô đẩy ngả nghiêng. Làm sao ông có thể giơ tay chắn lốc. Đành cam chịu vậy. Cũng như thằng Khang tốt xấu thế nào, không còn phụ thuộc vào ông nữa.

Từ khi ông Cang lấy cô Dần, vợ chồng anh Khang xa lánh hẳn. Lấy cớ bận làm ăn. Thực ra, chúng không hề muốn ông lấy vợ. Như trước kia, chúng kịch liệt đả phá việc bố mẹ bỏ nhau, dù rằng mẹ chúng luôn luôn cư xử quá tệ với ông. Nói cho đúng là xúc phạm ông. Ông bà bỏ nhau nhưng không ra toà. Bà bảo: "Già rồi, cần đéo thằng nào nữa mà phải phơi mặt ra xin cái giấy ly dị. Biết điều thì ông cứ phới khỏi nhà này. Nhà này không hề là của ông!". Thế là ông Cang ra đi. Chừng nửa năm sau, khi cơn sốt nhà đất bất chợt dâng tới mức khủng khiếp, bà bán luôn ngôi nhà. Cho con trai một phần để tìm chỗ ở mới; còn phần lớn bà cầm, tếch đi nước ngoài ở với cô con gái. Mẹ chúng đối xử với ông như thế đấy. Vậy sao chúng còn tiếp tục làm khổ ông?

Là người cha, ông không thấy ân hận trước trách nhiệm đối với con cái. Khi chúng còn nhỏ, ông đã phải gồng mình lên để lo cơm áo nuôi con. Bảo đảm cho chúng được học hành chu đáo. Nay đứa nào cũng đã có nơi có chốn và tự lo liệu được cuộc sống riêng hơn người rồi. Chỉ ông rơi vào tình cảnh chơi vơi đơn độc thôi. May mà ông còn có chỗ chui ra chui vào. Đó là một gian nhà cấp bốn mục nát. Cơ quan phân cho ông trước khi nhận sổ hưu. Qua mấy năm chắt bóp chi tiêu, ông mới đủ sức sửa sang ngôi nhà tử tế hơn xưa.

Xét thấy khó ở chung với vợ chồng anh Khang, ông càng thấy cần lấy vợ. Tuy thế ông không thể không nghĩ ngợi. Lấy vợ hay ở với con? Câu hỏi đó từng day dứt ông ngày đêm. Ở với con, chắc chắn ông phải chịu "mất mình" rồi. Vợ thằng Khang sẽ không nể nang ông như trước nữa. Trước kia về ở nhà chồng, dù sao nó cũng nghĩ còn phụ thuộc. Cho dù bất ưng đến đâu, nó vẫn phải ghìm nén mồm miệng phần nào. Nay mình đến ở nhà nó, sự thể thế nào khó mà lường hết. Không lẽ mình chỉ đóng vai là kẻ ở nhờ. Nó sẽ không để cho yên. Muốn vừa lòng nó, mình phải thế chỗ người ở, làm "Oshin" cho nó. Hoặc gánh cái chân loong toong tại trụ sở công ty kinh doanh, do nó làm giám đốc. Chẳng đã có lần nó nói: "Khi nào bố hưu, bố đến bảo vệ trụ sở cho chúng con!". Mẹ chồng thì nói: "Ông hưu, ra chợ phụ bán hàng cơm cho tôi!". Nó nghĩ thế là có ý hạch toán kinh tế đấy. Ông sẽ là vật đặt lên một bên đĩa cân, để nó so tính thiệt hơn. Vậy là ông không khác số phận thằng Khang. Thằng Khang đương là kỹ sư biên chế Nhà nước, nó bắt bỏ thẳng chỉ vì đồng lương ba cọc ba đồng. Nó đặt vào cái ghế phụ trách tiếp thị, song thực chất là thứ đầu sai, gánh đủ mọi việc. Có khi phải đi mua bao thuốc lá, rồi đun nước pha trà tiếp khách. Không lẽ ông cam chịu như thằng Khang?

Đã mấy năm nay ông ở xa chúng nó. Hằng ngày không phải nghe chúng cãi cọ nhau. Không phải nghe cô con dâu nhiếc móc chồng. Có lần nó quát: "Chẳng biết mang gien nào mà ngu thế?". Tức nó ám chỉ thằng Khang ngu như ông. Giống mẹ chồng nó từng bảo ông ngu; giữ cái chân ăn đút lót dễ ợt mà suốt đời tay không, ăn bám. Mà nào ông ăn bám ai đâu. Nay ông nghe chúng nó

đến ở cùng nhà, ắt sẽ gặp lại những "bài ca" quen thuộc. Biết đâu khi quá lời, cô con dâu dám bới móc cả tổ tiên nhà chồng lên. Như bà mẹ chồng đã bới đã đào. Như thế, ông khó tránh nổi đau buồn. Nên, cách tốt nhất là ông cứ ở nhà mình. Rồi, nếu gặp được người đàn bà như ý thì ông chấp nhận sống chung. Cái chính là để nương tựa nhau. Chẳng phải tự dưng các cụ xưa có câu: Con nuôi cha không bằng bà chăm ông. Người già lấy nhau là bởi xuất phát từ cái nhu cầu ấy. Sao nhiều người lại nghĩ, già không nên lấy vợ lấy chồng?

Trước khi quyết định lấy cô Dần, cũng đã có vài người để ý tới ông. Ngang tuổi ông: có. Gần tuổi cô Dần: cũng có. Tuy vậy, ông đều không ưng. Thực tâm ông chỉ muốn quay lại với người yêu đầu đời của mình. Nhưng bà từ chối với lý do tuổi già, không giúp được gì cho ông. Bị từ chối, ông càng ân hận. Vì đã không tin tưởng vào tình yêu và sự đợi chờ bà dành cho ông trong những năm xa cách. Khi thủ đô Hà Nội được giải phóng, ông đem theo người vợ từ chiến khu Việt Bắc trở về. Đó là một cô hàng xén - cái "mốt" của các chàng trai thành thị đi theo cách mạng thời bấy giờ. Rút cục, cô hàng xén ấy không đem lại hạnh phúc lâu bền cho ông. Còn người yêu đầu đời của ông thì từ hẫng hụt, thất vọng, dẫn tới cô đơn cả một kiếp người.

Khi đặt vấn đề chung sống với người yêu xưa, chẳng phải ông mang ý nghĩ sửa chữa lỗi lầm. Mà cho rằng, sự hiểu biết của bà sẽ cùng ông xây đắp hạnh phúc cho nhau. Và, chưa bao giờ ông quan niệm người đàn ông có vợ trẻ đẹp là hạnh phúc hơn người. Bởi vậy, trước khi gặp cô Dần, ông vẫn nghĩ có thể chung sống với người đàn bà nào đó ngang tuổi mình. Còn việc ông đồng ý lấy cô Dần đâu phải hám gái trẻ. Chính vì cô quá trẻ khiến ông đắn đo. Đắn đo cả mớ tóc đen dầy, chảy tận đầu gối cô nàng. Người này diện đúng mốt Hà Nội, liệu ông có chắc yên tâm không? May thay, mười mấy năm qua cô đã một lòng một dạ với ông. Không có cô, hẳn ông chẳng còn hiện diện trên cõi đời này. Lần thứ nhất, ông bị cơn đau hành hạ giữa đêm mưa đông giá lạnh. Cô nghi ông bị ruột thừa. Ông không chịu. Cho rằng, nhiều lần đau giống thế, chẳng thuốc thang nó cũng tự khỏi ấy mà. Nếu cần khám xét thì sáng mai đi cho đỡ khổ. Nhưng cô nhất định áp tải chồng vào ngay bệnh viện. Các thày thuốc khẳng định ông đau ruột thừa. Cuộc phẫu thuật được tiến hành kịp thời, xuôn xẻ. Nếu để chậm lại, ruột thừa bị vỡ thì hậu quả khó lường. Lần thứ hai, ông ngã trong phòng tắm. Lúc ấy có mặt cả anh con trai. Nghe "huỵch" một cái, anh liền chạy vào. Thấy bố nằm còng queo ngất xỉu, anh vội gọi cô Dần khiêng ông vào giường. Cô xua tay: "Không... không!". Anh trợn tròn mắt không hiểu. Cô giải thích để anh dừng ngay việc xê dịch ông. Rồi dùng kim châm vào mười đầu ngón tay, hai dái tai, với mấy huyệt ở mặt và đầu ông. Tại mỗi điểm ấy, cô nặn ra một giọt máu nhỏ. Sau đó day vuốt mặt, tới khi ông tỉnh trở lại, cô mới cho chuyển vào giường. Cô biết cách cứu chữa này từ khi học cấp ba. Thật đơn giản. Nhưng nếu không hiểu, chuyển dịch người bệnh lúc đang bị ngất, có thể gây tử vong hoặc mang bệnh não suốt đời.

Như thế là ông chịu ơn cô. Sao con dâu ông lại bảo: Cô phải đội ơn bố tôi! Rồi: Không túm bố tôi làm sao cô đến được đất Hà Nội? Hà Nội lúc nào chẳng có hàng vạn người tìm đến làm ăn, bằng trăm phương nghìn cách khác nhau. Khó gì! Nghĩ lại, ông thầm bực bởi những lời ăn nói sống sượng ấy. Nói cho đúng thì, việc mang ơn trọng nghĩa giữa vợ chồng với nhau là điều cần ghi nhớ suốt đời. Không nên rành rẽ ai phải ơn ai. Trong cái nhà này, nếu cần rành rẽ thì vợ chồng thằng Khang phải biết ơn cô nó. Chứ không thể lý sự cùn như con Nga: "Có chị thì chợ thêm đông, Chị đi lấy chồng chợ cũng cứ vui". Ông mà cả nghe, về ở chung với chúng nó, chắc chắn "đứt" rồi. Chúng nhốt một mình ở tận tầng tư, ốm đau sống chết thế nào, ai hay. Vợ nó còn loa lên với hàng xóm rằng: "Gì thì gì, khi cụ ấy chết đố thoát khỏi tay vợ chồng tôi!". Dễ thường không có chúng nó, cô Dần chịu chăng? Đến như người thân cô thế cô qua đời, hay kẻ lang thang chết dọc đường, còn có người chôn cất cơ mà. Chôn nhau không khó. Cái khó là biết sống có tình có nghĩa với nhau. Đối xử như vợ nó, hỏi tình nghĩa gì? Khi sống đã cạn tình cạn nghĩa, sao lúc chết cứ phải ma chay phúng viếng linh đình? Người chết đâu có cần. Chẳng qua kẻ sống đã lợi dụng cái chết của người thân để móc túi nhau thôi. Cái lối móc túi kiểu ấy, xem ra không được mấy ai đồng tình. Mà sao khó chấm dứt thế? Ông chết, cấm con cái bày trò ấy ra. Nhưng còn lâu mới tới cái ngày đó. Nên chưa vội nói lúc này. Lúc này, ông nhắc cậu con trai: "Anh phải bảo con Nga vợ anh, từ nay chừa lối nói năng quá thể với nhau đi. Có bận nó còn gọi cô Dần là chị, xưng tôi. Nên nhớ, cô Dần là vợ bố. Ít nhất nó cũng hiểu như thế để mà xưng hô". Anh Khang lúng búng trả lời: "Chẳng phải con chưa nói. Có điều... tính nết nó... thiên lôi không chuyển nổi". Ông Cang thừa biết con trai mình bất lực trước vợ. Bất lực chỉ là một nhẽ. Ngay nó cũng đã thông suốt việc cô Dần làm vợ bố đâu. Nên nó thờ ơ từ cái nhỏ nhất là việc thăm hỏi. Nếu thông suốt, một mình nó ù đến thăm bố và thăm cô lúc nào chẳng được. Vợ nó có là phật nghìn mắt nghìn tay cũng chịu. Biết đâu

mà ngăn cản chồng. Cản nó, chính lại là nó. Chỉ tại nó!

Con dâu, con trai ông thế đấy. Còn cô con gái thì biền biệt xa. Nhưng, năm một đôi lần điện về thăm bố thăm cô, như thế là được. Ông không đòi hỏi gì hơn. Mà muốn hơn, hẳn cũng khó. Thời thế bây giờ nó thế thôi!

Mỗi khi thất vọng con cái, ông Cang càng thương cô Dần. Là người chồng, ông chẳng đỡ đần vợ được là bao. Ngược lại ông được vợ chăm sóc chu đáo hằng ngày. Ngoài việc chăm chồng, cô còn phải lo kiếm tiền nuôi thân nữa chứ. Khoản trợ cấp hưu của ông, nuôi ông tạm đủ đã là mừng rồi. May mà cô sớm từ bỏ cái nghề phơi mặt ngoài vỉa hè nắng mưa sớm tối. Chẳng phải vì ngại vất vả. Ngại nhất là luôn chứng kiến những sự chướng tai gai mắt xảy ra. Tranh bán. Tranh mua. Chửi bậy. Văng tục. Với cả đấm đá lẫn nhau. Những cảnh này, hiếm thấy ở nhà quê. Nên cô hỏi chồng: "Sao bảo người Hà Nội thanh lịch nổi tiếng, hả anh?". Ông Cang cười: "Điều đó có lẽ chỉ còn trong sách vở. Trên thực tế, nó đã mất đi từ lâu lắm rồi!". "Vì sao mất hả anh?". "Vì đói nghèo. Vì kỷ cương phép nước không nghiêm. Còn vì... hàng trăm nguyên nhân khác nữa". Ông im lặng giây lát, rồi hạ giọng như để nói riêng với mình: "Thật tiếc!". Từ lâu lắm rồi, mỗi khi nghe ai đó khoe "Người Hà Nội thanh lịch" ông không còn thấy tự hào. Chỉ xấu hổ và nuối tiếc thôi. Ông biết không ít người - nhất là lớp tuổi cao - mang tâm trạng giống ông. Nhưng sao chưa lần nào người dân thấy các nhà chức trách "ra tay" về vấn đề này. Hay họ coi việc khôi phục chấn hưng một truyền thống văn hoá, cụ thể là nếp sống thanh lịch, chưa phải là nhiệm vụ cấp thiết?

Đã hơn mười một giờ khuya. Cô Dần vẫn cặm cụi cùng cái máy khâu. Đêm nay cô cố làm cho xong số hàng đã nhận, để sáng mai kịp trả theo hạn hợp đồng. Biết chẳng thể mó tay vào công việc này, ông Cang lên giường nằm, song không tài nào ngủ được. Không ngủ thì hay nghĩ ngợi. Từ những năm đầu chung sống, ông rất muốn vợ chồng có đứa con với nhau. Thật ra, nguyện vọng đó ở phía cô Dần nhiều hơn. Nhiều hơn là đúng, là phải. Thế mà ông bất lực; mặc dù đã nhiều lần tìm thầy tìm thuốc, vẫn không đạt kết quả gì. Ông bảo vợ: "Hay là thụ tinh nhân tạo hả em?". "Em chả thích thế. Anh thích thì em chiều. Còn không, thì...". "Thì sao nào?". "Thì anh đừng bận tâm làm gì". Tức thời, cô rúc đầu vào ngực chồng, thù thì: "Em mãi mãi là vợ anh!". Câu nói ấy, cô thốt ra không biết đã bao nhiêu lần. Ông Cang thầm hiểu đấy là lời trấn an đối với mình. Đáng ra, ông phải quan tâm động viên, trấn an vợ thật nhiều thì mới phải. Bởi vợ ông đã vì tình yêu mà thể tất cho ông bao nhiêu vấn đề.

Thì đấy, ông lấy cô có đăng ký kết hôn gì đâu. Do bà vợ trước đồng ý bỏ ông nhưng không chịu làm thủ tục ly hôn. Vượt trở ngại này, nếu không từ phía cô, ông hoàn toàn bó tay. Chỉ một việc ấy đáng để ông phải chịu ơn cô suốt đời. Không biết từ nay đến khi mãn kiếp - ông nghĩ - mình còn chịu ơn vợ bao nhiêu nữa? Vậy mà, sự này con Nga cũng xía vào: "Lấy nhau không có đăng ký kết hôn thì không thể gọi là vợ chồng!". Sao không? Cả nước đang có hàng triệu cặp vợ chồng không đăng ký kết hôn kia kìa. Đành rằng, đối chiếu luật pháp là không đúng, song ai dám ly gián quan hệ vợ chồng của họ. Nhiều trường hợp không đăng ký, chẳng phải họ không muốn. Như trường hợp của ông, đăng ký làm sao được. Đã có lần ông nói với vợ: "Hay là anh đơn phương phát đơn ly dị bà kia. Để còn giải quyết thủ tục kết hôn với em". "Không cần đâu anh ạ. Chúng mình đã ăn ở với nhau bảy tám năm rồi. Quá hiểu nhau rồi. Còn lo gì nữa, hở anh?". Nhưng ông Cang hết lo làm sao được. Về lâu dài, ông e sau khi mình qua đời, vợ chồng thằng Khang có thể tranh chấp ngôi nhà này. Nên cần phải có di chúc để lại. Hiểu tâm trạng chồng, cô Dần nói: "Xin anh khỏi phải suy nghĩ. Cũng không cần di chúc làm gì. Khi đã mất anh, thì chẳng còn gì đáng để em bận tâm. Em về Hà Nội là để đến với anh. Chứ em không đến bởi cái nhà cỏn con này. Em còn quê hương, nơi chôn nhau cắt rốn của em cơ mà. Nơi ấy em có cả họ hàng, xóm giềng đông vui, anh biết rồi đấy!". Ông Cang ôm gọn vợ, vỗ về; thầm mong được sống bên em mãi mãi...

... Nhưng, mọi sự cầu mong chỉ là ước muốn. Trên đời này, hiếm có trường hợp diễn ra đúng như ước muốn. Sau hơn sáu năm, kể từ cái lần ông Cang thầm mong được sống bên cô Dần mãi mãi ấy, căn bệnh trọng đã làm ông liệt giường, mấy lần chết đi sống lại. Những người hàng xóm bảo: "Ông Cang chưa chết được, bởi còn nặng tình nặng nghĩa với cô Dần. Chứ như những đứa con thì chẳng có gì phải quyến luyến". Họ lại nói: "Ông Cang mà chết, chắc chắn chúng đuổi phắt cô Dần ra khỏi nhà". "Đuổi à? Thế có là giống chó!". "Để xem sự thể thế nào, chẳng lâu nữa đâu mà!".

GIANG TRUNG HỌC

ĐÒN GÁNH – MƯU SINH NGÀN DẶM

(Quảng Ngãi – Trà Vinh – 1000 km)

BÙI ĐẸP & LÂM TRỌNG

Làng Mỹ Trang (Tổng Phổ Vân), nằm dựa vào dãy Trường Sơn chạy dài từ Bắc vô Nam. Dân làng sống với nghề nông, nghề rừng và một số nghề phụ khác buôn bán hoặc đi làm thuê nơi xa.

Cách đây hơn 100 năm, tại làng này cô Bùi Thị Phụng chào đời 1896 (Giáp Thân), gia đình nghèo, đông anh em (7 người). Cô con thứ 3 của ông bà Bùi Văn Lan. Sinh ra trên mảnh đất nghèo nàn, đông người ít ruộng đất. Người ta thường nói: "chó ăn đá, gà ăn muối", ý nói trên núi có đá, dưới biển nước mặn, chỉ có muối.

Núi bên kia, biển bên này
Ép cong dải đất tẹo gầy miền quê.

Đầu thế kỷ XX, tiếng lành đồn xa vào Gia Định - Đồng Nai: vựa lúa, cò bay thẳng cánh, cây trái bạt ngàn, cá tôm đầy sông… khí hậu ôn hòa.

Lúc ấy nhiều người miền Trung rủ nhau vào Nam sinh sống mong thay đổi cuộc đời, được sung túc hơn.

Hồi ấy vào Nam chỉ có 2 con đường bộ và đường biển. Nếu đi đường biển chuyên chở được nhiều, mà gặp nhiều nguy hiểm khó lường: sóng to, gió lớn, say sóng, bệnh tật phát sinh. Tại huyện Đức Phổ có 2 cửa biển Mỹ Á và Sa Huỳnh ghe bầu thường đậu ở đây để lấy hàng chở vào Nam bán, mua gạo mang về miền Trung. Ghe thường chạy vào mùa gió bắc (gió chướng) khi về mùa gió Nam, như vậy thuận buồm xuôi gió cho việc đi vào Nam ra Bắc.

Như vậy cho ta biết con đường bộ đã có từ thế kỷ XVIII từ Bắc vào Nam Lê Quý Đôn đã làm cuộc hành trình 15 năm. Đầu thế kỷ XX chưa có xe ô tô chạy từ Bắc vào Nam, chỉ đi bằng ngựa, đi bộ. Đoàn người đi vào Nam sinh sống lần này có đàn ông, đàn bà, có cả cô Bùi Thị Phụng mới 13, 14 tuổi tóc còn để chỏm, còn việc gả chồng mà cô từ chối…

Mùa đông năm 1901, dưới làn mưa bụi, gió thổi lạnh tê tái. Bà mẹ tiễn con lòng đau như thắt lại "*thân gái dặm trường*" trên con đường làng lầy lội. Mẹ ôm con vào lòng, đầu cô Phụng gục vào ngực khóc giàn dụa, đưa tay gầy guộc đen sạm vuốt mái tóc con vừa khóc vừa nói: "*Sông sâu chớ lội, đò đầy chớ qua*". Con đi không biết bao giờ về hỡi con? Cô Phụng ấp úng trả lời: một vài năm nữa con về thăm mẹ. Hành lý mang đi chỉ có mấy thứ bộ quần áo bà ba đen nhàu cũ, mắm muối, ít gạo… để ăn đi đường. Tất cả để vào đôi thúng tre mới đan, cây đòn gánh mới đẽo, bụi tre sau vườn do cha cô vừa làm xong, chiếc nón lá mới chằm. Đều là mới cả để giúp cô trên đường mưu sinh là bước ngoặc cuộc đời, bà Lan nói thế. – Dạ con vâng lời mẹ.

"Cúi đầu từ biệt mẹ
Từ biệt cả làng quê
Quê mẹ không còn mẹ
Bao giờ con lại về"

Sau mấy ngày hành trình trên biển sóng gió lênh đênh, tới tận thành phố Sài Gòn hoa lệ người ta gọi "*Hòn ngọc viễn Đông*". Mọi người lần đầu tiên nhìn thấy nhiều nhà cao tầng, đường sá rộng thênh thang, đủ hạng người Tây, Tàu, Ấn Độ…, xe cộ qua lại không ngớt, phần nhiều xe kéo, xe ngựa, còn ô tô rất ít, năm 1910 chỉ có 5 chiếc dành cho quan chức cao cấp. Lúc này thành phố Sài Gòn đã có nhà thờ Đức Bà (1880) cao 57 mét; Bưu Điện (1864-1877), Dinh Norodom (1868), chùa Giác Lâm cất lâu nhất (1744), Nhà Rồng (1862), chùa Giác Viên (1805), cột cờ Thủ ngữ cao hơn 50m Pháp xây (1802-1863). Lúc này con đường sắt đầu tiên ở Việt Nam là Saigon - Mỹ Tho (1885)… còn nhiều nhà cửa, dinh thự được xây từ thế kỷ 19. Cảnh phồn hoa đô thị, trên bến dưới thuyền, không giữ được đoàn người dừng chân lại chốn này. Mà họ còn phải tiếp tục về miền "*gạo trắng nước trong*" mà lúc đầu ra đi đã ước hẹn trước khi lên đường vào Nam.

Từ Sài Gòn xuôi về Cần Thơ, phải qua miền đất trù phú, cây trái sum suê của 2 bên đường quốc lộ Long An - Tiền Giang. Phải qua 2 phà của sông Tiền và sông Hậu của sông Cửu Long (Mê Kông).

Từ Cần Thơ về Trà Vinh đi bằng ghe lớn trên sông Hậu, con sông rộng lớn thuyền bè xuôi ngược, nhìn về xuôi không thấy bờ bến, hai bên bờ sông đồng ruộng vườn tược trải một màu xanh thẳm. Khi ghe đến vàm Bến Cát, xuôi về Cầu Kè - Trà Vinh ngày nay. Một chặng đường thủy, ô tô, cầu phà, hơn 1000 km từ nơi cô Ba Phụng ra đi từ làng Mỹ Trang (Đức Phổ - Quảng Ngãi).

"… Bà đến huyện Cầu Kè, theo đoàn di cư tạm thời sống tại ấp có tên là Chông Nô 3 thuộc xã Hòa Ân (Xã này có 3 ấp: Chông Nô 1, Chông Nô 2, Chông Nô 3). Đây là một ấp có nhiều đồng bào Khơme và có một cái chùa Khơme rất to. Người dân tộc nghe giọng nói người Việt mới đến này so với người Việt mới đến định cư là ấp giống Huế."

Trong những tháng năm mới đến Nam Bộ, nơi ở mới hoàn toàn khác lạ với mảnh đất khô cằn sỏi đá quê hương xứ Quảng. Ở nơi đây, với những cánh đồng cò bay thẳng cánh, với những mảnh vườn trái cây xanh ngát đủ loại trái, nào là: mít, mận, xoài, quýt, cam, bưởi, nhãn, chôm chôm, sầu riêng… bà cảm thấy nơi đây đất lành chim đậu sẽ là quê hương thứ hai của bà. Với sức trẻ, với đôi đòn gánh bà tần tảo mua bán nay trái cây, mai bán rau cải… để kiếm đồng lời nuôi bản thân và tích lũy đồng vốn.

"Chèo ghe sợ sấu cắn chân
Xuống sông sợ đỉa lên rừng sợ ma
Tới đây xứ sở lạ lùng
Con chim kêu cũng sợ, con cá vàng cũng ghê"

Đến nay chúng ta vẫn còn thấy nỗi sợ hãi này trong các chuyện kể dân gian Nam Bộ. Truyện "Quỷ Hổ giáo" xưa kia, có hai vợ chồng nọ cùng một cô em chồng gốc Quảng Ngãi vào Nam khai khẩn đất hoang. Do cần cù lao động chăm chỉ làm ăn, họ mau chóng sung túc, xây được nhà to, lúa đầy bồ. Hai vợ chồng còn sanh được đứa con trai được cả nhà nâng niu. Nhưng đứa bé lại hay đau ốm nên khi ra đồng, mọi người đành để ở nhà, đóng cửa và cột lại vì sợ thú dữ làm hại.

Một hôm cả nhà ra đồng thì có một con cọp đến rình, không vào nhà được nên phá rách vách lá nhảy vào móc họng đứa bé. Mọi chuyện đã rồi, cả nhà đành đem xác đứa bé đi chôn. Nhưng khi đêm đến, con cọp trở lại, móc thây đứa bé lên moi lấy trái tim. Từ ấy đứa bé thành quỷ, luôn phá phách, chẳng hạn khi người nhà vo gạo xong, nó giở vung bốc tro ném vào. Cá vừa chiên xong, nó bốc ăn hết rồi thẩy vào đó những con cá sống nhảy đành đạch. Mọi người đều sợ hãi và gọi nó là quỷ hổ giáo. Cả nhà bỏ đi nơi khác. Nhưng chẳng bao lâu sau, nó cũng tìm đến và tiếp tục phá phách. Về sau, một người trong xóm móc đất nắm hình Phật để trong bộng cây lấy tượng Phật về, lập trang thờ. Từ đó cả nhà mới được yên ổn.

Truyện phản ánh khung cảnh hoang vu của Nam Bộ trong buổi đầu khai phá, ma luôn theo sát những bước chân của con người. Con người đi tới đâu ma cũng theo tới đó. Vì vậy mới có câu hát:

"Chèo ghe vô gành con công
Dưới truồng cọp hộ, trên giồng ma rên"

"Rồi thời gian dần trôi được 5–6 năm đến lứa tuổi trăng tròn, do là người con gái Việt, có chút nhan sắc: trắng trẻo, xinh gái, ăn nói có duyên đã khiến cho nhiều trái tim cánh đàn ông Kinh cũng như Khơme phải thổn thức. Thế rồi có một chàng thanh niên Khơme con nhà khá giả đã đem lòng yêu thương bà say đắm và trái tim bà cũng rung động đáp trả, thế rồi họ yêu nhau và tiếp đến hôn nhân chính thức. Dù rằng bên đàng gái chẳng có cha mẹ, thân nhân, họ hàng chứng giám, trong khi bên đàng trai thì đông đủ cha mẹ, anh em, họ hàng, bè bạn. Bà tủi thân, khóc rất nhiều, tuy nhiên nhờ tình yêu của chồng và sự thương yêu đùm bọc bên cha mẹ chồng, bà cũng cảm thấy yên tâm thầm nguyện chung thủy với chồng, thương yêu cha mẹ chồng như cha mẹ ruột của mình."

Tuy cô Ba Phụng không có cha mẹ, bà con họ hàng ở đây, nhưng đám cưới được tổ chức theo nghi lễ của người Khơme đủ các lễ vật cho cô dâu nào vòng vàng, quần áo, trầu cau, bánh trái… đám rất linh đình kéo dài ba ngày theo phong tục. Thông thường trước khi cưới nhà trai phải ở rể nhà gái một thời gian, mục đích là sử dụng sức lao động để bù đắp chi phí do bên vợ đảm trách sau này. Nhưng đối với cô Phụng đơn thân độc mã. Không có gia đình bên gái nên bên trai không ở rể.

"Lúc lập gia đình bà khoảng 18–19 tuổi, bà theo chồng về sống nơi ở mới là ấp Chông Nô 1, xã Hòa Ân, huyện Cầu Kè. Chồng bà là một thanh niên Khơme, có sức khỏe lực điền dù không đẹp trai nhưng ăn nói có duyên, tính tình vui vẻ, ngay thẳng dễ mến. Ông có tên là: Lâm Chịa[(1)], gia đình khá giả, tài sản có hơn 4 – 5 mẫu đất ruộng, vườn. Dòng màu Việt và Khơme, bà đã sinh bốn đứa con cho ông."

Thế rồi, như một định mệnh, sét đánh ngang tai, đất trời nghiêng ngả, chồng bà lâm trọng bệnh rồi mất ở tuổi 45.

"Xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử" bà đau buồn sống ở vậy nuôi 3 con thơ. Nhưng lại một lần nữa ông trời đã cướp đi đứa con trai út 16 tuổi yêu dấu bệnh mất đi khiến cho lòng bà như tan nát.

Tuy vậy, theo thời gian mọi sự dần đi vào quên lãng. Tinh thần bà dần ổn định bình tĩnh trở lại, bà tần tảo nuôi dạy hai đứa con cho đến tuổi trưởng thành, rồi dựng vợ gả chồng cho 2 con. Rồi các con lại đẻ cho bà một bầy cháu nội, ngoại xinh xắn.

Bà sống một thời gian dài, trọn một đời người sống chung đụng với đồng bào Khơme, bà đã quá quen thuộc với phong tục tập quán của người dân tộc tưởng chừng như bà là người Khơme thực sự. Bà đã nói và hiểu tiếng Khơme như tiếng Việt mẹ đẻ của mình, tuy rằng giọng nói cũng còn hơi "cứng cứng" còn sót lại một chút âm hưởng của tiếng Việt. Sống ở tuổi già cho đến gần trăm tuổi bà rất mãn nguyện. Bà thường đi chùa Khơme ở thôn sóc mình (chùa có tên tiếng Khơme gốc Phạn là: BồTumSoKô). Bà là một Phật tử rất ngoan đạo, bà thường đi chùa vào ngày rằm, ba mươi hay các lễ lạc do nhà chùa tổ chức. Bà sống đạo đức, thường giúp kẻ nghèo khó, bà răn dạy con cháu ăn ở hiền lành, sống nên làm việc thiện, tránh xa điều ác. Bà đã bỏ tiền mướn thợ xây một cây cầu đúc xi măng trong thôn sóc của mình cho mọi người đi lại (xây năm 1965, đến nay vẫn còn). Tình nhân ái của bà đã khiến cho mọi người trong thôn sóc phải kính nể và thương yêu bà thực sự.

Tôi là cháu ngoại của bà, tôi còn nhớ lúc đó tôi khoảng 12-13 tuổi (Nam), được cha mẹ phân

công phải thường xuyên đến thăm bà, những tháng nghỉ hè phải đến ăn ngủ với bà, hai bà cháu ngủ chung một mùng để nghe bà kể chuyện đời xưa cho đến khuya, cho đến khi tôi ngủ thiếp lúc nào không hay biết. Có những đêm hai bà cháu cầm đèn lồng ra thăm vườn sầu riêng (vườn to hơn 1 mẫu rưỡi (15 công) vì kẻ trộm thuòng hay ăn cắp trái cây vào ban đêm). Bà bây giờ phải ở chung gia đình cậu Ba Sô nơi mảnh đất cũ từ trước đến giờ.

Tôi còn nhớ như in, có những lúc trưa hè oi ả, hay những buổi chiều trời mưa lất phất, bà nằm trên võng đưa kẽo kẹt, tay cầm con dao bé tí xíu gọt từng cành lá mo cau hay nhánh dừa để dành bó củi. Nằm cạnh bà nhìn thấy gương mặt nhăn nheo, trầm tư, hình như những kỷ niệm thuở xa xưa ở quê nhà xứ Quảng đã tuôn trào qua những lời thơ tục ngữ, ca dao mộc mạc của bà, pha lẫn một số câu văn do bà tự xuất khẩu thành thơ cho vần với âm điệu. Bà ngoại không hề biết chữ, nhưng tính nhẩm thì rất hay, vì vào Nam thời bấy giờ chỉ biết lo đấu tranh sinh tồn với cuộc sống, nên bà không có một ngày rảnh rỗi để đi học chữ. Sau đây là những bài ca dao, tục ngữ bà thường ngân nga đượm buồn:

-"Gió đưa bụi chuối sau hè
Anh mê vợ bé, bỏ bề con thơ"
-"Cá không ăn muối, là con cá thúi
(Nhãn: cá ươn)
Con cãi cha mẹ trăm đường con hư"
-"Ầu ơ cầu váng đóng đinh
Cầu tre lắt lẻo, rập rình khó đi
Khó đi mẹ dẫn con đi
Con đi trường học mẹ đi trường đời!"
-"Trời mưa bong bóng phập phồng
Mẹ đi lấy chồng con ở với ai"
-"Má ơi đừng đánh con đau,
Để con bắt ốc hái rau má nhờ"
-"Chiều chiều ra đứng bờ ao
Nhìn về quê mẹ ruột đau chín chiều"

Nằm bên cạnh bà, tâm hồn tôi như bay bổng, chìm đắm vào giấc ngủ ngon lành.

Rồi những bài thơ Lục Vân Tiên, được bà ngâm từ câu này qua câu khác mà tôi không thể nhớ hết được. Tôi chỉ còn nhớ:

"Trước đèn xem chuyện Tây minh
Gần cười hai chữ nhân tình éo le
Hỡi ai lẳng lặng mà nghe
Dữ răn việc trước lánh đè thân sau
Trai thời trung hiếu làm đầu
Gái thời tiết hạnh là câu trau mình".

"Khoan khoan ngồi đó chớ ra
Nàng là phận gái ta là phận trai
Gặp đây đương lúc giữa đường
Của tiền chẳng có bạc vàng cũng không
Giữ câu báo đức thủ công
Lấy chi cho phỉ tấm lòng cùng ngươi".

"Thưa rằng: Tiện thiếp đi đường
Chẳng hay quân tử quê hương nơi nào?
Phút nghe lời nói thanh tao
Vân Tiên há hở lòng nào phôi pha
Đông Thành vốn thiệt quê ta".

"Chim kêu vượn hú tứ bề nước non

Vái trời cho đặng vuông tròn
Trăm năm cho trọn lòng son với chàng".

"Bày ra sáu lễ sẵn sàng
Các quan đi họ cưới nàng Nguyệt Nga".

"Rày mừng hai họ một nhà thành thân
Trăm năm biết mấy tinh thần
Sinh con sau nối gót lân đời đời".

Có những lúc tôi vô tư hỏi ngoại, quê của ngoại ở đâu?
Bà ngậm ngùi trả lời:
- Quê ngoại ở làng Mỹ Trang, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.
- Ngoại có nhớ cha mẹ hay anh em của ngoại không?
- Nhớ nhớ!!! Nhưng đường sá xa xôi. Bà không thể đi thăm được.
- Ngoại có tính khi nào rảnh rỗi về thăm quê ngoại lại không?
Ngoại chợt buồn, rơm rớm nước mắt trả lời:
- Ngoại đã già rồi, hơn nữa thời buổi chiến tranh đi lại rất khó khăn nên ngoại không thể đi được. Sau này các cháu có sức khỏe nếu có dịp hãy đến quê ngoại thăm lại quê cha đất tổ. Cho ngoại gửi lời thăm hết thảy bà con ruột thịt của dòng họ Bùi nhé.

Đó là lời nhắn nhủ sau cùng của Ngoại, đến năm 1998 (Mậu Dần) do tuổi cao sức yếu bà lâm trọng bệnh, rồi qua đời hưởng thọ 102 tuổi.

Theo phong tục của người Khơme, người quá cố được hỏa táng[2]. Cốt để trong lọ hình tháp, tùy theo từng gia đình như nhà vua tháp vàng, còn dân thường để trong lọ bằng bạc, đồng, thau, gốm sứ. Cốt của bà Bùi Thị Phụng được để trong lọ tháp bằng thau đặt trong tháp chùa Chông Nô ấp 3 xã Hòa Tân. Nơi an nghỉ cuối cùng về với Phật bà đã tâm niệm lúc sinh thời. Cả cuộc đời lận đận với cây đòn gánh trên vai từ miền Trung vào Nam Bộ. Cuộc sống thành đạt, giữa dòng máu Khơme-Kinh. Sinh được 4 con (2 con chết sớm), hiện nay có 5 cháu nội, 10 cháu ngoại. Những ngày lễ, tết các cháu đến dâng hương tại tháp để tỏ lòng "uống nước nhớ nguồn".

Thực hiện lời mong ước của bà về thăm quê, nhưng vì chiến tranh không thể thực hiện được. Bà chỉ về quê một lần vào khoảng sau năm 1936 đến năm 1940 lúc đó bà khoảng 45 tuổi. Sau ngày đất nước thống nhất, em trai là Bùi Văn Hấn[3] vào thăm.

Hai chị em mừng rỡ khôn xiết "nước mắt để cho ngày gặp mặt" sau mấy mươi năm xa cách.

Ngày 20.6.2008, cháu nội Lâm Ngọc Tài và cháu ngoại Lâm Minh Lợi và Lâm Quang Hiệp, dưới sự hướng dẫn của ông Bùi Đẹp, đã về quê Mỹ Trang, nơi sinh ra bà Bùi Thị Phụng (chôn rau cắt rốn). Về đất tổ của họ Bùi, dâng hương tổ tiên và thắp nhang mộ phần ông bà ở xã Phổ Khánh và Phổ Cường. Bà con họ hàng, mừng rỡ vô hạn không sao nói hết chuyện ngày lẫn đêm. Phổ Cường xã anh hùng trong thời chống Mỹ nơi bác sỹ Đặng Thùy Trâm hy sinh, nổi tiếng với cuốn nhật ký, hiện lưu tại thư viện nước Mỹ và đã dịch ra nhiều thứ tiếng. Phổ Cường hiện có trạm xá và huyện Đức Phổ có bệnh viện được mang tên anh hùng liệt sỹ bác sỹ Đặng Thùy Trâm...

(1) Vua Gia Long đặt 5 nhánh họ: kim, thạch, sơn, lâm, danh để người Việt gốc Khơme cho con cháu mình để tùy tìm gia phủ. Còn họ Châu do gốc từ Khơme.
(2)Hỏa táng có từ thế kỷ XIII thành quốc tục.
(3) Ông Bùi Văn Hấn chiến sĩ du kích Batơ tiền khởi nghĩa 8.1945

BÙI ĐẸP & LÂM TRỌNG

Thơ

KIÊM THÊM

SƯƠNG ĐÊM NAY

em đứng trong sương mù
vẫy người tình chung lại
ta ngây dại qua đây
hồn tan cùng trăng nước

hồn tan cùng bóng mây
còn nỗi sầu cô quạnh
cây lá đứng một mình
rưng rưng hàng lệ nhỏ

tiếng chim đêm như câm
nghẹn sầu nơi cổ họng
nghĩ trời đất vô tình
một mình nghe lệ mặn

em đứng trong sương mù
hoài hoài như thủy tán
âm dương trong đời sống
cõi chiều như rêu phong

đã khuya như giấc mộng
đã tàn như lệ câm
chờ tiếng đêm hoang phế
chờ nỗi sầu mênh mông

KIÊM THÊM

TỔ NGHIỆP

NGUYỄN VĂN SÂM

Ông già chừng đã bước qua tuổi tám mươi nhưng dáng dấp còn sõi sàng, ngồi nhâm nhi tách nước trà như muốn thưởng thức từng ngụm nước nhỏ trong buổi sáng nhà hàng thưa thớt khách. Mắt ông xa vắng đưa hồn về chỗ dĩ vãng xa xăm nào đó đương chập chờn ẩn hiện trong ký ức. Tôi liếc trộm ông thiệt lâu, ông già nầy lạ, ngồi yên lặng, chưa nói chuyện với mình, nhưng cử chỉ của ông đã toát ra vẽ gì đó thiệt là thoải mái thân thiện khiến mình nao nức muốn làm quen liền.

Người bạn tôi nói nhỏ:

"Đó là nghệ sĩ lừng danh Tuấn Đạt, người từng làm mưa làm gió trên các sân khấu cải lương ở Miền Nam hơn nửa thế kỷ trước. Bây giờ thời thế bắt ông xa nghề bỏ nghiệp, nói chuyện với ông ta mình biết được nhiều điều hay ho về sinh hoạt cải lương, về tình đời, về những điều cười ra nước mắt trong nội tình các gánh hát sau cuộc đổi đời."

Bốn người chúng tôi đồng ý cử anh bạn thổ công nầy mời người nghệ sĩ già sang bàn mình. Được mời, ông đứng dậy liền, không khách sáo, tay nầy xách bình trà, tay kia nưng tách nước. Tôi có cảm tình với ông khi nhìn cử chỉ xăng xái nầy vì tôi biết ông là chủ nhân của quán – do quán mang tên nghệ sĩ của ông- chỉ cần đứng dậy thì nhân viên phục vụ đã biết ý mà bưng bình trà qua rồi.

Không cần giới thiệu hai bên, cũng không có những cái bắt tay khách sáo vồn vã chẳng cần thiết, ông nói liền:

"Anh em có biết không, tôi biết viết chữ Tàu đó."

Cả bọn đưa mắt ngó nhau. Nhập đề hơi lạ à nhe! Quá ấn tượng! Ai khảo đâu mà xưng?

Ông móc ra tờ giấy trắng tuy nhàu nát nhưng được xếp để sẵn trong túi áo sơ-mi, nghiêng mình rút cây viết được mắc trong túi quần, hí hoáy viết hai chữ Hán, đẩy ra giữa bàn. Mắt các bạn chiếu tướng tôi. Tôi nói:

"Tổ Nghiệp" Anh Đạt có ý gì khi viết hai chữ nầy?"

Nghệ sĩ già cười hiền:

"Ý mẹ ý con gì đâu? Quọt quẹt có trần xì hai chữ nầy thôi. Còn ngoài ra trớt quớt hết. Chú tôi

dạy khi tôi mới vô nghề, mới bắt đầu học tuồng, đóng vai Quách Hải Thọ. Học để kính trọng tổ đó mà, để khỏi làm bậy mang tiếng tổ nghiệp! Cái lạ của ổng là không dạy mình ca hát, chẳng nói gì tới chuyện diễn xuất mà dạy mình phải trọng tổ và không được làm chuyện gì nhục tổ, ô danh. Tổ không cần phải là khúc cây đẽo hình đứa nhỏ như trong gánh hát bội. Tổ của chú tôi truyền lại cho tôi là hai chữ huyền diệu nầy. Ông bắt viết đi viết lại như là tôi phải học chữ Nho để đi thi Cử Nhơn, Tiến Sĩ Hán Học không bằng. Chán chết được. Trời đất ông địa ơi, con trai mới 12, 13 tuổi còn ham trửng giỡn, còn ham leo trèo nhảy nhót mà ổng bắt viết hai chữ rồng rắn nầy mỗi ngày gần hết cuốn tập 100 trương xích lô máy. Như là cực hình! Mấy anh biết không, mình không dám chống lại ổng, cũng không có ý nghĩ chống lại nên ổng biểu tập là tập thôi. Ngày đêm, lúc nào rảnh rỗi, lúc nào cái lưng nó muốn cúp xuống, đứng lên quay mạnh nó kêu răn rắc mới thôi. Hơn sáu chục năm rồi mà tôi còn nhớ được là nhờ thỉnh thoảng cũng có dịp viết hai chữ nầy để treo lên khi cúng kiếng cho đoàn."

Tôi dòm sơ qua tờ giấy lần nữa. Nét chữ chân phương tầm thường, có thể nói là còn non nớt nhưng nhằm nhò gì, thầy dạy chắc có ý gì đó khi cố gắng đưa hai chữ nầy vô trí học trò.

"Mấy anh biết đó mà, gánh hát lưu động hoài, ở chỗ thị tứ thì ít mà chỗ xa xôi hẻo lánh chó ăn đá gà ăn muối thì thường. Mang khuôn kiếng đi sợ nó bể, mất công quá, tôi sáng trí bày ra chuyện viết trên giấy cạt-tông thùng sữa con chim. Tức cười là có nhiều chỗ mấy ông già bà lão tưởng tôi biết chữ Nho năn nỉ viết nầy kia để thờ. Phải từ chối trối chết. Cha mẹ ơi, họ lại tưởng tôi làm cao, nằn nì mời về nhà, đãi đằng gà vịt ăn tràn họng, lại còn được con gái, cháu gái họ mắt liếc đưa tình với mình nữa."

Người nghệ sĩ rót cho mình tách nước đầy, sóng sánh bọt, đưa lên môi thổi nhè nhẹ. Mắt mơ màng.

"Từ lúc thằng nhỏ chưa biết mùi đời chú nó đã răn đe là nên trọng tổ nghiệp. Không phải là cúng vái tổ để được giọng mùi, tiếng thanh, hát hay, hơi dài, diễn xuất ăn khách, cũng không phải biết cách luyến láy, chẻ chữ, bẻ câu cho mê mẩn người nghe, mà trọng tổ nghiệp là không lợi dụng tiếng tăm của mình xí gạt người nầy người nọ để lấy tiền lập gánh hay cất vô túi để xài bậy bạ như là bao gái, đốt khói phù dung hay canh bài lá bạc. Chú tôi oai hùng lắm, ngày trước là bạn cùng đóng tuồng với kép đẹp Từ Anh, cùng ca chung với Cô Tư Sạn. Chú nói đời chú trong ba mươi năm theo hát thì nắm vững cái khí tiết của kẻ cương trực khi chưa nổi tiếng, chưa lập được gánh. Khi có chút tiếng tăm, làm được bầu gánh rồi thì tập lòng trống trải, không ganh ghét ai cũng chẳng mưu cầu lợi dụng ai. Chú tôi là nhà Nho lỡ thời, học trò của ông Đặng Thúc Liêng, ông Lương Khắc Ninh, ông Nguyễn Chánh Sắt nên Nho ổng xổ ngon ơ."

Tuấn Đạt ngồi thẳng lưng, dựa vô ghế lim dim ngâm nho nhỏ, hơi thiệt là ấm, giọng ngang tàng như một kiếm khách lẫn chút bất cần cuộc đời huyễn ảo của một nhà sư:

Vị xuất thổ thời tiên hữu… tiết…
Đáo lăng vân xứ dã hư… tâm…[1]

Ngâm sĩ chồm tới sát bàn ăn hơn, nói tiếp:

"Dạy cách ở đời thì vậy, còn dạy về phụ nữ thì răn cấm đem giọng kèn tiếng quyển lợi dụng đàn bà, con gái người ta. Mỗi lần ổng nói tới chuyện gái trai thì tôi mắc cở muốn chết luôn, ước sức độn thổ được tôi cũng độn. Mới nứt mắt, biết đách khô gì. Con gái trổ mã, dậy vú đứng gần hay nắm tay nắm chưn tôi cũng tỉnh queo, nhiều khi còn cự nự nữa là đằng khác. Vậy đó mà ông cứ chận đầu trước hoài khiến mình đỏ mặt bừng tai. Ổng thí dụ về một hai nghệ nhân trong đoàn, anh thì mèo đàng chó điếm, anh thì hoa thơm nhổ cả cụm, bẻ một lượt hai cành hoa chị em của một nhà nọ, ông già mấy cổ hay được xách rựa rượt thanh niên cả đoàn chạy trối chết khiến chú phải đứng ra dàn xếp trần ai khoai củ, tốn cả bình nước miếng và nước mấy sông để rửa nhục."

Tôi thay đổi đề tài để khỏi nghe thêm những chi tiết xấu xa xưa cũ vốn không ích lợi gì cho ai, yêu cầu:

"Anh Đạt! Tiếc là nơi đây không có Tam hùng để làm bộ ba Năm Cơ đàn sến, Văn Vĩ đàn guitar, Bảy Bá đờn tranh như ngày xưa, nhưng thôi, mình giả sử như vậy đi, anh làm ơn ca chừng hai câu bài vọng cổ tuyệt chiêu của anh để bốn anh em chúng tôi bay ngược thời gian trở về hơn bốn mươi năm trước. Cũng là món quà quí giá anh tặng cho người tới từ xa vì cái thanh danh lẫy lừng

của anh…."

Người nghệ sĩ trầm ngâm, nuốt nước miếng, chậm rãi. Tôi tưởng ông sẽ cất tiếng ca, nhưng không, ông triết lý:

"Bài tuyệt chiêu đó nghe! Nhiều người có: Út Trà Ôn trước khi đất nước chia hai có *Tôn Tẩn Giả Điên*, Út Bạch Lan có *Hoa Lan Trắng*, Ngọc Giàu có *Áo Tình Đắp Mộ Người Yêu*, Út Trà Ôn sau nầy có *Tình Anh Bán Chiếu*, Lệ Thủy có *Bạch Thu Hà*, Thanh Nga có *Lắng Tiếng Chuông Chùa…* Đó là chưa kể trước nữa, các đàn anh như Thanh Tao, Năm Phồi, Năm Nghĩa, Bảy Cao, Bửu Tài… mỗi người đều chuyên trị một vài bài ruột, nhứt là Năm Nghĩa với bài *Văng Vẳng Tiếng Chuông Chùa* nghe mà muốn đứt ruột đứt gan.

Ngừng một lúc ông khiêm nhường:

"Nói nầy nghe nhe! Tôi không dám nói mình có bài nào tuyệt chiêu hay ruột hoặc là vua của bài nào cho nên xin được cáo lỗi mấy anh. Với lại ở chỗ nhà hàng ăn uống tạp nhạp xin phép không ca, hôm nào anh em mình huỡn huỡn tổ chức một buổi hội ngộ ở nhà tôi, tôi sẽ đem hết tâm trí ca mấy bài vọng cổ cho anh em thưởng thức…"

Biết nghệ nhơn từ chối khéo, chúng tôi đành thúc thủ ngồi im, quan sát nhà hàng. Cũng đông bộn, cũng có người ngoại quốc ra vô. Chắc chắn là do tài của nhà bếp chớ không phải vì tò mò do cái tên của nhà hàng như bọn chúng tôi…

Một thiếu phụ xuýt xoát sáu mươi nhưng còn mướt lắm, đi vòng quanh bàn chúng tôi một vòng rồi ngừng ngay chỗ Tuấn Đạt, tự tin để tay mình lên vai ông, giọng thân thiết:

"Anh còn nhớ em không?"

Tuấn Đạt nheo mắt, nhìn tới nhìn lui thiếu phụ một hồi lâu ớn mới chậm rãi:

"Sao không kêu bằng chú nữa mà kêu bằng anh. Bỏ hát rồi làm gì?"

Thiếu phụ cười xẻn lẻn:

"Lấy chồng! Ngừng một lúc chị nói thân mật hơn. "Già rồi anh ơi, đâu còn nhóc như hồi đó mà chú chú cháu cháu nữa." Day qua chúng tôi, chị phân bua: "Hồi đó tôi yêu ảnh quá trời quá đất. Yêu chết được vì giọng ca ảnh hớp hồn tôi, vai của ảnh vừa anh hùng vừa lãng mạn khiến cho mình chỉ muốn được làm người yêu thiệt của ảnh ngoài đời." Rồi chợt nhớ ra mình đã nói hơi nhiều, chị thắng liền: "Cũng cám ơn ảnh tỉnh táo từ chối sự bồng bột tuổi trẻ của tôi cho nên bây giờ gia đình tôi mới hạnh phúc. Thôi cho xin kiếu mấy anh. Ông xã tôi chắc đương chờ ở tiệm băng nhạc đằng kia, ảnh mở phòng mạch cách đây chừng 5 giờ lái xe, thỉnh thoảng chúng tôi về vùng nầy vì nhớ không khí quán hàng Việt Nam. Tôi sẽ ghé thăm anh Tuấn Đạt thiệt lâu khi có dịp về lại trong vài tháng tới. Gặp nhau ở quê người là hạnh ngộ rồi, đâu để mất liên lạc cho đành. Hồi nãy tôi chỉ vô đây cầu âu khi đọc cái tên nhà hàng…"

Người nghệ sĩ già đứng dậy, bối rối. Một cái hôn được đặt lên má ông, một cái ôm thắm thiết quá hơn tình quen biết cũ tiếp theo đó.

Người đàn bà bước đi coi bộ không vững, chậm chạp. Tuấn Đạt ngồi xuống lại, không đợi người đẹp khuất bóng ở cánh cửa ngoài.

Không khí bàn chúng tôi yên lặng, ai cũng đưa trí mình vào những suy đoán nầy nọ. Tách nước trước mặt người nghệ sĩ già lại được châm đầy, nước tràn qua dĩa loang trên khăn bàn, tay người rót run run…

"Chuyện gặp lại nầy tôi không ngờ nhe! Cũng chưa bao giờ nghĩ là mình sẽ kể về chuyện cô ấy với ai hết, để bụng cho riêng mình, đó là hành trang đặc biệt của tuổi trung niên. Nhưng mấy anh đã thấy, đã hiểu phần nào nên xin nói lại cho rõ….

Năm đó tôi đã ly dị cô vợ thứ nhứt được đâu hơn một năm rồi. Đời độc thân có phần bê bối về quần áo, cơm nước và đặc biệt là giờ giấc mấy anh biết đó. Tôi hơi *xuống* trong nghề, nhưng cũng chưa đến nỗi nào. Đoàn hát đương ở quận Ô Môn của tỉnh Cần Thơ. Hát một tuồng của chú Bảy Bá mà vai cô ta yêu thầm vai của tôi, và tôi không chịu, có cảnh cô ta té xỉu, tôi phải đở dậy. Tôi xuống câu vọng cổ, đèn màu bựt lên, trong khi khán giả vỗ tay muốn bể rạp thì cổ nói nhỏ:

"Chú ôm cháu mạnh hơn đi, ôm sát nó, cháu thích như vậy. Hun cũng được. Vừa nói cô ta vừa choàng tay qua cổ tôi, kéo đầu tôi sát vô ngực mình, tôi lật đật gỡ ra và nói, đừng làm vậy…. Cô ta mới 17, nhỏ hơn tôi cả hai chục tuổi, tôi không ngờ lại bạo gan quá chừng, phải nói là gan cùng mình, chỗ nào cũng có. Ôm cứng ngắc. Cực khổ trần ai khoai củ mới gỡ được tay ra, sau khi ôm thiệt mùi theo ý của cô ta. Khán giả lại vỗ tay thiếu điều bung cửa, tiếng huýt sáo, tiếng đập ghế

điếc lỗ tai mọi người.

Vãn hát cô ta tươi tỉnh, nhỏng nhảnh rủ chú Tuấn Đạt chở xe lên Quận ăn cháo khuya thưởng cho hồi nãy đóng mùi quá, không sượng. Đào kép có mặt ai cũng ngó tôi hoặc là ganh ghét, hoặc là xầm xì. Tôi hẹn rồi lầm lì xuống gầm sân khấu giăng mùng, nằm xảy tay chưn trên ghế bố không chịu ra. Cái tội lỗi ngọt ngào lảng vảng mời gọi làm tôi cả đêm không ngủ được. Tức cho mình đã vô lý, lo sợ viễn vông, trốn tránh cái gọi là sự thử thách của tổ nghiệp, một thứ gì đó mơ hồ, trong khi món quà của trần gian thơm tho hết biết. Rồi tôi lại khen mình đã biết nói không, can đảm lắc đầu trước cám dỗ. Muốn lắm mà từ chối, nó làm mình cao hơn, có giá trị hơn. Thấy mình sắp sai trái để mà đứng lại kịp lúc."

Người quản lý tiệm bất ngờ xăm xăm tới bàn nói nhỏ với Tuấn Đạt gì đó, ông bình thản nói lớn như ra lịnh:

"Kệ cha nó, tụi nầy không cung cấp thì kiếm tụi khác. Đừng lo. Để đó tao."

Quản lý bước đi. Nghệ sĩ tươi cười hơn:

"Một chút xíu đó mà sợ cho tụi nó lờn mặt."

Chúng tôi chẳng hiểu gì, lại ngó nhau. Ông tiếp:

"Có gì đâu, hôm qua tôi làm giặc với tụi whole sale cung cấp cá thịt khi thấy có trứng sên trong một hai vỉ cá. Tụi nó nói là chỉ có một hay hai vỉ là cùng, sẽ đền bù ¼ số lượng cá order lần nầy. Tôi nói tao không cần đền bù, tao cần trả lại hết lô cá không đúng chuẩn lần nầy. Bây giờ tụi nó nói là khó quá thì kiếm nhà whole sale khác cung cấp, trước hết phải thanh toán tiền còn thiếu trước đây. Tụi nầy quen thói làm ăn trời ơi đất hỡi ở ChợLớn, HongKong, không phải đàng hoàng như bọn Mỹ. Coi thấy tức cười không? Tụi nó đâu biết là tôi đã từng tập *phải suy nghĩ tới cái không làm hại cho người khác trước khi nghĩ tới cái lợi cho riêng mình.* Mình trách thầm người Việt Nam nghèo ở gần biên giới phía Bắc rủ nhau đi mua thịt heo, thịt bò, thịt gà vịt thúi ướp lại bằng hóa chất đem về miền xuôi bán kiếm lời. Tụi chủ nhà hàng thích loại thịt nầy vì vốn một lời 5, 7 thì tại sao mình hám lợi xài thứ cá có thể có sên bán cho khách của mình? Họ đâu có tội tình gì mà mình hại họ bằng cách cấy sinh tử phù vô óc, vô gan họ. Hai hành động ở hai nơi tuy nhỏ lớn khác nhau nhưng có khác gì nhau đâu nè?"

Tôi chồm tới bắt tay ông để tỏ cử chỉ khâm phục:

"Từ chối dầu lòng rất muốn là làm cho con người mình lớn lên, là làm cho đất nước cùng dân tộc mình hưng thạnh lên. Xin được hổn hào để khen ngợi anh điều đó."

Người nghệ sĩ già gục gặt đầu:

"Cũng là tổ nghiệp thôi. Trọng nghiệp tổ thì không làm bậy. Tổ nghề ca hát, tổ nghề buôn bán hay tổ của cả nước, tức là *tổ quốc* có khác gì nhau đâu?"

Tôi nghe mình mát ruột. Cái câu *xướng ca vô loại* người xưa nói đáng xổ toẹt ở trường hợp người nghệ sĩ nầy, ông ta ngày xưa đã ru hồn tôi bằng bài vọng cổ *Tiếng Trống Tàn Canh* và ngày nay qua những tâm tình móc ruột phơi gan cũng có giá trị luân lý không kém những bài tập đọc trong *Quốc Văn Giáo Khoa Thư* là mấy. Điều đáng tiếc là người được nghe chẳng có bao nhiêu và người thực hành theo tôn chỉ *tổ nghiệp, hữu tiết, hư tâm* mà ông truyền thừa chắc cũng chỉ chép đầy lá mít là cùng. Tôi cảm thấy lòng mình nao nao buồn và hình như quanh tôi, bốn người cùng bàn đều lần lượt buông tiếng thở dài dầu mới nghe được một câu nói rất đáng đồng tiền bát gạo.

San Jose, CA, cuối Aug. 2012

(Khởi thảo tại nhà N.T. Khanh)

(1) Vịnh cây tre cây trúc, tức vịnh người quân tử. Có *khí tiết* khi chưa ra khỏi đất (vị ngộ), khi vươn lên cao rồi (thành đạt) thì lòng thiệt *hư tâm*, chẳng gút mắc, để bụng, chấp nhứt, tỵ hiềm.

NGUYỄN VĂN SÂM

TRÊN CHUYẾN TẦU VỀ LẠI QUÊ NĂM ẤY

LÂM BÍCH THỦY

Không hiểu vì sao mà câu chuyện này lại ám ảnh trong tâm can tôi mãi không dứt. Hồi ấy, mỗi lần kể xong, ông lại ngâm nga: "*Con ơi chớ vội làm giàu/ Thằng Tây nó cút thì thằng Tàu nó sang*". Quả là không sai! Chính bây giờ, ngay lúc này, bè lũ lãnh đạo cao nhất của Trung Quốc ngang nhiên cho hải quân đem gian khoan HD 981 đặt vào thềm lục địa trên lãnh thổ biển đảo của Việt Nam. Việc này gợi lại trong tôi câu chuyện mà cha đã kể đi kể lại nhiều lần, như cảnh báo và dạy cho con về nhân cách làm người.

Càng ngày tôi càng hiểu ra, ý cha muốn thông qua chuyện đời mình để dạy con tinh thần dân tộc, tình yêu nước, ý chí tự cường, sự kiên nhẫn và lòng tự trọng. Bất kỳ ở đâu, trong hoàn cảnh nào cũng cần bình tĩnh mà suy xét kỷ trước khi hành động. Nhất là với những tình huống xấu nhất, khi đối mặt với kẻ thù "*Biết mình, biết ta trăm trận trăm thắng*".

Câu chuyện xảy ra vào thời gian ba tôi đang dạy học tại trường Mission-Thanh Hóa. Ông dạy được hai năm thì vào ngày 9 tháng 3 năm 1945 Nhật đảo chính và tước khí giới của quân đội Pháp ở Đông Dương. Đại sứ Nhật ở Đông Dương là Matsumoto Shunichi đòi người Pháp phải chấp nhận vô điều kiện quyền chỉ huy của Nhật trên mọi phương diện. Pháp thua trận, te tua tháo chạy.

Ở Thanh Hóa, một trong những nơi Nhật đến chiếm đầu tiên là ngôi trường của người Cơ Đốc giáo mà ba đang dạy. Cũng trong thời điểm này, thầy giáo – thi sĩ Xuân Khai đang chuẩn bị trở về quê.

Bọn Nhật nhanh chóng nắm bắt tình hình về người giáo viên dạy giỏi, có uy tín với học sinh, còn là một nhà thơ được nhiều người biết đến, sắp rời trường. Bọn Nhật vội đến, gặp ông, bày tỏ mong muốn thầy sẽ ủng hộ sự tiếp quản của Nhật, tiếp tục dạy học theo nền giáo dục mà Nhật đề ra.

Trước hết, chúng khiêng đến cho ông hai cái hòm. Các thầy giáo, tưởng ông ngầm hợp tác nên được Nhật hối lộ thứ gì quí giá. Họ xì xào, chỉ trỏ với thái độ khó chịu. Thầy Xuân Khai xua tay, lắc đầu tỏ ý không nhận. Sĩ quan Nhật ra hiệu để ông mở hòm xem xong rồi hãy từ chối. Trước mặt các thầy và lính Nhật, thầy mở cả hai thùng ra. Đó là hai thùng phấn viết bảng không bụi. Sau đó một người Nhật nói với ông bằng tiếng Pháp, nếu ông ở lại sẽ trả lương rất hậu. Nhưng thầy đã quyết trở về quê hương Bình Định để tham gia kháng chiến cứu quốc nên rất kiên quyết từ chối .

Tại sân ga, cảnh tượng thật hỗn độn, khó phân biệt; nào Tây, nào Nhật, nào dân ta; kẻ cầm súng đứng gác, người qua lại mang, vác đủ thứ trông lôi thôi, lếch thếch; khiến lòng thầy bừng bừng căm giận. Thầy càng căm phẫn hơn khi chứng kiến cảnh bọn lính Pháp, tuy thua trận nhưng vẫn ức hiếp dân ta quá thể: Khó khăn lắm mọi người mới mua được tấm vé; rồi trầy trật mãi để len chân vào được tới chỗ. Nhưng chỗ chưa kịp ấm đã phải rời đi, vì "Chuyến tàu này dành cho quân đội Pháp, bà con đợi chuyến sau". Thế là dân ta phải gồng, gánh, mang, vác, ào ào, xô đẩy nhau, lèn, lách để ra khỏi toa - nơi mà mình vừa chen chúc, xô đẩy để tới được!

Từng tốp người đi áo nâu bạc rách
Tiếng thở dài hơn tầm mắt ngừng trông

Đường chưa qua đã là bước đường cùng
Mà đất cũ không còn nơi chốn ở…
(trích "Bữa cơm đợi tàu)

Lính Pháp quýnh quáng nhào lên chiếm chỗ, miệng không ngớt xua dân ta như xua súc vật: "*Allez!* Allez Annamite". Đấy! cả cái tên nòi giống tổ tiên của ta cũng bị chúng miệt thị, khinh bỉ. Chúng không coi dân ta là người! chúng gọi ta là Annamite (An Nam) tức là súc vật
Cảnh tượng ấy đọng mãi trong lòng thầy giáo, nhà thơ Xuân Khai:

Ôi mảnh đất khi xới lên từng thớ
Nhìn chưa phai máu thịt của cha ông
Chân trời kia mắt họ ngời trông
Bóng nắng, giọt mưa đều còn xa lạ
Họ đứng đó nhớ từng gốc rạ
Mà giữa lòng trống trải một lưng cơm
Ngày mai,
Ngày mai trôi đến chốn xa hơn
Trải năm tháng chắc gì kiếm được…
Bữa cơm đợi tàu gượng nhai, gượng nuốt
Tôi đứng lên dù chưa ấm chỗ ngồi
Khi vé cầm tay bỗng lại sợ tiếng còi
Xé thêm rách những cuộc đời xơ xác

Nhìn cảnh dân tinh mình bị xua đuổi, thầy giáo, nhà thơ liên tục thốt lên "Nhục quá! nhục quá!" Lòng tự trọng dân tộc trỗi dậy trong ông: "Là trí thức mình không thể để chúng đuổi như đuổi một con vật; mất thể diện người Việt Nam quá! Nếu mình cũng bị chúng buộc phải rời toa, mình sẽ từ từ xuống một cách đàng hoàng!"

Các toa dưới, dân chưa kịp xuống, lính Pháp đã tràn lên chèn cả lối đi, rất lộn xộn. Trong khi đó, toa thầy mua vé vẫn chưa có ai lên; thấy vậy thầy lưỡng lự và suy nghĩ: đi hay ngồi lại? Thôi cứ từ từ xem sao cái đã. Rồi thầy đủng đỉnh đưa hai tay lên nắm quai valise trên giá, để yên và phóng tầm mắt qua cửa sổ toa, quan sát, nghĩ cách đối phó: "nếu, bọn Pháp xông lên, chúng thấy tay ta đang để trên quai valise, có nghĩa đang chuẩn bị ra đi, sẽ không đuổi ta "*Allez!* Allez Annamite" như đuổi dân lành. Khi ấy, ta đỉnh đạt, đàng hoàng bước xuống. Ít ra, trong mắt chúng; ta - trí thức Việt Nam cũng là con người như chúng". Thì bỗng, từ phía sau, một giọng nói rất lịch sự: - Bonsoir monsieur" = Xin chào ngài

Thầy giáo, lúc này, tay vẫn chưa rút khỏi quai valise, chỉ quay đầu sang bên trái, xem ai vừa nói, và nói với ai mà nghe rất lễ phép. Thì ra, đó là một sĩ quan người Pháp. Tay phải anh ta cũng đang xách chiếc valise bằng nhom, cở trung bình, nhìn nhà giáo vẻ có lỗi. Còn nhà giáo nghĩ chắc có sự nhầm lẫn gì mà tai mình nghe không rõ. Ông lịch sự hỏi lại:

- Pardon, Excusez-moi! (Xin lỗi, Ngài làm ơn nhắc lại?)

Người sĩ quan vẫn nét mặt và nụ cười để sẳn trên môi, tiếp:

- Excusez-moi! Puis-je m'asseoir ici = (Xin thứ lỗi, tôi có thể ngồi ở đây?)

Nhanh như chớp, trong đầu thầy giáo một phản xạ có điều kiện lập nên: - vậy là rõ rồi! Giờ đây mình là người có quyền quyết định ngồi lại hay rời khỏi toa, chứ không phải người Pháp. Bằng động tác lịch sự của một trí thức Việt Nam, rất tự tin, nhà thơ Xuân Khai rút đôi tay khỏi chiếc valise, với giọng nói nhỏ nhẹ, vẻ độ lượng và quả quyết: - Oui! S'il vous plait monsier….

Khi con tàu chạy đã khá lâu, nhà giáo mới biết mình mua vé tại toa dành riêng cho sĩ quan Pháp và gia đình họ. Nhưng ông cứ thắc mắc mà không sao hiểu được "Tại sao, suốt cuộc hành trình về Bình Định, tất cả sĩ quan Pháp trên cùng toa đều tỏ ra rất kính trọng ông. Nhất là các bà vợ, ai cũng nhìn ông với vẻ nể nang; mọi cử chỉ cố tránh làm mếch lòng người trí thức Việt Nam trong bộ complet trắng ngồi cùng toa với những con người từ đất nước của mẫu quốc Pháp.

Kể cả sau này, khi kể cho chúng tôi, ba vẫn thắc mắc về điều này: - *Tại sao sĩ quan Pháp và vợ*

họ lại rất lễ phép, nể trọng ba quá đỗi như vậy? Phải chăng do nhân cách, thái độ đàng hoàng tự tin của mình? Hay vì bộ complet trắng, sang trọng từ chất liệu vải Pháp mà cô Thỏ đã tặng?
(Các bạn còn nhớ bộ complet trắng do cô Thỏ-người con gái lai Pháp trong bài viết của tôi "Mùa xuân này lạnh lắm em ơi" may tặng ông…"

Còn theo chúng tôi, đó là: "Do phong thái đỉnh đạt, đàng hoàng của người văn sĩ đất Bình Định đã làm cho bọn Pháp kính trọng ông" ./.

LÂM BÍCH THỦY

Thơ

PHAN THÀNH MINH

HƯƠNG CỐM

Môi nén hoa hương dưới nụ cười
sông làng thiêm thiếp giấc chiều trôi
hoàng lan đợi gió về mơn nắng
tha thướt sân trường áo trắng ơi

Đẹp vẫn hoàn nguyên với vai thơm
sầu chẳng riêng che lỗi ước nguyền
phượng hồng thắp nến ngày mong đợi
chạnh niềm cố xứ có riêng em

Mùa vẫn đăng đàn hương cốm nhớ
"yêu hoa chi để nặng lòng hoa"
ngày sau sỏi đá nên duyên nợ
mưa nắng còn say giấc lụa là...

PHAN THÀNH MINH

CÁNH BÈO PHIÊU BẠT

TRẦN MINH NGUYỆT

Mới hơn 8 giờ mà làng Vạn Phúc trở nên im ắng lạ, chỉ có tiếng mưa rơi hòa lẫn với bản hòa tấu của côn trùng trời đêm. Bà Thanh vẫn ngồi lặng lẽ bên cửa sổ đôi mắt buồn ưu tư nhìn ra đầu ngõ, dù bà biết chắc Hạnh, con gái út của bà không thể về được vào lúc này. Đã 5 năm nay kể từ lúc Hạnh về nhà chồng bà mới cảm nhận hết nỗi cô đơn, sự vắng vẻ của cõi lòng. Bà có cảm nhận ngôi nhà trở nên rộng rãi và thiếu hẳn sinh khí. Rất nhiều lúc, trong nỗi cô độc, trong nỗi buồn kín bưng của mình- Bà không hiểu nỗi một người suốt đời sống cam chịu, khốn khó như bà- một người nhân từ, luôn sống tốt, từ nhỏ đến lớn không làm hại ai, ngay cả một con kiến cũng không nỡ giết nó- mà sao cuộc đời bà lại truân chuyên, khổ ải như thế này.? Phải chăng đó là món nợ mà bà đã trót vay từ kiếp trước và phải trả trong hình hài trần tục ở kiếp này.?

Cuộc đời bà giống như một trang tiểu thuyết buồn. Cái số phận nghiệt ngã bắt đầu từ khi bà mới cất tiếng khóc chào đời. Một sinh linh bé nhỏ không hình dung được sự hiểm nguy đau đớn mà nó phải gánh chịu. Bà nghe người ta kể lại rằng: Ai đó đã sinh ra bà và bỏ bà dưới gốc Đa đầu làng - ngôi làng nhỏ nào đó ở Quảng Nam, mà giờ này bà cũng không biết tên, cũng như địa điểm của ngôi làng đó nữa. Một cặp vợ chồng người Hoa động lòng trắc ẩn, ẳm bà về nuôi cùng con trai mới sinh của họ. Sau này- bà được nghe dì tám Lưu kể lại. Không biết bà có khắc tinh với gia đình họ hay không mà kể từ khi đem bà về nuôi,gia đình của họ gặp hết cái xui này đến cái nạn kia.Người chồng thì mất việc, vợ bị tai nạn gảy chân. Đi xem bói thầy bói phán rằng: " trong nhà có người nữ số mạng lớn nên họ sẽ suốt đời không yên ổn được". Năm đó bà mới được 6 tuổi -bà chỉ nhớ mang máng là, Ba mẹ nuôi đã ôm bà vào lòng khóc và nói với bà là đã tìm được ba, mẹ mới cho con rồi. Lúc đó, làm sao bà hiểu hết được lời của cha mẹ nuôi –làm sao biết dược cuộc đời mình lại sắp bước vào một cuộc hành trình đầy truân chuyên của kiếp người? Bà chỉ cảm nhận được sự yêu thương của họ dành cho bà, vì họ khóc rất nhiều, và bà vì sợ hãi cũng khóc theo cha mẹ nuôi thôi .Rồi một buổi sáng dì tám Lưu đến nhà,và trưa hôm đó mẹ nuôi mặc cho bà cái áo đầm đẹp nhất, đeo vào tai bà đôi hoa tai bằng bạc. Ôm bà vào lòng hôn bà thật lâu, sau đó thầm thì nói gì đó với dì tám,- Kể từ buổi sáng chia cắt định mệnh hôm đó -bà không còn lần nào gặp lại cha mẹ nuôi đầu tiên nữa !

Dì Tám Lưu nhà ở cạnh chợ Kỳ An,- ngày 2 buổi dì lo bán hàng ngoài chợ, tối mịt mới về nhà . Dượng Tám là một thầu khoán nên cũng ít khi có mặt ở nhà, đôi khi nhận thầu công trình ở nơi xa ,cả tháng Dượng mới về thăm nhà một lần. Bà Thanh lúc đó mới 6 tuổi được nhận về ở nhà giữ thằng cu An con của dì Tám -3 tuổi, và làm công việc nhà như nấu cơm, quét dọn. Thằng cu An được cha mẹ cưng chiều nên suốt ngày nghịch ngợm và không lúc nào chịu ngồi yên. Không chìu theo ý nó-không làm vừa lòng chuyện gì là nó vả vào mặt bà, hay ném bất cứ vật gì cầm được vào người bà rồi nằm dãy ra khóc la .Đã vậy- tối về nó lại méc với dì Tám là bà Thanh đã đánh nó khắp người. Thế là, vì quá thương chìu con- những trận đòn vô cớ mà bà Thanh phải chịu ngày càng nhiều. Thuở ấy-bà cũng lờ mờ nhận biết được thân phận côi cút lạc lõng của mình qua những câu chì chiết mắng chưởi của dì Tám. Mỗi tối , lúc dì Tám ru hát vỗ về cho cu An ngủ-bà nằm nghe những lời dịu ngọt của dì Tám , chỉ biết úp mặt vào gối khóc thầm. Tuổi thơ bà, đâu có được nghe những lời dịu dàng mặn nồng ấy? Năm bà Thanh 10 tuổi, dì Tám buôn bán ế ẩm lại bị huê hụi lường gạt hết vốn- nên ở nhà làm công việc nội trợ. Dượng Tám đã theo vợ bé ở trên phố họa hoằn lắm mới về thăm nhà một buổi!. Bà Thanh đã trở nên là cái thớt để cho dì Tám Lưu bằm văm ngày càng nhiều. Dì Tám đã đổ lên đầu bà Thanh tất cả nỗi buồn giận, khổ đau vì cảnh nhà sa sút, vì người chồng bạc bẽo...

- Tao không hiểu tại sao tao lại nhận mầy về nuôi làm gì? Mầy suốt ngày chỉ biết chơi và phá phách thôi, có giúp tao được gì đâu?.

-Mầy ám tao vừa thôi,sao mầy không chết quách khi mầy bị bỏ rơi, bị kiến đục mắt đi hả Thanh?

-Vợ chồng ông Tỷ cứu sống mầy là một sự sai lầm, phải trả giá gia đình li tán rồi.Nhưng tao không để mầy phá nát cái gia đình này đâu mày nghe chưa?

Bà Thanh ngồi nép vào một góc cửa,bà cố thu mình thật nhỏ, tránh đi cái nhìn nảy lửa của dì Tám. Nhưng tia lửa của lòng sân hận, u ám vẫn cứ xoáy sâu vào người bà như có trăm ngàn lỗ. Rồi chuyện gì đến cũng đến. Chiều hôm đó bà Thanh đang xách nước đổ lên bể để lọc nước dùng trong ngày thì nghe dì Tám gọi to- giọng đầy giận dữ:

- Thanh! mầy bỏ đó vào đây tao bảo

Bà Thanh sợ hãi len lén bước vào thoáng nhìn lên mặt dì Tám -bà hình dung một trận đòn sắp tới chắc sẽ đau đớn lắm, bởi nét mặt dì Tám đã tái sạm..

- Mầy lấy trộm tiền của tao phải không?

-Dạ! Con thề không có lấy mà,.. Con xin dì nghĩ lại?

-Tối qua tao bỏ mấy cắc bạc ở đây, giờ không cánh mà bay? Nhà chỉ có tao với mày thôi. hay là mầy đổ tội cho thằng cu An?

Thằng An mới vừa ngủ dậy- làu nhàu, la to :" Nó lấy đó má ơi, nó là một con ăn cắp, má đuổi nó đi đi"

Bà Thanh đưa tay quẹt lau nước mắt- giọng lí nhí : " Con xin dì, con không có lấy thật mà, con lấy tiền để làm gì..."

-Mầy đúng là đồ con hoang, tao không thể nào nuôi mầy được nữa. Mầy vào xếp đồ và ra khỏi nhà tao mau...

-Con xin dì, dì cho con ở lại, con không lấy tiền thật mà, con biết đi đâu đây dì ơi?
- Mầy đi đâu là chuyện của mầy, tao không phải mẹ mầy, và nhớ là đừng về đây nữa nghe

không? Mầy về tao đánh gảy chân đó!

Bà Thanh hết lời năn nỉ nhưng dì Tám vẫn làm ngơ bỏ đi- biết không có lời nào có thể làm đổi thay dược lòng người đã cạn khô tình yêu thương- bà lầm lũi vào góc buồng ôm giỏ đồ bước ra cửa. Bà Thanh chợt ngoái nhìn lại- đôi mắt bà nhìn chầm chầm lên gương mặt trẻ thơ của cu An-lòng cảm thấy thương nhớ vô hạn. . Bà biết dược rằng, kêt từ hôm nay-bà sẽ không còn được gặp lại cu An lần nào nữa. Bà thấy thương nó-nhớ nó, như sắp rời xa một đứa em ruột thịt đã từng chung sống bao năm. Bà đi từng bước thật châm ra khỏi ngõ, thẩn thờ men theo đường quốc, nhưng cũng không biết những bước chân mình sẽ đi về đâu.? .

Những bước chân vô định cứ dẫn dắt bà –bà đi mãi-cắm cúi bước, nước mắt cứ tự nhiên chảy ràn rụa mà bà không thể lau khô được nữa! Chợt nhìn thấy một đám mía đường đã lớn phía bên kia dường- bà lặng lẽ đi sâu vào giữa đám - bẻ một cây- siết ăn cho đỡ khát. Vùa mệt, vừa buồn đau- bà đã ngã lưng ngủ vùi luôn giữa đám mía từ lúc nào . Có lẽ nơi ấy-là chốn yên ổn , an toàn nhất cho bà? Mờ sáng hôm sau- tỉnh dậy-sau một thoáng bàng hoàng ngơ ngác- bà đã nhớ lại mọi chuyện vừa xảy ra cho đời mình buổi chiều hôm trước-bà lại tiếp tục rảo bước đi theo đường quốc lộ. Buổi chiều, bà đã tới thị trấn Nam An. Trời bỗng đổ mưa nặng hạt- vừa đói, vừa lạnh, bà nép mình vào dưới mái hiên của một ngôi nhà đóng kín cửa. để tìm chút hơi ấm.

- Con gái! Sao giờ nầy còn nằm ở đây? Sao con không về nhà?- Nghe giọng nói rõ to gọi mình- Bà Thanh chợt thức dậy- ngước lên nhìn- người đàn ông trạc trung niên đang đứng trước mặt- nhoẻn miệng cười... Bà Thanh nói giọng lập cập như bị rét lạnh:

- Cháu xin ông cho cháu nằm nhờ đây- cháu không có nơi nào để đi nữa Trời tạnh mưa, cháu sẽ đi ngay...

-Con vào nhà đi-người đàn ông mở rộng hai cánh cửa- nằm ngoài trời lạnh lắm biết không?

Người đàn bà từ bên trong nhà bước ra của- thoáng nhìn chồng-rồi liếc nhìn Thanh với lòng dầy thương cảm : " Con vào trong nầy đi! Mưa mùa này làm sao dứt được sớm mà chờ?

Giọng nói trong trẻo, thân tình-dịu dàng của người đàn bà đã làm cho lòng bà bỗng nhiên như được sưởi ấm. Bà cảm thấy mình được tươi tỉnh lại.

Sau khi nghe kể lại cảnh dời phiêu bạt côi cút hẫm hiu của bà Thanh,vợ chồng ông Trung- chủ nhà, đã sẵn lòng cưu mang, nhận nuôi bà từ đó.

Ông bà Trung đã có hai người con- anh Đại và chị Hương – bây giờ có thêm bà Thanh nữa.- cả nhà như vui hẳn lên. Bà Thanh cảm thấy cói lòng băng lạnh của mình được xoa dịu, an ủi-khi những ánh mắt nhìn bà đều thân thiên- gần gũi. Bà hòa nhập vào cảnh sum họp của gia đình một cách tự nhiên-vui vẻ. .

Ông Trung đang là Giao Sư của trường Trung học công lập trong thị trấn – và bà Trung là y sĩ trưởng của một bệnh viện từ thiện .Bà Thanh được cho ở chung phòng với chị Hương-cả nhà ai cũng yêu quý bà, xem bà như con, như em ruột trong nhà vậy. Tình yêu thương thật mầu nhiệm, chỉ trong vài hôm-bà Thanh đã tìm lại được niềm vui sống tưởng đã tắt lim ngay trong đám mía hoang vu bên đường. Hàng ngày bà chỉ làm những việc lặt vặt giúp cho bà Trung hay cô Hương- còn những chuyện nhà đã có thuê người làm . Tối đến- ông Trung thường dành một ít thời gian sau khi đọc báo, để dạy cho bà học Năm 15 tuổi- bà thi lấy được bằng tiểu học.Thời gan sau- Ba, mẹ nuôi đăng kí cho bà học lớp sư phạm sơ cấp ấp Tân Sinh và từ năm 18 tuổi bà được phân về về dạy ở trường sơ cấp Nam Lộc gần nhà.Được đùm bọc trong sự triu mến yêu thương, bà Thanh thường nhìn cảnh sum họp của gia đình ông bà Trung mà không ngớt mơ ước có được phút giây gặp mặt, gần gũi cha mẹ đẻ ra mình. Bà chỉ cầu xin được gặp cha mẹ bà-dù chỉ một lần thôi-để được nghe những lời thương yêu nồng ấm của cha mẹ dành cho mình. Nhưng có bao giờ ước mơ kia đến được với đời ba đâu-bởi vì-kẻ vô tâm bạc tình đã chìm khuất tận chân trời góc biển nào rồi?

Năm bà vừa tròn 20 tuổi- ba, mẹ nuôi đã chọn gả bà cho anh Hải- cũng chịu cảnh mồ côi cả cha lẫn mẹ như bà vậy. Hải dạy cùng trường với ông Trung- bậc đệ nhất cáp.. Mặc dù cuộc hôn nhân chỉ là mai mối, nhưng vợ chồng bà rất yêu thương nhau.Vợ chồng đùm bọc hủ hỉ làm ăn. Dù chưa được sung túc như mọi người- nhưng đó là thời gian hạnh phúc nhất của cuộc đời bà. Khi Bé Hạnh chào đời , hai vợ chồng bà mừng vui vô hạn. Đó là kết quả của tình yêu thương của hai mãnh dời bất hạnh. Nhưng-thật bất ngờ và tàn nhẫn thay- cuộc đời lại một lần nữa cướp đi cái hạnh phúc nhỏ bé còn lại của đời bà.: Năm bé Hạnh 4 tuổi, sau một lần ăn tất niên nhà bạn, Hải đã uống mấy li rượu rồi cảm thấy mệt , choáng váng vội xin phép về nhà nghỉ.. Nhưng giấc ngủ mê ấy của Hải không bao giờ tỉnh dậy nữa. Anh không còn quây quần bên vợ con hằng đêm như bấy lâu! Anh đã đi xa-đã trở về với cát bụi phận người...

Hạnh rất thông minh- học giỏi và là đứa con ngoan ngoãn luôn luôn biết vâng lời mẹ. Năm Hạnh thi đậu vào đại học Sư phạm- cũng là lúc cha mẹ nuôi của bà nối tiếp nhau ra đi. Hạnh tốt nghiệp- xin về dạy ở Trường THPT Bình An. Nhưng chỉ hai năm sau, cũng phải rời xa bà theo chồng vì con rể bà là con một của một gia đình khá giả ở thị xã. Họ cảm thấy bị xúc phạm nếu để con về ở chung với phía vợ nên ngay từ lễ hỏi-họ đã từ chối yêu càu tha thiết của bà là cho vợ chồng Hạnh về chung sống...Sự giàu sang đôi khi đã làm cho con người trở nên vô cảm...

Chuông điện thoại reo vang cắt đứt dòng suy nghĩ của bà Thanh. Bà bắt máy- nghe giọng nói của Hạnh bên kia đầu dây

-Má có khỏe không? Má đã ăn gì chưa?

- Má khỏe, con đừng lo- Giọng bà nhỏ, đượm buồn- Vợ chồng con thế nào rồi?

- Công việc thuận lợi lắm má à. Anh Thuận được đề bạt lên trưởng phòng, - năm nay con thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh đó má!

Một thoáng im lặng...

- Anh Thuận sắp đi công tác ở Đà Nẵng, sẽ ghé về quê thăm má vài ngày. À !Bé Hiếu muốn nói chuyện với bà ngoại đây này, con chuyển máy cho nó nhé.

- Bà ngoại có khỏe không? Tiếng nói vừa tròn giọng của chú bé 4 tuổi thật ngộ nghỉnh, êm ái- Bà ngoại thương bé Hiếu nhiều không? Hiếu ngoan lắm, hè này ba mẹ hứa cho Hiếu về thăm ngoại. à nha...

Bà chưa kịp trả lời thì nghe có tiếng " tút tút". Chắc là thằng cháu 4 tuổi của bà đã gát máy rồi? Nó chỉ hỏi mà không cho người nghe trả lời?

Bà Thanh nghe được giọng nói ngây thơ của cháu, thấy rất ấm lòng. Lần nào cũng vậy- Hạnh đều cho bé Hiếu bi bô với bà ngoại vài câu- Ừ nhỉ- thì con bà có bỏ bà đâu? Nó đang sống hạnh phúc thì bà cũng hạnh phúc mà. Hạnh phúc của bà bây giờ đều dành cho con cháu thôi- Bà chậm rải lại bàn thờ đốt nén nhang -chia sẻ niềm vui của bà với cha mẹ nuôi, chồng- và cầu xin cho tất cả được yêu thương, hạnh phúc ...

TRẦN MINH NGUYỆT

NHỮNG MẢNH VỠ CỦA SỐ PHẬN

TRỊNH TUYÊN

Nhà con Tỉnh cách nhà tôi một bờ rào. Tôi hơn nó ba tuổi , hai đứa chơi thân với nhau từ thuở bé. Nhà nó nghèo lắm, bố mẹ bị đau mắt hột, không chạy chữa để biến chứng lông quặm thành mắt toét, đi trời nắng cứ phải khum khum bàn tay che bớt ánh sáng mặt trời vì giác mạc bị tổn thương. Thằng Uỷ em nó có tài câu ếch, thời tôi đi học cấp ba, nhà xa phải ở trọ, thứ bảy nào về, chị em nhà nó đều để dành cho tôi dăm sáu con ếch bự. Nhà nó nghèo xơ nghèo xác mà dám đặt tên con là Tỉnh ủy. Sau này, khi bị lâm bệnh trọng, trước khi nhắm mắt, ông Tẹn - cha nó trăng trối : - Đặt tên cho chị em mày như thế, cha hy vọng khi lớn lên, chúng mày sẽ kiếm được tí chức tước, mở mày mở mặt với xóm làng, họ mạc... Giọng ông cứ nhỏ dần... nhỏ dần... rồi lịm tắt. Có điều lạ là mắt ông không nhắm, cứ lờ cùi nhãn như khi đang còn sống, vuốt mãi không xuôi.

Sau khi cha chết, Tỉnh phải bỏ học. Mẹ kém mắt, em nhỏ, đi học lấy ai làm ruộng? Nó học giỏi mà phải bỏ học, ai cũng tiếc cho nó, nhưng cảnh nhà, biết sao được? Nó đảm đang mọi việc trong nhà, riêng "môn trèo cau" rất thạo. Nhà tôi mỗi khi có giỗ chạp, nó sang nhà phụ giúp, cần thiết trổ tài trèo cau, nhanh nhẹn như con mèo cái. Tôi đứng dưới gốc nhìn lên, nó đỏ mặt. Hoá ra nó đã lớn từ lúc nào rồi!

Học xong cấp ba, tôi vào học "khoa địa chất công trình" trường đại học mỏ địa chất. Mỗi lần về hè trông nó càng xinh đẹp. Đôi mắt đen ươn ướt, đuôi mắt có nốt ruồi đen, buồn thăm thẳm. Người ta bảo, đàn bà con gái, đứa nào có con mắt ấy là suốt đời khổ luỵ. Nó toàn nhìn tôi từ phía sau. Tôi biết nó yêu tôi nhưng chỉ dám đứng nhìn từ xa. Nó biết phận mình, làm sao dám mơ

tưởng lấy một người chồng là kỹ sư địa chất như tôi?

Tốt nghiệp đại học, tôi được phân công về đoàn địa chất công trình thuỷ điện Hoà Bình. Chưa công trình nào có cấu tạo địa chất phức tạp như công trình thuỷ điện này. Hàng trăm mũi khoan thăm dò cho kết quả trái ngược. Ngoài các hang động castơ, suốt dọc hai bên bờ sông từ tim đập ngược lên vùng thượng lưu, hiện tượng đứt gẫy địa tầng liên tục, thách thức những kỹ sư địa chất Việt Nam. Tôi tất bật suốt ngày với các số liệu từ phòng thí nghiệm, đau đáu với những con số biết nói từ những mẫu phân tích đất đá được lôi lên từ dưới mấy tầng địa ngục. Rồi đề xuất ứng dụng các biện pháp thi công, khoan nhồi, khoan phụt, xử lý chống thấm. Ngày nào phòng thiết kế cũng giục giã cung cấp số liệu, thực hiện tiến độ.

Cuối cùng rồi những kỹ sư địa chất chúng tôi cũng hoàn thành sứ mạng của mình. Toàn bộ số liệu khảo sát đã được đoàn chuyên gia bạn đánh giá rất cao. Công trình xong giai đoạn khảo sát, trước khi chuyển đến công trình mới, tôi xin nghỉ phép.

Chỉ có mấy năm mà con Tỉnh thay đổi hẳn. Trông nó già xọp. Nó lấy chồng nhưng thằng chồng đi đánh đá thuê bị đá đè chết. Nó bế con về nhà mẹ đẻ, nhờ mẹ với cậu trông rồi đi làm làm thuê, ai nhờ gì, làm nấy. Thôi thì gánh phân, gặt lúa,đào ao, dẫy cỏ, nó đều làm tất, miễn là kiếm ngày vài bò gạo xấu nuôi con. Con Thu, con gái nó, năm tuổi rồi mà cò mòn cò chéo, teo tóp như đứa trẻ lên hai. Được cái con bé ngoan lắm, không bao giờ quấy bà, quấy cậu, bảo ngồi đâu là ngồi yên đấy. Trông nó ngơ ngác thật tội nghiệp, nhất là đôi mắt nó, trong veo, vừa ngây thơ, vừa hoảng hốt ... Người lớn nhìn vào mắt nó không sao cầm lòng được. Thời đó việc đăng ký hộ tịch hộ khẩu rất nghiêm ngặt, đàn bà đi lấy chồng khi đã chuyển khẩu theo chồng, bị chồng bạc đãi hay chồng chết hoặc ly hôn đều không được nhập về nơi cư trú cũ. Vì nhập khẩu là kèm theo rất nhiều hệ luỵ, nào tiêu chuẩn ruộng đất, chế độ tem phiếu, thực phẩm .vv...Thành ra mẹ con nhà Tỉnh về nhà mẹ đẻ mà như kẻ ở nhờ. Thỉnh thoảng công an xã kiểm tra còn bị phạt lên phạt xuống vì thuộc diện KT2 (tức là hộ khẩu một nơi, cư trú một nơi)

Tôi sang nhà chơi ngồi nói chuyện với mẹ con Tỉnh. Tỉnh khóc, nói em không ngờ cuộc đời mẹ con lại khốn khổ như vậy. Ở quê chồng không ổn, về với mẹ không yên, chỉ còn có nước thắt cổ mà chết đi cho rồi!

Tôi động viên an ủi hai mẹ con, bớt trong tháng lương còm của thằng kỹ sư địa chất cho con Thu mươi đồng. Con bé khoanh tay nó lí nhí cám ơn bác. Tôi ôm hôn nó và cũng không ngờ đây là lần gặp cuối cùng.

Tôi nhớ vào một buổi chiều, tôi ở tận công trình thủy điện Sơn La, mẹ tôi viết thư báo tin hai mẹ con nhà Tỉnh đã bị một người bà con bên chồng lừa bán sang Trung Quốc rồi. Gia đình đã làm đơn trình báo công an nhưng chẳng ai thèm ngó ngàng tới. Đó là vào những năm tám tư, tám lăm của thế kỷ trước. Đất nước đang trong giai đoạn hồi phục sau chiến tranh, hàng trăm việc lớn phải làm, chính quyền hơi đâu để ý đến số phận mẹ con nhà nó. Có khi họ lại thấy nhẹ người vì bớt đi hai đối tượng "cư trú bất hợp pháp".

Tôi đi thực địa, ngồi bên cô máy khoan, mũi khoan khoan vào lòng đất thế nào thì nỗi buồn xoáy vào lòng tôi thế đó.Thôi thế là từ nay mẹ con nhà Tỉnh gửi thân nơi đất khách, sống thì làm nô lệ tình dục cho người ta, chết thành nắm xương tàn vùi chôn xứ lạ. Một con chim đa đa trong bụi rậm gần đó vụt bay lên, tôi giật mình như vừa qua cơn mộng mỵ. Tôi lủi thủi theo con đường đội khảo sát mới mở trở về lán ở. Ánh chiều lợt lạt lênh loang chảy trên sườn núi, tiếng hoẵng con lạc mẹ kêu" toác toác", nghe ai oán xót xa...

Nhưng có lẽ số trời, sáu năm sau, tôi còn được gặp lại con Tỉnh một lần nữa rồi mới hoàn toàn vĩnh viễn xa nó. Tôi nhớ chính xác là vào tháng tám, khí trời đã sang thu nhưng còn ẩn chứa

những cơn bão lớn. Con Tỉnh lặn lội từ một vùng cao của tỉnh Quảng Tây Trung Quốc về thăm mẹ và em trai. Tôi nghỉ phép. Sau bao nhiêu năm phiêu bạt, trông con Tỉnh không còn giống ngày xưa. Nó béo xệ, dáng xuệch xoạc nên nhìn người như thấp xuống. Mắt lờ đờ dáng mệt mỏi, dấu vết của những cuộc hành xác đau đớn và nhục nhã. Tôi không còn cảm giác gần gủi như các lần gặp trước. Tiếng nó đã nhiễm lơ lớ giọng Quảng Tây, trông bộ dạng vẫn nghèo nàn, khốn khổ.

Nó bảo người ta bán nó cho hai anh em trai một gia đình ở miền núi tỉnh Quảng Tây vừa già vừa đần độn với giá năm ngàn tệ. Vì nhà nghèo nên hai anh em phải lấy chung một vợ. Nó đã đẻ hai đứa con lai, kết quả của hai cuộc thụ thai theo bản năng, một trai, một gái. Lần này hai ông " Chồng" nó chỉ cho đủ tiền về, trở lại tự lo lấy. Con Thu đã lớn, chúng nó giữ lại không cho theo mẹ về nước vì sợ con Thu ở lại Việt Nam. Ở một đất nước thiếu đàn bà đến loạn luân ấy, một cô gái xinh đẹp như con Thu đáng giá bằng cả một gia tài lớn. Nhắc đến nó, tôi bổng mủi lòng, nhớ đôi mắt trẻ con mà ánh nhìn lo lắng của nó như có điềm báo từ kiếp trước. Con Tỉnh bảo lần này về, nó không sang nữa, sang đó, sớm hay muộn cũng gửi nắm xương tàn nơi xứ lạ mà thôi. Nó bảo, ngày thì đi làm hùng hục, tối phải làm con giống cái cho hai thằng già còn khoẻ như trâu điên. Mà có phải phục vụ cho hai con dê già đó đâu. Nó còn cho hàng xóm "mượn", vì mình chỉ là con vật chúng bỏ tiền mua !

Chính quyền xã không cho nó ở lại với lý do nó đã rời bỏ nơi cư trú sáu năm. Theo điều lệ đăng ký nhân khẩu, nó đã bị xoá tên khỏi địa phương, phải có giấy chuyển khẩu từ phía bên Trung Quốc mới nhập khẩu trở lại được?! Nếu ở lại, không được cấp sổ hộ khẩu, ruộng đất, lấy gì làm ăn sinh sống? Chẳng nhẽ cứ làm khổ mẹ với em mãi. Lại còn chính quyền nay mời mai gọi, phạt lên phạt xuống, biết sống làm sao?

Hai hàng nước mắt chứa chan... Con Tỉnh bây giờ đã bị đưa vào tình thế chỉ có trời cứu. Lần trước đi Trung Quốc, nó bị người ta lừa dẫn đi bán, lần này chính nó phải tự nguyện trở lại cái nơi đang nhục mạ, hành hạ giết dần giết mòn. Nó không còn đất sống ngay nơi quê hương, tổ quốc nó.

**

Buổi sáng hôm đó, mẹ tôi đi chợ, chỉ có mình tôi ở nhà. Con Tỉnh ăn mặc khá diện sang nhà tôi, thái độ trông lạ lắm. Nó khép nhẹ cánh cửa chính, nhìn thẳng vào tôi, nói rất kiên quyết và rành rọt:

- Anh Thanh! Em biết anh rất khinh bỉ em, đã có một thời em yêu anh và anh cũng có cảm tình với em. Em biết làm thế này là xúc phạm anh nhưng em không còn cách nào khác. Ngày mai em phải rời bỏ nơi này, hôm nay công an xã đã báo rồi. Lần này đi, em biết là sẽ vĩnh viễn xa những người thân yêu của em, trong đó có anh, nhưng em không còn một đồng xu nào, chỉ còn cái tấm thân ô nhục này thôi. Đây! Con Tỉnh vừa nói vừa cởi phăng áo ngoài rồi áo lót, anh muốn làm gì thì làm nhưng cầu xin anh, anh hãy bố thí cho em hai trăm ngàn để làm lộ phí trở lại nơi địa ngục trần gian kia...

Tôi đăm đăm nhìn bộ ngực người đàn bà mới gần ba mươi tuổi, da vàng ủng mầu trứng thối, hai bầu vú đen sì chảy sệ thảm hại, dấu tích của những cuộc hành xác khủng khiếp mà những con thú đội lốt người bên kia biên giới đã gây cho nó với lòng xót thương lẫn căm giận. Tôi nói như ra lệnh:

- Tỉnh, em mặc áo vào! Anh sẽ cho em hai trăm ngàn! Em đừng bán mình rẻ mạt như vậy! Tỉnh ngước mắt nhìn tôi ngạc nhiên, vừa cảm động, cả đời nó, chưa hề nghe một người đàn ông

nào nói những lời như thế.

- Em đã bán mình suốt bao nhiêu năm nay rồi còn gì ... Anh ơi! Nó nấc lên, giọng nghẹn ngào. Tôi nghiêm giọng:

- Em không bán mình, những kẻ xấu xa đã bán em ! Nếu em tự nguyện bán thân để cầu lợi thì mới là bán mình. Em vô tội! Chính những kẻ nhân danh là công bộc của dân nhưng chỉ lo làm giầu, nhẫn tâm quên đi số phận những người nghèo khổ như em, bán danh dự đất nước này, chúng nó mới là những kẻ bán mình !

Tôi nói hăng lắm, sồi cả bọt mép, mục đích chỉ để cho con Tỉnh khỏi tủi thân. Từ xưa đến nay, tôi chưa bao giờ làm diễn giả nói trước có một người, giọng nói hùng biện, triết lý sâu xa và "sặc mùi chính trị" như thế. Tôi muốn bảo vệ nó, nhưng bất lực!

Mẹ tôi đi chợ về, thấy hai đứa đang ngồi nói chuyện. Mẹ đặt cái thúng có đậy bỉ buồm xuống, lấy ra hai cái bánh đa và mấy tấm mía:

- Hai đứa ăn quà đi! Hôm nay Tỉnh ở đây ăn cơm với mẹ con nhà bác, lâu lắm rồi anh em chúng mày mới gặp nhau.

Con Tỉnh mặt chợt ửng đỏ, cảm động vương chút e thẹn. Nó trở lại dáng vẻ nhanh nhẹn tháo vát ngày xưa. Tôi định trêu nó bảo ra trèo hái cho mẹ mấy trái cau nhưng không nỡ. Tôi biết trong lòng nó đang chết dần...

Hôm đó Tỉnh ở lại phụ bếp rồi ăn cơm với mẹ con tôi. Ăn xong, nó bưng mâm bát đi rửa, dáng vẻ mềm mại mau mắn như một cô con dâu hiền thục, tôi càng thấy xót xa. Tôi nhìn ra bóng nắng đang lụi dần, lòng trĩu buồn, linh tính báo cho tôi biết, đây là bữa cơm cuối cùng, vĩnh viễn không bao giờ còn gặp lại nó nữa.

***

Ba năm sau, khi đã là trưởng phòng địa chất của một viện nghiên cứu thuỷ điện danh tiếng, chức viện trưởng không phải là xa vời với một tiến sỹ khoa học đầy triển vọng như tôi. Tôi cưới vợ, vợ tôi xinh đẹp, chiều chồng vô kể. Cuộc sống gia đình sung túc, mãn nguyện, tôi hoàn toàn quên mẹ con Tỉnh. Cho đến mãi một hôm , tình cờ gặp cậu sinh viên người cùng quê đang làm luận án tốt nhiệp thực tế tại viện, hỏi chuyện, tôi mới hay là con Tỉnh đã chết. Nghe nói, nó đi làm trên đồi cao, nắng quá, hoa mắt ngã nhào vào một tảng đá to, xuất huyết não, người ta khiêng nó đặt bên bờ suối có bóng râm, nửa ngày sau, nó tắt thở. Trước khi chết, nó còn trăng trối bảo thả xác nó xuống con sông nào chảy vào Việt Nam để nó được về với cha mẹ và em nó.

Đêm hôm đó, nằm bên vợ trẻ, chăn gối thơm tho, điều hoà mát rượi mà hai mắt tôi cứ mở trân trân . Tôi nhìn thấy rõ ràng con Tỉnh chết nằm bên bờ suối, máu me đầm đìa, máu cứ loang dần, loang dần nhuộm đỏ cả dòng suối . Rồi đôi mắt mở to của con Thu, con nó nhìn tôi như trách móc, oán giận. Xét cho cùng ra, tôi cũng chỉ là một thằng đàn ông hèn nhát, chỉ biết lo cái phận mình. Giá hồi đó, tôi ra gặp chính quyền, dũng cảm đấu tranh, vạch rõ cái cơ chế quan liêu và những nguyên tắc vô lý tàn nhẫn kia, biết đâu con Tỉnh đã được ở lại Việt Nam, làm gì nó phải chết thảm nơi đất khách quê người? Trong nỗi đau của bao nhiêu nỗi đau còn tồn tại, có cả phần trách nhiệm của tôi.

6/ 2011

TRỊNH TUYÊN

91 - nguyệt san việt văn mới số 14 – ngày 15 tháng 8 năm 2014 .

DU LỊCH SINH THÁI MŨI NÉ – PHAN THIẾT ,

MỘT CHUYẾN ĐI KHÁM PHÁ VĂN - SỬ – ĐỊA

CỦA MIỀN CỰC NAM TRUNG BỘ VIỆT NAM

VƯƠNG LIÊM

Từ thành phố Hồ Chí Minh tới thành phố Phan Thiết tỉnh Bình Thuận dài gần 200 km bằng đường bộ chỉ với thời gian 4 giờ đồng hồ. Ngày nay, đường xe ô tô theo quốc lộ 1A Nam – Trung – Bắc một phần đã được cao tốc hóa nên du khách cảm thấy nhẹ nhàng thoải mái và có nhiều phấn chấn, thú vị cho mọi lứa tuổi.

Du khách và các đoàn du lịch ngày nay, cả trong lẫn nước ngoài, khi có chuyến đi tham quan Phan Thiết đều gắn liền với khu du lịch sinh thái Mũi Né đã và đang phát triển ngày một khởi sắc ngang tầm với các khu du lịch nước ngoài nổi tiếng. Người dân nói chung của miền Nam và miền Bắc, kể cả một số tỉnh Tây nguyên khi tổ chức tham quan du lịch dài ngày đều hướng tới Mũi Né – Phan Thiết. Các điểm du lịch biển nổi tiếng ở ba miền Việt Nam như Đồ Sơn, Sầm Sơn, Nha Trang, Vũng Tàu, Long Hải, Hồ Cốc, Hà Tiên từng nổi tiếng và thu hút nhiều khách du lịch thì ngày nay lần hồi đã nhường chỗ cho Mũi Né – Phan Thiết.

Vị trí, địa điểm của Mũi Né – Phan Thiết tọa lạc ở một góc của bờ biển thuộc cực Nam miền Trung ngày càng được khám phá và khai thác về mặt du lịch sinh thái và kinh tế biển đã làm cho nó trở nên vượt trội một cách độc đáo và hấp dẫn. Xã hội càng văn minh, tiến bộ của Việt Nam và thế giới đều làm cho hoạt động "tắm biển" một buổi, một ngày nhanh chóng trở thành hoạt động 'nghỉ dưỡng" vài ngày và nhiều ngày. Một "resort" – khu nghỉ dưỡng khép kín gồm có ăn uống, nghỉ dưỡng, tắm biển và vui chơi, giải trí đã trở thành một điểm sinh hoạt văn hóa thời thượng ngày càng tô đậm thêm cho ngành công nghiệp du lịch không khói phát triển vượt trội. Do đó, trong nền kinh tế - xã hội – văn hóa của một nước ngành kinh doanh du lịch trở thành ngành mũi nhọn hàng đầu cho công cuộc phát triển của một quốc gia.

Ngành du lịch của Việt Nam đi sau nhiều nước nhiều năm nay đang trên đà chạy nước rút để giành khách du lịch cả trong nước lẫn nước ngoài. Mũi Né của Phan Thiết nhanh chóng trở thành điểm du lịch tham quan mũi nhọn của cả nước. Hàng trăm *resort* bề thế, hoành tráng, lộng lẫy và đầy đủ tiện nghi hạng sang (từ 3-5 sao) đua nhau mọc lên đến chóng mặt trên một vùng đất mũi biển nhỏ hẹp của thành phố Phan Thiết được mệnh danh là "Thủ đô của resort".

Nguồn gốc và tên gọi "Phan Thiết"

Có nhiều giả thiết về tên gọi của "Phan Thiết" và phần lớn đều chấp nhận rằng : "Phan Thiết" không phải là một cái tên thuần Việt Nam :

- Khi chưa có người Việt định cư, người Chăm gọi vùng đất này là *"Hamu Lithít"* - "Hamu" là

xóm ruộng ở đồng bằng, "Lithít" là ở gần biển. Khi bắt đầu có người Việt định cư, vẫn chưa ai có ý định đặt ngay cho vùng đất này một tên gọi mới bằng tiếng Việt. Lâu dần, âm cuối "Lithit" lại được gắn liền với âm "Phan" tách từ phiên âm của tên hai vùng Phan Rang, Phan Rí mà thành ra Phan Tiết (tên gọi ngày xưa) và sau này người ta gọi chuẩn với cái tên là Phan Thiết.

Người Việt đã phiên âm lại cách gọi tên của người Chăm trước đó về các địa danh : Mang-lang (Phan Rang), Mang-lý (Phan Rí), Mang-thít (Phan Thiết). Ba địa danh này được gọi chung là *"Tam Phan"*.

-*Po Thit* (là tên hoàng tử em của công chúa Po Sah Inư, con của vua Chăm Par Ra Chanh, tức Trà Chanh) đóng đồn trấn ngữ vùng đất này còn thuộc vương quốc Champa vào thế kỷ XIV được người Việt đọc trại ra mà thành Phan Thiết.

Ngày nay, yếu tố "Phan" còn xuất hiện nhiều trong các địa danh ở tỉnh Bình Thuận như: Sông Phan, Phan Rí cửa, Phan Rí thành, Phan Lâm, Phan Sơn...

Lịch sử hình thành "Bình Thuận" – "Phan Thiết"

Đất Bình Thuận nguyên thuộc vùng đất phía Nam quận Nhật Nam ngày xưa, sau là đất của Chiêm Thành. Vì chiến tranh liên miên nên Chiêm Thành mất dần đất đai.

Từ sau Nguyễn Hoàng được vua Lê cho vào trấn vùng đất phương Nam từ Quảng Bình tới Thừa Thưa - Huế do tranh quyền với Trịnh Kiểm. Sự nghiệp nhà Nguyễn tiếp nối nhau 9 đời đã giành quyền cai quản dãy đất phương Nam hình thành nên Đàng Trong đối trọng với Đàng Ngoài. Với chiến lược "tầm ăn lá" năm 1653, chúa Nguyễn Phúc Tần đánh chiếm đất Phan Lang (sau gọi là Phan Rang), và chỉ để lại mảnh đất phía Tây cho Chiêm Thành. Năm 1692, chúa Nguyễn Phúc Chu lấy luôn mảnh đất còn lại đặt tên là Thuận Phủ và năm 1694 đặt là Thuận Thành trấn, rồi thêm trấn Biên và Gia định thành.

Vùng đất này ngày xưa thuộc vương quốc Champa, sau này sáp nhập vào Đại Việt thời các chúa Nguyễn. Nền hành chính được xác lập cùng thời gian hình thành tỉnh Bình Thuận ngày nay, nhưng khi ấy nó chưa được xác định địa giới và cấp hành chính gì. Phan Thiết là tỉnh lỵ của tỉnh Bình Thuận.

Năm 1697, Bình Thuận lần lượt được đổi từ một trấn lên thành phủ, rồi lên thành dinh, thì Phan Thiết chính thức được công nhận là một đạo (cùng một lượt với các đạo Phan Rang, Phố Hài, Ma Ly vùng Tam Tân). Tuy nhiên, đạo Phan Thiết lập ra nhưng chẳng có văn bản nào chỉ rõ phạm vi lãnh thổ.

Từ năm 1773 đến năm 1801, nơi đây thường diễn ra các cuộc giao tranh ác liệt giữa các lực lượng quân nhà Nguyễn và quân nhà Tây Sơn. Vùng này là vùng trái độn của phía Tây Sơn chiếm giữ các tỉnh miền Trung và phía chúa Nguyễn bị quân Tây Sơn đuổi đánh chạy vào phiá Nam thuộc Đồng Nai, Gia Định.

Năm 1825, thời vua Minh Mạng, khi Bình Thuận chính thức trở thành tỉnh, đạo Phan Thiết bị cắt một phần đất nhập vào một huyện thuộc Hàm Thuận. Tới năm 1854, thời Tự Đức, huyện này được đặt tên là huyện Tuy Lý.

Năm 1835, Tuần vũ Dương Văn Phong thỉnh cầu vua Minh Mạng chuyển tỉnh lỵ của Bình Thuận ở gần Phan Rí (huyện Hoà Đa) lập từ thời Gia Long về đóng ở vùng Phú Tài - Đại Nẫm, huyện Hàm Thuận nhưng vua chưa đồng ý.

Năm 1836 (năm Minh Mạng thứ 17), Thị Lang Bộ Hộ là Đào Tri Phủ được cử làm việc đo đạc, lập địa bạ trong số trên 307 xã, thôn thuộc hai phủ, bốn huyện và mười lăm tổng của tỉnh Bình Thuận để chuẩn định và tiến hành thu thuế. Đo đạc xong ước định vùng Phan Thiết (thuộc tổng Đức Thắng) có chín địa danh trực thuộc. Bên hữu ngạn sông (sông Cà Ty ngày nay) là các xã Đức Thắng, Nhuận Đức, Lạc Đạo và các thôn Thành Đức, Tú Long. Bên tả ngạn là xã Trinh Tường và các thôn Long Khê, Long Bình, Minh Long.

Gần cuối thế kỷ 19, Phan Thiết vẫn chưa được công nhận chính thức là một đơn vị hành chính (cấp dưới) trực thuộc tỉnh Bình Thuận.

Năm 1898 (năm Thành Thái thứ mười), tỉnh lỵ Bình Thuận được dời về đặt tại làng Phú Hài ở ngoại vi Phan Thiết. Ngày 20 tháng 10 cùng năm, vua Thành Thái ra đạo dụ xác lập thị xã (centre urban) Phan Thiết, tỉnh lỵ của Bình Thuận (cùng ngày thành lập các thị xã Huế, Hội An, Quy Nhơn, Thanh Hoá, Vinh).

Năm 1905, thị xã Phan Thiết cũng vẫn chưa xác định rõ ranh giới. Tòa sứ Bình Thuận (bộ máy thống trị của Pháp) do một công sứ (résident) đứng đầu đặt thường trực tại Phan Thiết.

Ngày 4 tháng 11 năm 1910, viên toàn quyền Đông Dương A.Klobukowski ra quyết định về Phan Thiết. Lúc này Phan Thiết chính thức bao gồm 16 làng xã. Bên hữu ngạn sông: Đức Thắng, Thành Đức, Nhuận Đức, Nam Nghĩa, Lạc Đạo, Tú Long; bên tả ngạn sông: Long Khê, Phú Trinh, Trinh Tường, Đảng Bình, Quảng Bình, Thiện Mỹ, Thiện Chánh, Xuân Hoà, An Hải, Sơn Thuỷ (năm làng sau trước đây là thuộc khu vực Phố Hài). Có thêm địa danh mới như Nam Nghĩa, Quảng Bình (dân Quảng Nam, Quảng Nghĩa, Quảng Bình di cư vào Phan Thiết).

Ngày 6 tháng 1 năm 1918, Khâm Sứ Trung Kỳ Charles quyết định Phú Hài (tên gọi mới của Phố Hài) tách ra khỏi Phan Thiết để nhập về lại tổng Lại An của huyện Hàm Thuận. Pháp bắt đầu thiết lập bộ máy chính quyền ở Phan Thiết. Thị xã Phan Thiết liên tục làm tỉnh lỵ của tỉnh Bình Thuận từ đó.

Sau năm 1975, khi thống nhất đất nước, thị xã Phan Thiết được chọn làm tỉnh lỵ của tỉnh Thuận Hải, gồm 9 phường: Bình Hưng, Đức Long, Đức Nghĩa, Đức Thắng, Hưng Long, Lạc Long, Phú Thủy, Phú Trinh, Thanh Hải.

Ngày 30 tháng 12 năm 1982, sau khi chia huyện Hàm Thuận thành 2 huyện Hàm Thuận Bắc và Hàm Thuận Nam, chuyển xã Hàm Tiến và thị trấn Mũi Né (nay trở thành phường Mũi Né) thuộc huyện Hàm Thuận cũ về thị xã Phan Thiết quản lý. Sau khi chia tách tỉnh Thuận Hải đầu năm

1992, thị xã Phan Thiết trở lại là tỉnh lỵ tỉnh Bình Thuận ngày nay.

Cuối cùng, ngày 24 tháng 6 năm 2009, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 890/QĐ-TTg công nhận thành phố Phan Thiết là đô thị loại 2 trực thuộc tỉnh Bình Thuận. Tuy là một thành phố trẻ nhưng theo các nhà nghiên cứu thì "phố cổ" Phan Thiết hình thành trước Nha Trang và Phan Rang.

Mũi Né - một mũi biển có nghĩa "tránh bão"

Đó là một voi đất hay mũi đất có nhiều đụng cát, gò cát nổi cao so với mặt biển vô tình hình thành nên một bức tường thành chắn gió rất tốt có tác dụng che chở cho thuyền bè qua lại vùng này tránh những trận bão lớn, nhất là giữa mùa gió chướng (mùa chuyển hướng gió từ Nam – gió nồm ra Bắc – gió bấc hay ngược lại), trong đó có thuyền tàu đánh bắt cá của dân địa phương. Do đó, nơi đây hình thành làng chài rất sớm. Dân chài (ngư dân) nhờ vào Mũi Né để tránh bão bằng cách tránh né bên này hay bên kia tùy theo cơn gió thổi theo hướng này hay hướng kia.

Khí hậu vùng Phan Rang – Ninh Thuận khô hạn nhiều tháng và ít mưa là do chịu ảnh hưởng một phần của Mũi Né thiên nhiên này. Gió Tây Nam thổi ngược ra Đông Bắc đưa theo mưa to gió lớn vào mùa mưa nhưng đã bị bức tường thành cát đất, cây cối (phần lớn là rừng dừa cao ngọn) của Mũi Nè ngăn lại trong khi mùa nắng lại bị ảnh hưởng của gió Lào.

Mũi Né ngay nay trở thành trung tâm du lịch nổi tiếng ở Phan Thiết được đưa vào danh sách các khu du lịch quốc gia Việt Nam. Ngày nay, Mũi Né là một phường – Phú Hài của thành phố Phan Thiết với tổng diện tích là 35,41 km², dân số năm 1999 là 24.275 người, mật độ dân số 686 người/km² và đang hình thành đề án nâng cấp thành thị xã của tỉnh Bình Thuận. .

Từ một dải bờ biển hoang vu với các đồi cát đỏ như sa mạc nằm rất xa đường giao thông, chỉ có lác đác vài xóm chài nghèo, ngày nay Mũi Né đã mọc lên hàng trăm khu resort có "sao" ngang tầm với nhiều resort của các nước.

Cách trung tâm thành phố Phan Thiết 22 km về hướng Đông Bắc, Mũi Né được nối liền với thành phố biển này bởi con đường Nguyễn Đình Chiểu (đường 706) - được coi là tuyến trọng yếu cho ngành du lịch của Bình Thuận và đường 706B mới xây dựng.

Khi đến Mũi Né, du khách sẽ có thể được tham quan làng chài Mũi Né, có cơ hội chứng kiến được hoạt động của một làng chài xứ biển thuần chất Việt Nam. Hàng trăm thuyền tàu đành bắt cá neo đậu hàng dài ở bên nay và bên kia mũi đất và trên các con sông chảy ra hai bên Mũi Né. Đặc hải sản Phan Thiết nổi tiếng như Nha Trang, Phú Quốc, trong đó Nước Mắm mang hẳn tên địa danh này (Nước mắm Phan Thiết) là loại hàng độc của Việt Nam.

Lầu ông Hoàng với cố thi sĩ Hàn Mặc Tử - Mộng Cầm

Trên một ngọn đồi thấp nằm phía đông bãi biển Mũi Né gần trung tâm thành phố Phan Thiết đã làm nổi tiếng và trở thành địa danh trữ tình gắn bó với hai nhân vật "Ông Hoàng" và "Hàn Mặc Tử" bên cạnh một khu di tích đền tháp của dân tộc Chăm .

Ca khúc **"Hàn Mặc Tử"** là một câu chuyện tình rất đẹp, rất bi thương của một nữ sĩ Mộng Cầm

với thi nhân Hàn Mặc Tử. Lẩn khuất trong từng giai điệu, từng lời ca của nhạc sĩ Trần Thiện Thanh cùng quê hương Phan Thiết tới nay vẫn còn làm xao xuyến lòng người nghe.

" *Đường lên dốc đá, nửa đêm trăng tà nhớ câu chuyện xưa, Lầu ông Hoàng đó, thuở nào chân Hàn Mặc Tử đã qua. Ánh trăng treo nghiêng nghiêng, bờ cát dài thêm hoang vắng. Tiếng chim kêu đau thương, như nức nở dưới trời sương. Lá rơi rơi đâu đây, sao cứ ngỡ bước chân người, tìm về giữa đêm buồn."...*

"Lầu Ông Hoàng" là một khu di tích văn hóa lịch sử hay văn học nghệ thuật, một địa điểm tham quan không thể thiếu với khách du lịch đến Mụi Né – Phan Thiết ngày nay, gắn liền với cụm tháp Chăm, mối tình Hàn Mặc Tử -Mộng Cầm và tượng đài Chiến thắng của thời chống Pháp. Đây là một trong 5 ngọn đồi đẹp nhất ở Bà Nài thuộc phường Phú Hài (Mũi Né), thành phố biển Phan Thiết, địa danh Lầu ông Hoàng bao gồm một quần thể đồi núi, sông biển, chùa tháp tạo thành khu danh lam thắng cảnh nổi bật lên với ngọn núi đất sỏi cao cao nằm sát biển.

Ngày xưa, Lầu Ông Hoàng là một biệt thự đứng trên đồi cao, do ông hoàng người Pháp tên là Ferdinand dOrléans, là Công tước De Montpensier, cháu nội vua Louis-Philippe 1 của Pháp khởi công xây dựng vào ngày 21/2/1911 . Tổng kinh phí đầu tư khoảng 82.000 đồng tiền Đông Dương lúc bây giờ. Khi xây xong, biệt thự được xem là công trình hiện đại nhất của Bình Thuận lúc bấy giờ. Tên gọi Lầu Ông Hoàng xuất phát từ cách gọi của người dân trước sự sang trọng của người Pháp cư ngụ ở đây.

Chuyện kể lại, khoảng cuối năm 1910 đầu năm 1911, Công tước De Montpensier qua Việt Nam đi du lịch và săn bắn. Nhận thấy phong cảnh tại những ngọn đồi xung quanh khu vực Phan Thiết rất hữu tình, nằm trên cao lộng gió, lại nhìn ra biển xanh, đồi cát, đã khiến ông nảy ra ý định mua mảnh đất đồi Bà Nài, có khuôn viên rộng 5,74 ha, diện tích xây dựng biệt thự là 536 m2.

Khu biệt thự này nằm cách Tháp Chàm Pôshanư (Pô sah Ina) khoảng 100m về hướng Nam, sử dụng làm nơi nghỉ ngơi, vui thú săn bắn, tắm biển của Công tước De Montpensier trong các kỳ săn bắn và du lịch sau này.

Ngày nay, từ đường cái quan mang tên Nguyễn Đình Chiểu ra khu resort Mũi Né đội vài km (đường ra voi Đá Ông Địa, rừng dừa Rạng và Mũi Né ngay nay), rẽ phải dẫn vào phế tích biệt thự ông Hoàng là một con đường được rãi đá uốn quanh theo sườn đồi, ngang qua cụm di tích Tháp Chàm Pôshanư.. .

Lầu Ông Hoàng có một vị trí đẹp, cao 105m so với mặt nước biển, nằm ở trung tâm Phan Thiết, rất thuận tiện cho việc đi lại, nghỉ ngơi. Vài chục năm sau, khoảng 1936, thi sĩ Hàn Mặc Tử từ Sài Gòn ra Phan Thiết, với khoảng 2 năm hẹn hò với người tình Mộng Cầm nên từ đó, địa danh này đã để lại nhiều kỷ niệm khiến cho Lầu Ông Hoàng càng có ý nghĩa, thi vị hơn qua câu chuyện tình với giai nhân Mộng Cầm.

Trong kháng chiến chống Pháp và Mỹ, biệt thự này đã bị tiêu hủy, ngày nay chỉ còn lại nền móng hầm ngầm chứa nước và những ký ức trong người dân Phan Thiết. Tháng 10/1946, Pháp trở lại tái chiếm đất nước ta lần thứ hai, Lầu Ông Hoàng được quân đôi Pháp xây dựng thành một hệ thống đồn bót với nhiều lô cốt, bê tông cốt thép chắc chắn để khống chế khu vực thị xã Phan Thiết.

Rạng sáng ngày 14/6/1947, nơi đây đã diễn ra trận đánh ác liệt của một tiểu đội thuộc đơn vị Hoàng Hoa Thám do Nguyễn Minh Châu (Tướng Năm Ngà) chỉ huy. Quân ta đã tiêu diệt nhiều tên địch và nay có tượng đài chiến thắng mang địa danh Lầu Ông Hoàng.

Ngày nay, Lầu Ông Hoàng đã trở thành phế tích, phần lớn công trình đã bị mất dấu vết, chỉ còn nền móng và một tháp canh của giặc Pháp (xây dựng trên nền lầu cũ và bên cạnh còn nhiều hầm bê tông chứa nước đã hoang phế) mà chúng ta nhìn thấy trên đồi Bà Nài cao cao như một hộp dựng đứng, với nhiều lỗ châu mai còn in dấu chi chít vết đạn bom, hoàn toàn không phải "Lầu Ông Hoàng", chỉ là tháp canh của đồn Tây kiểu mô hình tháp Tua (De la Tour).

Nhóm đền tháp Chăm Pô Sah Inư

Nhóm đền tháp này gồm có ba cái được người Chăm xây dựng vào cuối thế kỷ VII đầu thế kỷ IX ở thôn Phố Hài (nay là phường Phú Hải) có tên Pô Sah I Nư (hay Ina) trên ngọn đồi cao gần 50 mét, cũng là vùng cực Nam của vương quốc Champa xưa.

Theo truyền thuyết của dân tộc Chăm, công chúa Pô Sah Ina và em ruột là Pô Đam (Pô Tầm), người Việt gọi là Trà Duyệt là con vua Chăm Parachanh, sử Việt gọi là La Khải, vị tướng kế thừa của Chế Bồng Nga. Khi bà mất, người Chăm thờ bà ở đây. Do đó tháp chính có tên Pô Sah Ina. Nhưng hiện nay bên trong chỉ thờ bộ Linga – Yoni cao 25 cm. Linga hình trụ tròn đường kính 23 cm liền vớ Yoni cạnh dài 74 cm x 72, 5 cm

Các nhà nghiên cứu kiến trúc đã định niên đại cuối thế kỷ thứ IIIV cho khu tháp Phú Hài. Hiện nay còn lại ba ngôi tháp đều có cửa nhìn ra hướng biển (Đông) chia làm hai khu : Khu thứ nhất trên đỉnh đồi gồm tháp chính có kích thước lớn nhất cao 12 mét và một tháp nhỏ hơn cao 6 mét ở bên cạnh phía tay phải đã đổ nát phần trên. Khu thứ hai chỉ có một tháp ở vị trí thấp hơn nằm lưng chừng đồi được trông thấy trước khi tới đây. Cả ba tháp đều có nét thống nhất : tháp vuông nhiều tầng và bên trong hình vòm vuông cao tới đỉnh được thu nhỏ lại hình chóp nhọn, không có trang trí ốp chân cột, không có phù điêu, điêu khắc. Hình dạng tháp này hình như có gắn liền với đền tháp Angkor của Khmer. Tuy có niên đại tương đương với Angkor nhưng lại khác hẳn ở chỗ đền tháp Champa làm bằng loại gạch là đất nung, còn đền Angkor làm toàn bằng đá và vĩ đại hơn.

Nhóm tháp trên đồi Lầu Ông Hoàng đã được xếp hạng di tích cấp quốc gia nhưng toàn bộ tường chân tháp, bậc thềm đi vào tháp, sân bãi đều bị xâm thực mạnh không được bảo dưỡng mà chỉ làm lại hệ thống tường bao ngạn khu vực quanh ba tháp. Dưới chân đồi, nơi cổng vào khu vực tháp có nhà trưng bày, quản lý bán vé thu tiền tham quan nhưng lượng người tham quan rất ít và không có người hướng dẫn, giới thiệu.

Hầu như ở ba tháp này chỉ có một cụ già 70 tuổi là người dân tộc Chăm được Sở Văn Hóa Thể thao – Du lịch cử ra trông coi việc thờ cúng bên trong. Cụ Khê Văn Ngọc chỉ mới ngần ấy tuổi nhưng trông hom hen gầy ốm như cụ già trên 90 tuổi có tới 9 người con 4 trai 5 gái, được hưởng phụ cấp hàng tháng 2 triệu đồng. Cụ cho biết tháp chính (A) thờ thần Si va. Chúng tôi gặp cụ ở đây sau khi thắp nhang và quỳ lạy trước bàn thờ thần chỉ là một hộp kính trong có tượng thần Siva là một khối đá hình ngẫu tượng Linga đặt trên bệ Yoni với vài xấp vải dệt thổ cẩm (Ở nhà trưng bày nơi cổng có một phụ nữ người Chăm ngồi dệt thổ cẩm). Trước hộp kính có bình hoa nhỏ, dĩa chuối xiêm và bát nhang. Việc thờ cúng rất đơn sơ, chỉ lấy lệ. Tháp B (bên cạnh) cụ Ngọc cho biết là để thờ thần Lửa và tháp C (nhỏ nhất ở phía dưới đường lên) chỉ là nơi để chuẩn bị lễ vật cúng thần khi xưa, nay bỏ hoang.

Theo truyền thuyết, thần Lửa có tên Agni là vị thần được tôn sùng khá quan trọng của Ấn Độ giáo. Theo đó, thần Lửa có nhiệm vụ ăn hết các loại vật phẩm được dâng cúng rồi biến chúng thành khói để dâng lên cho các thần thưởng thức, trong đó có thần Siva, Vishnu, Brahman. Hình thức cúng lễ này hiện còn áp dụng ở các đền thờ thuộc quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó có đền Bà Mariamman ở số 45 Trương Định phường Bến Thành.

Theo các nhà nghiên cứu về hệ thống đền tháp của dân tộc Chăm, nhóm tháp Pô Sah Ina thuộc phong cách kiến trúc nghệ thuật Hòa Lai, là phong cách kiến trúc sớm trong lịch sử nghệ thuật của vương quốc Champa. Đây là di tích tương đối nguyên vẹn còn lại trong hơn 100 năm sau của hệ thống đền tháp của dân tộc Chăm.

Đôi điều về tháp Chăm

Tháp Chăm, hay còn gọi là **tháp Chàm**, là một dạng công trình thuộc thể loại kiến trúc đền tháp Champa, thuộc kiến trúc tôn giáo tín ngưỡng của dân tộc Chàm (còn gọi là dân tộc Chăm, sinh sống ở miền Nam Trung Bộ Việt Nam ngày nay. Có thể thấy vị trí phân bố các đền tháp là những nơi từng là nơi ở của người Champa, xa hơn nữa còn có những ngôi tháp có thể coi là tháp Champa trên đất nước Camphuchia như tháp Damray Krap. Ngược lại, những yếu tố Java hay Khmer cũng được thấy trên các tháp Champa như ở Khương Mỹ, Hưng Thanh, Dương Long, hay có cả những ngôi tháp còn được người Champa gọi là "tháp Khmer" như tháp Champa Hoà Lai. Các tháp Chăm là một khối kiến trúc xây dựng bằng gạch nung màu đỏ sẫm lấy từ đất địa phương, phía trên mở rộng và thon vút hình bông hoa. Mặt bằng tháp đa số là hình vuông có không gian bên trong chật hẹp thường có cửa duy nhất mở về hướng Đông (hướng Mặt Trời mọc). Trần được cấu tạo vòm cuốn, trong lòng tháp đặt một bệ thờ thần bằng đá. Nghệ thuật chạm khắc, đẽo gọt công phu hình hoa lá, chim muông, vũ nữ, thần thánh thể hiện trên mặt tường ngoài của tháp. Các viên gạch liên kết với nhau rất rắn chắc, bền vững tới hàng chục thế kỷ.

Ngày 1 tháng 10 năm 2006, Trung tâm Quản lý di tích-di sản tỉnh Quảng Nam chính thức công bố thông tin: các nhà khoa học của Đại học Milan, Ý khi đang làm việc trùng tu nhóm tháp G-thuộc Thánh địa Mỹ Sơn đã nhận biết được loại vật liệu kết dính để xây tháp Champa cách đây vài trăm năm. Đó là loại keo được tinh chế từ một loài thực vật vốn có rất nhiều trong khu vực quanh di sản Mỹ Sơn, mà người dân địa phương thường gọi là cây dầu rái. Ngoài ra, họ cũng đã phát hiện ra một loại hợp chất có nguồn gốc từ thực vật bản địa nói trên có trong gạch sử dụng để xây tháp. Như vậy, những điều bí ẩn xung quanh vật liệu được người Chăm sử dụng để xây dựng các công trình tôn giáo ở Việt Nam sau hơn 100 năm đã được giải mã. Trước đó, một người thợ thủ công tên là Lê Văn Chỉnh (thuộc tỉnh Quảng Nam) cũng đã bỏ nhiều thời gian để nghiên cứu phương pháp xây dựng tháp Chăm đã phát hiện được hợp chất dầu rái trong gạch để xây tháp và chất kết dính, nhưng chưa được ai quan tâm thừa nhận.

Tháp Chàm Pôshanư tọa lạc tại phường Phú Hải, Thành phố Phan Thiết

Lịch sử xây dựng các đền tháp Champa kéo dài từ cuối thế kỷ thứ 7 đến đầu thế kỷ 17. Trong khoảng thời gian này, những người Champa xưa đã để lại một số lượng lớn các công trình kiến trúc đền tháp, thành luỹ, các tác phẩm điêu khắc. Hiện tại có trên hai mươi cụm di tích kiến trúc đền tháp và rất nhiều phế tích kiến trúc. Các di tích này có giá trị đặc sắc, mang tính toàn cầu, xứng đáng nhận được sự quan tâm của cộng đồng quốc tế. Một trong những sự quan tâm ấy là việc tổ chức UNESCO đã công nhận Mỹ Sơn là di sản văn hoá thế giới cũng chính là việc đánh giá cao thành quả nghiên cứu về kiến trúc Champa nói chung.

Theo tiếng Chăm, các đến tháp Champa này được gọi là *kalan* , nghĩa là "lăng". Các lăng này được các đời vua Chăm xây dựng để thờ cúng các vị thần. Các vị thần được thờ phượng có thể là các vị thần Ấn Độ giáo tiêu biểu như Siva (thần hủy diệt), Ganesha (phúc thần đầu người mình voi)... hoặc đấy còn có thể là các vị Phật. Điều này tùy thuộc vào lòng tin và kính mộ của mỗi vì vua ở các triều đại khác nhau. Ở thánh địa Mỹ Sơn hiện nay phần lớn là công trình kiến trúc tôn giáo thờ các vị thần thuộc Ấn Độ giáo và Bà la môn giáo. Nhưng ở thánh địa Đồng Dương (thuộc địa phận huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam) đây là kinh đô Phật giáo lớn nhất của Champa.

Vài nét về Trường Dục Thanh

Đây là ngôi trường cổ tọa lạc ở đường Trần Phú thuộc trung tâm thành phố Phan Thiết được xếp hạng Dich tích cấp quốc gia ghi dấu nơi dạy học của thanh niên Nguyễn Tất Thành tức Chủ tịch Hồ Chí Minh vào năm 1910-1911 sau khi Người từ Bình Định vào Phan Thiết và lưu lại đây ít tháng để dạy học. Cơ sở này trước là nơi cư ngụ của cụ Nguyễn Thông trong thời gian trấn nhậm Bình Thuận được các con cải tạo thành trường học theo mô hình trường Đông Kinh nghĩa thục ở Hà Nội của phong trào Đông Du do cụ Phan Chu Trinh gợi ý. Vào thời kỳ đó, thanh niên Nguyễn Tất Thành trên đường từ Bình Định (đã từ Huế theo cha vào làm quan ở Bình Định) tìm đường vào Sài Gòn đã dừng lại đây và được mời dậy học mấy tháng, chủ yếu dạy môn Thể dục, Hán văn, Pháp văn và Lịch sử (vì ông đã tốt nghiệp bậc Tiểu học trường Pháp – Việt) được đánh giá là một nhà giáo trẻ tiến bộ có tâm huyết đã gây được lòng yêu nước và phong cách đạo đức cho học sinh.

Nhiều năm qua, trường Dục Thanh được tu bổ bảo dưỡng thành một di tích rất khang trang làm nơi giáo dục truyền thống cho thanh thiếu niên và nơi về nguồn của khách tham quan trong, ngoài nước các nơi đổ về khá đông đảo.

Vài lời kết luận

Như vậy, so với nhiều điểm tham quan du lịch nổi tiếng trong cả nước và nước ngoài, Mũi Né – Phan Thiết có một vị trí, vai trò nổi trội do có nhiều điểm di tích lịch sử, văn hóa, giáo dục, kinh tế ngoài vai trò du lịch sinh thái biển rất hấp dẫn và thú vị.

Thực ra, Mũi Né – Phan Thiết chỉ được mọi người quan tâm tham quan và khai thác từ sự kiện quốc tế là "Hiện tượng Nhật thực" nhiều năm trươc đây. Khi ấy, khách quốc tế kể cả đông đảo nhà báo, nhà nghiên cứu thiên văn học của ca thế giới đều đổ xô tới đây để chiêm ngưỡng hiện tượng hiếm hoi này. Và từ đó, nó được các nhà đầu tư ngành du lịch trong nước và thế giới quan tâm và tới khai thác kinh doanh ngành công nghiệp không khói ngày càng nhiều ngày càng tạo được sự hấp dẫn của những người ưa chuộng tham quan du lịch trong và nước ngoài mặc dù bãi biển dài nhưng không đẹp lắm so với Nha Trang, Vũng Tàu, Long Hải, Bình Châu ..Do Mũi Né có chiều dài, rộng thích hợp cho xây dựng resort nên đã trở thành nổi bật trong làng du lịch.

Nhưng nếu chỉ đến đây để nghĩ dưỡng mà thiếu sự thăm viếng các di tích nói trên trong đó có nhóm tháp Chăm là điều thiếu sót. Do đó, chính quyền địa phương cần có chính sách đầu tư tương xứng cho nhóm tháp Pô Sah Ina để bảo tồn thêm nhiều năm và tạo được sự hấp dẫn cho khách tham quan du lịch.

VƯƠNG LIÊM

99 - nguyệt san việt văn mới số 14 – ngày 15 tháng 8 năm 2014 .

TỪ NHỮNG GÁNH HÀNG RONG ...

ĐẾN QUÁN XÁ, NHÀ HÀNG HÀ NỘI

VŨ THẾ LONG

Bác Nguyễn Nhã rủ tôi cùng tìm hiểu về những hiện thực ẩm thực của Hà Nội xưa nay với chủ đề "Từ những gánh hàng rong- quán xá và tiệm ăn". Tôi ít hơn bác Nhã gần cả chục tuổi. Tôi sống ở Hà Nội theo dòng chuỗi liên tục. Bác Nhã cũng có thời sống ở Hà Nội nhưng rồi với những biến đổi thời cuộc mà xa Hà Nội, đôi khi có dịp mới trở về. Mỗi chúng tôi đều cảm nhận chuyện hàng rong, hàng quán và hiệu ăn một cách khác nhau. Cảm nhận bằng thực tế trải nghiệm, bằng những gì người ta kể lại, viết lại, bằng cái giác quan riêng của mỗi người. Tựu trung lại, chúng tôi đều muốn góp một phần nhận xét của mình để dựng lại cái lịch sử hàng rong, quán ăn và tiệm ăn. Từ cái gánh hàng rong đến cái quán lụp xụp cho đến cao lầu tửu điếm hay các tiệm ăn sang trọng của Hà nội xưa và nay.

Hiểu được các lối ăn, các cách phục vụ ăn uống xưa và nay trên đất Hà Nội này là cách tốt nhất để ta tìm lời giải cho tương lai: làm sao bảo tồn được các sắc thái văn hóa , cái tài sản vô giá mà người Hà Nội đã chắt chiu, gạn lọc, nâng cao để có được một bản sắc văn hóa vững vàng mà Hà Nội ta hôm nay có thể sánh vai với mọi cường quốc năm châu trong một sân chơi ẩm thực tòan cầu hòan toàn sáng tạo và bình đẳng.

Có thể hai chúng tôi đã có nhiều dịp được cùng ăn với bạn bè ba miền Nam Bắc, với bè bạn quốc tế năm châu bốn biển. Ăn trong nước và ăn cùng thiên hạ. Khi cùng ăn, cùng tìm hiểu văn hóa ăn uống của nhau, chúng tôi mới vỡ ra một điều rất lí thú: ăn uống chính là cái giá trị mà chúng ta đều có thể thể hiện một cách bình đẳng trên một sân chơi tòan cầu. Cùng những nguyên liệu như nhau nhưng người nghệ sỹ ẩm thực tài ba sẽ sáng tạo ra muôn vàn tác phẩm nghệ thuật ẩm thực khác nhau. Cái tác phẩm ấy sẽ được trình diễn trên sân khấu nào? ở ngòai đường phố, trên vỉa hè trong đêm đông giá rét hay trong tiết trời nóng nực oi bức, trong một cuộc tình cờ trên đường phố, trong một cái quán nhỏ liêu xiêu góc phố nghèo, trong cửa hàng Mậu dịch quốc doanh xếp hàng rồng rắn hay trong một nhà hàng danh tiếng có mỹ nhân mời gọi và ân cần tiếp đón... Mỗi một khỏanh khắc ẩm thực, mỗi một không gian ẩm thực đều có cái thi vị của nó và cái thi vị riêng mà đôi khi ta chỉ thóang nhận được trên đất Hà Thành mà thôi. Cảm thấy đấy nhưng nhận ra cái nét riêng ấy của ăn đường ăn chợ, ăn quán và ăn tiệm của người Hà Nội đâu có dễ.

Bạn và tôi cùng nhau đi chợ Đồng Xuân- Bắc Qua, Chợ Hàng Bè, chợ Hôm-Đức Viên Hà Nội , Chợ Bắc Hà Lào Cai, Chợ đêm Sapa, đi chợ Bến Thành ở Thành phố Hồ chí Minh, chợ Đông Ba ở Huế, chợ nổi Cần thơ, An Giang, Bến Tre.. Và mọi chợ khác trên cả lãnh thổ Việt nam dài, rộng,

cao sâu và mênh mông biển cả này, trong thời buổi kinh tế thị trường và thế giới tòan cầu, thế giới phẳng này, đâu đâu bạn cũng có thể chọn được các sản phẩm địa phương và các sản phẩm từ đâu mang tới . Các sản phẩm từ các vùng miền khác đã có mặt nơi đây từ nghìn năm , trăm năm hay chỉ mới mấy năm nay thôi. Cái sản phẩm, cái nguyên liệu ấy khác chi những nguyên liệu thuốc màu, họa phẩm của người họa sỹ. Anh có thể mua tất cả các họa phẩm nhưng vẽ một bức tranh, tạc một pho tượng thế nào là thuộc tài của anh. Chỉ mười ngón tay, chút mực tàu và tờ giấy dó, ông Trạng Việt đã có thể vẽ ra cả một đàn rồng. Chỉ một mớ rau muống với dăm bìa đậu phụ bà nội trợ cũng trổ tài được dăm món. Từ đậu phụ luộc đậu phụ nướng đậu phụ rán ròn, lướt ván cùng với rau muống luộc, rau muống nấu suông với nước mắm gừng, với tương cùng rau muống chẻ, rau muống xào, dăm loại nước chấm tùy theo khẩu vị của từng thực khách già trẻ lớn bé cùng một mâm cơm. Những thứ đó đều có thể xuất hiện hoặc trong gia đình, hoặc ở gánh cơm rong, quán ăn vỉa hè hay trong tiệm ăn sang trọng.

Cái quan trọng trong ẩm thực Việt chính là cái tinh túy trong cách lựa chọn, pha chế, giới thiệu và phổ cập các tác phẩm của người nghệ sỹ ẩm thực và tạo ra một sắc thái mà không nơi nào có được. Món ăn là cái cốt lõi tạo nên sắc thái của ẩm thực Việt. Tuy vậy, bàn về ẩm thực Việt, các bậc tiền bối cũng đã từng nêu ra nhiều nội dung rất quan trọng:

Ăn cái gì?

Chế biến thế nào?

Ăn ở đâu?

Ăn vào thời khăc nào?

Ăn với ai?....

Ở đây, chúng tôi không muốn sa đà vào nhiều khía cạnh vô cùng lí thú của ẩm thực Việt mà muốn thử tìm tòi về cái không gian ăn uống, cái không gian của kẻ bán người mua trong dòng ẩm thực dịch vụ của Thủ đô ta xưa và nay. Cái không gian ấy tạm chia ra làm ba lọai: Dịch vụ hàng rong, ăn qúan và ăn tiệm...

Anh Nhã Đặt đầu đề thảo luận " Từ hàng rong- quán xá đến tiệm ăn", anh cho rằng tiệm ăn và quán xá đều có khởi nguồn từ hàng rong . Tôi cho rằng nó không thực sự là logic của phát triển. Không phải bao giờ cũng bắt đầu từ gánh hàng rong, sau đó phát triển thành quán ăn và cao hơn nữa là tiệm ăn sang trọng. Dầu rằng có thể ở một vài trường hợp nào đó đã có sự diễn biến xuôi chiều như vậy. Từ một chị bán bún ốc gánh rong, từ một bà thúng bán xôi trở thành chủ tiệm sang trọng. Từ một công nhân, viên chức thất nghiệp nhận khỏan trợ cấp nhỏ nhoi về chiếm vỉa hè mở quán bỗng trở nên giàu có mà thành chủ tiệm chỉ vì món bún chả, riêu cua, lòng lợn tiết canh hay nem cua bể rán mà mẹ mình đã truyền dạy. Chỉ một ngõ nhỏ, bất đắc dĩ mở quán kiếm sống mà trở thành bà chủ, ông chủ...Đấy có thể là một thực tế nhưng không là một quy luật. Bởi vậy, trong cuộc trao đổi này về ẩm thực Hà Nội xưa nay, chúng tôi muốn tiếp cận một cách thực tế hơn. Hàng rong ẩm thực Hà Nội, quán ăn Hà nội và nhà hàng Hà Nội nó có những sắc thái gì? Nó hình thành và phát triển ra sao? Cái gì cần gìn giữ, cần nâng cao? Cái gì cần xóa bỏ...

Chuyện văn hóa không phải dễ ngày một ngày hai mà làm được, cũng không thể duy ý chí. Cứ cấm là xong. Đôi khi vì thiếu hiểu biết mà cái lệnh cấm ấy nó vô tình hủy diệt cả một gía trị. Cũng như vậy, đôi khi chỉ vì buông lỏng quản lí ẩm thực mà sinh ra bao đại dịch ẩm thực mà khó bề dập tắt.

Để bàn luận về chủ đề này, chúng tôi xin thử bàn về các lọai hình ẩm thực Hà Nội xưa nay qua ba lọai hình: bán rong, quán nhỏ và tiệm ăn.

Hàng rong

Từ gánh hàng rong...

Bán đồ ăn thức uống rong bây giờ là hiện thực phổ biến không chỉ ở đô thị mà còn cả thôn quê. Ngày nay, có dịp đi về thôn quê , kể cả những vùng sâu vùng xa, vùng núi bạn có thể thấy những tiếng rao lạ lùng phát ra từ những chiếc loa và băng ghi âm như bánh mỳ Sài Gòn hai ngàn một ổ, kem que Hà nội, bánh bao nóng...chuyện bán rong đồ ăn thức uống xưa chỉ có ở đô thị nay đã lan

tỏa khắp nơi. Thoạt đầu bán đồ ăn thức uống rong là hiện tượng chỉ phổ biến ở chốn thị thành.

Có đô thị là ắt có hàng rong. Hàng rong là những người sản xuất và phân phối hoặc mua các sản phẩm của người sản xuất rồi đem đi bán khắp nơi. Đặc biệt hơn cả là nấu nướng nóng sốt tại chỗ và bán ngay tại chỗ nhưng không cố định ở một địa điểm nào. Có những hàng rong đem hàng đi bán theo một tuyến đường nhất định, theo một lịch thời gian nhất định và người mua cũng ngầm hiểu muốn ăn thứ đó thì vào thời điểm đó họ sẽ đến. Cũng có lọai hàng rong đi bán ngẫu nhiên, nay đây mai đó , gặp ai mua thì bán.

Hà nội xưa có nhiều kiểu hàng rong bán thức ăn, quà vặt nấu sẵn hay bán rau quả được đem đến từng góc phố, từng ngõ hẻm theo những thời vụ khác nhau trong năm, theo những thời khắc khác nhau trong ngày và theo những thị hiếu khác nhau của người tiêu dùng

Một sáng Hà Nội xưa, người Hà nội có thể nghe thấy tiếng rao Phở, bánh mì ba tê nóng, xôi lạp xường "lạp xường mái phàn", bánh bao nóng, bánh cuốn, xôi lúa, bún ốc bún riêu, …Những âm thanh mời chào vào buổi sáng Hà Nội nó cũng gợi nên một âm hưởng hài hòa của cái thành phố cổ kính đa sắc về ẩm thực..

Trưa hè có kem xì cố, có tào phớ, kẹo kéo, tiết canh giải nhiệt… Đêm về có xực tắc bán vằn thắn mỳ, có lục tào xá, bát bảo lường xà.

Đêm đông có ngô rang lạc rang hạt dẻ, phá sang húng lìu…bánh dầy bánh giò, bánh khúc nóng nhân cà cuống…Những âm thanh của tiếng rao ngày, rao đêm đã tạo nên một sắc thái ẩm thực sống động của Hà Nội biết bao đời nay

Ai đã từng sống Hà Nội lâu năm đều không thể quên những tiếng rao thời trân như "Ai cá thu tôm he, cua bể" hay " Ai mua rươi ra mua" hoặc âm thầm như những cô thôn nữ áo dài nâu với chiếc đòn gánh cong. Chẳng rao chẳng mời nhưng thóang qua là biết cốm vòng mùa thu đã xuất hiện ở Hà thành…

Nghe tiếng rao đêm Hà Nội người ta thấy ngay cái món ăn của hàng rong mà nhiều nơi khác không có. Có người kể về tiếng rao "hô vit lô" (Hột vịt lôn) của miền Trung và càng đi sâu vào phía trong cái tiếng rao ấy nó cứ giản lược dần thành "Lô ơ". Đố ai tìm thấy tiếng rao như thế ở Hà Nội xưa và nay nhưng nếu nghe " Ai mua rươi ra mua" thì chắc chỉ người Hà Nội mới hiểu.

Bán hàng rong là cách đem sản phẩm ẩm thực đến tận nhà cho thị dân Hà Nội. Đây là nét văn hóa dịch vụ tự phát và nó tồn tại bởi nó có gía trị. Cái giá trị nằm trong chất lượng của các món ăn rao bán, bởi sự tín nhiệm của kẻ bán người mua, bởi sự tiện lợi trong cách mua bán và cả bởi cái tình cảm thân tình của người bán kẻ mua. Đây là một nét đặc sắc trong hệ thống dịch vụ xã hội của người Hà Nội xưa nay. Nó khác hẳn với hệ thống dịch vụ Tây phương, nhất nhất đều thống qua hệ thống phân phối siêu thị.

Nói vậy thôi chứ bán rong cũng là một lọai hình phổ biến của bất kì đô thị phát triển của Đông Phương hay Tây Phương, chỉ khác là họ không gánh gánh gồng gồng như ở Hà Nội thủ đô yêu dấu ngàn năm tuổi của chúng ta. Bán rong là bán rong. Khác nhau ở chỗ đem ô tô xe máy chở hàng rong đến một góc phố nào đó mà bán hay gánh gồng ngược xuôi hay đội thúng trên đầu vừa đi vừa rao, đem cả thùng tào phớ trên chiếc xe đạp cải tiến với hệ giảm sóc kì diệu dạo quanh khắp phố khắp phường với tiếng rao "Tào Phơ! Phớ ơ!" Nó khác nhau ở cách quản lí đô thị khi mà ở nơi này thì khuyến khích ở chỗ khác thì bị cấm đoán. Mỗi nước, mỗi đô thị lại có một luật lệ khác nhau,. Hà Nội chúng ta không thể thiếu vắng những gánh hàng, xe hàng ẩm thực bán rong. Hàng rong là một sản phẩm đô thị từ cổ chí kim

Hàng rong Hà Nội, đặc biệt là hàng rong ẩm thực có một giá trị của nó ta cần quan tâm và gìn giữ. Gìn giữ bởi đây là hệ thống dịch vụ có sắc thái văn hóa cao, có trình độ chế biến cao, có mối quan hệ truyền thống và tin cậy lẫn nhau giữa người bán và kẻ mua, nó còn là mối giao lưu tình cảm giữa những người dịch vụ và hưởng thụ dịch vụ.

Có người quá đặt vấn đề nghiêm trọng với đối tượng bán hàng rong vì cho rằng hàng rong không đảm bảo vệ sinh môi trường, không an tòan thực phẩm vì cản trở giao thông. Nói vậy nhưng thực

tiễn là cấm cũng chẳng được một khi xã hội có nhu cầu.

Vấn đề quan trọng ở đây là làm sao Hà Nội của chúng ta vẫn có hàng rong nhưng không ảnh hưởng đến mọi hoạt động xã hội. Hàng rong nhưng vệ sinh, Hàng rong không ảnh hưởng đến trật tự giao thông. Tóm lại, hệ thống phân phối sản phẩm ẩm thực Hà Nôi qua kênh bán hàng rong bao gồm bán hàng ăn uống ăn liền hay bán các sản phẩm ăn uống như rau tươi , cá tươi, thịt tươi và các nguồn thực phẩm khác không những giúp cho người lao động có công ăn việc làm, người tiêu dùng được hưởng mọi lợi ích dịch vụ chu đáo và tin cậy. Hàng rong còn làm phong phú thêm bộ mặt văn hóa của Thủ Đô văn hóa, hòa bình và thân thiện của chúng ta.

…**Đến quán xá**

Quán ăn Hà Nội là gì ? Người Hà Nội thường hay dùng từ ăn hàng ăn quán. Thực ra cái quán ăn của Hà nội nó cũng đa dạng và phong phú. Quán ăn là một địa điểm ăn uống tương đối cố định. Nó có thể tọa lạc trên vỉa hè, người ta chôn tạm mấy cái cọc, căng tạm mấy tấm nilon hay tấm bạt che mưa che nắng, xếp mấy cái bàn, cái ghế cỏn con. Thế là thành cái quán. Có đủ loại quán khác nhau nhan nhản khắp nơi. Từ quán trà quán nước quán cà phê cho đến quán đậu phụ mắm tôm, bún chả, thịt chó lòng lợn, cháo lòng, bún riêu cho đến phở bò phở gà…Quán là nơi ăn uống theo giờ, theo ngày và tổ chức của quán không thật sự chu tòan như những nhà hàng tiệm ăn sang trọng.

Cũng là thưởng thức phở bò, đến Hà Nội bạn có thể ra quán phở Tư Lùn , ngồi trên một chiếc ghế nhựa xập xệ và bát phở đặt trên cái bàn xếp. Quán bán trên vỉa hè đường Hai Bà Trưng từ sáng sớm đến trưa thì nghỉ. Bạn cũng có thể vào quán phở Thìn Bờ Hồ đầu phố Hàng Dầu xế cửa đền Ngọc Sơn bên bờ hồ Hòan Kiếm. Vào quán chỉ có chiếc bàn dài và hàng ghế băng dựng hai bên, quán này không phải ngòai vỉa hè mà ở trong một ngõ nhỏ là lối đi chung của mấy hộ gia đình. Quán là thế, nó khác với tiệm phở vuông hay phở 24 cũng ở Hà Nội, cũng ăn phở nhưng vào đó có máy lạnh, có nhân viên phục vụ ăn mặc đồng phục. Bát đũa cũng theo một tiêu chuẩn quy định. Phòng ăn có máy điều hòa và đương nhiên là giá thành cao gấp ba bốn lần. Nếu cùng món phở bò nhưng cầu kì hơn thực khách có thể đến tiệm ăn Vườn Thủ Đô để thưởng thức món phở bò với giá cao chót vót tới trên 600.000đ một bát trong khi ngồi qúan vỉa hè mỗi bát phở chỉ có 15.000đ. Cái khác nhau là ở chỗ nhà nàng thì sang trọng hơn, chất lượng dinh dưỡng thì cao hơn xa xỉ hơn. Bát phở bò 600.000đ thì là mấy miếng thịt bò Kobe Nhật Bản thái mỏng như lá lúa nhưng được quảng bá là có hương vị đặc biệt vì bò được ăn bằng đậu nành tinh chất, được uống bia, xoa bóp và nghe nhạc. Ăn phở Tư Lùn, Thìn Bờ hồ hay Bát Đàn thì ngồi vỉa hè , đôi khi phải xếp hàng, tranh chỗ…Tuy vậy, người ta vẫn xếp hàng, vẫn chờ đợi và háo hức để thưởng thức dầu rằng họ không phải không có tiền để vào các tiệm ăn sang trọng.

Sao vậy? tại sao lại thích ăn quán xá mà không vào nhà hàng? Vấn đề ở đây không đơn thuần chỉ là gía cả. Cái thi vị khi được ngồi trong một không gian xã hội, tuy có nhếch nhác một chút nhưng nó đem lại cái cảm hứng của người ăn. Đôi khi chỉ vì một lời nói vui, một giọng hát "cô đầu" của cụ Thìn bán phở cũng là niềm vui cho khách. Cũng phải thật thà mà nói rằng những quán có tiếng thường là rẻ và ngon. Người Hà Nội vốn quen với lối ăn xô bồ của thời chiến tranh và thời bao cấp nên cái hình thức cửa tiệm cũng chẳng phải là điều hấp dẫn một khi vào đấy phải trả giá cao mà không thỏa mãn được cái khóai khẩu của thực khách.

Lấy ví dụ về mấy quán phở để thấy cái lối bán quán ở Hà Nội là như vậy. Một điều khác cũng dễ nhận thấy cái quán ăn ở Hà Nội nó có những nét khác biệt với quán ăn ở nhiều tỉnh thành khác. Đấy là các quán ăn thường có tính chuyên biệt cao. Bạn đi khắp nơi, thường thấy nhiều biển hiệu quảng cáo dọc đường như "Cơm-Phở' hay "Thịt chó- lòng lợn tiết canh"…Tóm lại, vào quán muốn ăn phở cũng có. Muốn phở gà thì họ chặt thịt gà, muốn phở bò thì thái thịt bò. Muốn ăn cơm thì có cơm, có canh …tuy nhiên cái nước phở bò, phở gà hay nước canh cũng chỉ là một. Cái quán ăn Hà Nội thường chuyên biệt hơn. Có nơi chỉ bán phở gà, có nhà chuyên bán phở nấu theo lối gia truyền…Chính cái chất chuyên biệt, chất đặc sản ấy đã làm cho nhiều quán

hàng ở Hà Nội trở thành một địa chỉ mà ai muốn thưởng thức phải cố tìm ra cho bằng được. Muốn ăn bún chả, nem cua ư? Chịu khó lên hàng Mành, đến Nguyễn Khuyến tìm nhà hàng Sinh Từ. Muốn ăn cầy tơ bẩy món, chịu khó đến Cống chéo Hàng Lược hay lên Thụy Khuê…

Về khỏan uống cũng vậy. Hà Nội có biết bao quán cà phê nổi tiếng, quán bia hơi nhộn nhịp tưng bừng quanh năm suốt tháng mà chỉ Hà Nội mới có. Dân sành uống bao giờ cũng chọn cho mình những chốn uống hợp gu. Người ta đến đấy không chỉ để uống cà phê, uống bia mà còn uống cái không khí sôi động của quán hàng uống cái tình bè bạn của những người bạn thân chọn quán làm điểm hẹn, uống cái nụ cười của cô hàng cà phê hay cái vồn vã chào mời của ông chủ quán bia, thỉnh thỏang lại mời miễn phí khách quen một vại cho thêm thân tình.

Uống quán, ăn quán là một sinh hoạt ẩm thực mang tính xã hội cao của nhiều người dân Hà Nội. Vui vẻ cùng bầu bạn ở nơi quán xá nay đã là một nhịp sống không thể thiếu của nhiều cư dân Hà Nội ngày nay. Nhớ lại cái đêm trước dổi mới, người Hà Nội muốn ra quán thì cũng chẳng có gì mà mua. Nếu có thì cũng phải xếp hàng cả tiếng may ra mới mua được một vại bia. Thời ấy, ăn uống ngòai quán là xa xỉ. không mấy người ủng hộ.

Cái quán ăn nó không quá sang nhưng lại có nhiều quán quá ngon nên nó đáp ứng dược phần lớn nhu cầu ăn uống của giới sành ăn sành nhậu của Hà Nội và cả nhiều thực khách nước ngòai.

Và nhà hàng, tiệm ăn.

Nhà hàng, tiệm ăn là những nơi ăn uống sang trọng. Trước năm 1954 ở Hà Nội vốn có một số nhà hàng, tiệm ăn Âu và Á. Thời ấy, các nhà hàng này chỉ dành cho những người giàu có và các quan chức thuộc địa. Người Việt Hà Nội ít khi đến nhà hàng. Có việc khỏan đãi nhau thường mời về nhà. Đôi khi có bổng có lộc như thăng quan tiến chức thì mời nhau đi cao lầu tửu điếm. Đó là những nhà hàng Trung Hoa trên khu phố cổ hoặc một vài nhà hàng ăn Việt có tiếng ở khu chợ hàng Da hay vài phố buôn bán sầm uất.

Sau năm 1954, ăn uống nhà hàng , tiệm ăn ở Hà Nội sa sút dần vì khi ấy người ta quan niệm ăn uống xa xỉ là một thói xấu. Kinh tế thời bao cấp đã triệt tiêu mọi kiểu ăn uống xa xỉ. Từ bún phở cho đến các mặt hàng quà bánh khác đều bị hạn chế, cấm đóan.

Từ sau 1975, khi nước nhà thống nhất, Lối ăn tiệm, ăn nhà hàng mà vốn đã có ở Hà Nội trước đây dần dần phục hồi. Người Hà Nội dần dần mở lại tiệm ăn và học theo lối tổ chức mà dân di cư Hà Nội vào Nam đã đem theo. Sau đổi mới, nhiều nhà hàng sang trọng tự nhiên xuất hiện để phục vụ cho tầng lớp giàu có mới nổi ở Thủ Đô. Nhiều tiệm ăn Âu, Á và ăn kiểu "quê" nhưng tân thời với giá cắt cổ cũng xuất hiện. Điều đáng chú ý là trong các quán ăn này, người ta dã bắt chước theo lối nấu lối gọi món của dân Sài Gòn khá nhiều. Cái thực đơn ẩm thực bắt đầu xuất hiện các món mang ngôn ngữ đặc Sài Gòn như "Chiên, chiên xù" mà người Hà nội xưa chỉ gọi là rán. Món thịt cừu cũng ít được dân Bắc ăn nay cũng được đưa vào với cái tên " Thịt trừu"…Cũng trớ trêu là trong những tiệm ăn sang trọng ở Hà Nội, người ta đưa vào thực đơn cả những món ăn quê của nhà nghèo dân dã chốn quê mùa như canh cua, cà muối, rau muống , rau lang , rau bí sào, khoai lang nướng, sắn luộc , ngô luộc… nhưng với giá bán cắt cổ. Ấy vậy mà vẫn lắm đại gia đi xe xịn , cổ cồn cà vạt vào ăn một cách thích thú.

Có người bảo: " Các ông ấy là dân nhà quê, đâu phải Hà Nội. Làm ăn phát đạt, chức vụ cao, lĩnh lắm phong bì, thịt cá ê hề sinh ra dửng mỡ. Thấy thịt thấy cá là sợ nên muốn tìm lại cái cảm hứng quê mùa trong chốn cao lâu".

Rất có thể là như vậy. Dân tinh đời Hà nội đâu có dại dột mà đốt tiền trong tiệm ăn kiểu ấy.

Hà Nội hàng rong, Hà Nội nội quán xá và Hà Nội nhà hàng còn vô vàn chuyện để ngẫm, để bàn nhưng thôi ta sẽ thảo luận tiếp trong một dịp khác.

HàNội 28-6-2010

VŨ THẾ LONG

"DẪU XA MUÔN TRÙNG ... "

PHAN VĂN THẠNH

Đến Huế,rời Huế nhiều lần,bao giờ trong tôi cũng là tơ vương chi lạ - Thuở chưa có hầm xuyên núi,xe xuống hết đèo Hải Vân ,lòng khách nhàn du vẫn còn mơ mơ màng màng nghe vẳng lời chào ngọt nhẹ như rót mật,mở đầu đêm ca Huế đi thuyền trên sông Hương: *Túi (tối)trời chẳng biết là ai/Xin chào một cái rồi mai hãy nhìn …*

Những ngày sống với Huế,lang thang trong lòng Huế,chạm vào đâu,tôi cũng nghe ngân nga những giai điệu thi ca ngọt lắng của tao nhân mặc khách - *đến đây xin để lại đây /khúc tình với Huế biết ngày nào vơi* (PVT)

1-Mưa Huế

- Nói đến Huế là nói đến lăng tẩm đền đài thành quách rêu phong cổ kính,nói đến những điệu hò câu hát não nùng,buồn rười rượi - những khúc Nam Ai, Nam Bình, Hành Vân, Lưu Thủy, Tương Tư.. bềnh bồng trên sông nước khi chiều xuống, lúc đêm về. Nhưng có lẽ ấn tượng nhất phải nói là"đặc sản"mưa Huế - Ôi mưa chi mà dầm dề trắng trời thúi đất thúi đai:

- Nỗi niềm chi rứa,Huế ơi !
Mà mưa xối xả trắng trời Thừa Thiên

(**Nước non ngàn dặm – Tố Hữu**)

– Giời mưa ở Huế sao buồn thế!
Cứ kéo dài ra đến mấy ngày
Xa xôi ai nhớ mà thương nhớ?
Mà nhớ mà thương đến thế này!
Cố nhân chẳng khóa buồng xuân lại
–

(**Giời mưa ở Huế - Nguyễn Bính**)

Mưa Huế có những khoảnh khắc thi vị ru hồn người – Qua giai điệu sương khói của Trịnh mưa Huế là "Đường phượng bay mù không lối về"- là "Mưa vẫn mưa bay trên tầng tháp cổ/Buổi chiều ngồi ngóng những chuyến mưa qua… (**Diễm xưa**) - Nhân đây xin nhắc chi tiết thú vị - "Em đi về cầu mưa ướt áo"(**Mưa Hồng**),bà Đặng Tuyết Mai (thân mẫu MC Nguyễn Cao Kỳ Duyên) có hỏi Trịnh Công Sơn : "Ai là người cầu mưa ướt áo?" Có nguồn dư luận nói là,"Em đi qua cầu, rồi trời mưa ướt áo". Nhiều người khác lại nói rằng "Anh(TCS) là người cầu mưa ướt áo, vì các em Đồng Khánh mặc áo trắng,mà trời mưa,tất nhiên là có good view."Thế nhưng theo bà Mai "người cầu mưa chính là người con gái đó. Tại vì người con gái Huế rất lãng mạn.Bây giờ,người phụ nữ được quyền ăn mặc hở hang để khoe nét đẹp.Nhưng ngày xưa,trong sự nghiêm khắc e dè của người Huế,và của đất nước ngày xưa, không cho phép người phụ nữ được phô bày.Thành ra,"Em đi về, em cầu cho mưa ướt áo,để em được chính thức khoe vẻ đẹp của mình."- Chính người con gái cầu cho mưa ướt áo. Nghe bình thế, Trịnh Công Sơn vỗ bàn và nhổm người lên bắt tay Đặng

Tuyết Mai, thích vô cùng:“ Chị đã nhìn ra được”.. .(nguồn tct-home.org)
Mưa Huế đầy những kỷ niệm mong nhớ,mỗi hạt rơi như nỗi niềm cô đơn khao khát tri âm tri kỷ:

Chiều nay mưa trên phố Huế
Kiếp giang hồ không bến đợi
Mà mưa sao vẫn rơi rơi hoài
cho lòng nhớ ai?
Ngày chia tay hôm nao còn đây
Nước trên sông Hương còn đầy
Tình đã xa gió mưa u hoài
mắt lệ ngắn dài.

Chiều nay trên Kinh Đô Huế
Tiếng mưa còn vương kỷ niệm
Ngày quen nhau dưới chân Thiên Mụ
anh còn nhớ không?
Chợ Đông Ba khi mình qua
Lá me bay bay là đà
Chiều thiết tha có anh bên mình
mà ngỡ hôm qua

Hò... ơi... !!! Ơi... hò... !!!
Chiều mưa phố buồn
Chiều mưa phố xưa u buồn
có ai mong đợi
Một người biền biệt nơi mô
Để nhớ với thương một người.

Chiều nay mưa trên phố Huế
Biết ai đã quên ai rồi
Mà mưa sao vẫn rơi rơi đều
cho lòng u hoài.
Ngày xưa mưa rơi thì sao
Bây chừ nghe mưa lại buồn
Vì tiếng mưa, tiếng mưa trong lòng
làm mình cô đơn.

(**Mưa trên phố Huế - Minh Kỳ-Tôn Nữ Thụy Khương**)

– Người ta chợt nhận ra mưa Huế - trong chừng mực nào đó - biểu hiện cho tâm hồn Huế. Người Huế thường sống hướng nội. Tính cách này được hình thành bởi nhiều yếu tố: Thiên nhiên sông nước trầm mặc, thành cổ rêu phong, những nhà vườn hun hút ngõ vắng... và chính mưa Huế là một yếu tố góp phần quan trọng làm nên tính cách tĩnh tại đó.

2-Hương giang còn đây

- Nói đến Huế là nói đến sông Hương,núi Ngự .Sông Hương là linh hồn của Huế thơ! Bên cầu Trường Tiền ngắm nhìn dòng trôi xanh trong lượn lờ êm ả,bất giác tôi nhớ câu thơ **Bùi Giáng** đóng dấu ấn“trước bạ” Huế vào văn chương : “*Dạ thưa xứ Huế bây giờ/ vẫn còn núi Ngự bên bờ sông Hương*”.

Cụ **Nguyễn Du** làm nhiều thơ về Huế. Bài “***Thu đến***” (***Thu Chí*** -1805), miêu tả trăng sông Hương - trăng kinh kỳ - trăng công danh - một vầng sáng đẹp lung linh - (lồng trong đó là tâm sự ngao ngán cho cái thân phàm nơi chốn quan trường vâng dạ,khom lưng *vào luồn ra cúi...*):

Hương Giang nhất phiến nguyệt

Kim cổ hứa đa sầu

Dịch :

Sông Hương trăng một mảnh
Xưa nay biết bao sầu

Bài"**Buổi sáng qua sông Hương**"(**Hiểu Quá Hương Giang - Cao Chu Thần** 1809) – khẩu khí tác giả thật sảng khoái khi phác họa hình tượng sông Hương *như kiếm dựng trời xanh* :

Vạn chướng như bôn nhiễu lục điền,
Trường giang như kiếm lập thanh thiên.

Dịch :

Ruộng biếc núi vòng như chạy quanh
Sông dài như kiếm dựng trời xanh

Sông Hương trong xanh tĩnh lặng như một dải lụa hiền hoà miên man xuôi dòng đưa du khách đến miệt vườn Vỹ Dạ xanh mướt,vòng lên Thiên Mụ tan vào tiếng chuông chùa văng vẳng,rồi đột ngột rẽ vào sông Bạch Yến tới bến Huyền Không phiêu diêu cùng gió mây, hòa vào thế giới của hoa thơm trái ngọt và thiền giữa một không gian cổ kính…

Sông Hương quyến rũ là thế nhưng lúc nàng giận dữ khiếp lắm.Tôi nhớ cái hôm theo đoàn Sở GDTP.HCM dự kiến sang thăm tặng quà cho một ngôi trường làng bên kia bến phà Tuần(ngã ba Bằng Lãng - đoạn hợp lưu Hữu Trạch,Tả Trạch) nhưng lũ lớn không qua được đành gửi nhờ Sở GD Thừa Thiên Huế chuyển giúp – Cuối tháng Tám mưa nhiều,nước thượng nguồn Trường Sơn cuồn cuộn lao xuống dữ dội,củi gỗ,cây cối trốc rễ bị lôi xốc xệch trên dòng như đàn ngựa bất kham khiến anh bạn tôi(dân Saigon) có vẻ hãi,nói vui: muốn đăng ký làm"phò mã"Huế rứa phải là tay nài cự phách!

3-Hoài niệm Huế thương

Với **Huy Cận**,Huế là những *tháng năm hồng,hái mùa thơ giữa độ bông.*

Xanh mượt bờ xanh Huế Huế ơi!
Cỏ cây đây đã hoá vườn trời
Người đi bước nhẹ không nghe tiếng
Mà nặng lòng yêu biết mấy mươi.
Huế hoa thiên lý mùi hương thoảng
Huế tím chiều thu dậy ước mơ
Mái đẩy câu hò ngân ánh nước
Sông không trôi bởi luyến lưu bờ

Tuổi nhỏ đời ta Huế giữ không?
Cho ta xin lại tháng năm hồng
Cho ta trở lại ngày xưa cũ
Mới hái mùa thơ giữa độ bông
Tình bạn tình yêu Huế khéo ươm
Hoa xuân trái đậu tháng năm trường
Bâng khuâng nay nhện chiều giăng lưới
Bảng lảng lòng ai Huế vấn vương...

(**Huế Vấn Vương** - 1978)

Huế long lanh qua màu nắng mai thứ nắng non trẻ - nắng mới lên - được nhìn lọc qua hàng cau

xanh rực lên sức sống.

Sao anh không về chơi thôn Vỹ?
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền.

Tiếng thơ **Hàn Mặc Tử** nghe ra như tiếng lòng đương độ xuân thì – mênh mang tâm trạng vu vơ của "ít nhiều thiếu nữ buồn không nói " (**Đây mùa thu tới – Xuân Diệu**).

Mơ khách đường xa, khách đường xa
Áo em trắng quá nhìn không ra
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà?

(Đây Thôn Vỹ Dạ)

Tôi đi trong Huế nghe vang vọng giai điệu "**Thương về Miền Trung**" của **Duy Khánh** - ca khúc khá phổ biến đi vào lòng công chúng phương Nam trước 75,đọng lại ở đó tình yêu Huế thiết tha.

Ai về xứ mộng xứ mơ
Cho tôi gởi một vần thơ tặng nàng
Sông Hương lắm chuyến đò ngang
Chờ anh em nhé đừng sang một mình.
Đã bao lâu rồi không về Miền Trung thăm người em
Nắng mưa đêm ngày cách trở, giờ xa xôi đôi đường
Người hỡi! Có về miền quê hương Thùy Dương
Nước chảy còn vương bao niềm thương,
cho nhắn đôi lời.

Dẫu xa muôn trùng tôi vẫn còn thương sao là thương
Nhớ ai xuôi thuyền Bến Ngự đẹp trăng soi đêm trường
Và nhớ tiếng hò ngoài Vân Lâu chiều nao
Ước nguyện đẹp duyên nhau dài lâu
Xa rồi còn đâu.

Em ơi! Chờ anh về
Đừng cho năm tháng xóa mờ thương nhớ
Đêm nao trăng thề,
Đã vang ước hẹn đẹp lòng người đi.
Em biết chăng em

Đã bao Thu rồi vắng lạnh lòng trai đi ngàn phương
Mỗi khi sớm chiều xóa nhòa hồn hoa nơi phố phường
Người ơi! Nếu còn vầng trăng soi dòng Hương
Núi Ngự còn thông reo chiều buông . Tôi vẫn còn thương.

Xứ Huế là xứ đi để mà nhớ - Về lại Saigon định viết cái gì cho Huế mãi đến hôm nay mới thực hiện,xin tạ lỗi - *dẫu xa muôn trùng tôi vẫn còn thương sao là thương!*

(Huế,8/2001 - Saigon,8/2014)

PHAN VĂN THẠNH

NHỚ !

HOÀNG BÍCH NGA

Gió thu nhè nhẹ, trời đã se se lạnh, tôi rủ anh đi chơi thu. Trời đêm buông dần, dòng người đi chơi thưa thớt. Chúng tôi rảo chân đến góc phố ấy, cái góc phố mà tôi mê đắm món thịt bò khô cùng với những thú vui khác hồi âu thơ. Tôi có nói với anh trước khi đi dạo phố phường, là, em muốn nghe tiếng rao đêm để nhớ lại cái thủa tóc vểnh đuôi gà của em. Anh cười và đồng ý ngay.

Tính đến hôm nay, anh cũng đã ở Hà Nội được hơn 60 năm. Nhưng anh luôn nói với tôi, em mới là Hà Nội gốc, còn anh vẫn là kẻ ngụ cư. Tôi cười, đúng đấy, nhà em ở đây từ bảy đời rồi, bố em nói thế. Từ hồi em học lớp ba ở trường Albert Sarraut đã có cái thú thích lang thang cùng bè bạn vào tối thứ bảy hàng tuần, thứ bảy bố em không bắt học bài, cho chơi với bạn thoải mái.

Tôi kể cho anh nghe và chỉ cho anh những nơi chúng tôi thích chơi là khu vực gần phố Cầu Gỗ, Hàng Dầu, Hàng Bè; xa hơn nữa là phố Lý Thái Tổ...

Mặc dù nhà tôi ở phố Nguyễn Hữu Huân(phố này thời Pháp thuộc có tên là phố thống chế Pê – tanh (rue Maréchal Pétain), đồng thời còn có tên là phố Bắc Ninh. Thời tạm chiếm có tên là phố Phan Thanh Giản. Từ tháng 6/1964 mới có tên là phố Nguyễn Hữu Huân.

Hồi ấy, chúng tôi, những cô nhóc, lang thang từ phố Nguyễn Hữu Huân đến tận phố Hàng Dầu, phố Cầu Gỗ, Hàng Bè, Lý Thái Tổ... để chơi, chạy nhảy. Góc phố Hàng Dầu và Hàng Bè có một xe hàng bán nộm thịt bò khô ngon lắm, món này luôn cuốn chúng tôi đến đó. Ông chủ hàng có một chiếc xe đẩy trên có đủ thứ để làm món nộm thịt bò khô cay xé lưỡi luôn làm chúng tôi mê ly. Khi nhìn ông thao tác món nộm thịt bò khô, chúng tôi cứ dán mắt vào đôi tay phù thủy của ông. Đu đủ ông thái nhỏ như thể không thể nhỏ hơn được nữa. Chúng tôi nói với nhau, trông kìa, nó nhỏ và mỏng như sợi chỉ. Tay ông hua lên, xoay tròn những sợi đu đủ, cứ lớp nọ xép chồng lên lớp kia nhanh thoăn thoắt. sau đó là thịt bò khô cay xé lưỡi cùng các gia vị đủ màu sắc. Nước miếng của chúng tôi tứa ra. Từng đứa một chờ đợi đến lượt mình, chúng tôi có ba đứa, gầy nhóc, khẳng khiu hay líu ríu đến đấy để được chén món thịt bò khô khoái khẩu. Vừa ăn vừa suýt xoa vì

cay nhưng vị ngọt, vị chua, cái giòn của món nộm làm cho cái cay của thịt bò đỡ đi, cái lưỡi cứ mềm dần vì ăn ngon quá. Món nộm thịt bò khô hồi đó ngon hơn hẳn ngày nay là cái chắc. Tôi cố tìm hiểu, cách nào mà món này khi xưa ngon thế, nay thì không thể so với nó được, vì sao nhỉ ?

Sau này, khi tôi lớn lên, đi chơi cùng người yêu, tôi vẫn mê món này và rủ anh cùng thưởng thức. Anh nhìn tôi ăn, nước mắt nước mũi cứ chực chảy ra vì cay, anh phì cười, em hay thật, ăn khổ nạn thế mà vẫn thích. Tôi liếc xéo anh, anh cũng thích mà, nhìn kìa, đĩa của anh đã sạch bong, sao mà chén nhanh thế. Anh cười xòa, anh lây cái thú thích thịt bò khô của em đấy.

Đêm khuya, tiếng kéo chập chập vào nhau phát ra âm thanh đanh gọn của người bán nộm thịt bò khô khiến cho nhiều người tìm đến xe hàng của ông. Tất cả âm thanh ấy đã đi vào ký ức tuổi thơ, đọng vào tôi cho đến nay .

Chúng tôi lang thang sang phố Lý Thái Tổ. Phố này có những cây sấu rất sai quả mời gọi chúng tôi. Khi biết mùa sấu chín, chúng tôi đến bên cây, nhặt những quả sấu chín rụng. Chúng tôi chọn những quả có thể ăn được để chia cho nhau. Sấu rụng nhiều, nhưng có khi chỉ có một quả ăn được, ba đứa, mỗi đứa cắn một miếng ăn cho đỡ thèm.

Có hôm mải chơi chúng tôi quên mất giờ phải về. Tôi đã từng hốt hoảng vì bố lăm lăm trong tay cái roi mây, đi từ phố nhà tôi đến cái góc phố mà chúng tôi si mê để lôi tôi về. Chúng tôi túa ra, mỗi đứa một hướng. Tất nhiên là tôi sẽ được nếm đòn khi về nhà, vì trên phố chẳng ai đánh con cả. Thời ấy luật nghiêm lắm, khuya rồi, không ai được làm lộn xộn và gây tiếng ồn, nếu để xảy ra điều cấm kị này sẽ bị phạt rất nặng. Nhưng về nhà thì, mông sẽ quắn lên vì làn roi của bố, mà không được khóc to, chỉ ti tỉ thôi. Lúc bị đánh đau quá, hứa với bố sẽ không tái phạm, nhưng rồi, cái tội thích góc phố có thịt bò khô và lang thang chạy nhảy vào những buổi tối thứ bảy khiến tôi luôn quên giờ về nên tôi vẫn bị cái roi của bố lia trên mông. Tất nhiên là chỉ một roi thôi nhưng bố đánh đau lắm. Song, vốn tính gan lỳ, tôi vẫn chịu được và quyết không rên rỉ, " mình làm mình chịu, kêu mà ai thương", tôi tự an ủi mình như thế sau mỗi trận đòn.

Khi có gia đình rồi, còn son rỗi, chưa có con, tôi lang thang cùng chồng, cả hai có cái thú thích chơi đêm và thả hồn cùng Hanoi by night. Có lúc chúng tôi ăn thịt bò khô khi tôi lên cơn thèm, nhưng đa phần tôi và anh thích kem hơn. Món kem Tràng Tiền luôn là món ăn đêm được chúng tôi lựa chọn. Anh hay nói, nhìn em ăn kem anh thấy ngay là em nghiện kem vì em say sưa, thích thú, nhấm nháp từng tí một, không rơi ra ngoài một giọt kem nào và mắt như sáng lên. Tôi cười, quá đúng, em luôn nghiện kem. Hồi ấy, kem Tràng Tiền là bậc nhất và cũng rẻ nhất trong những món ăn đêm .

Nay thì, cả hai chúng tôi đều đã cao tuổi và ít ra phố vào đêm, vì phố phường ồn ào và sô bồ quá. Có hôm, nửa đêm rồi mà chúng tôi không ngủ được. Những tiếng gào thét vọng ra từ các quán karaoke chưa cách âm tốt, những tiếng mắng con, tiếng cãi nhau... tạo thành âm thanh chát chúa, dai dẳng không dứt trong đêm.

Khi thấy tôi thức chong chong, không ngủ được vì tiếng ồn, chồng tôi ôm lấy tôi thì thào, ngủ đi em, Hanoi by night nay đã khác xưa, hãy làm quen với nó .

Tuổi cao, khó ngủ, lại ồn ào, trằn trọc mãi mà giấc ngủ vẫn rời xa. Và rồi, trời hửng lúc nào không biết, kết thúc đêm, cái đêm đã khiến cho chúng tôi hay so sánh và hoài niệm, giữa" Hà Nội xưa", 36 phố phường, êm đềm và lắng đọng với Hà Nội nay ồn ào, náo nhiệt. Chúng tôi nhớ, nhớ đến nao lòng cái tĩnh lặng nhưng sâu lắng của Hà Nội xưa, nền nã và thanh lịch./.

HOÀNG BÍCH NGA

ĐẤT TỤ LONG

NAM NINH

Tụ Long thuộc Châu Vị Xuyên, trấn Tuyên Quang xưa, sau thuộc tỉnh Hà Giang, giáp với tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Đất Tụ Long phong phú về khoáng sản, đặc biệt là đồng đỏ, là "kho của" trong cương vực Việt Nam. Thế kỷ XVII đất Tụ Long bị mất về tay nhà Thanh cho đến năm 1728, triều đình Lê - Trịnh mới đòi lại được. Trong vòng 150 năm, khoáng sản từ các mỏ Tụ Long đã góp phần không nhỏ cho nền tài chính của các triều đại Việt Nam. Đến Hiệp ước biên giới Pháp - Thanh 1887, vì mưu đồ lợi ích riêng, người Pháp lại bán trở lại cho nhà Thanh. Việc làm vô lối này đã bị chính một số sĩ quan Pháp phản ứng về tận Paris, nhưng Tụ Long lại mất về tay nhà Thanh từ đấy.

(theo sử sách cũ)

Khi ta tỉnh lại, trời đã sáng, lũ chim rừng cãi nhau lóe chóe đâu đó quanh đây, một tia nắng đục nhỏ xíu xiên qua trước mặt, ta ngỡ ngàng, sao lại là chăn bông, lại là giường đệm ấm êm thế này? Ta nhìn khắp lượt, một căn phòng không rộng, nhưng gọn gàng, ta kịp nhận ra sự bài trí vương giả, cái bàn gỗ chạm khắc cầu kỳ, trên đó bộ đèn nến bằng bạc, trời đất, là sao đây? Ta định ngồi hẳn dậy, nhưng thấy choáng, không sao nhấc nổi đầu, ta đành ú ớ gọi: "Ngài... ngài ơi!". Là ta nghĩ đến Tế tửu Quốc Tử Giám, thày ta...

Bỗng một lão già lạ hoắc xuất hiện, lão mừng rỡ kêu lên, công tử đã tỉnh rồi... Ta định hỏi đầu đuôi, nhưng lão đã biến mất. Chuyện gì mà lạ vậy? Ta nắm lấy bàn tay trái bấm huyệt để bình tâm. Ta nhớ...

Đấy là một vạt núi thoai thoải, đá gan gà trơn lắm, không một cọng cây bấu víu, mù sương giăng đầy. Trước ta, Tế tửu Quốc Tử Giám khom người túm vào mẩu đá nhô lên như những cái răng nhọn, tay ngài đã tứa máu, vạt áo rách tả tơi, ta thương lắm, chỉ sợ ngài trượt chân. Phía sau ta hàng chục người, hun hút là vực thẳm, phía trước cũng hàng chục người, người thì cõng đồ, ngựa thì cõng lương thực... Võ tướng Tả thị lang Bộ binh Nguyễn Huy Nhuận dẫn đầu tìm đường, mỗi khi kiếm được mô đá làm điểm tựa, ngài lại đứng hẳn dậy hùng dũng phất cờ, đoàn quân cứ thế mà tiến ...

Ta nhớ cái suối ấy phải bơi mới sang được bờ bên kia, nước xanh leo lẻo, quân báo nói rằng nước suối độc lắm, dân không dám qua. Một số lính quân báo của ta bỏ mạng khi qua đây, một số thì ốm lắt lẻo phải gửi trở về binh trạm. Ta kinh ngạc thấy khí độc bốc lên từ mặt nước suối như màn sương, có mùi hăng hắc! Vì thế Võ tướng Tả thị lang đành tính đi đường vòng, vượt qua quả núi sang phía bên kia là đầu nguồn con suối, có thể lội qua được. Chúng ta đang đi trên đất Vân Nam, lành ít dữ nhiều. Hôm qua người ở cuối đoàn bị hổ vồ xé xác. Bọn cướp thì thoắt ẩn, thoắt hiện, không ai dám tách khỏi đoàn. Ta thấy người nóng hầm hập, miệng khấn lầm rầm, cầu đất, cầu trời, cho ta không ốm, ta không được ốm! Đến trưa thì lên đến đỉnh, tuyết bám đầy mình, nhìn người, ngựa đều trắng xóa. Xa tít, một vệt khói lờ mờ, thày ta bảo đấy là đất Tụ Long.

Xuống dốc ta vượt trước thày, mặc cho phía trước lởm chởm đá chông, ai cũng hồ hởi khi phát hiện ra con đường mòn bé như sợi chỉ vắt qua quả đồi trước mặt. Bất ngờ có tiếng hét to, ta giật mình ngoái lại, thày ta ngã bổ nhoài rồi cắm đầu lao xuống, ta nhanh chóng dang tay ôm trọn, và cứ thế ta và thày lăn đi ...

Nghĩ đến đây ta lại lịm vào giấc mộng bồng bềnh, ở chốn thiên nhiên thuyền mây nhẹ xốp, xa xa tiên nữ hiện dần. Ta căng mắt, hút hồn bởi vẻ mềm mại đến hoàn mĩ, tất thảy cứ phô bày lồ lộ, hương thơm đâu đó của da thịt nàng gần gũi như cầm nắm được, khiến ta ngất ngây.

- Công tử đã tỉnh rồi ư?

Ta giật mình, trước mặt là một cô nương dáng vẻ quyền quý! Ta lúng túng chực cất đầu dậy, giờ mới kịp nhận ra chân tay cồm cộm, hóa ra đều được băng bó, ta đã bị chấn thương!

- Công tử cố mà nằm yên, ít cử động càng tốt.

- Ta có bị gãy chân không?

- Không, nhưng vết thương hơi nặng đấy.
- Ta hỏi bao nhiêu điều, đây là đâu, tại sao ta lại ở nơi này, mọi người đâu cả, thày ta sao rồi? Cô nương là ai kia?
- Công tử còn mệt, cố mà tĩnh tâm, mà chàng vừa nhắc đến ai kia?
- Thày ta?

Nàng ngồi xuống cạnh giường, ta cảm nhận được từng ngón tay thon nhỏ của nàng ngập ngừng trượt nhẹ trên trán.

- Công tử đã thiếp đi ba ngày, ba đêm, cha em đã cho mời thày thuốc tốt nhất cắt thuốc cho chàng, nay được tin này cả nhà em mừng lắm.

Ta hỏi, có phải ông già ban nãy là thày thuốc chăm ta? Nàng gật đầu, nàng bảo, ông ấy tận tụy ngày đêm chăm sóc ta.

Nàng bảo, em thấy họ qua đây đông lắm, hàng trăm người. Em quan sát có lẽ có hai người chỉ huy đoàn quân, ăn vận cũng khác thường, một người cao to, hùng dũng, mắt xếch, râu hùm, ta bảo đấy là Tả thị lang Bộ binh Nguyễn Huy Nhuận; còn người kia, nàng nói trông nho nhã, kiệm lời, ta bảo đấy là thày ta, Tế tửu Quốc Tử Giám Nguyễn Công Thái.

- Họ bảo chàng là người quân tử đã không quên mạng sống cứu thày, rồi gửi lại công tử cho cha em.

Ta mừng, vậy là kế của ta đã thuận, lên dốc ta đi sau thày, xuống dốc ta đi trước thày, mấy chục dặm trường, thày ngã chiều nào ta cũng chặn được.

- Thưa cô nương, đây đã phải là đất Tụ Long chưa?
- Công tử đang nằm giữa đất Tụ Long, đây chính là làng Triều Cảng.

Ta lại hỏi có phải nơi đây có con suối, nước độc lắm? Nàng bảo đấy là suối Sâm Mộc, không ai dám đi qua.

Vậy là ta đã hình dung ra mọi sự, nhưng người thấy nóng ran, cái đầu nặng chĩu, ta lại thiếp đi dưới bàn tay êm dịu của nàng.

*

Khi ta tỉnh lại thì người thày thuốc già bê cho ta bát thuốc, ta thấy nước thuốc sánh đen, uống vào có vị đắng. Nhìn vẻ mặt hiền hậu của của cụ, ta cất lời chịu ơn, lại muốn thăm dò đôi chuyện. Cụ nói:

- Lão già này chỉ biết làm thuốc, ai có bệnh cũng không từ, có chăng phải cảm ơn ông chủ và cô nương đây. Ngài đã cho người lặn lội đêm ngày, vượt qua cả ba rặng núi đến tận làng Na Thậm tìm lão, cô nương thì cả ngày lẫn đêm ở cạnh công tử. Lòng người tận tâm, công tử thành người hưởng phúc đấy.
- Mạn phép cho tôi hỏi, chủ nhân đây là ai vậy?
- Ngài là thương gia Trần Lấp, nổi tiếng ở Tụ Long, cô nương là Trần Thu Thảo, con gái út của ngài, cũng tài danh hương sắc, quan trấn Vân Nam khắp vùng để mắt qua lại, nhưng chưa thấy ưa ai.

Vừa lúc cha con nàng tới thăm, ta lúng túng tìm cách ngồi dậy mà không xoay xỏa được, khiến nàng không quản, cúi xuống cạnh ta loay hoay giúp đỡ, ta ngượng chín người.

- Đây là thân sinh ra em, thấy công tử tỉnh lại nên cha mừng lắm.

Ta thành thực cất lời cảm ơn. Người đàn ông trạc tuổi thày ta, mặt vương, tai chảy, đôi mắt thẳm sâu, nhưng nói năng kín kẽ:

- Sao công tử lại cám ơn - Cha nàng nói - Công tử cũng vì việc nước mà phải ở lại đây, chúng tôi được chăm sóc công tử cũng là hạnh ngộ lớn. Tôi còn muốn một ngày đẹp trời, cùng công tử ngắm đất Tụ Long và đàm đạo dăm ba câu chuyện.

Ta lại cám ơn, thực tình ta cũng chỉ biết cất lời cảm ơn trong phép xã giao cần thiết của kẻ ngoại bang lúc này. Cha nàng nói với ta về đất Tụ Long lắm núi nhiều sông, mù sương giăng dầy, đất trời hòa quyện, chẳng biết trần gian hay tiên cảnh. Giọng điệu ngài khôi hài, nhưng ta vẫn thấy bao điều còn xã giao bí ẩn.

Khi còn lại một mình nàng, ta cũng nói cảm ơn Thu Thảo, ta nói tên ta Chánh Thi khi nàng giới thiệu tên mình. Ta thấy có lỗi khi để nàng phải bận tâm suốt cả đêm trường. Nàng bảo là vì tiểu nữ đây chỉ muốn ngắm người quân tử. Ta bảo, nàng quá khen. Nàng lại đùa, nhưng mà ngắm mãi không chán! Ta thấy vui vui, cứ như chính nàng là liều thuốc chữa cho ta vậy.

Nàng giục ta nằm xuống cho đỡ mệt, ta còn do dự vì thấy chừng như thất lễ, nhưng cánh tay mềm mại của nàng đã đặt ở vai ta, người ta theo cánh tay nàng ngả nhẹ. Nàng khẽ khàng kéo

chăn phủ cho ta, lần này mặt giáp mặt, ta ngắm kỹ. Ẩn sau vẻ quyền quý kia là thiếu nữ xinh đẹp, đôi mắt tròn to, đôi môi mọng đỏ, run run, mùi thơm êm dịu toát ra từ bên trong con người nàng khiến ta thảng thốt... Nàng khẽ khàng nâng tay ta đang tìm kiếm bâng quơ, đặt lại dưới chăn, ta nắm lấy nó, nhỏ nhắn, mịn màng, nhịp thở trong ta cũng rộn ràng theo bàn tay nàng đang run rẩy. Cho tới khi lão thày thuốc bưng bát thuốc sánh đen bước vào ta mới kịp tĩnh tâm.

Nàng bảo, Tụ Long có làm chàng ấn tượng không? Ta bảo Tụ Long là mục đích của thày trò ta trong chuyến đi này. Nàng khéo chiên cho ta từng thìa thuốc, ta không cảm thấy đắng nữa.

Khi lão thày thuốc ra khỏi, ta mới nói, để đến được Tụ Long, đoàn của ta đã có năm người bỏ mạng, người ốm, người bị tai nạn thì nhiều, có người gửi được về binh trạm, có người phải gửi lại nhà dân như ta.

Ta thấy mắt nàng đã rớm lệ, nàng nhớ hôm đầu nhìn thấy ta bê bết máu vắt trên lưng ngựa, nàng đã hình dung ra cuộc trường chinh vất vả khôn lường, nay thấy ta nói mất nhiều người thế thì nàng không sao mà tưởng tượng được. Ta nói chính ta cũng không sao mà tưởng tượng được. Nàng bảo, chàng học cao biết rộng mà không hình dung nổi, thì sao em lại có thể nghĩ ra. Ta bảo, làm sao nàng biết ta học cao, biết rộng? Nàng bảo nhìn vượng khí ở mặt ta là cảm nhận thấy. Nàng kể, hôm đưa ta về đây cha nàng đã mời đến năm thày thuốc quanh vùng, nhưng ai cũng lắc đầu, cuối cùng cha quyết phải tìm bằng được cụ Bâu, ở cách đây đến hàng chục dặm. Cụ Bâu nghe đồn có nhiều bài thuốc bí truyền, chữa được cả người tưởng đã chết.

Ta cứ thích nắm lấy tay nàng mà hầu chuyện mãi.

*

Thêm ba ngày nữa nằm liệt giường, nghĩ miên nam, nhớ đoàn sứ bộ, nhớ người thày giáo già tận tụy tranh biện ngày đêm, giành giật với Vân Nam từng mét đất. Đến khi tỉnh hẳn, ta được tháo băng, vết thương lành lặn. Ta bảo cụ Bâu, ai ngờ nơi sơn cùng thủy tận này lại có thần dược, ơn này ta không quên được đâu. Lão vui mừng khoe:

- Kể từ nay tôi chính thức được ở lại đây làm bạn với thương gia. Công này, cũng có phần của công tử đấy, cũng là vì tôi đã chữa được cho công tử đấy.

Ngày đêm ta hăm hở họa lại miền đất Tụ Long, thậm chí qua nàng ta còn ghi được cả giá thu mua khoáng vật. Công việc tạo nên thói quen, gặp gì ta cũng thích ghi lại.

Hôm ấy, ta được thương gia Trần Lấp mời cơm, ta biết đây là bữa cơm trọng đại, bởi lẽ, theo lão Bâu, việc gì ta nói với nàng đều đến tai thương gia, cha con họ như bóng với hình. Bữa cơm hôm ấy chỉ có hai cha con nàng tiếp thì ta lại càng tin đó là việc trọng đại. Nhìn vẻ mặt hứng khởi nhiệt thành của thương gia ta thấy yên tâm, nhưng đôi mắt sâu thẳm chứa chất nhiều điều thì ta thấy ngại. Câu chuyện dẫn dần đến chỗ trọng tâm khi ngài hỏi ta có lý lẽ gì mà Đại Việt đòi được vùng đất Tụ Long này?

- Thưa ngài thương gia, Tụ Long, theo tôi hiểu, từ cái tên miền của nó đã là tên của Đại Việt. Ngài thử hình dung xem, Thăng Long là con rồng bay lên, còn Tụ Long đây là nơi rồng thiêng quần tụ.

Thương gia gật đầu tỏ chút hài lòng, rồi lại hỏi, việc trả lại đất cho Đại Việt, tưởng đã xong, làm sao mà còn nan giải vậy? Ta thấy ngờ ngợ, ngài hỏi ta nhiều vậy là lẽ gì? Hóa ra trước mặt ta không đơn thuần là một thương gia chỉ biết cân đong khoáng sản. Lại nghĩ, vì ngài đã có công chữa chạy cho ta nên cũng muốn ngài tường sự thật. Ta nói:

- Có lẽ ngài đây còn nhớ, từ khi vùng đất ba động là Ngưu Dương, Hồ Điệp, Phổ Yên bị tên Vũ Công Tuấn nước tôi làm phản dâng cho Vân Nam, tổng cộng 120 dặm. Nhà Lê đã nhiều lần đưa thư sang đòi lại, nhưng Thổ ty Vân Nam không chịu trả. Đành phải tính đường đến tận Yên Kinh.

- Tôi có nghe chuyện này, thương gia nói.

Câu chuyện xem ra có phần ăn nhập rồi đây. Ta tiếp:

- Năm 1690, sứ bộ nước tôi là Nguyễn Danh Nho sau đấy Nguyễn Đăng Đạo đem quốc thư sang nhà Thanh xin trả lại đất ba động, nhưng quan triều quý quốc là Vương Văn Khế, soát xét đất Vân Nam, vẫn khẳng định với Thiên triều đất ấy là của Đại Thanh - Ta vừa nói vừa quan sát, thấy thương gia trầm tư, đôi mắt lim dim, ra chiều nghĩ ngợi - Ngài thử hình dung xem, đường đi vạn dặm, vậy mà năm nào sứ bộ nước tôi cũng rong ruổi trên đường đến Yên Kinh, đoàn này về đoàn khác sang, đường trường không mỏi, chỉ vì cái tấc đất giang sơn không để mất. Đến thời vua Ung Chính nối ngôi Khang Hy, ngoại giao đòi lại đất vẫn thế, vẫn giằng co, nhưng lẽ phải đã dần tỏ rạng.

Ngài thương gia mở to mắt nhìn ta, rồi dường như muốn giấu đi nỗi bối rối, ngài bảo con gái

chiên rượu. Ta nói:

- Khi lý lẽ đã thuộc Đại Việt rồi thì ngài Cao Kỳ Trác, Tổng đốc Vân Nam lại tâu với Thiên triều là cương giới An Nam có chỗ xâm lấn vào biên cảnh cũ của nội địa, vì vậy lại phải tra xét cho rõ ràng. Đó cũng là cách để phía họ có thời gian, tìm ra mưu lược khác. Ta nhấp rượu từ tay nàng chiên rồi nói tiếp - Khi ấy Đại Việt tôi lại cử Hồ Phi Tích và Vũ Công Tể cùng với quan phái nhà Thanh là Phan Doãn Mẫn đi thực địa kiểm tra. Có chứng cứ rõ ràng từ thực địa thì nhà Thanh không còn lý do từ chối. Sang năm 1726, vua Ung Chính chấp nhận trả lại cho Đại Việt 80 dặm trong số 120 dặm chiếm ở hai châu Vị Xuyên và Thuỷ Vĩ, còn còn 40 dặm chỗ có xưởng đồng Tụ Long này cho đến tận hôm nay vẫn thuộc đất Vân Nam.

- Là đất này đây, thưa công tử?

- Đúng vậy - Ta khẳng định, giọng điệu ta sục sôi, giống như thày ta ở nơi hội khám - Ngạc Nhĩ Thái, Tổng đốc mới của Vân Nam, lấy lý lẽ xằng bậy tâu với Thiên triều, nước An Nam còn chiếm đất của phủ Khai Hóa?

- Lại thế nữa kia?

- Chưa hết, bên tôi cho chạy thư kháng nghị đến địa đầu biên giới Tuyên Quang, gặp thổ mục giữ quan ải là Hoàng Văn Phác, Văn Phác không chịu tiếp nhận tờ thư, có nghĩa là không cùng bên tôi đi điều tra khám xét tiếp.

- Làm sao mà ra mặt vậy được?

- Căng thẳng như dây đàn sắp đứt - Ta giận dữ nói - Đã thế Tổng đốc Nhĩ Thái lại bày mưu khác, bảo rằng An Nam đang động binh, đem việc này tâu về Thiên triều và xin điều động binh mã ba tỉnh để phòng bị biên giới. Lúc ấy trong kinh, ngoài trấn Thăng Long không khí hoang mang, cứ như sắp có nạn binh đao.

Thấy ngài thương gia nhổm hẳn người, chừng như muốn tranh biện, nhưng ta khoát tay:

- Làm gì có chuyện động binh, khi mà chính nước tôi đang còn chia cắt, Đàng ngoài là chúa Trịnh, Đàng trong là chúa Nguyễn phân tranh. Thiên triều thấy việc bất ngờ, đâm hoài nghi, chưa vội chấp nhận thỉnh cầu điều binh mã cho Thống đốc Vân Nam, mà sai triều thần là Hàng Dịch Lộc và Nhậm Lan Chi đi thẳng sang Đại Việt hiển dụ chiếu chỉ, nhân đấy xem xét động tĩnh, thì thấy chúng tôi đâu có ý định gây hấn gì. Lúc ấy, quốc thư của Đại Việt cũng vừa kịp tới Yên Kinh, lời thư đã cố nhún nhường. Ung Chính xem quốc thư, rất hài lòng, lập tức cho viết sắc văn khác, trả nốt đất xưởng đồng 40 dặm, lấy lại biên giới là sông Đỗ Chú: *"40 dặm đất ấy nếu thuộc vào Vân Nam thì là nội địa của trẫm, nếu thuộc về An Nam thì vẫn là ngoại phiên của trẫm"*. Tuy giọng điệu còn cao ngạo, nhưng Ung Chính đã phải chấp nhận trả lại Đại Việt vùng đất Tụ Long này.

Đến đây ta thấy đã bình tâm nên tỏ lời phân giải:

- Thưa ngài thương gia Trần Lấp và tiểu thư Thu Thủy, ngài thứ lỗi cho, sở dĩ tôi nói dài dòng vậy cũng là để ngài tường tận có đầu, có đuôi câu chuyện.

- Không có gì - Thương gia xua tay nói - Cảm ơn công tử đã kể cho tôi một chương sử dài lịch sử.

Ta nói, xem ra ngài có biết sự việc? Thương gia nói có biết nhưng là quan điểm từ Vân Nam. Vẻ mặt ngài suy tư, trán hơi cau lại, do dự một lúc lâu ngài lại hỏi:

- Tôi nghe tin hai bên đã hội khám xong ở Mộc Chảy, đã định xong biên ải, vậy thì các ngài còn cất công đi tiếp đến vùng lam chướng này làm gì?

Câu hỏi có chút sỗ sàng, ta thấy tím tái, nhưng vì chuyện ngoại giao mà cố kiềm chế lại. Ta nói, hội khám chưa xong, bởi vì thày ta và người cộng sự là Tả thị lang Nguyễn Công Thuận còn nghi vấn về dòng sông biên Đỗ Chú, nói thẳng ra, thày ta nghi ngờ Vân Nam cố giữ lại khu mỏ đồng quí này.

Khi kể cho thương gia ý đó, ta thấy ngài ra chiều ngẫm ngợi. Ta còn nói thêm, cuộc hội khám diễn ra gay gắt lắm, cuối cùng đoàn bồi thẩm Vân Nam vẫn khẳng định sông Đỗ Chú họ chỉ cho ta là đúng, họ thách ta tìm ra sông Đỗ Chú nào khác trên đất Vân Nam!

Thấy thương gia không đưa ra lý sự nào, lại hỏi ta có ý định đi theo đoàn sứ bộ? Ta bảo, thân xác ta được ngài cứa chữa, ơn này ta không quên, nhưng lòng ta thì luôn ở bên thày, nếu không được sống chết cùng thày thì ta đâu còn là người quân tử.

*

Một hôm nàng dẫn ta cưỡi ngựa đi thăm toàn cảnh vùng đất Tụ Long. Tầm mắt ta mở rộng. Tụ Long núi non nhấp nhô như rồng lượn, rừng hoang sơ bạt ngàn, những cây tùng xù xì có đến ngàn năm tuổi. Chúng ta lãng mạn đứng trên núi cao ở nơi bồng bềnh mây phủ mà ngắm sơn

thủy hữu tình. Lời đồn nơi đây là mỏ đồng lớn nhất nước ta quả cũng không ngoa. Ta thấy người khai mỏ ở đây có đến hàng ngàn, hàng vạn, cứ từng tốp, từng tốp, trông xa nhỏ xíu như lũ kiến, họ chui vào chui ra từ những cái lỗ chi chít dưới chân núi, tha ra từng thúng, từng bao tải đồng nguyên khai đổ thành đống cao như đống rạ, đỏ quạch một góc trời. Trên đường đi ta gặp từng tốp thợ lam lũ, lầm lì, đầu chít khăn có vành sắt gắn nến phía trước, vai vác búa, đục, đi về phía có những hang sâu.

Trở về khu dinh thự thương gia, nàng chỉ cho ta từ ngôi nhà chính to như ngôi đình làng vùng xuôi, bên phải là các tòa của các bà vợ thương gia Trần Lấp, từ nhà vợ cả đến vợ tư, nhà nào cũng phô kiểu cách lạ, đài các. Giữa sân bày cả một tảng đồng nguyên chất, ban đầu ta lại tưởng hòn non bộ, bởi nó đã được phủ một lớp rêu xanh do phong sương lâu ngày. Theo nàng kể, ở Tụ Long phần đa là đồng nguyên chất, có nhiều tảng to lắm, khách buôn chở đi không nổi phải xẻ đôi, xẻ ba. Ta được biết nàng có nhiều anh chị, người thì buôn chuyến đến tận Vân Nam, người thì thu gom từ mỏ nhỏ, rồi qua tay các thương gia phân phối đi khắp miền. Bà tư chỉ sinh được một mình nàng, nàng lại được cha cưng chiều cho cai quản phần tài chính.

Nàng mời ta thăm gian chính của thương gia, thấy toàn gỗ quí, cột nhà bằng gỗ lim, ôm một vòng tay không xuể, Ta để ý tới bức hoanh phi: *Tưởng nhớ ơn xưa* và bức *Giữ mãi ơn phúc*, rồi hỏi nàng ai đang là ân nhân của nhà ta? Nàng ngơ ngác nhìn ta, sao chàng hỏi vậy?Ta lại đọc to cùng nàng câu đối: *Cây sinh ngàn nhánh do từ gốc*, vế bên kia: *Nước chảy muôn nơi bởi có nguồn.* Ta khen đối chuẩn, và nói, cha nàng là một nhà nho, nhưng gốc chính ông ở nơi nào? Nàng lại lơ ngơ, có lẽ điều này nàng chưa bao giờ để tâm. Ta bảo, nàng sinh ra ở đất này, nhìn cách bài trí kia ta nghĩ có lẽ đến cả cha nàng cũng sinh ra ở đất này, nhưng nội dung bức hoành phi, câu đối lại thấy đậm chất Việt?

- Những điều chàng nói làm em lại nghĩ về cha, quả thực nhiều lúc em thấy cha tư lự, không lẽ là chuyện kinh doanh, không lẽ là mấy người Vân Nam bắt chẹt. Từ hồi em nắm phần tài chính, các quan trấn qua lại thăm nom, việc khó khăn giảm bớt, nhưng cha vẫn buồn, nỗi buồn sâu thẳm. Cha con em không giấu nhau điều gì, nhưng nỗi buồn này cha giấu em chăng?

Nàng khen ta có kiến văn sâu rộng, lại không quản khó khăn, ham hiểu biết, thật đáng nam nhi. Ta bảo, ta là nho sinh ở đất Thăng Long được đích thân Tế tửu Quốc Tử Giám Nguyễn Công Thái chọn hầu ngài trong việc đi "hội khám" với nhà Thanh đòi đất. Công việc chính của ta là ghi chép lại. Việc này không những chỉ có ta cảm kích, mà cả gia đình, họ tộc ta lấy làm vinh hạnh. Hôm tiễn ta lên đường, cả họ nhà ta cờ giong trống mở, lòng ta nao nao, ta tự hứa với lòng mình quyết phụng mệnh đến cùng vì quốc gia đại sự.

Nàng hỏi ta vì sao mà ta được chọn đi theo đoàn sứ bộ? Ta đành kể cho nàng sự thật này. Năm kia, bấy giờ, giữa triều đình nhà Lê và Đại Thanh đang quyết liệt về vấn đề đất Tụ Long, vì vùng này có mỏ quý nên Vân Nam tìm trăm phương nghìn kế giữ lại. Trong khoa thi Hoàng tử năm ấy, chúa Trịnh Cương đã trực tiếp ra bài thi cho Quốc Tử Giám, ngài bắt nho sinh phải thảo một bức thư trả lời Thống đốc Vân Nam, trình bày các lý lẽ rằng: *"Đất Tụ Long nguồn gốc thuộc bờ cõi Đại Việt, mãi mãi thuộc về Đại Việt,..."*. Lý lẽ bài văn của ta được Hội đồng trình đến tận tay thày Nguyễn Công Thái, phụ trách Quốc Tử Giám, được thày khen.

- Đến giờ em mới hiểu vì sao cha em quý chàng, cha không ngăn cản khi em thích chàng, thậm chí cha biết cả những đêm em ở cạnh giường chàng đến sáng.

Ra trước ban công nhà lớn, nàng ngước đôi mắt đẹp âu yếm nhìn ta rồi hỏi:

- Công tử có đến thăm nơi ở của em không?

Ta gật đầu ưng thuận. Khuê phòng nhỏ nhắn xinh đẹp, bài trí gọn gàng, ngăn nắp, không thấy có vẻ phô bày của kẻ giàu sang, mà ngược lại có phần giản dị, một vài đồ sứ mỹ nghệ Giang Tây, cái lư hương nhỏ xíu, chiếc hộp gỗ đựng đồ trang sức xinh xinh... ta thầm khen thẩm mỹ của nàng.

- Chàng!

Ta quay lại, thấy mắt nàng đờ đẫn:

- Công tử biết không, chàng là người đầu tiên bước qua ngưỡng cửa này.

Ta thấy run run, một cái gì đó hình như đang chờ đợi.

- Chàng cũng là người đầu tiên nắm trọn bàn tay em.

Ta nhớ bàn tay nàng trong chăn hôm ấy, ấm áp lạ lùng.

- Chàng ưa em những đã biết gì về em?

Môi ta run run, hình như ta nói thành lời, ta có biết!

- Em chưa một chút vấn vương ai như chàng đâu.

Ta nói, nàng ơi, ta đã tin là vậy.

- Điều chàng nghi ngờ trong bức hoành phi câu đối kia là thật, em không phải người Hoa, cha con em cũng là con dân nước Việt.

Ta ngỡ ngàng, cho dù dọc đường đi ta đã gặp không ít dân nước Việt, (vì đây là vùng vốn của người Việt ta) họ nói cả tiếng Việt lẫn tiếng Vân Nam nên khó đoán, nhưng với thương gia giàu có như Trần Lấp thì ta khó tin! Ta ngắm kỹ lại nàng, vẻ bối rối khiến đôi má nàng ửng đỏ, ta nhìn xoáy sâu vào đôi mắt kia, nó đã dại đờ. Và. Thật bất ngờ, chiếc áo nhiễu xanh phủ ngoài bỗng tụt xuống. Khi ấy... ở giữa căn phòng ấy, nàng cứ buông dần, từ ngoài vào trong, từng thứ một, tròn trịa, trắng ngần, ta cứ ngây ra. Khi cái yếm đào cuối cùng định buông rơi thì cổ ta khát cháy...

- Nàng ơi! Ta sụp xuống - Không... là không phải lúc này, ta là người quân tử!

*

Vì thế hôm sau ta phải kể tiếp với nàng về câu chuyện đi tìm dòng sông Đỗ Chú:

Ta nhớ đêm ấy, khi tỉnh giấc, thấy thày ta vẫn đi đi lại lại trong cái lán trại nhỏ nhoi, chắc cả đêm thày không ngủ, ánh lửa từ đống than hồng hắt lên vẻ mặt thầy đau đáu. Từ đấy ta cũng không sao ngủ được nữa. Thày bảo, con có thấy dòng sông Đỗ Chú họ chỉ cho ta còn nhiều nghi vấn không? Ta ngạc nhiên bởi trong cuộc "hội khám" ban chiều, hai bên đã tay bắt mặt mừng, ra vẻ đồng thuận. Thày ta bảo, không, thày không tin, đất tổ tiên phải vào sâu nữa, lập xong đường biên mà không có Tụ Long thì chẳng có nghĩa lý gì. Phải tìm ra đất Tụ Long, mạn Bắc Tụ Long mới là sông Đỗ Chú. Lúc ấy ta mường tượng, phía trước là mênh mông, núi cao, rừng rậm, phương tiện đi lại chỉ có đôi chân. Thày thân mỏng, vai gầy, sức đâu mà đi!

Thày Công Thái bảo ta phải qua lán Tả thị lang mời ngài sang để bàn lại. Con phải chịu khó giúp thày, đây là việc hệ trọng quốc gia phải bàn kỹ. Ta mở cửa lán, luồng gió lạnh thốc vào, những sợi tuyết thi nhau táp vào mặt, thày lấy chiếc chăn đưa cho ta bảo, con cứ khoác thêm vào người.

Ta không muốn kể cho nàng cả quãng đường đi, bởi nàng là nữ nhi, bởi trên đường đi cũng có nhiều chuyện lạ. Nhưng vì chuyện hôm qua, ta đành nói lại. Đêm ấy trời tối đen, ta cố đi sát vào các lán sĩ quan, để phòng có chuyện thì được ứng cứu kịp thời, cũng là để nhờ ánh lửa sưởi ở các lán mà nhận biết đường đi. Càng về đêm, không gian càng tĩnh lặng, nhưng thỉnh thoảng, đâu đó có tiếng khúc khích, nỉ non, ta nghe cả tiếng nữ nhi cười bả lả. Tính tò mò, ta ghé mắt nhìn qua khe lán. Trời đất! Cứ trắng phớ! Bọn chúng chẳng cần ý tứ, chẳng sợ rét, cứ bên đống củi cháy đùng đùng mà ôm ấp mân mê. Trên đường đi, mỗi khi có tiếng rú lên, ta lại nghĩ ngay, đồ lính tráng đang tầm bậy! Vì thế khi quay về, ta phải tính đi lối khác, nhất định không để võ quan biết chuyện.

Ta đến lán của Tả thị lang, ngài đang ngồi thiền bên đống lửa, khuôn mặt võ quan đau đáu, hóa ra cũng như thày ta, ngài không ngủ. Khi nghe ta cất lời, mặt ngài rạng hẳn.

Đêm đó hai ngài bàn công chuyện với nhau đến sáng, ta ghi đầy đủ trong quyển lộ trình. Hóa ra cả hai đều nhận định, dòng sông định cắm mốc phía họ chỉ cho ta nhất định không phải là dòng sông biên Đỗ Chú!

Sáng hôm sau, trước khi vào hội khám, thày hỏi ta, đêm qua đi qua các lán con thấy anh em mình ngủ tốt không? Ta lúng túng đỏ bừng mặt, thày nghi vấn hỏi dồn, ta đành thú thật. Thày thở phào như đã tìm ra giải đáp, thày nói, ngày thì tiệc đón linh đình, đêm về thì gái gú, thế thì con suối này không phải là sông Đỗ Chú đâu.

Ta kể ra để mong nàng hiểu cho cái chuyện hôm qua. Nàng nghe xong thì trầm tư, tay vân vê món tóc, một lúc lâu mới ngước nhìn ta, tâm sự:

- Em cũng kể cho cha về chuyện ở phòng em hôm trước, mặt cha thất thần, cha nói, họ có việc lớn phải làm con ạ.

Ta không còn tin ở tai mình, sao chuyện riêng như thế mà nàng còn kể lại, có phải cha con nàng định thử ta chăng?

*

Ngày lên đường đã định, thương gia hứa cho một chuyến xe và chở ta đúng đến nơi đang hội khám. Làm sao mà ngài biết được nơi hội khám thì ta không nghĩ ra.

Tối ấy nàng tiễn ta về đến cửa phòng, rồi tặng ta một kỷ vật nhỏ: "Em biết, không thể giữ nổi chân chàng, nhưng có kỷ vật này nhất định công tử nhớ đường mà quay lại". Ta lại tiễn nàng trở lại, cứ thế mà tiễn nhau, tuyết bám đầy cả áo. Câu chuyện của nàng hôm ấy khiến ta xúc động. Nàng bảo từ hôm ta kể câu chuyện tranh biện vùng biên, cha nàng có phần tư lự nhiều hơn, có lúc thẫn thờ cả tiếng. Thấy vậy nàng đành bảo, cha ơi, có điều gì cha còn giấu con sao? Cha

không ngoái lại, người vẫn trầm tư, nàng qùy xuống bên cha khẩn cầu, con không được làm người quân tử như chàng, nhưng sẵn sàng vì cha mà không màng mạng sống. Cha bảo nàng đứng dậy đi theo cha. Cha dẫn nàng vào phòng riêng, ở tận trong buồng nơi cha ngủ, có một cái tủ lớn, cha mở tủ, lấy ra một cái hòm con, trong cái hòm con, lật mấy thứ giấy tờ văn tự thì thấy một cái hộp con nữa. Cha đưa cho nàng và nói: "Con ơi, giàu có làm chi khi cả đời ta phải găm lại thứ này".

Ta giật mình:

- Nàng đang tặng ta kỷ vật của cha nàng?

- Chàng nhanh trí hơn em tưởng.

Từ đấy tim ta nện thình thịch, không còn nghĩ được gì hơn ngoài cái kỷ vật đang ở sâu trong áo ngực.

Khi còn lại một mình ở trong phòng, ta tò mò muốn xem kỷ vật nàng đã tặng. Ta cẩn thận lột từng nếp vải mỏng, thì ra chỉ là một tờ giấy, tờ giấy màu sậm, lại giở nó ra, bỗng ta run bắn người. Đó là bản đồ Tụ Long, bản đồ gốc, nhìn niên đại ta biết nó có từ khi Vũ Công Tuấn dâng đất cho Vân Nam. Ta hăm hở lần tìm, dòng sông có tên là Đỗ Chú ở ngay trước mặt. Tim ta nện thình thịch, ta ngồi nín lặng hồi lâu rồi lại gấp nó lại như cũ, cất sâu vào trong áo ngực. Trời ơi, nếu có nó từ đầu, đã đỡ tốn bao nhiêu là xương máu. Ta biết, làm việc lộ cơ mật này, nàng đã quá liều, không nói là quá ư mạo hiểm. Ta thẫn thờ cả người, báu vật là đây, nhưng cha con nàng thì làm sao mà tránh nổi hậu họa. Ta day dứt lương tâm, không muốn để nàng phải chịu đựng một mình, nếu việc này lộ cơ. Ta quyết định trải chiếc bản đồ trên bàn chép lại. việc đó với ta không khó, gần sáng thì chép xong.

*

Hôm sau ta được chính bố con nàng đưa tiễn, thương gia nhìn ta đăm đăm, cứ như muốn moi móc ruột gan ta ra vậy, rồi lại nhìn con gái, ta hiểu ý ngài và đã nói ra điều cốt tử:

- Thưa ngài thương gia, thày tôi không quản phơi thây vì nghĩa lớn, vì vậy tôi phải đến với thày tôi để tìm ra dòng sông Đỗ Chú. Còn việc riêng, tôi đã trải lòng, nhất định phải quay lại nơi này để cùng ngài và tiểu thư đoàn viên.

Ta bước lên chiếc xe ngựa kéo ngoái lại nhìn cha con nàng hứa một ngày trở lại. Cảm ơn nàng, đã cho ta thấy cả tấm lòng trọn vẹn, cả niềm tin và cả cái phi nhiêu diệu kỳ của tạo hóa. Ta thề quay lại tìm nàng với lời ước hẹn sắt son. Ngồi trên xe ngựa cùng với người thày thuốc già lòng thấy nao nao. Chúng ta nói về vùng đất biên cương lam chướng mà giàu có đến khó tin này. Thỉnh thoảng ta lại nói về thương gia tốt bụng, ngài đã chỉ cho ta biết đường đi, lại cho xe ngựa kéo. Trên quãng đường gập ghềnh sỏi đá, rợp tán cây rừng, thỉnh thoảng lại lộ ra một cái mỏ nhỏ, một xưởng nấu quặng, tinh lọc thành đồng, thành bạc. Tốp thợ mặc áo nhồi bông, cần mẫn, thấy ta vẫy tay chào, mặt họ cứ lơ ngơ, các ngươi đâu biết rằng, ngày mai, nơi đây đã trở về với con dân nước Việt.

Đưa ta đến đúng bờ nam sông Đỗ Chú, khi đã nhìn thấy lá cờ Đại Việt trên đỉnh đồi, xe ngựa dừng lại. Ta đưa cho người thày thuốc một chiếc phong bao, dặn rằng, cụ hãy vì ta, vì nàng, phong thư này chỉ được đến tay một mình nàng, nhất định không để một người thứ hai biết chuyện. Đó chính là tấm bản đồ Tụ Long gốc ta muốn hoàn lại cho nàng, bởi lẽ ta không muốn mất nàng khi quay lại đất Tụ Long.

*

Thày Công Thái thấy ta trở về thì mừng khôn tả, lại thấy ta đưa ra tấm bản đồ Tụ Long với đầy đủ núi non sông ngòi thì thày kinh ngạc. Ta nói, đây là tấm lòng Thu Thảo, mà con chỉ là người chép lại. Thày hỏi nhiều điều, ta kể không sót, riêng chuyện với Thu Thảo ở phòng nàng hôm ấy thì ta giữ lại, nhưng chắc cũng không qua nổi mắt thày. Thày nói, khi trở về, nhất định phải rẽ qua Triều Cảng, để thày cảm ơn thương gia, cảm ơn cô nương, thày nhắc khéo ta, người quân tử thì không được phản bội lời hứa đâu con ạ. Lòng ta hân hoan!

Cuộc hội khám ngày hôm sau diễn ra suôn sẻ ngay trên bờ sông Đỗ Chú thật sau cả một chuỗi ngày quyết liệt giằng co. Ta còn nhớ thày ta run run nâng tấm bản đồ trên hai bàn tay mà trịnh trong tuyên bố rằng, thưa các ngài, các ngài khỏi lo, đây là chứng cớ sẽ được khấu kiến đến Thiên triều. Họ nhìn nhau lơ ngơ!

Tình thế khiến người bồi thẩm đưa ra một tấm bản đồ Tụ Long mà họ Vũ đã dâng cho Thống đốc Vân Nam, trải cả hai lên bàn. Họ chụm vào nhau soát xét, khi thấy bản đồ ấy và bản đồ ta chép không sai nhau nét nào, ngài Tri phủ Khai Hóa cầm chén nước trên tay bỗng rơi xuống đất

vỡ tan.

Thế rồi hai bên thống nhất dựng bia đá hai bên bờ sông Đỗ Chú. Bia phía bờ Bắc do Ngô Sĩ Côn, giữ chức Tri phủ Khai Hoá và Vương Vô Đảng giữ chức Du kích trung doanh trấn Khai Hoá dựng. Văn bia dẫn giải thêm:

"Khai Dương ở xa tận góc trời, tiếp giáp với đất Giao Chỉ. Tra trong sách vở ghi chép lại, thì giới mốc chỗ đất này phải ở vào sông Đỗ Chú cách phủ trị Khai Hoá 240 dặm về phía Nam".

Bia của bờ Nam ghi rằng:

"Lấy mốc sông Đỗ Chú làm căn cứ, ngày 18 tháng Chín năm Ung Chính thứ 6 (1728) chúng ta là: Nguyễn Huy Nhuận, Tả thị lang Bộ binh và Nguyễn Công Thái, Tế tửu Quốc Tử Giám, được triều đình ủy sai, vâng theo chỉ dụ, lập bia đá này".

Ta thấy mắt mình rưng rưng, thày ôm ta vào lòng: "Thế là thày có thể thảnh thơi nhắm mắt được rồi con ạ!"

*

Đúng như lời hứa, hôm đoàn quân chiến thắng trở về, thày trò ta rẽ qua làng Triều Cảng, nơi có tư dinh thương gia. Ta hồi hộp đến ngộp thở, nhưng đến nơi, chỉ thấy trống không, chỉ còn mỗi lão thày thuốc già, người quắt queo, cụ nhìn ta sắc mặt thẫn thờ:

- Đi hết rồi, tiểu thư khóc mãi, nhờ lão ở lại nói lời vĩnh biệt cùng công tử!

Người ta như ngây như dại, đứng như trời trồng, miếng vải gói tấm bản đồ Tụ Long mà nàng đã tặng ta ở trong túi ngực như bốc cháy. Đến khi thày vỗ vai giục đi, ta mới sực tỉnh. Chúng ta lặng lẽ đi bên nhau một đoạn đường khá xa thày mới nói: "Thương gia Trần Lấp là người họ Vũ, vì hổ thẹn nên chuyển sang họ Trần đấy thôi. Các đời họ Vũ đều được gọi là *chúa Bầu*, cai quản mấy châu vùng biên. Bắt đầu từ Vũ Văn Uyên, tới em Uyên là Vũ Văn Mật, con Mật là Vũ Công Kỷ, con Kỷ là Vũ Đức Cung, con Cung là Vũ Công Đức, con Đức là Vũ Công Tuấn, tất cả được sáu đời, đến đời thứ sáu thì dâng đất cho Vân Nam để làm phản". Ta nghĩ sao mà thày nhớ dai đến thế, nhưng lịch sử vốn dĩ công bằng. Đi một đoạn nữa thày nói tiếp: "Nhưng con cháu họ biết hổ thẹn với tiền nhân cũng là phải đạo".

Ta ngửa mặt lên trời mà đựng dòng nước mắt.

Đại Thanh bao la, nàng ở nơi nào? Ta cứ ao ước có một ngày đi khắp cùng trời cuối đất để tìm gặp được nàng, dù một khắc, một giây thôi cũng được.

BẢY NGÀY MỞ HỘI

Đầu xuân Tân Hợi (1251), vua Trần Thái Tông tự viết bài minh để dạy cho các hoàng tử về điều hay lẽ phải ở đời. Vua ban rằng:

"Ta ngày đêm suy ngẫm, viết ra ngàn chữ mà chưa nói hết lòng, nghĩ đến chữ hiếu, chữ trung thấy còn hạn, phàm làm đấng quân vương, thì phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, tâm thiên hạ là tâm của mình. Nghe bọn sứ thần kể rằng, ở tận vùng Hoa Bắc có nạn người Mông, chiếm thổ từ Đông sang Tây, ta chạnh nghĩ, rồi đây nhỡ Đại Việt lâm nạn, liệu có còn những danh tướng như Lý Thường Kiệt thuở nào, các hoàng tử đã nghĩ tới vận hạn này chưa?"

Các hoàng tử tâm sự đêm ngày, mộng ước làm người chính danh.

Chọn ngày lành, vua gả công chúa Thiên Thành cho Trung Thành Vương, chàng phò mã tương lai được Thái sư Trần Thủ Độ chọn dâng nằm trong số ba mươi người, đều là con các thân vương trong hoàng tộc. Chàng mỏng người, mặt sáng, kiến văn sâu rộng, khí chất tinh thông.

Vua ban mở hội suốt bảy ngày đêm, bày nhiều đồ vật quý báu về lễ kết tóc và nhiều trò chơi cho người trong triều, ngoài nội đến xem. Trước ngày cưới nhà vua ban cho công chúa sang ở nhà Nhân Đạo Vương, bố của Trung Thành Vương.

Vì sự kiện này mà quan chép sử Trần Phu, trầm ngâm, quệt bút tới ba lần rồi đành viết: Thái Tông nghe Thủ Độ xếp đặt đã rồi, nhưng lại làm chẳng đúng tôn ti, chưa cưới bệ hạ đã cho công chúa về nhà bố chồng, thì lệ xưa nay đâu có vậy?

*

Ngày đầu tiên trong tuần mở hội, là lễ rước công chúa về nhà bố chồng tương lai Nhân Đạo Vương. Công chúa thường ngày mặt sáng như trăng rằm, môi mọng như trái chín, dáng vóc thanh tao, bước đi nhẹ nhàng, vậy mà hôm nay mặt hoa ủ dột, chẳng nói chẳng rằng, mắt như ngân ngấn lệ. Công chúa không ngự trên kiệu mà đi xe loan, rèm buông bốn phía. Đôi ngựa trắng kéo xe phủ vải nhiễu điều hồng. Bọn nữ tì bưng tráp, quan thái giám ô lọng theo chân, hàng tùy tùng

chỉnh tề mũ áo đứng hai bên cửa Tử Cấm Thành đưa tiễn. Những con chim cu sà xuống lối đi, nhởn nhơ tìm bạn, khi xe loan từ từ tiến ra cổng, đàn chim bay liệng thành vòng, dân hai bên đường cúi rạp đầu chào rồi tung hô lời chúc phúc. Bỗng dưng, ai cũng ngỡ ngàng, chẳng hiểu chuyện gì mà công chúa Thiên Thành thò hẳn mái đầu tết dây hoa ra khỏi rèm, nàng ngơ ngác nhìn trước nhìn sau như tìm kiếm ai đó, đến nỗi có đám thị dân bạo dạn còn nhìn rõ cả cái kim trâm bằng vàng cài trên mái tóc đen nhánh của nàng. Sau phút ngỡ ngàng, quan thái giám phục dịch nàng từ thuở nhỏ mới đến cạnh xe: "Thần khấu đầu xin công chúa giữ gìn gia phong, đừng để phiền lòng Hoàng thượng". Nàng tiếc nuối ngó nghiêng tìm kiếm xung quanh một lần nữa, rồi mới chịu buông rèm.

Trống giong cờ mở, đám thảo dân tính chuyện đón đầu, lũ lượt theo nhau về trước cổng dinh Nhân Đạo Vương ở phía cửa Đông kinh thành để chiếm chỗ. Chưa bao giờ lòng người hoan hỉ như vậy, nam áo đen, nữ áo tứ thân sặc sỡ, ai cũng muốn được nhìn thấy mặt ngọc một lần. Bất ngờ, rèm trên xe lại bùng nhùng như muốn bung ra, nhưng quan thái giám túc trực bên cạnh đã kịp thời túm chặt lại.

Xe rẽ vào trong cổng tết đầy hoa thì bất ngờ có một kỵ sĩ phi ngựa tới, người đi xem hội tránh dạt ra hai bên đường, chàng gào lên một tiếng: "Công chúa, ta đây!". Nhưng cái cổng lớn đã khép, con ngựa dậm chân một lúc rồi quay đi. Nhân Đạo Vương được cấp báo có kẻ càn quấy ở cổng, ông giận lắm, ra lệnh cho bọn giai nhân phải đuổi theo bắt về bằng được. Đám lính canh lập tức lên ngựa, theo tay người chỉ đường, đi không xa đã thấy người và ngựa của tên phá quấy thẫn thờ đứng ở bờ sông Cái. Chỉ nhìn phía sau, bọn lính đã biết đó là một chàng trai, chàng trầm tư nhìn dòng sông, mặt nước lững lờ, như vô tình, như bàng quan mọi chuyện. Chàng không quan tâm ai ở phía sau mình, chỉ khi nghe tiếng quát mới quay lại. Khi nhận ra chàng, đám lính canh giật mình, lùi lại khấu đầu. Chàng không nói không rằng, lên ngựa lững thững bỏ đi.

Chàng trai đó là Trần Quốc Tuấn, con nuôi của công chúa Thụy Bà, người đàn bà quyền uy, nổi tiếng bênh con nên cả kinh thành ai cũng e ngại.

Sử quan ghi chép tỉ mỉ về thủ tục đưa đón có một không hai này rồi buông dòng kết đúng như sự thật lịch sử: Ngày chạm ngõ, thiên hạ cùng vui hưởng lạc, nhưng vừa ra tới cổng Hoàng thành, công chúa lại còn mở rèm nghiêng ngó, cứ như triều chính trật tự bất yên, chẳng giữ gìn thể diện.

*

Trần Quốc Tuấn là con trai Yên Sinh Vương (Trần Liễu), nhưng từ nhỏ đã được công chúa Thụy Bà (chị của Trần Cảnh và Trần Liễu) nuôi dưỡng ở trong hoàng tộc. Quốc Tuấn chăm học từ nhỏ, lại có tư chất thông minh, học rộng, biết nhiều, năng khiếu võ nghệ bẩm sinh, thày dạy nào cũng khen sáng dạ.

Sự việc Quốc Tuấn phóng ngựa đến cổng nhà Nhân Đạo Vương đã đồn đến tai bà, vậy mà không những bà không quở trách mà còn lớn tiếng bênh vực. "Cùng là cô cháu trong hoàng tộc, thân tình thế, nay công chúa lấy chồng lẽ nào nó không xốn xang!".

Bà nói không sai, tuy là cô cháu, nhưng từ nhỏ Quốc Tuấn đã sớm mang vẻ hiểu biết, hay dạy bảo cô đủ trò nghịch ngợm. Công chúa Thiên Thành ở trong cấm cung, nhưng hễ có cơ hội lại tót sang nhà bà chị Thụy Bà tìm Quốc Tuấn. Quốc Tuấn hay bày trò, thích mạo hiểm, trèo cây vặt quả, có một lần ở vườn thượng uyển, Quốc Tuấn dạy cô trèo cây bắt ve sầu, cô trèo lên trước, cháu trèo sau, vai cháu đỡ vào mông cô mà đẩy. Công chúa bấu vào cành cây khô, bất ngờ cành gẫy, thế là trượt qua vai cháu rơi xuống, công chúa chưa bao giờ bị đau đến thế, khóc lặng người. Quốc Tuấn sợ quá, bế cô đặt trên võng đào, vừa dỗ vừa đánh vào cái vai mình, tại ta, tại ta, ta thề đánh đến bao giờ cô nín. Trời tối, thấy vắng bóng công chúa, cả nhà tá hỏa đi tìm, ra đến vườn thượng uyển, thấy Thái Tông đứng đó, ngài ra hiệu bảo mọi người lặng yên, nào ngờ trước mặt vua, trên võng đào, hai cô cháu như hai thiên thần đang ôm nhau ngủ. Thái Tông bảo với Thụy Bà rằng, ta trông Quốc Tuấn mới năm tuổi mà đã ra dáng nam nhi, mặt đầy vượng khí.

Ngày thứ hai của lễ hội, Thụy Bà chỉ thấy Quốc Tuấn lầm lì ở trong thư phòng, thương con bà chỉ muốn nói lời khuyên nhủ, nhưng chàng có ý lánh mặt, đâm lo. Một lần, bà vào thư phòng quan sát, thấy quyển kinh thư để mở trên bàn, lại nghĩ, hẳn con ta đang dùi mài kinh sử đấy thôi!

Ngày hôm nay gia đình phò mã tương lai mới được phép đưa lễ vật chạm ngõ vào cung. Thụy Bà đại diện họ nhà gái, nhận lễ, bảo với Nhân Đạo Vương rằng: "Hôm lễ ăn hỏi, nhà người phải sắm cho đôi nhạn, tương truyền người Tống coi nhạn là đôi uyên ương tượng trưng cho lòng chung thủy, bởi vì chúng sống, chết luôn quấn quýt cùng nhau".

Từ khi có chuyện Quốc Tuấn cưỡi ngựa nghênh ngang, phạm đạo, Nhân Đạo Vương lòng dạ

không yên, tự thấy cần cảnh giác. Ông lệnh cho lính canh gươm giáo đầy mình, bố phòng cẩn mật, kẻ nào dám xâm phạm vùng cấm đều được phép tống giam. Ông còn cho điều tiếp gia nô từ nhà riêng con trai Trung Thành Vương sang để tăng cường phòng vệ.

Thụy Bà sợ Quốc Tuấn nhớ cô mà buồn, nên chẳng mang chuyện vui trong cung về kể. Thương con giấu ở trong lòng, nỗi niềm càng chất chứa thì càng bức xúc. Bà hỏi Quốc Tuấn, sao con không đi xem hội, Quốc Tuấn nhìn bà lơ ngơ một lúc lâu rồi mới mở miệng: "Vậy là Thiên Thành đã là vợ người ta rồi sao thân mẫu?". Bà nhẹ nhàng giải thích, là chưa, mới là thủ tục chạm ngõ, ngày mốt mới ăn hỏi, đến ngày hội thứ bảy, nhà trai đón dâu về, lúc ấy cô con mới chính thức thành vợ Trung Thành Vương. Quốc Tuấn vừa đi vừa nhẩm tính, rồi bỗng thốt lên; "Chỉ còn có bốn ngày nữa thôi sao, thân mẫu?".

Cuối ngày thứ hai, sử quan hạ bút: Thái Tông cứ làm điều nghịch lý, không ra tín mà cũng chẳng ra nghĩa, đưa em gái về nhà chồng rồi mới bày trò thủ tục cưới cheo. Thủ Độ có tiếng quán xuyến trong ngoài, không việc gì bỏ qua, vậy mà cũng làm ngơ?

Làm quan chép sử là thế, chẳng ai được phép tận tường, nên thỉnh thoảng ngài lại chua một lời nhận xét, chỉ cốt để răn đời sau.

*

Ngày hội thứ ba, vua ban mở hội đua thuyền lá trên sông Tô, chăng đèn kết hoa trên sông Cái. Kinh thành náo nhiệt, đâu đâu cũng kể chuyện công chúa Thiên Thành. Các nho sinh trong Quốc Tử Giám lấy thi hứng làm thơ, vẻ đẹp của công chúa được tô vẽ khiến chim phải sa xuống, cá phải dừng bơi, cặp uyên ương đẹp như sao sáng trên bầu trời Đại Việt. Vua Thái Tông mừng rỡ nghe hoàng tử đọc thơ, ngài khen là tài, nhưng lại ngẩn người nghĩ ngợi, sao cái bọn nho sĩ kinh thành lại khoa trương đến thế?

Hội thi thuyền lá ở sông Tô bước vào giai đoạn cuối, Quốc Tuấn, được xung vào đội đua, vốn nguồn gốc cha ông xưa là dân chài lưới, chàng chèo khỏe đến nỗi chẳng biết va vào đâu mà gãy cả mái chèo, khiến cho đội nhà đang thắng bỗng thành bại. Chàng thất thểu vác cái bơi chèo gãy phang tứ tung, giận cá chém thớt, lòng rối bời bời, không hiểu vì thất bại cuộc đua hay vì cô đi lấy chồng, có ai hiểu nỗi lòng công tử?

Những ngày này Thụy Bà bận việc, lại được hoàng thượng ủy thác nên bà thường ở suốt bên Cấm Thành, hôm nay cũng vậy, nhưng về đến nhà lại không thấy Quốc Tuấn đâu, vào thư phòng, quyển kinh thư vẫn mở đúng trang ngày hôm trước. Bà lo lắng hỏi bọn gia nhân thì không ai rõ, bà đâm hoảng, bắt gia nô đánh xe ngựa chở đi khắp kinh thành, hết lò đấu vật này lại đến chỗ đấu cờ kia, nơi nào có trò bà đều đến cả. Quốc Tuấn ở đâu? Sao con tránh mặt ta, sao con không nghĩ tới lòng mẹ? Trời tối dần, chiếc xe ngựa tha thẩn ra tới bờ sông Cái, trên bến, dưới thuyền, rực rỡ đèn hoa mà lòng bà sao trống vắng. Bà bắt gia nhân cứ đánh xe đi dọc đê sông Cái, càng đi xa, ánh sáng tối dần, bất ngờ thấy con ngựa của nhà mình đang thả rông gặm cỏ trong đêm, bên cạnh, Quốc Tuấn thẫn thờ như một võ quan thất trận, chàng ngồi như kẻ vô tình, vô tâm, cặp mi xếch nhíu lại như hai lưỡi mác. Thụy Bà đứng ngây người nhìn con xót xa, điều bà muốn gạt ra khỏi đầu, nhưng nó cứ dằn vặt mãi, hay là Quốc Tuấn phải lòng công chúa Thiên Thành. Trời ơi, nếu vậy thì ta biết làm sao đây! Bà đặt nhẹ bàn tay lên vai Quốc Tuấn nói: "Về đi con, trời tối lâu rồi!"

Nhưng trớ trêu thay, điều lớn vởn trong đầu bà lại là có thật.

Thụy Bà nuôi Quốc Tuấn từ khi còn nhỏ, chàng được gửi vào tay Thụy Bà từ khi Trần Liễu về trấn vùng Yên Sinh, nguyện vọng của Trần Liễu muốn con trai được giáo huấn từ trong hoàng tộc, cùng trang lứa, bên Hoàng cung có công chúa Thiên Thành, chúng lớn lên bên nhau, vô tư bên nhau, và người mẹ thì luôn coi con mình lúc nào cũng là trẻ nhỏ. Thời gian trôi mau, Quốc Tuấn thành chàng trai vạm vỡ, Thiên Thành đến thì thiếu nữ xinh tươi, bầu ngực chúm chím to dần, nàng e thẹn má ửng hồng mỗi khi đôi mắt thẳm sâu của Quốc Tuấn thẫn thờ chọc ghẹo. Thời gian này người ta sang chơi nhà nhau phải tìm cớ, cái cớ của Thiên Thành là để được chàng giảng về giải kinh sách. Bà giật mình nhớ lại, công chúa suốt ngày thích quẩn quanh bên bà, ngay cả những hôm Quốc Tuấn đi Giảng Võ Đường, nàng ngồi lì ở thư phòng chờ chàng cho bằng được, rồi mỗi lần chúng đang ríu rít bên nhau, thấy bà là nói lảng sang chuyện khác. Chừng ấy thôi cũng đủ để bà sang bên Hoàng cung thưa chuyện với Thái sư, lệ của nhà Trần được lấy người trong tộc kia mà, sao bà vô tình, vô tâm đến vậy? Nhưng đó cũng chỉ là hiện tượng bề ngoài, họ đã không còn xưng cô cháu với nhau từ trước đó. Chuyện bắt đầu từ hôm nàng mặc chiếc áo trắng

thêu kim tuyến xanh, ngực nở vai bồng, rực rỡ như thiên nga, nàng quay trước quay sau rồi hỏi Quốc Tuấn:

- Công tử thấy áo ta có đẹp không?

Tình ý đã lâu, giờ lại được mớm lời, chàng nói:

- Nàng đẹp cả khi mặc áo của nơi thôn dã.

Công chúa lại bảo:

- Công tử có muốn đến với ta không?

Chàng ngẩn người, quỳ xuống nói thề:

- Thiên Thành ơi, đã lâu rồi, ta muốn cùng nàng đi đến cùng trời, cuối đất.

Họ cứ thế mà nắm tay nhau, lại còn cầm chung ngọn cỏ, kể cho nhau nghe về sự tích cây xấu hổ. Nàng bẽn lẽn nép bên chàng!

Sử quan hồ hởi chép rằng: tiết trời còn lạnh, bầu trời trong xanh, mây sáng báo hiệu điềm lành. Thông gia kết nối thông tỏ, sính lễ đủ đầy, xem ra nhà Trần được nhờ ở cái vận hạn. Hội càng tới càng vui.

*

Ngày thứ tư, cũng là ngày khai trương đấu võ ở Giảng Võ đường. Các võ sinh cởi trần, vấn đai, hùng dũng từ các làng quanh đô náo nức kéo về. Thụy Bà biết, võ đường là nơi Quốc Tuấn đam mê, nhưng vì việc lớn nên bà khuyên Quốc Tuấn nên sang dự lễ ăn hỏi công chúa, Quốc Tuấn vâng lời ngay, bà mừng lắm.

Lễ vật ăn hỏi gồm trâu, lợn, mấy mâm trầu cau, mười lăm tấm lụa, mâm chất thỏi vàng, mâm xếp thỏi bạc, mâm đặt bông vàng, chuỗi ngọc, kim trâm, lại có thêm bảy vò rượu quí. Đôi nhạn, theo yêu cầu của Thụy Bà, đựng trong cái lồng nạm bạc, chúng nhảy tung tăng, làm ai nấy đều vui mắt. Thụy Bà giả bộ tươi cười nhận đồ sính lễ mà lòng cứ héo đi bởi lẽ thoắt cái đã không thấy Quốc Tuấn, lại được biết công chúa ở bên nhà Nhân Đạo Vương mấy hôm đầu nằng nặc đòi về, đến hôm phải về làm lễ ăn hỏi thì nàng đòi ở lại. Thay mặt hoàng tộc, Thụy Bà khuyên Nhân Đạo Vương bình tâm, làm nhiều trò vui cho công chúa vơi đi nỗi nhớ. Bà bảo, chuyện công chúa nhớ người thân nên tính nết nảy sinh là bình thường, bởi chưa bao giờ nàng phải xa nơi cung cấm. Bà bảo, thỉnh thoảng ngươi để Trung Thành Vương tiếp chuyện với nàng, lấy tài năng chữ nghĩa ra mà khuất phục, trai gái tuy chưa tỏ mặt, nhưng mưa dầm thấm lâu.

Trời đã xẩm tối, vậy mà Quốc Tuấn vẫn chưa về, giờ này cũng đã thôi trò thi thố ở võ đường, Thụy Bà lo lắng quáng quàng, bắt gia nhân đánh xe đi ngay lập tức. Tới Giảng Võ Đường, sân tập trống không, Thụy Bà hốt hoảng đi vào trong sân, miệng gọi, chân bước, đi tới, đi lui vẫn chẳng thấy, có người bảo ở tận trong hậu trường vẫn còn người tập đấy. Bà vội đến nơi, hóa ra chỉ còn mình Quốc Tuấn, bên bó đuốc cháy đùng đùng, cả người chàng cũng hồng lên như đuốc. Bà nhìn thấy con mà lòng đau xé ruột, chàng vẫn hăng say, nhưng không phải là tập, trời ơi, chàng đang hủy hoại thân mình, chàng đấm, đá vào bao cát, vào cột, đập đầu vào tường, cái gì chàng cũng muốn nó tan ra, chàng hành hạ tấm thân mình cứ như nó là kẻ gây nên tội vậy.

Người đàn bà cứng cỏi có tiếng trong triều ấy nhẫn nại bước đến bên công tử: "Về đi con, trời tối lâu rồi con ạ!"

Đêm ấy, khi chỉ có hai mẹ con, bà đến bên Quốc Tuấn nhẹ nhàng khuyên bảo, mẹ có thể vì con làm tất cả mọi điều, nhưng số trời thì mẹ làm sao tính được! Quốc Tuấn mủi lòng, chàng gục vào lòng mẹ: "Thân mẫu ơi, con có phải là thằng hèn không hả mẹ?". Bà hoảng hồn, sao nó lại thốt ra điều gì lạ lùng vậy? Từ hôm ấy Thụy Bà thấy lo thật sự, cái điều lởn vởn trong đầu bà nay đã thành sự thật, Quốc Tuấn phải lòng Thiên Thành thật rồi, cái gì tiếp đến nữa đây?

Quốc Tuấn hận mình vì không giữ được lời hứa, bởi vì cũng tại vườn Thượng Uyển, họ đã ngầm tỏ lời cầu hôn, nàng đã hỏi chàng:

- Công tử có bảo vệ được ta không?

Quốc Tuấn bảo, công chúa có cả một thế lực, vòng trong vòng ngoài, con kiến chui vào khó lọt, cần gì đến ta bảo vệ? Công chúa giận dỗi mắng yêu:

- Sao công tử nông nổi thế, là ta nói bảo vệ trái tim này, ta chỉ muốn dành trọn cho công tử, chàng có hứa với ta không?

Quốc Tuấn cầm bàn tay nhung lụa của nàng và nói:

- Ta chỉ muốn sống cùng nàng, chết bên nàng, đời này, kiếp này không giữ được nàng thì ta không còn là Quốc Tuấn.

Sử quan ngẫm nghĩ hồi lâu rồi mới nâng bút viết: Xem ra anh chị em Hoàng Thượng có ngầm ý

chống Thái sư, ngày vui sính lễ văn hoa thế mà Thiên Thành không chịu về bái tổ, nghịch lý vậy ru!

*

Sang ngày thứ năm rồi mà trong triều Thụy Bà vẫn còn chưa thấy yên tâm, bởi lẽ nhiều việc phải đến tay bà, ngày kia, nhà trai chính thức làm lễ đón dâu. Thụy Bà kỹ tính lại chu đáo nên việc nào cũng thấy bà chỉnh đốn, làm đi rồi sửa lại. Bộ binh phái đủ một trăm lính cầm cờ, nghi trượng ai cầm, vua ban giáo huấn ở đâu. Tuy bận trăm công nghìn việc, nhưng cái gì bà cũng muốn nhìn tận mắt, kiểm tận tay, lại muốn nó qua đi thật nhanh để Quốc Tuấn của bà không phải dằn vặt nữa, nội tâm con người mâu thuẫn là vậy. Từ khi nhận ra Quốc Tuấn nặng lòng với Thiên Thành, Thụy Bà lòng dạ bồn chồn, bà không muốn tin nhưng chứng cứ rõ dần, rõ nhất lộ ra lại là vẻ mặt Quốc Tuấn. Một lần Thủ Độ ngang qua, khen bà chuẩn bị chu đáo rồi ghé tai nói nhỏ: "Quốc Tuấn nó dễ làm liều, chị để mắt đến nó". Bà thót tim, làm sao cái chuyện cỏn con lại đến được tai Thái sư?

Từ đấy bà cứ vấn vương. Ngày trước Trần Liễu làm phản, bị Thủ Độ rút gươm chém không thành, không lẽ đến con trai hắn Thái sư vẫn còn cảnh giác? Từ đấy bà tính chuyện phải canh chừng, phải giữ. Xem hội về, chàng vào ngay thư phòng, nhưng bà biết, quyển Kinh thư vẫn chưa thấy sang trang. Bà mang cốc nước cam để trên bàn, cốt kiếm cớ quan sát, "con uống đi cho đỡ mệt". Chàng nhìn bà trân trân, lần đầu tiên chàng nhìn bà vẻ thách thức như thế, cứ như mẹ con đang xung khắc vậy. Bà càng tận tâm, chu đáo cho đám cưới Thiên Thành, như càng chọc sâu vào nỗi đau của Quốc Tuấn vậy. Lại nhớ hôm công chúa mặt mày ủ dột ra xe loan về nhà Nhân Đạo Vương, nhưng khi bước lên bậc xe, nàng ngoái đầu nhìn lại, ánh mắt trẻ thơ ngơ ngác, như muốn hỏi các người làm gì ta vậy, khi thấy bà, mắt nàng trân trân, như hờn, như trách, như đôi mắt Quốc Tuấn hôm nay vậy. Chả lẽ ta sai?

Thấy Quốc Tuấn lừng lững bỏ ra ngoài, không thưa gửi, bà ngạc nhiên hỏi:

- Quốc Tuấn, con không còn chút phép tắc gia phong sao?

Quốc Tuấn lầm rầm, hậm hực, nhưng rồi quay sang mẹ, chàng nói:

- Thân mẫu ơi con phải làm sao đây?

- Ngươi nói cái gì, quay lại đây, con nói cái gì vậy hả?

Người mẹ hoảng hồn, muốn níu con lại, nhưng chàng đã lầm lũi bỏ ra ngoài.

Sử quan ghi: Thủ Độ mắt như diều hâu, quét đến chỗ nào, quan quân co rúm lại, hôm nay Thái sư quán xuyến đến ngày cưới Thiên Thành. Thụy Bà được nghe lời nhỏ, mặt bỗng tái xanh.

*

Hội bước sang ngày thứ sáu, Thụy Bà thấy ruột nóng bời bời, cứ như có điềm gì ghê gớm sắp đến. Từ Cấm Thành về, việc đầu tiên bà vào thắp nén nhang, cầu trời đất, tổ tiên, hoàng tộc phù hộ độ trì để Quốc Tuấn được an bình.

Trong thư phòng đèn vẫn sáng, Quốc Tuấn ngồi vò võ, trước mặt là quyển kinh thư vẫn để mở như ngày hôm qua, mắt chàng đau đáu, đôi mày chau lại. vẻ mặt mung lung, quyết liệt. Chàng đang tự vấn trong tâm, thời gian công chúa lên xe hoa sắp đến, nàng sắp thành vợ người ta, khát khao được gặp nàng bùng lên thành lửa; lòng chàng như có tiếng con tim Thiên Thành đập rộn, nàng đang mong ta, đang gọi ta, bởi vì nàng đã trao nó cho ta, mất nó ta không còn là Quốc Tuấn!

Chàng ra khỏi thư phòng, khói hương còn phảng phất. Mẹ ơi, con đi lần này chắc lòng mẹ đau. Lúc ấy Thụy Bà đã đi dặn dò lính canh, bảo chúng khôn khéo rình Quốc Tuấn, khi chàng ra khỏi nhà, phải báo ngay để bà biết. Bà nằm trên võng đào ngoài hiên, vừa để thư giãn vừa có ý canh chừng, chỉ còn một đêm nay nữa thôi, cầu mong con ta không làm chuyện kinh thiên, lời Thủ Độ đến bây giờ vẫn còn lạnh gáy.

- Thân mẫu ơi! Quốc Tuấn quỳ bên võng mẹ và nói - Con hư mất rồi!

Bà thấy dội lên ở cổ, bà biết con bà đau, nhưng biết làm sao được:

- Quốc Tuấn ngoan của mẹ, lại đây.

Chàng gục vào lòng mẹ, bà lại thấy chàng bé bỏng như xưa, đôi tay bà lần từng sợi tóc:

- Vào ngủ đi con, mẹ thương!

Bà muốn nói lời sâu sắc lắm nhưng nó cứ nghẹn ở cổ, không chịu buông ra, khi Quốc Tuấn trở lại thư phòng, mắt bà ngấn lệ, nhưng lòng lại thấy vui vui, con bà sâu đậm hơn người, biết nhận lỗi lầm trước mẹ, bà thiu thiu trong giấc mộng êm đềm.

Đêm ấy tối trời, ngoài đường đèn hoa chăng khắp mọi nơi, ở chỗ tối hơn còn được thắp thêm đuốc. Dân chúng kéo giăng khắp các nẻo đường, ai cũng náo nức chờ ngày mai là ngày quan

trọng. Quốc Tuấn đi trong đám đông, bỏ sau dư luận.

Lúc ấy mới khoảng canh ba, Thụy Bà giật mình tỉnh dậy, hóa ra là tên lính canh đã quỳ mọp trước võng bà, nó tâu rằng, Quốc Tuấn đã bỏ ra ngoài từ nãy.

- Nó đi đâu?

- Thiếu gia đi về hướng nhà Nhân Đạo Vương.

Thụy Bà hốt hoàng:

- Trời đất, tại sao các người không nói sớm?

Cùng lúc tên lính thứ hai hốt hoảng đến báo, Quốc Tuấn đã vào trong dinh thự của Nhân Đạo Vương, bà bật lên: "Con tôi bị chém chết rồi!". Bà hỏi nó: "Rồi sao?". Nó run rẩy thưa, cả dinh thự đèn đuốc sáng trưng. Thụy Bà kêu: "Thế thì sao còn cứu nổi mạng sống!". Bà quáng quàng gọi xe, chiếc xe ngựa kéo phi ra khỏi Hoàng Thành hướng đến nhà Nhân Đạo Vương, nhưng bất ngờ bà lại bắt quay lại, phóng thẳng vào cửa Cấm Thành. Lúc ấy, bà mới chợt nhận ra, thảo nào tối nay nó quỳ xuống là để tạ tội với bà, là để đi vào chỗ chết!

Đến cửa Cấm Thành, Thụy Bà gõ cửa cấp báo, người coi cửa chạy vào cáo cấp với vua. Thái Tông ra tới nơi đã thấy chị mình quỳ trước điện, vái như tế sao, "Tâu bệ ha, không ngờ Quốc Tuấn ngông cuồng càn rỡ, đang đêm lẻn vào chỗ Thiên Thành, Nhân Đạo đã bắt giữ hắn rồi, e giờ không nhanh sẽ không còn mạng sống". Thái Tông thấy bất ngờ, nhưng cũng thoáng hiểu ra, lập tức nhà vua lệnh người hầu cận đến ngay nhà Nhân Đao Vương can ngăn, rồi mới nâng chị mình đứng dậy.

- Sao hắn dám cả gan đến nhà người ta kia chứ?

- Tâu bệ hạ, chuyện này dài lắm, thần thấy chúng đã có tình ý với nhau.

Thái Tông lúc này mới giật mình, thảo nào trên đường về nhà Nhân Đạo Vương, công chúa dám vạch rèm trên xe loan, hóa ra đang tìm kiếm Quốc Tuấn.

- Sao không thấy chị nói chyện này với em?

Thấy Thái Tông xưng hô chị em, Thụy Bà đánh bạo thưa chuyện với nhà vua như nói với cậu em Trần Cảnh ngày xưa vậy:

- Nào chị có biết, mấy ngày mở hội, Quốc Tuấn không ăn không ngủ, lấy tấm thân đọa đầy, chị mới nhận ra thôi.

- May mà chị còn đến kịp, Nhân Đạo Vương có thể đánh chết hắn mà không có lỗi - Thái Tông chậm rãi nói - Quốc Tuấn là đứa chịu khó, học rộng, chí cao, em tin nó là người cần cho xã tắc sau này, sao mà nó lại ngông cuồng như vậy chứ.

Có tin cấp báo từ nhà Nhân Đạo Vương, chỉ thấy kiếm trần xung quanh Quốc Tuấn. Thụy Bà run lên, không còn hồn vía, vua lập tức sai quan thái úy mang chỉ dụ đến ngay nhà Nhân Đạo Vương rồi mới bảo Thụy Bà, "không có chuyện gì đâu, chị đừng ngại". Nhưng thực tình lúc ấy mặt rồng cũng biến sắc, Thái Tông trầm tư một chút rồi chân tình cùng chị:

- Nếu quả tình chúng có thành ý với nhau, thì khó bề chia cắt, điều này thì em cũng đã trải qua. Hồi phải chia tay Lý Chiêu Hoàng, em một mình một ngựa bỏ về Yên Tử, chẳng thiết ngai vàng, chẳng thiết vinh hoa, chỉ cốt tâm hồn thanh thản nơi cửa Phật. Trên đường đến Yên Tử, vất vả trăm bề, khi qua rừng rậm, khi vượt suối sâu, uống nước lã, ăn quả rừng, thấy người sợ họ nhận ra thì che mặt, chỉ nghĩ làm sao xa được cái ngai vàng mà vì nó mình thành kẻ vô tình, thành kẻ vô tâm, thành ra độc ác...

Thụy Bà thấy Thái Tông nói vậy, bà lơ mơ hiểu ra rằng Quốc Tuấn còn có cơ may...

*

Tại dinh thự Nhân Đạo Vương, đúng như tên lính canh đã bẩm báo Thụy Bà, Quốc Tuấn đi thẳng vào cổng chính, có lính canh cúi chào (vì cả kinh thành ai thấy con trai Thụy Bà đều kính cẩn), rồi thẳng tới nơi công chúa ở, nơi ấy có tới sáu nữ tỳ phục dịch, thấy chàng, bọn nữ tỳ tá hỏa, đẩy cửa cấp báo cho công chúa. Trước đêm làm dâu, công chúa còn trằn trọc chưa khép nổi mày ngài, nàng chưa chải tóc, chưa kịp khoác áo ngoài, đã thấy chàng lừng lững che lấp cả khuôn cửa rộng.

- Công tử! Công chúa kêu lên, chàng trốn biệt ở nơi nào mà giờ mới tới, rồi nàng lao ra đấm thùm thụp vào ngực chàng - Chàng thề thốt, chàng hứa hẹn, rồi để ta bị giam cầm ngần nấy ngày trời mà không thấy xót xa ư? Nàng nói, nàng khóc, rồi nàng ngã vào vòng tay vạm vỡ của chàng.

Bọn nữ tỳ thấy cảnh ấy cũng chỉ biết chạy ra ngoài, khép nhanh cửa lại.

Lúc ấy không thấy Nhân Đạo Vương xuất hiện, nhưng cổng ngoài lập tức được lệnh khép chặt, một lúc sau lính vệ mới kéo tới vây chặt căn nhà nơi công chúa ở. Gươm sáng loáng, đuốc sáng

bừng.

- Tên gian dâm kia, mau ra đền tội!

Chúng gọi tới, gọi lui, cửa vẫn đóng im ỉm, rồi đột nhiên Quốc Tuấn đẩy cửa bước ra, bọn gia nhân chỉ biết khép nhanh cửa giữ công chúa lại. Quốc Tuấn lừ lừ như con hổ dữ khiến bọn lính lùi lại. Sau phút bất ngờ, bọn chúng mới hò hét xông tới, kẻ đâm, người chém, tiếng gươm giáo choang choang. Chàng vung tay cướp được một cây kiếm, cây kiếm ấy loang loáng vòng xoáy trên đầu, tất cả bị bất ngờ dạt ra, quây thành vòng trước mặt chàng. Quốc Tuấn chống gươm nói:

- Ta dám làm dám chịu, chỉ muốn nói điều này. Công chúa Thiên Thành không có tội, tội là do ta, ta xin chịu cái chết này. Nói rồi, chàng ném gươm ra xa.

Đột nhiên cửa phòng công chúa lại bung ra, nàng lao nhanh tới, ôm lấy chàng, run rẩy, vuốt ve, "Cho ta chết cùng công tử!". Bọn lính nhà Nhân Đạo Vương hoảng hồn, chưa biết xử lý ra sao, cứ để cho đôi trai gái tã tượi ôm nhau trong vòng gươm dáo tua tủa, ngọn đuốc đùng đùng, soi tỏ thánh nhân cùng vệ nữ. Trong đám lính canh, có kẻ đã cúi đầu, ai dám ném nhát gươm vào họ?

Khi có tiếng lính vệ triều đình hô hoán, Nhân Đạo Vương mới lệnh cho gia nhân mở cổng rồi qùy trước sân chờ nghe chỉ dụ vua ban. Chỉ dụ nói rằng: giải tán binh đao, không được ồn ào, không được phao tin, ai về nhà nấy. Lúc ấy Nhân Đạo Vương mới hỡi ôi, thưa với các quan trong triều, lời lẽ xem ra có phần chua xót: "Tưởng kẻ nào xằng bậy, ai ngờ lại là đứa con cưng của Thụy Bà, đáng tiếc! Đáng tiếc!". Khi bọn lính canh dẫn Quốc Tuấn về triều rồi, ông mới cho người nhà giải tán.

*

Trời chưa sáng, trong cung cấm vẫn lặng yên, nhưng tại điện Diên Hiền, Thái Tông, Thủ Độ, Nhân Đạo Vương và Thụy Bà mỗi người một vẻ, căng thẳng lắm. Việc Quốc Tuấn làm càn, không thể dung tha, Thủ Độ đội mũ cánh chuồn, áo thụng tím, đi hia như trong buổi thiết triều, trịnh trong thưa rằng:

- Vua trị bề tôi bằng phép nước, phép nước không nghiêm thì loạn, thì mất lòng thiên hạ, con thuyền không có sức dân thì đắm - Người có công khai sinh ra triều Trần nói - Thần ngày đêm lo giữ phép nước, định tội đồ theo thứ bậc khác nhau, soạn ra Quốc triều thống chế, chỉ một lòng một dạ vì gia tộc này. Thần chỉ muốn thỉnh cầu bệ hạ một nhời này, trị nước thì phải làm từ trên xuống dưới mới lấy được lòng thiên hạ.

Nghe Thủ Độ quyết liệt thế, Thái Tông đau đáu, trầm tư, đi đi lại lại. Vua vận áo lụa, chít khăn, đi giày vải, ngài muốn bàn câu chuyện trong nhà, nhưng Thủ Độ thì ngược lại, coi là việc triều chính.

- Còn khanh? Thái Tông hỏi Nhân Đạo Vương - Ta thích khanh nói thẳng?

Nhân Đạo Vương nhìn sang Thủ Độ mặt đanh như sắt đá, lại nhìn sang Thụy Bà, đôi môi run lên, từ nãy bà đã cúi đầu nhờ Nhân Đạo Vương cất lời xin Hoàng Thượng tha mạng sống cho Quốc Tuấn. Ông đứng giữa đôi đường, một bên là Thủ Độ, người tác thành cho con trai ông và công chúa, một bên là người đàn bà quyền uy, làm sao đây, nghĩ trước nghĩ sau chọn lời, ông nói:

- Hạ thần trước sau chỉ kính cẩn tuân theo chỉ dụ của hoàng thượng mà thôi.

Mắt Thụy Bà rực lên như có lửa, vậy là không thể trông cậy ở người này, Thái Tông nhìn sang người chị đáng thương khích lệ:

- Hoàng tỉ, chị nói đi.

- Muôn tâu bệ hạ, con thần ngày đêm đèn sách, xưa nay chưa mắc tội với một người, nay chúng ưa nhau thì đâu phải là tội. Tội là kẻ nuôi dưỡng này, kẻ ngu đần dốt nát này, có tai như điếc, có mắt như mù, việc ngay trước mắt mà không tỏ, biết lại không ngăn, không còng tay cùm chân nó lại, nay xin bệ hạ mở lòng, xử hạ thần này thay cho Quốc Tuấn.

Thái Tông nói:

- Việc này ta đã bàn cùng Thái sư từ nãy rồi.

Thủ Độ tức giận đùng đùng, ngài hiểu ngay ra ý của Thái Tông với Thụy Bà, chị em họ lại phe cánh, ngày trước là vụ Trần Liễu làm phản, nay là vụ Quốc Tuấn làm loạn, cha con nó thế này, chị em nó thế kia, thì còn đâu là kỷ cương phép nước. Thái sư đứng dậy, vẻ mặt bừng bừng:

- Ta chỉ là con chó, cốt giữ nhà cho anh, chị, em các ngươi mà cũng không xong, cho ta cáo lui vậy!

Thái Tông nghiêm mặt, nhưng lời lẽ nhẹ nhàng, mời Thái sư cùng nán lại.

- Ngày xưa ta từ nơi cửa Phật trên núi Yên Tử về với ngai vàng là nhờ công của Thái sư, nhưng từ đấy Phật vẫn ở trong ta. Phật cho ta nghe được lòng thiên hạ, thấy được lòng con dân - Vua nói - Lần trước ta che nhát kiếm Thủ Độ chém Trần Liễu, vì anh trai ta mất vợ, mất con mà tạo phản.

Các ngươi có bao giờ mang tâm trạng của kẻ cướp đoạt vợ con của anh trai mình? Nhân thì có quả, nhân nào quả nấy. Nhờ trời giờ huynh trưởng đã bình tâm giữ cho hoàng tộc vùng đất Yên Sinh, nơi gốc tích của nhà Trần. Nếu huynh ấy tử nạn, thì hỏi ta có sống nổi không nào? Nay đến việc Quốc Tuấn, tội là phải lòng Thiên Thành mà làm điều nghịch lý. Hai việc khác nhau mà giống nhau là vậy. Ngày trước là việc của anh em ta, bây giờ là việc của chị em ta, trời cứ đưa đến cho ta cái trò thách đố! Ta nghĩ thế này, nếu lòng chúng đã đến với nhau mà coi thường cả mạng sống thì đấy là cái chỗ đáng khen hay đáng chê? Chê là ta đưa ra phép nước có chỗ chưa thuận tình, đó lại là tội của ta đấy chứ. Ta hiểu, Thái sư làm tất cả cũng vì phép nước, còn ta thì tìm đến cái tình, cái gốc rễ sâu xa này mà lòng ta đau đáu!

Hoàng thượng dừng lời, như để vơi đi xúc động, rồi mới nói tiếp:

- Có điều này ta muốn tỏ lòng, Đại Việt còn thì các khanh thỏa sức lập công, kẻ được tôn vinh, người được sủng ái, nhưng mất nước thì mất tất cả. Ai chịu trách nhiệm về sự mất còn này? Là ta!

Hoàng thượng đi đi lại lại, mặt đau đáu - Đại Việt còn thì hoàng tộc ta còn, thiên hạ còn, phe cánh cũng còn, nhưng mất nước thì mất tất cả.

Thủ Độ thấy rưng rưng, cái điều Thái sư lo lắng nhất xưa nay lại được bệ hạ giãi bày, nào ngờ cậu bé Trần Cảnh ngày xưa được ông xếp đặt thành vua, dám bỏ cả ngai vàng trốn về Yên Tử, nay đã có ý nghĩ sâu sắc khôn lường. Thái sư lại từ từ yên tọa. /div>

- Có đêm ta trằn trọc không chợp mắt, cứ nghĩ xa xôi, nhà Trần ta mới được lập mấy chục năm nay, thái bình thịnh vượng vì chưa phải chống trả cuộc ngoại xâm nào, nhưng hiểm họa phương Bắc còn đó, nhà Tống đang lo chống trả nhà Nguyên nên chưa có thời gian nhòm ngó đến nước ta. Các khanh thử đặt ra hai giả dụ này, nếu Tống thắng Nguyên, thì có thôn tính đến ta không? Nếu Nguyên thắng Tống thì có tràn xuống ta không? Vậy nên ta trộm nghĩ tới người tài, hoàng tử cũng chỉ được mấy người, hoàng tộc cũng một vài người, nhưng người ta tin nhất lại là Quốc Tuấn, vài bận nhân chuyện nô đùa ta kiểm nghiệm, nó mẫn tiệp hơn người, mặt vượng, mắt sáng, có chí kiên trung, ta tin nó sẽ là tướng giỏi. Các khanh thử nghĩ xem, sao ta giám cả gan mà phí phạm?

Trời đã tảng sáng, Hoàng thượng bỏ ra ngoài, không thấy kết luận việc Quốc Tuấn. Thủ Độ còn nán lại vẻ đăm chiêu, rồi ngài chậm rãi đến bên Thụy Bà, nói nhỏ: “Chị lo bồi hoàn cho người ta, còn việc hôm nay, đã chuẩn bị thì cứ thế mà làm cho… Quốc Tuấn!”

*

Hội sang ngày thứ bảy, dân chúng kinh thành nô nức chen đặc ở cổng Hoàng Thành, đời người mấy ai được xem đám cưới công chúa em vua. Đến giờ đã định, phò mã lễ phục chỉnh tề vào lạy vua xin được đón công chúa. Thiên Thành đội mũ phượng, mặc áo bào đính hoa tươi, đi hài màu đỏ theo nữ quan dẫn đến hầu vua để nghe những lời giáo huấn. Giờ rước dâu đã điểm, kiệu hoa dừng trước cửa Tả Đoạn, xung quanh che rèm. Nhạc nổi tưng bừng, dìu dặt, công chúa bước ra đã có phò mã chờ sẵn bên kiệu, chàng trai sung mãn mang chiến thắng đầu đời, tự tay vén màn mời công chúa bước lên kiệu. Ra khỏi Hoàng Thành, phò mã mới lên ngựa, lính hầu bê tráp đi trước dẫn đường, rồi đến một trăm binh sĩ cầm cờ quạt, nghi trượng và phường nhạc theo sau... Đoàn rước dâu đi vòng ra Cửa Đông cho dân chúng thỏa sức ngắm nhìn, nhưng không thấy về tư dinh Nhân Đạo Vương mà quay về tư dinh Thụy Bà, gia tộc cả trăm người đứng sẵn ở cửa Hoàng Thành đón đợi. Người hiểu biết thì kháo nhau có chuyện nực cười, còn đa số thì chẳng mấy quan tâm, chỉ mong được đi xem là sướng.

Ở trong nội điện, vua ban yến tiệc linh đình. Thái Tông lòng thấy thư thái vì giữ được cái tình, Ngài cùng các triều thần nâng li chúc phúc, rượu say, mọi người đứng cả dậy dang tay hát. Quan chép sử Trần Phu cũng nắm tay mọi người, bụng lại nghĩ, trớ trêu thay, trớ trêu thay! Nhưng đến khi Hoàng thượng bảo, khanh lại không biết ca sao? Trần Phu lập cập, miệng cũng há ra mà nói: “sử quan ca rằng, sử quan ca rằng… trớ trêu thay!”

Sử quan cứ để cho đời sau ngẫm ngợi ./.

Trại sáng tác Tạp chí Văn nghệ Quân Đội
Phú Yên, tháng 4 năm 2012

NAM NINH

Thơ

NGUYỄN TAM PHÙ SA

Ở THANH QUÝT (*)
ĐÔI KHI BUỒN TÔI KHÓC

Ở Thanh Quýt một ngày thật dài
Đời kén cuộn mình trong kẽm gai
Cầm cây bút ngỡ cầm viên đạn
Đạn đã lên nòng sẽ bắn ai?

Ở Thanh Quýt đứng nằm không yên
Trên hồn ta đồng hoang cỏ cháy
Tập thở lụn từng giờ nước mắt
Tập múa may cho đời ngửa nghiêng

Ở Thanh Quýt nói cười vô hồn
Nghe giọng gà trưa bỗng khóc quê
Chúa vẫn ở nơi hằng đêm chết chóc
Phật im lìm chuông mõ hững hờ buông

Ở Thanh Quýt lâu ngày cũng chết
Xương ra tro chưa thấy hòa bình
Uổng đời ta một lần mở mắt
Rớt vô tăm bên hố thẳm truông dài

Ở Thanh Quýt soi gương buổi sáng
Thấy quê hương lạnh như mùa đông
Thầm gọi tên mình sa nước mắt
Thương Mẹ buồn hiu vận nước non

Ở Thanh Quýt ngoài hai bữa cơm
Nhìn loanh quanh thấy đời quạnh vắng
Buồn chín ruột hôn lên từng nắm đất
Nghe quê cha thao thiết gọi lên đường.

Thanh Quýt 3.10.1969

(*) Thị trấn thuộc huyện Điện Bàn, Quảng Nam.

NGUYỄN TAM PHÙ SA

ĐÒN GIÓ

NGUYỄN THĂNG

Nhà ông Mẫn xây tường gạch cắm mảnh chai lởm chởm lại có cánh cổng sắt luôn đóng im ỉm. Ấy thế mà vẫn mất trộm. Lúc thì bị vặt buồng chuối, khi thì bị mất trái bưởi, con gà. Kẻ trộm xóm này ranh lắm. Chúng vẫn vượt tường đột nhập như đặc công.

Trước tình cảnh như thế ông Mẫn tìm kế. Có lẽ phải nuôi chó. Con chó như lính gác. Nó canh cho mình ngủ. Có người lạ nó sủa lên là mình biết ngay. Nhất là chó béc giê, loài chó mà ngành công an nuôi để truy tìm kẻ địch. Thế là ông mua một con bécgiê của trại chó Thanh Xuân. Giống cảnh khuyển này tuy bị thải loại nhưng còn khôn gấp mấy chó ta. Ông xích con becgiê ở cột hiên, cho ăn cơm với thịt bò. Chó tây nhà mình ăn ngon hơn cả người. Con cái ông kêu, ông giải thích: "Nó phải được ăn đặc biệt. Một mình nó ăn ngon vì nó có sức mạnh hơn cả tiểu đội đấy!".

Thế là các con ông nghe ra. Ai cũng chăm chút con chó tây. Chả thế mà con chó tây nhà ông mới có 8 tháng tuổi mà nặng ngót một tạ, cao gần nửa mét. Hai cái tai nó cứ dỏng lên. Nó ngồi uy nghi, hai chân trước chống thẳng, hai chân sau khuỵu xuống, cái đuôi đốm đen ve vẩy như sẵn sàng vồ mồi. Khách đến chơi cứ nhìn mà chết khiếp. Những khi ấy ông phải nói: "Xin phép bác để tôi xích con chó lại. đưa nó ra đầu trái nhà đã".

Ban đêm mắt con chó tinh lắm. Thoáng thấy có người lạ vào là nó sủa ồm ồm.

Nhà ông Mẫn thuộc loại giầu có. Ông rất khoái câu: "chó tây cây cảnh". Có một thời dân thành thị đua nhau nuôi chó Nhật kinh doanh nhưng ông chỉ thích chó tây. Nó vừa giữ nhà vừa có tiền cho chủ. Mỗi năm nhà nuôi bécgiê đực vớ hàng chục triệu đồng. Ông cũng chơi cây cảnh loại lộc vừng, vạn tuế, si, đa, non bộ, trúc Nhật... Bố mẹ ông để lại 5 gian nhà ngói cổ, cửa bức bàn. Nay ông lại mua thêm chó tây, cây cảnh làm cho nhà cửa thêm đẹp, uy nghi. Ông có một cơ ngơi thật giầu có gần như nhất làng Đoài này. Nhưng ông trời lại bất công không ban cho ông được vóc dáng đàn ông trai tráng mà nặn ra ông một gã vừa đen vừa xấu trai. Người to ngang lại thấp, mặt lại rỗ. Da đã đen như củ tam thất, đầu lại bẹt, tóc đỏ quạch như râu ngô. Nhưng vì ông là con nhà giầu nên vẫn có nhiều cô xinh gái đáo để sẵn sàng xin chết. Ở đời con nhà giầu dễ lấy vợ? Ông kén mãi cô nào ông cũng chê. Phải tới khi 30 tuổi Mẫn mới đứng đầu, đứng số. Người vợ mà ông chọn là cô Thơ đẹp nhất làng Đoài. Hai người cọc cạch quá. Cô nàng thì cao dong dỏng da trắng ngần, mắt đen long lanh, môi đỏ tươi như hoa còn chàng thì rõ chán, cao có một mẩu lại rỗ. Trong

làng có anh hỏi cô Thơ không được đã bực tức làm vè:

Cô Thơ như thể tiên trần
Mà lấy anh Mẫn cù lần đen thui.

Ấy thế mà hai người đã chung sống mấy chục năm rồi, vợ chồng ông đã có ba đứa con. Thằng con trai đầu giống bố lùn tè đen nhẻm. Hai đứa con gái thì giống mẹ nên cao ráo xinh xinh. Ông là kỹ sư cơ khí sắp về hưu. Cuộc đời nhanh như tên bay. Bây giờ ông nghĩ: Của nả nếu không giữ thì già lấy đâu mà sinh nhai? Thời mở cửa, trộm cắp phát triển ghê quá. Ông mua con chó tây là phải lắm. Mỗi khi cho chó ăn ông lị gọi Luých luých! Con chó vẫy đuôi mừng chứ không như loài chó sẻ có ai vào cứ nhanh nhách sủa ầm ĩ chủ nhà không quát nổi.

Từ ngày ông Mẫn mua chó bécgiê nhà ông không mất một cái gì. An toàn đến 2 năm. Con chó lại rất ngoan. Ông huấn luyện cẩn thận. Khi cho chó ăn ông đều đổ vào chậu nhôm đánh sáng choang. Con chó tây nhà ông khôn như thế đố có thằng nào đánh bả được. Ông thường tự hào hợm hĩnh như thế. Nhưng rồi không hiểu sao tối nay con Luých bỗng dưng biến mất. Kẻ nào bắt nó nhỉ? Ông cau trán bực tức. Nó khôn thật nhưng con chó vẫn thua trí con người. Ông nhẩm xem có kẻ nào dám mó dái ngựa? Cái Thu con gái đầu của ông nói: "con vừa thả nó đi đái, đi ỉa là mất ngay". Ông bất bình nhưng bình tĩnh lại.

Thằng nào ở xóm này cả gan bắt con Luých? Khi tức tối mắt ông trợn ngược lông mày dựng lên nhìn thật gớm ghiếc. Ông nhẩm tính, loại dần các đối tượng. Cuối cùng chỉ còn ba thằng. Có thể ba thằng này đánh cò ke bắt con luých ở đây? Ông bặm môi nắm tay thành quả đấm. Ông sẽ cho thằng nào bắt chó của ông ra bã!.

**

Trời tối xẩm ông cầm đèn pin và thủ sẵn cái thước gỗ nghiến. Loại gỗ nghiến này mà phang vào đầu chỉ có chết mất ngáp. Ông yên trí đi ra ngõ. Đầu tiên ông đến nhà thằng Tứ, một kẻ đầu trộm đuôi cướp. Nhà nó ba đời ăn trộm. Ông nội nó chuyên ăn trộm theo kiểu gà què ăn quẩn cối xay. Nó vơ từ con gà, con vịt đến trái bưởi, nải chuối, cắm có từ của ai. Bố thằng Tứ chuyên bắt trộm lợn. Một lần vào làng Gốm lão ta vừa cho lợn vào tải tro thì bị chủ nhà phát hiện. Gã ù té chạy bỏ cả lợn hoàng thoát thân. Nhưng vừa ra khỏi cổng làng thì bị dân ùa ra. Họ cứ gạch, gộc mà tương, đòn gánh mà nện, gã chết tươi. Bố thằng Tứ chết vì đòn chợ thế là vô tang chứng nhưng tiếng dơ duốc đến cả mấy đời. Nay thằng con lại nối nghiệp bố đi ăn trộm nhanh như chảo chớp. Có lẽ thằng này bắt trộm con Luých nhà ông? Thằng Tứ mới ngoài 20 tuổi mà xăm con rồng ở ngực để tóc bù xù trùm gáy. Mới học đến lớp 5 Tứ đã bỏ học ở nhà không chịu làm gì, ngày ngủ đêm đi đào khoét tường gạch mình thử đến nhà nó xem sao. Cổng nhà Tứ rấp một ngọn tre. Ông Mẫn gạt ngọn tre sang bên rồi đi thẳng vào trong sân.

Nhà im ắng quá ông lên tiếng gọi:

-Anh Tứ ơi có nhà không?

-Ai gọi đấy? Tiếp theo tiếng đáp vọng ra là ánh đèn điện bật sáng. Cửa mở tung. Một thằng choai choai lì lợm bước ra. Đó là Tứ, hắn dụi mắt nhìn, khi đã nhìn rõ ông Mẫn hắn cười gượng gạo. Ông nói cởi mở:

-Đi ngủ sớm thé? Bác đi tìm con chó tây nhà bác. Cháu có thấy con chó nào chạy qua đây không?

-Cháu không nhìn thấy – Tứ vừa đáp, vừa ngáp, giọng khê nồng. Cứ nhìn cử chỉ thằng Tứ ông đoán không phải thằng này trộm chó nhà ông. Thế là ông loại đi một đối tượng. Ông chào thằng Tứ rồi đi ra. Ông vòng sang xóm Giếng nhà thằng Hoán. Nó là thằng trộm khét tiếng. Răng nó trắng nhởn, người cao gầy nhẳng, mặt tái mét, môi thâm xì như thằng nghiện. Hoán có tiền án vừa đi tù về năm ngoái. Từ khi nó về nhà, nó vẫn chứng nào tật nấy. Bố nó cũng là ma men, say bét nhè, đánh vợ chửi con điếc tai hàng xóm. Ông Mẫn vừa đến nơi thì chiếc xe kích nhà Hoán phóng vù ra ngõ. Thằng Hoán cầm lái. Người ngồi sau là em nó ôm mẹ nó đi cấp cứu. Bố nó từ trong nhà đi ra nói với ông:

-Nhà cháu bị cảm phải đi viện. Bà ấy cứ ăn vào là miệng nôn trôn tháo – Lão nói phả ra hơi rượu chua lòm.

Ông Mẫn lại quay ra ngõ. Như vậy đã loại được hai đối tượng. Chỉ còn một thằng nữa?

Ông đi vòng sang xóm Tây. Cái ngõ tre rậm rì sâu hun hút lập lòe đom đóm như ma trơi. Nhà thằng Mãnh kia kìa. Cái nhà thấp bé lè tè lợp ngói móc như cái chuồng vịt đứng trơ trọi giữa vườn hoang. Thằng Mãnh 30 tuổi, bà nội nó trước đây bị tây Ma rốc hiếp đẻ ra bố nó. Vốn là con lai dòng Châu Phi nên bố nó mạnh lắm. Bố nó đẻ ra nó loại " ép phẩy" nhưng vẫn dòng Ma Rốc. Thằng Mãnh râu xồm xoàm, ngực lông lá nhìn dữ dằn. Nó trộm cắp chuyên nghiệp. Mãnh ăn trộm từ con bò đến con mèo, nó vơ bèo vặt tép không từ thứ gì. Dạo này nghe đâu nó chuyển sang bắt trộm chó mang sang Nhật Tân tiêu thụ. Con chó dữ đến mấy nó cũng bắt được. Nhà nó đang đun nấu cái gì kia? Lửa cháy bùng bùng. Ông Mẫn nhìn thấy thằng Mãnh đang mải mê cời bếp. Cạnh đấy vợ nó đang thu thu quét quét cái gì? Chắc nó đang đun nước để thịt chó? Cánh cổng tre đã đóng thật chặt. Làm thế nào vào được. Ông cau trán suy tính. Rồi ông ngồi xuống cầm cái tay thước gỗ nghiến đập vào cánh cổng nhà thằng Mạnh – Cạch !cạch!.

Thằng Mãnh từ trong nhà quát:

-Ai đập cái đ. gì mà ầm lên thế hả?

-Tôi, tôi đây, tôi đang đi thấy con rắn hổ mang lao ra phải đập. Cho tôi xin tí lửa – Ông Mẫn đứng lên nói vọng vào.

Thằng Mãnh vội đi ra. Nó nhìn thấy ông Mẫn mặt nó bỗng biến sắc nhưng vội trấn tĩnh lại, nó hỏi:

-Bác kỹ sư đi đâu thế?

Ông nhìn thẳng vào Mãnh nói thản nhiên:

-Cho tôi châm điếu thuốc? Thằng Mãnh đưa cho ông bao diêm. Ông quẹt lửa châm thuốc hít một hơi thật sâu. Đầu điếu thuốc lóe sáng như một con đom đóm. Ông Mẫn nói:

-Nhà tôi bị thằng nào đánh cò ke mất con chó bécgiê rồi. Đứa nào lấy con chó của tôi thì coi chừng. Tôi sẽ làm cho trâu lợn nhà nó chết không kịp ngáp và cũng cho nó tiêu luôn!

Nói xong ông trả cho Mãnh bao diêm rồi thủng thẳng đi.

Thằng Mãnh đứng nhìn theo ông Mẫn đi khuất mới quay về. Nghe ông nói thế thì rõ là ông nghi mình rồi. Phải làm sao bây giờ? Thằng Mãnh đánh giá ông Mẫn không phải tay vừa. Nhất lé, nhì lùn, ông ấy được cả hai, mà võ cũng không phải hạng xoàng. Một tay Karate cừ khôi. Mình ông ấy đã đánh ngã ba tay cướp ở Lạng Sơn, ai cũng biết. Nhà mình có con trâu đang vụ nhỡ lão ấy ra tay thì nguy, mà lão ấy cũng cho mình no đòn. Thôi đừng có mó dái ngựa làm gì. Mãnh đi vào sân nghĩ lộn xộn trong đầu. Hắn thì thào với vợ rồi đi vào bếp đổ nồi nước sôi ra sân...

Về đến nhà ông Mẫn lên giường nằm. Ông nghĩ cứ để yên xem sao? Đầu óc ông thật căng thẳng. Không gian tĩnh lặng. Ông nghe thấy cả tiếng giọt sương rơi tí tách. Ông nằm trong tâm trí vừa thức vừa ngủ. Một lúc sau ông nghe có tiếng sột soạt, ông nhổm dậy bật điện rồi mở cửa. Con bécgiê đã về. Con Luých nhảy lên mừng rối rít. Ông gọi to:

-Thu ơi, bà nó ơi! Con Luých nhà mình đã về!

Con gái ông bật dậy. Vợ ông mắt nhắm mắt mở mừng quýnh lên. Bà vỗ vỗ vào đầu con chó tây:

-Mày chết trượt, tý nữa thì lên đĩa rồi, ngu ơi là ngu, con Luých ngu quá.

Chó tây mà cũng bị cò ke à?

Cái Thu phục lăn, bố không cần đánh, chỉ dọa thôi mà nó đã phải thả chó rồi.

-Bố giỏi thật, con phục bố đấy – Cái Thu cứ nắc nỏm khen. Vợ ông cũng tấm tắc nhìn chồng:

-Ông giỏi thật, đúng là người ta dùng trí còn hơn dùng lực.

Ông Mẫn sung sướng bảo con gái:

-Con đem cơm cho con Luých ăn đi. Chắc nó đói lắm rồi.

Trại sáng tác Đại Lải 2002

NGUYỄN THĂNG

TRUYỆN NGOÀI CHÍNH SỬ

PHÙNG THÀNH CHỦNG

Lời vào truyện:

Vừa qua, trong một chuyến điền dã về thôn Cổ Hiền, xã Tuyết Nghĩa, huyện Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây (cũ), chúng tôi đã may mắn phát hiện được một cuốn thư tịch cổ (có thể nói là tối cổ) được bảo quản trong một chiếc khạp gốm, viết chữ Hán, lối đá thảo, nét chữ phóng khoáng, không theo một khuôn phép nào và được viết theo thể "Chí", trong đó nói về hành trạng của một nhân vật có tên là Đỗ Thích, con Đỗ Cảnh Thạc- một danh tướng dưới triều nhà Ngô. Thấy đây là một tư liệu lý thú và có phần bổ ích với bạn đọc hôm nay, chúng tôi đã từ bản dịch thoát, mạo muội biên tập lại dưới dạng một truyện ngắn với cái tít là: "Truyện ngoài chính sử", vì trong sách có những chi tiết không thấy chính sử ghi chép. Để tiện theo dõi, trước khi làm quen với Đỗ Thích, nhân vật chính được nói tới ở đây, chúng tôi thấy cần phải nói qua về Đỗ Cảnh Thạc, một trong thập nhị sứ quân thời tàn Ngô:

Đỗ Cảnh Thạc (912- 968) là người huyện Thuận Đức, tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc). Năm 936, ông khởi binh chống lại triều Nam Tấn và trong một lần giao chiến, ông bị Lương Ngột, một viên tướng của nhà Nam Tấn lấy mất một tai (vì vậy, ông còn có biệt hiệu là Độc Nhĩ Vương), phải ôm đầu máu, dẫn tàn quaâ chạy sang Giao Chỉ, đến đất Đường Lâm, khuất thân theo phò Ngô Vương Quyền. Nhờ có nhiều công lao, được nhà Ngô phong cho chức Chỉ huy sứ, cai quản cả một vùng Đỗ Động, Liệp Hạ (nay thuộc hai huyện Thanh Oai và Quốc Oai). Năm 965, hậu Ngô Vương là Ngô Xương Văn, con Ngô Vương Quyền mất. Giao Chỉ đại loạ! Mười hai sứ quân nổi lên, mỗi người hùng cứ một phương, không ai chịu thống thuộc ai! Đỗ Cảnh Thạc xưng là Đỗ Cảnh Công, lấy luôn đất Đỗ Động và vùng Trại Quèn (tên nôm của thôn Cổ Hiền) làm căn cứ, tạo thành thế ỷ dốc để khi lâm sự có thể ứng cứu lẫn nhau, chống lại với các sứ quân. Ông là người cuối cùng cầm cự được với Đinh Bộ Lĩnh. Sau đó, vì mắc phải kế nghi binh của họ Đinh, trong một trận giao tranh tại khu vực núi Tượng Linh, thuộc địa phận xã Hoàng Xá, Đỗ Cảnh Thạc bị trúng một mũi tên có tẩm thuốc độc, một người, một ngựa chạy được về đến chân núi Sài Sơn (núi Thầy) thì mất, thọ 57 tuổi. Đó là ngày 8 tháng Giêng năm Mậu Thìn (968).

Vì có nhiều ân huệ với dân từ khi còn giữ chức Chỉ huy sứ, nên sau khi mất, suốt một vùng thuộc quyền Đỗ Cảnh Thạc cai quản, không nơi nào người dân không lập đền thờ ông...

Đến đây, lịch sử mở ra một thời kỳ mới. Chính quyền về tay nhà Đinh. Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi hoàng đế, tự xưng là Vạn Thắng Vương. Đặt tên nước là Đại Cồ Việt (nước Việt to cồ) bao gồm những vùng đất đã thu phục được và đặt dưới sự thống thuộc của mình...

1. Đỗ Cảnh Thạc sinh được một trai là Đỗ Thích. Sau cơn binh hỏa, Thích là người duy nhất của dòng họ Đỗ Cảnh còn may mắn sống sót vì đang theo học đạo sĩ Trương Ma Ni bên kinh thành Cổ Loa. Thời thế đổi thay, bỏ Đỗ Động Giang- quê mẹ và cũng là nơi chôn nhau cắt rốn của mình- Thích lánh sang trang Liệp Hạ, lấy một người vợ họ Phùng và sống mai danh ẩn tích ở đó. Năm Tân Mùi, niên hiệu Thái Bình thứ hai (971), nhà Đinh mở khoa thi Tam giáo, bao gồm cả Nho, Phật, Lão để chọn người tài. Thích nhân dịp này muốn đem sở học để tiến thân, liền lều chõng vào kinh đô Hoa Lư ứng thí. Phép thi lần ấy là một bài Kinh nghĩa hỏi nghĩa chữ "Đạo" trong "Đạo Đức Kinh", chữ "Thời" trong "Chu Dịch", và hai chữ: "Sắc", "Không" trong kinh "Bát Nhã"- ba bộ

kinh tiểu biểu cho kinh điển của ba nhà. Đề ra phải nói là khó, cho nên rốt cuộc chỉ có ba người qua được thì một là đệ tử đạo Phật: Ngô Chân Lưu, một là đệ tử đạo Nho: Đặng Huyền Quang, và thuộc diện học trò mặt trắng là Thích, trong đó Thích là người ít tuổi nhất. Để định cao thấp, ba người phải bước vào kỳ Đình thí với đề ra là một bài văn sách hỏi về việc đế vương trị thiên hạ so với vũ công của nhà Đinh trong việc đánh dẹp mười hai sứ quân. Vốn nặng kiến thức sách vở, song chưa lịch duyệt việc đời, nên trong bài làm của mình, Thích đã "hớ hênh" khi dùng chữ "Vương" - vua, để chỉ mười hai sứ quân, và chữ "Quốc" - nước, để chỉ những vùng đất dưới quyền các sứ quân cai quản. Đọc thấy những: Thái Bình Vương, Tam Chế Vương, Ngô Lãm Vương, Kiều Lệnh Vương, Nguyễn Hữu Vương, Trần Vương, Lã Vương, Lý Vương, Phạm Vương, Đỗ Vương, Ngô Vương, Nguyễn Vương, rồi... nước Bố Hải Khẩu, nước Phong Châu, nước Tam Đái, nước Đường Lâm, nước Siêu Loại, nước Tiên Du, nước Tế Giang, nước Tây Phù Liệt, nước Hồi Hồ, nước Đăng Châu, nước Bình Kiều, nước Đỗ Động, Đinh Bộ Lĩnh lộn ruột, vứt ngay bài văn sách xuống đất, quát võ sĩ lôi Thích ra trước sân điện, nọc năm sấp xuống đất, đánh đủ năm mươi trượng! Không hiểu do quá sợ, hay do bọn võ sĩ quá tay, hay do cả hai, mà Thích phọt cứt ra cả đằng đít và đằng mồm! Cũng may là Thích còn giữ kín hành tung của mình, nếu không qua vụ này, Đinh Bộ Lĩnh biết Thích là con Đỗ Cảnh Thạc, thì dòng họ Đỗ Cảnh đã tiệt giống.

Kết quả khoa ấy, Thích bị đánh hỏng, dù bài Kinh nghĩa trước đó, kiến văn của Thích có phần trội hơn hai người kia (trong khi Ngô Chân Lưu đề cao đạo Phật, Đặng Huyền Quang bài Lão và cổ suý cho việc lấy Nho giáo làm Quốc giáo, thì Thích chủ trương dung hợp cả ba nhà- Tam giáo đồng nguyên) Ngô Chân Lưu đỗ đầu, được phong là Thái sư; Đặng Huyền Quang đỗ thứ hai, được phong là Sùng Chân uy nghi.

2. Đinh Bộ Lĩnh (924-979) người động Hoa Lư, châu Đại Hoàng, vốn là dòng dõi quyền Thứ sử Hoan châu Đinh Công Trứ thời Dương Diên Nghệ và tiền Ngô Vương. Mồ côi cha từ khi còn nhỏ, Đinh cùng mẹ là Đàm thị dẫn đám gia thuộc rời Hoan Châu về Hoa Lư, lập nên thôn Đàm Gia và cũng chính tại đây, ngay từ tuổi còn thơ, Đinh đã sớm bộc lộ một tính cách khác người. Chăn châu với lũ trẻ cùng động, bày trò đánh trận giả, Đinh luôn cầm đầu và luôn là người dành phần thắng. Được suy tôn làm Động chủ, Đinh thường bắt lũ trẻ chéo tay làm kiệu, lấy hoa lau làm cờ, đi kèm hai bên để rước Đinh như nghi vệ của bậc quân trưởng. Cùng động không có đối thủ, Đinh kéo lũ trẻ đi đánh trẻ con các động khác. Đến đâu, bọn chúng đều sợ phục. Sau khi "thống nhất" được các động, một lần Đinh tổ chức "hội quân" ở Hoa Lư. Nhân lúc Đàm thị đi vắng, Đinh cho bắt lợn của nhà đem ra nơi vẫn thường tập trận làm thịt để khao chúng. Biết chuyện, chú của Đinh là Đinh Dự nổi giận, vác dao ra động tìm Đinh. Lũ trẻ đang ăn uống thấy thế bỏ chạy tán loạn. Đinh chạy về phía sông Nương Loan, theo sau là hai "tướng" Đinh Điền và Nguyễn Bặc hộ vệ. Qua cầu, cầu gãy, Điền, Bặc nhanh trí nối người làm cầu để đưa chủ tướng sang sông. Dự đuổi đến nơi, nhìn gà hoá cuốc, tưởng là rồng vàng vươn mình ngang sông hộ giá, sợ quá, ném bỏ cả dao chạy về. Đinh chạy đến đất Giao Thuỷ, ở lại đó và theo phường chài làm nghề chài lưới. Tại đây, một lần kéo lưới, Đinh được một viên ngọc khuê nhưng bị va vào mũi thuyền sứt mất một góc. Giấu viên ngọc dưới đáy giỏ cá, đêm ấy Đinh vào ngủ nhờ ở chùa Giao Thuỷ. Nửa đêm thấy từ giỏ cá có ánh sáng lạ phát ra, vị sư trụ trì vội đánh thức Đinh dậy để hỏi duyên cớ. Đinh kể lại chuyện mình được ngọc và lấy ngọc ra cho xem. Xem xong, nhà sư than rằng: *Nhà ngươi ngày sau phú quý không thể nói hết, chỉ tiếc phúc không được dài!* Lúc này, Trần Lãm- một trong mười hai sứ quân, đã xưng là Trần Minh Công chiếm giữ vùng Bố Hải Khẩu. Đinh bèn bỏ nghề chài lưới, dẫn vợ con chạy sang với Trần Minh Công. Thấy Đinh tướng mạo khác thường, Trần Minh Công đem lòng biệt đãi, nhận Đinh làm nghĩa tử và cho cùng được bàn việc quân ở nơi màn trướng. Sau khi Trần Minh Công mất, binh quyền về tay Đinh. Nhận thấy Bố Hải Khẩu là nơi trống trải khó có thể phòng thủ khi bị tấn công, Đinh liền bỏ Bố Hải Khẩu, kéo quân về Hoa Lư. Nơi đây tuy chật hẹp nhưng thế đất hiểm, bốn mặt đều có núi đá bao quanh, dựng đứng như bức trường thành, duy nhất chỉ có một lối để ra vào, khiến tiến có thể công, thoái có thể thủ đã được Đinh coi là đất căn bản để xây dựng lực lượng và tính kế lâu dài. Nam Tấn vương Ngô Xương Văn và Thiên Sách vương Ngô Xương Ngập (hai con của Ngô vương Quyền) liền cất đại binh, thân chinh đến đánh. Ban đầu vì thế còn yếu, Đinh sai con trưởng là Đinh Liễn sang làm con tin để giảng hoà. Liễn đến, Văn và Ngập gọi Đinh là giặc, kể tội Đinh manh tâm làm phản, xé bỏ thư nghị hoà rồi giữ Liễn luôn ở trong quân. Đánh suốt hơn một tháng trời vẫn không thắng nổi vì Đinh dựa vào địa thế hiểm trở, cố thủ

không ra, Văn và Ngập liền đem Liễn treo lên đầu ngọn sào, dẫn ra trước quân, sai người bảo Đinh nếu không chịu hàng thì sẽ giết Liễn. Đinh thản nhiên trả lời: *Tài trai đã quyết chí ở chỗ công danh, khi nào lại chịu bắt chước lũ đàn bà, con trẻ!* Rồi sai mấy chục tay cung nỏ nhằm Liễn mà bắn. Văn và Ngập thấy thế, kinh hãi bảo nhau: *Ta làm thế là muốn lấy tình cốt nhục để buộc hắn phải đầu hàng, nay hắn đã tàn nhẫn như vậy, thì dẫu có giết con hắn đi cũng chẳng ích gì mà lại mang tiếng là giết sứ giả!* Bèn tha cho Liễn và rút quân về...

Vốn trọng võ hơn trọng văn, sau khi lấy được nước, Đinh chủ trương dùng pháp trị chứ không dùng đức trị. Trước sân điện, Đinh cho đặt những chiếc vạc lớn và cũi nuôi hổ dữ. Nếu ai phạm pháp, bất kể nặng hay nhẹ, đều phải chịu chung một hình phạt là bỏ vạc dầu hoặc ném vào cũi cho hổ xé xác!

Nhân vụ Đỗ Thích, Đinh Liễn đã hỏi Đinh:

-Tội của Thích là tội phải bỏ vạc dầu hoặc ném vào cũi làm mồi cho hổ, sao phụ vương chỉ phạt trượng?

-Sở dĩ có chuyện đó là vì ta còn tiếc tài...

-Tài, sao không dùng?

-Tài có nhiều hạng! Có tài dùng được, có tài không dùng được...

-"Dùng được" và "không dùng được", thì cái nào hơn?

-"Không dùng được" hơn!

Lại hỏi:

-Tài của Thích "dùng được" hay "không dùng được"?

-Đó là điều ta cũng chưa biết!

-Thần e rằng điều đó sẽ dẫn đến hậu họa!

-Ta không muốn mang tiếng là giết kẻ sĩ! Hơn nữa, ta muốn cho hắn một cơ hội. Bởi, nếu ta không nhầm thì sẽ còn gặp lại hắn. Đến lúc đó, dù thuận hay nghịch, dù "dùng được" hay "không dùng được", hắn không thể trách ta, và ta cũng không còn phải ân hận gì...

-Liệu có thể biến cái "không dùng được" thành cái "dùng được"?

-Chỉ có điều là bền hay không bền!

-Thế nào là bền? Thế nào là không bền?

-Thành thật khác với thủ đoạn!

-Và... vua chúa khác với thánh nhân?

-Như vậy là ngươi đã hiểu được ý ta...

3. Lại nói chuyện Đỗ Thích, vì sự làm bài trội hơn Ngô Chân Lưu và Đặng Huyền Quang, nhưng do tội dùng chữ bất cẩn trong bài văn sách, mà hai người kia được lấy đỗ, còn mình thì bị đòn và bị đánh hỏng, Thích thấy chuyện Long bảng đề danh nơi trường ốc đối với y cũng không lây gì làm khó, chỉ có điều Thích tự dặn mình, câu Được làm vua, thua làm giặc luôn luôn phải nhớ nằm lòng.

Năm Mậu Dần, niên hiệu Thái Bình thứ 9 (978), nhà Đinh lại mở khoa thi và Thích một lần nữa lều chõng vào kinh đô Hoa Lư ứng thí. Phép thi lần này so với lần trước có sự thay đổi. Thay vì bài Kinh nghĩa, thích nghĩa các Kinh và bài văn sách hỏi về việc đế vương trị thiên hạ, là các thể: Thi, phú, cáo, chế, chiếu, biểu, mỗi thứ một bài. Như vậy về số lượng (sáu đề so với hai đề) thì lần này *nặng* hơn, nhưng đòi hỏi về mặt kiến văn (nói chung), sáu đề lần này lại có phần *nhẹ* hơn hai đề lần trước. Cụ thể là: ***Đại Cồ thi vịnh*** (theo thể Đường luật) một bài, ***Tụng Hoa Lư phú*** một bài, ***Cáo bình mười hai sứ quân*** một bài, ***Chế về việc ban bố Hình luật*** một bài, ***Chiếu lên ngôi*** với đề ra là ba chữ ***Vạn Thắng vương*** một bài, và cuối cùng là ***Biểu chúc mừng*** (việc lên ngôi) một bài. Riêng phép chấm là có phần chặt chẽ hơn. Tất cả các quyển của thí sinh đều phải qua ba kỳ

sơ khảo, hai kỳ phúc khảo và được phân làm bốn hạng: ***Ưu, bình, thứ, liệt*** . Từ sáu ***ưu*** trở xuống đến bốn ***ưu*** hai ***bình*** mới đực kể là ***ưu*** ; từ ba ***ưu*** ba ***bình*** đến sáu ***bình*** chỉ được kể là ***bình*** và mới được lấy đỗ, còn trong sáu quyển, chỉ cần *dính* một quyển ***thứ*** hoặc một quyển ***liệt*** (mặc dù năm quyển kia đều ***ưu***) là bị đánh xuống hạn ***thứ*** , hạng ***liệt*** và bị đánh hỏng! Lại phân ra đầu hạng hỏng và cuối hạng hỏng: Nếu là năm ***ưu*** một ***thứ*** (***thứ*** thượng) hoặc bốn ***ưu*** , một ***bình*** , một ***thứ*** (***thứ*** trung) thì còn được cấp cho một khoản *học bổng* và được lưu lại kinh học tập để năm sau thi tiếp; nếu lại là cuối hạng ***liệt*** (quá kém), chẳng những không đỗ còn bị phạt theo quy định: Phạt tiền (hai ***thứ*** , bốn ***liệt***), phạt trượng (một ***thứ*** , năm ***liệt***) và phạt cả tiền, cả trượng (sáu quyển đều ***liệt***). Bài của Thích, ngoài quyển *Chế* là chịu điểm ***bình*** , còn năm quyển kia, tất cả đều được lấy ***ưu*** và vì không có ai có phân số điểm cao hơn, nên Thích là người được lấy đỗ đầu với phân số điểm cao nhất: Năm ***ưu*** , một ***bình.*** Những bài này đã được Đinh Bộ Lĩnh lệnh cho khắc in ngay vào "Kim sách" (sách vàng) để lưu giữ và coi như vật "Quốc bảo" (vật quý của nước). Chỉ có điều, Đinh không ngờ tới là tác giả của những "Lời vàng, ý ngọc" đó lại là Thích. Lúc nghe xướng danh, từ trên cao nhìn xuống, Đinh đã hơi ngờ ngợ. Kịp đến khi vời các tân khoa vào cung ăn yến và ban mũ áo, nhận ngay ra Thích, Đinh cười ầm lên: "Trẫm không ngờ lại gặp lại khanh trong hoàn cảnh này. Để có ngày hôm nay, quả là khanh đã phải trả một cái giá quá đắt! Nhưng dù sao trẫm cũng có lời mừng và mong khanh hãy vì trẫm mà cố gắng". Thích đỏ mặt, cúi đầu nín lặng không nói gì!

Là người đỗ đầu lại đỗ cao, nhưng sau đó Thích chỉ được Đinh phong cho chức Chi hậu nội nhân, là một chức quan nhỏ, chuyên dùng để sai bảo trong triều. Sở dĩ có sự không bình thường như vậy, bởi đối với Thích, tuy không nói ra, nhưng từ lúc biết Thích là tác giả của những bài được khắc in vào "Kim sách", trong bụng Đinh đã có ý khinh...

4. Ngày vinh quy, Thích lấy lễ "Tam sinh", cho giết trâu, dê, lợn để cáo yết tổ tiên và khao dân làng. Trước đó, Thích đã tìm đến đỉnh Câu Lậu Sơn nơi đạo sĩ Trương Ma Ni đang trụ trì để trả ơn thầy học, đồng thời mời Trương về đền Tam sách - ngôi đền do ba sách (xã) lập nên để thờ Đỗ Cảnh Thạc - dưới chân núi Sài Sơn (núi Thầy) làm lễ cho cha mình. Lúc đầu, Trương cáo bận, từ chối không đi, nhưng vì Thích nài nỉ mãi, cuối cùng Trương nhận lời, nhưng bảo Thích cứ về trước và hẹn sẽ đến sau. Không hiểu Trương có biết trước những gì xảy ra và đã có chủ ý hay không, chỉ biết vào ngày "chính tịch", khi Thích vừa đọc xong bản "chúc văn" do chính tay mình soạn, thì chân hương trong chiếc lư đồng đặt trên bệ thờ bỗng nhiên ngùn ngụt bốc cháy! Đỗ Cảnh Thạc "lên miệng" Phùng Thị - vợ Thích - chỉ vào mặt Thích mà mắng:

-Tên nghịch tử Đỗ Thích nghe ta nói đây! Bản "chúc văn" ngươi viết cho ta hay lắm! Nhưng hôm nay ta muốn nghe những bài văn đã được họ Đinh cho khắc in vào "Kim sách" của ngươi!

Sự việc xảy ra quá bất ngờ, khiến Thích sợ đến ríu lưỡi:

-Xin thân phụ tha tội! Xin thân phụ tha tội!...

-Ngươi đã đề cao Vạn Thắng vương lên tận mây xanh trong ***"Chiếu lên ngôi"*** và không tiếc lời mạt sát thập nhị sứ quân, trong đó có cha ngươi trong ***"Cáo bình mười hai sứ quân"*** ! Ngươi ca ngợi Vạn Thắng vương là ***Vạn thặng, Vạn thế*** trong ***Biểu chúc mừng*** , khen vũ công của nhà Đinh vượt xa so với vũ công của nhà Tần trong việc thống nhất nước *Đại Cồ* trong ***Đại Cồ thi vịnh!*** Ngươi tán tụng cảnh đẹp của kinh đô Hoa Lư. Và nước Đại Cồ dưới thời Vạn Thắng vương được ngươi sánh ngang với cảnh thái bình thinh trị thời Nghiêu Thuấn trong ***Tụng Hoa Lư phú!*** Ngươi đã hạ mình làm cái việc mà người có liêm sỉ không bao giờ làm! Chẳng lẽ, chỉ vì cái chức "Chi hậu nội nhân" mà ngươi đã quên cái nhục mất nước và mối thù giết cha ngươi rồi sao?

Vừa sợ lại vừa thẹn, Thích rập đầu xuống đất, không dám ngẩng lên:

-Tội thần thật đáng chết! Tội thần thật đáng chết!...

Đúng lúc đó thì Trương Ma Ni xuất hiện:

-Xin đại vương thứ lỗi cho tại hạ vì đã thất lễ...

Giật mình ngẩng lên, nhận ra Trương Ma Ni, Đỗ đứng phắt dậy:

-Sự có mặt của Trương huynh lúc này không phải với ý định gây khó cho ta đấy chứ?

-Tại hạ đã nghe được những lời đại vương trách mắng công tử. Đại vương đối với công tử là tình cha con. Tại hạ đối với công tử là nghĩa thầy trò. Nếu như công tử có lỗi, chẳng lẽ đại vương cho tại hạ là người ngoài cuộc sao?

Đỗ vội vàng vòng tay thi lễ:

-Xin Trương huynh thứ lỗi, bởi ta đã hiểu lầm thiện ý của Trương huynh!

-Cũng chỉ vì đại vương trách mắng công tử "... đã quên cái nhục mất nước", nên tại hạ mới phải đường đột xin được tiếp kiến. Nước là gì? Nước chẳng phải là do con người bày đặt ra cho mình đấy ư? Bởi từ khởi thủy, có người nhưng có nước đâu! Vả lại, cái gọi là nước là của chung mọi người, nào có phải của riêng ai! Vậy mà trong cuộc tranh giành, kẻ thắng thì nhận nước là nước của mình, người thua thì nước vẫn đấy lại kêu mất nước! Lại nữa, nước chỉ là sự phân chia biên giới về mặt địa lý, nhưng chẳng phải biên giới cũng đã bao phen phải dời đổi rồi sao? Cho nên, suy cho cùng cái gọi là nước và biên giới một nước vốn dĩ phụ thuộc nơi lòng người. Được lòng người theo về, dù không có một tấc đất trong tay vẫn là có nước. Ngược lại, không được lòng người, thì dẫu có đất đai ngàn dặm cũng phỏng có nghĩa lý gì đâu?! Như đại vương, cai quản tuy chỉ một dải Đỗ Động (Thanh Oai), Thượng Cung (Thường Tín), Liệp Hạ (Quốc Oai), nhưng lúc sống được dân tin yêu, khi mất được dân thờ phụng, há chẳng phải cũng là có nước đó sao? Lại nữa, đại vương người Quảng Đông, những vùng đất trên thuộc Giao Chỉ, vậy mà đại vương lại nói đến "... cái nhục mất nước" thì chẳng hóa ra đại vương cũng nhầm lắm ru?

Trương vừa dứt lời, bỗng nhiên thấy Phùng Thị - vợ Thích - hộc lên ba tiếng rồi ngã vật ra bất tỉnh! Đỗ Cảnh Thạc qua cuộc đối thoại, hoát nhiên đốn ngộ, biến thành một luồng khí trắng, lượn tròn trước mặt Trương ba vòng như cáo biệt trước khi biến mất.

***

...Về Đỗ Thích, có thuyết cho rằng: Sau đó, Thích trả lại mũ áo triều đình, không nhận quan chức, ở nhà mở trường dạy học và làm thuốc vì vợ Thích có nghề làm thuốc Nam gia truyền. Nhà nào nghèo, nếu đến lấy thuốc, vợ chồng Thích không bao giờ lấy tiền; nếu có con em theo học, được vợ chồng Thích chu cấp cho cơm ăn và tiền giấy bút. Cảm cái ơn ấy, cả hai sau khi mất đều được người dân các vùng Đỗ Động (Thanh Oai), Thượng Cung (Thường Tín) và Liệp Hạ (Quốc Oai) phối thờ cùng với tướng quân Đỗ Cảnh Thạc.

Lại có một thuyết khác nói, Đinh Bộ Lĩnh và Đinh Liễn, hai bố con ăn yến ban đêm, say rượu nằm ngoài sân điện, bị Chi hậu nội nhân là Đỗ Thích giết. Và sau đó Thích cũng bị Nguyễn Bặc giết. Đó là vào tháng 10 năm Kỷ Mão, niên hiệu Thái Bình thứ 10 (979).

Trong hai thuyết, riêng thuyết sau là thấy ghi trong chính sử. Như vậy, ngoại trừ trường hợp có hai người ngẫu nhiên trùng họ, trùng tên, còn như nếu lấy chính sử làm tin thì thuyết thứ nhất cũng chẳng đáng ngờ lắm sao?

PHÙNG THÀNH CHỦNG

ĐÔI CÁNH THIÊN THẦN

TỪ KẾ TƯỜNG

Cơn mưa đầu mùa kéo dài cho đến tận nửa đêm. Căn nhà ba phòng ngủ rộng mênh mông như chìm trong bầu không khí sũng nước. Tôi loanh quanh trong căn nhà, từ phòng khách, xuống nhà ăn, vào hẳn trong bếp nhìn ngắm những thứ đồ vật quen thuộc nhưng không biết để làm gì. Ba phòng ngủ nhưng chỉ có mình tôi, để thay đổi không khí, cứ một đêm tôi ngủ một phòng, cũng là một cách giữ hơi ấm và mùi vị quen thuộc trên chăn, màn, gối, nệm. Đúng hơn có một phòng tôi thường ngủ lại hơn là căn phòng có đặt chiếc máy vi tính nối mạng ADSL, vừa làm việc và để khi mệt quá thì nằm lăn ra ngủ.

Những đêm đầu mùa mưa người ta thường khó ngủ. Chẳng biết có phải tại thời tiết thay đổi đột ngột không, hay do tiếng mưa gõ trên mái tôn rào rạt tạo thành một thứ âm thanh mơ hồ, giống như thứ kỷ niệm xa cũ bỗng trở về đốt cháy lại mớ tro than âm ỉ. Tôi nhớ mình chưa ăn cơm chiều khi cơn đói ập tới cồn cào trong bao tử. Nhưng thật lười biếng khi giờ này phải lục tủ lạnh để nấu nướng, hâm lại thức ăn. Tôi thích ngồi trong chiếc ghế xoay nhìn ra mưa qua cửa kính hơn. Ngoài vuông sân nhỏ có cây sa kê buông tàn lá rậm rịt, vươn những nhánh dài lủng lẳng thứ trái hình bầu dục như mít sát mái nhà. Mưa đang vỗ lộp bộp trên những tàu lá răng cưa thật to, thỉnh thoảng tôi nghe thấy trái sa kê bị gió giật rụng bịch xuống sân nhà.

Dẫu sao thì cũng phải ăn chút gì đó chứ không không thể nhịn đói qua đêm được. Tôi uể oải rời khỏi chiếc ghế xoay, đứng lên đi xuống bếp mở tủ lạnh. Sau một hồi lục lạo tôi kéo ra một hộp bánh khoai tay chiên và lon bia rồi bước vào phòng ngủ có đặt máy vi tính. Tôi mở máy. Trong khi chờ máy khởi động tôi nhấp nháp mấy mẫu bánh tròn, khô giòn và mặn mặn, ngữa cổ tu một ngụm bia.

Giờ này có ai lang thang trên Yahoo Messenger không nhỉ? Tôi thử vào một rum Và thấy mấy cái tên. Sau một lúc đăn đo tôi click vào nick " Đôi cánh thiên thần". Xin chào, bạn tên gì? Tôi là... Đôi cánh thiên thần. À, hiểu rồi. Thế tại sao giờ này bạn không ngủ mà lang thang trên mạng? Tôi không ngủ được. Bạn là boy hay girl? Boy. Còn bạn? Girl. Bao nhiêu tuổi? Đoán xem. Những người...già thường khó ngủ. Hì...hì...tâm lý nhỉ? Thế những người...trẻ như bạn tại sao cũng khó ngủ? Tại trời mưa, những cơn mưa đầu mùa làm cho người ta khó ngủ. À, hiểu rồi, giống như ếch nhái ngoài đồng giờ này đang kêu oang oang. Bạn ở quê à? Không, ở thành phố. Vùng ven? Không, ngay trung tâm. Sao nghe được tiếng ếch nhái kêu? Tưởng tượng. He...he...Tôi định out nhưng " Đôi cánh thiên thần" bỗng nhiên lãng mạn: Bạn ở nhà một mình phải không? Sao biết? Chỉ người ở một mình mới lang thang trên mạng giờ này. Chắc bạn cần người để nói chuyện cho bớt buồn, bớt cô độc?

Tôi không nhớ rõ lúc ấy là mấy giờ, nhưng cảm giác trời đang sáng dần. Mưa đã tạnh và tiếng xe máy chạy rè rè qua con đường trước nhà sửa soạn cho sinh hoạt đầu ngày. Một ngày bình thường như mọi ngày. Nhưng đối với tôi thì không bình thường vì trước khi tắt máy đã được " Đôi cánh thiên thần" cho biết tên thật làm kế toán ở một công ty, số di động: 091390... với lời hẹn lúc 9 giờ gặp nhau ở quán cà phê Sao đường Phạm Ngọc Thạch gần hồ Con Rùa. Ngược lại tôi cũng cho " cô ấy" biết tên thật và số di động của mình. Chà, một câu chuyện tình trên mạng cũng khá ly kỳ và hấp dẫn khiến cho tôi có một buổi sáng háo hức để tạm quên đi bầu trời ảm đạm, sũng nước và ẩm thấp sau một đêm mưa. Cái hẹn 9 giờ còn khá sớm, nhưng tôi không thể chợp mắt được mặc dù rất buồn ngủ. Tôi lao vào phòng tắm mở nước nóng, đứng dưới vòi sen tôi húyt sáo và hát một bản nhạc vui bất ngờ.

Quán cà phê này bình thường tôi ít tới, nghe nói nó là điểm hẹn của những cô người mẫu và những chàng đại gia tới đây săn gái. Tôi không thích bị hiểu lầm là đại gia, nhưng cũng thú vị khi nghĩ " cô ấy" hẹn tới đây chắc là cũng khá tự tin với nhan sắc của mình và hẳn còn trẻ và xinh đẹp? Nuôi dưỡng sự thú vị, háo hức này tôi chọn một chiếc bàn trống vừa đủ tầm nhìn bao quát để có thể nhận ra bất cứ cô gái nào đi một mình khi mới bước chần vào. " Đôi cánh thiên thần" hẳn là người cao ráo, chân dài, tóc xõa vai rất lãng mạn. Nếu cô ấy trẻ chắc là tóc có nhuộm màu hạt dẻ, theo moden tuổi teen. Tôi gọi cà phê và nhâm nhi cùng với trí tưởng tượng của mình được tự do phiêu lưu khắp ngôi quán mát lạnh với những gương mặt trẻ trung, đầy sức sống hiện đại của một ngày mới bắt đầu. Tất cả ở đây đều toát ra vẻ sang trọng và sành điệu.

Vừa lúc ấy máy điện thoại của tôi reo lên. Liếc nhanh tôi thấy số điện thoại 090390...

- Chào anh...

- Em tới chưa?-Tôi lật đật hỏi.

- Em tới trước và đã thấy anh ngồi ở chiếc bàn đó.

- Sao em biết mặt anh được?

- Dễ lắm, người nào hẹn hò cũng nôn nóng, háo hức nhìn là biết ngay thôi.

- Em ngồi đâu?-Tôi nôn nóng hỏi.

- Em ...về rồi, đang ngồi trên xe và gọi cho anh. Chúc anh một buổi sang vui vẻ nhé. Hẹn gặp tối nay trên mạng.

Tôi hơi buồn:

- Sao em không gặp anh?

- Để làm gì nhỉ? Em là " Đôi cánh thiên thần", anh cứ tưởng tượng nhưng những gì anh đạ tưởng tượng sẽ vui và hạnh phúc hơn. Thôi chúc anh một ngày hạnh phúc.

Tôi gọi lại, máy reo nhưng " Đôi cánh thiên thần" không trả lời. Và sau đó là một dòng tin nhắn: " Những cơn mua đầu mùa đang tới, nó chưa chấm dứt, chúng ta còn gặp nhau mỗi đêm khi cả hai cùng khó ngủ mà anh".

TỪ KẾ TƯỜNG

NHA TRANG

NGƯỜI VỀ CHO TÔI NHẮN VỚI ...

TỪ VŨ

...Thân tặng P.Thâm – Huỳnh Hưng; Ngô Mỹ Hương
Các Bạn Đệ 4/4 Lê qúy Đôn và tất cả

những người một thời xa xưa đã "mài đũng quần" ở Nha Trang

Không còn nhớ rõ nguyên cớ nào tôi đến Lê Qúy Đôn, ngôi trường bán công này cũng không xa nhà tôi lắm vì chỉ cần đứng trước mái hiên nhà trong ánh nắng chói chang của "miền quê hương cát trắng" là tôi đã nhìn được mé hông trường qua bãi phế thải quân xa , nơi tôi từng tập lái chiếc xe jeep nhà binh của cậu (ba) tôi - chỉ huy trưởng quân xa sư đoàn 5 BB, lúc này đã được dọn dẹp đó đây lưa thưa những cây hoa - một loại sâm cát - chỉ mọc ở những vùng cát Nha Trang, vùng đất này sau đó là trường Nữ Trung học Võ Tánh.

Ngôi trường bán công Lê Qúy Đôn nằm trải dài với mái lợp fribo xi măng thật giản dị nhưng sạch sẽ, lưa thưa mấy gốc bàng mới lớn chỉ vừa vượt khỏi bức tường xây mặt tiền. Năm này là năm Đệ Tứ, một năm quan trọng với kết quả cho cuối năm là tấm bằng Trung-Hoc Đệ Nhất cấp nhưng cũng là năm tôi có đầy ắp những kỷ niệm.

Cũng có thể Cậu tôi đã ghi tên tôi hơi trễ nên tôi đã bị "thả dù" vào ngay lớp Đệ Tứ 4 cùng với khoảng một chục "vị đực rựa khác"' trong khoảng gần ba chục vị "nữ nhi" áo trắng. Ngoài chuyện chúng tôi là "thiểu số" , còn một đặc điểm khác : bọn con trai "bị" ngồi ngay tại những băng ghế đầu tiên của hai dãy ghế nằm chính giữa lớp học, điều này có lẽ cũng nằm trong " kế hoạch an ninh " của văn phòng quản trị nhà trường và các thầy cũng dễ dàng theo dõi hoạt động của bọn con trai nhằm bài trừ nạn nghịch ngợm và lười biếng vẫn thường xẩy ra đối với những thành phần thích ngồi những hàng ghế chót của một lớp học.

Tôi còn nhớ rất rõ, cho dù năm tháng cũng đã chồng chất thật nhiều, ngày đầu tiên tựu trường bọn con trai chúng tôi riu ríu như một bầy gà sợ cáo, cáo ở đây là chư vị nữ nhi đại đa số, cũng rất có thể nhờ thế " tình đồng đội " của bọn con trai chúng tôi rất khắn khít , cũng may tôi ngồi ngay bàn đầu tiên nên "gáy" tôi ít lạnh như các anh Thái Quang Hoàn hoặc anh Trần Văn Giầu hay anh Điểm tuy thế sự hồi hộp cũng vẫn ít nhiều trong tôi.

Ngồi cùng bàn với tôi là Hoà đẹp trai nhỏ nhẹ nhà có một cửa hàng ở đường Độc Lập, Khang thấp bé hay nói chuyện con một người chủ tiệm giầy gần bệnh viện của bác sĩ Đào Huy Kình , Quang thì đi hơi hai hàng với chiếc cập táp da cũ lúc nào cũng dầy cộm và là tác giả công trình trộn hồ , tự thiết kế và xây ngôi nhà gia đình anh ở do chính cha anh " đôn thúc tập luyện " (cũng chính vì việc đôn thúc tập luyện này mà Quang đã phải đến xin "tỵ nạn chính trị" với Mợ (Mẹ) tôi và ở với tôi một thời gian, thời gian thật êm đềm với mỗi buổi chiều hai đứa chúng tôi đạp xe đến nhà một người bạn gái của chúng tôi ở gần rạp ciné Tân Quang (nếu tôi không nhớ lầm tên) để được cô bạn cho vào nhà ngồi nói chuyện bâng quơ cho đến tối mịt mới quay về nhà trong bóng đèn chập choạng dưới bóng những cây bàng và một mùi hương nào đó cho đến nay tôi vẫn luôn nghĩ là hương dạ lan (có thể tôi đã nghĩ lầm nhưng cũng không là điều quan trọng vì mùi hương vẫn bám theo tôi cho tới ngày nay).

Cũng tại Đệ Tứ 4 Lê Qúy Đôn mà tôi đã thật sự biết làm thơ, những bài thơ non dại, với âm vận phải thật đúng theo lời dạy bảo của Thầy Việt Văn, môn học tôi ưa chuộng nhất và ông Thầy cũng là người mà tôi nhớ rõ rệt nhất : VÕ HỒNG . Tôi cũng không nhớ nổi môn Việt Văn tôi có được điểm cao hay không chỉ nhớ đại khái môn đó điểm cuả tôi trội hơn hẳn các môn khác đặc biệt là môn Toán của thầy Hồng Khắc Thanh với những con số, những công thức, những hình thể... bắt buộc tôi không thể mơ mộng cũng giống như những bài Vạn Vật của thầy Từ Bộ Chiêm hay Lý Hoá của thầy Nguyễn An hoặc những bài Pháp Văn của thầy Lê Văn Quang với những chia 8000 động từ rắc rối học hoài mà vẫn cứ ...quên tuy nhiên những bài tiếng Pháp của thầy Quang cùng chiếc xe Peugeot 203 của thầy cũng đã làm tôi mơ ước đến một chân trời nơi có cô Brigitte Bardot và Tháp Effeil của Thủ Đô Ánh Sáng.

Yêu Văn, Thơ và tôi được thầy Võ Hồng giao cho làm tờ Bích Báo để thỉnh thoảng được đến nhà thầy ; nghe thầy chỉ bảo về Thơ dưới dàn hoa , hình như là hoa thiên lý (về sau này tôi mới biết được rằng chính dưới dàn hoa này thầy tôi đã viết "HOA BƯƠM BƯỚM" mà tôi được đọc ở Sài gòn và cũng được "khoe" với bạn bè "THẦY CỦA TÔI") . Học Thầy Hồng tôi đã mê Kiều , đã yêu Nguyễn Khuyến, đã thương Cao Bá Quát và ước mơ : Bình Dương Bồ Bản vô Nghiêu Thuấn/ Mục Dã minh điền hữu Võ Thang ...

Được thầy giao làm tờ Bích Báo, hí hửng ôm tờ giấy trắng thật lớn và hộp mầu về nhà... để cặm cụi cùng với những cô bạn vẽ vẽ, tẩy tẩy dưới sự '' kiểm duyệt cuả cô Anh hơi hơi khó tính, nằm dài dưới đất chép bài vở, dĩ nhiên trong đó có những bài thơ của tôi hay tới nỗi chính tôi cũng ...không còn nhớ được hơn 2 câu ! .

Hình ảnh không quên của những buổi chiều tan học, trên đường từ trường về nhà tôi, một đàn trai gái đạp xe cạnh nhau bàn luận bài vở, những tà áo trắng của các cô bạn nhẹ tung theo gió chiều rượi mát trong cơn nóng của một ngày còn lại, thoáng chốc đã đến nhà tôi, cả bọn xếp xe dưới hàng hiên, tíu tít như một bầy chim vào tiếp tục bàn chuyện "công tác bích báo" để sau đó lại một màn

"Đưa người ta không đưa sang sông
*Mà sao có tiếng sóng trong lòng ...." **

Không ! . Ngày đó trong lòng tôi chưa có tiếng sóng mà chỉ thoáng nhẹ :

" Sóng biếc theo làn hơi gợn tý
Lá (v) bàng trước gió sẽ đưa vèo...."

(xin cụ Nguyễn Khuyến trăm ngàn lần tha tội vì tôi đã sửa chữ của cụ)

Ra hiên thay nhau lấy xe và tôi tiễn chân mấy cậu bạn trai nhà ở đường Độc Lập và những người bạn gái ở gần trường tiểu học gần Bưu Điện ... sau đó ghé nhà chị Nam, chị bạn học lớn tuổi nhất, tiếp tục bàn chuyện tôi ... làm Thơ .

Cũng không hiểu vì sao, sau bao nhiêu sóng gió, dằn vặt của cuộc đời, hình ảnh chị Nam vẫn thật tròn vẹn trong tôi, tròn vẹn trong nhiều giấc ngủ để giật mình…thức dậy…rồi… trằn trọc. Chị Nam ngày đó chắc là tuổi chị lớn hơn tuổi tôi, chị không đẹp nhưng sự nhẹ nhàng với giọng nói của người Huế , sự dịu dàng trong cử chỉ của chị, tất cả không những đã không thể làm tôi quên mà trái lại làm cho tôi " tiếc nuối ", tiếc nuối vì đã chưa nói được một đôi điều … " muốn được nói " …

Hoàng hôn xuống,qua khung cửa phòng khách nhà chị Nam, mặt biển đỏ ửng với mặt trời nằm một nửa chênh vênh… để tôi …

Từ giã hoàng hôn …trong mắt…chị Nam…
Tôi "chưa biết " đi tìm những phố không đèn **

vì :

"Gió mùa Thu" cũng không có mà tôi thì chưa hiểu được thấu đáo 4 chữ *"chớm bao dư vị"* mà chỉ sôn sao đôi chút

*Của chút hương thầm kia…đã quen.***

Đạp xe, trên con đường dọc theo bờ biển ngang viện Pasteur, ngang qua Công Chánh… xuống khu nhà ông Đại Tá An Ninh Quân Đội Đỗ Mậu, nhà Bác Sĩ Phạm văn Trí có cô Châu học chung lớp mà Hoà hơi hơi "để ý ", dưới những cây keo…tôi trở về nhà trong trí não đầy những giấc mơ về mình, về bạn.

Rồi những ngày cuối năm, tổ chức Tết trong lớp với tài làm bánh của các cô bạn gái, đặc biệt món bánh còng của cô Năng, người con gái thứ 2 tôi hơi biết " để ý" ở Nha Trang và một buổi tối giao thừa đến nhà cô cùng với Quang mà chỉ một chút xíu nữa tôi đã "quên đường về" như bài hát "Anh đến thăm em một chiều mưa" cũng may, hôm đó, trời đã không mưa và hai đứa tôi vẫn còn nhớ đường về nhà thật đúng trước lúc Mợ tôi sửa soạn ... cúng Giao Thừa.

Ngày Tết với tiếng sáo của một nghệ sĩ thứ thật mà tôi không nhớ tên từ thủ đô Sài gòn ra chơi cùng những bài hát quan họ, những câu hát quyện theo tiếng sáo của người nghệ sĩ trẻ đẹp trai đó văng vẳng trong tôi, chợt ẩn chợt hiện, cũng đi theo tôi từ ngày đó. Những lần bỏ quên chiếc mũ hay chiếc xe đạp trong sân trường để ông gác dan cất hộ ngày hôm sau đi học mới lấy đạp về nhà.

Ôi những ngày thanh bình hiền hòa xa xưa !

Cũng với Lê Qúy Đôn tôi đã biết Ba Hồ bằng 2 câu Thơ vui của Thầy Võ Hồng :

Ba Hồ cái cảnh con con
Cái anh chết đuối vẫn còn ngồi đây

Thầy Hồng làm 2 câu Thơ đùa đó tặng cho một anh bạn cùng lớp nho nhỏ rất dễ thương ,đi chiếc xe đạp đàn ông cao nhòng làm anh phải cố kéo dài chân ra mỗi khi đạp xe, từ quê hình như ở Tuy Hoà vào học, nhân dịp đi cắm trại tại Ba Hồ xuống tắm xuýt là bị chết đuối.

Rồi những dịp lên nhà anh Giầu trên đường đi Thành để được uống nước dừa mới hái trên cây xuống… Cuối năm thi Trung Học, tôi lại bỏ Lê Qúy Đôn, bỏ thầy Võ Hồng, bỏ tờ Bích Báo, bỏ Quang, Khang, Hoà, chị Nam, Năng…bỏ nhà thờ Núi nơi tôi thường lên nằm trong những bụi dương mát rượi học bài thi hay thả hồn mơ mộng làm Thơ, bỏ những hàng cây Bàng, cây Phượng, bỏ đường Nguyễn Tri Phương…để lên xe lửa vào Sài gòn với giấc mơ trở thành một nhà Văn, nhà Thơ.

Rồi giấc mơ Thi Sĩ, Văn Sĩ cũng không thành, theo vận mệnh đất nước, tôi chỉ được thoáng về lại Nha Trang 2 lần : Một lần trong run sợ bị mật vụ truy bắt từ SàiGòn chạy ra Nha Trang trước ngày chế độ Ngô Đình Diệm bị lật đổ , nhưng cũng tại Nha Trang tôi đã được Quang, Hòa, Khang bao che , đấy tình bạn cũa những người học trò Nha Trang mà tôi khó thể có được ở những người khác ; Lần thứ 2 khi đi dạy học , từ Pleiku xuống để lại được chen chúc thả bộ đi lên đi xuống trên hè phố Độc Lập và cũng để '' *thoáng thấy em* '' đã có người con trai khác diù bước.

Như bài hát ngày nào của một Minh Kỳ đã viết về Nha Trang :

«Nha Trang là miền quê hương cát trắng, ai qua không quên để lại, một vài luyến tiếc xa xôi.... »

Vâng! . Tôi đã để lại...để lại không chỉ "một vài luyến tiếc xa xôi" mà một thời thật đẹp, thật thơ ngây, thật mơ mộng, thật khờ dại, thật vội vã để rồi chỉ còn lại tiếc nhớ...

Vâng! . Tôi đã để lại Nha Trang những cơn nắng cháy bỏng ngày đó tôi hãi sợ nhưng hôm nay nơi vùng đất thật xa xôi ở hải ngoại này trong những ngày rét mướt tôi thèm thuồng được có. Tôi cũng đã để lại một phần linh hồn tôi thửơ còn biết làm Thơ nhưng làm cũng chỉ gởi '' *gió cho mây ngàn bay* ''*** . Tôi cũng đã để lại *"niềm thương và nỗi nhớ"* chập chờn, khắc khoải mà tôi đã, đang và sẽ không bao giờ còn có được.

Vâng! . Nha Trang vẫn *« Bao năm du khách hằng chờ , một ngày ghé đến Nha Trang..... "* Vâng!. Tôi cũng xin... *« Ai ơi người về cho tôi nhắn với, Nha Trang quê hương dịu hiền, ngàn đời lòng tôi mến thương. »*

Tôi vẫn ước ao được trở về Nha Trang cho dù chỉ tìm lại một chút Hương Xưa của một ''*người ơi , chiều nào có nắng vàng hiền hoà hồn có mơ xa"....*****

Thác Bà có còn như ngày xưa ? Đá Chồng có còn thanh vắng ? và Cầu Đá có còn thấp thoáng hình ảnh người bạn gái hoa khôi Lê Qúy Đôn ngày cũ ? Rồi mái trường xưa ? Rồi những người Thầy cũ ?

« Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ » *****

Tôi sẽ trở về Nha Trang, Nha Trang không có mưa bụi bay mà chỉ những hạt cát mỏng manh ... nhưng đã quá đủ để làm nước mắt tôi phải chảy .

Pháp-13-4-2004

*** : Quên tên tác gỉa .**
**** : Thơ Đinh Hùng.**
***** : Nhạc Đoàn Chuẩn .**
****** : Nhạc Cung Tiến.**
******* : Thơ Vũ Đình Liên .**

TỪ VŨ

Thơ

TRẦN VẤN LỆ

CHIỀU THƯƠNG CHO MẤY

Thôi thế mùa Thu tới thật rồi
Hỗm rày bầy quạ hết về chơi
Mái nhà meo mốc màu sương khói
Cây, gió, rùng mình, lá, lá rơi…

Tôi cũng rùng mình. Lạnh lắm em
Không nghe ai nói tiếng êm đềm
Buồn. Quăng viên sỏi, đau lòng nước
Tôi cũng đau lòng. Không nói thêm.

Buồn. Quăng con mắt vào thinh lặng
Một ánh sao hay một ánh đèn?
Tối. Nhang một nén, tôi mồi lửa
Mấy nén nhang tàn mới hết đêm?

Bạn thấy, đoạn thơ không đúng luật
Tôi buồn tay đã viết lung tung?
Mùa Thu năm ngoái, buồn không ít
Buồn của năm này…thôi, không đong!

Em ơi bầy quạ giống như em
Để lại cho anh một nỗi niềm:
Mái ngói nhà kia, meo mốc khói
Chiều thương cho mấy cũng rồi quên?

Em ơi con nước sông Tiền chảy
Rồi cũng về chan với Hậu Giang
Anh chẳng là sông mà tới biển
Tắp vào đâu nhỉ, cù lao hoang…

TRẦN VẤN LỆ

chuyển ngữ

ĐỀN TỘI ĐỀN TÌNH

VŨ ANH TUẤN

Trước ngày nhập ngũ, Mac Mill là một chàng trai Mỹ cao lớn, khỏe mạnh, đẹp trai, với mớ tóc vàng óng. Chàng ôm mộng trở thành một chuyên gia về hóa chất. Sau khi đã phải nhập ngũ, vào sáng ngày 20 tháng Chạp năm 1943, khi nhận được lệnh hành quân về phía ngôi làng San Pietro nhỏ bé, chàng nhận thấy rằng tất cả mọi mộng mơ đều biến mất, nhường cho chiến tranh.

Giờ thì Mac Mill đang lội bộ với toán tuần tiễu 5 người của chàng trong một khu đất trũng đầy tuyết phủ. Trước mắt họ là ngôi làng nhỏ với những căn nhà đổ vỡ, hoang tàn, chất chứa đầy bất trắc.

Một trong bọn đồng đội của Mac Mill có mang một máy bộ đàm, và trong khung cảnh êm ắng của bình minh, máy bộ đàm bỗng phát ra lệnh báo động ầm ỹ, và ngay sau đó, một họng súng liên thanh, được đặt ở đâu đó trong những ngôi nhà cổ ở San Pietro, bỗng dồn dập nhả đạn về phía toán người.

Bị kẹt bất ngờ dưới làn đạn, trên một khu đất trống, Mac Mill và 4 đồng đội phải chạy theo hình chữ chi về phía một trang trại nằm đơn độc ở phía trước, trong lúc đạn bay vù vù xung quanh họ.

Bất thần, một trong bọn họ, người mập nhất bị trúng đạn, vấp ngã, và gục xuống. Một người khác bỗng nhiên hai chân như bị dính làm một, lảo đảo, rồi cũng ngã vật xuống. Còn phải vượt qua khoảng ba trăm mét nữa. Một đồng đội của Mac Mill, người nhỏ thó, chạy ở trước mặt chàng, nhưng rồi chàng đành phải bước qua xác anh ta, vì anh ta cũng vừa bị trúng đạn và ngã vật ra. Người đồng đội cuối cùng, quá kiệt sức, tính nằm sát xuống đất, nhưng khi còn đứng thì anh ta còn sống, lúc nằm xuống thì đã là một cái xác không hồn.

Mac Mill là người sống sót duy nhất chạy được tới trang trại, và phía trước là một căn nhà có một cái cửa gỗ. Chàng tự hỏi chuyện gì sẽ xảy ra nếu chàng đứng lại để mở cửa; và chàng đành phải coi như là không có cửa, để lao thẳng thân hình bồ tượng của chàng vào cánh cửa khiến cho nó sập xuống. Bị choáng váng muốn xỉu, Mac Mill ngã thẳng vào bóng tối. Đạn tiếp tục bay vù vù trên đầu chàng.

Mac Mill nằm bất động, nhưng tay chân chàng run như cầy sấy, mắt chàng hoảng sợ ngó thẳng về phía cái cửa, tường chừng như thần chết sẽ từ đó xuất hiện. Nhưng thế vào chỗ thần chết, là tiếng pháo lớn bắn dữ dội từ phía quân đồng minh, cho tới khi San Pietro chỉ còn là đống tro tàn gạch vụn.

Trong cơn khói lửa mịt mù đó, chẳng có ma nào nghĩ tới chuyện đuổi bắt Mac Mill.

Chàng quen mắt dần với bóng tối và đảo mắt nhìn quanh. Trên một cái bàn dài có hai chuồng thỏ chứa đầy thỏ, con nọ chen lấn với con kia. Cạnh đó người ta treo đầy quần áo, và dưới đất là nhiều bó cỏ và bó cà rốt. Phía bên tay mặt có một cửa sổ đóng kín mít, còn ở bên trái là một lỗ hổng cầu thang lớn, đen ngòm, đưa xuống một căn hầm chắc phải rất rộng lớn.

Mac Mill quay về phía sau lưng và bất ngờ trông thấy một thiếu nữ mặc đồ ngủ, chân đi bít tất len; nàng đứng như trời trồng, tay cầm một cái bát, đôi mắt rất đẹp, rất to, chứa đựng đầy nỗi ngạc nhiên. Thiếu nữ như cấm khẩu, không thốt lên được lời nào.

Từ lỗ hổng cầu thang đen ngòm vọng lên tiếng ai đó gọi cô gái:

- Maria? Maria!

Mac Mill hiểu rằng các thân nhân của nàng hiện ở cả dưới hầm của căn nhà.

Gió lạnh lùa vào khung cửa sổ không còn cánh. Mac Mill bước ra đặt lại cánh cửa, chàng bỏ mũ sắt, quay trở lại phía Maria, để nói với nàng vài lời êm dịu, mong làm biến mất nỗi sợ hãi trong cặp mắt đẹp của nàng.

Nhưng bên ngoài, trong lúc đó, tiếng đạn pháo nổ cực kỳ ấm vang, dữ dằn hơn trước nhiều.

Mac Mill chả biết câu tiếng Ý nào, nên đành phải nhìn Maria mà không biết nói gì với nàng, tuy nhiên chàng nhận thấy, và chiêm ngưỡng cặp mắt rất to rất đẹp của nàng. Nàng trạc độ mười bẩy, mười tám tuổi, và trong bóng tối của căn nhà hoang vắng này, nàng thật đẹp, thật đẹp, nhưng chàng vẫn chẳng biết nói gì với nàng cả.

Tiếng bom đạn va chạm ngày càng tiến lại dần, các bức tường của căn nhà như muốn rung chuyển liên tục. Phải chăng vì vậy mà bàn tay của Mac Mill run rẩy khi chàng châm một điếu thuốc lá?

Ánh sáng lập lòe của que diêm làm chàng nhìn thấy cô gái rõ hơn. Chàng thấy cô có một khuôn mặt rất đẹp, một vẻ đẹp hiền hậu, được một làn da trắng nuốt làm cho dễ thương hơn. Chàng đoán là nàng lõa thể dưới chiếc áo ngủ; nơi nàng nằm chắc phải lạnh vì nàng đi bít tất len. Khi ánh lửa tắt hẳn, chàng vẫn tiếp tục trông thấy cặp mắt đẹp của nàng nhìn chàng trân trân.

Chàng vẫn chẳng tìm được câu gì để nói. Nhưng chàng bất chợt thấy trong chàng nổi lên lòng ham muốn nhảy vào ôm đại lấy nàng, như lúc nãy chàng lao thẳng vào cánh cửa, một ham muốn khó mà cưỡng lại được!

Những tiếng đạn pháo lớn đã làm cho tâm trí của chàng mất đi trong vài giây khả năng suy nghĩ hơn thiệt, phải quấy. Chàng bất chợt mất khả năng hiểu rõ sự khác biệt giữa việc xông vào đạp đổ một cánh cửa và việc xông vào đè một thiếu nữ xuống. Thiếu nữ sợ hãi lùi dần khi Mac Mill tiến lại. Khi nàng đã lùi đến chân tường, dưới lô áo quần treo lộn xôn, Mac Mill nhìn thẳng vào cặp mắt đẹp của nàng, ôm nàng trong vòng tay, hôn, và đẩy nàng xuống những bó cỏ và những bó cà rốt...

Vào lúc đó Maria mới giãy giụa và kêu thét lên. Nhưng, xung quanh ngôi nhà, tiếng bom đạn nổ ầm ầm, làm át hẳn tiếng kêu la của thiếu nữ tội nghiệp.

Từ hố cầu thang, lại có tiếng gọi vang lên:

- Maria...Maria...

Vài phút sau cánh cửa sập đổ trở lại, Mac Mill vùng bỏ chạy, trong khi Maria nằm sóng sượt trên mặt đất. Nàng khóc ròng, chiếc áo ngủ bị tốc lên... hoa tuyết rơi lả tả trên thân thể ngọc ngà của nàng.

Nói cho cùng, nếu ta coi Mac Mill là một tên hiếp dâm dơ bẩn thì quả là chuyện quá dễ dàng.

Trong một chuyện như là vụ giao tranh ở Monte Cassino, phải kể đến tội lỗi của các thế lực hiếu chiến, các lãnh tụ chiến tranh khát máu. Kết tội Mac Mill mà không đếm xỉa gì tới các thế lực ở trên chàng ngàn bậc, thì có khác gì bắt chú lừa chịu tội thay cho ông mãnh sư.

Vả lại, tội ác của mình, Mac Mill sẽ phải đền lại thật đầy đủ, quá đầy đủ nữa là khác! Chàng phải đền tội, vì Maria có cặp mắt huyền quá đẹp, quá to, khiến chàng nhìn thấy cặp mắt đó mãi, đêm cũng như ngày, ở chỗ này cũng như ở nơi khác! Cặp mắt huyền của Maria đêm ngày săn đuổi Mac Mill. Rồi, sau nhiều tuần lễ, Mac Mill không còn trốn chạy con mắt của Maria nữa; ngược lại, chàng QUYẾT TÂM ĐI TÌM NÓ CHO BẰNG ĐƯỢC.

Chàng không còn muốn quên đi đoạn đời đó, không muốn tự bào chữa rằng: "Ôi đó là chuyện xảy ra trong chiến tranh", mà trái lại chàng vô cùng mong muốn gặp lại Maria.

Do đó chàng quyết định trở lại thung lũng San Pietro nhỏ bé. Chàng muốn gặp lại người thiếu nữ, để bày tỏ niềm hối tiếc của mình về việc làm tàn hại đó.

Nhưng Mac Mill phải đợi chờ trong nhiều tháng, cho tới ngày 18 tháng Năm năm 1944, khi quân Ba Lan chiếm lĩnh hoàn toàn vùng Monte Cassino.

Và thế là chàng trở lại nơi chàng đã tình cờ nhúng tay vào tội ác. Viết về địa điểm này, một phóng viên chiến trường đã nói: "Nơi đây, người ta đã tàn sát cả đến cây cỏ, sỏi đá". San Pietro đã hầu như là bình địa, Mac Mill ngồi trên một chiếc xe Gýp chạy trên con đường gập ghềnh đưa đến trang trại nằm đơn độc cách xa ngôi làng.

Trong sân trang trại, một bà lão mặc váy áo đen, tay cầm một cái mai, đang đào xới những mảnh đạn, chẳng sợ có thể bị nổ mất tay, mất chân, hoặc nổ tan xác luôn. Nghề thu gom mảnh bom đạn, đã trở thành cái cần câu cơm chính yếu của cư dân trong ngôi làng khốn khổ này.

Mac Mill mài mại nhớ những đường nét trên khuôn mặt của bà lão, và chàng hỏi thăm bà về Maria.

- Maria à? Anh muốn hỏi con gái của lão à? Nó đã bỏ đi trong một buổi sáng hồi tháng Hai khi Monte Cassino bị tấn công lần thứ tư. Bữa đó cả nhà chúng tôi ẩn nấp dưới hầm. Rạng sáng, Maria đi lên để lấy một bát sữa lâu lắm mà không thấy nó trở xuống. Khi đạn pháo bắn dữ, chúng tôi ở dưới hầm đã gọi cháu, nhưng không thấy nó trả lời".

Bà lão bật khóc, tay bà nắm chặt cái cán của chiếc mai:

- Thật là khủng khiếp ông ạ. Dưới hầm ấm áp, nên chẳng ai chịu lên tìm cháu, xem cháu làm gì mà lâu trở xuống. Sau đó cháu biến mất, không ai gặp lại cháu nữa. Không biết nó lưu lạc ở đâu mà không chịu gửi thư về, không cho gia đình cũng như họ hàng lối xóm biết tin tức gì cả. Có thể một ngày nào đó người ta sẽ tìm được xác cháu ngoài đồng, hay trong những căn nhà đổ nát.

- Bà cụ có cái hình nào của nàng không?

- Tại sao ông hỏi hình của nó?

- Hãy cho con một cái hình của Maria, con sẽ đi tìm cô ấy.

Trong lúc đi về phía căn nhà đổ nát, bà lão luôn mồm hỏi:

- Tại sao? Tại sao mới được cơ chứ?

- Khi nhận được tấm ảnh, Mac Mill cảm ơn bà cụ.

- “Tại sao?” Bà cụ vẫn còn hỏi.

- Xin bà cụ đừng thắc mắc tại sao. Con sẽ tìm ra nàng.

Mac Mill trở lại xe Gýp và đi mất dạng.

Thật vậy, trong nhiều ngày Mac Mill tìm khắp mọi làng, khắp mọi xã ấp, khắp mọi khu vực đổ nát, nhưng chàng không tìm được vết tích gì cả. Rồi, phải đi theo đoàn quân, chàng tiến về La Mã, đến tận Florence mà vẫn không thấy tung tích gì của Maria.

Mười một tháng sau đó, thỏa hiệp đình chiến được ký kết, sư đoàn của Mac Mill phải trở về Mỹ. Nhưng, vì ôm ấp quá nhiều tấm hình nhỏ bé, nước ảnh đã ố vàng trong con tim, vì nhớ quá nhiều đôi mắt huyền to, đẹp, Mac Mill muốn trở thành điên loạn. Rời khỏi nước Ý, có nghĩa là không bao giờ gặp lại Maria nữa: dù nàng ở đâu, làm gì đi nữa, dù chàng gặp bất cứ rủi ro nào đi nữa, tốn kém bao nhiêu đi nữa, Mac Mill vẫn quyết định ở lại và đào ngũ.

Phải hiểu sự ngoan cố này ra sao đây? Thật đơn giản Mac Mill đã mắc chứng điên.

Vào lúc đó việc mua giấy tờ giả rất dễ dàng, khiến cho một tên lính đào ngũ có chút tiền là hầu như không sợ gì bị phát hiện. Trái lại nếu không tiền và không tìm được việc làm, thì rất dễ bị bắt giữ. Thế là Mac Mill lao vào việc mua bán hàng chợ đen.

Thỉnh thoảng chàng lại biến đi trong nhiều ngày. Những người không biết chuyện tìm chàng khắp nơi ở Florence, từ bar này sang bar khác.

- Ông có gặp ông Mac Mill không?

Đâu đâu người ta cũng trả lời:

- Ông Mac Mill đang đi nghỉ mát, hoặc đang đi chơi xa.

Thật vậy, Mac Mill đã không hề lơi là việc tìm kiếm bất cứ một giây phút nào. Chàng trả tiền rất hậu cho bọn thám tử tư, và bọn chỉ điểm, ai nấy đều được chàng đưa một phiên bản tấm hình của Maria.

Sau hai năm, không còn ai tin là có cô Maria bí mật đó, dĩ nhiên là ngoại trừ Mac Mill. Có người cho rằng nàng chưa hề có trên đời, người khác thì đoán rằng nàng đã rời khỏi nước Ý.

Một buổi chiều trong tháng hai năm 1948, Mac Mill và một thám tử tư đang đi bên nhau trong những phố vắng lạnh của tỉnh Savone. Trời lớt phớt mưa, gió lạnh rít từng hồi…

- Maria ở một mình à? Nàng đã được thông báo chưa? Nàng nói sao? Nàng có nhớ được không?

Những câu hỏi dồn dập của Mac Mill chỉ được viên thám tử tư trả lời nhát gừng trong mưa lạnh.

Cuối cùng Mac Mill dừng lại trước cửa một ngôi nhà tồi tàn, và đẩy cửa. Một con chó vàng sủa ba tiếng, và cửa được mở rộng. Lúc đầu chỉ là một cái bóng, nhưng rồi khi đèn được bật sáng, chàng được tiếp đón bởi một thiếu phụ tươi cười. Vóc dáng người này gần giống với vóc dáng của Maria, nét mặt cũng hơi nhang nhác, nhưng cô nàng mập quá: đây không thể là Maria!

Tuy cô tươi cười, nhưng cặp mắt của thiếu phụ có nét lờ mờ như nàng nghiền ma túy, hoặc nghiện rượu. Nhưng nếu đây chính là Maria, và nàng đã trở thành thế này thì sao?

Mac Mill nhắc lại câu chuyện bi thảm ở San Pietro, và người thiếu phụ cho biết là có nhớ, nhưng không nhớ được các chi tiết vì chuyện xảy ra dã quá lâu. Nàng có ý ngầm như báo cho chàng biết là chính vì lỗi của chàng mà giờ đây nàng phải sống cuộc đời bi đát như thế này.

Mac Mill ngửi thấy ngay mùi dàn cảnh gạt chàng! Lòng tham của con người thật vô đáy: kẻ này mưu gạt người kia là chuyện thường tình!

Một căn nhà gỗ nằm lún sâu trong khu bùn lầy của cánh rừng Tombolo: Trời lạnh 90 dưới không độ. Đây là vùng ô nhiễm, nguy hiểm, khủng khiếp nhất nước Ý, nơi các đào binh của đủ các đạo binh, đủ các quốc tịch, vẫn thường lẩn trốn. Tuy nhiên số đào binh còn đang sinh sống ở đây lúc này chỉ còn có sáu người, trong đó có Mac Mill.

Đối diện với hàng rào hiến binh người xứ Sicile đang vây quanh căn nhà gỗ, Mac Mill có cảm nghĩ như vừa tỉnh dậy sau một cơn ác mộng đã kéo dài vừa sáu năm.

Cảm thấy vô phương trốn chạy, cả sáu người gài cổ áo cho ấm và lục tục đi ra…

Bị bắt giữ ngày 11 tháng Chạp năm 1951 với tội danh là đào ngũ, Mac Mill đã bỏ trốn được, trong khi chàng bị giải từ một nhà tù dân sự của người Ý sang trại tù quân sự.

Để rồi sáu tháng sau, vào một buổi sáng ở Gênes, đúng lúc đồng hồ điểm 10 tiếng, phép lạ mà chàng hằng thành tâm trông đợi trong bẩy năm trời đã xảy ra.

Mac Mill đang ở ngoài đường, một chiếc xe điện ồn ào chạy qua. Qua một khuôn cửa kính, chàng thấy xuất hiện một khuôn mặt một cặp mắt u huyền bao la, chỉ cần một giây, Mac Mill nhận ngay ra đôi mắt của Maria.

Chàng chạy ào theo chiếc xe điện, len lỏi và bất chấp các xe hơi, xe xì cút tơ, xe đạp đang chạy ngược chiều. Liệu chàng đuổi kịp không?

Tới một ngã tư một viên cảnh sát, những chiếc xe hơi, và nhiều người qua lại chận đường chạy của chàng. Chàng nhảy phốc lên bờ đường xô đẩy người đi lại, và đuổi theo nhanh như người bị ma đuổi.

Khi chàng đuổi kịp tàu điện thì nó đã hai lần ngưng ở các trạm và khuôn mặt mà chàng thoáng trông thấy đã không còn ở trên tàu điện nữa. Chàng đã nhìn nhầm, hay nàng đã xuống và đi mất?

Mac Mill đi trở lại trạm đầu tiên của tàu điện, và với tấm ảnh của Maria trên tay, chàng đi lang thang trên tất cả các khu phố lân cận, đưa tấm ảnh ra hỏi những người bán hàng, những người đi đường, làm mọi người ngạc nhiên khi thấy khuôn mặt đẹp đẽ của người trong ảnh, rồi lại thấy áo quần rách rưới của Mac Mill. Chàng tiếp tục chạy tới một trạm khác, lại đưa ảnh ra, lại hỏi; chàng xông vào các cửa tiệm, chìa ảnh và hỏi như người điên, khiến mọi người không khỏi lấy làm ngạc nhiên.

Cuối cùng, tại một tiệm giày, người thợ sửa giày sửa lại gọng kính để nhìn bức ảnh và Mac Mill cho rõ; qua vẻ mặt ông ta đang thầm nghĩ: “Chắc anh chàng này điên, cô gái này trẻ đẹp quá, đâu có thể là đối tượng của hắn”.

“Người thiếu phụ này, cuối cùng ông ta nói, tôi vừa gặp cô ta… cách đây một giờ, cô ta có ghé để lấy một chiếc giày cô ta nhờ tôi chữa. Nhưng tấm ảnh này cũ lắm rồi, vì thế tôi mới do dự, giờ

này cô ta đẹp lắm!"

- Nhưng ông có biết cô ta ở đâu không? Không à? Vậy ông có biết cô ta làm gì không?

- Cũng không, từ lâu tôi đã không để ý tới việc khách hàng của mình làm gì! Nhưng họ làm gì với những chiếc giày của họ thì tôi biết. Người thiếu phụ này, vì thế phải sinh sống ở các phố trên đồi cao.

Và người thợ giầy già nhìn Mac Mill hối hả chạy đi bằng con mắt trìu mến thương cảm.

Khu phố này của thành Gênes được xây trên những ngọn đồi cao, nên nó đầy nhóc những cầu thang đá lớn bé, có vẻ như đi lên, đi lên hoài.

Mac Mill chìa ảnh nàng ra với tất cả mọi người, ở tất cả mọi nơi: chỗ này có người trông thấy nàng, nàng đã đi lên cái phố nằm ở bên tay mặt. Chỗ khác có người thấy nàng đi lên cái phố ở bên tay trái.

Ở chót vót trên cao có một thánh đường nhỏ. Leo quanh co hoài Mac Mill bị chóng mặt nên khi nhìn lên, chàng thấy ngôi thánh đường như đang xoay tròn trước gió. Một người đang từ những bậc đá bước xuống. Mac Mill cố gắng đưa tấm ánh ra một lần chót. Người đi xuống lấy tay chỉ ngược lên một ngôi nhà ở trên cao và nói:

- Cô ấy ở trên đó.

Như được hồi sinh, Mac Mill tiếp tục leo cầu thang đá. Trên cao, lơ lửng giữa trời, ngôi thánh đừng nhỏ bé tiếp tục quay nữa. Cuối cùng Mac Mill cũng lên được tới cửa tòa nhà. Chàng nắm giây chuông và dùng hết tàn lực để giật...

Cặp mắt chào đón chàng là cặp mắt nhăn nheo của một bà già vóc dáng nhỏ thó, để tóc búi tó củ hành. Trong bóng mát êm dịu của một nhà chơi của một trường học nhỏ, Mac Mill đưa ảnh của Maria cho bà cụ xem; không nói một lời, bà cụ nhìn bức ảnh nhiều lần, rồi lại nhìn chàng.

Bà cụ có vẻ ngần ngại. Cuối cùng bà cụ đi lui lại vài bước để ra sân, và dùng đầu ra dấu cho chàng thấy một thiếu nữ đang đúng quay lưng sau một cây cột, ở giữa một vòng tròn các em nhỏ đang vừa đi xoay tròn vừa hát.

Mac Mill tiến lại gần, một trong những đứa trẻ la lên:

- Thưa cô! Thưa cô!

Thiếu nữ quay đầu lại. Chính là nàng. Tuy không còn là cô gái run sợ ở San Pietro, nhưng đích thị là nàng.

Maria nhăn mặt, nhíu mày, nàng sững sờ khi trông thấy chàng và nét mặt nàng tái đi rất nhiều. Có thể nàng không thật sự nhận ra chàng. Có khi thấy mặt chàng, nàng chợt nhớ ra buổi sáng hôm đó ở San Pietro. Cũng có thể là không một hoàn cảnh nào, một chi tiết nào có thể nhắc lại trong tâm trí nàng kỷ niệm tàn khốc đó, nhiều hơn là khuôn mặt chàng đang ở trước mặt nàng. Dù sao đi nữa nàng không thể nào tin được đó là chàng và tại sao chàng lại xuất hiện ở đây?

Về phần Mac Mill, từ bảy năm nay chàng đã đêm ngày chờ đợi giây phút này. Chàng đã suy nghĩ rất nhiều là phải nói gì, đã cân nhắc từng câu, từng chữ, nhưng rồi chàng chỉ lắp bắp được mấy câu:

“Hãy cho phép anh được giải thích với em...”

Quả là khôi hài. Chường mặt ra sau bảy năm để giải thích một điều bất khả giải thích, để xin tha tội cho một tội không thể tha thứ, thực là khôi hài lắm vậy.

Đương nhiên là nàng không thể hiểu tại sao chàng lại có mặt ở đây, nhưng cuối cùng nàng đã nhớ ra chàng. Nàng cố gắng chịu đựng chàng như chịu đựng một thử thách. Nàng nhìn chàng một cách lạnh lùng, và run rẩy bảo chàng:

- Chuyện xảy ra đã quá lâu, còn gì nữa mà giải thích.

- Anh đi tìm em trong suốt bảy năm nay.

- Nếu anh muốn được tôi tha thứ thì anh mất thì giờ vô ích. Tôi không bao giờ tha thứ cho anh.

- Nhưng, anh yêu em.

Maria đứng ngẩn người ra. Nàng nhìn chàng như nhìn một quái vật. Vì, đối với nàng, dù chàng là kẻ bạo tàn hay điên đi nữa, thì chàng vẫn chỉ là một quái vật không hơn không kém.

- Anh đi đi!

Maria chỉ tay ra cửa:

- Đi ngay!

- Anh đã đào ngũ vì em.

- Tôi có cần phải cho người đuổi anh ra không?

Lần này, Maria nói lớn tiếng hơn. Các cô giáo, người gác cửa và cả bà già búi tóc cũng đẩy chàng về phía cửa ra vào. Chàng bật khóc và nói với bà cụ:

- Bà cụ ơi, xin bà cụ giúp cháu...”

Bà cụ cảm thương chàng đến ứa nước mắt, đưa tay đẩy lên ngực chàng để đẩy chàng ra và bảo chàng:

- Ở đây đông người quá. Cho tôi địa chỉ chỗ anh ở để Maria có thể tới gặp nếu cô ấy muốn, còn bây giờ thì đi về đi!”

Mac Mill đưa địa chỉ của chàng cho bà cụ, và bà cụ nhìn theo chàng khi chàng xuống các bậc thang đá thành Gênes cho tới khi chàng trở thành bé tí, bé tí...

Tuyệt vọng, nhưng chàng vẫn cố chờ đợi trong một căn phòng. Chàng vẫn còn mong vào một tia hy vọng cuối cùng. Chàng đã đưa tên một khách sạn mà ngay lúc này chàng chưa biết sẽ làm thế nào mà có tiền để trả tiền phòng, nhưng dù thế nào đi nữa, vẫn phải có một địa chỉ.

Màn đêm đã xuống ở Gênes. Bà cụ có búi tó có vẻ thông minh và có vẻ rất thông cảm. May ra bà cụ có thể khuyên Maria đến tìm chàng.

Có tiếng một chiếc xe hơi đến đậu trước khách sạn, có lẽ là một cái taxi. Bất chợt, Mac Mill ngồi nhỏm dậy. Chàng nghe thấy nhiều tiếng chân người ở dưới cầu thang.

Nhiều tiếng chân người. Khi ra đến hành lang, chàng thấy tiếng chân đi rất mạnh và chàng không còn nghi ngờ gì nữa. Chính là cảnh sát, và cũng là câu trả lời nghiệt ngã của Maria.

Tại Mỹ, trong một căn phòng xử cổ kính, Mac Mill đang bị xử bởi một tòa quân sự. Một vị đại tá, giáng điệu oai hùng, khả kính, ngực đeo đầy huân chương, chủ tọa phiên tòa.

Đào ngũ là một tội danh không nghiêm trọng gì, nhưng hiếp dâm lại quá ư ghê gớm. Do đó tất cả cử tọa đều nhìn như xoáy vào Mac Mill.

Mac Mill đang bị xử vừa vì đào ngũ, vừa vì tội hiếp dâm, tuy Maria không đệ đơn thưa chàng về tội đó. Nàng chỉ bảo cảnh sát bắt chàng như là một người lính đào ngũ, vì nàng tưởng chàng điên, và sợ chàng sẽ đeo theo làm khổ nàng. Nhưng khi cuộc điều tra được tiến hành ở bên Ý thì lòi ra câu chuyện đáng tiếc, bên nguyên, hay đúng hơn là phía buộc tội, tức là tòa quân sự chỉ giữ tội danh hiếp dâm khi nghe các lời khai của các nhân chứng, đã biết được câu chuyện đó do chính Mac Mill trong lúc đi tìm Maria đã có lần tâm sự.

Nhưng khi tòa nêu tội danh hiếp dâm thì Mac Mill giữ im lặng không kêu ca hoặc khai báo gì cả. Vị đại tá chánh thẩm nổi nóng, ông hỏi:

- Vậy thực ra có chuyện hiếp dâm hay không?

Một viên trung úy đứng dậy vừa đặt câu hỏi, vừa như đưa ra câu trả lời:

- Ai đệ đơn thưa về tội hiếp dâm? Không có ai à? Ai chứng minh vụ hiếp dâm đã xảy ra?

- Thế không phải là chính bị cáo đã tự xác nhận là có chuyện đó à?

Nhưng vì Mac Mill vẫn giữ im lặng, tòa loại bỏ tội danh hiếp dâm.

Một vài tháng sau trong khi Maria đã xin thôi dạy học, và đã thay đổi chỗ ở, không để lại địa chỉ mới, thì vị chủ nhiệm một trong những tờ báo hàng tuần có uy tín nhất ở Ý, nhận được một là thơ dài mấy chục trang giấy, được gửi tới từ một nhà tù ờ Taxakana, ở Mỹ quốc. Lá thơ đó là của một tù nhân tên là Mac Mill, bị kết án hai năm tù về tội đào ngũ.

Trong là thơ dài dặc đó, người viết đã kể lại 10 năm trong cuộc đời của anh ta, tội ác anh ta đã phạm phải, quá trình đền tội và hối hận của anh ta. Người viết xin vị chủ nhiệm cho đăng tải lá thơ đó, qua đó anh ta hy vọng được người đàn bà mà anh ta đã làm khổ tha thứ cho mình. Dĩ nhiên là Mac Mill không nêu danh tính nạn nhân.

Vị chủ nhiệm ngần ngại, nhưng rồi ông cho đăng lá thơ.

Vài tuần lễ sau, qua vị chủ nhiệm, Mac Mill ở trong nhà tù nhận được một lá thơ thật vắn tắt: “Hãy sống an bình, tôi tha tội cho anh”.

Thế là Mac Mill lại viết thơ cho ông chủ nhiệm tờ tuần báo nhờ chuyển thơ của chàng cho Maria. Chàng viết:

“Vì thiên chức và số mệnh của mỗi người đàn bà là phải lấy chồng và tạo dựng một gia đình, xin em hãy nghĩ tới điều đó và hãy đoái nhìn tới anh. Như vậy sợi dây nhơ bẩn đã nối buộc chúng ta sẽ được thánh hóa. Anh tin là anh đang được hưởng ơn phúc này vì nhiều lý do. Tình yêu của anh đối với em đã có những chứng minh rõ rệt. Anh đã đến tuổi phải trở thành một người chồng tốt và sẽ được tha trong hơn một năm nữa. Nếu em không cho là anh quá xấu xí thì em có thể quyết định dễ dàng. Để tạo dựng một gia đình, anh hứa sẽ vận dụng thật nhiều nghị lực và kiên

nhẫn, nhiều hơn cả số lượng nghị lực và sự kiên nhẫn mà anh đã vận dụng để được em tha thứ. Anh yêu em."

Vì Maria chậm trễ trong việc trả lời, Mac Mill viết thêm một lá thơ thứ nhì, rồi là thư thứ ba, rồi hàng chục lá thơ khác. Người phụ nữ nào lại có thể cưỡng lại một mối tình như thế?

Vào một ngày đẹp trời, đầu mùa Thu năm 1956, tại Ý, trong một thánh đường nhỏ ở Gênes, nơi Maria làm việc khi trước, ở cao tuốt trên đỉnh trời, họ đã lấy nhau…

dịch một chuyện có thật của Bellemare

VŨ ANH TUẤN

Thơ

NHƯ HOÀI

BẾN XƯA

Từ người bỏ bến sang ngang
Buổi tình ta vẫy khăn tang tiễn người
Về
ta khép lặng nụ cười
Về
ta chết hạn cả chồi xuân xanh
Về
ta ngày tháng hao hanh
Về
ta khát lắng đón nhành xuân lay
Về
ta đắng đót giọt say
Hương tình mật ngọt ngất ngây men đời
Từ người bỏ bến người ơi
Neo tình ta cũng lạc rồi bến xưa.

NHƯ HOÀI

THÁNH NỮ

MAI THỤC

Người ta luôn nghĩ đàn bà tuổi năm mươi ngại soi gương. Với Loan thì không. Mỗi lần im lặng bông bênh từ giường Thiền bước ra, Loan lại đứng trước gương. Trái tim cô rộn ràng rạo rực. Đôi mắt to đen, sáng nụ hồng hàm tiếu, bừng ánh trăng mười sáu.

Mong manh. Hư ảo.

Trong tâm thức hân hoan, cô nghe xa xăm vời vợi tiếng mẹ ru nhè nhẹ: "Cái cò cái vạc cái nông/ Sao mày dẫm lúa nhà ông hỡi cò/ Không không tôi đứng trên bờ/ Mẹ con cái diệc nó ngờ cho tôi/ Không tin ông đến ông trông/ Mẹ con nhà nó còn ngồi ở kia"…

Loan mỉm cười. Ngày xưa tổ tiên cô đã thốt lời ca ngồ ngộ và da diết quá.

Cứ ngu ngơ đồng dao đây đó, Loan thõng tay vào chợ. Chẳng có gì để bán, để mua. Còn sống thì còn phải đến chợ. Nhưng ra chợ với tư thế thõng tay thì ít người có thể. Mua củ khoai, bắp ngô, chẳng nói làm gì. Nhưng chuyện xây một ngôi nhà, với Loan cũng thảnh thơi. Không phải cô quá nhiều tiền. Loan có cách của kẻ yếu. Thiết kế sẵn. Làm từ từ. Mỗi ngày đặt một viên gạch. Đói ăn. Khát uống. Mệt ngủ liền. Đôi khi ngẫu hứng thức khuya, mai ngủ bù. Chẳng việc gì phải ham hố. Vô nghĩa mà thôi.

Loan biết, những ngôi nhà xây trên cát bỏng khó bền, nhưng nó là nhà tự tay mình xây. Nó có ý nghĩa cho cuộc sống hiện tại. Còn sống thì còn phải tự tay xây ngôi nhà của mình. Ngôi nhà chở Tình yêu thương. Nó ấm. Nó lành. Nó ấp ủ cô đi qua biến dịch luân hồi. Giản dị thế thôi.

Loan không thích gặp người. Mà đi chợ nhất định phải gặp người. Tránh làm sao được. Những người từng biết Loan, nay gặp lại, sửng sốt: "Sao chị trẻ hơn xưa nhiều thế". Người mới gặp, ngỡ ngàng trước cụ bà năm mươi: "Chị trẻ đến kinh ngạc". Nhiều chàng luôn điện thoại mời Loan đến phòng khiêu vũ. Loan từ chối. Họ bảo: "Đồ ngu"…

Loan nghĩ mình ngu thật. Khiêu vũ với nhạc nhẹ êm đềm, váy áo xênh xang, vai kề vai, chân lướt du dương, mắt đắm trong mắt, lả lơi, mềm mại đầy nữ tính, vui chứ sao? Chàng và nàng thì

thầm đôi ba lời âu yếm, giải stress, tội tình gì? Không thích nhảy với anh này thì khoác tay anh khác. Quá đơn giản. Loan bây giờ hoàn toàn tự do. Không có ai cấm khiêu vũ. Tại sao Loan lại không? Đúng là ngu.

Đồ ngu... Ngu lâu... Ngu lâu...

Loan nhớ lại cách đây mười năm, cô tự nhiên bị mất chồng. Tuổi hồi xuân thắm. Bỗng nhiên một tuần, một tháng, vài ba tháng, Loan chẳng thấy anh chồng của mình đâu. Vẫn dáng hình ấy, mà nay mất hồn. Một linh hồn khác đã thay vào đó. Người dưng.

Ở với người dưng nửa năm, Loan không chịu đựng hơn được. Cô bật khóc. Người dưng nói, dửng dưng: "Cuộc đời anh mãn nguyện. Anh thỏa mãn hạnh phúc một đời với em. Không có bóng hình thứ hai. Em nay tự do tìm người khác..." Loan sững sờ. Ngơ ngác khóc: "Em không thể. Có nhiều cách thể hiện tình yêu tinh tế, lãng mạn. Sao anh lại nghĩ thế? Em có mong gì nhiều đâu".

Người dưng coi như xong mọi chuyện.

Hai người dưng cạnh nhau.

Có mà không.

Loan đau khổ. Cô đơn đến tận cùng. Biết ngả đầu vào vai ai để được an ủi. Những mối tình chớp nhoáng. Hẫng hụt. Loan không thể. Cô mắc bệnh tự yêu mình. Và quá nhạy cảm. Chỉ cần một cử chỉ, một lời thiếu tinh tế với cô là cảm xúc biến mất.

Hay là đi lấy người khác? Lấy ai? Làm gì có ai?

Người dưng không là chồng, nhưng vẫn gông đeo cổ. Ra tòa ư? Tan đàn xẻ nghé. Con không mẹ. Không cha. Mà Loan cũng không đủ dũng cảm giã biệt người dưng. Ở với người dưng lâu thành quen, nỡ lòng nào chia lìa? Loan yếu đuối, đa cảm, đa sầu, mau nước mắt. Không đủ dũng cảm làm việc bất nhân.

Ngày lại qua ngày. Đêm lại qua đêm. Loan vùi đầu vào công việc. Lúc rảnh rỗi Loan mê vẽ. Nó như một ma lực. Kéo Loan vào những mảng màu tối/ sáng chen lấn, mù mờ. Quên hết ngoài kia, thiên hạ đang chộn rộn những gì. Quên cả con đò nhỏ mong manh, chòng chành giữa nắng mưa.

Sức người có hạn. Trâu kéo cày giữa cánh đồng bức bối. Khói lửa ngút ngàn. Ngạt thở. Ức chế. Kìm nén. Sức dần cạn kiệt, Loan lâm bệnh. Phải mổ cấp cứu. Một lần chết.

Lại tái sinh.

Loan tạ ơn Đất Trời Thần Phật, tổ tiên đã sinh ra cô một lần nữa. Cô ngu ngơ đi giữa đời như đã chuyển sang một kiếp khác. Nhiều đêm cô mơ sắp cưới. Nhưng cưới ai? Ai cưới. Không có.

Loan đi lang thang.

Cô đi tìm gió. Tìm mây. Tìm hoa. Tìm lá. Nghe tiếng ve sầu dạo nhạc. Tiếng chim tu hú gọi đàn.

Những đêm đen. Cô nghe tiếng côn trùng ca hát.

Những đêm trăng. Cô ngắm chị Hằng và thả những giấc mơ lên trời.

Những đêm đầy sao. Cô nhìn các vì tinh tú và hát: "Buồn trông con nhện chăng tơ". Cô đã nhìn thấy lưới nhện giăng mắc đó đây. Giăng mắc cả trên tấm thân ngọc của cô. Lưới nhện vỡ òa nơi trái tim yêu, ngây thơ, thánh thiện, trinh bạch, tỏa yêu thương.

Những đêm lạnh. Cô nghe tiếng gió mưa thao thức. Tiếng thét gào của rừng xanh. Tiếng những linh hồn than khóc.

Những chiều buồn. Mù mờ ai hát gọi cố nhân ơi... mà chẳng có ai.

Một hôm cô lạc tới một làng xa xôi. Lũy tre xanh. Cánh đồng xanh. Rì rào xao động. Tiếng chuông nhà thờ rung, ngân nga sóng lúa. Cô theo tiếng chuông rung mà tìm vào nhà thờ. Lần đầu tiên Loan nhìn thấy bức ảnh kỳ diệu. Ảnh Đức Mẹ Maria đồng trinh bế bé hài đồng. Gương mặt thánh thiện của Mẹ, chao đảo hồn cô. Tiếng hát thánh ca trong trẻo vang lên: "Kính chào Trinh nữ chí nhân. Kính chào Trinh nữ uy quyền. Ngàn đời hòa ca chúc tụng Trinh nữ muôn đời. Ôi Maria".

Loan quen tiếng chuông chùa rơi giữa hư không những chiều tà. Không không, sắc sắc.

Nay tiếng chuông nhà thờ buông nhè nhẹ dâng hồn Mẹ Maria Trinh Nữ thánh thiện, xoa dịu, gợi vẻ đẹp Thánh Nữ, hút hồn cô.

Cô mở Kinh Thánh tìm Maria Đức Mẹ Đồng Trinh. Khúc hát dâng hoa Ave Maria vang lên. Thiên sứ loan tin, Nữ Trinh đẹp xinh thơm ngát hoa hồng sinh Chúa hài đồng, vẫn vẹn nguyên vẻ đẹp Nữ Trinh. Maria kết hôn cùng anh thợ mộc, mà không ái ân chồng vợ. Maria hoài thai Chúa hài đồng bằng sức mạnh Thánh linh…

Tìm thấy Maria Đức Mẹ Đồng Trinh, Loan nghẹn ngào trào nước mắt. Nhân loại tôn thờ vẻ đẹp Thánh Thần Trinh Nữ. Bài ca dâng Mẹ Đồng Trinh tràn mặt đất gió mưa, bão sóng. Mẹ Nữ Trinh đầy ân phước, truyền tình yêu thương khắp thế gian. Mẹ là Hương thơm, là Ánh sáng. Mẹ trao hoan lạc Tình yêu.

Loan thầm reo ca trong hồn. Ôi! Tình yêu! Tình yêu như nắng vàng buổi sớm. Tình yêu trắng trong. Tình yêu Thánh Thiện. Tình yêu Trinh Nữ. Tình yêu Thánh Nữ… Tất cả đã đầy ắp trong trái tim Loan…

Vậy mà phút giây nào ngu ngơ, sương khói mịt mù, cô mơ đi tìm một con người trần tục trong bóng tối.

Đồ ngu… Đồ ngu… Đồ ngu…

Loan học cách Thiền định, kết nối với sức mạnh từ bông hồng Tình yêu thắm đỏ Mẹ Maria đồng Trinh trao cho cô như một định mệnh.

Và Tình yêu dâng trào, tuôn chảy từ trời cao rót xuống hồn cô, những ngày, những đêm, xua buồn thương, tăm tối.

Loan hát ca rạo rực:

"*Xin cho tôi lắng nghe Tình yêu. Xin cho tôi nói với Tình yêu. Xin cho tôi chết cho Tình yêu. Cuộc tình nào ru hồn ta êm ái. Cuộc tình nào mầu nhiệm bao la. Cuộc tình nào có suối nhạc biển thơ. Cuộc tình nào có bốn mùa hoa lá. Cuộc tình nào có trời mây bát ngát. Cuộc tình nào mãi mãi làm ta ngất ngây.*" *

Ngày mỗi ngày, đêm mỗi đêm… Tình yêu Maria Trinh Nữ đẹp xinh thơm thắm, trắng trong, ngập tràn ánh sáng tưới tắm hồn Loan. Cô trẻ lại. Hồng tươi xinh xắn trong đôi mắt học trò. Cô thổi Tình yêu, Ánh sáng, thắp nến nơi những tâm hồn Thánh Thiện. Những đôi môi nồng nàn gọi cô: "Người Mẹ thứ hai. Người cứu rỗi tâm hồn con bằng vẻ đẹp Thánh Nữ".

Loan giờ đây đã là Thánh Nữ. Cô bay khắp thế gian truyền Tình yêu Thánh Nữ.

*** Thánh ca cộng đồng.**

Hồ Gươm Mùa Giáng sinh 2009.
Gió thơm Hoa Cúc Nghi Tàm Hồ Tây. 10h Ngày 13-12- 2009

MAI THỤC

Tranh của họa sĩ
Đỗ Duy Tuấn (Huế)

HUẾ

VỚI HỒN THU TIỀN CHIẾN

TIẾN THẢO

Kể từ khi Huyền Trân Công Chúa vì nước ngàn dặm ra đi, hai châu Ô, Lý như những báu vật được vua Chiêm dâng lên, Huế đã về với chúng ta. Rồi Huế trở thành thủ phủ của các Chúa Nguyễn, trở thành kinh đô Phú Xuân thời Tây Sơn và tiếp theo là kinh đô dưới thời các Vua nhà Nguyễn. Trong một thời gian dài Huế là trung tâm chính trị, văn hoá xã hội của cả nước. Nhưng cái giá trị vĩnh cữu hơn của Huế là Huế đã xây dựng được một tính cách văn hoá Huế. Đó là sự tổng hoà giữa thiên nhiên, lịch sử và học thuật. Và cũng chính từ đó thu hút mọi người đến với Huế.

Thời tiết của Huế có bốn mùa rõ rệt: Xuân, Hạ, Thu, Đông – Mùa nào hương vị nấy.
Hôm nay, ngày mai và ngày mai nữa đã và sẽ có bao nhiêu nhà thơ đi về trên nẻo đường thu của Huế?

Riêng những nhà thơ Tiền chiến đã khắc hoạ được một cách đầy ấn tượng về những ngày thu của miền đất sông Hương, núi Ngự mà từ lâu mỗi lần đọc ta lại bắt gặp biết bao tình cảm lãng mạn, chân thành, thương mến, hoài cảm.

Nói đến thơ viết về mùa thu không mấy ai không biết bài "**Tiếng Thu**" của Lưu Trọng Lư. Tác giả đã khắc hoạ một bức tranh đầy nghệ thuật nhưng lại chứa đựng nỗi niềm của con người thời đại: "Con nai vàng ngơ ngác – Đạp trên lá vàng khô".

Nỗi niềm ấy là nỗi niềm quạnh quẽ, hoang vắng, ngập ngừng bước chân đi tới. Một lần nữa ta nghe tiếng lòng giữa mùa thu lạnh:

" Lòng anh như nước hồ thu lạnh.
Quạnh quẽ đêm soi bóng nguyệt tà.
Ngày tháng anh mong chầm chậm lại.
Hững hờ em mặc tháng ngày qua."
(Khi thu rụng lá –L.T.L)

Vỹ Dạ là một làng xinh đẹp của Huế mà có người ví như viên ngọc bích trên chiếc nhẫn sông Hương. Bích Khê đã say đắm trước vùng đất xanh biếc tre trúc ấy:

"Vỹ Dạ thôn, Vỹ Dạ thôn.
Biếc che cần trúc không buồn mà say"
(Vỹ Dạ -BK)

Đối với núi non, sông nươc, thôn, làng là thế. Còn với mùa thu Bích Khê đã miêu tả như sau trong bài thơ "**Tỳ Bà**"

"Nàng ơi! tay đêm đương giăng mềm.
Trăng đan qua cành muôn tơ êm.
Mây nhung pha màu thu trên trời.
Sương lam phơi màu thu muôn nơi…."

Vượt lên cả phong cảnh hiện thực để bắt gặp một hồn thu lãng đãng của kẻ lãng du:

"Thu ôm muôn hồn hơi phiêu diêu
Sao tôi không màng: kêu em yêu."

Và cuối cùng tác giả nhận ra:

"Ô hay buồn vương cây ngô đồng.
Vàng rơi! vàng rơi! Thu mênh mông".

Một mùa thu khác của Huế đã được Quách Tấn ghi lại, đó là mùa thu Huế sau ngày khói lửa của cuộc thế chiến thứ hai:

"Nắng nhạt chiều thu quạ rộn ràng
Sầu vương lau lách lạnh thành hoang
… Gầy guộc gió sương tùng Thế miếu
Bẽ bàng trăng nước trúc Hương giang"
(Viếng thành Huế sau ngày khói lửa –Q.T)

Xuân Diệu với bút pháp mới mẻ và mạnh mẽ đã nhìn mùa thu của Huế lúc bấy giờ:

"Rặng liễu đìu hiu đứng đợi tang
Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng
Đây mùa thu tới, mùa thu tới
Với áo mơ phai dệt là vàng."
(Đây mùa thu tới –X.D)

Mùa thu của Lưu Trọng Lư và Xuân Diệu đều là những mùa thu lạnh – lạnh không gian, lạnh thời gian và lạnh cả nỗi niềm. Cái lạnh riêng và cái lạnh chung tất cả đều mang một chút hận, một chút xa vắng:

"Thu lạnh càng thêm nguyệt tỏ ngời
Đàn ghê như nước, lạnh, trời ơi
Long lanh tiếng sỏi vang vang hận
Trăng nhớ Tầm Dương, nhạc nhớ người"
(Nguyệt Cầm – XD)

Và để rồi khắc hoạ nhân vật thu:

" Ít nhiều thiếu nữ buồn không nói
Tựa cửa nhìn xa nghĩ ngợi gì"
(Đây mùa thu tới –X.D)

Còn Nguyễn Bính thì sao? Con người phiêu bạt giang hồ ấy khi đến Huế dừng chân ở xóm Ngự Viên cạnh đường Gia Hội. Ở đây ngày xưa và vườn Thượng Uyển, nơi muôn loài kỳ hoa dị thảo khoe hương sắc, chẳng khác gì chốn tiên bồng, tiên cảnh mà nay thì khó tìm đấu vết, Với một tâm trạng hoài cổ của Bà Huyện Thanh Quan –"*Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo – Nền cũ lâu đài bóng tịch dương*", Nguyễn Bính thương tiếc những bóng dáng của nàng Tôn nữ, dấu ngựa bạch của chàng Trạng Nguyên và của bao nhiêu điều khác nữa. Nay chỉ còn một mùa thu buồn giữa xóm vắng:

" Buồn thu rơi nhẹ đôi tờ lá
Xóm vắng rêu xanh những lối hài..."
(Xóm Ngự Viên – NB)

Trong bài thơ "Giời mưa ở Huế" Nguyễn Bính cũng cho ta biết mùa thua ngày xưa của Huế trời mưa nhiều lắm, mưa dai dẳng, mưa kéo dài không như bây giờ thời tiết đã thay đổi một cách quá quắt:

"Giời mưa ở Huế sao buồn thế
Cứ kéo dài ra đến mấy ngày
.... Thu về lại giở gió heo may."

Đối với Thanh Tịnh mùa thu gợi lại buổi học đầu tiên của thời thơ ấu, còn Nguyễn Bính đến với buổi sáng Thu tựu trường như để thể chiêm ngưỡng một vẽ đẹp thời hoa niên của các cô nữ sinh Đồng Khánh nết na, kiều diễm.

" Những nàng thiếu nữ sông Hương
Da thơm là phấn, môi hường là son
... Gió thu cứ mãi trêu ngươi
Đôi thân áo mỏng tơi bời bay lên
Dịu dàng đôi ngón tay tiên
Giữ hờ mép áo làm duyên qua đường."
(Tựu trường - NB)

Ngắm nhìn một cách cụ thể như thế, nhưng trong lòng vẫn cứ thấy có một khoảng cách, gập ghềnh, chơi vơi, mênh mông...

"Chừ đây bên nớ, bên tê
Sương thu xuống gió thu về bềnh bông"
(Lửa đò –NB)

Để rồi cuối cùng:

"Người về để lạnh phòng không
Thu rơi từng cánh cho lòng nhớ thương"
(Thu rơi từng cánh –NB)

Văn Cao đã viết: "Huế là một nguồn sáng tạo của tôi trong những năm 40. Thơ và nhạc là điều tôi tìm nguồn từ ấy, có lẽ lịch sử và cảnh vật của cố đô có những điều gây cảm xúc cho sáng tạo..."
Qua bút tích chúng ta thấy Văn Cao đã có thời gian gắn bó với Huế, để rồi từ đó chúng ta có "**Thiên thai, Suối mơ, Huế xưa, Một đêm đàn lạnh trên sông Huế"** và biết bao hình ảnh và ý

tưởng của Huế bàng bạc trong các tác phẩm khác của Văn Cao.

Riêng "**Một đêm đàn lạnh trên sông Huế"** mùa thu đã hiện ra rất đặc biệt vừa hiện thực, vừa siêu thực. Những câu hỏi đặt ra đã đánh động vào tâm thức của người đọc trước những biến thiên của lịch sử và văn hoá mà Huế là chứng nhân.

"Sao đàn u hoài gì mùa thu?
Sao đàn u hoài gì mùa thu?
Tri âm nghe thử dây đồng vọng
Lạc lõng đêm vàng khi nhạc ru"

Tử Kỳ mãi còn đi tìm Bá Nha, trên con đường tìm kiếm ấy. tháng ngày đầy cả thương tích, đầy cả nhớ nhung:

"Một đêm đàn lạnh trên sông Huế
Ôi nhớ nhung hoài vạt áo xanh"
(Một đêm đàn lạnh trên sông Huế -VC)

Có một điều rất lạ trong bài thơ Màu thời gian, Đoàn Phú Tứ không sử dụng một chữ Huế nào cả mà ta vẫn thấy được cái "**Màu thời gian tím ngát"** ấy là cái màu mùa thu của Huế, của các cô gái sông Hương. Và cái 'Hương thời gian không nồng – Hương thời gian thanh thanh" ấy là hương mùa thu của Huế.

Nhìn chung những bài thơ viết về mùa thu ở Huế của các nhà thơ Tiền chiến đều đượm nỗi buồn – Cái buồn của một thời lịch sử, của một giai đoạn đất nước nói chung, của Huế nói riêng, cái buồn của cả một thế hệ thi ca đáng trân trọng chứ không phải đáng giận bởi vì giữa cái buồn ấy lại ẩn chứa một khát vọng vượt ra, vươn lên một ngày xuân nắng ấm và sáng lạng – Nói như Yến lan:

"Không lẽ mùa thu lạnh
Mà vắng vẻ trước sau"
(Chim bạch câu - YL)

Và Chế Lan Viên:

"Ai đâu trở lại mùa thu trước
Nhặt lấy cho tôi những lá vàng
….Chao ôi! mong nhớ! ôi mong nhớ
Một cánh chim thu lạc cuối ngàn".
(Xuân – CLV)

Nhà thơ Bùi Giáng khi đến Huế đã để lại hai câu thơ:

"Dạ thưa! xứ Huế bây giờ
Vẫn còn núi Ngự bên bờ sông Hương"

Vâng! núi Ngự còn đó! Sông Hương còn đây!

Riêng tôi, ngoài sông Hương núi Ngự ra sẽ còn mãi những bức tranh Thu của các thi sĩ tiền chiến khắc hoạ giữa bầu trời thi ca của Huế, Làm chứng nhân cho hồn người – hồn nước của một thời.

TIẾN THẢO

Tranh 'Khóc Thầm / Night Drops'
của Võ Công Liêm.

CHEKHOV VỚI SÂN KHẤU CUỘC ĐỜI

VÕ CÔNG LIÊM

Cách sống của nhà văn, nhà thơ, nhà soạn kịch Anton Chekhov(*) đã làm cho người ta nghi vấn, thắc mắc; do đó có một vài câu hỏi đưa ra : "Nó có dễ để nói lên tiểu sử của Chekhov không?" Is it easy to be Chekhov's biographer?. Bởi cuộc đời của Chekhov là cả một diễn trình chua xót, một cuộc đời ngổn ngang, gò đống từ tình yêu đến tình người. Biết bao điều để nói, bao nhiêu chuyện kể về ông, nhưng đây không phải là một xót xa vô vàn. Đôi khi những lời bàn vô, tán ra sau những lá thư tình huyết lệ của Chekhov là không phải điều hay, sự phải như đã xuất hiện, những gì còn lại có thể là điều bất tín và cho dù có nói trắng ra : vẫn còn thiếu đi một sự đồng tình, ngay cả những gì của thuở ban đầu. Giờ đây chúng ta cần có một xác quyết qua từng ngày của đời ông, sắp xếp một cách mạch lạc về hoàn cảnh của Chekhov. Một sự kiện mà Chekhov không mấy cho là tương hợp, ngược lại là tương phản cho một con người như ông, tuy nhiên; gợi ý nầy giúp cho chúng ta biết thêm về cuộc đời Chekhov một cách rõ ràng và chính xác hơn. Hình ảnh của Chekhov như thể chứa đựng một cái gì riêng mình và giữ được cái dáng dấp riêng mình, chắc chắn đó chỉ là cái nhản hiệu, một thể thức, một cơ cấu về những tác phẩm có tính chất nghệ thuật của ông, ngay cả bản thân ông phát hiện được cái tính bộc phát của mình và chính cớ sự đó đưa tới cái tính nhút nhát sợ hãi; ấy là triệu chứng của con người bất thường, kỳ lạ, như đẩy chúng ta tiếp tục vào những tiến trình và làm sáng tỏ cuộc đời của Chekhov, còn hơn cả một hành động ngăn ngừa. Chekhov cố giữ khoảng cách đó cho riêng mình, một tâm hồn cô độc, trầm lắng, ít nói và làm chủ cái lạnh lùng cố hữu của mình. Cho dù Chekhov là người đã kết hôn, nhưng ông vẫn duy trì cái quyền tự chủ, không bị đồng hoá hay ràng buộc giữa vai trò vợ và chồng của Chekhov, nhưng chỉ là một phần trong cuộc đời ông và chỉ là mối quan hệ tình cảm trong chức năng tình nghĩa vợ chồng, đó chỉ là cảnh giới (landscape) dựng nên cuộc đời. Chủ thể chính của Chekhov là một người nghệ sĩ, có thể làm cho người ta yếu lòng và đó cũng là một tác động phức tạp của con người, nhưng hiện hữu của con người ít khi mà gây cho ông một cảm hứng nào hơn để ông vượt thoát ra khỏi những giòng thơ đơn điệu trữ tình trong phong cảnh của nước Nga mà ông đã sống.

Chekhov's main subject as an artist may have been people's frailties and the complexities of human interaction, but human beings rarely inspired him to flights of lyricism in the way that the Russian landcape did.

Chekhov che giấu cái thơ ngây lãng mạn một cách tài tình qua ngôn ngữ thi ca, kể cả những

bức thư tình đẫm lệ mà người ta khám phá ở nơi ông. Đặc biệt hơn hết ông đã lái câu chuyện đi vào cái vô nghĩa thường tình, biến thành những truyện ngắn không có câu chuyện. Đó là cảnh trí trong thơ văn của Chekhov, đây không phải là việc làm ngẫu nhiên để đánh động ông phải thốt ra những lời thi vị đó –to utter the word 'poetic'- Cái đó đưa tới sự ngợi ca trong thi tứ của ông, cái cách dùng từ (vocabulary) của Chekhov là nói lên được cảnh giới, một phong cảnh trong thơ của ông, chính cái đó là câu trả lời có hiệu năng mang lại những giây phút hạnh phúc nhất trong cuộc đời của Chekhov. Cái sự lý đó nó lan chảy trong một trạng thái vô thức của cái thế giới mộng mơ, của những giấc mơ kinh hoàng, như có một sự ngấm ngầm sâu lắng mà ông đã bộc bạch trong những thư gởi đến bạn văn Dmitry Grigorovich giữa tháng hai 1887; ở tuổi 27 của Chekhov là cả một sự bức xúc, giao đấu giữa gia đình và xã hội. Chekhov cho tất cả là giáo điều, là cả một hàng rào kẽm gai vây bủa đời ông (kể cả cái thời độc tài chuyên chính Stalin để đưa tới chủ nghĩa Stalinist) đã đôi phần hư hại đến tinh thần sáng tác của Chekhov. Đó là nghịch cảnh cuộc đời mà ông phải sống.

Đọc chơi một đoạn thư gởi bạn của Chekhov để thấy cái rối loạn nội tại, ở cái tuổi 'cần phải bung phá' mà xung quanh Chekhov là gò đống:

" Khi tôi tung chăn giữa đêm tối, tôi bắt đầu thấy tảng đá lớn lăn trườn lên mình tôi, một dòng nước lạnh mùa thu và một bờ sông trống vắng -tất cả ngập sương rơi và mù mịt, không còn thấy một mảng trời xanh; trong cái nỗi tận cùng và buồn chán, nếu như tôi lạc lối về hoặc tôi bị bỏ rơi như đứa con vô thừa nhận, tôi nhìn tảng đá và cảm thấy rằng; có một vài lý do mà tôi phải vượt qua dòng sông sâu hoáy nầy...Mọi thứ ở đây trở nên hoang vắng không chịu nỗi, tiêu sơ và thô thiểm. Tôi cố thoát ra khỏi con sông thì tôi lại rơi xuống cửa địa ngục, một đám tang, thầy giáo làng tôi... tôi bừng tỉnh; nếu tôi được sinh ra và lớn lên ở St. Petersburg thì chắc tôi xác quyết rằng giấc mơ ấy chính là bên bờ sông Neva, thuộc Quảng Trường Thượng Nghị và những trụ đá lớn..."

(When my blanket falls off at night, I begin to see in my dreams huge slithery rocks, cold autumn water and bare riverbanks -all of this is foggy and unclear, without a single patch of blue sky; in despair and melancholy, as if I have lost my way or have been abandoned, I look at the rocks and feel that for some reason I must cross the deep river; Everything is unbearably desolate, raw and stark. When I run away from the river I come to fallen-down cementery gates, a funeral, my school teachers...I am awake; I think if I had been born and lived permanently in St. Peterburg I would definitely dream about the banks of the Neva, Senate Square and massive pedestals...)

Chỉ một khúc nầy thôi cũng đưa chúng ta về với Trần Dần hay Phùng Quán năm nào; cũng đi giữa trời mưa gió, với giấc mơ kinh hoàng ban ngày, không thấy phố mà chỉ thấy: '...mưa rơi trên màu cờ đỏ' Cái tâm trạng thi nhân đau khổ là thế. Giờ đây Mạc Tư Khoa hay Hà Nội không thấy mưa rơi mà chỉ thấy tinh tú trắng bay cả bầu trời đỏ! Thì đấy là sân khấu cuộc đời mà Chekhov, Nguyễn Tuân, Trần Dần, Phùng Quán...đã sống những ngày tháng qua. Đời có thể quên quá khứ nhưng lịch sử không thể quên.

Đó là những lời tâm tình mà Chekhov đã viết lên với những xúc cảm sâu xa ở hoàn cảnh mà ông đương sống, lấy ngoại giới của giấc mơ để nói cái thực trạng của nỗi lòng. Mà nếu đây là một sự khó cho vai trò của Chekhov đã đi qua; những mối quan hệ tình cảm của ông với mọi người hay tại bởi cái tâm tư bí ẩn, khó hiểu là những gì chất chứa, tồn trữ bấy lâu nay trong con người của Chekhov; hay có lẽ chúng ta quá đặt nặng vấn đề cho Chekhov để chuyển đổi quan hệ của ông với cuộc đời nơi ông đã sống ?

*

Viết về cuộc đời hay tiểu sử của Chekhov là bước khởi đầu đi vào môi trường vật lý (physical environment) của con người: Chekhov sanh ở thị trấn Taganrog và lớn lên ở đây, một thị trấn thuộc thành phố Mác-cơ-va (Moscow), nơi đây đã đào tạo ông trở thành một bác sĩ và đưa ông tới một ý niệm trưởng thành của quê hương sinh ra mình, chính St. Petersburg là đất văn vật đã ảnh hưởng phần lớn trong sự nghiệp văn chương của Chekhov; mùa hè ở nông thôn là nơi an trú bình yên để ông được vui thích với cái sự nhàn rỗi mà Chekhov cho đó là yếu tố cần thiết của hạnh phúc. Cái nơi hoang vu trống trải của Tây-Bá-Lợi-Á (Siberia) không đem lại cho ông một cái gì gọi

là hào hứng, đam mê hay chất đầy lòng ham muốn để dự vào một cuộc phiêu lưu nào và cũng chẳng phải là nơi cho ông ấp ủ những tư tưởng phát tiết; mà chỉ là bất động sản thuộc vùng Melikhovo nơi chỉ chuyên trồng hoa mầu quanh năm suốt tháng, mà ở đó chỉ có niềm vui giữa đất và người. Nơi đây Chekhov sống cô độc cùng với mủa đông, với ngày tháng trôi êm, nơi khu an dưỡng Crimean ở Yalta và chính ở đây là nơi chốn lưu đày làm đau đớn con tim, để rồi Chekhov tìm thấy sự sống sa sụp và chết lần mòn qua cuộc đời của ông. Cứu cánh của cuộc đời đi qua từng chương mục, là vận chuyển, đan kết cuộc đời của Chekhov mà mỗi nơi ông đã sống, là cả một quảng đời đầy ý nghĩa và mỗi nơi tỏa xuống một thứ ánh sáng khác nhau qua từng diện mạo của nhân vật. Tất cả những gì của cuộc đời đi qua trong đời của Chekhov là để lại những dấu hiệu đặc biệt trong một tinh thần sáng tạo, đó chính là tiểu sử đời ông mà ông đã sống và làm việc, đó là những khám phá mới để làm thế nào hư cấu thành những thiên truyện ngắn và kịch. Một thứ kịch (tính) của đời và những truyện ngắn không ra đầu ra đuôi mà vẫn chứa đựng được câu chuyện. Thế gian chỉ có một vài ba vị làm được chuyện nầy!

Cuộc đời của Chekhov không thể lý giải ở một góc độ như thế là đủ, còn có những khám phá khác về cả một chiều dài của Chekhov; cho dù một chi tiết nhỏ nhặt đều được kiểm tra, xét lại. Không những nơi chốn nào, hoặc những hành trình nào đều xem là bao quát cả cuộc đời hiện sinh của ông. Những chuyến đi của Chekhov khởi từ rặng Caucasus là biên cương giữa Á và Âu cho tới những ngày tháng trăng mật của họ ở những nơi xa xôi hẻo lánh hoặc những nơi an dưỡng trong tỉnh bang đều không nhắc tới; chẳng hạn những quan hệ ngắn ngủi hoặc những tư liệu hiếm hoi nói về Chekhov cũng chưa một lần nói qua. Cho nên chi bao nhiêu điều, bao nhiêu hoạt động của Chekhov mà người đời chỉ nhìn qua một góc cạnh nào đó của ông để đánh giá, chớ bên cạnh cuộc đời Chekhov là cả cuộc đời trải rộng qua từng giai đoạn thời gian, qua từng chế độ mà ông đã dấn thân, dấn thân như nhân chứng, dấn thân như sử liệu (văn, thơ, kịch); biết bao sự kiện bi thảm, biết bao thảm kịch đời xẩy ra từ giới vương giả, cho tới đám bần cùng, kể cả những đảng viên hay không đảng viên thời Cọng sản Stalin, Chekhov lột tả hết chân tướng từng nhân vật, tháo gở toàn bộ phụ tùng hư hỏng của xã hội. Dù cho gom hết vào nhau ở những chuỗi thời gian xuất hiện đúng cung cách (chronological manner) đi nữa thì chỉ nói lên được phần nào cái chất tính dị thường và kín đáo, trầm lặng và đầy mặc cảm của con người Chekhov.

Những tháng ngày cuối cùng của cuộc đời, Chekhov đắn đo suy nghĩ qua từng nhân vật trong kịch, ông muốn kịch phải sống thực qua từng vai trò, qua từng thời gian, biểu lộ trung thực chức năng sáng tác. Có lần Chekhov tâm sự với vợ ông; Olga Knipper rằng: ông muốn những nhân vật là anh hùng, có thể là khoa học gia, họ cũng là những người đau khổ từ cái chỗ không được đền đáp tình yêu hoặc bị phản bội bởi người đàn bà mà họ đang yêu...Đó là thảm kịch đời, một sân khấu bi thảm mà Chekhov phải hứng chịu.

Đấy là một sự tương phản giữa hình ảnh Chekhov với dự phóng của chính ông. Có hay không có ý thức đó chính là cá tính trung thực của Chekhov mà chúng ta có thể tìm thấy trong tác phẩm của ông. Như những nhân vật của ông, thường thấy có một khe hở giữa tình cảm mà ông đã tự nhận và cảm thấy như ông là một con người đầy kinh nghiệm. Dù trong suốt cuộc đời của Chekhov như nhận được những tiếng tốt cho cái việc tránh mặt, rút lui và cả sự lạnh lùng. Điều chắc chắn mà chúng ta tìm thấy qua hằng ngàn lá thư ông viết, viết luôn cả cuộc đời ông, tình yêu của ông không một ngại ngùng. Chekhov là con người đa tình kể cả thiên nhiên, ông say mê yêu thích cảnh giới được trải rộng trong phong cảnh của nước Nga, đặc biệt những cánh đồng hoang vu và những vùng đất thoai thoải gần hồ Baikal ở Tây Bá Lợi Á. Những thể tài đó tiếp tục xuất hiện qua nhiều lần trong truyện của ông và luôn luôn gắn liền với thiên nhiên và phong cảnh đó là nét đặc thù mà ông thường xử dụng trong thi văn.

Cái gì làm dấu chấm cho Chekhov? What made Chekhov tick? Như chúng ta biết cái dấu chấm của Chekhov là nỗi buồn chán, luôn ám ảnh đời ông, tác phẩm của ông chất chứa một cái gì bén nhạy của tình cảm, quan sát và học hỏi về sự suy nhược của con người, mặc dầu được diễn tả một cách trọn vẹn bằng một ngôn ngữ chân tình và hài hòa. Nhưng những điều đó phải chăng là phục vụ như một chức năng bắt nguồn từ sáng tạo mà ra hay tạo cảm hứng để thi vị hóa cuộc đời cho chính ông? Vậy thì điều gì đẩy đưa ông? Có biết bao cơ hội đến với ông, trong khi đó ông

không chịu mang mặt nạ phòng chống khí độc của luật búa liềm; đó là nỗi u buồn mà chúng ta bắt gặp lời than thở nhiều lần trong tác phẩm của ông, Chekhov yếm thế thấy rõ, đưa ông vào thế giới mờ ảo, để rồi viết như tự thú, nhút nhát là bẩm tính của Chekhov cho nên về sau truyện ngắn của ông rơi vào cái dạng bí tỉ của con người đứng trước hoảng sợ (panic) đưa truyện vào cái gọi là truyện-không-có-câu-chuyện (non-story) nhưng vẫn giữ được mạch lạc của ngôn từ, chính cái bất ngờ để thành công là nguyên nhân phát sinh của nội tại; một triệu chứng sinh lý của Chekhov (?). Có thể đó là dự ước hay đó là một sự cố của Chekhov làm nên tác phẩm.

Chekhov yêu thiên nhiên, cho nên ông có những quan hệ chân tình với phong cảnh đất nước Nga; ông luôn ngợi ca cảnh trí thiên nhiên và con người được chan hòa vào thơ, truyện, kịch một cái gì thầm kín mà ông muốn gởi gắm: 'Cảnh Trí từ Cuộc Đời' -Scenes from a Life- hay 'Sân Khấu từ Cuộc Đời' mà Chekhov đã đi qua. Đúng! Đây là một họa phẩm sơn dầu vĩ đại với những mảng mầu đầy đủ sắc thái nhân sinh; là một biện chứng (convincing) rõ ràng không những dành cho con người mà nói lên những cuộc hành trình hay những nơi định cư của Chekhov. Ông luôn luôn hoài niệm chốn cũ: quê nhà Taganrog, vùng bao la miền nam Nga, Mác-Cơ-Va (Moscow), Peterburg, Tây Bá Lợi Á (Siberia) và Yalta là cả hai bề mặt giữa người và vật (cảnh giới) được lồng vào và mở rộng trong những tác phẩm của ông.

Chekhov thật sự là con người khó hiểu và hay lẫn tránh, ngay trong cuộc đời ông đang sống , ông mang nặng một tư duy riêng biệt, một cốt cách lạnh lùng và thầm kín. Nhưng phải nhìn cuộc đời của Chekhov xuyên qua một lăng kính khác ta mới thấy những nơi ông đã sống và ông đã yêu. Hẳn đã có những khác biệt. Thiên nhiên, phong cảnh là nguồn an ủi cho một con người trầm lắng, cái trầm lắng tuyệt vọng của một kẻ luôn khao khát tình yêu. Chekhov có tình yêu vợ con, nhưng tại sao Chekhov còn phải đi tìm tình yêu, dù tình yêu trong nhân vật? Nguyên nhân nào đưa tới lãnh cảm và lẫn tránh. Chắc chắn có một cái gì trong vực thẳm của Chekhov mà hơn thế kỷ qua, hằng đống sách nói về Chekhov mà vẫn chưa quật lên cái thâm cung bí sử của Chekhov. Muốn biết? Hãy đọc tác phẩm của ông; ít nhiều sẽ tìm thấy bên trong xác ướp đó…

Chekhov là một thiên tài nổi bậc trong mọi sắc diện, một tinh thần hăng say hoạt động và cầu tiến, một người ham học, nhưng ông sanh không nhầm thời, một hoạt cảnh lầm than từ thuở thiếu thời cho tới khi lìa đời là cả một dấu hiệu bi thương cho Chekhov. Ông là đứa trẻ đau khổ; mà về sau ông đã thổ lộ như con người bất hạnh và nhận lãnh những bất công từ trong gia đình cho tới xã hội. Anton Chekhov đã có lần nói: "Tôi không có tuổi thơ"-In my childhood, there was no childhood- Đó là chứng cớ đưa Chekhov đến con đường trầm thống và từ đó ít khi thấy Chekov nở nụ cười trên môi có chăng là nụ cười héo hắt mà thôi. Vậy cớ sự gì đến trong đời Chekhov như thế?

Có hai nguyên nhân tác hại trong đời Chekhov. Đó là trạng huống tâm lý. Tâm lý nội tại và tâm lý ngoại tại.

Nội tại: Chekhov sanh trong một gia đình thuộc thành phần nông nô (serf) nằm trong một xã hội áp bức và đè nén, Cha ông là thương doanh bán dạo, thời gian ngắn vở nợ và dời đến Mác-Cơ-Va, riêng mình ông ở lại quê nhà (Taganrog). Chekhov vừa học vừa làm và thay đổi cuộc sống nhiều lần, ông nghiến răng chiu đựng cảnh cùng cực. Mẹ của Chekhov là một người đàn bà đáng thương, xuất thân từ trẻ mồ côi, con gái của một người bán vải. Cha mẹ ông làm ăn vất vả để nuôi bảy người con, Chekhov là con thứ ba. Ông phải sống bửa đói, bửa no, ngoài ra ông cũng bị đời đối xử tệ bạc, bất công, nhưng nhờ đức tính cương nghị của cha mà thúc đẩy ông học đến cùng. Gia cảnh ông rơi vào lầm than từ khi sụp đổ cơ nghiệp, anh em phân tán cũng chính hoàn cảnh đó đã gây ít nhiều trầm cảm trong việc học cũng như việc yêu đương đời ông.

Ngoại tại: Ông đương đầu những nghịch cảnh giữa học đường và gia đình , ông phải cán nán việc nhà trong lúc khó khăn, ở Mác-Cơ-Va ông học y khoa (1879) ông đấu tranh mọi tình huống khác nhau, quan hệ một số bạn bè để có cơ hội tiến thân, ông nhận viết báo, làm báo nhưng bên cạnh đó ông còn gặp những trở ngại khác giữa người và người, ông cố gắng vượt qua mọi trở ngại để đạt mục đích, để đáp lại lòng mong muốn của đấng sinh thành. Chekhov tốt nghiệp y khoa

(1884) Ông tiếp cận đám dân nghèo , những nỗi khổ của dân là nỗi khổ mà gia đình ông đã đi qua, Chekhov dành thì giờ để viết báo, nói lên một xã hội tha hóa, đày ải người dân, từ đó ông đặc nặng cảm nghĩ về đất nước và con người. Tố cáo chế độ Nga hoàng và rồi ông tỏ ra thái độ phản kháng chế độ và chính những cuộc phiêu lưu báo chí cũng như viết lách của ông gây được tiếng vang , chính tiếng vang đó mà dưới chế độ Cọng Sản Stalin 'dòm ngó' đến ông.

Qua hai nguyên nhân gần và xa trong đời của Chekhov cho chúng ta thấy được những chặng đường gian nguy của đời ông, bên cạnh tình nhà và tình nước, ông phải trực diện với hoàn cảnh, chính những điểm đó gây cho ông một tâm trạng u uất, một nỗi trầm thống mà ông phải cưu mang như một hệ lụy kể cả những hệ lụy tình cảm trước và sau khi thành hôn. Chekhov chôn kín trong lòng những hoài niệm qua những khúc quanh cuộc đời, đó là con đường đi tới tuyệt vọng; bởi ông chứng kiến những gì đã thấm nhuần, ông vịn vào thơ văn cũng như sáng tác kịch để gởi gắm nỗi lòng, ông yêu nước, yêu người; cảnh quang đó thâm nhập vào hồn ông. Chekhov con người giàu tình cảm và nhạy cảm, đi đến đâu ông đem lòng yêu thương; ông yêu thương núi đồi, cây cỏ, yêu những cánh đồng hoang (steppe), yêu những vùng băng giá, thương nhớ vợ con mỗi khi cô độc , những lúc bàng hoàng như thế nhà thơ không thể ngoảnh mặt với một tâm hồn lãng mạn kín đáo của tình yêu, ông che giấu mọi đều, Chekhov chỉ bộc lộ trong thi văn và những vở kịch mà ông đã viết lên , mỗi hoàn cảnh hay mỗi cảnh giới có ít nhiều nội tâm ông ở trong đó.

Giờ đây chúng ta thấy được cõi lặng của Chekhov, một cõi lặng vô biên, một ngôn ngữ đìu hui, quạnh vắng, chính những uất khí trong lòng mà biến thể hồn và xác Anton Chekhov. Ông che giấu, trốn tránh tất cả, lãnh cảm tất cả để du hồn vào cảnh giới, bởi ngoại cảnh cuộc đời là kịch, Ông mượn cảnh trí của những nơi đi qua làm bản cáo trạng thời cuộc, dù rằng tiếng nói của ban sơ là câm nín . Con người chả để tâm đến cõi lặng đó. L'homme à vrai dire n'accorde à ce silence aucune attention! Do đó Chekhov sống với ngôn ngữ như tiếng nói lặng câm trong thơ, truyện và kịch. Một trào lưu thoái hóa để đi tới sự rạn nứt của bọn qúy tộc Nga, mở màn cho một cuộc cách mạng.

Quân chủ, dân chủ hay cách mạng chỉ là danh xưng, nhưng rồi cũng gieo vào xã hội Nga những tham quyền cố vị khác chẳng có gì là mới cả. Chekhov đã nói trong vở « Vườn Đào » (The Cherry Orchard/ Vishnjovyj sad 1904) là những gì thâm trầm của Chekhov ; ấy là điều mà người mong muốn bình đẳng xã hội, bình đẳng con người, dù một bày tỏ thầm kín. Bản chất của Chekhov là thế. Ông đối diện hai mặt thực : tình yêu và tình người. Tất cả dữ kiện trong cuộc đời làm cho Chekhov đau xót và sống mãi với âm thầm, che giấu, lãnh cảm, sợ hãi tất cả phát sinh từ xã hội mà ra. Kể cả tình yêu luôn luôn nẩy mầm trong im lặng và hố thẳm qua con người của Anton Chekhov. Đời chỉ biết Chekhov trầm lặng, ít nói bởi ông đã nói quá nhiều trong những tác phẩm của ông. Có lẽ ; đến giờ nầy người ta vẫn chưa tìm hiểu hết cái thâm cung bí sử của Chekhov. Ông đã ngủ vùi dưới huyệt mộ.Vì đời là thảm kịch !

(ca.ab 29/4-2012)

* Tên thật: Anton Pavlovitsh Tshekhov (1860-1904)Sanh ở tỉnh:Taganog thuôc Thành phố St. Peterbourg Nga.
Ông để lại nhiều tác phẩm có giá trị; thơ, truyện ngắn, truyện vừa và kịch.Chekhov là nhà văn xuất sắc cuối cùng của chủ nghĩa hiện thực phê phán và là người canh tân sân khấu Nga ở thế kỷ XIX. Ông còn là người viết truyện không có câu chuyện.

SÁCH ĐỌC:

- The Cherry Orchard by Anton Chekhov . Trans by Laurence Senelick. W.W. Norton &Company. USA 2010.
- Celebrity Chekhov by Ben Greenman. Harper Perennial. New York. USA 2010.
GHI THÊM: Văn chương Anton Chekhov đã đến Việtnam vào những năm 1954-56 qua những tác phẩm được chuyển ngữ một cách tài tình của nhà văn Nguyễn Tuân :-'Chiếc Mề Đay' và 'Cái Chết của Một Viên Chức'. Nguyễn Tuân mượn linh hồn Chekhov thay mình để phảng kháng chế độ thời ấy. Sau thời kỳ CCRĐ.

VÕ CÔNG LIÊM

NHÌN LẠI MỘT NỀN VĂN HỌC

LÊ HOÀI NGUYÊN

Hôm nay đã sắp 40 năm ngày chấm dứt của nền văn học ấy. Từ thập niên 80, 90 giới nghiên cứu phê bình quen gọi là nền Văn học thực dân mới hoặc Văn học đô thị miền Nam 1954-1975. Những nhà văn đã sinh ra nền văn học đó thì gọi nó là Văn Học Sài Gòn hoặc Văn học Cộng hòa miền Nam.

Từ sau 1975 còn có một nền văn học nối dài do nhiều chủ nhân của nó định cư ở nước ngoài làm lại đã phát triển 40 năm nay với tên gọi lúc đầu là Văn học lưu vong, sau là Văn học hải ngoại hay như từ năm 1993 tôi đã gọi một cách ấm cúng trong bối cảnh đương thời là nền Văn học Người Việt ngoài nước*.

Hôm nay nhiều người Việt đã không còn nhìn nhận sự kiện 30-4-1975 như là một sự kiện thuần túy sắt máu, cũng như không còn nhìn nhận toàn bộ nền văn minh vật chất và tinh thần của xã hội miền Nam chỉ là sản phẩm của chủ nghĩa thực dân mới do đế quốc Mỹ để lại.

Cũng trong hoàn cảnh nhiều người trong giới viết văn, nghiên cứu phê bình trong nước đã nhìn nhận hai nền văn học ở trên là một tiến trình phát triển, một bộ phận hiển nhiên không thể bỏ đi của nền Văn học hiện đại Việt Nam.

Từ lâu tôi đã đã nghĩ đến có một ngày như thế khi tôi còn trẻ chứng kiến các khối văn hóa phẩm khổng lồ chuẩn bị được đem đi tiêu hủy. Trong số các ấn phẩm tôi còn kịp nhận ra tên của ngững kiệt tác gia của nhân loại mà ở Khoa Ngữ văn Đại học Tổng hợp Hà Nội tôi chưa được đọc.

Thời gian và tình thế dân tộc, đất nước đã đủ để mỗi người Việt Nam hôm nay nhìn rõ cái lẽ phải trái một thời, có những đại cuộc viển vông, có những niềm tin ấu trĩ, những xung đột huynh đệ thảm khốc, những ý tưởng manh nha ngược chiều đương thời nay trở thành chân lý...Tôi thấy mình đang phải thoát ra khỏi các tín điều để tìm ra một cách lý giải mới về lịch sử, văn hóa đất nước qua các biến thiên thời cuộc cho đến hôm nay.

Trở lai khởi điểm các nhà mác xít Việt Nam đã nói về cái nền văn hóa ở miền Nam 1954-1975. Họ đã quả quyết rằng cái nền văn hóa ấy hoàn toàn chỉ là sản phẩm của người Mỹ mang đến, hoàn toàn do các chính sách nô dịch của người Mỹ và chính quyền tay sai Mỹ nặn ra. Họ đã bỏ qua tính độc lập của văn hóa, bỏ qua các thành tố thuần túy văn hóa của một nửa dân tộc tự xây dựng nên để tồn tại trong sự đối lập với chính quyền , trong bối cảnh chiến tranh khốc liệt...

Họ quên rằng trong hàng chục thế kỷ đã qua, dân tộc Việt Nam đã có nhiều thời kỳ sống dưới ách đô hộ nước ngoài nhưng không một ngoại bang nào, không một chính thể nào có thể thay thế được nền văn hóa Việt bằng nền văn hóa của họ. Hai là không thể lẫn lộn cái gọi là sự xâm lược văn hóa với sự lan tỏa ảnh hưởng của những nền văn minh trong văn hóa của những dân tộc phát triển theo sau các đạo quân đế quốc như của Trung Hoa, Pháp và Mỹ đối với nước

ta. Chính thể nào, quốc gia, cộng hòa hay cộng sản cũng đều có bộ máy văn hóa để tuyên truyền cho nó, cố gắng áp đặt ý chí của nó nhằm tạo ra một bộ mặt văn hóa minh họa cho bản chất của nó nhưng xét đến cùng các chính thể không thể lãnh đạo được toàn bộ nền văn hóa của một dân tộc. Ngoài yếu tố bản thể tự nhiên, các nền văn hóa tư sản hay cộng sản bao giờ cũng có yếu tố dân tộc, hiện thực, nhân đạo, yếu tố mới, yếu tố đẹp, yếu tố phản kháng, yếu tố chống chiến tranh, bạo lực... Vậy thì nền văn hóa của cả nửa dân tộc Việt xây dựng ở miền Nam trong 20 năm 1954-1975 không chỉ có mỗi hình thái nô dịch đồi trụy. Hiển nhiên nó vẫn chảy theo lộ trình của văn hóa dân tộc Việt có từ ngàn năm. Chỉ tiếc rằng thế giới quan vụ lợi về chính trị đã làm cho giới nghiên cứu bấy lâu nay gạt bỏ hết phần giá trị của nó.

Vậy thì cần phải nhìn văn hóa, văn học miền Nam 1954-1975 với cách nhìn của hôm nay trong tiến trình lịch sử dân tộc, với các giá trị của tiến bộ xã hội, của con người, với xu thế phát triển của thế giới hiện tại. Phê phán những người vì mục đích tiền bạc hoặc hư vinh mà phục vụ cho guồng máy tuyên truyền của Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa nhưng cũng cần phân biệt những người còn ý thức về sự tồn vong của dân tộc, đất nước, về sự đau khổ của đồng loại, những người sáng tạo vì vẻ đẹp của dân tộc. Thậm chí trong bối cảnh chiến tranh lúc đó, thái độ lưỡng lự, hoang mang, u sầu thôi cũng góp phần không hun nóng thêm những cái đầu khát vọng chiến tranh. Hoặc một tác phẩm phản ánh khách quan sự thật băng hoại của xã hội miền Nam cũng có ý nghĩa thức tỉnh tích cực lương tri của cộng đồng. Hoặc những cố gắng cách tân nghệ thuật đưa ngôn ngữ Việt tiếp cận các phương thức biểu hiện hiện đại, các tư tưởng của triết học thế giới đương thời cũng là đáng quý...

Đó là lý do tại sao những phần giá trị của văn hóa, văn học miền Nam 1954-1975 vẫn sống âm ỉ trong lòng nhiều người miền Nam, cả người miền Bắc, và cả thế hệ trẻ hôm nay.

Sức sống ấy bất chấp những nỗ lực của những người thắng cuộc sau 30-4-1975 đã huy động một bộ máy tuyên truyền, một hệ thống truy quét khổng lồ để tiêu diệt nó.

Như vậy không thể đơn giản quy chiếu toàn bộ nền Văn học miền Nam 1954-1975 dưới góc độ phản động- đồi trụy mà phải nhìn nó như nó vốn tồn tại như một lẽ tự nhiên với đầy đủ các thang bậc giá trị. Cùng với khuynh hướng phục vụ chính thể chế độ Việt Nam cộng hòa, nền văn học ấy còn có các khuynh hướng khác như :

Khuynh hướng hiện thực
Khuynh hướng phản kháng lại chính quyền
Khuynh hướng chống chiến tranh
Khuynh hướng nhân đạo
Khuynh hướng tình tự quê hương đất nước
Khuynh hướng cách tân nghệ thuật

...

Các khuynh hướng có thể tồn tại trong một nhóm tác giả hoặc đan xen phức tạp trong mỗi tác giả. Vì thế sự đánh giá mỗi tác phẩm, tác giả của nền Văn học miền Nam 1954-1975 cũng không hề đơn giản.

Với trang Văn học miền Nam 1954-1975 chúng tôi chỉ có tham vọng ghi nhận một cách nhìn mới về nền văn học này và cố gắng sưu tầm các kết quả nghiên cứu đánh giá về nó và tập hợp một tủ sách đại diện cho các khuynh hướng của nó hầu giúp cho đồng nghiệp và bạn đọc tiếp cận được một cách trung thực đời sống văn học một nửa đất nước trong hai mươi năm chia cắt.

Tháng 7-2014

- Chú thich : *Bài Một cách nhìn mười tám năm Văn học Việt ngoài nước. Tạp chí Quê Hương – Ban Việt kiều Trung ương, số 8-1993, số đặc biệt về Văn học hải ngoại.*

LÊ HOÀI NGUYÊN

HUYỀN TRÂN CÔNG CHÚA
(1287 – 1340)

PHẠM VŨ

Là một công chúa đời nhà Trần, là con gái của vua Trần Nhân Tông và là em gái vua Trần Anh Tông. Vào mùa Hè năm 1306, Huyền Trân được gả cho vua Chiêm Thành (Champa) là Chế Mân (tiếng Phạn: Jaya Sinhavarman III) để đổi lấy hai châu Ô, Lý (từ đèo Hải Vân, Thừa Thiên đến phía bắc Quảng Trị ngày nay).

Vào năm 1293, vua Trần Nhân Tông thoái vị, hoàng thái tử Trần Thuyên lên nối ngôi (tức là hoàng đế Trần Anh Tông). Vua Trần Nhân Tông trở thành Thái thượng hoàng, lên tu ở núi Yên Tử. Năm 1301, Thái thượng hoàng Trần Nhân Tông nhận lời mời, du ngoạn vào Chiêm Thành, được vua Chiêm Thành là Chế Mân tiếp đãi nồng hậu, có ở lại trong cung điện Chiêm Thành gần 9 tháng. Khi ra về, Trần Nhân Tông có hứa gả con gái là Huyền Trân cho Chế Mân. Sau đó nhiều lần Chế Mân sai sứ sang hỏi về việc hôn lễ, nhưng triều thần nhà Trần phản đối, chỉ có Văn Túc Vương Đạo Tái và Nhập nội hành khiển Trần Khắc Chung chủ trương tán thành.

Năm 1306, Chế Mân dâng hai châu Ô, Rý (còn gọi là Lý) làm hồi môn, vua Trần Anh Tông đồng ý gả Huyền Trân cho Chế Mân. Huyền Trân về Chiêm Thành, được phong làm hoàng hậu **Paramecvari**. Một năm sau đó, khi hoàng hậu người Đại Việt vừa sinh xong hoàng tử Chế Đa Đa, thì tháng 5 năm 1307, quốc vương Chế Mân băng hà. Thế tử Chiêm sai sứ sang Đại Việt báo tang. Theo tục nước Chiêm, khi vua chết hoàng hậu phải lên giàn hỏa để tuẫn tang. Vua Trần Anh Tông biết tin, sai Trần Khắc Chung vờ sang viếng tang, tìm cách cứu Huyền Trân. Trần Khắc Chung bày kế thành công, cứu được Huyền Trân đưa xuống thuyền, đưa Huyền Trân về Đại Việt bằng đường biển. Cuộc hải hành này kéo dài tới một năm và theo Đại Việt Sử ký Toàn thư (ĐVSKTT) thì Trần Khắc Chung đã tư thông với công chúa (?)

Tháng 8 năm Mậu Thân (1308), Huyền Trân về đến Thăng Long. Theo di mệnh của Thượng hoàng Nhân Tông, công chúa đầu gia Phật giáo ở núi Trâu Sơn (nay thuộc Bắc Ninh) vào năm (1309), dưới sự ấn chứng của quốc sư Bảo Phát. **Công chúa thọ** Bồ tát giới và **được ban pháp danh Hương Tràng**

Cuối năm Tân Hợi (1311), Hương Tràng cùng một thị nữ trước đây, bấy giờ đã qui y đến làng Hổ Sơn, huyện Thiên Bản (nay thuộc Nam Định), lập am dưới chân núi Hổ để tu hành. Sau đó, am tranh trở thành điện Phật, tức chùa Nộm Sơn hay còn gọi là Quảng Nghiêm Tự

Bà mất ngày mồng 9 tháng giêng năm Canh Thìn (1340). Dân chúng quanh vùng thương tiếc và tôn bà là "Thần Mẫu" và lập đền thờ cạnh chùa Nộn Sơn. **Ngày bà mất sau này hàng năm trở thành ngày lễ hội đền Huyền Trân trên núi Ngũ Phong ở** Huế **.**

Các triều đại sau đều sắc phong bà là thần hộ quốc. Vua triều Nguyễn ban chiếu đền ơn công chúa "trong việc giữ nước giúp dân, có nhiều linh ứng", nâng bậc tăng là "Trai Tĩnh Trung Đẳng

Thần"

Sự thật mối tình Huyền Trân công chúa - Trần Khắc Chung

Viết về công chúa Huyền Trân, cả chính sử và dã sử đã tốn khá nhiều giấy mực để luận "công" và "tội" của nàng.

Việc nàng thuận theo ý phụ vương là Thái Thượng hoàng Trần Nhân Tông về làm phi của vua Chế Mân nước Chiêm Thành đã góp phần thắt chặt tình bang giao giữa hai nước, tạo mối thâm tình để chống kẻ thù chung là giặc Nguyên Mông vẫn đang ngày đêm nhòm ngó và đặc biệt là việc dâng châu Ô, châu Lý của vua Chế Mân để cầu hôn Huyền Trân công chúa đã giúp nước ta mở rộng bờ cõi về phía Nam.

Nhưng lịch sử cũng đặt ra nhiều câu hỏi xung quanh cuộc đời nàng: Làm thế nào **Huyền Trân công chúa** có thể thoát khỏi nước Chiêm Thành mà không phải chịu án "hỏa táng" theo vua Chế Mân khi nhà vua băng hà? Làm thế nào để nàng và đoàn hộ tống có thể sống sót trở về sau hơn một năm lênh đênh trên biển, vượt qua những hải khẩu chi chít của nước Chiêm Thành với đội quân tinh nhuệ thiện chiến hay lũ hải tặc luôn đêm ngày rình rập? Và tại sao, sau hơn một năm trời, đoàn thuyền mới trở về? – Đó cũng là mấu chốt của nghi án mối tình giữa Huyền Trân công chúa và quan Hành khiển thượng thư tả bộc xạ Trần Khắc Chung – vị tướng trẻ tài ba, mưu lược được nhà Trần cử sang Chiêm quốc để tìm cách rước công chúa về nước.

Chuyến tàu định mệnh và nghi án "tư thông"

Trong Đại Việt Sử Ký Toàn Thư có đoạn chép như sau: Theo tục lệ Chiêm Thành, chúa chết thì bà hậu của chúa phải vào giàn thiêu để chết theo. Vua biết thế, sợ công chúa bị hại, sai bọn Khắc Chung, mượn cớ là sang viếng tang và nói với người Chiêm: "Nếu công chúa hỏa táng thì việc làm chay không có người chủ trương, chi bằng ra bờ biển chiêu hồn ở ven trời, đón linh hồn cùng về, rồi sẽ vào giàn thiêu".

Một sự việc quan trọng như thế mà nhà chép sử chỉ gói gọn trong chừng ấy dòng một cách hết sức sơ sài. Điều đó đã gây ra bao sự hiểu nhầm đáng tiếc, cho rằng trong hơn 1 năm lênh đênh trên biển ấy Huyền Trân và Trần Khắc Chung đã có cơ hội tư thông với nhau.

Từ đó đến nay lẻ tẻ cũng có một vài tiếng nói phản biện nhưng hầu như chưa ai bỏ công nghiên cứu, phân tích thật kỹ lưỡng, nghiêm túc về sự việc trên để minh oan cho Trần Nhân Tông, Trần Anh Tông, Trần Khắc Chung và công chúa Huyền Trân.

Cuộc giải cứu Huyền Trân chắc chắn là có nhiều điều bí ẩn. Triều đại nhà Trần vì một lý do tế nhị nào đó mà không muốn công khai vụ việc này. Những người trực tiếp tham gia vụ giải cứu như Trần Khắc Chung, Đặng Vân… đã mang theo bí mật ấy xuống mồ. Vì thế những kẻ thâm thù với triều đại nhà Trần, với thượng tướng Trần Khắc Chung sau này có cớ để đơm đặt, suy diễn.

Sự thật Huyền Trân có "tư thông" với Trần Khắc Chung?

Chỉ cần tinh ý ta cũng có thể nhận thấy những điều hết sức phi lý trong đoạn văn trên của Ngô Sĩ Liên. Nên nhớ là giai đoạn lịch sử ấy (1220- 1340), mối bang giao giữa hai nước Đại Việt và

Chiêm Thành hết sức tốt đẹp. Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông hai nước đã từng liên kết với nhau. Vua Chiêm đã từng mang quân ra tận Nghệ An giúp Trần Nhân Tông. Vua Trần Nhân Tông đã từng cử hàng nghìn binh mã, hàng trăm chiến thuyền ứng viện giúp chủ tướng Chế Mân đánh thắng Toa Đô khi Toa Đô hùng hổ đưa 5 nghìn quân, 100 hải thuyền, 250 chiến thuyền tấn công Chiêm Thành (năm 1282 - 1285). Việc Thái Thượng hoàng và Vua đồng tình gả công chúa "cành vàng lá ngọc" Huyền Trân cho Chế Mân (vua nước Chiêm) và Chế Mân dâng tặng hai châu Ô - Lý cho Đại Việt làm sính lễ đã nói lên mối bang giao tốt đẹp đó. Đây là chiến lược Hòa – Thân của cả hai nước để liên minh chống giặc xâm lược phương Bắc. Không lẽ chỉ vì sợ công chúa Huyền Trân bị đưa lên giàn thiêu theo tục lệ người Chăm khi Chế Mân băng hà mà Trần Nhân Tông và Trần Anh Tông lại làm một việc chẳng lấy gì quang minh chính đại như vậy đối với một nước láng giềng đang hết sức thân thiện với nước mình? Chuyện Trần Nhân Tông và Trần Anh Tông sợ Huyền Trân bị đưa lên giàn hỏa thiêu là có thật. Chuyện Thái Thượng hoàng và Vua cử thượng tướng Trần Khắc Chung đi giải cứu Huyền Trân là có thật. Nhưng sự việc không phải đơn giản như mấy dòng sao chép sơ sài của tác giả ĐVSKTT. Nhiệm vụ đặt ra cho vụ giải cứu này là bằng mọi giá cứu được Huyền Trân nhưng không làm tổn thương mối bang giao hai nước. Đó là một nhiệm vụ vô cùng khó khăn, buộc Thái thượng hoàng và vua phải "chọn mặt gửi vàng". Thượng tướng Trần Khắc Chung là một sự lựa chọn thích hợp và sáng suốt nhất. Ông vừa có tài quân sự vừa có tài ngoại giao. Chính Toa Đô cũng đã phải kính nể tài ứng đối của Trần Khắc Chung.

Chính Trần Khắc Chung đã có công lớn trong cuộc chiến thắng quân Nguyên - Mông vào năm 1289 (đúng năm Huyền Trân ra đời) và sau đó được phong chức Đại Hành Khiển. Khi trao nhiệm vụ cho Trần Khắc Chung chắc chắn Thái thượng hoàng và vua đã lường trước một số tình huống và dự kiến một vài kế sách ứng phó. Trong bối cảnh mối quan hệ đang tốt đẹp của hai nước thì thượng sách vẫn là dùng con đường ngoại giao, cực chẳng đã mới dùng đến biện pháp quân sự. Theo một số tư liệu đáng tin cậy thì vua Chế Mân băng hà vào tháng 5 - 1306, tháng 9 Huyền Trân sinh thái tử Đa Da và mãi tháng 10 năm đó đoàn giải cứu của Trần Khắc Chung mới đến kinh đô Chiêm Thành đóng tại Quy Nhơn (Bình Định). Cuộc giải cứu kéo dài gần một năm trời. Tháng 8 năm 1307 đoàn mới đưa được Huyền Trân trở về Thăng Long. Bao nhiêu sự việc phức tạp xảy ra trong thời gian đó. Trước hết là vị thế của Huyền Trân. Nàng giờ đường đường là hoàng hậu của nước Chiêm, phải sống trong hậu cung có quân lính canh phòng nghiêm ngặt ngày đêm nên việc tiếp cận với nàng đâu phải dễ dàng.

Hơn nữa, nàng đang thời kỳ sinh nở nên việc tiếp cận lại càng khó khăn. Như vậy buộc lòng Trần Khắc Chung và đoàn giải cứu phải chờ đợi ít nhất là ba, bốn tháng. Trong thời gian đó Trần Khắc Chung tranh thủ tiến hành công tác ngoại giao, thuyết phục vừa nhu vừa cương để người Chăm buộc lòng đồng ý cho đưa Huyền Trân về nước. Điều này thì Trần Khắc Chung vốn có biệt tài.

Lại còn Huyền Trân nữa. Chắc gì Huyền Trân đã đồng ý trở về cố quốc trong hoàn cảnh chồng vừa mất chưa mãn tang và thái tử Đa Da vừa mới lọt lòng? Trong một năm chung sống với Chế Mân nàng thấu hiểu vì sao cha nàng đã chọn Chế Mân làm con rể. Chuyến ghé thăm Chiêm Thành (vào năm 1301) gần 9 tháng trời, Trần Nhân Tông quá hiểu về cốt cách và tài năng của Chế Mân. Chế Mân là một vị anh hùng của người Chiêm thời đó. Đâu phải như thiên hạ chào xáo:

Tiếc thay cây quế giữa rừng/ Để cho thằng Mán, thằng Mường nó leo. Chức danh Hoàng hậu của Huyền Trân được Chế Mân và triều đình sắc phong đủ cho ta thấy tình cảm tốt đẹp của cặp đôi "trai anh hùng, gái thuyền quyên" này. Đứa con mới sinh của nàng cũng là một bằng chứng cho tình cảm tốt đẹp đó. Thuyết phục nàng trở về cố quốc đâu phải là chuyện dễ dàng. Tất cả đều phải có thời gian và phụ thuộc vào tài ăn nói của Trần Khắc Chung.

Chuyện Khắc Chung "dùng thuyền nhẹ cướp lấy công chúa đem về, rồi tư thông với công chúa" là hoàn toàn bịa đặt. Có người đã chứng minh khá thuyết phục rằng một chiếc "thuyền nhẹ" làm sao thoát được màng lưới thủy quân hùng mạnh và dày đặc đã từng đánh tan 5 nghìn quân, 100 hải thuyền, 250 chiến thuyền của Toa Đô; làm sao chuyên chở đủ lương thực, nước uống cho đoàn giải cứu trong gần một năm trời; làm sao bảo đảm được tính mạng của một phụ nữ chân yếu tay mềm vừa mới sinh con lênh đênh trên biển những khi sóng to gió lớn? Nếu chiếc "thuyền nhẹ" đó thoát ra khỏi vòng vây của thủy quân Chiêm Thành trong thời gian nhanh nhất (vì chậm sẽ bị bắt) thì làm gì có chuyện gần một năm "loanh quanh" trên biển mới về đến kinh đô Thăng Long. Chuyện này đâu dễ dàng qua mắt bá quan văn võ triều đình nhà Trần thời đó.

Lịch sử hai nước không ghi lại một cuộc rượt đuổi nào hay một sự tổn thất về người nào trong cuộc giải cứu. Và sau khi Huyền Trân về nước một thời gian khá dài không hề thấy phía Chiêm Thành động tĩnh gì. Điều đó cho chúng ta phỏng đoán khả năng cuộc giải cứu đã được tiến hành bằng biện pháp ngoại giao và công đầu thuộc về tài thuyết phục của Trần Khắc Chung. Bởi thế mà **sau khi ông mất, triều đình ban tặng cho Trần Khắc Chung chức Thiếu sư (chức danh xếp hàng thứ hai thời bấy giờ).**

Chuyện một phụ nữ vừa chết chồng - người chồng mà nàng rất mực yêu thương và kính trọng; vừa mới buộc lòng xa lìa đứa con mình mới sinh cùng với việc Công chúa đang ở trong thời gian hậu sản, về phương diện y học thì thời gian hậu sản nầy kéo dài vài tháng đến nửa năm, nếu như cách đây 700 năm với hiểu biết vệ sinh, phòng bệnh và các phương tiện, thuốc men chăm sóc cho một sản phụ sau khi sinh nở thì còn rất lạc hậu, đâu có cắt tầng sinh môn, đâu có trụ sinh, phòng cách ly vô trùng như bây giờ, vả lại đối với công chúa đây là lần sinh đầu tiên trong đời, sinh con so khó khăn gấp nhiều lần sinh con rạ, thời gian để lành vết thương hay rách âm đạo, thời gian để co hồi tử cung, hoặc nhiễm trùng hậu sản và phần phụ có thể kéo dài rất lâu, theo phong tục tập quán của người Việt Nam thời gian "Phong Long" là 3 tháng 10 ngày, người ta thường thường có thói quen treo trước phòng sản phụ một nắm lá cây có cây xương rồng, đó là một dấu hiệu, nhắc nhở cho người đàn ông biết chỉ được phép vào phòng vợ và tư thông sau khi cây xương rồng này khô đi !!!! đây chỉ là đầu thế kỷ XX mà còn nằm than nằm lửa huống hồ gì ở thế kỷ thứ XIV thì e rằng thời gian hậu sãn này còn kéo dài lâu hơn nữa.Điều đó cho thấy về phương diện thuần túy Y học khẳng định chắc chắn rằng chuyện tư thông là chuyện khó có thể xảy ra được.

Hơn nữa việc tư thông với một người đàn ông bằng tuổi cha chú mình liệu có xảy ra? Còn Trần Khắc Chung vốn được Thái Thượng hoàng và Vua hết lòng tin tưởng, đang giữ một trọng trách trong triều đình, lại theo đạo Phật, là môn đệ của môn phái Thiền Tông, từng viết lời bạt cho tập Tuệ trung thượng sĩ do nhà sư Pháp Loa biên soạn và Trần Nhân Tông hiệu đính… có lẽ nào lại đi làm cái việc xằng bậy ấy?

Huyền Trân trong thi ca nghệ thuật

Câu chuyện về Huyền Trân đã trở thành một đề tài trong thi ca nghệ thuật.

Tương truyền là bài "**Nước non ngàn dặm"** theo điệu Nam Bình, có người cho rằng chính Công chúa đã soạn ra trong lúc đi đường sang Chiêm quốc:

Nước non ngàn dặm ra đi...Mối tình chi!

Mượn màu son phấn, Đền nợ Ô, Lý.

Xót thay vì, Đương độ xuân thì.

Số lao đao hay là nợ duyên gì?...

Một số tác phẩm có nói đến Huyền Trân như:

Âm nhạc

- *Trường ca Con đường Cái Quan* của Phạm Duy

- *Tiễn biệt Huyền Trân* của Phạm Duy - phổ thơ Đào Tiến Luyện

- *Nhớ* của nhạc sĩ Châu Kỳ

- *Tình sử Huyền Trân* của Nam Lộc

- *Sương gió Chiêm Thanh* - cổ nhạc...

Tiểu thuyết Lịch sử

Bộ "Bão táp triều Trần" của Hoàng Quốc Hải gồm 4 tập: Bão táp cung đình, Thăng Long nổi giận, Huyền Trân Công chúa, Vương triều sụp đổ, được xuất bản lần đầu cả bộ năm 2003. Dịch giả Chapuis Gérard đã hoàn thành **bản dịch Huyền Trân Công Chúa/Requiem pour une Princesse** sang tiếng Pháp cuối năm 2009 và dự kiến phát hành năm 2012. Năm 2008, bộ tiểu thuyết lịch sử này được nhận Giải thưởng Bùi Xuân Phái – Vì tình yêu Hà Nội.

TÓM TẮT

Phật Hoàng Trần Nhân Tông đã bôn ba hoằng dương Phật pháp ở phương Nam xa xôi, nhưng lại còn đóng thêm vai 'Ông mai, ông mối'. Mâu thuẫn là, lẽ thường tình là xuất gia thì phải lánh tuyệt bụi trần, vậy mà Trần Nhân Tông chẳng hề sợ hãi vì **"Phật ở trong tâm. Tâm là Phật". Quan niệm đó là tông phái đặc trưng của phái Trúc Lâm Yên Tử** (do chính mình sáng lập). Dẫu sống trong trần ai mà vẫn thanh cao thư thái (Cư trần lạc đạo). Phải đem Phật tính ra để giúp đời, vì

Dù xây chín bậc phù đồ
Không bằng làm phúc cứu cho một người.

Trần Nhân Tông không chỉ cứu một người mà còn cứu cả dân tộc, cứu cả sự vĩnh hằng của giang sơn, Tổ quốc Việt Nam. Ông chỉ có một người con gái duy nhất là Huyền Trân Công chúa, vậy mà vì vùng phên dậu phương Nam quan trọng tới bờ cõi nước nhà, vì xã tắc muôn đời, ông sẵn sàng chịu để cho người đời chê trách. Ông có nghe câu:

Tiếc thay cây Quế giữa rừng
Để cho thằng Mán, thằng Mường nó leo?

Ông biết nhưng ông tin cuộc đời sẽ hiểu, con cháu sau này sẽ mãi tri ân. **Chính nhờ Huyền Trân Công chúa gả cho Chế Mân, vua Chiêm Thành, mà bờ cõi nước Nam có thêm 2 châu Ô, châu Lý chạy dài tới tận đèo Hải Vân.**

-Và cách nhau 600 năm sống cách nửa vòng địa cầu, **Phật hoàng Việt Nam** (1258-1308) **và Tổng thống Mỹ Lincoln** (1809-1865) **lại tìm được sự đồng cảm sâu sắc trong chính sách "Hòa giải và Yêu thương"**. Chính sự khoan hồng của Nhà Vua (trong chiến thắng quân Nguyên) và Tổng Thống (xóa bỏ nô lệ, chiến thắng Miền Nam ly khai trong Nội chiến nước Mỹ) vết thương chiến tranh đã mau chóng được hàn gắn, từ đó tái thiết Đất nước hòa bình và thịnh vương, mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân Việt Nam và Hoa Kỳ. Cả hai bậc vĩ nhân đều biết rõ rằng không thể nào xóa tan được mây đen của thù hận nếu người chiến thắng cứ "sỉ nhục" kẻ chiến bại, theo cách này hay cách khác.

Chính vì thế, Phật hoàng Trần Nhân Tông là một vị hoàng đế anh minh được hết sức kính trọng, không những tại Việt Nam **mà còn trên thế giới với việc thành lập Viện (Academy) Trần Nhân Tông năm 2012 thuộc Đại học Harvard, Mỹ** (với Giải thưởng quốc tế Trần Nhân Tông về "Hòa giải và Yêu thương") như ý nguyện của vị Phật hoàng Việt Nam và Tổng thống Hoa Kỳ thứ 16 vậy.

Kỷ niệm mùa Hè năm ấy (1306) Huyền Trân Công chúa lên đường sang Chiêm, chúng ta cùng nhau hát vang ca khúc "Huyền Trân Công chúa" của nhạc sĩ Nguyễn Hiền để tưởng nhớ tới vị Công chúa khả ái mà cũng lắm truân chuyên...

Ngày xưa có nàng Huyền Trân Công Chúa
Giữa lúc xuân thì, đang độ thắm tươi mặn mà
Đành lòng ra đi, ôm một mối tình ban đầu
Ô, Lý hai châu, duyên nợ phấn son vì đâu.
Thuyền quyên má hồng vì yêu quê hương
Đáp tiếng non sông, xa một bóng người tình chung
Dù ngàn sơn khê, vẫn mơ đến ngày sum vầy
Muôn dặm xa xôi, biệt ly người ơi từ đây.

Duyên kia lỗi hẹn thôi biết bao giờ
Tìm lại nhịp đàn yêu thương, Kinh Kỳ hoàng hôn in bóng
Yêu ai trót nặng lời thề chưa phai
Vẫn một lòng son sắt hoài, dù nổi trôi kiếp hoa rơi.
Muôn chim tiễn nàng Công Chúa lên đường
Vượt ngàn trùng để quê hương, thanh bình khỏi cơn chinh chiến
Giang san cách trở mịt mờ cô liêu
Bóng nàng nhoà theo bóng chiều, mà lòng còn vương niềm yêu.

(Tham khảo: Tài liệu trên Sách báo và trên Internet)

PHẠM VŨ

Lễ Hội đền Trần 18/3 Âm Lịch

QUẦN THỂ DANH THẮNG TRÀNG AN

(NINH BÌNH)

(Di sản hỗn hợp Văn hóa – Thiên nhiên thế giới)

BÙI ĐẸP

Quần thể danh thắng Tràng An là một địa danh du lịch tổng hợp gồm các di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới đã được UNESCO công nhận ở Ninh Bình. Nhiều di tích danh thắng nơi đây đã được Chính phủ Việt Nam xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt quan trọng như Khu du lịch sinh thái Tràng An, khu du lịch Tam Cốc – Bích Động, chùa Bái Đính, cố đô Hoa Lư... Liên kết giữa các khu du lịch này là khu rừng đặc dụng Hoa Lư trên núi đá vôi và hệ thống sông, hồ, đầm với diện tích 12.252 ha.

Ngày 23/6/2014, tại Doha, với sự đồng thuận tuyệt đối của Ủy ban Di sản thế giới, Quần thể danh thắng Tràng An chính thức trở thành di sản thế giới hỗn hợp đầu tiên của UNESCO ở Việt Nam khi đáp ứng cả hai yếu tố nổi bật về văn hóa và thiên nhiên. Trong quy hoạch phát triển du lịch tại Việt Nam, Tràng An cũng là địa danh được đầu tư để trở thành một khu du lịch tầm cỡ quốc tế.

Quần thể danh thắng Tràng An nằm ở khu vực ranh giới giữa huyện Hoa Lư với các huyện Gia Viễn, Nho Quan, thị xã Tam Điệp và thành phố Ninh Bình. Về mặt hành chính, Tràng An nằm trên 12 xã: Trường Yên, Ninh Hải, Ninh Hòa, Ninh Xuân, Ninh Vân (Hoa Lư); Ninh Nhất, phường Tân Thành (Tp Ninh Bình); Gia Sinh (Gia Viễn); Yên Bình, Yên Sơn (Tam Điệp) và Sơn Hà, Sơn Lai, (Nho Quan) nhưng Tràng An không bao trùm hoàn toàn lên một xã nào.

Vùng lõi Tràng An có diện tích hơn 6.172 ha, là vùng bảo vệ đặc biệt của danh thắng. Vùng bảo vệ đặc biệt này nằm trọn trong quy hoạch khu du lịch Tràng An với diện tích 12.252 ha. Quần thể danh thắng Tràng An nằm gần các quốc lộ 1A, QL38B, QL12B và trong tứ giác nước được giới hạn bởi các sông: sông Hoàng Long ở phía Bắc; sông Chanh ở phía Đông; sông Hệ ở phía Nam và sông Bến Đang ở phía Tây.

Trong quần thể di sản Tràng An có các khu du lịch chính:

- Khu du lịch sinh thái Tràng An với trung tâm du khách nằm ở xã Trường Yên, cách cố đô Hoa Lư 3km theo hướng nam, cách thành phố Ninh Bình 7km theo hướng tây dọc đại lộ Tràng An, cách thị xã Tam Điệp 16km theo hướng bắc qua Tam Cốc, cách Hà Nội 96km theo hướng nam.
- Khu du lịch Tam Cốc với bến thuyền trung tâm nằm ở xã Ninh Hải, cách thành phố Ninh

Bình 7km.
- Khu di tích lịch sử văn hóa Cố đô Hoa Lư nằm ở xã Trường Yên, cách thành phố Ninh Bình 11km.
- Khu du lịch văn hóa chùa Bái Đính nằm ở xã Gia Sinh, cách thành phố Ninh Bình 15km.

Di sản thiên nhiên thế giới

Quần thể danh thắng Tràng An có giá trị nổi bật toàn cầu với 2 tiêu chí VII và VIII của một di sản thiên nhiên thế giới.

Khu rừng văn hóa lịch sử môi trường Hoa Lư điển hình là một vùng cát-tơ đá vôi trồi lên giữa vùng đồng bằng ven biển tương đối bằng phẳng của Miền Bắc Việt Nam. Vùng đá vôi nổi lên này nằm xen kẽ với hàng loạt các khe suối có nước thường xuyên và các thung lũng ngập nước theo mùa. Độ cao tuyệt đối của vùng từ 10 đến 281m. Thảm thực vật tự nhiên ở Hoa Lư là rừng trên núi đá vôi và rừng thường xanh trên đất thấp ở các thung lũng đan xen giữa các vùng đá vôi. Có khá nhiều hang động ở khu vực trong đó có Tràng An, Tam Cốc, Bích Động, động Thiên Hà... là những tuyến du lịch nổi tiếng. Có những con sông chảy qua vùng Tam Cốc và Tràng An để du khách có thể đi thăm khu vực này bằng thuyền. Sự đa dạng địa chất địa mạo hiện diện tại Quần thể danh thắng Tràng An là kết quả từ các hoạt động địa chất liên tục qua hàng trăm triệu năm từ kỷ Trias đến Đệ Tứ. Trong suốt chính thời gian này, sự sụp đổ địa mạo và phân chia cao các khối núi Karst đá vôi trầm tích khổng lồ đã xảy ra ở đây. Chính những sự kiện địa chất này đã tạo ra những vùng núi hoang sơ và quyến rũ, các thung lũng trầm tích và các hố sụt mà cùng nhau đã có được kết quả trong sự đa dạng biểu mẫu, địa chất địa mạo, hang động và các hệ thống nước của Quần thể danh thắng Tràng An.

Di sản văn hóa thế giới

Quần thể danh thắng Tràng An có giá trị nổi bật toàn cầu với tiêu chí V của một di sản văn hóa thế giới.

Trên 30 di tích khảo cổ học thời tiền sử đã được phát hiện trong Quần thể danh thắng Tràng An. Kết quả nghiên cứu cho thấy cách người tiền sử thích nghi với biến cố lớn về môi trường, cảnh quan. Ít nhất là từ khoảng 23.000 năm đến nay, một số nền văn hóa tiền sử đã tiến hóa liên tục ở khu vực này, từ thời đồ đá cũ qua thời đại Đá mới đến thời đại đồ Sắt và đồ Đồng. Trong khoảng thời gian đó, khu vực này cũng đã trải qua một số lần dao động mực nước biển đáng kể. Trong điều kiện tự nhiên đặc biệt, hầu như chỉ có đá vôi là chất liệu đá duy nhất, người Tràng An đã biết sử dụng nó làm công cụ lao động ít nhất cho đến cách ngày nay khoảng 3.000 năm, trong quá trình đó đã nhận biết được rằng đá vôi đô-lô-mít thuộc loại chất liệu tốt nhất có thể có. Đồng thời với giai đoạn biển tiến lớn nhất cuối cùng (khoảng 7.000 - 4.000 năm trước) người tiền sử Tràng An đã biết tới nghệ thuật làm đồ gốm. Những chứng cứ sớm nhất được cho là tương đương với gốm Đa Bút (6.000 năm trước), nhưng thực tế đã được làm ra ở đây sớm hơn nhiều (khoảng 9.000 năm trước) và tiến hóa liên tục qua thời đại Kim khí đến tận sau này. Việc sử dụng đồ gốm từ sớm và liên tục ở Tràng An chứng tỏ rằng một trung tâm gốm sứ rất khác biệt so với nhiều trung tâm gốm sứ khác ở Việt Nam đã từng tồn tại ở đây. TS. Masanari Nishimura (Nhật Bản) qua nghiên cứu khảo cổ học tiền sử Quần thể danh thắng Tràng An đã khẳng định: Cách đây 5.000 - 6.000 năm trước, có một trận động đất lớn ở Tràng An và người Việt cổ ở Tràng An đã trải qua nhiều sự biến đổi của thiên nhiên để thích ứng và phát triển cho đến ngày nay, tạo nên một giá trị về một nền văn hóa Tràng An.

Đến thế kỷ X ở thung lũng mở Hoa Lư, cư dân Tràng An đã không ngừng phát triển bản sắc văn hóa của họ trong sự hòa hợp, chặt chẽ với cảnh quan thiên nhiên, xây dựng Kinh đô Hoa Lư, đắp thành, khép kín thung lũng đá vôi để phục hưng văn hóa lập nên ba triều đại đầu tiên của nền phong kiến độc lập của Việt Nam, làm tiền đề hun đúc nên nền văn minh Đại Việt nở rộ ở Thăng Long – Hà Nội. Và đến thế kỷ XIII vua tôi

nhà Trần lại chọn nơi đây xây dựng hành cung Vũ Lâm để củng cố lực lượng góp phần chiến thắng quân Nguyên – Mông. Khu rừng môi trường Hoa Lư ngày nay có hàng loạt các giá trị lịch sử, văn hoá và du lịch. Dưới triều đại nhà Đinh vào thế kỷ X, Hoa Lư đã được chọn là kinh đô của Việt Nam, khu vực này sau đó vẫn tiếp tục là kinh đô dưới thời Tiền Lê và khởi đầu thời Lý. Cố đô Hoa Lư hiện nay có rất nhiều đình, đền, chùa, phủ như: đền Vua Đinh Tiên Hoàng, đền Vua Lê Đại Hành, đền thờ Công chúa Phất Kim, chùa Nhất Trụ, phủ Vườn Thiên, chùa Kim Ngân, chùa Duyên Ninh, phủ Chợ, động Am Tiên, đình Yên Trạch, chùa Bà Ngô, động Liên Hoa, đền Trần, phủ Khống, phủ Đột, chùa Bái Đính, động Thiên Tôn, động Hoa Lư, đền thờ Đinh Bộ Lĩnh...

Di sản thế giới hỗn hợp cả văn hóa và tự nhiên đầu tiên ở Việt Nam

<u>Tiêu chí nổi bật toàn cầu</u>

Quần thể di sản Thế giới Tràng An đáp ứng hai tiêu chí 7 và 8 của di sản thiên nhiên thế giới; đồng thời, khu Tràng An cũng đáp ứng tiêu chí 5 của một di sản văn hóa thế giới:

1) Tiêu chí 7 về thẩm mỹ: *"Di sản chứa đựng các hiện tượng thiên nhiên siêu việt hay khu vực có vẻ đẹp thiên nhiên khác thường và tầm quan trọng thẩm mỹ"*. Cảnh quan ngoạn mục của Quần thể danh thắng Tràng An là kết quả của các quá trình địa chất địa mạo, thay đổi khí hậu và các môi trường phát triển liên tục qua hàng trăm triệu năm.

2) Tiêu chí 8 về địa chất – địa mạo: *"Di sản là những ví dụ nổi bật đại diện cho những giai đoạn quan trọng của lịch sử trái đất, bao gồm cả việc ghi chép lại cuộc sống, các quá trình địa chất lớn đang tiếp diễn trong sự phát triển của các địa mạo, hay những đặc điểm địa chấn và địa hình lớn"*. Sự đa dạng địa chất địa mạo hiện diện tại Quần thể danh thắng Tràng An là kết quả từ các hoạt động địa chất liên tục qua hàng trăm triệu năm từ kỷ Trias đến Đệ Tứ. Trong suốt chính thời gian này, sự sụp đổ địa mạo và phân chia cao các khối núi Karst đá vôi trầm tích khổng lồ đã xảy ra ở đây. Chính những sự kiện địa chất này đã tạo ra những vùng núi quyến rũ, các thung lũng trầm tích và các hố sụt mà cùng nhau đã có được kết quả trong sự đa dạng biểu mẫu, địa chất địa mạo, hang động và các hệ thống nước của Quần thể danh thắng Tràng An

3) Tiêu chí 5 về văn hóa: "*Di sản là một ví dụ nổi bật về một kiểu định cư truyền thống của con người hoặc một phương pháp sử dụng đất truyền thống, đại diện cho một nền văn hoá (hoặc các nền văn hoá), nhất là khi nó trở nên dễ bị tổn thương dưới tác động của những biến động không thể đảo ngược được*". Tràng An là một địa điểm mang ý nghĩa quốc tế cho việc trình bày và hiểu biết về cách thức rằng những người cổ đã có sự liên kết với cảnh quan thiên nhiên và áp dụng cho những thay đổi chính trong môi trường, qua hàng ngàn năm của kỷ Holocen giữa 23.000 năm đến các thời kỳ cận đại, và trong sự đặc trưng trong suốt thời kỳ tăng lên các mực nước biển rộng khắp thế giới hậu Pleistocen như một sự ấm lên toàn cầu và tan chảy băng liên tục, ngập lụt nhiều khu vực ven biển và đất thấp được biết đến là Sự xâm thực Flandrian.

Như vậy, khu danh thắng Tràng An hiện là di sản thế giới hỗn hợp cả văn hóa và tự nhiên đầu tiên ở Việt Nam, di sản thiên nhiên thế giới thứ 3 của Việt Nam sau vịnh Hạ Long và vườn quốc gia Phong Nha đồng thời cũng là di sản văn hóa thế giới thứ 6 ở Việt Nam. Tức Tràng An đồng thời là một di sản văn hóa – thiên nhiên thế giới.

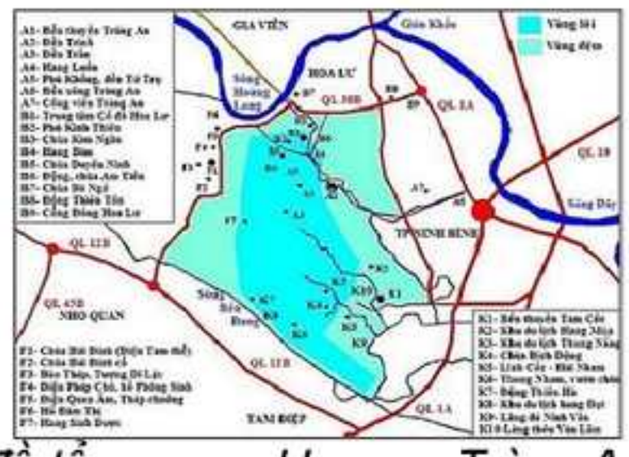

Sơ đồ tổng quan khu vực Tràng An

Quần thể danh thắng Tràng An ngoài vẻ đẹp ngoại hạng còn là khu vực bảo vệ đặc biệt của Cố đô Hoa Lư, gắn liền với các giá trị lịch sử văn hóa của vùng đất Cố đô Hoa Lư nên được đầu tư mở rộng để trở thành khu du lịch lớn. Chính phủ Việt Nam đã cho phép tỉnh Ninh Bình tiến hành

khai quật, nạo hút bùn đất tạo đường giao thông thủy bộ và làm sáng tỏ các giá trị văn hóa, du lịch của danh thắng này. Danh thắng Tràng An gồm nhiều khu du lịch với tổng hợp các sản phẩm như du lịch lịch sử, văn hóa, tâm linh, lễ hội, khám phá cũng như nghỉ dưỡng, nghiên cứu khoa học... Đây là khu du lịch tầm cỡ và quy mô ở Việt Nam với tổng diện tích được quy hoạch lên tới 12.000 ha.

Quần thể danh thắng Tràng An thuộc phạm vi quy hoạch mở rộng thành phố Ninh Bình, hướng tới trở thành một thành phố du lịch trọng điểm của Việt Nam.

Đường bộ

Quần thể danh thắng Tràng An được bao bọc bởi một hệ thống các tuyến đường quốc lộ liên vùng, khoảng cách từ một vị trí bất kỳ trong danh thắng đến quốc lộ gần nhất chỉ khoảng 7km theo đường chim bay.

- Quốc lộ 38B chạy sát rìa phía bắc của khu vực bảo tồn Tràng An, qua cố đô Hoa Lư, chùa Bái Đính.
- Quốc lộ 12B chạy gần rìa phía tây của di sản, song song với sông Bến Đang.
- Quốc lộ 1A và tuyến đường tránh thành phố Ninh Bình đi gần rìa đông và nam vùng đệm di sản.
- Đại lộ Tràng An nối từ thành phố Ninh Bình đi chùa Bái Đính, Cúc Phương xuyên qua vùng đệm di sản.
- Đường nội bộ: chủ yếu là các tuyến đường thuộc khu vực Tam Cốc và cố đô Hoa Lư.

Đường thủy

Hệ thống sông ngòi ở Tràng An có nhiệm vụ điều hòa nước cho khu vực và là những tuyến du lịch đường sông của Ninh Bình.

- Sông Sào Khê: chảy dọc trong lòng di sản, thông thủy với hệ thống các hồ đầm. Đây là tuyến đường du lịch chính của khu du lịch sinh thái Tràng An. Sông Sào Khê nối sông Hoàng Long với sông Vạc, là những phụ lưu của sông Đáy.
- Sông Ngô Đồng: chạy nội vùng phía nam di sản, thuộc tuyến du lịch Tam Cốc. Sông rút nước từ các cánh đồng đổ vào sông Vạc.
- Sông Bến Đang: là biên giới phía tây của danh thắng Tràng An, trên sông có tuyến du lịch động Thiên Hà, hang Bụt,...
- Sông Tràng An: là tuyến du lịch đường sông nối di sản Tràng An với trung tâm thành phố Ninh Bình.
- Sông Đền Vối: là tuyến du lịch Thung Nắng, Thung Nham, vườn Chim.
- Sông Hệ Dưỡng: là biên giới phía nam của di sản.
- Sông Hoàng Long: là con sông lớn nhất sau sông Đáy, nằm ở phía bắc của di sản Tràng An.
- Sông Chim nằm ở biên giới phía tây bắc của di sản, gần với quốc lộ 38B.
- Sông Chanh là đường biên giới phía đông của di sản, sát với tuyến đường tránh thành phố Ninh Bình.

Các khu du lịch

Khu du lịch sinh thái Tràng An

Khu du lịch sinh thái Tràng An có trung tâm bến thuyền nằm trên đại lộ Tràng An, cách thành phố Ninh Bình 7km. Nơi đây gồm hệ thống các hang động, thung nước, rừng cây trên núi đá vôi và các di tích lịch sử gắn với kinh thành xưa của cố đô Hoa Lư. Nơi đây đã được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt quan trọng của Việt Nam.

Khu du lịch Tam Cốc - Bích Động

Khu du lịch Tam Cốc – Bích Động có trung tâm đón tiếp nằm cách quốc lộ 1A 2km, cách thành phố Ninh Bình 7km, cách thị xã Tam Điệp 9km. Khu du lịch Tam Cốc - Bích Động gồm nhiều tuyến tham quan du thuyền, đi xe đạp và đi bộ nối khoảng gần 20 điểm du lịch. Các tuyến chính của khu du lịch: Các tuyến du thuyền gồm: Tuyến bến Văn Lâm – sông Ngô Đồng - Tam Cốc; Tuyến Xuyên

thủy động (xuyên dưới Bích Động); Các điểm du lịch đi bộ, xe đạp và leo núi: Núi và chùa Bích Động; động Tiên; hang Múa; khu nhà cổ Cố Viên Lầu; đền Thái Vi - động Thiên Hương...

Khu di tích lịch sử Cố đô Hoa Lư

Khu di tích lịch sử văn hoá Cố đô Hoa Lư với hệ thống núi non là bộ phận không thể tách rời của di sản thế giới kép Tràng An, được công nhận là di tích quốc gia đặc biệt quan trọng với 47 di tích trong đó nổi bật là: Đền Vua Đinh Tiên Hoàng, lăng mộ Vua Đinh, đền thờ và lăng mộ Vua Lê Đại Hành, nhà bia tưởng niệm Vua Lý Thái Tổ, đền thờ Công chúa Phất Kim, đền thờ thần Quý Minh, phủ Khống, phủ Đột, động Hoa Lư, núi Mã Yên, bia Câu Dền, sông Sào Khê, phủ Đông Vương, phủ Vườn Thiên, hệ thống chùa cổ Hoa Lư...

Khu văn hóa tâm linh chùa Bái Đính

Chùa Bái Đính là một công trình kiến trúc Phật giáo nổi tiếng nằm ở xã Gia Sinh, Gia Viễn, Ninh Bình. Khu văn hóa tâm linh núi chùa Bái Đính với chùa Bái Đính cổ (có đền thánh Nguyễn Minh Không, các hang động thờ Mẫu, thờ Phật, thờ Thần Cao Sơn...) và khu chùa Bái Đính lớn nhất Đông Nam Á với 5 toà lớn hội tụ nhiều kỷ lục châu Á và Việt Nam dọc theo sườn núi.

Khu du lịch sinh thái Thung Nham - Vườn chim

Khu du lịch sinh thái Thung Nham - Vườn chim trước đây là một tuyến du ngoạn sinh thái bằng thuyền thuộc khu du lịch Tam Cốc – Bích Động. Linh Cốc – Hải Nham là tuyến du lịch mới hơn so với Tam Cốc. Nằm tại thôn Hải Nham, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, cách chùa Bích Động khoảng 1.000m về phía Tây.

Vườn chim thuộc thôn Đam Khê, xã Ninh Hải, cách chùa Bích Động khoảng 2km đường bộ. Trên những chiếc thuyền nan, du khách sẽ được hoà mình vào thiên nhiên, sông nước, tận hưởng vẻ đẹp hoang sơ của hang Chùa, động Vái Giời rồi du thuyền vào Vườn chim ngắm thế giới của các loài chim lạ.

Điểm dừng chân đầu tiên trong tuyến du lịch Vườn chim - Thung Nham là động Vái Giời. Từ dưới chân núi du khách đi lên 439 bậc đá sẽ tới cửa Động. Động Vái Giời rộng khoảng 5.000m^2, được chia làm 3 tầng riêng biệt: tầng Địa Ngục, tầng Trần Gian và tầng Thiên Đường. Xuống tầng Địa Ngục xem những nhũ đá với nhiều hình thù kỳ dị khác nhau tùy theo trí tưởng tượng của mỗi người, các khối nhũ đá được ánh sáng từ cửa hang chiếu vào lấp lánh. Tầng Trần Gian bằng phẳng hơn được nối với Tầng Thiên Đường bằng những bậc thang nhân tạo. Tầng Thiên Đường nằm trên cao nhất, nhìn ra một không gian rộng mở của Ninh Bình như bầu trời, cánh đồng lúa và những ngọn núi phía xa xa.

Vượt qua các hang thuyền sẽ đưa du khách đi đến Vườn chim. Trước mắt du khách là một vùng trời mây non nước trùng điệp, với những hàng cây mọc thẳng hàng ở trên mặt nước, và hàng ngàn, hàng vạn con chim ríu rít bay về đậu trên những cành cây trắng xoá. Một điều thú vị nữa là du khách sẽ được thăm một quả đồi với rất nhiều hoa trái, mùa nào thức nấy hương thơm ngây ngất và còn một điều độc đáo hơn đó là cây Duối nghìn năm tuổi. Nơi đây chắc chắn sẽ làm hài lòng du khách.

Khu du lịch Thung Nắng

Khu du lịch Thung Nắng thuộc địa phận xã Ninh Hải. Từ bến thuyền Tam Cốc, du khách đi khoảng hơn 500 mét đường bộ là đến bến thuyền Thạch Bích để đi Thung Nắng. Vượt qua một quãng đường thủy với hai bên là đồng lúa rì rào, núi non trùng điệp, qua đền Vối. Tiếp tục hành trình, du khách thăm Thung Nắng với một vùng trời mây, non nước bao bọc xung quanh. Với khoảng 3km đường thủy đi bằng thuyền du khách sẽ đến với nhiều huyền thoại như núi Ba Dọi, núi Cóc, núi Măng, núi Vàng... Thuyền đưa du khách qua hang Thung Nắng dài khoảng 100m là đền Thung Nắng. Đền được xây dựng trong một không gian tĩnh lặng, lưng Đền dựa vào thế núi linh thiêng là nơi thờ Chúa thượng ngàn. Sau khi thăm Thung Nắng xong trên đường quay ra tới bến Cây Gạo du khách tới thăm đền Vối. Đền Vối có cách đây hàng trăm năm, được xây dựng bằng đá, với các đồ thờ bằng đá được chạm khắc công phu, tỉ mỉ. Đền Vối có từ thời nhà Lê thờ ông Lý Đông Hải là quan chấn trạch sơn lâm.

Thung Nắng thuộc thôn Đam Khê, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư. Đường vào Thung Nắng phải đi bằng thuyền khoảng 3km. Hai bên đường đi có nhiều cỏ lác, lau sậy. Bên dưới làn nước mát

trong veo là hệ động vật phong phú, sinh động. Môi trường sinh thái ở Thung Nắng vẫn giữ được nét hoang sơ. Khách du lịch thực sự được nghỉ ngơi thư giãn và có cảm giác thoải mái giữa một không gian yên tĩnh, dễ chịu.

Khi thuyền đưa vào hang, Du khách sẽ cảm thấy mát lạnh vì trần hang rất thấp, các nhũ đá rủ xuống với muôn hình muôn vẻ khác nhau. Trước cửa hang là những bụi cây lau sậy um tùm. Tại đây du khách có thể neo đậu thuyền để nghỉ ngơi, chụp ảnh và ngắm nhìn cảnh đẹp. Cả một vùng chiêm trũng rộng lớn vẫn giữ được nét nguyên sơ mà thiên nhiên đã hình thành. Vào thời gian buổi chiều, những đàn cò trắng bay về đậu kín cả vùng đất ngập nước tạo nên một nét hấp dẫn đặc trưng của Thung Nắng. Thung Nắng được kết nối theo tuyến du lịch: Thạch Bích - Thung Nắng - Đền Vối - Hang Thung Nắng - Đền Thung Nắng - Thung Nắng trong - Thung Nham - Rừng nguyên sinh - Hang Bụt - Vườn chim - Hang Ghé - Hang Chùa.

Khu du lịch Động Thiên Hà.

Động Thiên Hà nằm trong dải núi Tướng với độ cao gần 200m là một phần của bức tường thành thiên nhiên vững chắc bao bọc, bảo vệ phía tây nam kinh đô Hoa Lư thế kỷ thứ X, gắn liền với những địa danh lịch sử, văn hoá như Bến thuyền Nhà Lê, Núi Phật Đầu Sơn, Thửa Ruộng Đấu Lính...

Từ bản Mường Thổ Hà, xã Sơn Hà, Nho Quan, du khách xuống thuyền trên dòng kênh nhỏ có chiều dài chừng 1km xen giữa cánh đồng quê. Du khách tiếp tục bộ hành trên con đường đá dài 500m ven chân núi Tướng để tới cửa động. Động có chiều dài 700m bao gồm động khô dài 200m và động nước dài 500m. Những hình dáng do đá núi tạo ra được gọi tên như: đây là chú Cáo Lỗ đang chén mồi, kia là Voi phục, Hổ rình mồi, Khỉ leo cây... cao hơn có khám thờ với hình ảnh Đức Phật, thầy Đường Tăng đang tụng kinh cầu an cho các đồ đệ... tất cả đều gợi trí tò mò, khám phá của du khách.

Khu du lịch sinh thái Hang Bụt.

Hang Bụt tọa lạc giữa lòng núi Tướng cách thành phố Ninh Bình 18km, trong khu rừng đặc dụng Hoa Lư thuộc thôn Đồng Tâm, xã Sơn Hà, Nho Quan. Hang Bụt hiện dài gần 500m, lòng hang rất rộng và có nhiều nhũ đá với hình thù kỳ lạ. Nằm chính giữa hang là một tấm nhũ đá cao 1,5m rộng 2m có hình thù giống như một ông bụt hiện ra. Đến với Hang Bụt, du khách được đi thuyền chèo tay, ngoạn cảnh thiên nhiên hoang sơ, kỳ bí của núi rừng sông nước. Trong lòng hang nhiều vòm xoáy lạ mắt kích thích trí tưởng tượng du khách.

Du lịch hang Bụt hiện ở Sơn Hà, du khách còn được di chuyển bằng xe đạp qua những con đường làng rợp bóng tre tìm hiểu về văn hóa phong tục của nông dân vùng lúa nước, thử làm mục đồng chăn trâu, tát cá, bắt cua, xay lúa giã gạo, hay thưởng thức những món ăn dân dã do chính mình làm ra, bắt được như cá rô nướng, canh cua ăn với cà muối...

Khu du lịch Hang Múa.

Thuộc địa phận thôn Khê Hạ, xã Ninh Xuân. Đây là khu du lịch nhân tạo với các dịch vụ như leo núi, nghỉ ngơi cuối tuần và hội nghị. Hang Múa đã được kết nối với Tam Cốc theo tuyến du lịch tham quan: Bến Cây Đa - Bến Thánh - Hang Cả - Hang Múa - Hang Hai - Hang Ba - Suối Tiên - Khu Du lịch Hang động Tràng An. Tương truyền, hang Múa là nơi biểu diễn văn nghệ, múa hát của các cung nữ thời nhà Trần trước đây.

Hang Múa nằm dưới chân núi Múa. Núi có hình như một quả chuông, rộng khoảng 800m^2. Đường lên đỉnh núi được xây dựng mô phỏng theo kiến trúc của Vạn Lý Trường Thành với 486 bậc đá. Đến hang Múa du khách được chiêm ngưỡng phong cảnh của núi non hùng vĩ.

Các di tích quốc gia ở Tràng An

Trước khi các di tích thuộc Quần thể di tích Cố đô Hoa Lư, Danh thắng Tràng An - Tam Cốc - Bích Động được xếp hạng là di tích quốc gia đặc biệt thì khu vực Tràng An đã có rất nhiều di tích được xếp hạng.

Dưới đây là danh sách các di tích được xếp hạng cấp quốc gia thuộc phạm vi quần thể danh thắng Tràng An:

1. Hệ thống hang động Tràng An ở Nho Quan, Hoa Lư, Gia Viễn

2. Khu vực núi đá Trường Yên và đền Đinh - Lê
3. Hang Muối - xã Trường Yên - huyện Hoa Lư
4. Hang Quàn - xã Trường Yên - huyện Hoa Lư
5. Núi Chùa Am - xã Trường Yên - huyện Hoa Lư
6. Tam Cốc - xã Ninh Hải - huyện Hoa Lư
7. Đền Thái Vi - xã Ninh Hải - Hoa Lư
8. Động và chùa Bích Động - Ninh Hải - Hoa Lư
9. Đền Kê Thượng, Kê Hạ, Miếu Sơn - Ninh Vân - Hoa Lư
10.Chùa và động Bàn Long - Ninh Xuân - huyện Hoa Lư
11. Chùa và động Hoa Sơn - Ninh Hoà - Hoa Lư
12. Đình Ngô Khê Hạ - xã Ninh Hoà - huyện Hoa Lư
13. Chùa Nhất Trụ - xã Trường Yên - huyện Hoa Lư
14. Động Am Tiên - xã Trường Yên - huyện Hoa Lư
15. Đình Yên Trạch - xã Trường Yên - huyện Hoa Lư
16. Chùa Kim Ngân - xã Trường Yên – huyện Hoa Lư
17. Phủ Đông Vương - xã Trường Yên - huyện Hoa Lư
18.Phủ Vườn Thiên - xã Trường Yên - huyện Hoa Lư
19. Đền thờ Công chúa Phất Kim - Trường Yên - Hoa Lư
20. Bia Cửa Đông - Trường Yên - huyện Hoa Lư
21. Lăng vua Đinh và lăng vua Lê - Trường Yên - Hoa Lư
22. Đình Ngô Khê Hạ - xã Ninh Hoà - huyện Hoa Lư
23. Động Thiên Tôn - Thiên Tôn - Hoa Lư
24. Núi chùa Bái Đính - xã Gia Sinh - huyện Gia Viễn
25. Những địa điểm của khu căn cứ cách mạng Quỳnh Lưu
26. Khu Trũng, Đồng Báng - xã Sơn Lai - huyện Nho Quan
27. Đền Sầy - xã Sơn Thành - huyện Nho Quan
28. Đình Ác - xã Sơn Thành - huyện Nho Quan

Trong khu vực Tràng An còn có một số di tích cấp tỉnh sau đây:

- Chùa Duyên Ninh - xã Trường Yên - huyện Hoa Lư
- Đền thờ Quý Minh Đại Vương và hang Đền - xã Ninh Nhất, Thành phố Ninh Bình.
- Nhà thờ Nguyễn Tử Tương- thôn Đề Lộc, xã Ninh Nhất, Thành phố Ninh Bình.
- Đình Các - xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư.
- Đình làng Yên Thành - xã Trường Yên, huyện Hoa Lư.
- Đình Sen thôn Hành Cung - xã Ninh Thắng, huyện Hoa Lư.
- Đình và chùa làng Chàng- xã Sơn Lai, Nho Quan.
- Đền Thượng, đền Hạ thôn Thái Sơn- xã Sơn Lai, Nho Quan.
- Đình Quang Hiển, phường Tân Bình, Tam Điệp...

(Theo UNESCO)

BÙI ĐẸP

NHỮNG GIỌT TRĂNG LUNG LINH

TRONG THƠ PHÙNG QUÁN

HUYỀN VIÊM

Có những phút ngã lòng
Tôi vịn câu thơ mà đứng dậy

Phùng Quán

Phùng Quán là người rất yêu thơ. Thơ đối với anh là hy vọng, là cứu cánh của cuộc đời như anh đã viết :"*Nhưng với tôi, thơ là tất cả, thơ là lý lịch, là mạng sống đời tôi. Là người lính dãi dầu trận mạc, tôi tin vào sức mạnh của thơ như tin vào sức mạnh của vũ khí. Tôi coi thơ là khẩu tiểu liên báng gập ngày còn làm lính trinh sát ở Trung đoàn. Khi cầm khẩu tiểu liên báng gập trên tay, tôi không ngán bất kỳ đối thủ nào.*

Tôi cầm khẩu tiểu liên báng gập Thơ đánh vỗ mặt thói dối trá, đạo đức giả, tệ quan liêu tham nhũng…" Và anh đã giữ lời cho đến cuối cuộc đời.

**** Phùng Quán, người chiến sĩ yêu nước***

Năm mười bốn tuổi (1946), Phùng Quán tham gia Vệ Quốc Đoàn tại Thừa Thiên, làm liên lạc, trinh sát, rồi gia nhập Thiếu sinh quân Liên khu IV.

Ngày anh lên đường nhập ngũ, không có mẹ gấp áo quần, không có cha cầm tay dặn dò cố gắng, không có em gái nắm cơm, cũng không có người yêu đưa tiễn một quãng đường mà chỉ có sóng nước sông Hương và mảnh trăng hạ huyền đưa tiễn:

Ngày tôi lên đường cứu nước cứu nhà
Tiễn đưa tôi
Chỉ có sóng nước sông Hương dềnh cao chạm bờ cỏ
Trăng hạ huyền như một lưỡi gươm cong
Trăng, sóng thương tôi, đưa một quãng đường…
(Tự bạch)

Một chiều mưa hành quân qua làng quê yên ả, thấy trong một nhà dân, vợ chồng con cái

ngồi quanh bếp lửa hồng, bên mâm cơm mới xới, anh chợt thấy lòng ấm lại trong niềm vui no ấm của nhân dân và tiếng hát của bé thơ như một lời nhắc nhở các anh phải làm tròn bổn phận của người lính với quê hương:

Tiếng hát thanh thanh
Ngọt mùi sữa mẹ
Như nhắc chúng tôi
Giữ lấy hòa bình các anh nhé!
Cho em vui hát mãi điệu tình tang.
(Chiều hành quân)

Bước chân vào đời lính, cầm súng ra chiến trường là cầm chắc cái chết trong tay nên trước khi công đồn diệt viện ở Phò Trạch, Thừa Thiên, anh đã hạ quyết tâm thư dặn dò các bạn đồng ngũ nếu anh chết đừng đưa anh đi đâu cả, hãy chôn ngay nơi chính anh đã ngã xuống và:

Nếu phần mộ tôi là vị trí tốt để đánh mìn
Xin các đồng chí đừng do dự gì tất cả
Hãy đào mộ tôi lên
Quẳng hài cốt tôi đi
Và thay vào đó cho tôi một trăm cân thuốc nổ.
(Di chúc chiến sĩ)

* ***<u>Phùng Quán, người chân thật, ngay thẳng và khí phách</u>***

Phùng Quán suốt đời sống chân thật. Với anh, chân thật là một lẽ sống mà người làm thơ không thể không có. Anh kể rằng lúc mới lên năm, anh đã một lần dối mẹ, tưởng phải ăn đòn, nhưng không, mẹ anh chỉ hôn lên mái tóc và nói với anh rằng trước khi cha nhắm mắt có dặn con suốt đời phải làm một người chân thật. Anh hỏi chân thật là gì thì mẹ đáp: chân thật là:

Thấy vui muốn cười cứ cười
Thấy buồn muốn khóc là khóc
Yêu ai cứ bảo là yêu
Ghét ai cứ bảo là ghét
Dù ai ngon ngọt nuông chiều
Cũng không nói yêu thành ghét
Dù ai cầm dao dọa giết
Cũng không nói ghét thành yêu.

Từ những lời mẹ dặn, anh nhất định nghe theo, quyết làm nhà văn chân thật trọn đời và nhân đó nói lên cái khí phách của một nhà văn không biết cúi đầu:

Tôi muốn làm nhà văn chân thật
Chân thật trọn đời
Đường mật công danh không làm ngọt được lưỡi tôi
Sét nổ trên đầu không xô tôi ngã
Bút giấy tôi ai cướp giật đi
Tôi sẽ dùng dao viết văn lên đá.
(Lời mẹ dặn)

Là nhà văn, nhà thơ suốt đời cầm bút, anh rất yêu sự ngay thẳng nên dù dư sức viết rất thẳng trên giấy không kẻ dòng, anh vẫn luôn luôn viết trên giấy có kẻ dòng như thời mới vỡ lòng tập viết:

Là người viết
Anh yêu tha thiết
Sự ngay thẳng tột cùng
Sự ngay thẳng thủy chung
Của mỗi dòng chữ viết

Nhưng điều ấy thật không dễ dàng gì:

… Khó vô cùng
Viết trọn đời văn
Dòng đầu thẳng ngay như dòng cuối.

(Anh thích viết trên trang giấy có kẻ dòng)
(Bài thơ do em gợi ý (1)

* ***<u>Phùng Quán chống tham ô, lãng phí</u>***

Một trong những điều bức xúc nhất của Phùng Quán là tham ô lãng phí. Giữa lúc đất nước ta còn nghèo và gặp vô số khó khăn, một số người đã phí phạm của công vào những công trình vô bổ, không cần thiết. Trước hết, anh vẽ lại cảnh cơ cực của những bà mẹ và trẻ em. Các bà mẹ thì "*quấn giẻ rách, da đen như củi cháy giữa rừng*" vì không có áo quần để mặc, còn trẻ em thì "*còm cõi, cơm thòm thèm độn cám và rau*" vì đã "*hai mùa rồi lúa không có một bông, phân người toàn vỏ khoai tím đỏ*". Các chị em đổ thùng (phân) thì "*run lẩy bẩy chui hầm xí tối*", thế mà "*suốt đêm quần quật, sáng ngày vừa đủ nuôi con*".

Trước tình cảnh ấy của nhân dân, bọn tham ô lãng phí đã làm gì? Chúng đã cao hứng dựng lên ở Nam Định cái "đài xem lễ" tốn hàng chục triệu rồi bỏ dở nửa chừng vì thiếu tiền:

Về Nam Định mà xem
"Đài xem lễ" họ cao hứng dựng lên
Nửa chừng bỏ dở
Mười một triệu đồng (2) *dầm mưa dãi gió*
Mồ hôi máu đỏ mốc rêu

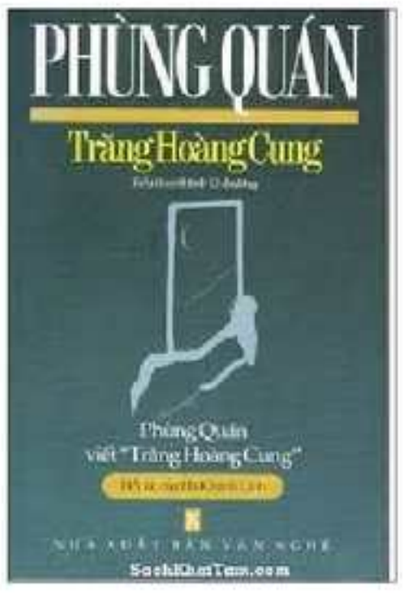

Rồi Phùng Quán muốn hét to cho mọi người đều biết:

Bọn tham ô lãng phí, quan liêu
Đảng đã phê bình trên báo
Còn bao tên chưa ai biết ai hay
Lớn, bé, nhỏ, to, cao , thấp, béo, gầy
Chúng nảy nòi, sinh sôi như giòi bọ.
(Chống tham ô lãng phí)

Bình sinh Phùng Quán rất ghét bọn này:

Tôi căm ghét bọn lãng phí tham ô
Nguyền rủa chúng chẳng tiếc lời tiếc chữ.
(Tự kiểm điểm)

* ***<u>Phùng Quán với thơ và rượu</u>***

Phùng Quán rất yêu thơ, xem thơ như người bạn thân nên:

Có những phút ngã lòng
Tôi vịn câu thơ mà đứng dậy

Thơ đối với anh là nguồn sống, là nước trên sa mạc, bởi thế không có thơ, anh không thể nào sống được, cơn khát thơ dày vò anh, hành hạ anh khiến anh đau khổ đến tột cùng:

Thơ với tôi là nước trên sa mạc
Đã từ nhiều năm nay
Tôi sống mà như chết
Cơn khát thơ thiêu đốt trái tim tôi

Nhưng rồi may sao, Nàng đến (3). Anh gặp Nàng trên thành phố quê hương (Huế) và nàng đã mang lại cho anh "*một ốc đảo bóng chà là xanh mát*" với "*giếng sa mạc đầy tràn*". Anh uống thơ không kịp thở như

để bù lại những ngày sống thiếu thơ:

Tôi uống thơ tôi từ đôi mắt em nhìn
Tơi vục môi uống không kịp thở
Cảm tạ em, tôi đã hồi sinh!
Trong khoảnh khắc tôi lại trở thành triệu phú
(Cảm tạ)

Đã yêu thơ tất yêu rượu. Một ngày của nhà thơ hết nửa ngày say. Khi say thì nằm dài ngắm trời mây rồi cao hứng thơ tuôn ra không kịp viết: thơ rượu, thơ tình, thơ cỏ cây… Khi không có bạn thì độc ẩm và để đỡ buồn, thi nhân mời núi Ba Vì xích lại gần mình để cùng nhau đối ẩm:

Mời bác Ba Vì xích lại đây
Ta cùng túy lúy ngắm sóng say
Tôi đùa bác đấy, đừng tưởng thật
Bác xích lại gần tôi cũng gay.

Đùa thế thôi, chứ bác Ba Vì làm sao xích lại gần cho được. Vì thế tác giả bảo bác cứ ngồi yên đấy, việc ai nấy làm, có nhớ nhau thì tưới rượu xuống Hồ Tây:

Thôi bác cứ ngồi yên ở đó
Còn tôi cứ tĩnh tọa ở đây
Tôi thì làm thơ, bác làm núi
Nhớ nhau tưới rượu xuống Hồ Tây
(Mời rượu)

* ***<u>Phùng Quán với tình yêu</u>***

Khi chống tham ô lãng phí thì Phùng Quán quyết liệt là thế, nhưng khi viết về tình yêu thì thơ anh dịu dàng êm ái lạ thường:

Trời đã sinh ra em
Để mà xinh mà đẹp
Trời đã sinh ra anh
Để yêu em tha thiết

…Yêu nhau ai không muốn
Gần nhau và hôn nhau
Nhưng anh, anh không muốn
Hôn em trong tủi sầu
(Hôn)

Trong tình yêu, màu hồng là biểu hiệu của hạnh phúc vẹn toàn, còn màu tím là biểu hiệu của chia ly, tang tóc (như trong bài "*Màu tím hoa sim*" của Hữu Loan). Phùng Quán cũng gặp cảnh chia ly nên anh làm bài thơ "*Tím*" gồm 19 câu thơ thì trong 18 câu có một hay hai chữ "*tím*":

Hay em hiện ra từ một nhành hoa vi-ô-lét
Mà mắt em thăm thẳm tím hoang đường
Cổ tích dắt trẻ thơ vào đêm huyền thoại tím
Em dắt anh vào một biển tím sương

Trong chuyện tình, Phùng Quán có cuốn "*Trăng hoàng cung*" là tiểu thuyết tình gồm 13 chương kể về mối tình của tác giả với nàng thơ Hà Khánh Linh, trong đó chương 7 (Trăng hoàng cung) là thi vị hơn cả. Cuối sách có hồi ức của Hà Khánh Linh viết về chuyện tình này.
Đó là một đêm trăng 16 âm lịch tuyệt đẹp, Phùng Quán và Hà Khánh Linh dắt tay nhau vào chơi trong Đại nội hoàng cung triều Nguyễn. Phùng Quán đóng vai một ông vua thất thế, lưu lạc lâu năm trở về thăm lâu đài, đền tạ, lăng miếu của triều đại cũ, còn Hà Khánh Linh đóng vai Hoàng hậu. Vua thì phải đi vào cổng chính – cửa Ngọ Môn – chứ sao lại phải đi cổng phụ, vì thế Hà Khánh Linh đã hợp đồng với tay gác cổng để mở cửa Ngọ Môn đêm hôm ấy từ 8 giờ đến 11 giờ

để "vua" vào với giá bằng năm bát bún bò giò heo.

"*Bầu trời cố đô đêm đó không một gợn mây, vầng trăng mười sáu hoàn hảo đến khó tin, kiêu sa, lộng lẫy như một vị hoàng đế cao ngạo, cô độc, trị vì một giang sơn trống rỗng, đẹp mà đơn điệu đến kinh hoàng.*

Hoàng đế râu tóc rối bù, vận long bào vải chàm cũ bạc, chân dận dép lốp máy kéo nặng như cặp cùm, khoác tay Hoàng hậu vận áo Pull, quần bị mốc, mí mắt tô xanh màu mất ngủ, móng tay móng chân sơn đỏ, chếnh choáng tiến vào cửa Ngọ Môn" (Trăng hoàng cung).

Ngọ Môn quan là cổng chính đi vào hoàng cung, bên trong là con đường Trung lộ lát đá Thanh dẫn đến sân Đại triều và điện Thái Hòa, nơi vua và bá quan văn võ họp bàn việc nước.

Em dắt tôi đi
Trên con đướng lát những phiến trăng thanh
Ôi, những phiến trăng có màu hoa sứ
Em nói với tôi:
Đây con đường Trung lộ
Xưa chỉ có vua đi
Và đêm nay anh đi

Đêm ấy sân Đại triều và điện Thái Hòa ngập giữa biển trăng, những giọt trăng lung linh trên cây lá, lấp lánh trên những hạt sương, đẹp đến não lòng. Hai người dạo quanh hoàng cung, dẫm đạp lên trăng, lần bước qua những lối xưa xe ngựa mà thấy bâng khuâng trước những phế tích hoang tàn.

Trong thoáng chốc, giờ hợp đồng sắp mãn, trăng đã lên cao, phút từ giã hoàng cung đã đến gần:

Tôi sắp phải từ giã ngai vàng
Từ giã hoàng cung
Giã từ mộng tưởng
Giã từ em

Đêm hôm ấy là một đêm tuyệt đẹp với những kỷ niệm mà hai người không bao giờ quên được. Phùng Quán thấy lâng lâng như sống trong mơ, anh tin rằng chính Trăng đã dùng tuyệt kỹ của mình để tạo ra Nàng với vùng tóc đen như vùng biển tối, với đôi mắt sâu thăm thẳm như đại dương và ngón tay ngón chân có mùi thơm hoa dại:

Từ chất liệu gì Trăng bày đặt ra em?
Một vùng tóc như một vùng biển tối
Vừng mắt em thăm thẳm tia nhìn
Những ngón tay ngón chân có mùi hoa dại
Cái cổ trần như rong dưới đáy sông Hương
(Trăng hoàng cung)

**

* * *

Phùng Quán mất đi, nhưng những câu thơ độc đáo của anh và những giọt trăng lung linh trong thơ anh sẽ còn in dấu ấn lâu dài trong sâu thẳm tâm hồn người đọc. Phùng Quán xứng đáng được nhận giải thưởng Nhà Nước về văn học nghệ thuật năm 2007 do cựu Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết trao tặng

(1) Em đây là nhà văn nữ Hà Khánh Linh, tên thật là Nguyễn Khoa Như Ý, có hồi ức in chung trong cuốn "*Trăng hoàng cung*".
(2) Mười một triệu đồng thời ấy tương đương với 11 tỷ đồng ngày nay.
(3) Nàng đây vẫn là Hà Khánh Linh.

HUYỀN VIÊM

THƠ NGÔ THÌ NHẬM

KIỀU VĂN

Ngô Thì Nhậm (1745–1803) là một *sĩ phu Bắc Hà* kiệt xuất, người làng Tả Thanh Oai (Hà Đông), đỗ tiến sĩ năm 1776.

Ông từng làm quan dưới thời vua Lê – chúa Trịnh, nhưng ngôi sao Ngô Thì Nhậm chỉ thực sự bừng sáng rực rỡ khi ông gặp gỡ người anh hùng Nguyễn Huệ, tựa như Lã Vọng (Khương Tử Nha) gặp Chu Văn Vương thuở trước.

Yêu cầu cao nhất, bức thiết nhất đối với một kẻ sĩ (tức là với một người trí thức ở bất kì một thời đại nào) chính là phải xác định được rõ con đường mình đi – phải từ bỏ cái gì và theo cái gì? – và phải làm gì để cống hiến nhiều nhất cho dân tộc mình, cũng tức là cho nhân loại?

Với khối óc mẫn tuệ phi thường, vượt xa rất nhiều trí thức phong kiến đương thời, Ngô Thì Nhậm mau lẹ nhận chân được chân lí của thời đại mình: Nguyễn Huệ chính là người anh hùng cái thế đảm lãnh sứ mạng giải quyết những vấn nạn của lịch sử, là bậc minh quân của dân tộc. Đó là mẫu người "anh hùng áo vải", từ nhân dân mà ra nhưng đã kết tinh được toàn bộ tinh hoa của dân tộc và trở thành biểu tượng cao nhất của dân tộc thời đại bấy giờ. Triều đại Tây Sơn tiến bộ hơn, hoàn toàn có thể thay thế cho các triều đại Vua Lê – Chúa Trịnh và Chúa Nguyễn đã đến kì mạt vận. Tư duy và niềm tin của Ngô Thì Nhậm đã được thực tiễn lịch sử chứng minh: triều đại Tây Sơn, dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Huệ, đã lần lượt tiêu diệt cả hai tập đoàn phong kiến thống trị là họ Nguyễn ở Đằng Trong và họ Trịnh (cùng với ngôi vua Lê mà thực chất chỉ là bù nhìn) ở Đằng Ngoài, thực hiện được công cuộc vĩ đại thống nhất đất nước sau hơn 150 năm phân tranh. Gắn liền với triều đại Tây sơn còn có hai chiến thắng cực kì hiển hách: đánh tan quân xâm lược Xiêm La (trận Rạch Gầm – Xoài Mút năm 1784) và đại thắng quân Mãn Thanh tại Thăng Long năm 1789. (Việc nhà Nguyễn với Nguyễn Phúc Ánh khôi phục lại vương quyền từ tay Nguyễn Quang Toản năm 1802 - sau khi Quang Trung chết được 10 năm – rõ ràng đã xảy ra sau tất cả các sự kiện và thành tựu lịch sử vĩ đại nói trên mà nhà Tây Sơn đã hoàn tất).

Sự minh triết của Ngô Thì Nhậm đã khiến hành động của ông trong cả cuộc đời hoàn toàn chuẩn xác. Ông là mẫu mực cao nhất của một trí thức chân chính thời đại Tây Sơn. Những đóng góp của ông cho người anh hùng Nguyễn Huệ và cho đất nước rất đáng kể cả về chính trị, ngoại giao, quân sự lẫn văn hoá. Ông đã bổ khuyết cho những chỗ thiếu hụt của Quang Trung Nguyễn Huệ (vì nhà vua xuất thân từ tầng lớp bình dân, không có được vốn học vấn uyên bác như ông). Có thể nói, sức mạnh vô song của Nguyễn Huệ cộng với trí tuệ viên mãn của Ngô Thì Nhậm là những nhân tố cực kì quan trọng khiến triều đại Tây Sơn đạt tới đỉnh cao, khẳng định được nền độc lập vững chắc cho đất nước, mở ra một giai đoạn lịch sử mới đầy hứa hẹn và khiến triều đình nhà Thanh với ông vua cự phách Càn Long vô cùng vì nể *.

* Về sự bại vong của triều đại Tây Sơn, theo chúng tôi có hai nguyên nhân. Một là do "cơ trời vận nước". Người anh hùng Nguyễn Huệ chỉ xuất hiện để giải quyết những vấn đề bức xúc nhất của lịch sử: làm cho chế độ "Vua Lê Chúa Trịnh" suy tàn phải tự tan rã, giải quyết về căn bản công

cuộc thống nhất lại đất nước đã bị chia cắt quá lâu, đánh tan tất cả các thế lực ngoại bang đang muốn "đục nước béo cò". Sau khi hoàn thành các nhiệm vụ lịch sử to lớn đó, triều đại Tây Sơn cáo chung để những nhân vật lịch sử khác như Nguyễn Ánh lãnh tiếp nhiệm vụ kinh bang tế thế.

Hai là do Quang Trung không may chết quá sớm (ở lứa tuổi 40), ngay sau khi chiến thắng quân Thanh chưa được bao lâu. Ông không có đủ thời gian để củng cố triều đình, thiết lập kỉ cương, đào tạo những người kế tục. Ông chết đi, triều Tây Sơn rơi vào tình trạng "quân vô tướng, hổ vô đầu" và đi đến chỗ tan rã. Phải chăng trong thời điểm lịch sử nghiêm trọng lúc bấy giờ, sự hiện hữu của một nhân vật vĩ đại như Quang Trung là không thể thiếu, vì vậy mà khi thiếu ông, đại cục đã hoàn toàn đổ vỡ? Không một đầu óc lành mạnh nào có thể tin rằng: Quang Trung còn sống mà ông lại chẳng khác gì thằng con hèn kém của mình là Quang Toản, và ông sẽ bị thất bại thảm hại trước Nguyễn Ánh, kẻ luôn luôn bị ông đánh bại đến nỗi phải chạy tháo thân ra đảo Phú Quốc. Nguyễn Ánh thắng, đơn giản chỉ vì đối thủ số một vốn mạnh hơn ông ta không còn nữa. Nói cách khác, Nguyễn Ánh có được một "thời cơ trời cho" ngàn năm có một!

Tài năng của Ngô Thì Nhậm còn thể hiện rõ nét ở một bình diện khác: ông là một thi nhân đích thực, là tác giả của một gia tài văn hóa đồ sộ với 600 bài thơ và 15 tác phẩm lớn. Phan Huy Ích (người chính thức được giới học giả ngày nay xác định là dịch giả của *Chinh phụ ngâm*), một văn nhân có tiếng thời bấy giờ đã nhận định về ông: "*Tài uyên bác thông đạt, trở thành ngọn cờ chót vót giữa rừng nho chúng ta*".

Thơ Ngô Thì Nhậm bao gồm nhiều mảng đề tài. Trong những bài thơ *ngôn chí*, thơ tư tưởng, ông trình bày những tư tưởng của một trí thức ở tầm cao của lịch sử, nêu bật những gì ông chấp nhận và những gì ông phủ nhận không khoan nhượng.

Ngọn bút của ông đã mô tả cảnh tang thương của thời đại Lê – Trịnh – Nguyễn suy tàn, trong đó ẩn chứa tinh thần phủ nhận của ông đối với một hiện thực xã hội đã đi đến chỗ *cùng* và đòi hỏi phải có *biến*:

Rêu phong bếp oản, sư xa bước,
Mưa hắt hiên tre, bụt lặng lời.
Giá chẳng nửa đồng, chùa đổ nát,
Sông phân đôi nhánh, xóm mù khơi.
Lui tới canh khuya bầy trộm cướp,
Phật còn mắt huệ hãy nhìn coi!
(Chuà Vân Môn) – Nguyễn Sĩ Lâm *dịch*

Đánh giá thời đại Lê Trịnh – Mạc – Nguyễn, ông viết:

Vua tôi đứng sững ba chân vạc,
Ông – tế (bố vợ, chàng rể) hằn nhau nửa cuộc cờ…
Cương thường muôn thuở còn bia miệng,
Hổ chọi rồng tranh khéo vẽ trò!
(Hữu sở tư) – Đỗ Ngọc Toại *dịch*

Với nhãn quan vô cùng sắc bén, Ngô Thì Nhậm hiểu rằng một đất nước bị chia xẻ làm ba bốn mảnh để cho những tập đoàn phong kiến tha hồ xâu xé, đất nước ấy đã rơi vào thảm cảnh. Lịch sử đòi hỏi phải có một lực lượng mới, đủ sức thống nhất lại quốc gia. Và ông đã kịp thời nhận ra: phong trào Tây Sơn chính là "cơn gió lớn" của thời đại sẽ quét sạch cảnh nhiễu nhương, đưa đất nước tiến vào một kỉ nguyên mới. Ông quyết định ra cộng tác với Tây Sơn, và giọng thơ của ông bỗng trở nên sảng khoái lạ thường:

Muôn đội rồng bay giáp tận trời,
Oai thần lồng lộng khắp nơi nơi.

Mù tan lại thấy màu thu tỏ
Trời hửng y nguyên bóng nắng soi.
Nhơ bụi không còn vương chút đỉnh,
Cửa nhà trở lại vẻ vui tươi.
Hả lòng ngồi vịnh câu du tử,
Làng cũ mây che tít phía đoài.
(Đại phong) – Đỗ Ngọc Toại *dịch*

Đối với một bậc quốc sĩ như Ngô Thì Nhậm, không có hạnh phúc nào hơn là được phụng sự cho một đấng minh quân để lập nên đại sự nghiệp, làm vẻ vang cho tổ quốc. Trong thơ ông, hình ảnh người anh hùng Nguyễn Huệ – Quang Trung được miêu tả thật là uy tráng và đẹp đẽ. Tình cảm đặc biệt trân trọng ông dành cho Quang Trung là đại diện cho tình cảm của toàn dân tộc dành cho con người vĩ đại đã cống hiến trọn cuộc đời mình cho nền độc lập và vinh quang của đất nước:

Bệ rồng xếp dãy kiếm vàng,
Các thần áo mũ hàng hàng trang nghiêm.
Thánh hoàng sách lược phán truyền,
Việc biên việc nước dụ ban rạch ròi.
(Kính ghi buổi chầu) – Lỗ Công *dịch*

"Tôi hiền gặp được chúa thánh minh", Ngô Thì Nhậm vô cùng hứng khởi mang hết tài kinh bang tế thế ra thi thố, bất chấp muôn vàn nhọc nhằn gian khó:

Quan quân hộ tống rộn ràng,
Chiếu vua triệu gấp, trễ tràng dám đâu.
Mưa dầm đường trạm đang rầu,
Cười theo dòng suối vó câu phải nhường.
… Thuốc trường sinh, ấy cần lao,
Ngồi ôm lồng ấp nhà cao mà gì!
(Tả lòng) – Khương Hữu Dụng *dịch*

Là một sĩ phu kiệt hiệt, vậy mà "bức chân dung tự hoạ" của Ngô Thì Nhậm sao mà khiêm nhường và đáng mến đến thế:

Bệ rồng hoa chúm chím kia,
Được mang sắc đỏ gần kề quân vương.
Chẳng ai khen, bởi thua hương,
Má hồng chân chất càng thương mặn nồng.
Hoa xuân rụng hết, mình không,
Sắc hương vốn sẵn từ trong cảnh chùa.
Bốn mùa hoa dám đem phô,
Lòng son có mặt trời trưa tỏ rồi…
(Hoa dâm bụt trong cung) – Hải Như *dịch*

Ôi! kể từ sau cái thuở "Nước thanh bình ba trăm năm cũ" – nghĩa là từ sau thời Hồng Đức – những bài thơ đầy hào khí, sảng khoái như thế đã hầu như vắng bặt trên thi đàn Việt Nam, bỗng lại xuất hiện ở triều đại Tây Sơn với Ngô Thì Nhậm! Có thể nói, thơ của ông đã thổi một luồng sinh khí mãnh liệt vào cánh đồng văn chương Việt Nam đã từ lâu phủ đầy khói sương u ám vì mang nặng mối "sầu vạn cổ". Đó là cống hiến độc đáo của thi nhân xuất chúng họ Ngô Thì.

Suốt dọc đường đi sứ sang Trung Hoa, Ngô Thì Nhậm đã làm nhiều bài thơ vịnh các nhân vật lịch sử, bày tỏ sự khâm phục và thương xót của mình với người xưa: Gia Cát Lượng, Giả Nghị, Văn Thiên Tường, Tô Đông Pha… Ông đã làm những cuộc "ôn cố tri tân" mà ông vô cùng tâm

đắc.

Những bài thơ *tức cảnh* cho thấy ông có khả năng chộp bắt rất nhạy cái *thần* của mỗi đối tượng. Ví dụ hai câu thơ

Khinh tuyết ngạo sương riêng bẩm tính,
Khuôn thiêng khéo đã đúc nên dày

đã khắc hoạ sắc nét cốt cách của "cây tùng đơn lẻ", ngụ ý ca tụng cốt cách của một đấng trượng phu chân chính.

Thơ Ngô Thì Nhậm có một mảng rất quý, đó là mảng thơ trữ tình sâu sắc, thấm thía. Ở đó tình cảm của ông với quê hương, với người thân như trào ra dưới ngòi bút. Trên đường đi sứ, gặp ngày sinh nhật của cha (Ngô Thì Sĩ) ông viết:

Xa xa xe hạc cách mây,
Lấy ai rượu thọ chén đầy dâng cha?
Rau thơm dâu cả ở nhà
Vắng tin mai nở sứ xa cõi ngoài…
(Cảm tác nhân ngày sinh nhật cha) – Hoàng Trung Thông *dịch*

Ông thương vợ ông, lấy phải chồng… quốc sĩ suốt đời vì nước xa nhà. Để bù đắp cho nỗi khổ của vợ – đích thực là một chinh phụ – ông đã có những vần thơ tha thiết chân thành như muốn tạ lỗi với nàng:

Hối chẳng cùng vui cảnh ruộng đồng,
Đỉnh chung để luỵ khách khuê phòng.
Ta lầm chân tới đường gai góc,
Nàng dắt con đi bước ngại ngùng.
Cung Quảng thu rầu trăng trước núi,
Ghềnh Ngân đêm não bóng bên song…
(Nhớ vợ, bài 1) – Nguyễn Sĩ Lâm *dịch*

Khi gặp cơn đại biến (vua Quang Trung chết, bản thân bị thất sủng), ông càng thương vợ hơn bao giờ hết và viết nên những câu thơ thống thiết:

Ta kẻ vong thần riêng chịu phận,
Nàng người lệnh phụ, há nhường ai?
… Đời đời nguyền kết duyên chồng vợ,
Mười tám năm qua tính một đời.
(Nhớ vợ, bài 2) – Nguyễn Sĩ Lâm *dịch*

Ngoài thơ, Ngô thì Nhậm còn viết phú và những bài chiếu (làm thay vua Quang Trung) trong đó ông đã lồng không ít tư tưởng của bản thân ông: *Chiếu lên ngôi vua (1788), Chiếu cầu hiền…*

Có lẽ thiếu sót lớn nhất của Ngô Thì Nhậm là ông không chú tâm sáng tác thơ Nôm, nền thơ dân tộc mà các bậc tiền bối như Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Nguyễn Bỉnh Khiêm… đã dày công vun đắp. Tuy nhiên, với những thi phẩm Hán văn điêu luyện, người đọc ngày nay thông qua các bản dịch, vẫn cảm nhận được cái hơi thở nồng nàn của tâm hồn và trí tuệ một đấng sĩ phu kiệt xuất nửa cuối thế kỉ XVIII mà tấm lòng son và sự nghiệp của ông còn mãi với sử xanh.

KIỀU VĂN

ĐÀN TAM THẬP LỤC

KIÊM THÊM

Ở Sài Gòn trước năm 1975, những người thích đi ăn nhà hàng Tàu trong Chợ Lớn đôi khi được nghe nhạc Trung Hoa từ những dàn nhạc nhỏ, qua đó họ gặp một nhạc cụ nhiều dây, tạo âm thanh do đôi que gõ vào dây. Sau năm 1975, trong một số dàn nhạc dân tộc cải biên, của Nhạc viện Tp. Hồ Chí Minh, người ta thấy cây đàn này xuất hiện, chiếm vị trí giữa dàn nhạc ... Đàn có tên là "tam thập lục", nó có thể tham gia trong các dàn nhạc dân tộc nhưng ít thấy độc tấu hay trình diễn nhiều thể loại âm nhạc như những nhạc cụ khác.

Đàn tam thập lục chỉ gia nhập vào hệ nhạc khí của dân tộc ta từ những năm 60 thế kỷ XX. Cây đàn thuộc họ dây (cordiophone) và có những sợi dây mắc song song với mặt đàn nên thuộc "gia đình cithare". Hộp đàn hình thang, với rất nhiều dây được mắc song song theo chiều ngang của mặt đàn. Tuy gọi là tam thập lục, tức ba mươi sáu dây nhưng số dây thực sự nhiều hơn rất nhiều, đó là do mỗi một âm thanh, một bậc âm người ta gắn từ 2 đến 3 sợi dây đàn và nó được định âm do những con lăn (con nhạn) và sự căng dây.

Người chơi đàn có thể gõ lên những sợi dây bằng đôi que đàn bằng tre có đính phần nỉ ở đầu, mà người ta gọi là búa. Đôi khi người ta còn chơi bằng cách gẩy, búng, bốc bằng ngón tay, gẩy bằng đuôi que v.v... nhưng lối gõ bằng "búa" là thông dụng nhất. Do vậy, đàn tam thập lục thuộc họ dây – gõ.

Nguồn gốc đàn tam thập lục

Về nguồn gốc, đàn tam thập lục còn gọi là Dương cầm, theo phiên âm từ tiếng Trung hoa (yang - qin). Theo nghĩa từ nguyên Trung Hoa, "Dương" có nghĩa là từ ở ngoài, nước ngoài. Như vậy cho thấy, đàn tam thập lục từ nước ngoài đưa vào Trung Hoa.

Đến thế kỷ thứ 15 mới thấy có những tài liệu chính thức nghiên cứu, ghi chép về những cây đàn có dạng như vậy, hình ảnh được khắc trên ngà voi, được chế tác vào khoảng thế kỷ thứ XII và có gốc Ba Tư. Những cây đàn dạng này rất phổ biến ở khu vực các nước Trung Á và được sử dụng rộng rãi trong dân gian. Ngoài ra nó còn được phổ biến ở các nước phương Tây thời Trung cổ.

Đến thế kỷ XVIII nó được truyền vào Triều Tiên và tiếp tục vào Trung Hoa, Nhật Bản. Ở mỗi nước các cây đàn này có tên gọi khác nhau : ví dụ như ở Ba Tư nó có tên là Santur, hoặc những tên khác như Santari, Santuri, Santir, Suntur. Ở Syrie, Arab nó có tên là "Qanun". Ở Trung Quốc nó có tên là yang - qin, Mông cổ là Yoochir, Nhật là Yan kin, Triều Tiên là Yanggum, Thái Lan là Kim ... các nước Trung Á gọi là Yenjing , các nước phương tây gọi là Cymbalom v.v...

Đàn tam thập lục ở Việt Nam

Có thể nói, dân ca là thể tài được các nhạc sĩ quan tâm trước nhất để chuyển soạn cho cây đàn tam thập lục diễn tấu ở Việt Nam. Đàn tam thập lục không có phím để bấm, cũng không thể dùng tay trái nhấn, rung, mổ luyến láy như những nhạc cụ dân tộc Việt nên nhiều nhạc sĩ khi chuyển soạn rất thận trọng chọn lựa tác phẩm dân ca.. Với những bài Lý (dân ca), cây đàn tam thập lục sẽ

làm nổi bật hơn âm điệu trong sáng, vui tươi, nhất là dân ca Nam Bộ.

Dân ca ở các vùng khác như Quan họ Bắc Ninh, dân ca các dân tộc thiểu số … cũng được biên soạn với những kỹ thuật đơn giản, những nét luyến láy sẽ được thay bằng những nốt nhỏ đánh nhanh dẫn vào nốt chính để tạo cảm giác luyến. Ngoài việc dựa vào những kỹ thuật và những đặc điểm riêng của cây đàn, ví dụ như hệ thống dây đàn tam thập lục là theo thang âm bình quân (thang âm có 12 bán âm đều nhau), đàn tam thập lục có thể đi song thanh, song thanh lệch, tạo ra những câu nhạc chạy liền tiếng rất nhanh thay cho những nét nhấn nhá, luyến láy. Các nhạc sĩ cũng thích chuyển đổi hệ thống thang âm, viết lại với những giọng có dấu hóa để có thể luyến bằng những nốt nhỏ cao độ bán âm v.v… để có thể diễn tấu những nét đặc trưng của dân ca.

Ngoài dân ca, những bài bản âm nhạc cổ truyền cũng là mục tiêu chuyển soạn của các nhạc sĩ. Với mong muốn mở rộng khả năng diễn tấu của, các nhạc sĩ đã chuyển soạn các bài nhạc Chèo cho đàn tam thập lục. Những bài này chiếm vị trí quan trọng trong nhạc mục của cây đàn, đôi khi trở thành những bài độc tấu cho đàn tam thập lục. Tất nhiên, những đặc điểm âm nhạc của Chèo vẫn phải giữ và cũng bằng những kỹ thuật của cây đàn. Đó là nét nhạc chạy lướt mềm mại, những kiểu nhân đôi giai điệu của hai bè, giai điệu bị chia cắt, có nhiều nét đan xen với phần đệm v.v…

Diễn tấu đàn tam thập lục đối với những bài bản cổ truyền có nhiều điểm không thuận lợi, nên khi chuyển soạn các tác phẩm, bài bản âm nhạc cổ truyền, đặc biệt là bài bản nhạc Tài tử Nam Bộ, các nhạc sĩ đã chú ý chuyển soạn các bài bản thuộc điệu Bắc, hơi Bắc do ít luyến láy, hoặc những bài có hơi Quảng.

Ngoài bài bản thuộc hơi Bắc, hơi Quảng, các nhạc sĩ cũng chuyển soạn các bài bản thuộc các hơi, giọng khác như Oán, Xuân, Ai.

Ngoài ra các nhạc sĩ còn có những sáng tác theo kỹ thuật âm nhạc phương Tây: Variation cho đàn tranh, sáo và đàn tam thập lục (của NGƯT Nguyễn Văn Đời); hòa tấu đàn tam thập lục và dàn nhạc dân tộc (của giảng viên Nguyễn Thị Bích Thủy) …

. Kết Luận

- Việc tham gia vào gia đình nhạc khí Việt Nam của đàn tam thập lục đã làm hệ thống nhạc khí nước ta phong phú hơn, có thêm âm sắc nhạc cụ mới, làm cho số lượng bài bản phát triển.

- Để phát huy khả năng trình diễn của cây đàn, làm cho nó trở thành thành viên của hệ nhạc khí Việt Nam, các nhạc sĩ đã nỗ lực sáng tác bài bản, sáng tạo nhiều kỹ thuật diễn tấu. Với hàng trăm sáng tác mới, tác phẩm chuyển soạn từ ca khúc cho đàn tam thập lục, tác phẩm nước ngoài v.v… nhưng trong chương trình giảng dạy chính thức của 2 nhạc viện quốc gia tại Việt Nam, phần chủ yếu vẫn là âm nhạc truyền thống: nhạc thính phòng Huế, nhạc Tài tử, những làn điệu của tuồng, chèo, cải lương…

- Đưa đàn tam thập lục vào hệ nhạc khí Việt nam cũng nhằm tiếp thu và phát huy những di sản âm nhạc thế giới. Nhưng đó không phải là việc làm duy nhất trong sự nghiệp giữ gìn và phát huy nền âm nhạc dân tộc ngày nay. Chúng ta đã có bài học tốt trong việc tiếp thu những di sản văn hóa thế giới và phát huy truyền thống âm nhạc dân tộc như việc cải tiến cây đàn guitar Tây Ban Nha thành cây guitar phím lõm và đưa nó vào âm nhạc Tài tử – Cải lương, đây cũng là bài học quý để chúng ta rút kinh nghiệm khi tiếp thu cây đàn tam thập lục và đưa nó vào hệ nhạc khí dân tộc Việt Nam.

KIÊM THÊM

SCHILLER và GOETHE

LƯƠNG VĂN HỒNG

Trung tâm của Văn học cổ điển Đức là Weimar, nơi hai đại văn hào Goethe và Schiller sống. Văn học Đức 1786-1832 là giai đoạn đạt tới đỉnh cao nhất trong lịch sử văn học Đức với tác phẩm Wilhelm Tell của Schiller và với tác phẩm Faust của Goethe. Hai đại văn hào Goethe và Schiller đã đưa văn học Đức vượt khỏi khuôn khổ của "văn học tỉnh lẻ" , bằng những sáng tác của mình họ đã đưa văn học Đức trở thành một bộ phận của Văn học thế giới.

Friedrich Schiller,
nhà văn của văn học Bão táp và Xung kích

Friedrich Schiller sinh ngày 10.11.1759 ở thị trấn Marbach thuộc công quốc Wũrttemberg của Đức. Cha làm trong quân y. Cậu bé Friedrich học chữ ở Ludwigsburg. 1773, theo lệnh của công

tước Karl Eugen , Schiller phải theo học Trường quân sự (Trương thiếu sinh quân) ở Stuttgart, rồi học ngành Luật, sau đó lại chuyển sang ngành Y. 1780 , Schiller trở thành bác sĩ của Trung đòan. Tuy sống bảy năm trong kỷ luật sắt của con nhà binh, thư từ bị kiểm sóat gắt gao, không được về thăm gia đình trong suốt thời gian học ở Trường, nhưng Shakespeare và Rousseau mới là những người có ảnh hưởng sâu sắc đến thế giới quan và đam mê sáng tác văn chương của Schiller. Nhà trường chỉ để lại những ký ức không bao giờ phai trong tâm tưởng của ông. Vở kịch Otelo của Shakespeare đã thức tỉnh tài năng sáng tác kịch của Schiller. Ông thấy, kịch tính ở trong kịch của Shakespeare phát triển theo lô gích và hợp lý. Và đó mới là điều ông muốn học hỏi. Những sáng tác có tiếng vang lớn của Schiller trong văn học Bão táp và Xung kích là vở kịch **Những tên cướp* (1781- công diễn năm 1782 ở Mannheim) và vở kịch *Âm mưu và Ái tình* (1784).

Những tên cướp

Vở kịch *"Những tên cướp"* được công diễn lần đầu ngày 13.1.1782 ở Mannheim và có tiếng vang lớn trong đời sống sân khấu Đức thời bấy giờ, vì nhân vật Karl Moor của Schiller dám nói lên yêu cầu cấp bách của thời đại, phản ánh một hệ tư tưởng mới " tràn ngập tinh thần bướng bỉnh và nổi lọan nhằm chống lại tòan bộ xã hội đương thời" (Ăng ghen).

Để xây dựng hình thượng thanh niên nổi lọan theo tinh thần của Trào lưu Bão táp và Xung kích, Schiller xử dụng Mô típ rất thịnh hành trong văn học thế giới thế kỷ XVIII : *Gã kẻ cướp cao qúy* .

Karl Moor và Franz Moor là hai anh em ruột, nhưng cá tính lại trái ngược nhau, đây là một chất liệu quen thuộc trong các tác phẩm thời bấy giờ: Karl tính tình phóng khóang, sôi nổi và thẳng thắn, Franz thì thâm hiểm, ti tiện và gian ác. Schiller đã biết khai thác thành công chất liệu quen thuộc (xung đột trong gia đình) và nâng nó lên thành hiện tượng trong xã hội. Anh em Karl và Franz thù nghịch nhau, nhưng đồng thời cả hai cũng chính là hai lực lượng xã hội đối kháng. Karl Moor do bất bình với xã hội nên đã cùng một số bạn bè từ bỏ Trường đại học vào trong rừng làm cướp, lấy của người giầu chia cho người nghèo với ý định" cầm đầu một đội quân …, nước Đức sẽ trở thành một nước Cộng hòa mà so sánh với nó thì La Mã và Xpacta sẽ chỉ là những tu viện mà thôi." Ngược lại với Karl Moor, Franz Moor có giọng của kẻ thống trị, tiêu biểu cho bạo quyền. Hắn nói: " Trong khu vực ta cai trị , khoai tây và nước bia lõang phải được coi là những món ăn sang trong những dịp lễ hội. Liệu hồn cho những đứa nào có bộ mặt hồng hào mà ta bắt gặp ! Ta chỉ ưa màu xanh tái của đói nghèo và sự sợ hãi khép nép."

* Những tên cướp, Tất Thắng và Nguyễn Đình Nghi dịch, Đình Quang giới thiệu, NXB Văn học, 1983

Vào thời đó trật tự phong kiến còn vững mạnh, nên việc muốn tái lập lại công lý của Karl Moor chỉ là việc làm của kẻ độc hành, không thể trở thành hiện thực được.

Kịch "Những tên cướp " không theo qui tắc Tam nhất, Schiller cho thời gian kéo dài hai năm, địa điểm hành động luôn luôn thay đổi. Nhân vật chính không phải từ tầng lớp qúi tộc, mà là nhân vật đại diện cho tầng lớp người nghèo khổ- cho đẳng cấp thứ ba trong xã hội. Ngôn từ trong vở kịch là ngôn từ của người bình dân.Kịch viết bằng văn xuôi nên rất phù hợp với nội dung cốt truyện.

Âm mưu và Ái tình

Vở kịch " * *Âm mưu và Ái tình* " là vở bi kịch hay nhất của Schiller ở Văn học Bão táp và Xung kích. Vở kịch được công diễn ngày 13.4.1784 ở Mannheim và gặt hái được thành công còn lớn hơn vở kịch Những tên cướp. *Âm mưu và Ái tình* là vở kịch tố cáo sự thối nát của chế độ phong kiến quyết liệt nhất của Văn học Bão táp và Xung kích, nó là *vở kịch Đức đầu tiên mang khuynh hướng chính trị* . Nhân vật chính trong kịch là Ferdinand- con trai tể tướng von Walter – và Luise – con gái nhạc công Miller. Đây là một mối tình " không môn đăng hộ đối" bởi sự khác biệt về đẳng cấp trong xã hội phong kiến: qúi tộc và thị dân(đẳng cấp thứ ba). Bất chấp mọi trở ngại, Ferdinand và Luise vẫn yêu nhau say đắm với quyết tâm lấy nhau. Trong khi con rung động trái tim vì tình yêu thì cha chỉ nghĩ tới tiền tài danh vọng và địa vị. Để lên được Tể tướng, Von Walter đã mưu giết thành công viên Tể tướng cũ. Giờ hắn lại muốn củng cố địa vị của mình bằng việc ép con trai- thiếu tá Ferdinand- lấy người Lady Milford-người tình mà công tước đã bỏ rơi. Mâu thuẫn –kịch tính- lên tới đỉnh cao khi cả hai đều khăng khăng giữ và bảo vệ quan điểm của mình : con dọa sẽ tố giác tội giết người của cha. Cha đành hòa hõan với con, nhưng thư ký Wurm đã bày mưu ma chước qủy cho Tể tướng : bắt giam bố mẹ Luise mà chẳng cần biết họ thực sự có tội hay không. Luise thương xót bố mẹ sống trong cảnh giam cầm nên nhắm mắt viết lá thư tình cho Thị vệ trưởng Von Kalb với hy vọng Wurm sẽ tìm cách thả bố mẹ cô, nhưng Wurm là kẻ nham hiểm, hắn dùng ngay lá thư đó để ly gián cặp tình nhân Ferdinand-Luise. Wurm bố trí để lá thơ tình của Luise cho viên Thị vệ rơi vào tay Fredinand-người yêu của Luise. Đọc xong thơ thì mối nghi ngờ nơi Ferdinand cũng hình thành. Chàng gặng hỏi Luise để cho rõ ngọn ngành, nhưng vì đã hứa với tên thư ký Wurm là không cho ai biết sự thật về lá thư đó nên Luise đành phải im lặng. Im lặng này làm cho nghi ngờ về sự phản bội tình yêu của Luise lên đến tột cùng. Ferdinand đành phải lấy cái chết chứng minh cho tình yêu của mình với Luise (đây cũng là kết cục muôn thưở của những cặp tình nhân không đến được với nhau ở trần thế, họ hy vọng sẽ gặp nhau nơi thế giới bên kia). Bi kịch xảy ra, nhưng trước khi cả hai cùng chết , họ nhận ra mình đã nhầm, nhận ra mình đã bị mắc mưu kẻ khác. Xúc động nhất là khi Luise đã ngấm thuốc độc, nàng mới nói rõ sự thật. Sự thật muộn màng ấy chẳng cứu được ai, nhưng nó như lời cảnh tỉnh những người còn sống và những kẻ gây nên bi kịch đó.

Trong ngôn ngữ Đức thì chính tên nhân vật đã nói lên phần nào cá tính của mình, như Wurm có nghĩa là giòi bọ, Kalb là con bê. Ở Việt Nam người ta gọi chức thư ký của Wurm ở thời phong kiến là Hộ lại.Nói về hạng người này, ở Việt Nam có câu: "Một đời làm lại hại mười đời". Lời nhận xét của nhạc công Miller : " Người đâu mà lập lờ kinh tởm... Cặp mắt nó sao mà lấm la lấm lét" vẽ đúng chân dung của kẻ bầy tôi nham hiểm, hại đời.

* Vở kịch Âm mưu và Ái tình do Tất Thắng và Nguyễn Đình Nghi dịch, Đình Quang giới thiệu, in trong tập Những tên cướp, NXB Văn học, Hà Nội, 1983

Friedrich Schiller,
nhà văn của Văn học cổ điển

Năm 1787, Schiller tới Weimar và ở lại đây sống và sáng tác cho đến khi qua đời năm 1805. Đáng lưu ý trong sự nghiệp sáng tác của Schiller khi ông ở Weimar là những vở kịch *Don Carlos* (1787), *Wallenstein* (1798-1799) , *Maria Stuart* (1801), *Thiếu nữ vùng Orleans* (1801), *Cô dâu vùng Messina* (1803), *Wilhelm Tell* (1804).

Nếu tính triết học trong những tác phẩm của Goethe sâu sắc hơn thì tính chiến đấu rất nổi bật trong những vở kịch của Schiller, chính vì thế mà Schiller rất được tầng lớp thanh niên yêu thích. Kịch của Schiller hình thành và xuất hiện trong thời kỳ thế giới có nhiều biến động lớn. Nếu như điểm đặc biệt của thế kỷ XVIII ở Anh là cách mạng kinh tế, thì ở Pháp là cách mạng chính trị năm 1789, nhưng ở Đức laiï là cách mạng triết học.

1785, Luật sư Christian Gottfried Kõrner mời Friedrich Schiller về sống ở thành phố hội chợ Leipzig, trong thời gian sống ở đây , nhà thơ viết *Don Carlos* và sáng tác bài thơ *Gởi niềm vui* . Kõrner khuyên Schiller nên nghiên cứu hệ thống triết học của Kant-một nhà triết học Đức của thời kỳ Khai sáng. Hệ thống triết học của Kant ảnh hưởng tới Schiller trên bình diện luân lý học và mỹ học. Schiller cho rằng , một hành động chỉ hợp luân lý khi nó xảy ra theo sự lựa chọn và theo thiện cảm. Sự đối chất thô thiển giữa nghĩa vụ và thiện cảm sẽ hạ thấp nhân phẩm, vì nó sẽ đặt tiền đề cho sự áp bức. Giờ đây con người đã thức tỉnh để đòi quyền hợp pháp của mình. Đối với Schiller thì nghệ thuật là phương tiện đấu tranh chống chuyên chế và áp bức, một phương tiện để giải phóng con người. Với những quan niệm như đã nói ở trên, nên kịch của Schiller ở giai đọan hai- ở văn học cổ điển chủ yếu lấy chất liệu từ những sự kiện lịch sử đấu tranh chống áp bức (Wallenstein), thống nhất đất nước (Thiếu nữ vùng Orleans) hay đấu tranh nhằm giải phóng dân tộc khỏi ách ngọai xâm (Wilhelm Tell) của các nước trên thế giới.

Wilhelm Tell

*Wilhelm Tell (1804) là vở kịch cuối cùng của Schiller, nhưng là vở kịch duy nhất mà nhân vật chính không thất bại. Schiller đã biết đưa lịch sử phục vụ hiện tại. Thomas Mann nhận xét: " Vở kịch về ThụySĩ là một tác phẩm tuyệt vời, đơn giản nhưng quí phái và vĩ đại, rất có hiệu quả, rất hòanh tráng và hấp dẫn. Mặc dù, đó là câu chuyện ở cuối thế kỷ XIII, nhưng ta lại thấy khí thế của cách mạng Pháp."

Vở kịch bắt đầu bằng ba bài hát mang đậm nét dân gian, ba bài hát giới thiệu thiên nhiên tuyệt đẹp với tuyết phủ trắng khắp núi, thảo nguyên xanh rì, giới thiệu người dân Thụy Sĩ hiền hòa, chịu khó. Họ là những nông dân, dân chài, thợ săn, mục đồng sống trong khung cảnh yên bình dưới bầu trời chan hòa ánh nắng.

Wilhelm Tell là vở kịch 5 hồi. Nội dung kịch xoay quanh cuộc đấu tranh chống lại ách thống trị của triều đình Áo. Nhân vật chính trong kịch là Wilhelm Tell - một nhân vật trong truyền thuyết của Thụy Sĩ. Motiv bắn táo là Motiv của các nước phương Bắc. Ở thế kỷ XVIII, Thụy Sĩ được coi là đất nước của tự do cộng hòa, đất nước của những phong tục cao đẹp và lối sống hiền hòa. Dưới ngòi bút của Schiller, Tell không phải là cá nhân đơn độc, mà là người anh hùng dân tộc-

người tự thấy mình có trách nhiệm chiến đấu giành lại tự do cho chính mình và độc lập cho đất nước Thụy Sĩ. Tell không chịu lạy chiếc mũ tượng trưng cho quyền lực, vì vậy mà chàng bị tên thái thú Gessler sai lính bắt trói. Mặc dù Tell đã bắn trúng trái táo đặt trên đầu con trai mình, nhưng tên thái thú vẫn không trả lại tự do. Trên đường bị trói giải về quận, Tell đã trốn thóat và ngắm bắn chết tên thái thú gian ác, xảo quyệt Gessler.

Cuộc đấu tranh của nhân dân Thụy Sĩ đã phát triển từ chỗ tự phát - từ chỗ chỉ là chuyện gia đình, cá nhân Tell- đến tự giác- đến vấn đề quê hương dân tộc(giống như truyện Hai bà Trưng của Việt Nam). Đây là một dạng phản ứng dây chuyền , ta thường thấy ở cộng đồng các tộc người. Khi biết tên thái thú bị giết. Vốn tin tưởng mến phục tài của Wilhelm Tell, nhân dân cả nước Thụy Sĩ nhất tề đồng lòng đánh đuổi quân xâm lược, giải phóng đất nước, giành lại độc lập tự do cho tổ quốc Thụy Sĩ.

* Vở kịch dịch sang tiếng Việt là Vinhem Tell , Thế Lữ dịch, Nguyễn Ngọc Lượng giới thiệu, NXB Văn học, 1966

Johann Wolfgang Goethe,
1749-1832
nhà văn của văn học Bão táp và Xung kích

Johann Wolfgang Goethe sinh ngày 28.8.1749 ở thành phố thương mại Frankfurt am Main và mất ngày 22.3.1832 ở thành phố văn hoá Weimar . Ông là con trai nghị viên thành phố Frankfurt am Main-ông Johann Caspar Goethe- một người vốn gốc thợ thủ công vùng Thüringen ở miền đông nam nước Đức, ông tính tình nghiêm khắc và cứng nhắc. Mẹ Goethe là Katharine Elisabeth Textor. Bà là con gái viên thanh tra giáo dục của thành phố Frankfurt am Main, gia đình thuộc dòng dõi qúy tộc có học vấn cao. Thưở nhỏ cậu bé Johann học ở thành phố quê hương Frankfurt am Main .

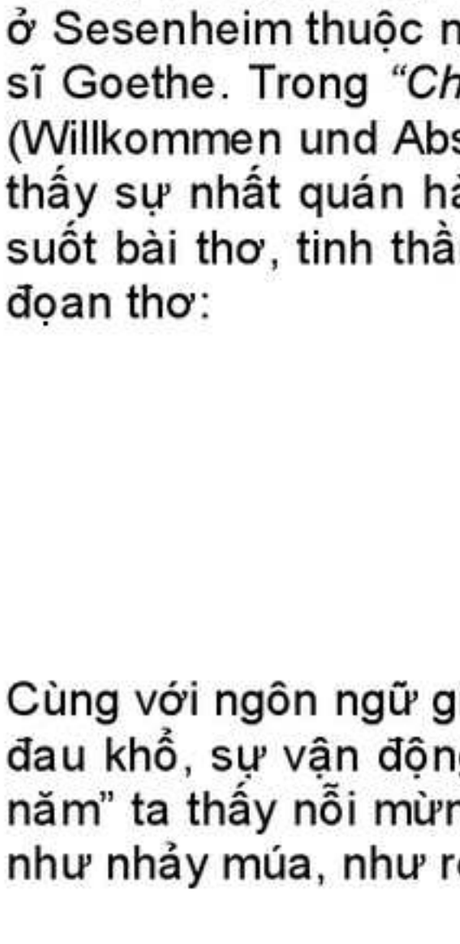

1765-1768, Goethe học Luật ở thành phố hội chợ Leipzig và từng nghe Gottsched, Gellert giảng. Ngòai ra ông còn học vẽ ở thầy Oeser.Trong thời gian học ông yêu cô Käthchen Schönkopf. Do ốm nặng nên ông phải bỏ học và về Frankfurt am Main dưỡng bệnh mất hai năm 1768-1769. 1770, ông tiếp tục học Luật ở thành phố Strassburg và tốt nghiệp năm 1771. Ở Strassburg, ông gặp nhà lý luận nổi tiếng ở Đức lúc đó là Herder. Herder đã khêu gợi lòng ham thích dân ca ở chàng trai Goethe. Goethe đã đi sưu tầm dân ca vùng Elsachsen cho sưu tập dân ca của Herder.

Trong thời gian này ông yêu cô Friedericke Brion ở Sesenheim. Mối tình với cô con gái vị mục sư ở Sesenheim thuộc ngọai thành thành phố Strassburg để lại nhiều dư âm trong thơ của chàng thi sĩ Goethe. Trong *"Chùm thơ Sesenheim"* thì có hai bài thơ rất nổi tiếng là *Đón chào và tạm biệt* (Willkommen und Abschied) và *Bài ca tháng năm* (Mailied). Ở bài thơ "Đón chào và tạm biệt " ta thấy sự nhất quán hài hòa của cuộc sống, tình yêu và thơ. Nhớ mong, Gặp lại, Tạm biệt xuyên suốt bài thơ, tinh thần hăng hái cùng bầu nhiệt huyết của *Bão táp và Xung kích* thể hiện rõ qua đọan thơ:

Màn đêm mang tới ngàn vật kỳ ảo,
Nhưng lòng tôi phấn chấn vô cùng,
Lửa nhiệt huyết chạy dần dần khắp thân,
Nhiệt thành chan chứa trong lòng.

Cùng với ngôn ngữ giầu hình ảnh và nhịp điệu , bài thơ cho thấy thấp thóang lòng mong muốn, sự đau khổ, sự vận động , phong cảnh thiên nhiên và tình yêu đôi lứa. Trong bài thơ "Bài ca tháng năm" ta thấy nỗi mừng khi xuân tới, niềm hứng khờiva ngọn lửa tình yêu quyện lấy nhau, lời thơ như nhảy múa, như reo mừng:

Ôi trái đất này, ôi mặt trời sáng chiếu,
Ôi hạnh phúc biết bao, vui hứng biết nhường nào.

Theo lời khuyên của Herder. Goethe đã sáng tác bài thơ *Hoa hồng trên đồng nội* (Heidenrõslein) dựa theo bài dân ca *Bông hồng nhỏ xinh trên đồng nội* (Rõslein auf der Heide). Qua nét bút của thi sĩ Goethe lời thơ uyển chuyển hơn, từ chỗ chỉ là bông hồng đã trở thành thân phận con người-thân phận một cô gái:

Chàng trai hối hả chạy tới gần,
Bao niềm vui sướng cứ trào dâng,
Ôi bông hồng nhỏ, bông hồng nhỏ,
Sắc đỏ tươi ngời trên đồng xuân.

Chàng trai khẽ nói: Anh ngắt hoa
Hoa hồng tươi thắm trên đồng ta !
Hoa nhỏ đáp rằng : Gai đâm buốt,
Cho chàng mãi mãi nhớ về hoa !

(*Trần Đương dịch)

Năm 1772, Goethe đến thực tập tại Tòa án tối cao ở thành phố Wetzlar. Tại đây chàng sinh viên mới tốt nghiệp Goethe yêu say đắm nàng Charlotte Buff. Khi Goethe biết được người mình yêu đã đính hôn với chính bạn của mình Kestner thì tâm hồn chàng bị chấn động mạnh. Thất vọng về nghề nghiệp và thất tình làm cho Goethe nhanh chóng rời thành phố Wetzlar, trở về thành phố quê hương Frankfurt am Main .

* Thơ của Goethe in trong tập Thơ trữ tình Johann Wolfgang Goethe , Trần Đương dịch và giới thiệu, NXB Văn học , Hà Nội, 1999

** Nỗi đau của chàng Werther*

Mối cảm tình với Maximiliane Brentano và tin anh bạn luật sư Jerusalem tự tử đã phần nào giúp Goethe giải tỏa những day dứt trong thời gian sống ở Wetzlar để lại trong tâm trí chàng. Phải mấy năm trôi đi, năm 1774, Goethe mới tự giải thóat được mình bằng cuốn tiểu thuyết thư tình *Nỗi đau của chàng Werther* (Die Leiden des jungen Werthers). Goethe đã cắm cúi miệt mài viết liền trong ba tháng hòan thành cuốn tiểu thuyết. Cuốn tiểu thuyết có thể so sánh như một cuốn nhật ký, như một sự thú nhận của tác giả, như một sự xám hối để giải tỏa tâm hồn. Đây là một cuốn tiểu thuyết chứa trong mình đầy ắp chất thơ cùng kịch tính.

Bộ ba Werther, Lotte, Albert là ba nhân vật chính của tiểu thuyết tình này. Werther rơi vào cảnh giằng xé giữa nhiệt thành và sự thật, giữa bầu nhiệt huyết của tình yêu và những ngăn cách do hòan cảnh qui định. Và chính sự giằng xé đó làm cho Werther tự hủy hoại mình. Lotte trẻ đẹp, đầy sức sống , nàng có thiện cảm với Werther, nhưng nàng cư xử với chàng có khỏang cách , vì nàng đã đính hôn với Albert. Werther biết mình phải tôn trọng cả Lotte lẫn Albert vì họ đã đính hôn, nhưng chính khỏang cách kia lại có lực hấp dẫn mãnh liệt và nó thôi thúc con tim. Thất vọng chán chường trong nghề nghiệp, Werther chỉ còn con đường trở về với đời sống tình cảm, nhưng với ai ! Lotte giờ đây đã là thiếu phụ. Con đường tất yếu chỉ là con đường tự vẫn ! Chỉ có nó mới giải thóat cho chàng mọi bế tắc ! Werther là con người tình cảm, thay vì dùng lý trí để giải quyết bế tắc, chàng lại dùng lòng cao thượng , lại nhấn mạnh tình cảm.

Nỗi đau của chàng Werther là một cuốn tiểu thuyết tâm lý xã hội. Lồng trong bi kịch tình yêu của Werther là tâm trạng khát vọng giải phóng tình cảm, khát vọng về quyền tự do, quyền bình đẳng giữa các đẳng cấp trong xã hội thời bấy giờ. Cái chết của nhân vật chính Goethe phản ánh xu thế của cả một thời đại đang cố vượt ra khỏi những ràng buộc trong tình cảm cùng cách ứng xử

phong kiến, để vươn tới một thời kỳ mới- thời đại của thế kỷ Ánh sáng mà người đang giương cao ngọn cờ là giai cấp tư sản đang lên.

Nỗi đau của chàng Werther bắt nguồn sâu xa từ chính hiện thực của giai cấp tư sản Đức. Tác phẩm đã bắt đúng mạch sống thời đại, phản ánh đúng tâm trạng của lớp thanh niên đương thời : mâu thuẫn giữa lý tưởng và hiện thực. Tác phẩm trở thành một sự kiện trong đời sống tinh thần của thanh niên trí thức không những ở Đức, mà còn là các nước khác thông qua bản dịch và làm bùng cháy mãnh liệt ngọn lửa của *Bão táp và Xung kích* ở Đức. Tác phẩm trở thành một tiếng nói có sức hấp dẫn lớn trong trào lưu *Nhân văn chủ nghĩa* trong văn học châu Âu thế kỷ XVIII, qua tác phẩm, Goethe trở thành nhà văn nổi tiếng châu Âu. "Cơn sốt Werther" hình thành trong tầng lớp thanh niên, họ bắt chước sống nhiệt thành như Werther, còn nữ giới thì "muốn được yêu " như Lotte. Lớp trẻ lại còn muốn biến văn thơ thành hiện thực. Vì vậy, có những nơi nhà chức trách phải ra lệnh cấm lưu hành cuốn tiểu thuyết để ngăn ngừa thanh niên tự vẫn như Werther. Có ít tiếng vang hơn cuốn tiểu thuyết thư tình là vở kịch *Gõtz von Berlichingen* mà Goethe viết năm 1773.

* Tiểu thuyết dịch sang tiếng Việt là Nỗi đau của chàng Vecte , Quang Chiến dịch, Hòang Trinh giới thiệu, NXB Văn học, Hà Nội, 1982

Johann Wolfgang Goethe,
nhà văn của văn học Cổ điển

Nhận lời mời của công tước Karl August, tháng mười một năm 1775, Goethe tới Weimar và ông ở lại đây cho tới khi qua đời năm 1832. Khỏang thời gian 1775-1832 là thời gian Goethe sáng tác những tác phẩm lớn và quan trọng trong sự nghiệp sáng tác của mình. Công tước Karl August giao cho Goethe nhiều trọng trách như Gíam đốc ngành khai thác mỏ, Gíam đốc ngành xây dựng cầu đường và tin tưởng Goethe tới mức giao cho ông làm Bộ trưởng chiến tranh , Bộ trưởng tài chính. Goethe càng gắng sức làm việc với hy vọng đưa công quôc Weimar cường thịnh thì càng gặp phải sự phản ứng quyết liệt hơn của tầng lớp qúy tộc. Goethe cảm nhận thấy không khí căng thẳng nặng nề do những mâu thuẫn về quyền lợi giữa quý tộc với những cải cách xã hội cải thiện đời sống cho đẳng cấp Thứ ba. 1786, Goethe bí mật bỏ Weimar đi du lịch Karlbad, Brenner, Verona, Vicenza, Padua, Venedig, Bologna, Rom, Neapel, Paestum, Sizilien, Florenz.Chuyến đi du lịch nghiên cứu nghệ thuật tạo hình cổ đại Hy Lạp và hội họa phục hưng Ý là bước ngoặt chuyển biến lớn và là bước đầu tiên chuyển sang của khuynh hướng cổ điển ở nơi đại văn hào Goethe. Khi chuyển về Weimar năm 1775, Goethe có làm quen với Charlotte von Stein, Wieland, Bertuch, Musãus... Sau hai năm đi du lịch, năm 1788 Goethe trở lại Weimar , ông cắt đứt quan hệ với Charlotte von Stein và sống chung với Christiane Vulpius. Cũng năm 1788 Goethe gặp Schiller ở Rudolstadt và cũng từ đây ông thôi mọi chức trách ở cung đình Weimar để chuyên tâm sáng tác.

Trong khi Schiller chịu ảnh hưởng triết học của Kant, thì Goethe lại chịu ảnh hưởng triết học của Spinoza, chịu ảnh hưởng những nhà tư tưởng tiến bộ Pháp như Voltaire, Roussaeu. Tháng bảy năm 1794 Goethe kết bạn với Schiller. Tình bạn giữa hai đại văn hào đã đánh dấu một thời kỳ sáng tác sung mãn do những khích lệ , động viên lẫn nhau giữa hai người. Schiller và Goethe thường xuyên viết thơ gợi mở cho nhau những ý tưởng mới , thôi thúc nhau trong sáng tác. Do vậy, Goethe viết tiếp Faust I và cho xuất bản năm 1808 . Rồi viết Faust II cho tới cuối đời.

Những tác phẩm quan trọng của Goethe trong thời gian ở Weimar là *Iphihenie auf Tauris, Torquato Tasso, Egmont, Những năm học nghề của Wilhelm Meisters , Hermann und Dorothea, Wahlverwandtschaften, Thi ca và sự thật, Những năm hành nghề của Wilhelm Meisters , Faust I và II* . Ngòai sáng tác,Goethe còn viết nhiều về lý luận nghệ thuật như *Laokoon* (1798) , *Về sự thật và dường như thật của tác phẩm nghệ thuật* (1797-1798), *Về đối tượng của nghệ thuật tạo hình*(1797), *Nghiên cứu của Diderot về hội họa* (1799) .

Con đường phát triển tài năng và tự hòan thiện mình của Goethe không phải là một con đường thẳng đi lên, mà nó có những khúc quanh để nhìn lại mình và để định hướng cho việc nâng tầm cao giá trị nghệ thuật và giá trị tư tưởng của các tác phẩm. Có bốn mảng lớn trong sự nghiệp của Goethe là thơ, tiểu thuyết , kịch, lý luận văn học nghệ thuật. Goethe cho rằng, "tác phẩm cho ta một cuộc sống cao hơn", điều đó có nghĩa là tác phẩm phản ánh cái đặc biệt, nhưng cũng chính là phản ánh cái phổ biến nhất, bao quát nhất. Qua đó ta thấy chân lý trong tác phẩm cao hơn chân lý của thực tiễn, nó là chân lý mà ta mong đợi,đòi hỏi ở những kiệt tác. Tiểu thuyết của Goethe đề cập thẳng vào vấn đề cuộc đời, số phận con người, đã phản ánh được tâm trạng con người của thời đại, đã *dự cảm được cuộc đời.* Ở thời kỳ Bão táp và Xung kích có khuynh hướng nhấn mạnh mặt tình cảm thì Goethe có *Nỗi đau của chàng Werther.* Đó là một tiểu thuyết bi kịch , tác giả chỉ cho thấy mâu thuẫn và khó khăn mà cá nhân Werther không sao khắc phục và vượt qua được .Khi con người cần nhận thức được ý nghĩa và khuynh hướng của việc mình làm để có thể hòa vào nhịp phát triển của xã hội thì Goethe có tác phẩm *Những năm học nghề của Wilhelm Meister* (1796). Goethe đã đi từ chủ nghĩa duy cảm đến chủ nghĩa hiện thực ở Đức thế kỷ XVIII. Thơ chiếm một vị trí đặc biệt trong cuộc đời sáng tác của Goethe, vì thơ ông giãi bầy tâm sự cùng những trải nghiệm trong tâm hồn nhà thơ, là "những mảng của một sự thú nhận lớn". Thơ của Goethe phản ánh được tình cảm, tư tưởng tiến bộ của giai cấp tư sản, thơ ông kết hợp được nhuần nhuyễn yếu tố trữ tình với yếu tố trí tuệ sâu sắc.
Đặc điểm của trào lưu Bão táp và Xung kích là đi từ chỗ nhấn mạnh *tình cảm con người đến đấu tranh đòi quyền tự do và quyền phát triển mọi mặt.*

Những vở kịch tiêu biểu của Goethe là Gõtz von Berlichingen (1773), Iphigenie auf Tauris (1787), Egmont(1788), Torquato Tasso (1790), Faut I và II (1808 và 1832)

Chủ đề tự do được Goethe đề cập tới trong hai vở kịch *Gõtz von Berlichingen* (nhân vật nổi lọan) và *Egmont* (cá nhân anh hùng). Xung đột giữa tài năng và cuộc sống được Goethe đề cập tới trong tác phẩm *Torquato Tasso*. Những vấn đề Goethe nêu trong ba vở kịch trên đều là những vấn đề lớn của thời đại ông.Vấn đề muôn thưở của con người là phải hoạt động không mệt mỏi nhằm chinh phục và cải tạo thiên nhiên và để nó phục vụ đời sống con người được Goethe đề cập tới trong kiệt tác *Faust*. Ở Faust ta cũng thấy bóng dáng con người Goethe. Trong kịch của mình,Goethe đã đi từ tình cảm đến lý trí, từ cá nhân một người tới vấn đề lớn của nhân lọai.

** Faust*
Từ truyện dân gian về Faustus đến Faust của Goethe

Faust – con người có thật

Georg Faustus – một người theo sổ sách ghi chép tên là Helmstãdter,sinh năm 1480 ở Knittlingen vùng Wũrtemberg, vùng tây nam nước Đức.

Anh chàng kỳ lạ bán thuốc rong ở các chợ, bán thuốc bằng cách biểu diễn những trò qủy thuật, cứ như vậy anh lang thang khắp các vùng Heidelberg, Nũrnberg, Erfurt, Wittemberg. Anh chàng bán thuốc rong này biết khiến qủy thần và dùng thuật ấy để kiếm tiền và mang lại cho mình danh tiếng. Anh ta biết xem tướng và tự coi mình ngang với cha xứ vùng Bamberg- một vị cha mà hồi đó rất được kính nể. Anh ta bị coi như là kẻ thân của qủy thần, kẻ làm qủy thuật và bị đuổi khỏi Nũrnberg.
Georg Faustus mất năm 1536 ở Staufen vùng Breisgau. Người đương thời kể về Faustus vừa kinh hòang, vừa khâm phục.

Hình tượng Faust trong văn học và trong dân gian

Vào năm 1550 lan truyền trong dân gian câu chuyện huyền thọai về một con người dám tự ý đi theo con đường nhận thức riêng của mình , bị nhà chúc trách từ chối, rơi vào tay qủy sứ và chết thảm hại dưới địa ngục. Người thợ in Spiess ở Frankfurt được tỉnh trưởng vùng Speyer là

Andreas Frey kể cho nghe về con người đó. Joh. Spiess viết lại và cho in năm 1587. Cuốn sách được dịch sang tiếng Anh năm 1588, dịch sang tiếng Pháp và tiếng Hà Lan năm 1592 và sang tiếng Tiệp năm 1611.

Cuốn sách Câu chuyện về tiến sĩ Faustus của Spiess đã gây được rung cảm và tính phiêu lưu hiếu kỳ ở người đọc nên sách được tái bản nhiều lần.

Sách được một tác giả người thành phố cảng tự do Hamburg là Widman biên sọan thêm và cho xuất bản năm 1599. Bác sĩ Pfitzer người thành phố Nũrnberg cũng biên sọan một cuốn sách về Faust vào năm 1674. Năm 1712 một bản ngắn gọn hơn của con chiên ngoan đạo Meynenden tới tay bạn đọc với nhấn mạnh,rằng cuốn sách được biên sọan lại từ sự ngưỡng mộ đạo Thiên chúa, một sự cảnh cáo cái kiêu căng về hiểu biết và về sự tự nhận thức của Faust về cá nhân mình.

Tại sao lại như vậy ?

Nhà thờ thấy ngay hiểm họa ở nhân vật Faust này. Faust theo nghĩa đen của từ là nắm tay, *qủa đấm,* nhưng theo nghĩa bóng thì nó ám chỉ sự tự lập, tự quyền, quyết tâm tiến tới, trong ngôn ngữ giao tiếp thì nghĩa bóng là *nói tọac* ra. Nhà thờ cho sự khao khát hiểu biết và lòng say mê hành động là kết qủa của việc kết bạn với qủy dữ, chúng coi những môn khoa học tự nhiên cùng những kiến thức khoa học của Kopernikus, Gallilei, Darwin là những ý nghĩ bạo động thóan nghịch chống lại nhà thờ, những ý nghĩ đó là sản phẩm của qủy sứ.

Đề tài Faust và sự phát triển của nó tới thời Goethe

Năm 1590 ,nhà văn người Anh Christopher Marlow đã sử dụng cốt truyện Faust cho bi kịch anh hùng của mình: Con người tư sản trỗi dậy mang tính nhân văn đã được đưa vào kịch. Nhà văn có thiện cảm mãnh liệt với con người ấy đã để Faust kết thân với qủy Mephisto là do thèm khát hiểu biết và muốn vươn tới sức mạnh trí tuệ, do muốn hành động. Wilhelm Mũller dịch kịch bản Faust của Christopher Marlow ra tiếng Đức, Archim Arnim viết lời giới thiệu. Goethe đã đọc kịch bản ấy và ca ngợi đó là một kịch bản tuyệt diệu, vĩ đại. Năm 1650 ,kịch bản Faust ấy được đưa lên sân khấu búp bê(Pupentheater) ở Đức. Về buổi xem Pupentheater ấy, Goethe viết trong tập *Thi ca và sự thật* như sau:

" Cốt truyện chẳng có gì quyến rũ lắm ấy cứ sống lại trong tâm hồn tôi với những nét đa dạng."

Faust theo suy nghĩ của người đương thời là một chàng trai tinh qúai, một người hiến thân cho qủy và chứa đựng trong người những cái ghê tởm,đầy mâu thuẫn. Ở con người ấy có cả cái gương mẫu lẫn điều kinh khủng , nơi diễn ra cuộc chiến đấu không thừa nhận tất cả những gì là lạc hậu. Trước Goethe , các nhà văn như Lessing, Grabbe, Lenau và cả nhà thơ Heine(Tanzpoem) đã viết kịch bản theo chất liệu Faust. Trong số đó đáng lưu ý là hai kịch bản của Lessing. Với ý nghĩ đề cao sự tìm tòi hiểu biết của con người, muốn tả người anh hùng tư sản, Lessing viết về Faust lần thứ nhất năm 1755. Faust ở đây ham nghiên cứu do động lực cá nhân và từ nghị lực của bản thân, không từ bỏ con đường khoa học, kết thân với qủy sứ để rồi nghiên cứu nó bằng khoa học. Năm 1767, Lessing viết kịch bản Faust lần thứ hai, Lessing muốn viết một vở kịch Faust không có chuyện ma qủy, một vở kịch mà Faust không bị qủy bắt mất hồn vì tội cả gan nghiên cứu khoa học, và chính vì Faust nghiên cứu khoa học nên chỉ bị đưa ra xử công bằng trước chúa.

Tại sao Lessing lại có hai lý giải cho kịch về Faust ?

* J.W.Goethe, Faust I và II, Đỗ Ngọan dịch, NXB Văn học và Trung tâm Nghiên cứu văn hóa quốc tế, 1995

* J.W. Goethe, Faust, Quang Chiến dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 2001

Thời Lessing , công việc đi tìm sự thật là một động lực có tính thần thánh ở con người, dù anh ta có lẩm cẩm đi chăng nữa thì cái cố gắng muốn vươn lên vẫn là một đặc tính đã xác định ở con người. Trong thế kỷ XVIII ở Đức người ta rất ham say với công việc nghiên cứu và sáng tạo. Cũng trong thời gian này, còn nhiều vấn đề chưa được giải thích thỏa đáng , con người chỉ còn trông chờ vào sức mạnh siêu nhiên: thần thánh hay ma qủy.

Nhân vật Faust thỏa mãn được nhu cầu gì của xã hội đương thời ?

a/ Faust: kịch hay trường ca

Faust là một kiệt tác của văn học thế giới và thường được đưa lên sân khấu kịch, nhưng bản thân tác phẩm gồm 12.111 câu nên vượt quá khuôn khổ của kịch, về mặt nào đó có thể xem Faust là trường ca.

Khi bàn về Faust, trong thơ Schiller viết gởi Goethe ngày 23.6.1796 có đọan:
" Tính chất hai mặt của cá tính con người và sự cố gắng bất hạnh nó lại hợp nhất cái thần thánh và cái rất con người ở ngay trong cơ thể con người, điều đó người ta không thể bỏ qua được,vì rằng cốt truyện không và không phải đi theo một thể lọai văn học nào cả, nhưng nó lại đi và phải đi tới ánh sáng chói chang của chân lý, do đó người ta không nên dừng lại ở đề tài câu chuyện, mà nó cần đi xa hơn nữa, tới tư tưởng của tác phẩm.

Nói tóm lại, những yêu cầu về vở kịch Faust vừa có tính triết học , vừa có tính thi ca. Để đạt được cả tính triết học lẫn tính thi ca nên Goethe đã xử dụng cả văn vần và văn xuôi trong kịch Faust (cảnh 23 , Faust I viết bằng văn xuôi), tác giả xử dụng cả qủy cùng những nhân vật trong thần thọai Hy Lạp , xử dụng cả đối thọai triết học lẫn khúc ca trữ tình. Tác phẩm Faust trở nên rất độc đáo vì phương tiện văn chương biến đổi linh họat, nội dung phong phú: đề cập tới tòan bộ lịch sử nhân lọai, vì tính triết lý trong việc diễn tả hai mặt trong cá ính con người.

b/ Hiện thực xã hội và hình ảnh nhân vật Faust

Xã hội Đức đương thời chứa đựng đầy mâu thuẫn. Giai cấp tư sản Đức do không có một trung tâm kinh tế và chính trị cho tòan quốc nên đã phản bội phong trào nông dân và dân nghèo thành thị, chúng bắt tay cấu kết với bọn phản động chúa đất để đàn áp phong trào. Trên thế giới , việc phát hiện ra các vùng đất mới và những hiểu biết về các lĩnh vực khoa học mới đã đem lại tinh thần mới ; Trong khi đó, ở nước Đức hình ảnh sợ hãi trước sao định mệnh , qủy thuật và địa ngục hãy còn trong tâm trí mọi người. *Hiện tượng Faust* làm rộng vang ở mọi người cái vấn đề lâu nay đang còn tranh cãi: Những gì không đúng như thế lực Nhà thờ quan niệm thì đó là ma qủy !

Ở thời kỳ Khai sáng của Đức có một nhu cầu bức thiết, phải kế thừa bằng được những truyền thống tiến bộ của dân tộc mình, cũng như truyền thống tiến bộ của dân tộc khác, đưa nó vào văn học để phục vụ hiện tại. Chính do vậy, nên cũng dễ hiểu , *chất liệu như Faust* được đề cập tới. Faust mang trong mình những nét giống nguyện vọng của giai cấp tư sản Đức đang đà phát triển, đang trong cuộc đấu tranh giành công nhận bình đẳng về giá trị con người,công nhận quyền bình đẳng về chính trị.

Faust – tâm trạng của đại văn hào Goethe – tâm trạng của thời đại

Faust I xuất bản năm 1808. Goethe hòan thành Faust II ngày 22.7.1831. Goethe sáng tác Faust I khi đang ở tuổi thanh niên, ở tâm trạng chán ghét muốn nổi lọan chống lại "sự cùng khổ Đức".Đó là tâm trạng của các nhà văn và thế hệ thanh niên phong trào Bão táp và Xung kích. Faust I là kiểu nhân vật khổng lồ Promethus , có tâm trạng phản kháng, muốn thóat khỏi cuộc sống ngột ngạt đi tìm chân lý và lẽ sống. Bóng dáng xã hội hiện lên rõ nét với *Motiv cô gái chửa hoang* trong bi kịch tình yêu của Faust với Margrette (Gretchen): cả hai đứng trước những khó khăn do chính hòan cảnh cuộc sống tạo ra, do vị trí của từng người trong xã hội; Họ bị ràng buộc bởi Trật tự và Đạo lý phong kiến.

Margrette đành cam chịu:

" Thôi rồi những ngày hớn hở
Giờ đành cam phận đời ta !

Faust II được bắt đầu khi Goethe đã năm mươi tuổi và hòan thành một năm trước khi Goethe ra đi vào cõi vĩnh hằng – vào năm ông 82 tuổi. Ở Faust II, Faust không còn là con người đi tìm những lạc thú trần gian, giờ Faust chỉ muốn hành động giúp ích cho đời. Faust II phản ánh xu thế xã hội đương thời: sự suy vong của xã hội phong kiến và sự hưng thịnh của chủ nghĩa tư bản. Ý tưởng mà Goethe gởi gắm ở nhân vật Faust nó phù hợp với xu thế thời đại, phù hợp với mong đợi của người dân, biểu thị xu hướng đang lên của giai cấp tư sản – một lực lượng tượng trưng cho sự tiến bộ xã hội thời bấy giờ.
Faust làm cho người ta liên tưởng ngay đến hòan cảnh dân tộc Đức đương thời, nó cần một giải thóat khỏi cảnh cùng khổ của Đức. Tác phẩm Faust đã đề cập tới vấn đề lớn của nhân lọai: cải tạo và chinh phục thiên nhiên.

c/ Con người là như thế :ông thánh con-con qủy

Con người là lọai "động vật cao cấp" và ở trong mỗi con người chúng ta đều có hai mặt của cá tính con người: "bản năng cao thượng" –ông thánh con và "bản năng thấp hèn"- con qủy. " Bản năng thấp hèn" luôn là thách đố chính bản thân con người, nó tạo ra "cái cắc cớ" bắt con người phải suy nghĩ,đấu tranh nội tâm, nếu vượt được thì tự nâng được mình lên tầm cao mới, không thì cứ trượt dài dài trên con dốc mà không sao dừng lại được!

Ông thánh con ở đây chính là Faust –"bản năng cao thượng" và con qủy ở đây là những cám dỗ mời đón của qủy Mephisto-" bản năng thấp hèn". Faust tiêu biểu cho yếu tố tích cực ở con người, luôn tìm cách vươn lên, vượt những trở ngại đời thường để có một cuộc sống hữu ích. Mephisto tiêu biểu cho yếu tố tiêu cực ở con người, luôn trì trệ, bị chi phối bởi những phương tiện trong cuộc sống như ăn uống, sắc dục.

Trong Faust dân gian, Faust chết một cách bi thảm. Đó là lời răn đe cảnh tỉnh những ai không theo đúng những giáo lý của nhà thờ Thiên chúa giáo. Goethe đã đưa ra cách nhìn từ góc độ nghĩa vụ của người nghệ sĩ trong các mối tương quan giữa truyền thống và những đòi hỏi của thời đại nên Goethe đã để các thiên thần xuống đón linh hồn Faust lên Thiên đường. Qua đó Goethe khẳng định: Thiện sẽ thắng Ác, Hành động thắng sức ỳ trì trệ. Và đó chính là câu trả lời-hướng giải thóat khỏi cảnh cùng khổ của Đức. Cũng chính vì thế mà nhà thơ Heine gọi:

" Faust là Kinh thánh cuộc đời của dân tộc Đức."

Nhà triết học Đức, Friedrich Wilhelm Joseph Schelling đánh giá Faust là "tinh túy trong sáng nhất, sâu sắc nhất của thời đại, được tạo ra từ những gì mà tòan bộ thời đại chứa đựng và cả những gì thời gian sẽ còn chứa đựng."

LƯƠNG VĂN HỒNG

ĐẾN ẢI CHI LĂNG ĐỌC LƯƠNG CHÂU TỪ

NGUYỄN KHÔI

Ờ, đây là Ải Chi Lăng
Nơi Vua Lê chém Liễu Thăng một chiều
Đà đao một nhát tuyệt chiêu
Vạn tên bỏ xác bên đèo Mã Yên
Nghìn năm chống giặc bao phen
Bớ quân xâm lược chớ quên Ải này !

-Nguyễn Khôi
19-2-1996

Tháng 2, hoa Mộc Miên đỏ rực trời biên giới Việt-Trung, khách du vãng cảnh lòng bật lên một "tứ" thơ Đường : "Đình xa tọa ái phong lâm vãn/ Sương diệp hồng ư nhị nguyệt hoa"-Dừng xe chiều ngắm rừng Phong thẳm/ Lá đỏ hơn hoa giữa tháng hai- Đỗ Mục.

Đến Ải Chi Lăng rồi lên Ải Nam Quan (Hữu Nghị Quan) thế là ta lại "xuất tái".Lý Bạch xưa với "Quan sơn nguyệt" đã than thở :" Do lai chinh chiến địa/ bất kiến hữu nhân hoàn."-Xưa nay người ra trận/ chẳng thấy có ai về"..Cũng mảng thơ "biên tái" này, Thi sĩ cùng thời với Lý Bạch là Tiến sĩ Vương Hàn (687-726) đã để lại một thiên Tuyệt cú "Lương Châu Từ" bất hủ:

Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi
Giục ẩm Tỳ Bà mã thượng thôi
Túy ngọa sa trường Quân mạc tiếu
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi

Viết tại Lương Châu -713

Dịch:

Bồ Đào rượu ngát chén lưu ly
Toan nhắp Tỳ Bà đã giục đi
Say khướt sa trường , anh chớ mỉa
Xưa nay chinh chiến mấy ai về.

(Trần Quang Trân)

Lương Châu xưa thuộc Tây Vực,nơi tranh chấp Hán/Hồ (nay ở giữa Tp Lan Châu và Vũ Uy, tỉnh Cam Túc) là vùng chiến địa (sa trường)."Khúc Lương Châu" theo Nhạc Uyển thì "Lương Châu cung từ khúc" là điệu hát do Tây Lương Đô đốc Quách Chi Vận dâng lên Vua Đường Minh Hoàng". Vương Hàn khi đó đang giữ chức Viên Ngoại Lang (cỡ Vụ phó) bị biếm trích ra chiến trường Lương Châu...Ông đã từng chứng kiến sự ăn chơi xa hoa của Vua tôi triều đình Tràng An, nay lại trực tiếp tham dự bữa tiệc tiễn đưa , úy lạo tướng sĩ nơi Quan ải trước khi xuất chinh; có âm nhạc, dàn nhạc theo kiểu Tây Vực (người Hồ) để khích lệ Tướng sĩ.

-Bồ Đào mỹ tửu là loại rượu Nho ngon ởTây Vực.

-Dạ quang bôi : thứ chén Bạch Ngọc do Vua Tây Vực cống Vua Đường, ban đêm đem soi lên trời thì thấy trong chén như có nước sóng sánh.

-"Tỳ Bà mã thượng" là một cụm từ chỉ việc đánh đàn Tỳ Bà trên lưng ngựa (cách biểu diễn của người Tây Vực.) "Mã thượn thôi" là lè lẹ lên (ý giục giã).

Theo Gs.Ts Mai Quốc Liên thì "mấu chốt vấn đề nằm ở chữ "thôi", có thể hiểu theo 2 cách :- "thôi xúc" = giục giã ra trận.-"cấp xúc đích tiết tấu" =thanh điệu gấp (mới là giục thôi, chứ chưa đi). Hình tượng thơ : Vị Tướng quân tráng sĩ vừa nâng chén, toan uống thì tiếng đàn giục sôi lên (khích lệ xuất quân).Rượu đi vói nhạc.Tráng sĩ đã say, lăn đùng ra bữa tiệc và tự nói (chữa thẹn) một cách hài hước "Túy ngọa sa trường..." ở nơi chiến địa này, ta có say lăn ra thì cũng (thông cảm) chớ có cười, bởi vì xưa nay ra trận có mấy ai trở về đâu ? ! Bi, một chút hài và cả tráng liệt nữa ,đó là những sắc thái thẩm mỹ của bài thơ." Có ý kiến khác bình là "Đấng Nam nhi ở đây được đặt trong tình thế "lưỡng nan" : một bên là "Bồ Đào mỹ tửu". một bên là "giục ẩm tỳ bà mã thượng"- 2 câu đầy chất ước lệ, nó tạo dựng kịch tính không chỉ của một người (Tráng sĩ) mà của cả thời đại."Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi" là cuộc sống phồn hoa ở Kinh đô Tràng An mua cười nghìn trận của kẻ bề trên, còn trên lưng ngựa với tiếng Tỳ Bà réo rắt của kẻ bề dưới chỉ biết tuân lệnh (bị) giục đi (hi sinh) bảo vệ cuộc sống Đế vương của Đường Minh Hoàng -Dương Quí Phi ? Đi đâu ? câu thơ bỏ ngỏ, mai phục...đi để làm gì ? câu thơ không nói (ý taị ngôn ngoại) " -Lương Châu từ" đạt đến độ "kinh nhân" trong ngữ pháp riêng biệt của thi phẩm bất hủ là vậy !

Chao ôi, lên Ải Chi Lăng vào ngày 19-2, nơi sa trường xưa nay của nước Việt ta, dừng chân bên Đèo Mã Yên đọc "Lương Châu Từ"...lòng nao nao xúc động trong cái khí phách hào mại của Thi phẩm ca từ toát lên những tình cảm đau thương của một thời chiến chinh nơi biên cương ngàn đời của Tổ Quốc.

Lạng Sơn 19-2-1996
Hà Nội 20-6-2011

NGUYỄN KHÔI

PHAN KHÔI

TRONG BỐI CẢNH VĂN HỌC

TỪ THỜI CHIẾN SANG THỜI BÌNH 1954-1958

THÁI KẾ TOẠI

Bối cảnh chính trị và văn học miền Bắc sau 1954

1.Bối cảnh chính trị

Đêm ngày 20 rạng ngày 21-7-1954 Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương kết thúc. Ngày hôm sau, từ lúc 0 giờ Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam ra lệnh ngừng bắn trên chiến trường Việt Nam.

Ngày 10-10-1954 Ủy ban quân chính và quân đội tiếp quản thành phố Hà Nội. Hồ Chủ tịch và chính phủ trở về thủ đô. Trong phạm vi 300 ngày chuyển quân tập kết do Hiệp định quy định, lần lượt sau đó Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa tiếp quản các thành phố, thị xã, nông thôn từ vĩ tuyến 17 trở ra phía Bắc. Việc tiếp quản kéo dài đến tận 16-5-1955, quân đội Pháp rút quân khỏi vị trí cuối cùng, đảo Cát Bà.

Như vậy miền Bắc bước vào một giai đoạn mới, chuyển sang xây dựng đời sống hòa bình và thực hiện Hiệp định Giơnevơ để tiến tới Tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

Việc xây dựng đời sống hòa bình bao gồm những công việc như thành lập chính quyền các cấp, các tổ chức xã hội, ban hành các chế độ chính sách, hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, cơ sở hạ tầng, củng cố quân đội...

Việc thực hiện Hiệp định Giơnevơ bao gồm các công việc rút quân khỏi những vùng của đối phương, di chuyển cư trú theo nguyện vọng (miền Bắc gọi việc di chuyển cán bộ và gia đình cán bộ khỏi miền Nam là tập kết, miền Nam gọi việc di chuyển giáo dân, dân chúng khỏi miền Bắc là di cư), lập ranh giới tạm thời tại vĩ tuyến 17 sông Hiền Lương tỉnh Quảng Trị...

Trong khi thực hiện hai nhiệm vụ có tính chiến lược nói trên, có những trở ngại tác động tiêu cực tới đời sống xã hội, nhất là đối với Hà Nội và các đô thị. Về kinh tế xảy ra thiếu lương thực, khan hiếm thực phẩm, nạn đói đã xảy ra tại nhiều địa phương. Các chính sách mới như hộ khẩu, mậu dịch, bài trừ văn hóa cũ, một vài quan niệm tệ lậu của đời sống chiến khu vẫn áp dụng vào quản lý đời sống mới, gây ra những căng thẳng trong tâm lý dân cư, học sinh, trí thức cũ và một bộ phận mới, đã có nhiều người tự tử. Về thi hành Hiệp định Giơnevơ xảy ra những xung đột căng thẳng, như một bên lợi dụng Hiệp định cưỡng ép người di cư, một bên chống lại việc cưỡng ép, dẫn đến một số cuộc bạo loạn. Ở một số địa phương miền Nam, trong khi Ngô Đình Diệm đang củng cố chính quyền của họ đã xảy ra hiện tượng đấu tranh manh động dẫn đến bị đàn áp, đổ máu.

Một sự kiện hết sức đáng tiếc là dưới sức ép của Quốc tế cộng sản và cố vấn Trung Quốc, Đảng lao động Việt Nam đã tiếp tục phát động cuộc Cải cách ruộng đất đợt 4 từ 27-6 đến 31-12-1955, đợt 5 từ 25-12-1955 đến 30-7-1956. Những sai lầm của cuộc CCRĐ đã làm cho xã hội miền Bắc hết sức căng thẳng, tâm lý bi quan, lòng người ly tán, tạo ra những mâu thuẫn mới.

Cũng vào thời gian này, cuộc cải cách dân chủ lần thứ nhất đang lan rộng ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu mà sự kiện tiêu biểu là Đại hội lần thứ XX Đảng cộng sản Liên Xô công bố những tội ác của Xtalin và công bố đường lối chung sống hòa bình giải trừ quân bị.

Để khắc phục hậu quả của CCRĐ, Đảng LĐVN đã ra Nghị quyết TW 9, Nghị quyết TW 10 tháng 8-1956 với nội dung kiên quyết khắc phục sai lầm của CCRĐ, chỉnh đốn tổ chức, mở rộng tự do

dân chủ. Ngay lập tức chiến dịch sửa sai được thực hiện. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát biểu trước Quốc hội xin lỗi nhân dân và nêu rõ:

Một đảng mà giấu diếm khuyết điểm của mình là một đảng hỏng. Một đảng có gan thừa nhận những khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó vì đâu mà có và tìm mọi cách mà sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế mới là một đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính[(1)].

Tài liệu của Đại hội XX Đảng cộng sản Liên Xô được công bố. Trong bầu không khí đã giảm bớt căng thẳng, Tập san *Giai phẩm mùa xuân* bị cấm từ đầu 1956 được tái bản, *Giai phẩm mùa thu tập I, tập II, tập III* và tiếp theo ngày 20-9-1956 báo *Nhân Văn* ra đời...Những văn nghệ sỹ chủ trương hai tờ báo này gồm Nguyễn Hữu Đang, Văn Cao, Trần Duy, Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm, Đặng Đình Hưng, Tử Phác... Hưởng ứng *Giai Phẩm* và *Nhân Văn* còn có các báo *Trăm Hoa* của nhà thơ Nguyễn Bính, báo *Sáng Tạo* của nhóm nghệ sỹ điện ảnh với các nghệ sỹ Vũ Phạm Từ, Cao Nhị, Trần Công, Trần Thịnh, Phạm Kỳ Nam, Phan Tại, Phan Vũ.., tập san *Đất Mới* của nhóm giảng viên, sinh viên đại học Sư phạm, Tổng hợp Hà Nội gồm Văn Tâm, Phan Kế Hoành, Hà Thúc Chỉ, Bùi Quang Đoài, Cao Xuân Hạo, Phan Ngọc...

Như vậy phong trào NVGP là một trào lưu tư tưởng dân chủ xuất phát từ chính yêu cầu sửa chữa sai lầm, mở rộng dân chủ của Đảng Lao động Việt Nam. Ở giai đoạn này chưa đặt ra vấn đề đấu tranh thống nhất đất nước bằng phương pháp vũ trang. Khôi phục kinh tế miền Bắc vẫn là nhiệm vụ cấp thiết cho đến hết Kế hoạch 3 năm 1958-1960.

Việc chuyển hướng đấu tranh vũ trang cho cách mạng miền Nam chỉ thực sự rõ ràng từ khi có Nghị quyết 15 vào tháng 1-1959.

Trong suốt mấy chục năm qua có một cách lý giải nguồn gốc của Nhân Văn – Giai Phẩm ở trong và ngoài Việt Nam đã làm hại uy tín và thiện cảm đối với nó. Đó là việc gán cho nó động cơ chống đối, nhằm lật đổ chính quyền miền Bắc và Đảng lao động Việt Nam, phá hoại cuộc đấu tranh thống nhất đất nước. Những tiền đề văn nghệ của nó đã trở nên hung hãn sau những lời bình luận đầy kích động. Nếu sự thật của phong trào Nhân Văn – Giai Phẩm là như thế nó đã khó tồn tại và khó được gìn giữ trong ký ức của nhân dân cùng nhiều thế hệ văn nghệ sỹ Việt Nam.

2. Bối cảnh văn học

Tâm lý nói chung của nhân dân cũng như trí thức, văn nghệ sỹ, bộ đội sau khi về Hà Nội là hy vọng một sự thay đổi lớn về đời sống, thoải mái hơn về tư tưởng, hy vọng đó vấp phải một thực tế khắc nghiệt. Hầu hết văn nghệ sỹ từ vùng kháng chiến trở về đều lâm vào cảnh sống chật vật nghèo khổ.

Chúng ta không thắc mắc gì về cảnh sống chật vật trong kháng chiến. Bấy giờ, dù trèo rừng xanh, ăn mỗi ngày một miếng cơm cháy, người nào cũng vui lòng vì nghĩ rằng: trước mắt chúng ta, chỉ có hai chữ tự do hay nô lệ. Nhưng trở về Hà Nội, giữa những phố xá đầy lụa, tủ kính và ánh đèn xanh đỏ, có lẽ chưa bao giờ người nghệ sĩ cảm thấy cay đắng như lúc này.

Cần nói thẳng rằng ở một toà soạn báo văn nghệ, trong số tám biên tập viên có vợ, thì sáu người vợ đã thất nghiệp hay bán thất nghiệp.

Những trang giấy trắng đáng lẽ chỉ dùng viết những bài thơ, cũng đã bao nhiêu lần biến thành lá đơn xin việc. Nhưng những lá đơn ấy gửi đi, để rồi im lặng không nghe một tiếng trả lời.

Sự thực đã có những nhà văn viết đêm, không có một tách cà-phê để uống. Đã có những thi sĩ không làm thế nào mua được dăm điếu thuốc lá hút trong cơn nghiện. Và đã có một kịch sĩ bán chiếc đồng hồ đeo tay của mình để bồi dưỡng viết cho xong cuốn sách, nhưng sách in ra không đủ để chuộc lại đồng hồ.

Hữu Loan có thể nói cho chúng ta biết tình cảnh của anh hai năm nuôi vợ nuôi con đã chất đầy nợ trên vai gầy của người thi sĩ. Nằm trong bóng tối căn nhà nhỏ ngoại ô Hà Nội, khi không còn tiếng vợ kêu và trẻ con khóc, Hữu Loan chỉ mơ ước có một ngọn đèn dầu thức viết.

Văn Ký cũng có thể nói cho chúng ta biết tình cảnh của anh. Buổi sớm mai củ khoai luộc không có cho con ăn. Nghe tiếng con khóc mà đứt ruột.

Khoai không thể mua cho con, nói gì đến ước mơ có những con búp bê mang giá hai vạn đồng ở cửa hàng mậu dịch. Có một nhà văn, đau xót quá, viết vào nhật ký thế này: "Ừ nhỉ, người ta bày những con búp bê tóc vàng ấy trong ngăn tủ để làm gì? Tại sao người ta cứ muốn phô ra trước mắt những người cha một sự mỉa mai nhức nhói?" (2) .

Sự phân hóa trong văn nghệ sỹ đã diễn ra, đặc biệt là khoảng cách giữa lãnh đạo các hội, cơ quan văn nghệ với anh em quần chúng văn nghệ. Lãnh đạo đã có chế độ, tiêu chuẩn, được đi tham quan nước ngoài. Những cái hố ngăn cách giữa lãnh đạo văn nghệ và văn nghệ sỹ trước đây ngày càng rộng ra, gay gắt hơn, nhất là khi mà những tệ lậu cũ, chủ nghĩa bè phái, thói coi thường dân chủ không được khắc phục kịp thời.

Đã có những đánh giá không hài lòng với sự nghèo nàn, đơn điệu, quản lý gò bó, tuyên truyền một chiều, ảnh hưởng sâu rộng của chủ nghĩa Mao lên văn học kháng chiến. Yêu cầu đổi mới đề tài, cách viết không chỉ riêng ở văn học cũng bức bách với các lĩnh vực khác, âm nhạc, hội họa, sân khấu, điện ảnh... Một số tác phẩm mới của văn học, sân khấu, điện ảnh phương Tây và Liên Xô đổi mới mang lại cho văn nghệ sỹ - những người nhiều năm nay bị cách biệt với thế giới trong núi rừng kháng chiến - hy vọng về một chân trời của một nền văn nghệ mới.

Trong cuộc sống đô thị, con người kháng chiến biến đổi, những cái xấu mới xuất hiện, cái tệ lậu cũ sống lại, những mẫu người cơ hội, vụ lợi làm vẩn đục mối quan hệ đồng chí lâu nay vốn trong sáng.

Hoàng Cầm viết:

Tôi người làng quan họ
Ngập ngừng trở lại quê hương
Tiếng hát lại bắt đầu bậc giếng bờ mương
Sao em tôi chưa hồng sắc mặt

Xác lão Tiên dễ vùi chưa chặt
Lổm ngổm bò lên
Những lùm cây đen
Vẫn lò dò theo chân từng đôi đôi lứa lứa

Trời chưa sáng rõ
Sương mù úp xuống nương dâu
Tay người yêu e thẹn tìm nhau
Ai nhầm trói tay kẻ trộm
Bóng Tiên chỉ trùm khăn áo mới
Lại nghênh ngang đi tuần làng(3)

Văn Cao viết:

Những con người không phải của chúng ta
Vẫn ngày ngày ngày ngang nhiên sống

Chúng nó còn ở lại
Trong những áo dài đen nham hiểm
Bẻ cổ bẻ chân đeo tội ác cho người

Chúng nó còn ở lại
Trong những tủ sách gia đình
Ở điếu thuốc trên môi những em bé mười lăm
Từng bước chân các cô gái

Từng con đường từng bãi cỏ từng bóng tối
Mắt quầng thâm còn nhỡ mãi đêm

Chúng nó còn ở lại
Trong những tuổi bốn mươi
Đang đi vào cuộc sống
Như nấm mọc trên những thân gỗ mục

Chung quanh còn những người khôn ngoan
Không có mồm
Mắt không bao giờ nhìn thẳng

Những con mèo ngủ yên trên ghế
Trong một cuộc dọn nhà

Những con sên chưa dám ló đầu ra
Những cây leo càng ngày càng, tốt lá (4)

Hữu Loan viết:

Một điều đau xót
Trong chế độ chúng ta
Trong chế độ dân chủ cộng hoà
Những thằng nịnh còn
thênh thang
đất sống
Không quần chùng, áo thụng
Không thang đàn bà
Nhưng còn
thang lưng
thang lưỡi

Những mồm
không tanh tưởi
Ngậm vòi đu đủ
Trợn mắt
Phùng mang
Thổi vào rốn cấp trên
"Dạ, dạ, thưa anh…
Dạ, dạ, em, em…"
Gãi cổ
Gãi tai:
… anh quên ngủ
quên ăn
nhiều quá!

Anh vì nước
vì dân
hơn tất cả
từ trước đến nay

Chân xoa
và xoa tay,
Hít thượng cấp
vú thơm
như mùi mít

Gọi như thế là
phê bình cấp trên
kịch liệt
...

Chúng nó ở đâu:
Thối thóc thuế
Mục kho hàng
Phong trào suy sụp
Nhân dân mất cắp
đang giữa ban ngày
To cánh và to vây
Những ai
không
nịnh hót
Đi, mang cao
liêm sỉ con người
Chúng gieo hoạ, gieo tai
Kiểm thảo
hạ tằng
Còn quy là phản động!
(Cũng những thằng nịnh hót. Giai phẩm Mùa Thu tập II)

Không chỉ ở các thành viên Nhân Văn – Giai Phẩm, ở một số nhà văn khác cũng đã manh nha xuất hiện một khuynh hướng hiện thực mới, nhân văn mới về con người trong cuộc sống hiện tại. Và ngay lập tức họ cũng đã bị phê phán.

Đó là : Nguyễn Đình Thi với truyện ngắn *Đường về*
Nguyễn Tuân với tùy bút *Phở*
Tô Hoài với tiểu thuyết *Mười năm*
Kim Lân với truyện ngắn *Ông lão hàng xóm*
Sao Mai với *Thôn Bầu thắc mắc*
Xuân Thu *với Đêm lang thang*
Hữu Mai với truyện ngắn *Đôi mắt, Mất hết, Những ngày bão táp.*
Nguyễn Huy Tưởng với *Một ngày chủ nhật, Một phút yếu đuối*
Vũ Bão với tiểu thuyết *Sắp cưới*
Nguyễn Ngọc Tấn với truyện ngắn *Im lặng*
Nguyễn Thành Long với *Một trò chơi nguy hiểm*
Bùi Hiển với *Ánh mắt*
Văn Linh với tiểu thuyết *Mùa hoa dẻ*
v.v...

Như vậy, ở thời kỳ chuyển tiếp từ thời chiến sang thời bình sau 1954 có đòi hỏi thật sự về đổi mới văn học nghệ thuật cả về nội dung lẫn hình thức. Tức là cuộc sống đòi hỏi nhà văn phải có cách nhìn mới, nhìn thẳng vào những vấn đề của con người, của cuộc sống đang đặt ra và viết nó với cách viết mới. Đó là quy luật tất yếu. Sau này khoảng thời gian sau 1975 cũng xuất hiện tình trạng khủng hoảng sáng tác văn học và nhà văn Nguyên Ngọc với tư cách Bí thư Đảng đoàn HNVVN đã đưa ra bản *Đề cương đề dẫn văn học* như là một kiến nghị với Trung ương tìm cách tháo gỡ khủng hoảng đó.

Những văn nghệ sỹ khởi xướng, hưởng ứng và tham gia phong trào Nhân Văn - Giai Phẩm, do nhạy cảm, có cá tính mạnh mẽ, có thái độ dũng cảm, đã sớm phát hiện ra yêu cầu đổi mới đó và đi đầu như những người lính tiên phong.

Đã có người cho rằng sau này khi các tác gia Nhân văn - Giai phẩm được hoạt động công khai trở lại, văn đàn không thấy họ có tác phẩm ghê gớm như huyền thoại, tức là cũng "thường" thôi. Ý kiến này không hẳn chính xác, bởi vì Nhân Văn - Giai Phẩm xuất hiện với tư cách là một phong trào, hoặc có thể gọi là một "trường" văn học. Nó mới chỉ bắt đầu ở thời điểm sau 1954, đáng ghi

nhận ở thời điểm khai phóng này. Sau nữa nó có tác động vào tiến trình văn học miền Bắc trên nhiều phương diện với ý nghĩa tích cực. Còn việc từng tác gia có tiếp tục thể nghiệm thành công hay không, thành công đến mức nào, lại cần được xem xét ở những góc độ khác nhau.

Hoạt động và sáng tác của Phan Khôi

Theo Phan An Sa, con trai út của Phan Khôi, cho biết trung tuần tháng 10-1954 Phan Khôi cùng Ban Văn Sử Địa từ Đại Từ (Thái Nguyên) chuyển về Hà Nội. Đến cuối năm thì vợ, các con và các cháu của ông lần lượt tập kết ra Bắc(5).

Tuy đã ở xấp xỉ tuổi 70, Phan Khôi vẫn hoạt động trên nhiều lĩnh vực.

Ông tiếp tục công bố các thành quả nghiên cứu về Lỗ Tấn trên báo Văn nghệ (truyện ngắn *Khổng Ất Kỷ*, số 83 từ 25-31 tháng 8-1955; *Sự đấu tranh về văn học của Lỗ Tấn*, số 92 ngày 27-10-1955), trên báo Nhân Dân *(Lỗ tấn một đại văn hào Trung Quốc và thế giới*, ngày 28-8-1955). Ngày 30-10-1955 trong buổi kỷ niệm Lỗ Tấn, tổ chức tại Nhà hát lớn, ông được mời thuyết trình bài viết *Đời sống và sự nghiệp văn học Lỗ Tấn*. Cuối năm 1955 ông cho xuất bản cuốn *Tuyển tập tiểu thuyết Lỗ Tấn tập I* gồm 7 truyện do ông dịch. Đến giữa năm 1957 ông cho xuất bản tiếp *Tuyển tập tiểu thuyết Lỗ Tấn tập II* gồm 9 truyện.

Tháng 10 - 1956 ông cùng nhà thơ Tế Hanh đi Trung Quốc dự lễ Kỷ niệm 75 năm ngày sinh và 20 năm ngày mất của Lỗ Tấn. Bản tham luận và bài thơ *Tụng Lỗ Tấn* của ông được hoan nghênh nhiệt liệt.

Tại sao trong văn học Trung Quốc hiện đại ông chú ý nhiều đến Lỗ Tấn? Có một lẽ là ông thấy Lỗ Tấn có điểm gần với ông ở quan niệm văn học phải có sứ mệnh tranh đấu xã hội và cải biến dân trí của đất nước.

Tuy nhiên, Phan Khôi vẫn không tách rời việc nhận thức về Lỗ Tấn khỏi nhiệm vụ chính trị của Việt Nam lúc đó. Cuối bài *Đời sống và sự nghiệp văn học của Lỗ Tấn* nói chuyện ở cuộc lễ kỷ niệm Lỗ Tấn ngày 30-10-1955 tại thủ đô Hà Nội ông viết:

Hiện nay, kẻ thù trước mắt của chúng ta là ai? Là đế quốc Mỹ và Ngô Đình Diệm. Chúng ta đang muốn hòa bình thống nhất mà họ lại muốn gây chiến, làm trở ngại cuộc hòa bình thống nhất của chúng ta. Vậy thì chúng ta chỉ có đoàn kết với những người nào muốn hòa bình thống nhất để mà chống lại họ thì mới đạt tới mục đích của chúng ta được. Mà muốn làm như vậy, trước hết chúng ta phải có lòng căm thù đối với kẻ thù của chúng ta.
Hiện nay có người nói: Sau hiệp định Giơnevơ, hòa bình đã trở lại rồi, Đảng và Chính phủ đã khoan hồng đối với bên địch rồi, thì mỗi người trong chúng ta không nên căm thù nữa, có như thế thì mới giữ vững hòa bình được.

Tôi cho cái ý nghĩ ấy là mất lập trường. Đành rằng hòa bình đã trở lại, nhưng Đảng và Chính phủ chủ trương khoan hồng là khoan hồng với người nào tán thành hòa bình thống nhất kia, còn nhân dân chúng ta vẫn phải đấu tranh để thực hiện thống nhất dù chỉ đấu tranh bằng hòa bình. Đấu tranh bằng cách nào cũng vậy. Cho nên tôi muốn nhấn mạnh cái điểm thứ ba về tư tưởng của Lỗ Tấn: Không khoan thứ kẻ địch và không khoan thứ cho đến cùng.

Đầu 1955 ông cho xuất bản cuốn *Việt ngữ nghiên cứu* tại Nhà xuất bản Văn nghệ. Ông tập trung nhớ lại viết lại sự kiện Vụ xin xâu ở Quảng Nam năm 1908 và cuộc khởi nghĩa Duy Tân năm 1916 để in trong bộ sách Tài liệu tham khảo: Lịch sử cách mạng cận đại Việt Nam. Con trai ông cho biết ông còn có thói quen hay ghi chép tục ngữ ca dao, tiếp tục bổ xung vào cuốn vở ghi chép có tên là *Quanh tục ngữ ca dao* mà ông bắt đầu ghi từ hồi còn ở Việt Bắc.

Ông viết bài *Không đề cao Vũ Trọng Phụng, chỉ đánh giá đúng* cho tập sách *Vũ Trọng Phụng và chúng ta* do Nhà xuất bản Minh Đức in vào giữa tháng 10-1956.

Trong năm 1956 có việc ông được mời tham gia chấm Giải thưởng văn học 1954-1955. Đó là một sự kiện tác động mạnh mẽ trực tiếp đến tư tưởng dân chủ trong văn nghệ của ông.

Quan trọng nhất là việc Phan Khôi nhận lời làm Chủ nhiệm cho báo Nhân Văn, cộng tác với Tập san Giai Phẩm, báo Văn. Ông đã viết và công bố tiểu luận *Phê bình lãnh đạo văn nghệ* trên Giai phẩm mùa Thu tập I, tản văn *Ông bình vôi* trên Giai phẩm mùa Thu tập II, *Ba bài thơ* trên Giai phẩm mùa Thu tập III, Bài *Trả lời một tờ báo ở Sài Gòn* trên Nhân văn số 1, Tạp văn *Tìm ưu điểm* (ký là K. trên Giai Phẩm mùa Thu tập II) , truyện ngắn *Ông Năm Chuột* trên báo Văn số 36 ngày 10-1-1958. Ngoài ra còn một vài tác phẩm chưa công bố, hoặc không được công bố như bài thơ *Bảy mươi tự thọ*, tập tản văn *Nắng chiều* mất bản thảo tại Nhà xuất bản Hội Nhà văn..

Qua hoạt động xã hội và văn học của Phan Khôi, thấy rằng, trong tư tưởng của ông vẫn nhất quán những yếu tố như ý thức làm việc, xây dựng chính thể, sự trung thực, ghét những tệ lậu, thói khuất tất của một số lãnh đạo văn nghệ. Có điều là trong bối cảnh chuyển tiếp giai đoạn thời chiến sang thời bình, cảm hứng về cơ hội của sự chuyển biến cởi mở dân chủ đã cho ông nhiệt tình hăng hái với trách nhiệm của mình. Có người cho rằng Phan Khôi bị động khi nhận lời làm Chủ nhiệm cho báo Nhân Văn. Thực ra quyết định của Phan Khôi đã được ông cân nhắc kỹ lưỡng như trong bài thơ *Nắng chiều:*

Nắng chiều đẹp có đẹp.
Tiếc tài gần chạng vạng,
Mặc dù gần chạng vạng,
Nắng được thì cứ nắng.
1956

Khí tiết, lập trường của ông đã thể hiện rõ ràng ngay từ khi báo Nhân Văn số 1 ra đời. Trong bài *Trả lời một tờ báo ở Sài Gòn* ông đã tuyên bố:

- Vâng, tôi chỉ là một tên đầy tớ nhưng mà là đầy tớ của nhân dân chứ không phải đầy tớ của đế quốc và địa chủ.

- Còn những người cộng sản Việt Nam, họ cũng chỉ là đầy tớ của nhân dân như tôi.

Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà chưa phải là chính phủ cộng sản, còn lâu lắm mới đi lên chủ nghĩa cộng sản, nhưng các anh nói là "Việt cộng", thì riêng phần tôi, tôi lại sợ gì mà không nhận là "Việt cộng"?

Các anh nói hơi sai một chút: Tôi theo "Việt cộng", đồng ý và hợp tác với "Việt cộng" chứ không "làm đầy tớ cho Việt cộng" như các anh nói.

Tôi viết báo ở Sài Gòn tám chín năm, các anh há lại không biết tôi luôn luôn phản đối phong kiến triều Nguyễn vì thực dân Pháp sao? Trong thời kỳ từ 1939 đến 1945, là lúc dân tộc Việt Nam có cơ phục hưng, trông thấy nước Việt Nam Dân chủ Cọng hoà thành lập, tôi được làm một công dân, tôi lấy làm hân hạnh lắm. Đến khi thực dân Pháp toan xâm chiếm lần nữa, tôi chạy lên Việt Bắc theo chính phủ chống Pháp để lấy nước lại, sao các anh lại gọi tôi là "làm đầy tớ"?
Với khí tiết ấy, với tính cách nhà Nho xứ Quảng, ông quyết đấu tranh không chịu sống chung với những tệ lậu trong văn nghệ. Ông nói rõ quan điểm về phê bình và tự phê bình:

Chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hòa lập lên đã 12 năm rồi, vững như trồng rồi, được cả nhân dân toàn quốc tín nhiệm rồi, tha hồ cho đứa nào vu cáo, đặt điều nói xấu, cũng không còn sợ thay, nữa là thứ đồ xuyên tạc.

Bây giờ chúng ta làm gì? Đành rằng chế độ của chúng ta là tốt, nhưng chúng ta đây là ai? Chúng ta đây là những người từng sống dưới chế độ phong kiến, thực dân, đế quốc hoặc nhiều hoặc ít, những tư tưởng xấu xa tiêm nhiễm của chế độ xấu xa ấy còn rớt lại trong đầu óc chúng ta hoặc ít hoặc nhiều. Do đó sinh ra những hiện tượng xấu xa mà chúng ta chỉ có bịt mắt lại mới không thấy. Bây giờ chúng ta phải bạo gan nhìn thẳng vào những cái hiện tượng đen tối ấy, vạch trắng nó ra, yêu cầu nhau sửa chữa. Sửa chữa đến tận gốc tư tưởng. Có như thế, chế độ của

chúng ta mới tốt đẹp thêm, bền vững thêm, chúng ta mới xứng đáng là người mác-xít, là người cộng sản chủ nghĩa, là công dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Chúng ta muốn "củng cố miền Bắc" à? Tôi tưởng đó là một việc trọng yếu trong chương trình phát triển văn hóa cũng như phát triển kinh tế để củng cố miền Bắc [(6)] .

Ông chỉ ra cần hiểu đúng thái độ phục vụ của văn nghệ sỹ và bản chất vấn đề mâu thuẫn giữa lãnh đạo văn nghệ và văn nghệ sỹ:

Hồi còn ở Việt Bắc, đường lối văn nghệ có vẻ giản đơn lắm. Tóm lại là theo chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa hiện thực xã hội để phục vụ tổ quốc, phục vụ nhân dân, nhất là phục vụ cho cuộc kháng chiến trước mắt. Những người công tác văn nghệ lúc bấy giờ có làm đúng và đầy đủ như thế không, chưa nói đến; một điều có thể nói chắc là ai nấy đều cố gắng đi theo đường lối ấy. Đối với lãnh đạo, họ có thắc mắc gì không? Hầu như không có thắc mắc gì cả. Nếu có thì cũng đã chín bỏ làm mười, vì trong thời gian đó, cái vĩ đại, cái gian khổ mà vinh quang của cuộc kháng chiến ngập trên người họ, họ đang để lòng mà nghĩ đến kháng chiến, không nghĩ đến chuyện khác.

... Ở đây tôi không đi sâu hơn, không đi tìm cái cớ tại làm sao mà sau khi thắng lợi trở về thủ đô, lãnh đạo văn nghệ thành ra vấn đề, quần chúng văn nghệ thắc mắc đối với lãnh đạo; tôi chỉ đưa ra cái hiện tượng không tốt ấy sau khi trở về Hà Nội hai năm nay.

Thình lình tôi dùng cái danh từ "quần chúng văn nghệ" chắc có người thấy mà lấy làm chướng mắt. Nhưng không dùng thì không lấy gì đủ chỉ rõ một cái hiện tượng: cái hiện tượng đối lập, một bên là lãnh đạo văn nghệ, một bên là quần chúng văn nghệ. Trước kia, trong thời kháng chiến, lãnh đạo với thứ quần chúng ấy là một, mà bây giờ là hai. Thêm một điều đáng chú ý, là cái thứ quần chúng ấy, hiện nay, không chỉ là văn nghệ sĩ theo kháng chiến ở Việt Bắc, mà còn văn nghệ sĩ ở vùng mới giải phóng, mà còn văn nghệ sĩ ở vùng Nam bộ, ở khu V ra tập kết nữa, một thứ quần chúng khá đông đảo, hễ lãnh đạo không khéo thì nó dễ thành ra đối lập [(7)] .

Ông cho rằng bản chất tự do của văn nghệ sỹ không đối lập với lãnh đạo mà chỉ ở phần sáng tạo nghệ thuật và kiên quyết bảo vệ quyền tự do ấy:

...Sau khi về Hà Nội không lâu, giữa một cuộc tọa đàm ở trụ sở Hội Văn nghệ, một cán bộ cao cấp lấy tư cách cá nhân đề ra cái vấn đề "tự do của văn nghệ sĩ". Cái vấn đề ấy được giải thích là: Có một số văn nghệ sĩ nào đó đòi tự do hay là có ý đòi tự do, mà tự do một cách bừa bãi, đến nỗi "ví như một kẻ kia đi trên đường phố, thấy có người ôm cái cặp da đẹp, giật ngang lấy đi, rồi nói rằng đó là tự do của mình vì mình thích cái cặp da." Do đó, kết luận là: phải có lãnh đạo, văn nghệ sĩ phải ở dưới quyền lãnh đạo.

Tôi thấy vấn đề đặt như thế không đúng. Sự thực trước mắt chúng ta không hề có như thế.

Bao nhiêu văn nghệ sĩ từng theo kháng chiến, không luận ở Việt Bắc, ở Nam bộ, ở Khu V, đều đã ở trong Hội Văn nghệ, đều đã bằng lòng chịu lãnh đạo rồi, nếu họ không bằng lòng chịu lãnh đạo thì họ đã không ở trong Hội Văn nghệ. Còn những văn nghệ sĩ ở vùng mới giải phóng, họ còn ở lại đây tức là họ rắp tâm chịu lãnh đạo, nếu không thì họ đã đi vào Nam. Tóm lại, văn nghệ sĩ hiện nay có mặt ở miền Bắc không ai đòi tự do bừa bãi hết, không ai định "đánh giật cặp da" hết, tôi không biết vì sao lại đặt ra vấn đề ấy.

Quả thật như vậy, văn nghệ sĩ của chúng ta chẳng những đáng yêu mà lại đáng thương nữa. Họ biết trước kia họ đã đi sai đường, họ ngoan ngoãn chịu lãnh đạo. Mồ ma Tô Ngọc Vân, anh là một họa sĩ cụp vẽ mỹ nhân, năm 1948, anh còn vẽ bức tranh màu đề là "Hà Nội đứng lên" , trình bày một người thiếu phụ tuyệt đẹp đứng hiên ngang trong đống lửa, chung quanh là những cái bếp đổ vì bom đạn. Thế mà sau đó anh chừa hẳn cái vai cụp ấy. Ở Triển lãm Hội họa năm 1952, trong một bức tranh không có thể không có phụ nữ, thì anh vẽ một đám bà già và gái bé. Còn Thế Lữ, có lần tôi hỏi tại sao anh không làm thơ như trước kia. Anh trả lời rằng đợi đến bao giờ anh "chỉnh" lại được tâm hồn, cảm thông được với quần chúng cần lao, bấy giờ anh sẽ làm. Thứ văn nghệ sĩ

như thế, mà nói họ đòi tự do, dù chưa phải là tự do bừa bãi, cũng đã oan họ lắm rồi, oan mà không có chỗ kêu.

Có lẽ bởi nhìn thấy ở một khía cạnh nào rồi nhận định hẳn như thế, nên từ đó lãnh đạo gắt hơn, kỳ tiêu diệt thứ tự do ấy của văn nghệ sĩ. Nhưng, sự thực, thứ tự do ấy vốn không có thể bị tiêu diệt, mà cái cá tính của văn nghệ sĩ, cái nghệ thuật tính của văn nghệ, nhân đó, tuy chưa bị tiêu diệt, chứ cũng đã bị thương.

Chưa nói đến cá tính và nghệ thuật tính. Ngay đến ý kiến, ngôn luận của quần chúng văn nghệ dù rất bình thường, không có gì hại, cũng bị kìm hãm. Tôi là một người đã chịu cái điều khó chịu ấy, tôi nói ra đây tưởng không có ai ác đến nỗi bảo tôi là dựng đứng hay xuyên tạc như bên địch.

...Thực ra thì, như trên đã nói, văn nghệ sĩ không đòi tự do bừa bãi, họ chịu ở dưới quyền lãnh đạo, chỉ duy cái vấn đề họ đặt ra là lãnh đạo phải như thế nào . Nói như thế cũng chưa hết ý. Phải nói rằng văn nghệ sĩ cũng muốn được tự do, nhưng họ chỉ yêu cầu được tự do trong nghệ thuật (8) .

Ông còn giải thích rõ ràng quan hệ biện chứng của văn nghệ với chính trị:

Đành rằng văn nghệ phục vụ chính trị, cho nên chính trị phải lãnh đạo văn nghệ. Nhưng phải hỏi: chính trị nếu muốn đạt đến cái mục đích của nó, thì cứ dùng những khẩu hiệu, biểu ngữ, thông tri, chỉ thị, không được hay sao, mà phải cần dùng đến văn nghệ? Trả lời cho thành thật, e chính trị phải vỗ vai văn nghệ mà nói rằng: Sở dĩ tao tha thiết đến mầy là vì tao muốn lợi dụng cái nghệ thuật của mầy. Đã cởi mở với nhau như thế rồi, văn nghệ đồng ý. Nhưng phần nghệ thuật nầy là phần riêng của văn nghệ, chính trị không bao biện được, nó phải đòi tự do trong phần ấy. Như thế, tưởng chính trị cũng lấy lẽ gì mà không đồng ý. "Hai bên đều có lợi", cái nguyên tắc ấy, ở ngày nay, nó thích dụng trong bất cứ một sự hợp tác nào.

Nhưng hai năm nay, lãnh đạo văn nghệ của chúng ta đã đi quá trớn mà không giữ đúng cái giao ước bất thành văn ấy. Lãnh đạo đã xâm phạm mỗi ngày một hơn vào quyền riêng nghệ thuật của văn nghệ sĩ.

Trong văn nghệ, không cứ về ngành nào, sáng tác hay "sản xuất", đều hầu như bị Ban Thường vụ của Hội xỏ sẹo dắt đi, hay quá lắm là nhúng tay vào. "Phục vụ công nông binh" và "phục vụ kịp thời", cái đó đã đành rồi; "quần chúng văn nghệ" bực mình vì còn phải chịu mệnh lệnh của lãnh đạo ngoài những cái đó (9) .

Ông phản đối cách làm việc tùy tiện của Hội Văn nghệ khi xử lý tập san Giai phẩm mùa xuân:
...Tôi nhớ có một vị bắt lỗi trong bài thơ Trần Dần có chữ "Người" viết hoa. Lấy lẽ rằng chữ "Người" viết hoa lâu nay chỉ để xưng Hồ Chủ tịch, thế mà Trần Dần lại viết hoa chữ "Người" không phải để xưng Hồ Chủ tịch. Tôi ngồi nghe mà tưởng như mình ở trong chiêm bao: chiêm bao thấy mình đứng ở một sân rồng nọ, ông Lê Mỗ tố cáo ông Nguyễn Mỗ trước ngai vàng, rằng trong phép viết, chỉ có chữ nào thuộc về hoàng thượng mới phải đài, thế mà tên Nguyễn Mỗ viết thư cho bạn, dám đài chữ không phải thuộc về hoàng thượng. Nhưng may cho tôi, tôi tỉnh ngay ra là mình ngồi trong phòng họp Hội Văn nghệ.

Rồi đến ông Hoài Thanh viết một bài trên báo Văn nghệ, bằng giấy trắng mực đen, ghép Trần Dần vào tội phản động, đứng về phía địch chống lại nhân dân ta [2] .

Thật cái tội phản động ở xứ nầy sao mà ghép một cách dễ dàng quá. Hồ Phong bên Trung Quốc, còn phải điều tra bao nhiêu năm, công bố "ba sắp tài liệu", mới vạch mặt hắn là phản cách mạng, là tay sai của Tưởng Giới Thạch được. Tôi lại còn thấy một cái tài liệu, nói Hồ Phong từng bị bắt quả tang có một thanh gươm, ở cái nạm có bốn chữ "Tưởng Trung Chánh tặng", ở cái lưỡi có ba chữ "đảng nhân hồn". Như thế thì phản động là đáng lắm, có đâu chỉ một bài thơ mà đã là

phản động?

...Đọc xong sau một hôm, hai chúng tôi nói chuyện với nhau. Tôi bảo ông Thi rằng ông đặt sai vấn đề. Vấn đề Giai phẩm là vấn đề lãnh đạo, chứ không phải vấn đề quần chúng. Tôi phân tích rõ ràng cho ông thấy rằng tại lãnh đạo văn nghệ có thế nào cho nên quần chúng văn nghệ mới bất bình mà phát biểu ra như thế. Ví dầu trong sự phát triển của họ có lầm lỗi cũng còn là cái ngọn, mà cái gốc, phải tìm đến ở chỗ do lãnh đạo gây ra. Thế mà cả ba bài của ông Thi không có một chữ nào đụng đến lãnh đạo hết, chỉ đổ lỗi cho mấy người viết trong Giai phẩm, thế là không công bình, thế là quá đáng. Khi viết đây, tôi ngồi dưới ngọn đèn điện 20 nến, tôi nói có mặt đèn làm chứng, ông Thi nhận cho lời tôi nói là đúng, hứa sẽ viết phê bình lãnh đạo, nhưng mãi tới nay chưa thấy viết (10) .

Ông phê bình thói bè phái trong Ban giám khảo Giải thưởng văn học 1954-1955:

...Hôm bình định về thơ, tôi phản đối tập Ngôi sao đứng giải nhì, tôi nói: có vớt vát lắm thì cũng chỉ nên để nó đứng giải ba. Tôi cử ra những câu bí hiểm không thể hiểu nghĩa được, thì ông Huy Cận (một trong Ban chung khảo) bảo rằng đó là tại tôi "muốn" không hiểu thì không hiểu. Quái, tôi "muốn" làm sao được? Theo lẽ, ông Huy Cận nếu binh vực cho Ngôi sao thì phải cắt nghĩa rạch ròi những câu ấy ra, chứ sao lại bảo rằng tôi "muốn" không hiểu? Nhưng cả ban làm thinh, tự hồ ai cũng hiểu những câu ấy, không ai tỏ đồng ý với sự chỉ trích của tôi. Tôi còn cử ra những câu tầm thường quá, không xứng đáng là thơ, và nói rằng thơ Xuân Diệu ngày nay trở kém thơ Xuân Diệu ngày trước. Một ông trong ban (quên là ai) cãi rằng nếu thế thì bao lâu nay Đảng giáo dục Xuân Diệu không có hiệu quả gì sao? May mà một ông khác (quên là ai) lập tức đưa tay ngăn cản lại, nói đó không phải là cái luận cứ vững, đừng đưa ra. Nhưng đồng thời tôi trót đã vọt miệng thốt ra câu này: Đảng giáo dục Xuân Diệu làm cách mạng, chứ có giáo dục Xuân Diệu làm thơ đâu, thật như đức Khổng tử đã dạy rằng: "Ngựa tứ chẳng kịp lưỡi". Cũng vì tôi nên có sự mâu thuẫn, phải biểu quyết, thì tôi đứng về thiểu số, mà nhớ hình như thiểu số tuyệt đối.

Đến khi việc đã xong rồi, Ban Chung Khảo không còn có buổi họp nào nữa rồi, tôi mới tiếp được hai tác phẩm về ký sự, đều đứng giải ba, có thông tri bảo đọc và cho ý kiến. Tôi thấy cái Nam bộ mến yêu của Hoài Thanh chỉ là bài viết chạy như bài đăng trên báo, không có gì là giá trị văn học, còn cái Lên công trường của Hồng Hà viết có công phu hơn. Tôi nhớ ra mình đã từng hạ hai tác phẩm của hai ông Xuân Diệu, Nguyễn Huy Tưởng xuống mà không được, bây giờ không còn có đủ sức bướng để mà hạ của ông Hoài Thanh xuống nữa, bèn viết một mẩu giấy đề nghị đưa Lên công trường lên giải nhì. Nhưng mẩu giấy ấy về sau chìm đi đâu mất, không ai nhắc đến.

...Cho đến hết tháng bảy mà chỉ có hai bài phê bình trên báo Văn nghệ. Một bài ông Hoàng Xuân Nhị (một trong Ban Chung khảo) phê bình Truyện anh Lục, độc giả không lấy làm mãn nguyện, có người đã nói, đọc nó chỉ thấy cái vẻ mô phạm hiền lành của một vị giáo sư đại học mà thôi. Một bài ông Hoài Thanh viết để binh vực cho Ngôi sao mà binh vực một cách gắng gượng quá, nhất là yếu, không hề chống cãi lại những chỗ đả kích trong ba bài của báo Trăm hoa. Tôi rất không phục ông Hoài Thanh ở điểm này: ông viết bài ấy sau ba bài của Trăm hoa mà ông không hề nhắc tới Trăm hoa lấy một tiếng, ông cố dìm nó xuống cũng như Phạm Quỳnh đã dìm báoHữu Thanh của Ngô Đức Kế. Nếu không dìm thì là ông khinh, cũng như Phạm Quỳnh đã khinh báo Hữu Thanh của Ngô Đức Kế.

Về vụ này, có một điều, người ngoài không phải là tôi, không biết đến, thì không lấy làm quái. Ấy là điều, ba ông Xuân Diệu, Nguyễn Huy Tưởng, Hoài Thanh đều có tác phẩm dự thi mà đều ở trong Ban Chung khảo. Nếu chỉ ở trong Ban Chung khảo mà thôi, còn khá; thử điều tra lại hồ sơ, thì ba ông còn ở trong Ban Sơ khảo nữa. Sao lại có thể như thế? Trường thi phong kiến thuở xưa, tuy có ám muội gì bên trong, chứ bên ngoài họ vẫn giữ sạch tiếng: Một người nào có con em đi thi, thì người ấy vẫn có được cắt cử cũng phải "hồi tị", không được đi chấm trường. Bây giờ cả đến chính mình đi thi mà cũng không "hồi tị": một lẽ là ở thời đại Hồ Chí Minh, con người đã đổi mới, đã "liêm chính" cả rồi; một lẽ trắng trợn vì thấy mọi cái "miệng" đã bị "vú lấp".

Người ta cứ sợ "bên địch xuyên tạc". Sao trong việc nầy không sợ? Nó cần gì phải xuyên tạc? Đọc mấy tác phẩm được giải thưởng nầy, tha hồ cho nó đánh giá văn học miền Bắc.

...Gọi là phê bình, chỉ có thế; tôi chỉ trình bày mấy hiện tượng không tốt trong giới văn nghệ. Còn

sửa chữa, mong ở Đại hội sắp tới, nếu toàn thể xét thấy lời tôi nói có đúng phần nào thì xin tùy đó mà sửa chữa.

Riêng tôi thì tôi chỉ muốn Hội chúng ta, trong việc lãnh đạo, thực hành cái nguyên tắc dân chủ tập trung, mà phải từ dưới lên trên rồi mới từ trên xuống dưới, nghĩa là theo ý kiến nguyện vọng của quần chúng văn nghệ để lãnh đạo văn nghệ. Đừng như hai năm nay, lấy ý kiến của ba năm ba người trong Ban Thường vụ, hoặc của một người nọ hay một người kia để lãnh đạo, mà cái ý kiến ấy số đông văn nghệ sĩ không tán thành.

Được như thế thì sẽ không còn có cái hiện tượng hai bên đối lập nữa. Đó là một điểm trọng yếu trong chương trình phát triển văn hóa để củng cố miền Bắc(11).

Tiếp tục những vấn đề về lãnh đạo văn nghệ, Phan Khôi viết tiếp truyện ngắn *Ông Năm Chuột* trên báo Văn số 36. Với một bút pháp hiện thực ông đã kể lại quan hệ gia đình ông, dân làng ông, vùng quê ông với một người thợ bạc tên là Năm Chuột. Năm Chuột là dân ngụ cư, bị người làng nhìn bằng con mắt miệt thị, khinh rẻ nhưng khi tiếp xúc, gân gũi, anh học trò là tác giả Phan Khôi lại phát hiện ra người thợ bạc này khéo tay, tài giỏi, biết một ít chữ nghĩa nhưng lại khí khái dám nói ra suy nghĩ của mình dù là trước mặt con quan như tác giả. Mối quan hệ trao đổi kiến thức giữa hai người cởi mở nhưng Năm Chuột vẫn giữ được ranh giới sòng phẳng về nghề nghiệp:

Người ta, cái gì biết ít thì chỉ nên nghe chứ không nên nói, tôi không nói chuyện văn chương chữ nghĩa với ông, cũng như ông không dạy nghề làm thợ bạc cho tôi[12].

Nguyên tắc này đúng với một xã hội phát triển văn minh, kể cả đối với văn học nghệ thuật nữa. Truyện ngắn *Ông Năm Chuột* cùng với tản văn *Ông bình vôi, Tìm ưu điểm* với bút pháp bậc thầy, nội dung hàm chứa nhiều thông điệp mang tính ẩn dụ cao còn có ý nghĩa cách tân văn học so với các truyện ngắn minh họa đơn giản trong thời điểm đó .

Sự phê bình của Phan Khôi đã góp phần cho thắng lợi đợt đầu của Nhân Văn - Giai Phẩm. Trong cuộc họp 18 ngày ở Thái Hà ấp do Nguyễn Hữu Đang được giao chủ trì trước tinh thần phê bình mạnh mẽ của văn nghệ sỹ Tố Hữu và Nguyễn Đình Thi đã phải thừa nhận các khuyết điểm của công tác lãnh đạo văn nghệ. Ban Thường vị Hội Văn nghệ đã nhận sai lầm trong thông báo ngày 2-10-1956 như sau:

Trong việc lãnh đạo sáng tác và phê bình có những hiện tượng hẹp hòi, máy móc, những quan niệm đơn giản, gò bó, thiếu chú trọng đến những đặc điểm của văn nghệ và của từng bộ môn văn nghệ.

Tác phong lãnh đạo thiếu tập thể, dân chủ, do đấy đã dẫn đến những đặc điểm hẹp hòi, độc đoán cá nhân[13].

Tiếp theo Ban Thường vụ Hội Văn nghệ đã *thừa nhận những sai lầm của mình trong cách tổ chức và lãnh đạo cuộc phê bình bài Nhất định thắng của Trần Dần* và phạm một số khuyết điểm trong tổ chức chấm Giải thưởng văn học 1954-1955.

Hoài Thanh trong bài *Tôi đã phê bình như thế nào trong việc phê bình bài Nhất định thắng của anh Thần Dần* cũng phải tự nhận sai lầm nghiêm trọng là *đã nghiễm nhiên coi Trần Dần là một kẻ thù, cô lập và tranh thủ dựa trên ý định lấy nhiều người đàn áp một người*[14].

Trong bài *Một vài sai lầm khuyết điểm trong sự lãnh đạo văn nghệ*, Nguyễn Đình Thi tự phê bình :

Các văn nghệ sĩ đều đồng ý với sự lãnh đạo chung của Đảng, nhưng một số khá nhiều anh chị em bực bội vì những cách lãnh đạo hẹp hòi, gò bó của một số cán bộ phụ trách. Có những người nhân danh đường lối chính sách của Đảng mà đặt yêu cầu theo lối mệnh lệnh, hoặc can thiệp thô bạo cả vào hình thức nghệ thuật. Trong cuộc triển lãm Cải cách Ruộng đất, một cán bộ đòi chữa đến từng ngón tay ở một pho tượng, cho rằng bàn tay phải giơ thẳng ra như thế này hay thế kia mới là đúng [15] .

Nguyễn Đình Thi đã thừa nhận những căn bệnh sùng bái cá nhân trong văn nghệ :

...Sự sùng bái cá nhân trước đây chưa bị vạch ra chỉ trích, nhưng vẫn ngấm ngầm làm cho mọi người văn nghệ lo ngại. Vì tất cả lẽ sống của người nghệ sĩ chân chính là không ngừng sáng tạo.

Sự suy nghĩ táo bạo, sự phát minh không lúc nào muốn nghỉ, đó chính là ngọn lửa đốt sáng cuộc đời của người nghệ sĩ. Và những tìm tòi lớn của nghệ thuật xưa nay không bao giờ chỉ là tìm tòi về hình thức. Người nghệ sĩ muốn tìm tòi, muốn phát hiện những cái mới, trước hết là về đời sống quanh mình, trước hết là muốn tìm một nội dung mới cho nghệ thuật. Nhưng sự sùng bái cá nhân thì hạn chế những tìm tòi đó lại, vì nó coi như một người có thể nghĩ thay cho tất cả. Nó làm cho trách nhiệm của người nghệ sĩ giảm đi trong cuộc đời. Người văn nghệ chân chính trái lại, thấy trách nhiệm của mình là phải tự mình đi vào cuộc sống, tự mình nhận xét suy nghĩ, tìm ra sự thực, và đem hết lòng tin tưởng hăng hái của mình chiến đấu cho lẽ phải, nói lên những gì có ích cho đời sống [16] .

Và tác hại của nó đối với văn nghệ kháng chiến:

...Những điều nói trên là một nguyên nhân của bệnh sơ lược, công thức đang trầm trọng ở một số tác phẩm, nhất là của những người sáng tác còn non trẻ, chưa có đủ kinh nghiệm sống, chưa có đủ kiến thức căn bản về nghệ thuật, và chưa có bản lĩnh vững chắc để sáng tác. Những tác phẩm đẻ non, "ăn sống nuốt tươi" đã xuất hiện, đề tài gần giống như nhau, nội dung khô khan, tình cảm nghèo nàn và cứng nhắc, con người không "sống" thực, làm cho người đọc, người xem không tin. Thái độ của tác giả đối với đời sống, rơi vào lối ca tụng một cách dễ dãi, lẩn tránh những vấn đề gay go và nóng hổi, làm như mọi việc trong đời đã tốt đẹp. Một số truyện kịch viết về cải cách ruộng đất, trong một thời gian, đã rơi vào một lối công thức "ba giai đoạn" như vậy: nông dân khổ, đội về phát động đấu tranh, đấu tranh xong nông dân có ruộng có nhà hể hả sung sướng. Truyện nào cũng na ná thế[17].

Những yếu kém của phê bình văn nghệ:

...Phê bình văn nghệ *đáng lẽ phải tiến lên trước, đấu tranh với những sai lầm đó, nhưng ngược lại, còn bị kìm hãm, ì ạch, vì thiếu dân chủ, và thiếu phát huy đấu tranh tư tưởng. Tình trạng phê bình một chiều, khuynh hướng chụp mũ đã làm hại nhiều đến sự phát triển của văn nghệ. Thái độ phê bình của một số người phụ trách đã tỏ ra là kiêu ngạo chủ quan, thiếu trân trọng đối với công trình lao động nghệ thuật. Có những trường hợp chỉ một vài ý kiến phê bình vội vã hoặc quyết đoán của một người có cương vị lãnh đạo văn nghệ đưa ra, là đủ làm cho một tác phẩm bị vùi dập không được thảo luận rõ ràng để xem sai lầm khuyết điểm của nó ở đâu, và có thể sửa chữa lại được không. Trường hợp phê bình vội vã và sai lầm đã có tác hại lớn nhất có lẽ là trường hợp Hội nghị sân khấu năm 1950 lên án hình thức cải lương là sa đọa trụy lạc; những lời phê bình nghiệt ngã đối với cải lương từ hồi đó đến nay vẫn làm cho một số khá đông nghệ sĩ cải lương còn bất bình. Và có một lúc, nhận định sai lầm đó của Hội Văn nghệ đã gây ra nhiều khó khăn rất lớn cho ngành cải lương và các nghệ sĩ sống bằng cải lương. Đối vói những tác phẩm có sai lầm, sự phê bình phũ phàng, nặng về đập mà không có thái độ bạn bè, thân ái thảo luận cùng tác giả để xem có thực sai lầm không, sai lầm ở đâu, ngoài mặt sai lầm ra thì còn mặt nào đúng và tốt để phát huy lên. Không những thiếu thái độ bạn bè, mà có trường hợp trong khi phê bình tư tưởng, đã có thái độ như với kẻ đối địch về chính trị, hạ lời phê bình không đủ cân nhắc thận trọng đối với sinh mệnh chính trị của tác giả; trường hợp đáng tiếc đó đã xảy ra khi phê bình bài thơ "Nhất định thắng" của Trần Dần* [18] .

Với tư cách lãnh đạo Hội Văn nghệ, Nguyễn Đình Thi tự nhận:

Trách nhiệm của Hội Văn nghệ Việt Nam :

Hội Văn nghệ Việt Nam trực tiếp chịu trách nhiệm về những sai lầm khuyết điểm nói trên.

1.Tình trạng non kém trầm trọng về lý luận .
2. Tổ chức thủ công nghiệp, du kích, tùy tiện .
3. Tình trạng hẹp hòi, độc đoán cá nhân, thiếu dân chủ và tập thể .

...Bộ phận lãnh đạo trở thành một nhóm đóng cửa, hẹp hòi, cô độc, nể nang lẫn nhau, khi có khuyết điểm thì xuê xoa, không thẳng thắn đấu tranh nội bộ và mạnh dạn tự phê bình trước dư luận.

Cái tác hại của bệnh hẹp hòi, cô độc đó là đã đưa sự nể nang hoặc phục tùng cá nhân vào việc nhận xét văn nghệ, làm cho thiếu sự phê bình khách quan và công bằng, do đó làm tổn thương đến tình đoàn kết trong những người cùng làm việc sáng tác [(19)] .

Với uy tín trong văn đàn nước nhà từ trước cách mạng, với vai trò chủ nhiệm báo Nhân Văn, với những tác phẩm đã in trên báo Nhân Văn, tập san Giai Phẩm, báo Văn, dù số lượng không nhiều nhưng cho thấy Phan Khôi có một vị trí quan trọng trong phong trào Nhân Văn - Giai Phẩm, gây ảnh hưởng mạnh mẽ đến nhiều trí thức, văn nghệ sỹ, quần chúng nhân dân. Gần đây có nhà nghiên cứu đã áp dụng lý thuyết trường văn học của Bourdieu để xếp loại các văn nghệ sỹ Nhân Văn-Giai Phẩm lúc đó vào thế hệ trẻ đối với lớp văn nghệ sỹ tiền chiến đã già hơn, thì theo tôi trường hợp của nhà văn Phan Khôi là một ngoại lệ đặc biệt.(20)

Đánh giá sự phê phán Phan Khôi

Nhận thấy sự nguy hiểm của Phan Khôi, lãnh đạo văn nghệ đã dành cho ông sự ưu ái đặc biệt như là đối với một thủ lĩnh của phong trào Nhân Văn - Giai Phẩm, cũng như đối với trường hợp giáo sư Trương Tửu. Những người viết bài riêng phê phán ông đều có vị trí quan trọng lúc đó.
Hồng Quảng. Là một bút danh giấu mặt cho đến nay vẫn chưa xác định được là ai. Những bài viết của Hồng Quảng phê phán Phan Khôi, Trương Tửu đều có tính chỉ đạo về chính trị, cặn kẽ, sâu rộng về học thuật chứng tỏ người viết là một nhà nghiên cứu chuyên ngành văn học sử. Bài *Phê phán Phan Khôi hay : ngựa quen đường cũ* trên Tạp chí Văn nghệ số 4-1958.

Nguyễn Công Hoan. Đương kim Chủ tịch Hội Nhà văn khóa I viết bài *Hành động và tư tưởng phản động của Phan Khôi cho đến thời kỳ toàn quốc kháng chiến* trên Tạp chí Văn nghệ số 12 tháng 5-1958.

Hà Xuân Trường : Bài *Một thái độ phê bình không đúng, một quan niệm sai lầm.*

Nguyễn Đổng Chi. Bài *Quan điểm phản động, phản khoa học của Phan Khôi phải chăng là học mót của Hồ Thích.* Đăng trên Tập san Nghiên cứu Văn Sử Địa số 41 tháng 6-1958.

Đào Vũ. Bài *Tính cách và bộ mặt chính trị nhơ nhớp của Phan Khôi ngày nay.* Tạp chí Văn nghệ số 12 tháng 5-1958

Thế Lữ. Báo Nhân dân số 1501 ngày 21-4-1958.

Phùng Bảo Thạch. Trong Ban chấp hành Hội Nhà báo Việt Nam *Bài Một nhà nho tiết tháo Phan Khôi* trên báo Hà Nội hàng ngày 22 và 23-4-1958.

Các bài phê phán Phan Khôi có chung đặc điểm giống như các bài phê phán Nhân Văn - Giai Phẩm khác với lời lẽ đao to búa lớn, nặng về quy chụp, lý lẽ hồ đồ, vu cáo thóa mạ... Người ta quy kết Phan Khôi như sau: Phan Khôi làm tay sai cho thực dân Pháp, chống phá cách mạng có hệ thống từ lúc còn trẻ cho tới làm báo Nhân Văn. Phan Khôi có tội bóc lột nhân dân Bảo An bằng cách chiếm đoạt ruộng đất, thu tô nặng lãi. Phan Khôi làm mật thám, tham gia Quốc dân đảng, đi kháng chiến vì bất đắc dĩ. Học thuật của Phan Khôi là phản động, học mót của một học giả phản động Trung Quốc là Hồ Thích. Sáng tác của Phan Khôi lập lờ hai mặt, xỏ xiên chửi Đảng , chửi Chính phủ...

Có thể dẫn ra lời của Đào Vũ, một người vào tuổi con của Phan Khôi:

Đối với Phan Khôi, hãy chấm dứt kiếp chuột, kiếp chó, kiếp rùa, kiếp lợn của mình đi, hãy đừng làm con cóc già nữa, mà phải cúi mặt xuống đầu hàng nhân dân vô điều kiện, hãy ngay thật trở lại làm kiếp người [(21)] .

Hoặc bài thơ Nguyễn Công Hoan họa lại bài *Bảy mươi tự thọ* của Phan Khôi:

Nhắn bảo Phan Khôi khốn kiếp ơi
Thọ mi mi chúc chớ hòng ai

Văn chương! Đù mẹ thằng cha bạc
Tiết tháo! Tiên sư cái mẽ ngoài
Lô-gích, trước cam làm kiếp chó
Nhân văn, *nay lại hít gì voi*
Sống dai thêm tuổi cho thêm nhục
Thêm nhục cơm trời chẳng biết gai.
Trích theo Đào Vũ [22]

Cùng với sự kết tội là sự phủ nhận tất cả thành quả đóng góp suốt nửa thế kỷ của ông cho văn hóa nước nhà.

Hầu hết các bài phê phán Phan Khôi sau này không được xếp vào tuyển tập của các tác giả nói trên xuất bản sau đổi mới. Có người cảm thấy day dứt lương tâm, coi là một nỗi nhục, không nói lại cho con cháu thì chết không nhắm mắt như nhà nghiên cứu Nguyễn Đổng Chi. (23)

Tháng 7-1958 Phan Khôi cùng với Thụy An, Trương Tửu bị khai trừ vĩnh viễn khỏi Hội Nhà văn Việt Nam.

Sau khi đổi mới, năm 1992 Hội Nhà văn đã lặng lẽ khôi phục hội tịch cho ông[24].
Có lẽ Bộ Tuyển tập Văn học Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám 1945 - 1993 Kỷ niệm 45 năm Nhà xuất bản Văn học lần đầu tiên giới thiệu trở lại tên tuổi Phan Khôi với bài *Không đề cao Vũ Trọng Phụng, chỉ đánh giá đúng.*

Bài học về một giai đoạn lịch sử đối với văn học

Cho đến hôm nay, trên hành trình đổi mới của đất nước, đa số những văn nghệ sỹ của phong trào Nhân Văn - Giai Phẩm đã được chiêu tuyết. Nhiều người được Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật. Hầu hết các tác phẩm của họ đã được tái bản, trong đó có nhiều tác phẩm của Phan Khôi.Gần ba mươi năm đổi mới đã làm thay đổi rất nhiều bộ mặt văn học nghệ thuật với sự phát triển hội nhập thế giới. Tuy vậy, dư âm và những vấn đề của Nhân Văn - Giai Phẩm vẫn còn ám ảnh các thế hệ hôm nay. Những bài học về một giai đoạn lịch sử đối với văn học nghệ thuật nước nhà vẫn còn cần thiết cho hôm nay và ngày mai.

Tháng 4-2014

Chú thích:

1.*Hồ Chí Minh toàn tập* tập 5 trang 261.
2. *Một bản đề án về Đại hội Văn nghệ lần thứ hai*. Hoàng Huế. Giai phẩm Mùa Thu tập II tháng 9-1956.
3. *Tiếng hát quan họ*. Hoàng Cầm. Tập thơ Cửa biển in chung của Hoàng Cầm, Lê Đạt, Văn Cao, Trần Dần. NXB Văn Nghệ Hà Nội đầu năm 1956.
4. *Anh có nghe thấy không*. Văn Cao. Giai phẩm Mùa Xuân tháng 1-1956.
5.*Nắng được thì cứ nắng- Phan Khôi Từ Sông Hương đến Nhân Văn*. Phan An Sa. NXB Tri Thức 2013
6.7.8.9.10.11. *Phê bình lãnh đạo văn nghệ*. Phan Khôi. Giai phẩm mùa Thu tập I tháng 8-1956.
12. Truyện ngắn *Ông Năm Chuột*. Phan Khôi. Báo Văn số 36(10-1-1958)
13. *Thông cáo của Ban Thường vụ Hội văn nghệ Việt Nam*. Ngày 2-10-1956. Tạp chí Văn Nghệ số 141(4-10-1956).
14. *Tôi đã sai lầm như thế nào trong việc phê bình bài " Nhất định thắng" của anh Trần Dần*. Hoài Thanh. Tạp chí Văn Nghệ số 139(20-9-1956)
15.16.17.18.19. *Một vài sai lầm khuyết điểm trong sự lãnh đạo văn nghệ*. Nguyễn Đình Thi. Tạp chí Văn Nghệ số 140(27-9-1956).
20. *Một số hoạt động văn học giai đoạn hòa bình lập lại (1954-1958) xét từ lý thuyết "trường" của Bourdieu*. Phùng Kiên. Tạp chí Văn hóa Nghệ An. 11-2013
21.22. *Tính cách và bộ mặt chính trị nhơ nhớp của Phan Khôi ngày nay*. Đào Vũ, Tạp chí Văn Nghệ số 12 tháng 5-1958.
23. - *Về tình trạng nghiên cứu văn học tại miền Bắc những năm 60 (Trò chuyện với Giáo sư Nguyễn Huệ Chi)* ThụyKhuê.thuykhue.free.
- *Vì sao Nguyễn Đổng Chi phải viết bài phê phán Phan Khôi?* Phan An Sa. Tạp chí Xưa và Nay tháng 10-2009.
24. Trang 83, *Nhà văn Việt Nam hiện đại*. Hội Nhà văn Việt nam.1992.

THÁI KẾ TOẠI

CHUYỆN KỂ VỀ HUYỀN THOẠI JACKIE KENNEDY

TỪ VŨ

Người đàn bà này đã có nhiều dịp thân cận những nhân vật lớn nhất của lịch sử và không một người nào có thể thờ ơ, lãnh đạm được với bà : Từ Charles De Gaule, Nữ Hoàng Elizabet II...cho đến Nikita Kroutchev và còn nhiều người khác nữa . Jacqueline Bouvier Kennedy-Onassis đã từ giã cuộc đời hơn 10 năm nay nhưng hình ảnh bà ta vẫn mê hoặc mọi người và cũng vẫn làm chúng ta phải xúc động mỗi khi nhắc nhở đến . Dưới đây chuyện kể về hành trình của người đàn bà nổi tiếng nhất trong các vị mệnh phụ phu nhân của Hoa Kỳ.

" Con gái của ba, con sẽ là một nữ hoàng ."

Đây là một câu mà John Bouvier, thường được gọi là Jack, đôi khi là Black Jack, vẫn luôn nói với con gái yêu qúy của ông ta, Jacqueline.

Jacqueline sinh ngày 28 tháng 7 năm 1929 tại New York.

Về phần người mẹ , Janet, nuôi dậy cô con gái của bà theo những quy luật bà đặt ra, cũng chính bà đã tự thiết lập một " liên minh tương hợp " với cô con gái hơn là tình yêu thương. Cô bé Jacqueline được săn sóc bởi những vú em người Anh và được theo học tại những trường học danh tiếng, từ trường Chaplin School tại New York đến các trường Collèges Holton Arms và Vassar, sau đó tại các Đại Học Sorbonnes Paris và Washington. Ngay từ lúc còn nhỏ, cô bé luôn luôn ăn mặc như một cô công chúa nhỏ, theo lớp học múa, chơi tennis, có một con ngựa riêng và một điều gì rất nhẹ nhàng régenter chung quanh cô.

Năm 1933, Lee, cô em kế chào đời. Hai đứa trẻ xung đột thường xuyên nhưng lại cũng rất

thương yêu nhau, tuy nhiên điểm khác biệt của hai đứa trẻ đó là cô chị, Jackie - chứ không phải là Jac-line như cô ta muốn như thế - có một đức tính không thể chối cãi được : giầu nghị lực. Jack Bouvier rất khâm phục cô con gái lớn của mình, điều này đã làm cho bà vợ của ông bực bội vì trái ngược với ông chồng, bà ta lại yêu cô con gái nhỏ hơn. Phải khẳng định rằng, Jackie nổi bật và duyên dáng và chuyện thường xảy ra đối với những đứa trẻ có những năng khiếu đặc biệt : Jackie nhàm chán trong lớp học và cũng chẳng thích chiều lòng những người bạn đồng học. Như một tình nhân, Jack Bouvier nịnh nọt cô con gái của ông ta : " Con là người thông minh nhất, quyến rũ nhất trong những người đàn bà mà chính ngay cha cũng chưa bao giờ được biết. "... Nhưng Jackie lại cũng rất cô đơn.

Sự cô đơn này dù chọn lựa ít hay nhiều cũng đã thẳng thừng biến ra thành một sự phát vãng khi mà, sau một thời gian dài với cuộc sống tình cảm như một địa ngục, cha mẹ của hai cô gái nhỏ này đã quyết định phải chia tay . Cuộc li dị đã được chính thức công bố tại Reno, Nevada, vào năm 1940.

Ngay từ những ngày đầu tiên khi họ lấy nhau, Jack đã chẳng quan tâm nhiều đến bà vợ, lang chạ hết cô này đến bà khác, uống rượu như hũ chìm và lại còn thêm tật cờ bạc . Sự chia tay của họ là một điều không thể tránh được, và Jackie, 11 tuổi, cũng biết như vậy nhưng cô bé lại cũng rất thường xuyên bào chữa tội lỗi cho người cha hầu như tự cô ta từ chối với chính mình về những điều tệ hại mà ông ta đã làm mà chỉ biết một điều là tình yêu của cha cô đối với cô. Thái độ gần như khiêu khích này của cô đã chỉ làm khích động thêm tình trạng gần như căng thẳng trong tương quan hiện hữu với mẹ cô để nhiều khi đã xẩy ra những xung đột thể lực giữa hai me con. Vào thời kỳ này, có cha mẹ li dị nhau là một điều không được "bình thường " lắm. Cô bé đã cô đơn lại càng cô đơn hơn nữa . Cô tự vệ bằng cách sống với cái thế giới tưởng tượng của cô ta : Những hình ảnh biểu hiệu một đứa trẻ với cái nhìn vô cùng buồn bã...Đây chính là một thảm hoạ, sự sụp đổ của mối tình đầu tiên và cũng không thể ngờ vực được, mối tình lớn nhất của cô ta. Kể từ khi đó, cô bé đi vào cuộc đời với "hình ảnh đẹp của cô ta" đã có sẵn, như một tấm khiên chắn chống lại những bất công và những nỗi đau khổ mà cuộc sống của con người thường luôn phải hứng chịu.

Không thể phủ nhận được một sự kiện là Jack Bouvier đã để lại dấu tích cho cô con gái ông ta, với hình dạng rất giống đến độ làm nhiều người phải ngạc nhiên. Jack Bouvier từng trải và biết rất nhiều về đàn bà qua chính ông ta, Jackie đã được học những bài học về sự quyến rũ, duyen dáng của một người nữ phái và Jackie cũng tự chứng tỏ là một cô học trò rất có năng khiếu.Dáng điệu của cô vừa giản dị nhưng cũng lại vừa kiêu kỳ, đường nét thanh lịch của cô ta rất tự nhiên nhưng điệu bộ lại thần bí gần như khó tả nổi , tất cả không phải là điều ngạc nhiên qua sự truyền dạy của người cha. Người con gái này vào một ngày sau đó đã không thể chịu đựng được một chút, dù cho chỉ một chút sự trễ hẹn mà vào thời đó là một " chiến lược " thông thường được áp dụng, cô cho rằng để người ta mong chờ là làm tăng thêm cường độ của một cuộc hẹn hò chỉ là một thái độ rởm đời !

Trong lúc đó, Janet, người mẹ chỉ mới được 34 tuổi, rơi vào một trạng thái âu lo dữ dội vừa về tương lai của chính bà ta và các cô con gái. Để chữa chạy bệnh trạng này, Janet đã xử dụng ... rượu và các loại dược phẩm suốt hai năm cho đến khi như một phép lạ xảy ra Janet gặp Hugh Dudley Auchincloss, một nhân vật không có gì là quyến rũ cho lắm nhưng ngược lại rất giầu có và hầu như rất tử tế với hai cô bé. Jackie đã thật nhanh nhẹn để tự mình trở thành một đồng minh của người cha ghẻ này, một thiệt thòi lớn lao đối với người cha ruột của cô bé. Vaò năm 18 tuổi, như tất cả những thiếu nữ " trưởng giả ", Jacqueline Bouvier chính thức hội nhập vào giới thượng lưu New-York. Nhân dịp buổi khiêu vũ đầu tiên của cô, một chiếc áo dài (robe) vải tulle trắng (có thể được mua lại vì Auchincloss tuy giầu có nhưng không thể là một kẻ hoang phí), cô thiếu nữ này đã thu hút biết bao nhiêu cặp mắt chiêm ngưỡng. Nhưng đúng theo "chiến lược" mà cô đã đặt ra cho mình, cô không quan tâm đặc biệt vào bất kỳ một người nào mà tự đặt vị trí của cô ta trên mọi người. Thời điểm của cô chưa đến .

Cũng vào thời kỳ này cô ta tạm thời rời bỏ Hoa Kỳ và ghi tên theo học văn chương tại viện đại học lừng danh của nước Pháp : Sorbonne - Paris. Dù rằng với những hạn chế còn phải bắt buộc áp dụng sau thời kỳ chiến tranh nhưng cuộc sống tại Paris đã rất thích hợp với người thiếu nữ này. Vẻ duyên dáng của cô ta đã lôi cuốn biết bao nhiêu chàng trai đồng lứa của Paris trong thời kỳ đó nhưng tất cả những anh chàng ngấp nghé...đều phải hứng chịu sự...từ chối quyết liệt ngay tức thời. Jacqueline không phải là không biết cảm động trước những lời khen tụng nhưng cô ta lại chỉ có thể "yếu đuối" với những người đàn ông thực sự gọi là đàn ông chứ không hề động lòng đối với những chàng trai trẻ.

Nhân dịp được trúng giải thưởng tổ chức bởi tờ Vogue, Jackie đã có thể còn kéo dài được những ngày lư ngụ tại thủ đô ánh sáng và rất có thể định cư tại đây nhưng lần này thì cô ta đã ngả theo lời thuyết phục của bà mẹ và lựa chọn để trở lại Hoa Kỳ, một quyết định mà sau này cô đã phải chua cay hối hận. Năm 1951 Jacqueline ra trường với cấp bằng tốt nghiệp Văn Chương Pháp của đại học George Washington.

Cũng trong năm 1951, nhờ vào những can thiệp của người cha ghẻ, Jackie vào làm việc cho tờ Times-Herald với tư cách là một phóng viên chụp ảnh. Trong những diễn biến này và như một sự vắng mặt của chính cô ta, Jackie đã hứa hôn với một người chủ ngân hàng trẻ, John Husted nhưng rất nhanh sau đó, cô đã từ hôn vì....trong cùng thời gian đó, trong một cuộc ăn tối tại nhà một người bạn chung, một ứng viên vào thương nghị viện, một ngôi sao đang lên của chính giới Hoa Kỳ, người ta đã giới thiệu với cô, John Fitzgerald Kennedy, 12 tuổi lớn hơn Jackie và không có vẻ gì là một kẻ si tình dẫn đờ như những người khác; nhưng cô con gái của Jack Bouvier , Black Jack , đã quyết định : Đây chính là người cô chọn lựa. Cô gạt bỏ ngoài tai những lời khuyến cáo , khuyên nhủ kể về đời sống tình cảm của J.F.Kennedy, bởi lẽ John gần giống như Jack Bouvier nếu không nói đến vóc dáng. Cũng như cha cô ta, John rất ưa thích được tháp tùng bởi những người đàn bà, và hiển nhiên, chàng trai này cũng chẳng nhiều tế nhị về chuyện này. Nhưng Jackie cương quyết : Cô sẽ chiến thắng và sẽ lấy anh chàng đào hoa này. Khi John, anh chàng "trúng số độc đắc" này, mời cô bạn trẻ đến Hyannis Port để giới thiệu với " bè phái " Kennedy, đối với Jackie đây không phải là một chiến thắng dễ dàng cho cô ta. Mọi người đã ngắm nghiá, quan sát nàng với đầy vẻ ngờ vực; duy nhất chỉ một mình Joe, người cha chồng tương lai, chấp nhận Jackie. Người đàn bà trẻ, có học thức, đạo thiên chúa như những người trong gia đình Kennedy với một nhan sắc đặc biệt đã làm ông ta cảm xúc, đây chính là một người vợ hoàn toàn cho cậu con trai ăn chơi của ông, ông linh cảm là như vậy.

Trong khi chờ đợi thì Lee, cô em gái, lấy chồng vào tháng 4 năm 1952. Một tháng sau, John Kennedy, hình như đã cắt đứt những liên hệ tình cảm mà chàng ta đã có cùng một lúc với nhiều người, cuối cùng rồi cũng ngỏ với Jackie : cầu hôn...bằng một bức điện báo (télégramme). Jacquelien Bouvier khi đó đang có mặt tại Âu châu để lấy hình ảnh cho tờ báo mà cô đang làm việc về biến cố đăng quang của Nữ Hoàng Elisabeth II (Anh Quốc), lẽ tất nhiên rất vui thích nhưng như một nhà chiến lược giỏi, cô đã vặn lại là để cô có thời giờ suy nghĩ và sẽ trả lời.

Cuộc hôn lễ của họ đã diễn ra như một biến cố của thế giới với 3000 người tham dự và là chủ đề số một trong năm 1953 của báo giới và các cơ quan truyền thông. Duy nhất chỉ một " đám mây mờ " trên bức tranh quá lý tưởng này : Jack Bouvier vì đã quá chén đêm hôm trước nên không còn đủ khả năng để tham dự vào nghi lễ. Vai trò người cha đã do Hugh Auchincloss thủ diễn, ông ta đã đưa cô dâu đến trước bàn thờ. Tuy chuyện quan trọng như vậy đã xảy ra nhưng Jacqueline Bouvier Kennedy vẫn còn đủ tình cảm để tha thứ cho người cha. Cặp vợ chồng mới cưới này thật đẹp đôi, thông minh, đầy tham vọng, và Jackie sẵn sàng vượt qua những chuyện điên rồ của tuổi trẻ mà John đã làm để giữ thể diện. Chính Jackie đã chẳng một lần tuyên bố rằng : " Tôi không tin rằng trên đời này lại có được những người chồng trung thành ".

Vị mật của tuần trăng mật diễn ra tại Acapulco đã rất nhanh để đổi thành vị ...mật...bò... cay đắng, và bà Kennedy mới mẻ này sẽ phải tăng cường thêm cái bức chắn đạn của bà để có thể

phóng mình tiến tới như bà đã lựa chọn.

Jackie đã sống sót qua sự đau khổ nhất mà bà đã chịu đựng qua sự tan vỡ của cha mẹ bà, bà cũng sẽ sống sót qua những khổ đau khác nữa. JFK là một người phóng đãng ngay từ khi mới chào đời và, như chính ông ta cũng đã tự thú , ông ta sẽ không thay đổi. Thêm vào những khó khăn đầu tiên này là sự mất mát một đứa con vì sẩy thai (1955-1956) . Một trong những người bạn của cặp vợ chồng này đã phải nói rằng : " Mới chỉ một năm sau ngày hôn lễ, Jackie đã thờ thẫn như một kẻ sống sót sau một thảm hoạ rớt máy bay ". Người ta đã có ý nghĩ về một sự chia tay giữa Jackie và JF. Kennedy. Nhưng nếu cho đây là một điều quan trọng về tin đồn đãi này sẽ nhất định phải xẩy ra là người ta đã không hiểu gì về vị " đệ nhất phu nhân tương lai " này. Năm 1957 là một năm thật sự đau đớn đối với Jacqueline, Jack Bouvier từ trần. Nhưng rất thường khi, sau một chuyến "đi " ảm đạm đau đớn lại được tiếp nối bởi một sự " đến " hoan hỉ vui sướng : ngày 27 tháng 11, Caroline Bouvier Kennedy ra chào đời và đây là một niềm hạnh phúc lớn cho cập vợ chồng này. Vào năm 1960, đúng 46 tuổi, JF Kennedy chính thức là ứng cử viên vào chức vụ Tổng Thống Hoa Kỳ. Vợ ông ta đó, hiện diện bên cạnh ông, như bà vẫn luôn luôn hiện diện. Kể từ ngày đó, Jackie đã chú trọng đến chính trị và bà đã bỏ phiếu lần đầu tiên Người vợ kiểu mẫu nhận xét giản dị bề ngoài, người mẹ đáng nói gương - Caroline lúc này cũng đã có một cậu em trai, John-John, sinh ngày 25 tháng 11 năm 1960 -, Jackie chinh phục nhanh chóng thiện cảm của những người Hoa Kỳ, sau đó tại khắp nơi trên thế giới khi đến thăm viếng qua khả năng ngôn ngữ của bà : đến New-York, trong vùng đông Harlem, Jackie nói tiếng Tây Ban Nha, đến Haiti Jackie xử dụng tiếng Pháp...hoặc tại Paris người ta đã được thấy đông đảo dân chúng Pháp tiếp đón với những lời chào đón : "Vive Jacqueline !" .

Chính Jackie cũng là người đem lại cho toà nhà Bạch Ốc vẻ thanh lịch, qua khiếu thẩm mỹ, yêu chuộng nghệ thuật của bà .

Jackie đã là một vị đệ nhất phu nhân trẻ tuổi nhất của Hoa Kỳ kể từ Frances Cleveland. Những người đàn bà Mỹ và thế giới vào thời này đã xem Jackie như một khuôn mẫu về thời trang, dáng dấp, cử chỉ điệu bộ...và...

Huyền thoại được nẩy sinh kể từ đó .

Nhưng năm 1963 đến, năm của những bất hạnh lớn lao nhất. Đây là lần thứ hai, cặp vợ chồng này lại bị mất một đứa con,Patrick. Ngày 12 tháng 9, Jackie và John đã ăn mừng năm thứ 10 cuộc hônh nhân của họ, đây cũng là lần cuối cùng. Ngày 22 tháng 11 năm 1963 đã in sâu trong thâm tâm mọi người. John F. Kennedy đã bị ám sát chết khi ông đi qua , trên chiếc xe hơi mui trần , Elm Street tại Dallas. Ngày đó, Jackie đã biểu lộ phẩm cách và một sức mạnh vô biên, chính bà đã tổ chức cho tang lễ của người chồng, ngay cả trong những chi tiết thật nhỏ nhặt . Jackie goá chồng vào năm mới chỉ được 34 tuổi và Lee, lúc này đã lấy người chồng thứ hai là ông hoàng Stanislas Radziwild, ước muốn người chị cùng các con của bà về định cư tại New-York . Rồi cuộc sống thường nhật cũng trôi qua, công chúng cũng yên tâm và giới truyền thông cũng lại sẽ có những đề để đề cập đến Jackie...hơn nữa họ đã có những gì để có thể viết, có thể nói bởi lẽ Jackie đã cùng viết với một ký giả tên là William Manchester một quyển sách mà quyển sách này đã là đối tượng cho dư luận lúc đó - ngay cả với pháp lý nữa. Sau những rắc rối , Chân Dung của một vị tổng thống đã được xuất bản vào tháng 4 năm 1967 : Đây là một best-seller - quyển sách bán chạy nhất trong năm.

Không bao giờ để phải bị lúng túng, không bao giờ để bị bất ngờ trước đối thủ, cất cao đầu và trực diện để đối phó : Đây là lối sống được thực hiện bởi Jackie Bouvier Kennedy. Bà đã nói về người chồng quá vãng của bà rằng : "ông ấy cứng cỏi như một khối đá" ; và chính bà cũng như vậy. Jackie đã đứng ra thành lập thư viện John-Kennedy và, dù cho nhiều sự bất hòa đã có từ lâu, nhưng Jackie vẫn tự giữ cho bà vị trí thân cận với "clan " Kennedy đặc biệt là với người em chồng Bob Kennedy.Nhưng vào ngày 6 tháng 6 năm 1968, đến lượt Robert Kennedy vĩnh viễn nằm xuống, nạn nhân của một cuộc mưu sát.

Sau khi bị mất cha của những đứa con bà, lần này Jackie lại bị mất thêm một người, cùng với vợ ông ta, Ethel, là người đã luôn luôn hỗ trợ cho bà trong mọi tình huống. Jackie thật đau khổ và, đây là lần đầu tiên trong đời bà ta, đã tìm trốn bằng những liều thuốc ngủ, thuốc an thần và ngay cả rượu. Nhưng cũng lại rất nhanh chóng, Jackie vượt thoát vòng luẩn quẩn độc hại này và với sự kinh ngạc của tất cả mọi người, bà đã xuất hiện bên cạnh người đàn ông lớn tuổi nhưng đã biết kiên nhẫn chờ đợi bà, giúp đỡ bà, yêu bà theo kiểu cách của ông ta : Aristote Onassis.
Con sói biển già này biết rất nhiều về đàn bà, mối liên hệ náo động giữa ông ta và Maria Callas đã cũng có nhiều sự chê bai của thiên hạ. Năm 1968, chính ông ta đã cũng từng tuyên bố khi đề cập đến Jackie : " Đây là một người đàn bà hoàn toàn không ai có thể hiểu nổi. Cũng có thể chính ngay cả bà ta nữa ". Jackie chưa được 40, trong khi đó ông ta đã vượt quá lục tuần; những lời chê bai bình phẩm và những phản ứng của gia đình Kennedy. Rồi " giao kèo mua bán " cũng được thoả thuận : Ngày 20 tháng 10 năm 1968, Ari và Jackie làm hôn lễ tại Skorpios, hòn đảo đầy ánh mặt trời của họ tại Hy Lạp.Để trả lời một người " bạn gái " đã muốn nói với Jackie rằng sự kết hợp này là một hôn nhân không tương xứng một chút nào, vị hôn thê mới đã trả lời : " Thà như thế cũng còn hơn là tôi phải biến sững thành một bức tượng đá ".
Vị chủ tầu buôn lừng danh đã đối đãi với cô vợ trẻ mới của ông ta như một nữ hoàng, ông đã cho xây cất cho bà vợ này một ngôi biệt thự với 160 phòng , sự rộng rãi của ông không còn một giới hạn nào và bà vợ trẻ này đã xử dụng ...và cũng phải nói là...lạm dụng.
Rồi cũng dần dần theo ngày tháng...người tỷ phú già này đã tự tìm lại cho ông hai chữ tự do, bỏ quên cô vợ bé bỏng người Mỹ để bùng cháy trong ngọn lửa tình đam mê của ông ta , Callas. Đối với ông ta, tình huống rất rõ rệt : " Jackie là một con chim cũng cần thiết sự tự do như sự an toàn. Tôi cống hiến cho bà ấy cả hai thứ đó. Bà ta có thể làm những gì mà bà ấy muốn , lẽ dĩ nhiên tôi cũng như thế. " Lẽ hiển nhiên không cần phải ngờ vực gì nữa, mọi việc đã diễn ra không có vẽ tròn vẹn như mọi người đã nghĩ. Và vào tháng Giêng năm 1973, sự bất hạnh đã xẩy đến : Alexandre, con trai của Aristote, đã tử nạn trong một tai nạn máy bay. Aristote Onassis, kẻ lão luyện già, bị hằn thấu dấu vết đau thương trong tận cùng xương tủy , đã ngã quỵ. Buổi tiệc liên hoan đã chấm dứt cho ông ta vào tháng 3 năm 1975.
Jack Bouvier, John Kennedy, Aristote Onassis. Ba lần thần chết đã đập vào Jackie để một ngày chính bà ta đã phải thốt ra : " Tôi đã sống qua những người đàn ông ".
Cuộc sống tình cảm của Jackie cũng chẳng còn là những chủ đề lớn trên báo chí nữa. Mauric Tempelsman, cố vấn tài chánh và là một người bạn, đã đem lại cho Jackie sự yên ổn và niềm thanh thản. Họ đã sống chung với nhau suốt 14 năm. Mỗi ngày, cặp tình nhân đó bình thản dạo bộ tại Central Park, gần như những kẻ vô danh. Người đàn bà trước đây đã làm một khuôn mặt quan trọng trong lãnh vực thời trang của nữ giới nay không còn bận tâm đến bề ngoài của mình nữa; bà ta làm việc với tư cách một nữ giám đốc văn chương và đóng vai trò một bà ngoại bên cạnh 3 đứa con của Caroline cô con gái : Rose, Tatiana và Jack , 3 đứa trẻ luôn luôn tháp tùng bà ta và Mauric Tempelsman.
Tháng 2 năm 1994, Jackie biết được rằng chứng bệnh ung thư hệ thống mạch bạch huyết đã lan tràn , hủy hoại cơ thể bà . Ngày 19 tháng 5, Jackie từ trần với sự hiện diện của những người thân thuộc. Sự ra đi này dù rằng quá sớm nhưng lại cũng tránh cho bà một bất hạnh lớn lao khác : cái chết bi thương của cậu con trai , John-John.

Cho dù dưới một cái tên hơi xa lạ, Jacqueline Onassis, nhưng vẫn là Jacqueline Kennedy cũng đã trở về đoàn tụ với John Fitzgerald Kennedy, vị cố tổng thống trẻ tuổi nhất bị ám sát của Hoa Kỳ . Và Jackie cũng lại được nằm, lần này vĩnh viễn nằm bên cạnh người chồng và hai đứa con thân qúy của bà trong lúc sinh tiền tại nghĩa trang quốc gia Hoa Kỳ - Arlington . Nói một cách khá ngược đời, đôi khi thì cái chết lại rất êm ái và cũng lại để bảo vệ, để đối kháng với những bất công nhiều lúc thật đau thương mà con người phải hứng chịu trong cuộc sống.

Pháp,19.02.2005

TỪ VŨ

MỤC LỤC

. mối tình mầu hoa đào – truyện ngắn - mang viên long – trang 07.
. khi hạnh phúc mỉm cười – truyện ngắn – hồ thủy – trang 11.
. bâng khuâng hoa trắng – truyện ngắn – nguyễn thị mây – trang 20.
. vũ điệu hiền tế – truyện ngắn – qúy thể – trang 22.
. mưa nước lên – tản bút – vũ kiêm ninh – trang 25.
. sông quê nước chảy đôi dòng – truyện ngắn – dương phương toại – trang 27.
. đàlạt 1956 – thơ – bùi đức long – trang 33.
. em và chim phóng sinh – truyện ngắn – nguyễn ngọc anh – trang 34.
. mùa thu – thơ – hồ chí bửu – trang 36.
. mẹ ơi mẹ ở đâu ? - truyện ngắn – phan – trang 37.
. gốc chay vườn cũ – tùy bút – hoàng gia cương – trang 40.
. duyên & nghiệp – truyện ngắn – trần hữu hội – trang 43.
. chuồn chuồn thơ ấu - thơ – vương hoài uyên – trang 47.
. chuyện của andy – truyện ngắn – trương thị kim chi – trang 48.
. cái đêm – thơ – dung thị vân – trang 55.
. chuyện kể con rồng – truyện kể – phan vịnh – trang 56.
. chim sáo sổ lồng – truyện ngắn – dương leh – trang 61.
. người mang họ mẹ – truyện ngắn – ngô xuân tiếu – trang 64.
. chuyện chưa có hồi kết – truyện ngắn – giang trung học – trang 67.

. đòn gánh mưu sinh ngàn dậm – bút ký – bùi đẹp & lâm trọng – trang 71.
. sương đêm nay – thơ – kiêm thêm – trang 76.
. tổ nghiệp – truyện ngắn – nguyễn văn sâm – trang 77.
. trên chuyến tầu về lại quê năm ấy– hồi ký – lâm bích thủy – trang 81.
. hương cốm – thơ – phan thành minh – trang 83.
. cánh bèo phiêu bạt – truyện ngắn – trần minh nguyệt – trang 84.
. những mảnh vỡ của số phận – truyện ngắn – trịnh tuyên – trang 88.
. du lịch sinh thái mũi né , phan thiết – bút ký – vương liêm – trang 92.
. từ những gánh hàng rong, đến quán xá nhà hàng hà nội – bút ký – vũ thế long – trang 100.
. " dẫu xa muôn trùng ... " – tản bút – phan văn thạnh – trang 105.
. nhớ ! – tản văn – hoàng bích nga – trang 109.
. đất tụ long – truyện ngắn – nam ninh – trang 111.
. ở thanh quýt đôi khi buồn tôi khóc – thơ – nguyễn tam phù sa – trang 126.
. đòn gió – truyện ngắn – nguyễn thăng – trang 127.
. chuyện ngoài chính sử – truyện ngắn – phùng thành chủng– trang 130.
. đôi cánh thiên thần – truyện ngắn – từ kế tường – trang 135.
. nhatrang người về cho tôi nhắn với ... – tùy bút – từ vũ – trang 137.
. chiều thương cho mấy – thơ – trần vấn lệ – trang 141.
. đền tội đền tình – truyện chuyển ngữ – vũ anh tuấn – trang 142.
. bên xưa – thơ – như hoài – trang 150.
. thánh nữ – truyện ngắn – mai thục – trang 151.
. huế với hồn thu tiền chiến – tiểu luận – tiến thảo – trang 154.
. chekov với sân khấu cuộc đời – tiểu luận – võ công liêm – trang 158.
. nhìn lại một nền văn học – tiểu luận – lê hoài nguyên – trang 163.
. huyền trân công chúa – tiểu luận – phạm vũ – trang 165.
. quần thể danh thắng tràng an – ninh bình – biên khảo – bùi đẹp – trang 171.
. những giọt trăng lung linh trong thơ phùng quán – biên luận – huyền viêm - trang 178.
. thơ ngô thì nhậm – tiểu luận – kiều văn – trang 183.
. đàn tam thập lục – tiểu luận – kiêm thêm – trang 187.
. schiller và goethe – biên luận – lương văn hồng – trang 189.
. đến ải chi lăng đọc lương châu từ – bút luận – nguyễn khôi – trang 199.
. phan khôi trong bối cảnh văn học ... - biên luận – thái kế toại – trang 201.
. chuyện kể về huyền thoại jackie kennedy – biên luận – từ vũ – trang 215.
. mục lục – trang 221.

VIỆT VĂN MỚI

số 14

nguyệt san văn học nghệ thuật

phát hành ngày 15 tháng 8 năm 2014

tủ sách việt văn mới newvietart xuất bản

biên tập : từ vũ & nguyễn thị dị

trình bày : emily carlier

bìa : tranh của nữ hoạ sĩ nguyễn thị hiền

trong chủ trương bảo vệ – cũng cố và phát triển văn hoá truyền thống việt nam tuyển tập việt văn mới được phổ biến miễn phí – người đọc có thể ghi thu về máy vi tính hoặc ebook cá nhân của mình hay tự in ấn để lưu trữ .

Tuyện đối không được phổ biến với tính cách thương mại.

việt văn mới

. văn học . nghệ thuật .

VIỆT VĂN MỚI

SỐ 14

15 tháng 8 năm 2014

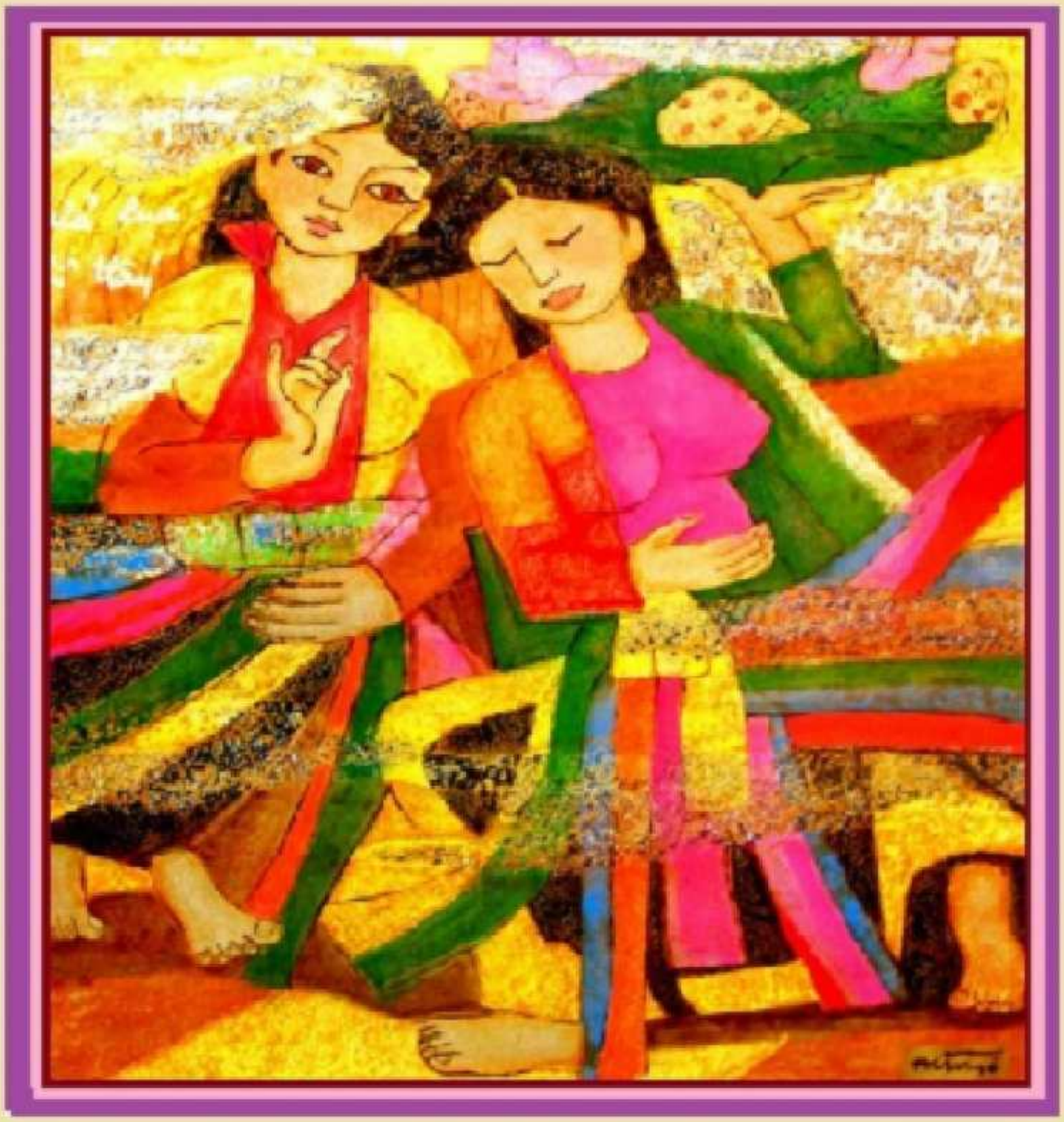

tủ sách việt văn mới

2014